

MẬT MÃ 2a PHÙ THUY

DEBORAH HARKNESS



Mật Mã Phù Thủy Phần 2a

Deborah Harkness

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Mật mã phù thủy 2A

Phần I. Woodstock: Chòi Gác Cổ

2.

3.

4.

5.

6.

7.

Phần II. Sept - Tours và ngôi làng của thánh Lucien

9.

10.

11.

12.

13.

14.

Phần III. London: Blackfriars

16.

17.

18.

19.

20.

21.

Phần I. Woodstock: Chòi Góc Cổ

1.

Chúng tôi đến nơi trong một tư thế chồng chồng khê phù thủy và ma cà rồng chẳng đàng hoàng tẹo nào. Matthew nằm bên dưới người tôi, vị trí đặt đôi chân và hai cánh tay thon dài của anh trông vụng về lúng túng khác thường. Một cuốn sách lớn bị chèn giữa cả hai, và cú tiếp đất này khiến bức tượng nhỏ bằng bạc mà tôi nắm chặt trong tay bị văng qua bên kia sàn nhà.

“Chúng mình đến đúng chỗ chưa?” Mắt tôi vẫn nhắm tịt lại, sợ rằng cả hai vẫn đang trong kho chứa cây hoa bia của dì Sarah tại New York thế kỷ hai mươi một, chứ không phải ở Oxfordshire của thế kỷ mười sáu. Dù vậy, những mùi hương xa lạ đã cho biết tôi không còn ở trong không gian và thời gian của mình nữa. Phảng phất trong đó có mùi hương cỏ ngòn ngọt, kèm với một mùi sáp gợi tôi nhớ về mùa hè. Còn cả mùi khói gỗ và tiếng lửa cháy lách tách.

“Mở mắt ra, Diana, em hãy nhìn xem.” Một bờ môi mát lạnh lướt nhẹ qua má tôi, tiếp theo là tiếng cười khe khẽ. Đôi mắt màu biển đang dậy sóng trên gương mặt trắng nhợt chỉ có thể thuộc về ma cà rồng đang nhìn sâu vào mắt tôi. Đôi tay Matthew lướt từ má xuống hai vai tôi. “Em ổn cả chứ?”

Sau chuyến hành trình dài đi vào quá khứ của Matthew, thân thể tôi đã rời đến nỗi chỉ một luồng gió thổi cũng có thể bung ra từng mảnh bay tung tóe. Cảm giác không giống như sau hàng loạt chuyến du hành thời gian ngắn ngủi lúc còn ở nhà các dì.

“Em khỏe. Còn anh?” Tôi giữ ánh mắt tập trung dán chặt vào Matthew chứ không dám nhìn quanh quất.

“Thật nhẹ nhõm khi được về nhà.” Đầu Matthew ngả ra cái sàn gỗ đánh thịch một tiếng khe khẽ, làm tản ra nhiều hơn hương vị mùa hè từ chất cọ sàn và mùi hoa oải hương ở đó. Ngay cả vào năm 1590, Chòi Góc Cổ vẫn thân thuộc với anh ấy.

Hai mắt tôi dần quen với ánh sáng lờ mờ. Một chiếc giường lớn vượt quá sức tưởng tượng, một cái bàn nhỏ, những chiếc ghế băng hẹp và một chiếc ghế bành đơn xuất hiện trong tầm nhìn. Qua lớp màn trướng giăng quanh giường, tôi thấy một khung cửa nối liền căn phòng này với phòng khác. Ánh sáng từ đó đổ lên tấm ga trải giường và sàn nhà tạo thành khung hình chữ nhật vàng méo mó. Tường phòng cũng được ốp ván, trang trí bằng vải lanh xếp nếp, đẹp y như tôi còn nhớ từ những lần đến thăm nhà Matthew ở Woodstock thời hiện đại. Ngửa đầu ra sau, tôi trông thấy trần nhà được trát thạch cao dày thành những ô vuông, với một bông hồng của nhà Tudor màu đỏ trắng nổi bật nạm vào mỗi khoảng nối giữa chúng.

“Những bông hồng ấy bắt buộc phải có khi xây dựng ngôi nhà này,” Matthew bình phẩm một cách khô khan. “Anh không chịu nổi chúng. Mình sẽ sơn tất cả chúng thành màu trắng ngay khi có thể nhé.”

Những ngọn lửa vàng xanh trên giá nến sáng rực trong góc phòng, nơi đặt một bức thảm trang trí sắc sảo có các đường may óng ánh sẫm màu viền bên ngoài họa tiết những chiếc lá và trái cây trên tấm ga trải giường màu xanh nhạt. Vải dệt hiện đại không có được vẻ đẹp lộng lẫy như thế.

Tôi bất chợt phẩn khích tím tím cười. “Em thật sự đã làm được. Em đã không làm lộn xộn hay đưa chúng mình đến một nơi khác, như Monticello hay...”

“Không,” anh nói với một nụ cười khẳng định chắc chắn, “em đã làm rất tuyệt. Chào mừng tới nước Anh của nữ hoàng Elizabeth.”

Lần đầu tiên trong đời, tôi hoàn toàn hài lòng khi là một phù thủy. Là sử gia, tôi nghiên cứu quá khứ. Nhưng nhờ thân phận phù thủy, tôi có thể thực sự viếng thăm quá khứ. Chúng tôi tới năm 1590 để tôi tra cứu những pháp thuật đã thất truyền, nhưng ở nơi đây tôi có thể học được nhiều điều hơn thế. Tôi cúi đầu để tặng anh một nụ hôn ghi nhớ dịp này, nhưng tiếng mở cửa đã ngăn tôi lại.

Matthew đặt một ngón tay lên môi tôi. Đầu anh hơi xoay qua, hai cánh mũi phập phồng. Về căng thẳng biến mất khi anh nhận ra ai đang ở căn phòng bên cạnh, tôi có thể nghe thấy tiếng sột soạt phát ra khe khẽ từ đó. Matthew nhẹ nhàng nâng cả tôi và cuốn sách lên. Anh cầm tay tôi và dẫn tới cánh cửa.

Trong căn phòng bên cạnh, một người đàn ông với mái tóc nâu rối bù đang đứng cạnh chiếc bàn rải đầy thư từ. Anh ta có vóc dáng trung bình, bộ quần áo được cắt may gọn ghẽ ôm sát người, trông khá đắt tiền. Giai điệu anh ta ngâm nga rất lạ, đôi lúc có những từ quá trầm khiến tôi không nghe rõ.

Một cơn choáng váng ngạc nhiên thoáng hiện trên mặt Matthew trước khi môi anh cong lên thành nụ cười trêu mếu.

“Anh đã ở đâu thế, Matt yêu quý của tôi?” Người đàn ông cầm một trang giấy giơ lên trước ánh sáng, hai mắt Matthew nheo lại, vẻ khó chịu thay thế sự trêu mếu độ lượng.

“Đang tìm thứ gì đó, Kit?” Trước những lời của Matthew, người đàn ông thả tờ giấy rơi thẳng xuống bàn, nét vui sướng thấp sáng cả gương mặt anh ta. Tôi đã từng thấy khuôn mặt này, trên bản in cuốn *The Jew of Malta* của Christopher Marlowe.

“Matt! Pierre nói anh đang ở Chester và có thể không về nhà. Nhưng tôi biết anh sẽ không để lỡ buổi tụ hội thường niên của chúng ta đâu mà.” Những từ ngữ này vừa quen thuộc nhưng lại được khoắc lên một ngữ điệu kỳ lạ khiến tôi chú ý vào cách anh ta đang nói thay vì hiểu chúng. Tiếng Anh dưới thời Elizabeth không giống thời hiện đại, nhưng cũng không dễ hiểu như tôi hy vọng, dựa trên hiểu biết của tôi với những tác phẩm kịch của Shakespeare.

“Râu của anh đâu cả rồi? Anh bị ốm à?” Đôi mắt Marlowe long lanh hơn khi chiếu tướng vào tôi, nó gây ra một áp lực căng thẳng cho thấy một điều không thể nhầm lẫn: anh ta là một yêu tinh.

Tôi nén sự thôi thúc muốn lao về phía một trong những nhà viết kịch vĩ đại nhất nước Anh và bắt tay anh ta trước khi dồn dập hỏi một tràng. Chút thông tin ít ỏi tôi từng biết về người này đã bốc hơi khỏi đầu ngay khi anh ta đứng trước mặt tôi. Cổ vở kịch nào của Marlowe được trình diễn vào năm 1590 không nhỉ? Anh ta bao nhiêu tuổi? Trẻ hơn Matthew và tôi, dĩ nhiên rồi. Marlowe không thể hơn ba mươi được. Tôi mỉm cười ầm ập với anh ta.

“Anh tìm thấy cái đó ở đâu thế hả?” Marlowe hỏi, giọng nói nhuốm đầy sự khinh miệt. Tôi ngoảnh lại, nhìn qua vai mình, mong chờ được thấy một tác phẩm nghệ thuật gớm ghiếc nào đó. Chẳng có gì ngoài một khoảng không.

Hóa ra anh ta ám chỉ tôi. Nụ cười của tôi lập tức cứng đờ.

“Lịch sự nào, Kit,” Matthew quắc mắt đầy giận dữ.

Marlowe nhún vai rũ bỏ lời khiển trách đó. “Không vấn đề gì. Hãy lấy mọi thứ anh cần ở cô ả trước khi những người khác tới, nếu anh phải làm thế. George đã ở đây được một lúc rồi, dĩ nhiên, đang ăn đồ ăn của anh và đọc sách của anh. Gã này vẫn không có người bảo trợ và tên tuổi của hắn chẳng đáng một xu.”

“George thoải mái dùng bất cứ thứ gì tôi có, Kit.” Matthew vẫn không rời mắt khỏi người đàn

ông trẻ, gương mặt vô cảm khi anh kéo những ngón tay đang bện chặt với nhau của chúng tôi đưa lên môi. “Diana, đây là bạn thân của anh, Christopher Marlowe.”

Lời giới thiệu của Matthew càng khiến Marlowe dò xét công khai hơn. Ánh mắt của anh ta trườn từ ngón chân lên tới đỉnh đầu tôi. Sự khinh thường của người đàn ông này thể hiện một cách rõ rệt, sự ghen tỵ thì được che giấu tốt hơn. Marlowe quả thật đang yêu chồng tôi. Tôi đã nghi ngờ ngay lúc còn ở Madison khi lướt ngón tay trên lời đề tặng của anh ta trong cuốn sách Doctor Faustus của Matthew.

“Tôi không biết ở Woodstock có nhà thổ chuyên chứa những ả đàn bà quá khổ đấy. Hầu hết những ả gái điếm của anh đều mong manh và quyến rũ cơ mà, Matthew. Đây trông như một chiến binh Amazon ấy nhỉ” Kit khịt mũi tỏ vẻ khinh thường, ngoái nhìn qua vai về phía những giấy tờ lộn xộn rải rác trên bàn. “Theo như thông tin mới nhất của ông lão Fox thì chính công việc chứ không phải thói trăng hoa đã kéo anh tới miền Bắc. Thời gian đâu để cô ả phục vụ anh hả?”

“Lần này là ngoại lệ đấy nhé, Kit, anh bạn mới dễ dàng phung phí cảm tình làm sao,” Matthew lè nhè nói, trong ngữ điệu có một nốt cảnh cáo. Marlowe, dường như định đáp lại, anh chàng không nhận ra sự cảnh cáo đó nên lại cười tự mãn. Các ngón tay Matthew siết chặt lấy tay tôi.

“Diana có phải là tên thật của cô ta không, hay nó được đặt để làm tăng thêm sức cảm dỗ đối với đám khách hàng? Có lẽ một bên ngực phải để trần, hoặc một cây cung và mũi tên chẳng hạn,” Marlowe gợi ý, vừa nói vừa nhặt một trang giấy. “Còn nhớ khi Blackfriars Bess yêu cầu chúng ta gọi cô ta là Aphrodite trước khi cô ta để chúng ta...”

“Diana là vợ tôi.” Matthew đã biến mất khỏi vị trí bên cạnh tôi, bàn tay anh không còn bao bọc tay tôi nữa mà đang siết lấy cổ áo của Marlowe.

“Không.” Gương mặt Kit hiện rõ vẻ bàng hoàng.

“Đúng thế đấy. Điều đó có nghĩa cô ấy là bà chủ của ngôi nhà này, mang họ của tôi và ở dưới sự bảo vệ của tôi. Vì lẽ đó – và vì tình bạn lâu dài của chúng ta – trong tương lai, đừng để một lời bình phẩm hay xì xào nào chống lại đức hạnh của cô ấy được thốt ra từ miệng anh bạn nữa.”

Tôi ngo nguậy mấy ngón tay để khôi phục lại cảm giác của chúng. Con giận dữ đè nén từ cái nắm siết của Matthew làm cho chiếc nhẫn trên ngón tay thứ ba bên bàn tay trái của tôi hằn vào da thịt, để lại một vết đỏ mờ mờ. Dù thiếu những mặt đá, nhưng viên kim cương ở trung tâm vẫn bắt được hơi nóng của ánh lửa. Chiếc nhẫn là một món quà bất ngờ từ mẹ Matthew, Ysabeau. Vài giờ trước – vài thế kỷ trước? Vài thế kỷ sắp tới? – Matthew đã lặp lại những lời thề trong nghi lễ kết hôn cổ xưa và luồn chiếc nhẫn kim cương này vào ngón tay tôi.

Với tiếng chén đĩa lách cách, hai ma cà rồng khác xuất hiện trong phòng. Một người đàn ông mảnh khảnh với gương mặt gợi cảm, làn da phong trần có màu quả phỉ, mái tóc và đôi mắt màu đen. Anh ta đang bung một bình rượu vang cùng một chiếc ly có chân để hình cá voi, chiếc bát cân bằng trên đuôi nó. Người còn lại là một phụ nữ gầy gò xương mang theo đĩa lớn đựng bánh mì và bơ.

“Ngài đã về, milord,” người đàn ông nói bộc lộ sự lúng túng. Thật kỳ quặc, trọng âm Pháp càng khiến giọng anh ta dễ hiểu hơn. “Người đưa tin hôm thứ Năm nói...”

“Kế hoạch của ta đã thay đổi, Pierre.” Matthew quay sang người phụ nữ. “Tư trang của vợ ta đã bị mất trong chuyến đi, Françoise, và quần áo cô ấy vẫn mặc quá bẩn nên ta đã đốt chúng rồi.” Anh nói dối cùng vẻ tự tin đầy lộ liễu. Không ai trong hai ma cà rồng lẫn Kit có vẻ bị thuyết phục bởi lời giải thích đó.

“Vợ của ngài?” Françoise nhắc lại, trọng âm Pháp trong giọng nói cũng giống y như Pierre.

“Nhưng cô ta là một ph...”

“Sinh vật máu nóng,” Matthew nói nốt câu, nhắc cái ly từ trên khay. “Báo với Charles là thêm một suất nữa. Diana không được khỏe nên phải có thịt tươi và cá theo lời khuyên của bác sĩ. Ai đó sẽ phải đi chợ, Pierre.”

Pierre chớp mắt. “Vâng, milord.”

“Và bà ấy cần thứ gì đó để mặc,” Françoise nhận xét, mắt nhìn tôi dò xét. Khi Matthew gạt đầu, cô ta liền biến mất, Pierre sực tỉnh và đi theo.

“Chuyện gì xảy ra với tóc của em thế?” Matthew giơ lên một lọn tóc vàng quăn màu dâu tây.

“Ôi, không,” tôi lăm bầm và giơ hai bàn tay lên. Thay vì mái tóc màu vàng hoe dài chấm vai bình thường, giờ đây chúng biến thành những lọn xoắn tít màu vàng kim ánh đỏ vươn tới eo. Lần cuối cùng mái tóc tôi tự thay đổi là khi tôi ở trường đại học, đóng vai Ophelia trong vở kịch Hamlet. Thỉnh thoảng sự phát triển thần tốc và đổi màu khác thường của nó không phải là dấu hiệu tốt. Cô phù thủy trong tôi đã thức tỉnh từ cuộc du hành quay về quá khứ này. Không thể biết được liệu còn pháp thuật nào khác được giải phóng ra nữa không đây.

Các ma cà rồng có lẽ đã ngửi thấy mùi adrenaline cùng nỗi lo lắng bất chợt lên đến đỉnh điểm đi liền với phát hiện này, hoặc nghe thấy tiếng nhạc ngân nga trong máu tôi. Nhưng yêu tinh như Kit có thể cảm thấy năng lượng phù thủy dâng lên.

“Lay Chúa trong mộ.” Nụ cười của Marlowe đầy vẻ hiểm ác. “Anh đã mang về nhà một phù thủy. Cô ta đã làm cái quỷ gì thế?”

“Đây không phải việc của anh.” Giọng Matthew như ra lệnh, nhưng các ngón tay anh vẫn dịu dàng trên tóc tôi. “Đừng lo lắng, mon coeur. Anh chắc chắn không có chuyện gì ngoài việc em bị kiệt sức.”

Giác quan thứ sáu của tôi ngay lập tức không tán thành lời an ủi đó. Lần biến đổi mới nhất này không thể chỉ giải thích bằng tình trạng mệt mỏi đơn thuần. Là người có dòng dõi phù thủy, tôi vẫn không chắc chắn về toàn bộ sức mạnh được thừa hưởng của mình. Ngay cả dì Sarah của tôi và người bạn đời của dì, Emily Mather – cả hai đều là phù thủy – cũng không thể nói rõ được chúng là gì hay cách tốt nhất để điều khiển chúng. Các thí nghiệm khoa học của Matthew đã tiết lộ những điểm di truyền về khả năng tiềm ẩn pháp thuật trong máu tôi, nhưng không có gì đảm bảo khi nào hay liệu những khả năng đó có bao giờ thể hiện ra.

Trước khi tôi có thể rầu rĩ lo lắng hơn, Françoise đã trở lại với vài thứ trông như kim khâu, miệng cô ta ngậm mấy chiếc đinh ghim chĩa ra tua tua. Một ngọn núi di động nào hung, len và vải lanh đi bên cạnh. Đôi chân dài thon thả màu nâu lộ ra từ dưới đồng đồ ấy cho thấy Pierre đã bị chôn vùi ở đâu đó bên trong.

“Chúng để làm gì thế?” Tôi nghi ngờ hỏi, chỉ vào chỗ ghim cài.

“Dĩ nhiên là để làm madame vừa với thứ này rồi.” Françoise lôi ra một món đồ may màu nâu xỉn trông giống cái bao bố đựng bột mỳ từ trên đỉnh đồng quần áo. Nó rõ ràng không phải một lựa chọn ưng ý, nhưng với chút kiến thức ít ỏi về thời trang thời Elizabeth thì tôi đành phó mặc cho cô ta.

“Đi xuống lầu, về chỗ của anh đi, Kit,” Matthew nói với bạn mình. “Chúng tôi sẽ xuống nhập hội với các anh ngay thôi. Và giữ mồm giữ miệng đấy. Đây là chuyện của tôi, tôi sẽ tự kể, không phải chuyện của anh đâu.”

“Như anh muốn, Matthew.” Marlowe kéo đường viền chiếc áo chèn màu dâu chín, cử chỉ hững

hờ trể nải của anh ta hoàn toàn trái ngược với đôi bàn tay run rẩy và một cái khế cúi đầu chào nhạo báng. Hành động thỏa hiệp đó vừa thể hiện việc nhận thức rõ mệnh lệnh của Matthew lại vừa ngầm chống đối nó.

Khi Marlowe đi rồi, Françoise trải cái bao bố lên một chiếc ghế băng bên cạnh và đi vòng quanh, nghiên cứu dáng người tôi để quyết định kiểu dáng trang phục thích hợp nhất. Rồi với một tiếng thở dài nặng nề, cô nàng ma cà rồng bắt đầu mặc đồ cho tôi. Matthew tiến tới bên chiếc bàn và chú ý đến đồng giấy tờ chất ngất trên đó. Anh mở một cái gói nhỏ hình chữ nhật được gói và niêm phong gọn gàng bằng một giọt xi hồng, phóng mắt qua tờ giấy viết tay bé xíu.

“Dieu. Ta quên mất chuyện đó. Pierre!”

“Milord?” Một tiếng nói nghèn nghẹt cất lên từ dưới đồng vải vóc.

“Đặt cái đó xuống rồi kể cho ta về lời phàn nàn mới nhất của quý bà Cromwell nào.” Matthew đối xử với Pierre và Françoise bằng sự pha trộn giữa thân mật và uy nghiêm. Nếu đây là cách người ta đối đãi với đầy tớ thì tôi sẽ phải mất chút thời gian để có thể nắm bắt được nghệ thuật này.

Cả hai thì thầm trao đổi cạnh lò sưởi trong khi tôi bị ghim và bó chặt vào trong một thứ trông có vẻ coi được. Françoise lau bầu về chiếc khuyên tai duy nhất của tôi, một sợi vàng xoắn bện treo những viên đá quý vốn thuộc về Ysabeau. Giống như bản in cuốn Doctor Faustus của Matthew và bức tượng nữ thần Diana nhỏ bằng bạc, chiếc khuyên tai này là một trong ba món đồ giúp chúng tôi quay về thời điểm quá khứ cụ thể này. Françoise lục lọi trong chiếc tủ búp phê cạnh đó và dễ dàng tìm thấy thứ phù hợp với nó. Đồ trang sức của tôi đã được phân loại, cô ta luồn đôi tất dày lên quá đầu gối tôi và buộc chúng lại bằng những dải ruy băng màu đỏ tươi.

“Em nghĩ mình đã sẵn sàng,” tôi nói, háo hức được xuống lầu để bắt đầu chuyến viếng thăm thế kỷ mười sáu. Việc đọc các cuốn sách về thời điểm này không giống với việc trải nghiệm nó, ví như sự gập gở ngăn ngủ này giữa tôi và Françoise hay cách tôi nhào vào diện thứ trang phục của thời kỳ phục hưng.

Matthew ngắm tôi một lượt. “Giờ có vẻ được rồi đấy.”

“Còn hơn cả được ấy chứ, vì bà trông thật thời thượng và ấn tượng,” Françoise nói, “một phù thủy nên thế trong ngôi nhà này.”

Matthew phớt lờ lời tuyên bố của Françoise, và quay sang tôi. “Trước khi chúng ta đi xuống, Diana, hãy nhớ cẩn thận trong lời ăn tiếng nói. Kit là một yêu tinh, còn George thì biết anh là ma cà rồng, nhưng cho dù có đầu óc phóng khoáng nhất trong các sinh vật khác người đi nữa thì họ cũng sẽ cảnh giác với kẻ lạ và khác biệt.”

Đi xuống đại sảnh, tôi ước gì George, người bạn không một xu dính túi cũng như không được bảo trợ của Matthew, là người trọng lễ nghi và tôi hy vọng sẽ có một buổi tối tốt lành theo phong cách thời Elizabeth đúng nghĩa.

“Người phụ nữ đó đang nói tiếng Anh ư?” George thở hắt ra, tay giơ cặp mục kính có hai mắt kính tròn xoe lên làm khuếch đại đôi mắt ếch màu xanh lơ của anh ta. Tay kia chống nạnh trong tư thế hệt như trên một bức tiểu họa tôi trông thấy ở bảo tàng Victoria và Albert.

“Cô ấy sống ở Chester,” Matthew vội nói. George tỏ vẻ hoài nghi. Xét qua thì thậm chí cả những vùng hoang vu phía bắc Anh Quốc cũng không thể giải thích cho cách nói kỳ quặc của tôi. Trọng âm mà Matthew đang nói ngày càng êm ái phù hợp hơn với ngữ điệu và âm sắc của thời đại này, nhưng giọng của tôi vẫn mang âm điệu hiện đại đầy chất Mỹ.

“Cô ấy là phù thủy,” Kit đính chính, rồi nhấp một ngụm rượu vang.

“Thật sao?” George sầm soi tôi cùng niềm hứng thú mới mẻ. Không có cú thúc nào cho thấy người đàn ông này là yêu tinh, cũng không có những cơn râm ran của phù thủy, hay sự tiếp xúc lạnh buốt từ cái nhìn của một ma cà rồng. George chỉ là một con người máu nóng bình thường, có vẻ ngoài tầm trung tuổi, một mối như thể cuộc đời đã gặm mòn anh ta. “Nhưng so với Kit, anh cũng chẳng thích phù thủy hơn là bao, Matthew. Anh vẫn luôn can ngăn tôi đề cập đến chủ đề này mà. Khi tôi định viết một bài thơ về Hecate, anh đã bảo tôi...”

“Tôi thích cô phù thủy này. Nhiều đến mức tôi đã cưới cô ấy,” Matthew cắt ngang, đặt một nụ hôn kiên quyết lên môi tôi như để thuyết phục anh ta.

“Cưới cô ta!” Mắt George liếc xéo sang Kit. Anh ta húng hắng giọng. “Vây là có hai niềm vui bất ngờ để ăn mừng: Anh đã không bị công việc làm trì hoãn như Pierre nghĩ, và anh đã trở về với chúng tôi cùng một người vợ. Xin hãy nhận lời chúc mừng của tôi.” Giọng điệu trang trọng phô trương của anh ta gợi cho tôi nhớ đến buổi lễ phát bằng tốt nghiệp đại học, tôi cố nhin cười. George cười toe toét với tôi để đáp lại và cúi đầu chào. “Tôi là George Chapman, thừa bà Roydon.”

Tên anh ta nghe rất quen. Tôi lướt qua kho kiến thức lộn xộn trong bộ não sử gia của mình. Chapman không phải là một nhà giả kim thuật, đó là chuyên ngành nghiên cứu của tôi và tôi cũng không tìm thấy tên của anh ta trong khoảng dành cho danh mục nghề nghiệp bí truyền. Anh chàng là một nhà văn khác, như Marlowe, nhưng tôi không thể nhớ ra được bất cứ danh xưng nào.

Khi chúng tôi bỏ qua thủ tục giới thiệu, Matthew đồng ý ngồi trước lò sưởi một lát với mấy người khách của anh. Cánh đàn ông nói về chính trị và George cố gắng kéo tôi vào cuộc trò chuyện bằng cách hỏi về tình trạng đường xá hay thời tiết. Tôi trả lời ít nhất có thể rồi cố gắng quan sát đôi chút cung cách nói chuyện cũng như lối lựa chọn từ ngữ, điều đó sẽ giúp tôi ra dáng một thần dân dưới thời nữ hoàng Elizabeth. George hài lòng với sự tập trung chú ý của tôi và tưởng thưởng nó bằng một bài diễn văn dài về những nỗ lực sáng tác văn chương mới nhất của anh ta. Còn Kit, người không mấy thích thú khi bị gạt ra ngoài lề làm vai phụ, đã khiến bài thuyết giảng của George phải dừng hẳn lại bằng cách đề nghị đọc to cuốn Doctor Faustus.

“Chỉ thích hợp với chúng ta thôi,” chàng yêu tinh nói, ánh mắt lấp lánh, “vào một buổi trình diễn thực sự nào đó sau này nhé.”

“Không phải bây giờ, Kit. Đã quá nửa đêm rồi, và Diana cũng đã thăm mệt sau chuyến đi,” Matthew nói, rồi kéo tôi đứng dậy.

Ánh mắt Kit vẫn không rời khỏi cả hai cho tới khi tôi cùng Matthew ra khỏi phòng. Anh ta biết chúng tôi đang che giấu điều gì đó. Anh ta bắt lấy từng cách dùng thành ngữ lạ khi tôi tham gia vào cuộc nói chuyện và trở nên dăm chiêu khi Matthew không thể nhớ cây đàn lút của mình được cất giữ ở đâu.

Matthew đã cảnh báo trước khi chúng tôi rời Madison rằng Kit hẳn cảm một cách khác thường, cho dù là với một yêu tinh đi nữa. Tôi băn khoăn sẽ mất bao lâu trước khi Marlowe đoán ra điều gì đang được che giấu. Câu trả lời cho thắc mắc của tôi đến chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ.

Sáng hôm sau, chúng tôi vẫn đang nằm trên chiếc giường ấm áp trong khi cả ngôi nhà đã xôn xao huyền ảo.

Ban đầu, Matthew sẵn sàng trả lời các câu hỏi của tôi về Kit (hóa ra anh ta là con trai một thợ đóng giày) và George (người chẳng già hơn Marlowe là mấy, điều đó khiến tôi ngạc nhiên.) Tuy nhiên, khi tôi quay sang các vấn đề thực hành quản lý ngôi nhà và phong thái cử chỉ của phái nữ thì anh nhanh chóng chán ngấy.

“Thế còn quần áo của em thì sao?” Tôi hỏi, cố kéo anh tập trung vào những lo lắng tức thời của tôi.

“Anh không nghĩ phụ nữ đã kết hôn lại ngủ với mấy thứ đó,” Matthew nói, tay kéo cái áo ngủ đẹp đẽ bằng vải lanh của tôi. Anh tháo nút buộc đường diềm cổ áo xếp nếp và chuẩn bị đặt một nụ hôn bên dưới tai tôi để thuyết phục tôi theo quan điểm của anh thì có ai đó vén mấy tấm rèm quanh giường ra. Tôi nheo mắt lại bởi ánh sáng mặt trời.

“Á à?” Marlowe lên tiếng.

Một yêu tinh thứ hai, đen nhẻm nhòm vào qua vai Marlowe. Anh ta ăn khớp với hình ảnh một yêu tinh nghịch ngợm, quý quái cùng thân hình mảnh khảnh và cái cằm nhọn, được nhấn thêm bằng bộ râu màu vàng nâu sắc cạnh không kém. Tóc anh ta hẳn là không được chải hàng tuần lễ rồi. Tôi túm vôi lấy phần trước của cái áo ngủ, hoàn toàn ý thức được độ trong suốt của nó cũng như tình trạng thiếu đồ lót trên người mình.

“Anh bạn đã trông thấy mấy bức vẽ của ông White đến từ Roanoke rồi mà, Kit. Cô phù thủy này trông chẳng có gì giống với thổ dân vùng Virginia cả,” yêu tinh lạ mặt đáp lại vẻ thất vọng. Sau đó, anh ta để ý thấy Matthew, chàng ma cà rồng đang trừng mắt nhìn gã bạn. “Ồ. Buổi sáng tốt lành, Matthew. Anh sẽ cho phép tôi mượn mô hình máy bay của anh chứ? Tôi hứa lần này sẽ không mang nó ra sông nữa.”

Matthew hạ trán xuống vai tôi và nhắm mắt lại kèm một tiếng rên rĩ.

“Cô ta chắc chắn phải đến từ Tân Thế Giới hoặc châu Phi,” Marlowe khẳng định, từ chối nhắc đến tên tôi. “Cô ta không phải đến từ Chester, cũng không phải từ Scotland, Ireland, Wales, Pháp, hay Đế chế. Tôi không tin cô ta là người Hà Lan hay Tây Ban Nha.”

“Chào buổi sáng, Tom. Liệu có lý do nào để anh và Kit phải thảo luận về nơi sinh của Diana ngay lúc này và ở trong phòng ngủ của tôi không?” Matthew buộc lại diềm cổ áo ngủ cho tôi.

“Thật sung sướng khi nằm ườn trên giường, thậm chí nếu anh bạn có mất trí vì sốt rét. Kit nói anh bạn chắc hẳn đã cưới cô phù thủy này giữa một cơn sốt tồi tệ. Nếu không thì chẳng có cách nào lý giải được cho sự khinh suất này cả.” Tom huyền thuyên theo phong cách đích thực của yêu tinh, chẳng buồn trả lời câu hỏi của Matthew. “Đường xá khô ráo, và chúng tôi đã đến được mấy tiếng trước rồi.”

“Rượu vang cũng đã hết,” Marlowe than phiền.

“Chúng tôi?” Còn nhiều người như họ nữa ư? Chòi Gác Cổ có cảm giác như đã bị lèn chặt đến mức nổ tung rồi.

“Ra ngoài! Madame phải tắm rửa trước khi chào hỏi các quý ngài.” Françoise bước vào phòng với một cái chậu nghi ngút hơi nước trên tay. Pierre, như thường lệ, bám theo phía sau.

“Có chuyện gì quan trọng đã xảy ra thế?” George cất tiếng hỏi từ phía sau mấy tấm rèm. Anh ta đã vào phòng mà không thông báo trước, càng làm tăng thêm nỗ lực của Françoise nhằm dồn lũ đàn ông kia ra khỏi phòng. “Đức ngài Northumberland đã bị bỏ lại một mình trong đại sảnh. Nếu ông ấy là nhà bảo trợ của tôi, thì tôi sẽ không đối xử với ông ấy như thế!”

“Hal đang đọc một luận thuyết về cấu trúc cân bằng được nhà toán học ở Pisa gửi đến cho tôi. Ông ấy khá hài lòng,” Tom cúi kính đáp lại, ngồi ghé lên mép giường.

Anh ta chắc hẳn đang nói về Galileo, tôi nhận ra với cảm giác phấn khích. Vào năm 1590, Galileo đã đạt được cấp bậc giáo sư ở trường đại học tại Pisa. Công trình của ông về sự cân bằng đã không được xuất bản – vẫn chưa.

Tom. Đức ngài Northumberland. Một ai đó có thư từ qua lại với Galileo.

Miệng tôi há hốc ra vì kinh ngạc. Chàng yêu tinh vất vẻo trên tấm mền bông phủ giường kia chắc hẳn là Thomas Harriot.

“Ra ngoài. Tất cả các người,” Matthew quát lên, nghe như nhắm vào Tom.

“Thế chúng tôi nên nói gì với Hal?” Kit hỏi, đánh mắt liếc về phía tôi đầy ẩn ý.

“Rằng tôi sẽ xuống ngay đây,” Matthew đáp. Anh lật người và kéo tôi sát lại gần.

Tôi đợi cho tới khi bạn bè của Matthew đã rút ra khỏi phòng mới dấm thùm thụp vào ngực anh.

“Cái đó là vì chuyện gì hả?” Anh nhăn nhó giả vờ đau đớn, nhưng chỗ bị thâm tím lại là nắm tay của tôi.

“Vì không nói cho em biết bạn bè của anh là ai!” Tôi nhóm người dậy chống trên một khuỷu tay và chăm chăm nhìn xuống anh. “Kịch gia vĩ đại Christopher Marlowe. George Chapman, nhà thơ và học giả. Nhà toán học và thiên văn học Thomas Harriot, nếu em không nhầm. Và ngài Bá Tước Pháp Sư đang đợi ở dưới lầu!”

“Anh không thể nhớ Henry kiếm được cái biệt danh ấy từ bao giờ, nhưng chẳng ai gọi anh ta như thế cả.” Matthew trông có vẻ thích thú, điều này chỉ càng khiến tôi thêm tức giận.

“Tất cả những gì chúng ta cần là ngài Walter Raleigh và chúng ta sẽ có toàn bộ Bè lũ Bóng đêm trong ngôi nhà này.” Matthew nhìn ra cửa sổ lúc tôi nhắc tới cái nhóm người huyền thoại toàn những nhân vật cấp tiến, triết gia, và những kẻ có tư duy tự do. Thomas Harriot. Christopher Marlowe. George Chapman. Walter Raleigh. Và...

“Vậy anh là ai, Matthew?” Tôi đã không nghĩ ra phải hỏi anh trước khi chúng tôi tới đây.

“Matthew Roydon,” anh đáp, hơi nghiêng đầu lịch thiệp, như thể đến bây giờ chúng tôi mới được giới thiệu với nhau. “Bạn của những nhà thơ.”

“Các sử gia hầu như không biết gì về anh cả,” tôi ngạc nhiên nói. Matthew Roydon là nhân vật bí ẩn nhất kết nối Bè lũ Bóng đêm kỳ bí này.

“Em không bất ngờ, đúng không, giờ em đã biết Matthew Roydon thật sự là ai rồi phải không?” Hàng lông mày đen lầy của anh nhướng lên.

“Ồ, em đã ngạc nhiên đủ cho cả phần đời còn lại rồi. Anh đáng lẽ có thể báo cho em biết trước khi lôi em vào giữa tất cả chuyện này.”

“Biết rồi thì em sẽ làm gì nào? Chúng ta chỉ có vừa đủ thời gian để thay quần áo trước khi rời đi, đừng bận tâm sắp đặt một dự án nghiên cứu.” Anh ngồi dậy và thả cặp chân dài đứng xuống sàn. Khoảng thời gian riêng tư của chúng tôi ngắn ngủi đến thảm thương. “Không có lý do gì để em lo lắng cả. Họ chỉ là những người đàn ông bình thường thôi, Diana.”

Dù Matthew có nói gì đi nữa thì cũng chẳng có gì bình thường ở họ cả. Bè lũ Bóng đêm nắm giữ những quan điểm dị giáo, nhạo báng triều đình tham những ăn hối lộ của Nữ hoàng Elizabeth, và che giấu những kẻ được kỳ vọng là thông thái của nhà thờ cũng như trường đại học. “Điên rồ, xấu xa và nguy hiểm” là những từ ngữ miêu tả hoàn hảo về nhóm người này. Chúng tôi đã không tham dự cuộc sum họp đầm ấm của những người bạn vào đêm Halloween. Chúng tôi đã rơi vào cái tổ tò vò của một hội ngầm dưới thời đại Elizabeth.

“Gạt qua một bên chuyện các bạn anh có thể liêu lĩnh tới mức nào, anh không thể trông mong

vẻ thờ ơ khi giới thiệu em với những người mà em đã dành cả cuộc đời trưởng thành của mình để nghiên cứu về họ,” tôi nói. “Thomas Harriot là một trong những nhà thiên văn học lỗi lạc nhất thời đại này. Người bạn Henry Percy của anh là một nhà giả kim thuật.” Pierre, đã quen với các dấu hiệu của phụ nữ đang kích động, vội vàng đẩy một cái quần chèn cho chồng tôi để anh chàng không phải ở trường khi cơn giận dữ của tôi phun trào.

“Vậy là Walter và Tom.” Matthew phớt lờ bộ quần áo được đưa cho và gãi gãi cằm. “Kit học đòi nữa, dù chẳng có thành công nào cả. Cố gắng đừng dừng lại ở những gì em biết về họ. Nhân tiện, nó có thể sai đấy. Và em cũng nên cẩn thận với mấy cuốn sách lịch sử thời hiện đại của em,” anh tiếp tục, cuối cùng cũng túm lấy cái quần chèn rồi xỏ chân vào. “Will bịa ra chuyện về Bè lũ Bóng đêm như một nhát đâm bị thóc chọc bị gạo đối với Kit, nhưng chưa phải trong vài năm tới.”

“Em không quan tâm William Shakespeare đã, đang và sẽ làm gì trong tương lai – miễn là ông ta không có mặt ngay bây giờ trong tiền sảnh cùng với Bá tước vùng Northumberland!” Tôi vịn người, trượt xuống khỏi chiếc giường cao.

“Dĩ nhiên Will không có ở dưới đó.” Matthew phẩy tay về tùy tiện. “Walter không chấp nhận tư cách của anh ta, còn Kit thì nghĩ anh ta là một tay viết văn thuê và một tên kẻ cắp.”

“À, vậy thì may quá rồi. Anh định nói về em với họ như thế nào? Marlowe biết chúng mình đang giấu giếm chuyện gì đó.”

Đôi mắt màu xanh xám của Matthew bắt gặp mắt tôi. “Sự thật, anh cho là thế.” Pierre đưa cho anh một chiếc áo chèn – màu đen, với lớp lót may cầu kỳ – và nhìn chăm chăm vào một điểm cố định phía trên vai tôi, hình mẫu chuẩn mực của một người hầu tốt. “Rằng em là người du hành vượt thời gian và là phù thủy đến từ Tần Thế Giới.”

“Sự thật,” tôi lặp lại đều đều. Pierre có thể nghe thấy mọi lời nhưng vẫn chẳng biểu lộ phản ứng nào, còn Matthew thì phớt lờ như thể anh ta hoàn toàn vô hình. Tôi băn khoăn không biết liệu mình có ở đây đủ lâu để quen với việc lãng quên sự hiện diện của ma cà rồng này không.

“Tại sao không? Tom sẽ ghi lại mọi điều em nói và so sánh nó với những ghi chú của anh ta về ngôn ngữ Algoquian. Nếu không thì chẳng có ai để ý lắm đâu.” Matthew dường như quan tâm đến quần áo hơn là phản ứng của bạn bè anh.

Françoise quay trở lại với hai phụ nữ trẻ máu nóng mang theo những bộ quần áo sạch. Cô ta ra dấu về phía đồ ngủ của tôi, và tôi thụp xuống sau cột giường để cởi áo. Thật lấy làm biết ơn khoảng thời gian ở phòng đặt tủ để đồ, tôi đã ép ra hết thói e ngại khi phải thay đồ trước mặt người lạ, tôi kéo chiếc váy lạnh lên trên hông và luồn qua vai.

“Kit sẽ làm thế. Anh ta vẫn đang tìm kiếm một lý do để ghét em, và chuyện này sẽ mang đến cho anh ta vài lý do đấy.”

“Anh bạn đó không phải là vấn đề,” Matthew tự tin nói.

“Marlowe là bạn anh hay là con rối của anh?” Tôi vẫn đánh vật để thoát khỏi mớ vải vóc kia, đúng lúc có tiếng thở gấp kinh hãi và một giọng ghen ngào “Mon Dieu.”

Tôi đông cứng người. Françoise đã nhìn thấy lưng tôi và vết sẹo hình trăng lưỡi liềm trải dài từ bên này sang bên kia lồng ngực, dọc theo đó là một ngôi sao nằm giữa hai xương bả vai của tôi.

“Tôi sẽ mặc đồ cho madame,” Françoise lạnh lùng nói với hai cô hầu gái. “Để váy áo đó và quay lại với công việc của các người đi.”

Mấy cô hầu im lặng rời đi, sau khi nhún gối chào cùng ánh mắt tò mò. Họ không trông thấy các

dấu vết kia. Khi bọn họ đi khỏi, tất cả chúng tôi lập tức lại bắt đầu nói. Tiếng Françoise thất kinh. “Kẻ nào đã làm điều này?” Tiếng Matthew cất lên “không ai được biết cả” và giọng của tôi hơi có vẻ bào chữa “chỉ là một vết sẹo thôi mà.”

“Kẻ nào đó đã đánh dấu bà bằng gia huy của nhà de Clermont,” Françoise khẳng khái lắc đầu, “cái đó chỉ có milord sử dụng.”

“Chúng tôi đã phá vỡ thỏa ước.” Tôi đấu tranh với cảm giác buồn nôn đang quặn thắt lấy ruột gan mỗi khi nghĩ về cái đêm tôi bị một phù thủy khác đánh dấu như một kẻ phản bội. “Đây là sự trừng phạt của Đại Hội Đồng.”

“Vây đó là lý do hai người ở đây.” Françoise khịt mũi. “Cái thỏa ước đó ngay từ khi bắt đầu đã là một ý tưởng ngu xuẩn. Philippe de Clermont đáng lẽ không bao giờ nên theo nó.”

“Nó giúp chúng ta được an toàn trước loài người.” Tôi không thích thú gì cái thỏa ước đó hay chín thành viên của Đại Hội Đồng đã thúc ép nó, nhưng không thể chối bỏ những thành công trong việc che giấu các sinh vật khác người suốt một thời kỳ dài khỏi bị chú ý. Những lời hứa cổ xưa giữa yêu tinh, ma cà rồng và phù thủy ngăn cấm việc can thiệp vào chính trị hay tôn giáo của loài người cũng như ngăn cấm các mối liên kết cá nhân giữa ba loài này. Phù thủy chỉ giữ quan hệ với nhau, cũng như ma cà rồng và yêu tinh. Họ không được phép yêu và kết hôn giữa hai loài.

“An toàn ư? Bà đừng nghĩ là được an toàn ở đây, madame. Không một ai trong chúng ta cả. Người Anh là những kẻ mê tín, họ tin vào việc nhìn thấy một hồn ma trong mỗi nghĩa địa, nhà thờ và phù thủy ở bên chiếc vạc. Đại Hội Đồng là tất cả những gì chặn giữa chúng ta và sự tuyệt chủng hoàn toàn. Bà thật khôn ngoan khi trú ẩn ở đây. Tới đây nào, bà phải thay đồ rồi tham gia với những người kia.” Françoise giúp tôi cởi chiếc váy ngủ, đưa cho tôi chiếc khăn tắm ướt, một đĩa có thứ sền sệt mùi lá hương thảo và cam. Tôi thấy thật kỳ quặc khi được đối xử như một đứa trẻ nhưng cũng biết rằng chuyện đó là hoàn toàn bình thường đối với những người ở đẳng cấp của Matthew, được tắm, được mặc đồ và được cho ăn như búp bê. Pierre đưa cho Matthew một tách đựng thứ gì đó rất đen không thể là rượu vang được.

“Bà ấy không chỉ là một phù thủy mà còn là một fileuse de temps nữa à?” Françoise lặng lẽ hỏi Matthew. Cụm từ fileuse de temps xa lạ – “người se sợi thời gian” – gợi lên hình ảnh về rất nhiều sợi chỉ màu sắc khác nhau mà chúng tôi đã lần theo để tới được thời điểm quá khứ cụ thể này.

“Đúng vậy.” Matthew gật đầu, sự tập trung chú ý của anh dồn cả vào tôi trong khi anh nhấp một ngụm trong tách.

“Nhưng nếu bà ấy đến từ một thời đại khác, điều đó có nghĩa...” Françoise bắt đầu nói, đôi mắt mở lớn. Sau đó, nét mặt cô ta trở nên trầm ngâm. Matthew chắc hẳn đã nói năng và cư xử khác lạ.

Cô ta nghi ngờ rằng đây không phải là Matthew trước đây, tôi nhận ra và cảnh giác.

“Biết bà ấy được milord bảo vệ đối với chúng ta thế là đủ,” Pierre cộc cằn nói, một sự cảnh cáo rõ ràng trong giọng điệu. Anh ta trao cho Matthew một con dao găm. “Nó có nghĩa gì cũng không quan trọng.”

“Nó có nghĩa là ta yêu cô ấy, và cô ấy cũng yêu ta.” Matthew nhìn người hầu của mình vẻ quyết liệt. “Cho dù ta có nói gì với những người khác đi nữa, đó là sự thật. Anh hiểu chưa?”

“Vâng,” Pierre đáp, dù ngữ điệu có đôi chút miễn cưỡng.

Matthew gườm mắt nhìn Françoise, cô ta bặm chặt môi và gật đầu một cách miễn cưỡng.

Cô ta dồn sự chú tâm trở lại việc sửa soạn, và bọc tôi vào một chiếc khăn tắm dày bằng vải lanh. Françoise hẳn đã thấy các dấu vết khác trên cơ thể, những thứ tôi nhận được trong một ngày rùng rã tưởng chừng vô tận bởi phù thủy Satu, cũng như các vết sẹo khác sâu đó. Tuy nhiên, Françoise không hỏi gì thêm, cho tới khi tôi ngồi trên chiếc ghế bành cạnh lò sưởi trong lúc cô chải tóc cho tôi.

“Và sự lãng mạn này xảy ra sau khi ngài tuyên bố tình yêu dành cho cô phù thủy đây ư, milord?” Françoise hỏi.

“Phải.” Matthew cài con dao găm vào bên thắt lưng.

“Vây kẻ đã đánh dấu lên bà ấy không phải là một manjasang,” Pierre lầm bầm. Anh ta dùng ngôn ngữ Occitan cổ xưa để chỉ ma cà rồng – “kẻ ăn máu.” “Sẽ không kẻ nào liều lĩnh chọc giận gia tộc de Clermont cả.”

“Không, đó là một phù thủy khác.” Mặc dù được che chắn khỏi không gian lạnh giá, lời thú nhận này vẫn khiến tôi rùng mình.

“Dù thế, có hai manjasang đứng cạnh và để chuyện đó xảy ra,” Matthew nói với vẻ không gì lay chuyển nổi. “Và chúng sẽ phải trả giá vì điều đó.”

“Chuyện gì xảy ra đã xảy ra rồi.” Tôi không mong muốn bắt đầu một mối thù hận giữa các ma cà rồng. Chúng tôi đã có đủ khó khăn thách thức phải đối mặt.

“Nếu milord đã chấp nhận bà với tư cách là vợ của ngài ấy khi phù thủy kia mang bà đi, thì chuyện đó coi như xong.” Những ngón tay thoăn thoắt của Françoise bên tóc tôi thành những bím thật chặt. Cô ta cuốn chúng quanh đầu tôi và ghim lại một chỗ. “Tên của bà có thể là Roydon trên đất nước tiêu điều này, nơi mà lòng trung thành không được nhắc đến, nhưng chúng tôi sẽ không quên bà là một người nhà de Clermont.”

Mẹ Matthew đã cảnh báo rằng những người nhà de Clermont là một bầy đàn gắn kết. Trong thế kỷ hai mươi mốt, tôi đã phải chật vật với những bốn phân và giới hạn, nó đi kèm tư cách như một thành viên của gia tộc này. Tuy nhiên vào năm 1590, phép thuật của tôi không để tiên đoán được, sự hiểu biết của tôi về pháp thuật phù thủy gần như không có, vị tổ tiên sớm nhất mà tôi biết còn chưa ra đời. Ở đây, tôi chẳng có gì để dựa dẫm ngoài trí tuệ của mình và Matthew.

“Những tình ý của chúng mình đối với nhau lúc đó quá rõ ràng. Nhưng giờ em không muốn có bất kỳ rắc rối nào.” Tôi nhìn xuống chiếc nhẫn của Ysabeau và cảm nhận cái vòng kim loại đó trên ngón tay cái của mình. Hy vọng của tôi là cả hai có thể hòa nhập hết mức với quá khứ này, nhưng giờ đây điều đó dường như không thể xảy ra. Tôi nhìn xung quanh. “Và chuyện này...”

“Chúng ta ở đây vì hai lý do, Diana. Đó là tìm cho em một thầy giáo và xác định vị trí cuốn sách giả kim thuật đó nếu có thể.” Chính cuốn cổ thư bí ẩn có tên gọi Ashmole 782 ban đầu đã mang chúng tôi đến với nhau. Ở thế kỷ hai mươi mốt, nó đã được vui lấp an toàn giữa hàng triệu cuốn sách trong thư viện Bodleian của Oxford. Khi điền vào một phiếu yêu cầu, tôi không hề biết hành động đơn giản đó sẽ mở khóa một bùa chú hết sức phức tạp đã giới hạn cuốn cổ thư đó trên giá sách, hoặc bùa chú đó cũng đã phục hồi hoạt động trở lại vào thời khắc tôi trả lại nó. Tôi hoàn toàn ngờ nghệch chẳng biết gì về những bí mật liên quan đến phù thủy, ma cà rồng và yêu tinh mà các trang sách đó tiết lộ, theo lời đồn đại. Matthew đã nghĩ việc xác định vị trí Ashmole 782 trong quá khứ sẽ khôn ngoan hơn là cố gắng hóa giải bùa chú kia lần thứ hai ở thế giới hiện đại.

“Cho tới khi chúng ta quay về, đây sẽ là nhà của em,” anh tiếp tục, cố gắng làm tôi an lòng.

Những món đồ gỗ chắc chắn trong căn phòng này thật quen thuộc với viện bảo tàng hay các

cuốn catalog đầu giá, nhưng Chòi Gác Cổ sẽ không bao giờ mang lại cảm giác giống mái ấm cả. Tôi lướt ngón tay lên chiếc khăn tắm bằng vải lanh dày – quá khác so với cái khăn bông đã bạc màu của dì Sarah và cô Em, tất cả đều cũ mòn mỏng do giặt quá nhiều lần. Những giọng nói trong một căn phòng khác du dương và trùng xuống trong một nhịp điệu mà không người hiện đại và sử gia nào có thể biết được. Nhưng quá khứ này là sự lựa chọn duy nhất của chúng tôi. Những ma cà rồng kia đã chỉ rõ ra điều đó trong suốt những ngày cuối cùng chúng tôi ở Madison, khi bọn chúng săn đuổi chúng tôi và gần như giết chết Matthew. Nếu phần còn lại trong kế hoạch vẫn đang tiến triển thì trải nghiệm với tư cách một phụ nữ chuẩn mực dưới thời nữ hoàng Elizabeth hẳn phải là ưu tiên hàng đầu của tôi.

“Hỡi thế giới mới dũng cảm.” Thật là một sự phá rối lịch sử trắng trợn khi trích dẫn tác phẩm *Tempest* của Shakespeare hẳn hai thập kỷ trước khi nó được viết ra, nhưng đây quả thực là một buổi sáng khó khăn.

“Nó thật mới mẻ đối với người,” Matthew đáp lời. “Vây em đã sẵn sàng gặp gỡ rắc rối của mình chưa?”

“Tất nhiên rồi. Hãy để em mặc đồ đã.” Tôi bạnh vai ra và đứng dậy. “Làm thế nào để nói xin chào với một vị bá tước?”

2.

Lo lắng của tôi về nghi thức xã giao đúng mực là không cần thiết. Tước hiệu và danh xưng không quan trọng khi vị bá tước được nói đến là một người khổng lồ lịch lãm tên Henry Percy.

Françoise, người coi trọng những chuẩn mực, luôn nhặng xị lên trong khi hoàn thành nốt việc mặc đồ cho tôi bằng mớ y phục bó sát: những chiếc váy lót dài của ai đó, cái coóc-xê khâu tay để hăm bớt khổ người vận động viên của tôi thành dáng vẻ yếu điệu truyền thống hơn; một chiếc áo lót thêu hoa sực nức mùi oải hương và cây tuyết tùng; vớ cổ áo cao xếp nếp; một chiếc váy dáng phồng bằng vải nhung; và chiếc áo khoác tốt nhất của Pierre, thứ đồ may mặc duy nhất còn xa mới là kích thích của tôi. Mặc dù đã cố gắng, Françoise vẫn không thể nào cài được hàng khuy trên ngực áo. Tôi nín thở, thót bụng và hy vọng một điều kỳ diệu khi Françoise kéo những dải coóc-xê chặt hơn, nhưng chẳng có sự can thiệp kỳ diệu nào có thể cho tôi một vóc dáng mảnh mai duyên dáng.

Tôi hỏi Françoise hàng tá câu hỏi trong suốt quá trình phức tạp đó. Những bức chân dung của thời kỳ này khiến tôi trông chờ một cái lồng chim cồng kềnh gọi là váy phồng để giữ cho chiếc váy đang mặc căng ra trên phần hông, nhưng Françoise giải thích rằng những thứ đấy chỉ dành cho các dịp trang trọng hơn. Thay vào đó, cô ta buộc một miếng vải xếp nếp có hình dạng giống chiếc bánh rán vòng quanh eo tôi, bên dưới lớp váy ngoài. Điều lạc quan duy nhất để nói về thứ đó là nó giúp cho các lớp váy áo không bị quệt vào hai chân, nhờ vậy tôi có thể đi lại mà không quá khó khăn – miễn là không có nhiều đồ đạc trên lối đi và tôi có thể tới được đích đến nếu di chuyển theo đường thẳng tắp. Nhưng tôi cũng phải biết nhún chào. Françoise nhanh chóng dạy tôi cách nhún gối chào trong khi giải thích các tước hiệu phong phú của Henry Percy phải dùng ra sao – ông ta là “Đức ngài Northumberland” mặc dù mang họ Percy và là một bá tước.

Nhưng tôi không có cơ hội được dùng đến bất cứ thứ gì trong mớ kiến thức mới thu lượm được này. Ngay khi Matthew cùng tôi bước vào đại sảnh, một người đàn ông trẻ tuổi gầy gò và cao lêu nghêu mặc bộ quần áo đi đường bằng da màu nâu nhạt bị bùn bắn tung tóe đã tiến tới chào hỏi cả hai. Gương mặt cởi mở càng thêm tươi sáng bởi cái nhìn tò mò khiến đôi lông mày rậm màu tro của anh ta nhướng lên thành một cái vòm nhọn rõ rệt. “Hal.” Matthew mỉm cười với dáng vẻ thân thiết khoan dung của một người anh trai. Nhưng vị bá tước phớt lờ người bạn cũ, thay vào đó tiến về phía tôi.

“Ừm, bà Roydon.” Giọng nói trầm ấm của vị bá tước không có âm điệu, rất ít dấu vết luyện láy hay trọng âm. Trước khi xuống nhà, Matthew đã giải thích rằng Henry hơi điếc và nói lắp từ khi còn nhỏ. Tuy nhiên, anh ta rất thạo việc đọc môi người. Đây là người tôi có thể trò chuyện mà không cảm thấy e dè.

“Lại bị Kit hót lẻo trước rồi,” Matthew nói với nụ cười thiếu não. “Tôi đã hy vọng được tự mình nói với anh.”

“Ai là người chia sẻ tin vui này có gì khác đâu?” Đức ngài Northumberland cúi đầu chào. “Tôi cảm ơn bà vì lòng hiếu khách, thưa bà, và xin thứ lỗi vì chào hỏi trong bộ dạng này. Bà thật tử tế khi sớm chịu đựng những người bạn của chồng thế này. Chúng tôi lẽ ra phải rời đi ngay lập tức lúc biết bà trở về nhà. Quán trọ sẽ là nơi thích hợp hơn cả.”

“Ngài vô cùng được chào đón ở đây, thưa đức ngài.” Đây là lúc thích hợp để nhún gối chào, nhưng cái váy nặng nề màu đen của tôi không dễ xoay sở và chiếc áo coóc-xê thít quá chặt khiến tôi không thể cúi người được. Tôi cố xếp hai chân vào một tư thế thích hợp để tỏ vẻ tôn kính nhưng lại lảo đảo khi khụy gối chào. Một bàn tay to lớn không ngại ngần giữ tôi đứng vững.

“Chỉ Henry thôi, thưa bà. Mọi người khác gọi tôi là Hal, nên tên thánh của tôi được coi là khá trang trọng.” Giống nhiều người bị khiếm thính, ngài bá tước cố ý giữ cho giọng của mình thật êm nhẹ. Ông thả tôi ra và quay sang Matthew. “Tại sao lại cạo râu thế, Matt? Anh bị ốm à?”

“Một cơn sốt rét thoáng qua thôi, chẳng có gì đâu. Việc kết hôn đã chữa lành cho tôi rồi. Những người còn lại đâu rồi?” Matthew liếc nhìn quanh tìm Kit, George và Tom.

Tiền sảnh Chòi Gác Cổ trông rất khác dưới ánh sáng ban ngày. Tôi mới chỉ trông thấy nó vào ban đêm, nhưng sáng hôm nay các ô ván nặng nề hóa ra lại là những cánh cửa chớp, tất cả chúng đều được mở ra. Điều đó mang không gian thoáng đãng đến cho căn nhà, bất chấp chiếc lò sưởi khổng lồ ở bức tường phía xa. Nó được trang trí bằng những phần xây bằng đá theo phong cách thời Trung cổ, hẳn đã được Matthew cứu thoát từ đồng gạch vụn của cái tu viện một thời từng tọa lạc nơi đây – gương mặt thường thấy của một vị thánh, một huy hiệu của tu viện, một hình trang trí lá bốn thùy theo phong cách Gothic.

“Diana?” Giọng nói vui vẻ của Matthew cắt ngang việc quan sát căn phòng và nội thất bên trong của tôi. “Hal nói những người kia đang ở phòng khách, đọc sách và chơi bài. Anh ấy cảm thấy không thích hợp đến tham gia cùng bọn họ chừng nào còn chưa được bà chủ nhà có lời mời ở lại.”

“Ngài bá tước phải ở lại, dĩ nhiên là thế, và chúng ta có thể đến tham gia với bạn bè anh ngay lập tức.” Bụng tôi sôi ùng ục.

“Hoặc chúng ta có thể kiếm cho em thứ gì đó để ăn,” anh vừa gợi ý, vừa nháy mắt. Giờ tôi đã gặp Henry Percy mà không có rủi ro nào, nên Matthew bắt đầu thả lỏng. “Đã có ai mời anh ăn chưa, Hal?”

“Pierre và Françoise đã chú ý đến chuyện đó rồi,” anh ta đảm bảo với chúng tôi. “Dĩ nhiên, nếu bà Roydon sẽ cùng tôi...” Giọng ngài bá tước trượt dài và dạ dày anh ta cũng đang réo lên. Anh chàng này cao như hươu cao cổ, nên chắc phải cần tới một lượng thức ăn lớn.

“Tôi cũng rất thích một bữa sáng thịnh soạn, thưa đức ngài,” tôi cười nói.

“Henry,” ngài bá tước dịu dàng chỉnh lại, nụ cười tươi rói của anh ta làm lộ ra một lúm hõm xuống ở dưới cằm.

“Vậy ngài phải gọi tôi là Diana. Tôi không thể gọi bá tước của Northumberland bằng tên riêng nếu ngài ấy cứ tiếp tục nhắc đến tôi như là ‘Bà Roydon.’” Françoise đã khẳng khái việc cần thiết phải tôn trọng địa vị cao quý của ngài bá tước.

“Rất hay, Diana,” Henry nói rồi đưa cánh tay ra.

Anh ta dẫn tôi băng qua một hành lang lạnh lẽo để tiến vào một căn phòng có trần thấp ảm cúng. Nó thật ảm áp và thoải mái, với một dãy cửa sổ quay về hướng nam. Dù với kích thước nhỏ nhưng vẫn có ba chiếc bàn được kê trong phòng, dọc theo đó là nhiều ghế đẩu và băng ghế dài. Tiếng rì rào trầm thấp của các hoạt động bị ngắt quãng bởi tiếng lách cách của ấm tách cùng xoong chảo, cho biết chúng tôi đang ở gần khu bếp. Ai đó đã đính một trang của cuốn niên lịch lên tường và một cái bản đồ nằm trên bàn trung tâm, chiếc bàn ở góc đặt một giá nển, bên bàn còn lại đặt một đĩa thiếc nông đựng đầy hoa quả. Sự sắp đặt này trông giống bức tranh tĩnh vật của Hà Lan, cùng những chi tiết giản dị không kiểu cách. Tôi dừng khựng lại một chút, choáng váng vì mùi hương này.

“Quả mộc qua.” Những ngón tay tôi với tới chạm vào chúng. Chúng trông giống y như tôi đã thấy trong tâm tưởng khi ở Madison lúc Matthew miêu tả về Chòi Gác Cổ.

Henry dường như bị bối rối trước phản ứng của tôi đối với một đĩa trái cây bình thường nhưng

do được giáo dục cẩn thận nên anh ta không bình luận gì. Chúng tôi an vị bên chiếc bàn đồ, người hầu mang thêm bánh mỳ mới cùng với một đĩa nho và một bát táo cho bức tranh tĩnh vật trước mặt chúng tôi. Thật dễ chịu khi được thấy những đồ ăn quen thuộc như thế. Henry tự lấy thức ăn cho mình, còn tôi nhìn anh ta làm mẫu, cẩn thận để ý những đồ ăn nào anh ta chọn và ăn mỗi thứ bao nhiêu. Luôn có đôi chút khác biệt giữa những người lạ, và tôi muốn ra về bình thường nhất có thể. Trong khi chúng tôi lấy đầy đĩa của mình, Matthew tự rót cho anh một ly rượu vang.

Trong suốt bữa ăn, Henry cư xử với sự lịch thiệp không chê vào đâu được. Anh ta không bao giờ hỏi tôi điều gì mang tính cá nhân, cũng không tọc mạch chuyện tình cảm của Matthew. Thay vào đó, anh ta khiến chúng tôi cười hết lần này tới lần khác với các mẩu chuyện về những chú chó, những khu đất của anh ta và bà mẹ có tính cách vô cùng chặt chẽ kỷ luật, trong khi đó anh ta luôn tay cung cấp đều đặn bánh mỳ nướng từ lò sưởi. Henry đang bắt đầu kể về việc chuyển nhà đến London thì có tiếng ồn dâng lên từ sân trong của ngôi nhà. Ngài bá tước quay lưng về phía cửa nên không nhận thấy.

“Bà ta không thể nào! Tất cả các người đã cảnh cáo tôi, nhưng tôi không tin có ai lại vô ơn đến thế. Sau tất cả sự giàu có mà tôi đã đổ vào trong cái kết tiền của bà ta, ít nhất bà ta cũng phải làm – Ồ.” Vị khách mới của chúng tôi có bờ vai rộng choán cả khung cửa, chiếc áo choàng không tay màu đen phủ kín một bên vai, tiệp màu cùng mái tóc loăn xoăn ló ra quanh chiếc mũ rộng vành cài lông vũ tuyệt đẹp của anh ta. “Matthew. Anh ốm à?”

Henry quay lại vẻ ngạc nhiên. “Một ngày tốt lành, Walter. Sao anh không ở trong triều?”

Tôi cố nuốt một miếng bánh mỳ nướng. Vị khách mới đến của chúng tôi tất nhiên chính là thành viên còn thiếu trong Bè lũ Bóng đêm của Matthew, ngài Walter Raleigh.

“Đánh đổi cả thiên đường vì mong muốn một chức vị, Hal. Và ai đây thế này?” Anh ta chiếu đôi mắt xanh lơ sang tôi, hàm răng trắng bóng lấp lánh dưới hàng râu đen nhánh. “Henry Percy, tên tiểu quý ranh ma. Kit đã nói với tôi là anh có ý định lên giường với Arabella tóc vàng đấy. Tôi mà biết khẩu vị của anh là thứ gì đó sung mãn trưởng thành hơn một cô gái mười lăm thì tôi đã kết đôi cho anh với một góa phụ đầy sức sống từ lâu rồi.”

Sung mãn ư? Góa phụ ư? Tôi chỉ mới vừa bước sang tuổi ba mươi ba mà.

“Sự quyến rũ của cô ấy đã khiến anh bạn ở nhà mà không đến nhà thờ vào Chủ Nhật. Chúng tôi phải cảm ơn tiểu thư đây vì đã lôi anh bạn xuống khỏi một con ngựa, nơi vốn thuộc về anh ta,” Raleigh tiếp tục, trọng âm nặng như tiếng vùng Devonshire.

Bá tước của Northumberland đặt chiếc xiên bánh mỳ lên bệ lò sưởi và quan sát người bạn của mình. Anh lắc đầu rồi quay trở lại với công việc. “Ra ngoài đi, rồi quay lại hỏi Matt về tin vui của anh ấy. Và hãy tỏ ra ăn năn hối lỗi khi anh bạn làm thế nhé.”

“Không.” Walter chăm chăm nhìn Matthew, mồm há hốc. “Cô ấy là của anh?”

“Với chiếc nhẫn kia để chứng minh điều đó.” Matthew đá cái ghế đầu từ dưới bàn bằng cẳng chân dài đi ủng của mình. “Ngồi xuống, Walter, và uống thứ gì đi.”

“Anh bạn đã thề sẽ không bao giờ cưới vợ,” Waler nói, lộ rõ sự bối rối.

“Chuyện đó cần một chút thuyết phục.”

“Tôi mong là thế.” Cái liếc mắt đánh giá của Walter Raleigh một lần nữa lại đặt lên tôi. “Thật đáng tiếc cô ấy lại lãng phí với một sinh vật máu lạnh. Tôi sẽ không trì hoãn một khắc nào.”

“Diana biết rõ bản chất của tôi và không bận tâm đến sự ‘lạnh lùng’ của tôi cũng như anh bạn

vậy. Bên cạnh đó, chính cô ấy là người cần được thuyết phục. Tôi đã yêu cô ấy ngay từ ánh nhìn đầu tiên,” Matthew nói.

Walter khịt mũi đáp lại.

“Đừng có nhạo báng quá thế, anh bạn già. Thần Cupid có thể bắt được anh đấy.” Đôi mắt xám của Matthew lóe lên tinh quái từ những điều chắc chắn biết được về tương lai của Raleigh.

“Thần Cupid còn phải đợi dài để xuyên được mấy mũi tên lên người tôi. Hiện giờ tôi phải dùng hết sức né tránh những lời tán dương chẳng mấy thân thiện của nữ hoàng và ngài đô đốc đây này.” Walter ném cái mũ lên chiếc bàn bên cạnh, nó trượt đi trên bề mặt sáng bóng của bàn cờ thỏ cáo, phá hỏng ván đang chơi dở. Anh ta rên rỉ ngồi xuống cạnh Henry. “Dường như mọi người đều muốn xâu xé tôi hay sao ấy, nhưng chẳng ai cho tôi phát biểu về chuyện đề bạt trong khi công việc này ở thuộc địa đang treo trên đầu tôi. Ý tưởng cho lễ kỷ niệm thường niên năm nay là của tôi, nhưng người đàn bà đó lại để Cumberland chịu trách nhiệm buổi lễ.” Tâm trạng tức giận của anh chàng lại nổi lên.

“Vẫn không có tin tức gì từ Roanoke à?” Henry nhẹ nhàng hỏi, đưa cho Walter một tách đầy thứ bia màu nâu sậm. Dạ dày tôi chao đảo khi nghe nhắc đến dự án kinh doanh bi đát của Raleigh ở Tân Thế Giới. Đây là lần đầu tiên có người lớn tiếng bàn khoăn về kết quả của một sự kiện trong tương lai, nhưng đó sẽ không phải là lần cuối cùng.

“White đã quay về Plymouth tuần trước, đi xe về nhà trong thời tiết bão tuyết. Ông ta phải từ bỏ việc tìm kiếm con gái và cháu gái mình.” Walter uống một ngụm bia lớn và nhìn chăm chăm vào khoảng không. “Chúa mới biết được chuyện gì đã xảy ra với tất cả bọn họ.”

“Mùa xuân đến, anh sẽ quay lại tìm họ.” Henry lớn tiếng kêu lên chắc chắn, nhưng Matthew và tôi biết rằng những người đi khai hoang thuộc địa ở Roanoke bị mất tích sẽ không bao giờ được tìm thấy và Raleigh sẽ không bao giờ đặt chân lên Bắc Carolina nữa.

“Tôi mong là anh đúng, Hal. Nhưng tôi có đủ rắc rối rồi. Bà đến từ vùng nào, bà Roydon?”

“Cambridge,” tôi khẽ nói, giữ cho câu trả lời ngắn gọn và chân thật hết mức có thể. Thị trấn đó ở Massachusetts, không phải ở Anh, nhưng nếu bây giờ tôi bắt đầu đảo lộn mọi thứ, tôi sẽ không thể giữ cho các câu chuyện của mình mạch lạc.

“Vậy bà là con gái của một học giả. Hay cha bà là một nhà thần học? Matt sẽ thích thú khi có người để trò chuyện các vấn đề về đức tin. Ngoại trừ Hal, bạn bè của anh ấy đều vô vọng khi nói đến học thuyết.” Walter nhấp một ngụm bia và chờ đợi.

“Cha của Diana qua đời khi cô ấy còn nhỏ.” Matthew nắm lấy tay tôi.

“Tôi lấy làm tiếc cho cô, Diana. Mất đi một người ch...cha quả là một cú sốc khủng khiếp,” Henry thì thầm.

“Và người chồng đầu của bà, ông ta có để lại cho bà những đứa con để an ủi chẳng?” Walter hỏi, một dấu hiệu cảm thông len lỏi vào giọng nói của anh.

Ở thời này, phụ nữ ở tuổi tôi đều kết hôn trước và đã có vài ba đứa con. Tôi lắc đầu. “Không.”

Walter cau mày, nhưng trước khi anh ta kịp truy vấn xa hơn, Kit đã đến cùng với George và Tom.

“Đây rồi. Hãy nói cho anh ta tỉnh ra đi, Walter. Matthew không thể tiếp tục chơi trò Odysseus với nàng Circe của cô ta được.” Kit tóm lấy chiếc ly trước mặt Henry. “Một ngày tốt lành, Hal.”

“Nói cho ai tỉnh ra cơ?” Walter gay gắt hỏi.

“Matt, dĩ nhiên rồi. Người phụ nữ đó là phù thủy. Và có điều gì đó khác lạ ở cô ta.” Mắt Kit nheo lại. “Cô ta đang che giấu điều gì đó.”

“Một phù thủy,” Walter thận trọng nhắc lại.

Một người hầu mang ôm củi bị đông cứng lại ở lối cửa ra vào.

“Như tôi đã nói,” Kit xác nhận bằng cái gật đầu. “Tom và tôi nhận ra những dấu hiệu đó ngay lập tức.”

Cô hầu gái ném phịch củi vào chiếc giỏ để sẵn và biến mất.

“Là một người viết kịch, Kit, anh bạn có một cảm quan thật thảm hại về thời gian và địa điểm đấy.” Đôi mắt xanh lơ của Walter nhìn sang Matthew. “Chúng ta sẽ đến nơi nào khác để thảo luận vấn đề này, hay đây chỉ là một trong những trò tưởng tượng rồi hơi của Kit? Nếu nó là cái sau thì tôi sẽ muốn ở lại nơi ấm áp này để thưởng thức nốt cốc bia của mình.” Hai người đàn ông cùng thăm dò lẫn nhau. Khi nét mặt Matthew chẳng hề thay đổi, Walter làm bầm chửi thề. Pierre xuất hiện như thể nhận được tín hiệu.

“Lò sưởi đã sẵn sàng trong phòng khách riêng, milord,” ma cà rồng này nói với Matthew, “rượu và đồ ăn đã được dọn cho khách của ngài. Các ngài sẽ không bị làm phiền đâu.”

Phòng khách này không ấm cúng như căn phòng chúng tôi dùng bữa sáng, cũng không gây ấn tượng mạnh như đại sảnh. Có đủ kiểu ghế bành được chạm khắc, rất nhiều thảm treo cùng những bức tranh được đóng khung trang hoàng gọi cho người ta biết mục đích ban đầu của nó dùng để giải trí cho những vị khách quan trọng nhất trong ngôi nhà. Tuyệt tác tráng lệ của St. Jerome và tranh sư tử của Holbein treo cạnh lò sưởi. Nó hoàn toàn lạ lẫm với tôi, như bức chân dung của Holbein bên cạnh, vẽ Henry VIII mất lời cầm trên tay một cuốn sách cùng một cặp kính đang trầm ngâm nhìn xuống người xem, chiếc bàn phía trước la liệt những món đồ quý giá. Con gái của Henry, nữ hoàng Elizabeth đệ nhất đương nhiệm, nhìn chăm chăm vào ông ta từ phía bên kia căn phòng. Sự xa cách căng thẳng của họ chẳng làm nhẹ đi tâm trạng khi chúng tôi ngồi vào chỗ. Matthew đứng dựa vào cạnh lò sưởi, hai cánh tay khoanh trước ngực, nhìn dữ dội y hệt những người nhà Tudor trên tường.

“Anh vẫn sẽ kể cho họ sự thật ư?” Tôi thì thầm với anh.

“Đó là phương thức đơn giản hơn cả, thưa bà,” Raleigh giọng sắc lạnh, “chưa kể là giữa những người bạn với nhau.”

“Anh đã quên mất bản thân mình rồi, Walter,” Matthew cảnh cáo, cơn giận bùng lên.

“Quên mất bản thân tôi! Đây là lời nói từ kẻ đã dính líu với một phù thủy à?” Walter không thèm nể mặt Matthew một khi đã bị chọc tức. Và không hề có một tia sợ hãi nào trong giọng anh ta.

“Cô ấy là vợ tôi,” Matthew bẻ lại. Anh đưa tay lên vuốt tóc. “Còn về phần cô ấy là phù thủy, tất cả chúng ta có mặt trong căn phòng này đều bị phỉ báng vì điều gì đó, dù là có thực hay tưởng tượng.”

“Nhưng cưới cô ta – anh đang nghĩ gì thế hả?” Walter lạnh người hỏi.

“Tôi yêu cô ấy,” Matthew trả lời. Kit đảo mắt và rót một cốc rượu mới từ chiếc bình bạc. Giấc mơ của tôi được ngồi cùng anh ta bên cạnh lò sưởi ấm cúng bàn luận về pháp thuật và văn học dần tan biến trong ánh sáng khó chịu của buổi sáng tháng Mười Một này. Tôi mới đến năm 1590 chưa đầy hai mươi tư tiếng đồng hồ, nhưng đã hoàn toàn phát ngán Christopher Marlowe.

Trước câu trả lời của Matthew, cả căn phòng rơi vào im lặng trong khi anh và Walter chăm chăm dò xét nhau. Với Kit, Matthew khoan dung và hơi cầu giận. George và Tom lấy đi sự kiên nhẫn của anh, còn với Henry là sự yêu mến. Nhưng Raleigh ngang cơ với Matthew – về trí tuệ, sức mạnh, thậm chí có lẽ cả sự nhẫn tâm – điều đó có nghĩa chỉ duy nhất ý kiến của Walter là có giá trị. Họ có một sự tôn trọng dè chừng dành cho nhau, giống như hai con sói quyết định xem kẻ nào có sức mạnh để dẫn dắt cả đàn.

“Vậy chuyện là thế sao,” Walter chậm rãi nói, chấp nhận uy quyền của Matthew.

“Đúng thế.” Matthew vẫn đứng bất động trước lò sưởi.

“Anh có quá nhiều bí mật và kẻ thù để có thể lấy một người vợ. Nhưng dù sao anh cũng đã làm rồi.” Walter tỏ vẻ ngạc nhiên. “Những người đàn ông khác kết tội anh cậy vào sự xảo quyết của mình, nhưng tôi chưa bao giờ đồng ý với bọn họ cho tới lúc này. Rất tốt, Matthew. Nếu anh quá gian xảo như vậy, hãy nói cho chúng tôi biết điều cần nói khi các câu hỏi được đưa ra.”

Kit đặt mạnh chiếc cốc lên bàn, rượu vang đỏ sánh ra tay anh ta. “Anh không thể mong chúng tôi...”

“Im lặng.” Walter lia ánh mắt giận dữ vào Marlowe. “Dựa vào những lời dối trá mà chúng tôi phải nói nhân danh anh, tôi ngạc nhiên là anh còn dám phản đối cơ đấy. Tiếp đi, Matthew.”

“Cảm ơn, Walter. Các vị là năm người đàn ông duy nhất trong vương quốc này có thể lắng nghe câu chuyện của tôi mà không nghĩ rằng tôi bị điên.” Matthew luồn hai bàn tay qua tóc. “Mọi người còn nhớ khi chúng ta nói chuyện lần cuối về các ý tưởng của Giordano Bruno liên quan tới số lượng vô hạn của các thế giới, không bị giới hạn bởi thời gian và không gian chứ?”

Họ trao đổi những cái liếc mắt.

“Tôi không chắc,” Henry thận trọng lên tiếng, “là chúng tôi hiểu ý của anh.”

“Diana đến từ Tân Thế Giới.” Matthew ngừng lại, cho Marlowe có cơ hội nhìn cả phòng với dáng vẻ đắc thắng. “Đến từ Tân Thế Giới trong tương lai.”

Trong sự yên lặng tiếp theo, mọi con mắt đều đổ dồn về phía tôi.

“Cô ấy nói cô ấy đến từ Cambridge mà,” Walter ngậy ra nói.

“Không phải Cambridge đó. Cambridge của tôi là ở Massachusetts cơ.” Giọng tôi khàn đi vì căng thẳng và lâu không cất tiếng. Tôi hắng giọng. “Thuộc địa sẽ tồn tại ở Bắc Roanoke trong vòng bốn mươi năm nữa.”

Một tiếng trầm trồ cảm thán dâng lên, và các câu hỏi tới tấp hướng về phía tôi. Harriot nhích tới và ngập ngừng chạm vào vai tôi. Ngón tay của anh ta gấp cơ bắp rắn chắc của tôi vội rút lại với vẻ thắc mắc.

“Tôi đã được nghe nói về những sinh vật khác người có thể uốn thời gian theo ý họ. Đây thật là một ngày kỳ diệu, đúng không, Kit? Anh đã bao giờ nghĩ là sẽ biết một người se sợi thời gian chưa? Chúng ta phải cẩn thận khi ở cạnh cô ấy, dĩ nhiên rồi, nếu không chúng ta có thể bị vướng vào mạng của cô ấy và lạc đường mất.” Gương mặt Harriot đầy vẻ ao ước, làm như anh ta có thể tận hưởng việc bị bắt tới một thế giới khác vậy.

“Và điều gì đưa cô tới đây, bà Roydon?” Giọng nói trầm trầm của Walter cắt ngang tiếng ồn ào bàn tán.

“Cha của Diana là một học giả,” Matthew trả lời thay tôi. Tiếng thì thầm hứng thú lại bị dập tắt bằng một cái phất tay của Walter. “Mẹ cô ấy cũng vậy. Cả hai đều là phù thủy và đã chết trong

một tình huống bí ẩn.”

“Đó là điều mà chúng ta cùng chia sẻ, D-D-Diana ạ,” Henry nói với một cái rùng mình. Trước khi kịp hỏi vị bá tước xem ý anh ta là gì, Walter đã vẫy tay ra hiệu cho Matthew.

“Hậu quả là sự giáo dục dành cho cô ấy với tư cách là một phù thủy đã... bị bỏ qua,” Matthew tiếp tục.

“Thật dễ dàng làm hại một phù thủy như thế.” Tom nhăn mặt. “Tại sao ở Tân Thế Giới trong tương lai lại thiếu quan tâm đến một sinh vật khác người như thế?”

“Phép thuật và lịch sử gia đình lâu đời của tôi không có ý nghĩa gì với tôi cả. Anh phải hiểu điều đó, giống như anh muốn vượt khỏi sự hạn chế xuất thân của anh vậy.” Tôi nhìn Kit, con trai thợ đóng giày, hy vọng tìm thấy một sự tán đồng nếu không phải là cảm thông, nhưng anh ta quay mặt đi.

“Dốt nát là một tội lỗi không thể tha thứ.” Kit lúng túng với một mẫu lụa đỏ đang lòi ra khỏi một trong hàng tá những vết rách trên chiếc áo chèn đen của anh ta.

“Vây là không trung thành,” Walter nói. “Tiếp tục đi, Matthew.”

“Diana có lẽ không được dạy dỗ những ngón nghề phù thủy, nhưng cô ấy không hề dốt nát. Cô ấy cũng là một học giả,” Matthew nói với vẻ tự hào, “với niềm đam mê dành cho thuật giả kim.”

“Những nhà giả kim tiểu thư chẳng là gì hơn ngoài những triết gia xó bếp,” Kit cười khẩy, “hứng thú với việc cải thiện sắc da của họ hơn là hiểu biết các bí mật của tự nhiên.”

“Tôi nghiên cứu thuật giả kim trong thư viện – không phải trong bếp,” tôi vặc lại, quên cả điều chỉnh ngữ điệu hay trọng âm của mình. Mắt Kit mở lớn. “Sau đó tôi giảng dạy cho sinh viên về đề tài này ở trường đại học.”

“Họ sẽ để phụ nữ dạy ở trường đại học ư?” George lên tiếng, tỏ vẻ vừa thích thú vừa khó chịu.

“Còn được nhận vào đại học nữa,” Matthew đáp, đưa tay vuốt sống mũi về áy náy. “Diana đã học ở Oxford.”

“Điều đó hẳn đã làm tăng số người tham dự các bài giảng,” Walter lạnh lùng bình luận. “Phụ nữ mà được phép có mặt ở Oriel thì tôi có lẽ đã lấy thêm được một cái bằng khác nữa. Và có phải các nữ học giả đã bị tấn công trong thuộc địa tương lai ở đâu đó tại Bắc Roanoke không?” Đó là một kết luận hợp lý được rút ra từ câu chuyện của Matthew.

“Không phải tất cả bọn họ. Nhưng Diana đã tìm thấy một cuốn sách bị thất lạc ở trường đại học.” Các thành viên của Bè lũ Bóng đêm cùng nhồm dậy. Với nhóm người này, những cuốn sách thất lạc còn được quan tâm hơn cả những phù thủy dốt nát và các nữ học giả. “Nó chứa thông tin bí mật về thế giới của các sinh vật khác người.”

“Cuốn sách của những Điều Huyền Bí, được cho rằng sẽ hé lộ cho chúng ta biết về nguồn gốc của chúng ta ư?” Kit trông thật kinh ngạc. “Trước đây anh bạn không bao giờ hứng thú với những truyền thuyết đó mà, Matthew. Thực ra anh còn bác bỏ, coi chúng là trò mê tín.”

“Giờ thì tôi đã tin chúng, Kit. Khám phá của Diana đã mang kẻ thù tới cửa nhà cô ấy.”

“Và anh đã ở cùng cô ấy. Vì thế kẻ thù của cô ấy đã cạy chốt cửa và vào nhà.” Walter lắc đầu.

“Tại sao nỗ lực quan tâm của Matthew lại có hậu quả thảm khốc như thế?” George hỏi. Các ngón tay anh ta lần tìm cái băng lụa sọc màu đen giữ cặp kính mắt để buộc chặt trên chiếc áo chèn. Chiếc áo chèn được xếp diềm hợp thời trang phía trên bụng anh ta và chất liệu đó kêu

sột sọat như một cái túi đựng bột yến mạch mỗi khi anh ta cử động. George nâng gọng kính tròn trên mặt và sẫm soi tôi như thể tôi là một vật nghiên cứu mới đầy thú vị.

“Bởi vì phù thủy và wearh bị cấm không được phép hết hôn,” Kit nhanh nhẩu nói. Tôi chưa bao giờ nghe thấy từ wearh trước đây, với âm gió w ở đầu và âm trong họng ở cuối.

“Yêu tinh và wearh cũng thế.” Walter siết mạnh vai Kit cảnh cáo.

“Thật sao?” George chớp mắt nhìn Matthew, rồi lại nhìn tôi. “Nữ hoàng cấm một cuộc hôn phối như thế ư?”

“Đó là một thỏa ước cổ xưa giữa các sinh vật khác người, không kẻ nào dám làm trái.” Tom lộ vẻ sợ hãi. “Những kẻ vi phạm sẽ bị Đại Hội Đồng triệu tập và bị trừng phạt.”

Chỉ những ma cà rồng nhiều tuổi như Matthew mới có thể nhớ được một thời kỳ trước khi thỏa ước được thiết lập các sinh vật khác người đã hành xử ra sao với nhau và ảnh hưởng tương tác tới loài người xung quanh chúng tôi như thế nào. “Không kết thân giữa các sinh vật khác loài” là luật lệ quan trọng nhất, và Đại Hội Đồng khổng lồ kiểm soát sự phân cách đó. Tài năng của chúng tôi – sự sáng tạo, sức mạnh, năng lực siêu nhiên – không thể nào không nổi bật khi ở trong một nhóm lẫn lộn các loài. Điều đó cũng như sức mạnh của một phù thủy làm nổi bật năng lượng sáng tạo của bất cứ yêu tinh nào ở gần, và thiên tài ở một yêu tinh khiến vẻ đẹp của ma cà rồng thêm ấn tượng. Về phần các mối quan hệ của chúng tôi với loài người, chúng tôi phải giữ kín thân phận ở mức tối đa và tránh xa lĩnh vực chính trị, tôn giáo.

Ngay sáng nay, Matthew đã khẳng khái có quá nhiều vấn đề khác đang đối diện với Đại Hội Đồng ở thế kỷ mười sáu này – chiến tranh tôn giáo, thiêu sống người dị giáo, nạn đói lan tràn, thứ vật liệu xa lạ và kỳ quái mới đây từ công nghệ in ấn – khiến cho các thành viên trong hội đồng này chẳng hơi sức đâu mà phiền lòng với một chuyện quá tầm thường như một phù thủy và một ma cà rồng yêu nhau. Cứ theo như các sự kiện nguy hiểm khiến người ta phải hoang mang xảy ra kể từ khi tôi gặp Matthew vào cuối tháng Chín, thì tôi thấy chuyện này thật khó mà tin nổi.

“Đại Hội Đồng nào thế?” George thích thú hỏi. “Đây có phải là một giáo phái mới nào đó không?”

Walter phớt lờ câu hỏi của bạn mình và trao cho Matthew một cái nhìn xuyên thấu. Sau đó, anh ta quay sang tôi. “Cô vẫn có cuốn sách này chứ?”

“Không ai có nó cả. Nó đã quay vào trong thư viện rồi. Các phù thủy trông đợi tôi sẽ gọi nó ra cho bọn họ.”

“Vậy cô bị săn đuổi vì hai lý do. Một số kẻ muốn tránh xa một wearh, những kẻ khác xem cô như phương tiện cần thiết để đạt được một cái kết như ý.” Walter vuốt sống mũi và nhìn Matthew vẻ mặt mỉa mai. “Cậu đúng là thỏ nam châm chuyên thu hút rắc rối, bạn tôi ơi. Và chuyện này không thể xảy ra vào thời điểm nào không thích hợp hơn lúc này. Lễ kỷ niệm thường niên của nữ hoàng sẽ diễn ra trong chưa đầy ba tuần nữa. Anh bạn được trông đợi có mặt tại triều đình đấy.”

“Đừng bận tâm tới lễ kỷ niệm của nữ hoàng! Chúng ta cũng chẳng được an toàn với một người se sợi thời gian ở đây đâu. Cô ta có thể thấy số mệnh của mỗi người chúng ta. Cô phù thủy này có thể sửa lại tương lai của chúng ta, nếu không may mắn – thậm chí sẽ chết sớm hơn đấy.” Kit bật dậy từ chiếc ghế bành đang ngồi đến đứng trước Matthew. “Thế quái nào anh có thể làm chuyện này chứ?”

“Dường như cái thuyết vô thần được tán dương thái quá của cậu đã làm hỏng cậu mất rồi, Kit ạ,” Matthew thản nhiên nói. “Tôi e là rốt cuộc anh bạn có thể phải trả lời cho những tội lỗi của

mình chứ nhỉ?”

“Tôi có thể không tin vào việc làm phúc và sức mạnh thần thánh như anh, Matthew, nhưng thế giới này còn có nhiều hơn những gì anh miêu tả trong những cuốn sách triết học của anh. Và người phụ nữ này – ả phù thủy này – không được phép xen vào công việc của chúng ta. Anh có thể là nô lệ của cô ta, nhưng tôi không định đặt tương lai của tôi vào tay cô ta!” Kit bật lại.

“Đợi một chút.” Ánh mắt đang trở nên kinh ngạc lướt qua gương mặt George. “Có phải anh từ Chester đến với chúng tôi không, Matthew, hay là...”

“Không. Anh không được trả lời, Matt,” Tom đột ngột nói với vẻ sáng suốt.” Janus đã đến với chúng ta là có mục đích nào đó, và chúng ta không được phép can thiệp.”

“Nói chuyện cho lý trí vào, Tom – nếu anh có thể,” Kit nói giọng nham hiểm.

“Một mặt, Matthew và Diana nhìn về quá khứ. Mặt khác, họ xem xét cả tương lai,” Tom nói, không thềm để tâm đến sự cắt ngang của Kit.

“Nhưng nếu Matt không phải...” George lên tiếng rồi rơi vào im lặng.

“Tom nói đúng,” Walter cộc cằn nói. “Matthew là bạn của chúng ta và đã đề nghị sự giúp đỡ của chúng ta. Theo như tôi nhớ thì đây là lần đầu tiên anh ấy làm vậy. Đó là tất cả những gì chúng ta cần biết.”

“Anh ta đòi hỏi quá nhiều,” Kit bẻ lại.

“Quá nhiều ư? Nó thật ít ỏi và muộn màng, theo như tôi thấy. Matthew đã trả tiền cho một trong những con tàu của tôi, đã cứu diện trang của Henry, đã giữ George và Tom được ở trong sách vở và mơ mộng một thời gian dài. Còn về phần anh bạn – Walter nhìn Marlowe từ đầu đến chân – mọi thứ trên người anh – từ các ý tưởng của anh cho tới ly rượu cuối cùng và cái mũ trên đầu anh kia – đều phải cảm ơn sự trọng đãi tử tế của Matthew Roydon đấy. Dành một bến đỗ an toàn cho vợ anh ấy trong cơn giông bão hiện nay là điều ít ỏi chẳng đáng gì khi đem ra so sánh.”

“Cảm ơn, Walter.” Matthew trông nhẹ nhõm hẳn, nhưng nụ cười anh chuyển sang tôi lại có vẻ ngập ngừng. Chiến thắng trước những người bạn của anh – cụ thể là Walter – đã diễn ra khó khăn hơn anh dự tính.

“Chúng ta sẽ cần dựng lên một câu chuyện để giải thích làm thế nào vợ anh tới đây,” Walter trầm ngâm nói, “thứ gì đó làm phân tán sự chú ý khỏi vẻ lạ lùng của cô ấy.”

“Diana cũng cần một thầy giáo nữa,” Matthew thêm.

“Cô ấy phải được dạy dỗ chút ít cung cách, tất nhiên là thế,” Kit can nhần.

“Không, giáo viên của cô ấy phải là một phù thủy khác,” Matthew chữa lại lời anh ta.

Walter thốt ra một tiếng trầm trầm hài hước. “Tôi nghi ngờ có phù thủy nào trong vòng bán kính hai mươi dặm ở Woodstock này. Không, khi mà anh đang sống ở đây.”

“Còn cuốn sách này thì sao, bà Roydon?” George rút từ cái túi ẩn trong chiếc quần chèn ngắn dáng phồng ra một cây viết nhọn màu xám bọc trong sợi vải. Anh ta liếm đầu cây bút chì và giơ nó lên vẻ chờ đợi. “Bà có thể cho tôi biết kích thước và nội dung của nó không? Tôi sẽ tìm nó ở Oxford.”

“Cuốn sách có thể đợi,” tôi nói. “Đầu tiên tôi cần quần áo thích hợp. Tôi không thể ra khỏi nhà với áo khoác của Pierre và chiếc váy mà chị gái Matthew đã mặc để đến dự đám tang của Jane

Seymour được.”

“Ra khỏi nhà ư?” Kit cười nhạo. “Ý nghĩ cực kỳ điên rồ.”

“Kit đúng đấy,” George nói vẻ lấy làm tiếc. Anh ta đã viết một ghi chú vào trong cuốn sách của mình. “Cách nói chuyện của bà khiến bà có vẻ kỳ lạ ở xứ Anh này. Tôi sẽ lấy làm vui sướng được chỉ dẫn bà vài bài diễn thuyết trước đám đông, bà Roydon.” Ý tưởng George Chapman đóng vai Henry Higgins với Eliza Doolittle của tôi đã đủ khiến tôi thiết tha mong chờ rồi.

“Không nên cho phép cô ấy nói gì cả, Matt. Anh phải giữ cho cô ấy im lặng,” Kit khẳng khái.

“Cái chúng ta cần là một phụ nữ, ai đó để khuyên bảo Diana. Tại sao lại không có một cô con gái, vợ hay tình nhân nào đó của năm người các anh nhỉ?” Matthew yêu cầu. Sự im lặng bao trùm tất cả.

“Walter?” Kit tinh quái hỏi, khiến cánh đàn ông còn lại cười rộ lên và làm điệu bầu không khí nặng nề như một cơn bão mùa hè thổi qua căn phòng. Ngay cả Matthew cũng hòa theo.

Pierre bước vào khi tiếng cười đã lắng xuống, đá tung lên những cành hương thảo và oải hương nhỏ vương vãi giữa lối vào được đặt ở đó để ngăn hơi ẩm ướt khỏi lan ra khắp ngôi nhà. Cùng lúc ấy, những chiếc chuông bắt đầu ngân điểm mười hai giờ. Giống như lúc vừa nhìn thấy những quả mọng qua, sự kết hợp của âm thanh và mùi hương mang tôi quay về Madison.

Quá khứ, hiện tại và tương lai hội ngộ. Còn hơn cả việc tháo một cuộn chỉ lỏng, một khắc yên tĩnh như thể thời gian ngừng trôi. Tôi hít một hơi thật mạnh.

“Diana?” Matthew gọi, đỡ lấy khuỷu tay tôi.

Thứ gì đó màu xanh lam và hổ phách, một làn sóng ánh sáng và màu sắc thu hút sự chú ý của tôi. Nó dồn chặt vào một góc phòng, nơi không có gì khác xen vừa ngoài mạng nhện và bụi bặm. Như bị thôi miên, tôi cố di chuyển về phía nó.

“Có phải cô ấy sắp ngất không?” Henry hỏi, gương mặt anh ta xuất hiện trong tầm nhìn của tôi, bên trên bờ vai của Matthew.

Tiếng chuông ngân nga dừng lại, và mùi hoa oải hương nhạt dần. Sắc xanh lam và hổ phách lấp loáng chuyển thành xám và trắng trước khi biến mất.

“Em xin lỗi. Em nghĩ là mình đã thấy thứ gì đó ở góc phòng kia. Hẳn là ánh sáng đã đánh lừa mắt em,” tôi vừa nói vừa áp bàn tay lên má.

“Có lẽ em đang chịu sức ép của khoảng cách thời gian, mon coeur,” Matthew thì thào. “Anh đã hứa với em một chuyến đi dạo trong khuôn viên. Em ra ngoài cùng anh để cho thoáng đãng đầu óc chứ?”

Có lẽ đó là di chứng do chuyến du hành vượt thời gian, không khí trong lành có thể sẽ giúp ích. Nhưng chúng tôi vừa mới đến, và Matthew đã không gặp những người bạn này hơn bốn thế kỷ rồi.

“Anh nên ở cùng các bạn,” tôi nói chắc nịch, dù ánh mắt lại lơ đãng hướng ra cửa sổ.

“Bọn họ sẽ ở đây uống rượu khi chúng ta quay lại,” Matthew mỉm cười nói, rồi quay sang Walter. “Tôi sẽ đưa Diana đi xem ngôi nhà của cô ấy và để đảm bảo cô ấy biết đường đi lối lại trong các khu vườn.”

“Chúng ta sẽ cần phải nói chuyện thêm nữa,” Walter nhắc nhở. “Còn có công việc phải thảo luận.”

Matthew gạt đầu và vòng tay quanh eo tôi. “Có thể đợi mà.”

Chúng tôi rời Bè lũ Bóng đêm trong căn phòng khách ấm áp và hướng về phía cửa ra vào. Tom mất hứng với mấy rắc rối của ma cà rồng và phù thủy, lại mãi mê đọc sách. George cũng tương tự, đang chìm đắm trong những suy nghĩ và bận rộn viết lách ghi chép vào cuốn sổ tay. Ánh mắt Kit đầy vẻ dò xét, Walter thì dè chừng, còn ánh mắt Henry đầy sự cảm thông. Ba người đàn ông đó trông giống như những con quạ ác với bộ cánh đen và nét mặt đăm chiêu. Nó gợi cho tôi nhớ đến điều Shakespeare chẳng bao lâu nữa sẽ nói về nhóm người khác thường này.

“Nó bắt đầu như thế nào nhỉ?” Tôi khẽ lẩm bẩm. “Màu đen là huy hiệu của địa ngục ư?”

Matthew đăm chiêu. “Màu đen là huy hiệu của địa ngục/ Màu của ngục tù và trường học của bóng đêm.”

“Màu của tình bạn thì sẽ chính xác hơn đấy,” tôi nói. Tôi đã từng thấy Matthew điều khiển những kẻ đến đọc sách trong thư viện Bodleian, nhưng sự ảnh hưởng của anh lên những người như Walter Raleigh và Kit Marlowe thì vẫn thật bất ngờ. “Liệu có điều gì họ sẽ không làm vì anh không, Matthew?”

“Cầu Chúa cho chúng ta không bao giờ biết được,” anh nói đầy vẻ u ám.

3.

Vào sáng thứ Hai, tôi mắc kẹt trong văn phòng của Matthew. Nó tọa lạc giữa căn buồng của Pierre và một phòng nhỏ hơn được dùng để giải quyết các công việc điền trang, và có tầm nhìn hướng ra cánh cổng của ngôi nhà cùng con đường lớn Woodstock.

Hầu hết các anh chàng – giờ tôi đã biết họ rõ hơn, dường như phù hợp việc tụ tập hơn là Bè lũ Bóng đêm to tát kia – đang giam mình trong cái Matthew gọi là phòng ăn sáng, cùng uống rượu bia và phát huy trí tưởng tượng vĩ đại của họ cho câu chuyện tiểu sử của tôi. Walter cam đoan với tôi là khi hoàn thành nó sẽ giải thích cho sự xuất hiện đột ngột của tôi ở Woodstock cùng những cư dân tò mò và giảm bớt những thắc mắc liên quan đến tổ tiên và xuất thân kỳ quái của tôi.

Những điều họ dựng lên thật bi thống cường điệu hết mức. Điều này cũng không có gì ngạc nhiên khi hai nhà viết kịch cư trú trong nhà chúng tôi, Kit và George, là người phác họa lên các điểm then chốt của kịch bản. Các nhân vật bao gồm cha mẹ người Pháp đã chết, những gã quý tộc hám lợi đã hãm hại một đứa trẻ mồ côi không được bảo vệ (là tôi), và những lão già dâm dăng âm mưu hủy hoại danh tiết của tôi. Câu chuyện chuyển thành một thiên anh hùng ca với những thử thách tinh thần, cùng lần cải giáo từ Công giáo sang thuyết Cavin. Những chuyện này dẫn đến chuyến lưu đầy tự nguyện trên bờ biển của những người theo đạo Tin lành ở nước Anh, nhiều năm sống cuộc đời thấp hèn nghèo khó, rồi lần giải cứu tình cờ của Matthew và lòng quan tâm quý trọng đến ngay lập tức. George (người thật sự có vẻ gì đó na ná một bà giáo già) hứa sẽ kèm cặp tôi cụ thể khi họ hoàn thành xong chi tiết câu chuyện.

Tôi đang tận hưởng đôi chút yên tĩnh, một thứ tiện nghi hiếm hoi trong ngôi nhà đông đúc có kích thước thế này dưới thời Elizabeth. Giống một đứa trẻ rắc rối, Kit luôn phán đoán một cách chính xác thời điểm tồi tệ nhất để đưa tới một lá thư, thông báo ăn tối, hay đề nghị Matthew giúp đỡ vấn đề gì đó. Còn Matthew thì trong tâm trạng hào hứng, hoàn toàn có thể thông cảm, khi được ở bên những người bạn mà anh không bao giờ hy vọng gặp lại.

Hiện tại anh đang ở cùng Walter còn tôi đang chú tâm vào một cuốn sách nhỏ trong khi đợi anh quay lại. Anh rời khỏi chiếc bàn kê cạnh cửa sổ, bừa bộn những túi đựng bút lông ngỗng đã được gọt sắc và những lọ thủy tinh đựng đầy mực. Các dụng cụ đồ dùng khác cũng la liệt bày ra gần đó: một thỏi sáp để gắn xi thư tín, một con dao mỏng để mở thư từ, một cây nến, một lọ rắc bằng bạc. Món đồ cuối cùng này không phải đựng đầy muối mà là cát, mấy quả trứng có sạn của tôi vào sáng nay đã chứng minh điều đó.

Trên bàn của tôi cũng để một lọ rắc tương tự để giúp cho mực giấy khỏi bị nhòe, một lọ mực đen duy nhất và ba chiếc bút mực vẫn còn đó. Tôi hiện đang phá tung chiếc bút thứ tư với những đường lượn xoắn phức tạp của chữ viết tay thời Elizabeth. Việc lập một danh sách việc cần thực hiện đáng lẽ ra phải gọn gàng. Với tư cách một sử gia, tôi đã dành hàng năm trời đọc các bản viết tay cổ và biết chính xác những lá thư trông ra sao, những từ nào thông dụng nhất, còn các chọn lựa đánh vần chẳng tới nơi tới chốn của tôi thì chỉ được thực hiện khi có vài cuốn từ điển và các quy tắc ngữ pháp sẵn có ở đó.

Hóa ra thách thức lại không nằm ở chỗ biết làm cái gì mà là thực hành nó như thế nào. Sau nhiều năm làm việc để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực này, giờ đây tôi lại là một sinh viên. Chỉ có điều lần này mục tiêu của tôi không phải hiểu về quá khứ mà là sống trong đó. Vì thế mới có trải nghiệm khiêm nhường này, và tất cả những gì tôi xoay sở được là tạo ra một mớ lộn xộn trên trang giấy đầu tiên của cuốn sổ bỏ túi mới tinh mà Matthew đưa cho tôi sáng nay.

“Nó tương đương với một cái máy tính xách tay ở thời Elizabeth đấy,” anh giải thích, đưa tôi cuốn sách mỏng. “Em cần viết những lá thư tay và thứ gì đó để viết chúng ra.”

Diana

Một vết mực đậm ở chỗ tôi ấn xuống bắt đầu viết chữ D và đến lúc viết tới chữ A cuối cùng thì cái bút đã hết mực. Dù vậy, nỗ lực của tôi cũng là một ví dụ điển hình đáng trân trọng về chữ viết nghiêng trong thời kỳ này. Bàn tay tôi di chuyển chậm hơn nhiều so với Matthew khi anh viết những lá thư theo kiểu chữ viết tốc ký nguệch ngoạc. Đó là chữ viết tay của luật sư, bác sĩ và các chuyên môn khác, nhưng lúc này quá khó đối với tôi.

Bishop

Chữ này bắt đầu đẹp hơn rồi. Nhưng nụ cười của tôi đã nhanh chóng biến mất, họ của tôi đâu còn thể này. Giờ tôi đã là gái có chồng. Tôi chấm bút mực.

de Clermont

Diana de Clermont. Nó khiến tôi nghe có vẻ giống một nữ bá tước, chứ không phải một sử gia. Một giọt mực rớt xuống thấm ướt trang giấy phía dưới. Tôi bật ra một tiếng rủa thầm cái vết bẩn đen xì kia. May mà nó không xóa mất tên tôi. Nhưng đó cũng không phải là tên tôi. Tôi làm nhòe cái chấm mực phía trên “de Clermont” rồi. Dù sao mọi người vẫn có thể đọc được. Tôi đã viết đều tay và nắn nót các chữ thật đúng.

Roydon

Đó là tên bây giờ của tôi. Diana Roydon, vợ của nhân vật ít người biết đến nhất đã liên kết tạo nên Bè lũ Bóng đêm bí ẩn kia. Tôi xem lại cả trang giấy. Chữ viết tay của tôi đúng là một thảm họa. Nó chẳng giống chút nào với những gì tôi đã thấy trong bản viết tròn trịa, gọn gàng của nhà hóa học Robert Boyle hoặc người chị gái xuất sắc của ông, Katherine. Tôi hy vọng chữ viết tay của phụ nữ thời điểm 1590 xấu hơn thời kỳ 1690. Thêm vài nét bút nữa và một nét hất cong bay bướm cuối cùng là tôi sẽ hoàn thành.

Đây là sổ của cô ấy

Có tiếng đàn ông vang lên ở bên ngoài. Tôi cau mày, đặt bút xuống và đi tới bên cửa sổ.

Matthew và Walter đang ở bên dưới. Những khung kính đã cản bớt tiếng hai người, nhưng chủ đề nói chuyện rõ ràng không vui vẻ gì, có thể thấy từ nét mặt bị làm phiền của Matthew và hàng lông mày dựng lên của Raleigh. Khi Matthew làm một cử chỉ tỏ ý bác bỏ và quay người bước đi, Walter liền ngăn anh lại bằng bàn tay kiên quyết.

Có điều gì đó đang làm phiền Matthew kể từ lúc anh nhận được tập thư đầu tiên sáng nay. Không khí trầm lắng bao phủ lấy anh, rồi anh giữ tập thư đó mà không mở ra xem. Mặc dù anh giải thích rằng những lá thư này giải quyết sự vụ đất đai bình thường, nhưng chắc chắn còn điều gì đó hơn cả các yêu cầu về thuế má và hóa đơn.

Tôi ép lòng bàn tay ấm nóng lên ô cửa sổ lạnh lẽo như thể chỉ duy nhất tấm kính đó chắn giữa tôi và Matthew. Trò chơi nhiệt độ gợi cho tôi nhớ đến sự đối lập giữa phù thủy máu nóng và ma cà rồng máu lạnh. Tôi quay trở về chỗ ngồi và cầm cây bút lên.

“Cuối cùng, em đã quyết định để lại dấu ấn của mình ở thế kỷ mười sáu rồi.” Matthew đột nhiên đã ở ngay cạnh tôi. Khóe môi anh cong lên biểu lộ niềm vui thích nhưng không hoàn toàn che giấu được vẻ căng thẳng ở anh.

“Em vẫn không chắc việc sáng tạo ra một vật kỷ niệm lưu giữ lâu dài trong thời gian em ở đây là một ý tưởng hay,” tôi thú nhận. “Một học giả ở tương lai có thể nhận ra điều kỳ lạ trong đó.” Như Kit đã biết được có điều gì đó không ổn với tôi.

“Đừng lo. Cuốn sổ sẽ không rời khỏi ngôi nhà này.” Matthew với tới chồng thư từ của anh.

“Anh không thể chắc chắn về điều đó,” tôi phản đối.

“Hãy để lịch sử tự quyết định, Diana,” anh nói về quyết đoán, như thể vấn đề này bây giờ đã được khép lại. Nhưng tôi không thể bỏ mặc tương lai – hay nỗi lo lắng về những tác động do sự hiện diện của chúng tôi ở quá khứ có thể ảnh hưởng tới nó.

“Em vẫn không nghĩ là chúng ta nên để Kit giữ quân cờ đó.” Hồi ức về việc Marlowe đặc thăng khoa lên bức tượng nhỏ xíu hình nữ thần Diana đã ám ảnh tôi. Cô ấy đóng vai quân hậu trắng trong bộ cờ vua bằng bạc đắt giá của Matthew và là một trong số các món đồ tôi đã dùng để hướng tới địa điểm thích hợp trong quá khứ. Hai yêu tinh trẻ tuổi không quen biết, Sophie Norman và chồng cô, Nathaniel Wilson, đã bất ngờ mang nó đến ngôi nhà của dì tôi ở Madison ngay vào lúc chúng tôi quyết định đi xuyên thời gian.

“Kit đã đường đường chính chính thắng nó từ anh vào tối qua – khi anh chàng có ý định làm thế. Ít nhất lần này anh có thể thấy anh ta xoay sở với nó thế nào. Anh ta làm phiền anh với quân xe mã.” Matthew ngoáy bút viết một phong thư với tốc độ đáng ghen tỵ rồi gấp các trang giấy lại thành một tập gọn ghẽ. Anh thả một giọt màu đỏ son nung chảy vào mép lá thư trước khi ấn chiếc nhẫn có dấu ấn riêng của anh lên đó. Bề mặt bằng vàng của chiếc nhẫn mang một hình khắc đơn giản của Sao Mộc, không phải cái biểu tượng tinh vi phức tạp hơn mà Satu đã đốt trên da thịt tôi. Dấu xi êu lách tách khi nguội đi. “Không hiểu bằng cách nào mà quân hậu trắng của anh lại đi được từ Kit tới chỗ một gia đình phù thủy ở Bắc Carolina. Chúng ta phải tin rằng nó sẽ lại xảy ra như vậy một lần nữa, dù có hay không có sự trợ giúp của chúng ta.”

“Kit không biết em từ trước. Và anh ta không thích em.”

“Còn nhiều lý do hơn để không phải lo lắng gì cả. Chừng nào nó còn khiến anh ta nhìn thấy nét giống nữ thần Diana, anh ta sẽ không thể rời nó ra đâu. Christopher Marlowe là một người khổ tâm hàng đầu.” Matthew cầm lên một lá thư khác và rạch nó ra bằng con dao của anh.

Tôi kiểm tra các món đồ khác có trên bàn mình và lấy ra một đồng tiền xu. Kiến thức thiết thực về tiền tệ thời Elizabeth vốn không nằm trong những gì tôi được học. Cũng không có cách quản lý một ngôi nhà, trật tự đúng đắn trong việc mặc quần áo lót, tên gọi các cấp bậc của người hầu, hay cách làm một liều thuốc cho chứng đau đầu của Tom. Những cuộc thảo luận với Françoise về tủ quần áo lại tiết lộ sự dốt nát của tôi về cách gọi tên những màu sắc thông thường. “Màu xanh phân ngỗng” chẳng lạ đối với tôi, nhưng cái sắc bóng kỳ dị của màu nâu tóc hoa râm lại được biết đến như là “màu lông chuột” thì tôi chẳng biết. Do đó, các trải nghiệm này khiến tôi có kế hoạch đe dọa sử gia đầu tiên về triều đại Tudor mà tôi gặp ngay khi trở về để hỏi về tội làm việc thiếu trách nhiệm.

Nhưng cũng có điều hấp dẫn trong quá trình khám phá ra những chi tiết của cuộc sống hàng ngày, và tôi nhanh chóng quên đi nỗi bức bối của mình. Tôi kiểm tra một lượt các đồng xu trong lòng bàn tay, tìm một đồng xu bằng bạc. Nó là nền tảng cơ sở để xây dựng lên những kiến thức tạm thời của tôi. Đồng xu không lớn hơn ngón tay cái của tôi là bao, nó mỏng như một cái bánh xốp, và cũng được khắc khuôn mặt nhìn nghiêng của Nữ hoàng Elizabeth như hầu hết những đồng xu khác. Tôi sắp xếp xu còn lại lần lượt theo giá trị của chúng và bắt đầu đề cập chúng theo thứ tự trên trang giấy trắng kế tiếp trong cuốn sổ của tôi.

“Cảm ơn, Pierre,” Matthew thì thầm nói, chỉ hơi liếc nhìn lên khi người hầu của anh mang đi những lá thư đã được niêm phong và đặt thêm các thư từ khác lên mặt bàn.

Chúng tôi ngồi viết trong không gian im lặng dễ chịu. Tôi nhanh chóng hoàn thành danh sách tiền xu, cố nhớ những gì Charles, người đầu bếp kiêm lời trong nhà, đã dạy tôi cách làm món súp nóng cho người ốm – hay là món sữa đặc nóng hòa rượu nhỉ?

Công thức món súp nóng cho người ốm chữa đau đầu

Hài lòng với dòng chữ liền mạch thẳng thớm, ba vết mực nhỏ xiu, và chữ C hơi nghiêng ngả, tôi tiếp tục.

Đặt nước để đun sôi. Đánh tan hai lòng đỏ trứng. Thêm rượu trắng và đánh bông lên. Nước sôi để nguội, rồi thêm rượu và trứng. Khuấy đều trong khi nó sôi lại, thêm nghệ tây và mật ong.

Kết quả thứ hỗn hợp đó là màu vàng kinh khủng của pho mát làm từ sữa đã gạn kem – nhưng Tom xì xụp húp hết nó mà không kêu một tiếng. Sau đó, khi tôi hỏi Charles tỷ lệ hợp lý của mật ong và rượu, ông ta hất tay đáng vẻ chán ghét trước sự dốt nát của tôi và hiên ngang bỏ đi không nói một lời.

Được sống trong quá khứ luôn là niềm khao khát thầm kín của tôi, nhưng điều này còn khó khăn hơn nhiều so với những gì tôi từng hình dung. Tôi thở dài.

“Em sẽ cần nhiều hơn cuốn sổ đó để cảm thấy nơi đây như ở nhà.” Mắt Matthew vẫn không rời đồng thư của anh. “Em nên có một phòng riêng nữa. Tại sao em không dùng căn phòng này nhỉ? Nó được trang bị đầy đủ như một thư viện. Hoặc em có thể biến nó thành một phòng thí nghiệm thuật giả kim, mặc dù có lẽ em muốn nơi nào đó riêng tư hơn nếu định tiến hành biến chì thành vàng. Một phòng ở cạnh bếp có lẽ thích hợp đấy.”

“Khu bếp không phải là một ý tưởng hay đâu. Charles không thích em,” tôi đáp.

“Ông ấy chẳng thích ai cả. Cả Françoise cũng thế – ngoại trừ Charles, dĩ nhiên là thế, đó là người cô ấy sùng bái như một vị thánh bất chấp sở thích về đồ uống của ông ta.”

Tiếng bước chân vững vàng nện dọc hành lang. Nàng Françoise hay chê bai xuất hiện ở ngưỡng cửa. “Có vài người đến gặp bà Roydon,” cô ta thông báo rồi bước sang bên để lộ ra một người đàn ông ngoài bảy mươi tuổi, mái tóc muối tiêu với hai bàn tay chai sạn và một người đàn ông trẻ hơn nhiều đang nhấp nhóm đổi hết chân này tới chân kia. Không ai trong số họ là sinh vật khác người cả.

“Somers.” Matthew nhíu mày. “Và đó có phải là Joseph Bidwell trẻ không?”

“Đúng, đúng, ông chủ Roydon.” Người đàn ông trẻ hơn nhắc chiếc mũ trên đầu ra.

“Bà Roydon sẽ cho phép các ông lấy sổ đo ngay bây giờ,” Françoise nói.

“Các sổ đo ư?” Cái nhìn Matthew hướng về phía tôi và Françoise đòi hỏi một câu trả lời – thật nhanh.

“Giày. Găng tay. Cho tú váy áo của madame,” Françoise nói. Không giống như váy lót, giày không phải ai cũng đi vừa một cỡ được.”

“Em đã yêu cầu Françoise gọi họ đến,” tôi giải thích, hy vọng tranh thủ được sự hợp tác của Matthew. Đôi mắt Somers mở lớn hơn trước trọng âm lạ lẫm của tôi, sau đó gương mặt ông ta lại quay về biểu cảm tôn kính bình thường.

“Chuyến đi của vợ tôi gặp khó khăn ngoài ý muốn,” Matthew êm ái nói, bước tới đứng cạnh tôi, “và đồ đạc của cô ấy đã bị mất. Thật đáng tiếc, Bidwell, chúng ta không có chiếc giày nào để anh làm mẫu.” Anh đặt một bàn tay cảnh cáo lên vai tôi, hy vọng chặn trước được bất cứ lời bình luận nào.

“Tôi có thể chứ, bà Roydon?” Bidwell hỏi, hạ mình xuống cho tới khi các ngón tay của anh ta lơ lửng ngay trên các nút buộc đôi giày chẳng vừa vặn gì với hai bàn chân tôi. Đôi giày đi mượn này là một món đồ cho không, còn tôi thì không phải là người như tôi đang giả bộ lúc này.

“Xin mời,” Matthew đáp trước khi tôi kịp trả lời. Françoise trao cho tôi một ánh nhìn cảm

thông. Cô ấy biết sự im lặng của Matthew Roydon là như thế nào.

Người đàn ông trẻ giật mình khi anh ta tiếp xúc với bàn chân ấm áp và các mạch máu đập đều đặn. Rõ ràng anh ta đã trông chờ đó là một bàn chân ít sức sống và lạnh lẽo hơn.

“Làm việc của cậu đi,” Matthew lạnh lùng nói.

“Thưa ngài. Thưa đức ngài. Ông chủ Roydon.” Người đàn ông trẻ tuôn ra gần hết các danh xưng ngoại trừ “Thưa Bệ hạ” và “Thưa Hoàng tử Bóng đêm.” Dù sao mấy cái này cũng bao hàm ý đó rồi.

“Cha của cậu đâu hả, chàng trai?” Giọng Matthew dịu dàng hơn.

“Ông ấy ốm liệt giường từ bốn ngày trước rồi ạ, thưa ông chủ Roydon.” Bidwell rút ra một mảnh vải nỉ từ một chiếc túi buộc bên thắt lưng và đặt từng bàn chân của tôi lên đó, rồi dùng que chì than vẽ đường bao ngoài dáng bàn chân tôi. Anh ta còn thêm vài lời ghi chú trên miếng nỉ, hoàn thành nhanh chóng, rồi thả chân tôi ra. Bidwell lấy ra một cuốn sổ kỷ lục được làm từ những hình vuông nhiều màu sắc, khâu lại bằng các dải dây da và đưa tới cho tôi.

“Những màu nào đang được ưa chuộng, ông chủ Bidwell?” Tôi hỏi, phất tay về phía các mẫu da. Tôi cần lời khuyên chứ không phải một thử nghiệm nhiều lựa chọn.

“Các quý bà sắp sửa vào triều đang chuộng màu trắng có điểm vàng hoặc bạc.”

“Chúng tôi sẽ không vào triều,” Matthew nói nhanh.

“Thế thì màu đen, và màu vàng hung đẹp đấy.” Bidwell nâng lên một dải da có màu caramen. Matthew đón lấy nó trước khi tôi kịp nói lời nào.

Sau đó đến lượt người đàn ông nhiều tuổi kia. Cả ông ta cũng ngạc nhiên khi cầm bàn tay tôi và cảm thấy các vết chai trong lòng bàn tay. Các tiểu thư có giáo dục kết hôn với những người đàn ông như Matthew sẽ không chèo thuyền. Somers cầm vào chỗ thịt lồi lên trên ngón giữa của tôi. Các vị phu nhân cũng không có những khối thịt chai do cầm bút quá chặt như thế. Ông ta trượt một chiếc gang tay mềm như bơ lớn quá khổ vào bàn tay phải của tôi. Một chiếc kim khâu chỉ sợi được luồn vào chiếc gang.

“Cha cậu có được mọi thứ ông ấy cần chứ, Bidwell?” Matthew hỏi người thợ đóng giày.

“Vâng, cảm ơn ngài, ông chủ Roydon,” Bidwell đáp lời kèm theo một cái gật đầu.

“Charles sẽ gửi cho ông ấy món trứng sữa và thịt thú rừng.” Đôi mắt màu xám bạc của Matthew lấp lánh lướt trên dáng người gầy gò của người đàn ông trẻ. “Cả một ít rượu nữa.”

“Ông Bidwell sẽ rất biết ơn lòng nhân từ của ngài,” Somers nói, những ngón tay ông ta đang kéo sợi chỉ xuyên qua miếng da để chiếc gang tay vừa khít.

“Còn ai bị ốm nữa không?” Matthew hỏi.

“Con gái của Rafe Meadows bị một cơn sốt kinh khủng. Chúng tôi e ngại thay cho Edward già, nhưng ông ta chỉ bị lây bệnh sốt rét,” Somers đáp ngắn gọn.

“Ta tin con gái Meadows đã hồi phục rồi.”

“Không.” Somers kéo giắt sợi chỉ. “Chúng tôi vừa an táng con bé ba ngày trước, Chúa phù hộ cho linh hồn con bé.”

“Amen,” mọi người trong phòng cùng nói. Françoise nhướn lông mày và hất đầu về phía

Somers. Tôi vội nói với theo.

Công việc của họ đã kết thúc, trong tuần sẽ có giày và găng tay cho tôi, cả hai người đàn ông cúi chào rồi rời đi. Françoise quay người theo họ ra ngoài, nhưng Matthew ngăn cô ta lại.

“Không thêm cuộc hẹn nào nữa cho Diana nhé.” Tính nghiêm trọng trong giọng của anh không thể nhầm lẫn được. “Hãy trông chừng để Edward Camberwell có một y tá chăm sóc ông ấy và thức ăn, đồ uống đầy đủ.”

Françoise nhún gối chào dáng vẻ phục tùng, rời đi với một cái liếc mắt cảm thông khác.

“Em sợ những người đàn ông trong làng biết em không thuộc về nơi này.” Tôi đưa bàn tay run rẩy lên vuốt trán. “Các nguyên âm của em là cả một vấn đề. Và những câu em nói đáng lẽ ngữ điệu phải đi lên thì nó lại đi xuống. Khi nào mọi người phải nói ‘amen’? Ai đó cần phải dạy em cách cầu nguyện, Matthew. Em phải bắt đầu từ đâu đó, và...?”

“Từ từ thôi nào,” anh nói, trượt hai tay vòng quanh ôm lấy cái eo được siết coóc-xê của tôi. Ngay cả qua mấy lớp vải áo, sự đụng chạm của anh cũng thật êm ái. “Đây không phải một cuộc thi vấn đáp tại Oxford, em cũng không cần phải ra mắt lần đầu. Nhồi nhét thông tin và nhầm đi nhầm lại cũng sẽ chẳng giúp được gì đâu. Em nên hỏi anh trước khi cho gọi Bidwell và Somers.”

“Làm thế nào anh có thể giả vờ là một người mới, một ai đó khác, hết lần này tới lần khác?” Tôi thắc mắc. Matthew đã phải làm việc này vô số lần suốt nhiều thế kỷ khi anh giả vờ chết đi để rồi lại xuất hiện ở một đất nước khác, nói một ngôn ngữ khác và được biết đến dưới một cái tên khác.

“Bí quyết đầu tiên là thôi giả vờ.” Về bối rối của tôi chắc hẳn quá rõ ràng, nên anh tiếp tục. “Có nhớ điều anh đã nói với em ở Oxford không? Em không thể sống giả dối, liệu có thể giả vờ là một con người khi thực chất em là một phù thủy hay cố gắng làm một thần dân dưới thời Elizabeth khi em đến từ thế kỷ hai mươi mốt. Hiện tại đây chính là cuộc sống của em. Hãy cố đừng nghĩ đến nó như một vai diễn.”

“Nhưng trọng âm của em, cách em đi đứng...” Thậm chí tôi còn nhận thấy chiều dài các bước chân tôi đi còn liên quan tới bước đi của những người phụ nữ khác trong ngôi nhà này, nhưng sự chế nhạo công khai của Kit về dáng đi nam tính của tôi đã thành tâm điểm chú ý trong nhà.

“Em sẽ điều chỉnh được. Trong khi đó, người ta sẽ nói này nói nọ. Nhưng không có ý kiến của ai ở Woodstock là quan trọng cả. Em sẽ nhanh chóng trở nên quen thuộc và lời bàn tán sẽ dừng lại thôi.”

Tôi nhìn anh vẻ nghi ngờ. “Anh không biết rõ lắm về chuyện ngồi lê đôi mách đúng không?”

“Đủ để biết em đơn giản là chủ đề hiếu kỳ trong tuần này đấy.” Anh liếc nhìn cuốn sổ của tôi, thu vào mắt những vết mực và nét chữ thiếu dứt khoát rõ ràng. “Em đang cầm bút quá chặt. Đó là lý do vì sao ngòi bút gãy liên tục và mực sẽ không chảy được. Em cũng đang nắm lấy cuộc đời mới của em quá chặt.”

“Em không bao giờ nghĩ nó sẽ quá khó thế này.”

“Em là một người học hỏi nhanh và chừng nào em còn an toàn ở Chòi Góc Cổ thì chừng đó em vẫn còn ở giữa những người bạn. Nhưng thời gian này không có thêm khách viếng thăm đâu nhé. Giờ thì em đang viết gì thế?”

“Tên em, hầu hết là thế.”

Matthew lật vài trang cuốn sổ, kiểm tra xem tôi ghi chép gì. Một bên lông mày nhướng lên. “Em

cũng đang chuẩn bị cho các bài kiểm tra kinh tế học và việc bế núc nữa. Tại sao em không viết về những gì diễn ra ở đây trong ngôi nhà này thay vào đó?”

“Bởi vì em cần biết cách sống ở thế kỷ mười sáu này. Dĩ nhiên, một cuốn nhật ký có lẽ cũng hữu ích lắm.” Tôi cân nhắc khả năng này. Lẽ tất nhiên việc đó sẽ giúp tôi thu xếp lại cảm giác lộn xộn về thời gian của mình. “Em không nên dùng tên đầy đủ. Những người ở năm 1590 thường dùng tắt chữ cái đầu để tiết kiệm giấy và mực. Và không ai phản ánh các suy nghĩ và cảm xúc cả. Họ ghi chép về thời tiết và các tuần mặt trăng.”

“Những điểm dừng đầu trong các ghi chép bằng tiếng Anh ở thế kỷ mười sáu còn lưu giữ,” Matthew cười nói.

“Phụ nữ có viết những điều giống đàn ông không?”

Anh đưa mấy ngón tay nâng cằm tôi lên. “Em đúng là hết cách. Hãy thôi lo lắng về những gì các phụ nữ khác làm đi. Hãy là chính con người đặc biệt của em.” Khi tôi gật đầu, anh hôn tôi rồi trở lại bàn mình.

Cầm cây bút mực lỏng hết mực có thể, tôi bắt đầu một trang mới. Tôi quyết định dùng các biểu tượng thiên văn học cho các ngày trong tuần và ghi chép về thời tiết cũng như một vài điểm khó hiểu về cuộc sống ở Chòi Góc Cổ. Bằng cách đó không ai đọc được chúng trong tương lai có thể phát hiện thấy điều gì khác lạ. Hoặc tôi hy vọng thế.

Ngày 31 tháng Mười năm 1590 mưa, quang đãng

Vào ngày này tôi đã được giới thiệu với người bạn tốt của chồng tôi CM

Ngày 1 tháng Mười một, 1590 lạnh và khô

Ngay từ sáng sớm tôi đã được làm quen với GC. Sau bình minh, TH, HP, WR đến, tất cả đều là bạn của chồng tôi. Mặt trăng tròn.

Một số học giả trong tương lai có thể nghi ngờ các chữ cái hoa này ám chỉ về Bè lũ Bóng đêm, đặc biệt căn cứ theo cái tên Roydon ở trang đầu tiên, nhưng sẽ không có cách nào chứng minh cả. Bên cạnh đó, vào giai đoạn này, ít học giả quan tâm tới nhóm trí thức đó. Được giáo dục theo phong cách tốt nhất thời kỳ Phục Hưng, các thành viên của Bè lũ Bóng đêm có thể chuyển từ ngôn ngữ cổ xưa sang hiện đại với tốc độ đáng kinh ngạc. Tất cả bọn họ đều biết rõ về Aristotle. Và khi Kit, Walter, cùng Matthew bắt đầu nói chuyện chính trị, vốn kiến thức như bách khoa toàn thư của họ về lịch sử, địa lý khiến gần như không ai có thể theo kịp. Thỉnh thoảng, George và Tom cũng tìm cách chen vào một ý kiến, nhưng tất nói lấp và điếc nhẹ của Henry khiến anh không thể tham gia trọn vẹn vào những cuộc thảo luận phức tạp này. Anh dành hầu hết thời gian yên lặng quan sát những người khác với một vẻ tôn trọng bên lề, điều đó thật dễ miễn khi xét đến việc ngài bá tước có tước vị cao hơn mọi người còn lại trong phòng. Nếu không phải có quá nhiều người, có lẽ tôi cũng sẽ tham gia vào.

Về phần Matthew, anh từng là nhà khoa học trầm tư nghiền ngẫm các kết quả thí nghiệm của mình và lo lắng về tương lai của các loài. Tôi đã yêu một Matthew như thế, nhưng lúc này tôi nhận ra mình đang phải lòng một lần nữa phiên bản của anh ở thế kỷ mười sáu, bị quyến rũ bởi vẻ cuốn hút khi anh cười vang hay mỗi lời ứng đối nhanh nhạy để bảo vệ cho một quan điểm triết học nào đó. Matthew tham gia vào những câu chuyện đùa bên bàn ăn tối, ngâm nga những bài hát trong các dãy hành lang. Anh đùa giỡn vật lộn với những chú chó của mình bên lò sưởi trong phòng ngủ – hai chú chó tai cụp to lớn, có bộ lông xù tên Anaximander và Pericles. Ở Oxford hay nước Pháp hiện đại, Matthew dường như luôn phảng phất nét buồn. Nhưng tại Woodstock này, anh hạnh phúc, thậm chí có lúc tôi còn bắt gặp anh đang nhìn những người bạn của mình như thể không tin nổi họ có thực.

“Anh nhận ra đã nhớ họ nhiều tới mức nào phải không?” Tôi cất tiếng hỏi, không thể kìm lòng mà cắt ngang công việc của anh.

“Ma cà rồng không thể suy ngẫm về những điều đã bỏ lại phía sau,” anh đáp. “Bọn anh sẽ phát điên mất. Anh đã có nhiều thứ để nhớ về họ hơn như: những lời họ nói, các bức chân dung của họ. Dù em lãng quên những điều nhỏ nhất – một thói quen biểu cảm, tiếng cười của họ.”

“Bố em giữ kẹo caramen trong túi áo,” tôi thì thầm. “Em không có ký ức nào về chúng, cho tới lúc ở La Pierre.” Khi nhắm mắt lại, tôi có thể ngửi thấy mùi những viên kẹo nhỏ và nghe tiếng sột soạt của giấy bóng kính cọ vào lớp vải áo mềm của ông.

“Và giờ đây em sẽ không từ bỏ những điều đã biết,” Matthew dịu dàng nói, “ngay cả khi từ bỏ nỗi đau đó.”

Anh cầm một lá thư khác, cây bút mực lại sột soạt lướt trên trang giấy. Anh nhìn khe khẽ tập trung quay trở lại trên gương mặt, cùng với một nếp nhăn nhỏ nơi sống mũi. Tôi bắt chước góc độ anh cầm cây bút lông, độ dài thời gian trước khi anh chấm mực. Thật sự là dễ viết hơn nhiều khi bạn không cầm nó trong bàn tay nắm chặt cứng. Tôi đưa cây bút lên trang giấy ở tư thế sẵn sàng, chuẩn bị viết thêm.

Hôm nay là Lễ Các Đẳng, một ngày lễ truyền thống để tưởng nhớ những người đã chết. Mọi người trong nhà đang bình luận về trận sương mù dày đặc làm đóng băng hết lá cây trong vườn. Ngày mai thậm chí còn lạnh hơn, Pierre cam đoan vậy.

Ngày 2 tháng Mười một, 1590 sương mù

Đo kích thước đóng giày và làm găng tay. Fran-oise khâu vá.

Françoise đang làm cho tôi một chiếc áo choàng không tay để chống cái lạnh giá này, một bộ đồ ấm áp cho tiết trời vào đông sắp tới. Cô ấy đã ở trong tầng gác mái suốt cả buổi sáng, lọc qua tủ quần áo bị bỏ đi của Louisa de Clermont. Những bộ váy dài của chị gái Matthew đã lỗi mốt sáu mươi năm rồi, với cổ áo vuông cùng ống tay áo hình quả chuông, nhưng Françoise đang sửa lại chúng cho phù hợp hơn với cái mà Walter và George khẳng định là phong cách thời thượng và phù hợp với vóc dáng kém xinh đẹp của tôi. Cô ấy không vui khi phải xé rời các đường may nối một bộ váy màu đen và bạc lộng lẫy, nhưng Matthew nhất định yêu cầu. Vì Bè lũ Bóng đêm đang ở trong nhà, tôi cần những bộ đồ trang trọng cũng như thêm các phụ kiện khác nữa.

“Nhưng tiểu thư Louisa đã làm đám cưới trong chiếc váy dài đó, thừa đức ngài,” Françoise phản đối.

“Đúng thế, với một lão già tám mươi lăm tuổi không con cái, yếu tim và có những điển trang sinh lợi khổng lồ. Tôi tin thứ đó còn hơn cả phần hoàn lại cho sự đầu tư của gia đình này vào đó,” Matthew đáp. “Nó sẽ hợp với Diana cho tới khi cô có thể làm cho cô ấy thứ gì đó tốt hơn.”

Cuốn sổ của tôi dĩ nhiên không thể nhắc đến cuộc trò chuyện này. Thay vào đó, tôi lựa chọn từ ngữ cẩn thận để chúng sẽ không có nghĩa gì với bất cứ ai khác, nhưng lại gợi lên cho riêng tôi những hình ảnh sống động về những người cụ thể, về âm thanh và những cuộc nói chuyện. Nếu cuốn sổ này sống sót được, một độc giả tương lai sẽ thấy những mảnh vụn nhỏ bé của cuộc đời tôi thật nghèo nàn, khô khan. Các sử gia nghiên ngẫm những văn bản như thế này, sẽ hy vọng thấy được một cuộc đời phức tạp, phong phú ẩn đằng sau những dòng chữ giản dị.

Matthew rửa thầm. Tôi không phải là người duy nhất trong nhà này đang che giấu điều gì đó.

Chồng tôi nhận được rất nhiều thư ngày hôm nay và tặng tôi cuốn sổ này để lưu giữ các hồi ức của mình.

Khi tôi nhắc bút để chấm thêm mực, Henry cùng Tom bước vào phòng tìm Matthew. Con mắt thứ ba của tôi chợt chờn mở ra, đột nhiên ý thức được điều đó khiến tôi kinh ngạc. Kể từ khi tới đây, các sức mạnh mới phát sinh khác của tôi – lửa phù thủy, nước phù thủy và gió phù thủy – đã đi vắng một cách kỳ quái. Cùng với giác quan có thêm ngoài mong đợi này, con mắt thứ ba cho phép tôi có thể thấy rõ không chỉ cảm giác căng thẳng màu đỏ-đen của bầu không khí xung quanh Matthew mà còn thấy cả ánh sáng bạc của Tom hay ánh sáng mờ mờ màu xanh-đen của Henry. Mỗi cái mang dấu ấn cá nhân giống như dấu vân tay vậy.

Nghĩ lại những sợi ánh sáng xanh và hổ phách mà tôi đã thấy ở góc phòng của Chòi Gác Cổ, tôi băn khoăn sự biến mất của sức mạnh nào đó và sự nổi lên của những sức mạnh khác có thể biểu thị cho điều gì. Còn phần tiếp nối sáng nay nữa...

Thứ gì đó ở trong góc phòng lọt vào mắt tôi, một ánh sáng suột qua màu hổ phách với những vệt màu xanh lá. Có tiếng vọng khẽ đến mức cảm thấy được hơn là nghe thấy. Khi tôi quay đầu để xác định nguồn gốc xuất hiện của nó thì cảm giác đó lại mờ đi. Sợi sáng đó đập rộn lên ở tầm nhìn ngoại biên của tôi, như thể thời gian đang ra hiệu cho tôi quay về nhà.

Ngay từ lần đầu tiên di chuyển vượt thời gian ở Madison, khi du hành trong một vài phút ngắn ngủi, tôi đã nghĩ thời gian như một loại vật chất được làm từ những sợi ánh sáng và màu sắc. Nếu tập trung cao độ, bạn có thể lấy tiêu điểm vào một sợi đơn, lần theo nó để đi tới đầu nguồn. Bây giờ, sau khi đã đi xuyên qua vài thế kỷ, tôi biết cái vẻ đơn giản bề ngoài đó mang những đầu mối có khả năng buộc lại một số lượng không tưởng tượng nổi các quá khứ dẫn tới hàng triệu hiện tại cùng một khoảng tương lai tiềm tàng không thể biết được. Isaac Newton đã tin rằng thời gian là sức mạnh cốt yếu của tự nhiên không thể bị kiểm soát. Sau khi chiến đấu để đưa chúng tôi về được năm 1590, tôi đã sẵn sàng đồng ý với ông ấy.

“Diana? Em ổn cả chứ?” Giọng nói căng thẳng của Matthew đánh tan cơn mơ màng của tôi. Những người bạn của anh nhìn tôi vẻ quan tâm.

“Tốt ạ,” tôi máy móc trả lời.

“Em không khỏe.” Anh ném cây bút lông lên bàn. “Mùi hương của em đã thay đổi. Anh nghĩ phép thuật của em có lẽ cũng đang thay đổi. Kit đã đúng. Chúng ta phải tìm cho em một phù thủy càng nhanh càng tốt.”

“Còn quá sớm để mang đến một phù thủy,” tôi phản đối. “Quan trọng là em phải nhìn và nghe như người ở thời đại này đã.”

“Phù thủy khác sẽ biết em là người du hành thời gian,” anh bác bỏ. “Cô ta sẽ hiểu thôi. Hay còn có chuyện gì khác nữa?”

Tôi lắc đầu, không sẵn lòng đón ánh mắt anh.

Matthew không cần nhìn thấy thời gian giãn ra ở góc phòng mới cảm thấy có điều gì đó bị đảo lộn. Nếu anh đã nghi ngờ có nhiều sự thay đổi với phép thuật của tôi hơn là tôi sẵn lòng tiết lộ, thì không có cách nào để tôi giấu giếm được các bí mật của mình trước bất kỳ phù thủy nào, người có lẽ sẽ nhanh chóng được mời đến.

4.

Bè lũ Bóng đêm háo hức giúp Matthew tìm kiếm sinh vật khác người đó. Các gợi ý của họ đều có vẻ coi thường phụ nữ, phù thủy, và tất cả những ai thiếu đi sự giáo dục tại đại học. Henry nghĩ London có thể là mảnh đất màu mỡ cho việc tìm kiếm này, nhưng Walter lại cam đoan rằng sẽ không thể che giấu tôi khỏi những người hàng xóm mê tín trong cái thành phố đông đúc đó. George bắn khoản liệu có thể thuyết phục các học giả ở Oxford để họ cho mượn một chuyên gia không, vì ít nhất họ cũng có phẩm chất trí tuệ phù hợp. Tom và Matthew đưa ra một bài phê bình thô bạo về ưu điểm và nhược điểm của các nhà khoa học ở đó, rồi ý tưởng ấy cũng bị gạt sang một bên. Kit không cho rằng sẽ là khôn ngoan khi trông cậy vào bất cứ người phụ nữ nào trong một nhiệm vụ như thế, liền đưa ra một danh sách các quý ông có thể sẵn lòng lên chế độ huấn luyện cho tôi. Bao gồm vị cha xứ của nhà thờ St.Mary, người được diễm báo những dấu hiệu của khả năng huyền thư ở thiên đàng, một ông chủ đất ở gần đây tên Smythson là người đang chấp chứng vào nghề giả kim và đang tìm một phù thủy hay yêu tinh để trợ giúp ông ta, cuối cùng là một sinh viên ở trường Nhà thờ Chúa, người đã thanh toán hết các hóa đơn sách quá hạn của mình bằng việc xem dự đoán tương lai.

Matthew phủ quyết tất cả những gợi ý rồi cho gọi bà góa Beaton, một phụ nữ tinh khôn, cũng là bà đỡ của Woodstock. Bà ta nghèo khó và là phụ nữ – chính xác là kiểu người bị Bè lũ Bóng đêm khinh rẻ – nhưng người này, như Matthew chỉ rõ, sẽ đảm bảo tốt nhất cho sự hợp tác đôi bên. Thêm vào đó, bà góa Beaton là sinh vật khác người duy nhất trong vòng mấy dặm gần đây nổi tiếng với tài năng phép thuật. Tất cả những người kia thà bỏ chạy – anh thú nhận – còn hơn là sống gần một wearh.

“Cho gọi bà góa Beaton có lẽ không phải ý tưởng hay,” tôi nói khi chuẩn bị đi ngủ.

“Vây là em cũng nói chuyện này,” Matthew đáp với vẻ thiếu kiên nhẫn được che giấu vừa đủ. “Nhưng nếu bà góa Beaton không thể giúp chúng ta, thì bà ta có thể gợi ý ai đó có thể làm việc ấy.”

“Vào cuối thế kỷ mười sáu này thật sự không phải thời điểm tốt để công khai dò hỏi về một phù thủy đâu Matthew.” Tôi không thể làm được gì nhiều hơn ngoài việc bóng gió gợi ý đến cảnh săn lùng phù thủy khi chúng tôi ở cùng Bè lũ Bóng đêm, nhưng Matthew biết những điều khủng khiếp sắp tới. Một lần nữa anh lại bác bỏ lo lắng của tôi.

“Những phiên tòa xét xử phù thủy của Chelmsford bây giờ chỉ còn là những hồi ức thôi và phải thêm hai mươi năm nữa mới đến những cuộc săn lùng của Lancashire. Anh sẽ không mang em tới đây nếu sắp có một cuộc săn lùng phù thủy nổ ra ở nước Anh.” Matthew lướt qua mấy bức thư Pierre để lại trên bàn cho anh.

“Với lý do như thế, thật tốt khi anh là một nhà khoa học chứ không phải một sử gia,” tôi nói thẳng. “Chelmsford và Lancashire là đỉnh điểm bùng phát của những mối lo lắng đã lan rộng từ lâu.”

“Em nghĩ một sử gia có thể hiểu chiều hướng hiện giờ hơn người đã trải qua nó ư?” Lòng mảy Matthew nhướn lên vẻ hoài nghi thấy rõ.

“Vâng,” tôi đáp, xù lông nhím. “Chúng ta thường thế mà.”

“Đó không phải là điều em nói sáng nay khi em không thể hiểu tại sao chẳng có cái đĩa nào trong nhà này,” anh nhận xét. Đúng là tôi đã sục sạo khắp nơi suốt hai mươi phút trước khi Pierre nhẹ nhàng thổ lộ cho tôi rằng những món đồ dùng bếp núc đó không phổ biến ở nước Anh.

“Chắc chắn anh không phải một trong số những người tin rằng các sử gia chẳng làm gì khác

ngoài việc ghi nhớ ngày tháng cũng như nghiên cứu các sự kiện còn mơ hồ,” tôi nói. “Công việc của em là phải hiểu tại sao những thứ đó xảy đến trong quá khứ. Khi có chuyện xảy ra ngay trước mắt anh, thì rất khó nhìn thấy được nguyên do của vấn đề, nhưng khi nhìn nhận sự việc muộn hơn sẽ cho thấy một viễn cảnh rõ ràng hơn.”

“Thế thì em có thể an lòng, bởi vì anh có cả kinh nghiệm lẫn nhận định về sự việc sau đó,” Matthew nói. “Anh hiểu thái độ e dè của em, Diana, nhưng cho gọi bà góa Beaton là một quyết định đúng đắn.” Sự việc chấm hết, giọng điệu của anh thể hiện rõ ràng ý đó.

“Vào năm 1590, thực phẩm bị thiếu thốn, và người ta lo lắng về tương lai,” tôi nói, nhấm tính vấn đề trên các ngón tay mình. “Điều đó có nghĩa họ đang tìm kiếm những kẻ giơ đầu ra chịu trách nhiệm cho thời kỳ khó khăn này. Vì lẽ đó, những người phụ nữ tinh ranh khéo léo và các bà đỡ rất sợ bị kết tội phù thủy, mặc dù những người bạn nam giới của anh có thể không nhận thức được điều đó.”

“Anh là người đàn ông quyền lực nhất ở Woodstock,” Matthew nói, nắm lấy hai vai tôi. “Sẽ không ai buộc tội em điều gì cả.” Tôi ngạc nhiên trước sự ngạo mạn đó.

“Em là một người xa lạ, và bà góa Beaton chẳng nợ em gì cả. Nếu em lôi kéo những ánh mắt tò mò, thì cũng đồng thời mang đến sự đe dọa nghiêm trọng đối với an toàn của bà ta,” tôi vặn lại. “Tối thiểu, em cần phải đạt được phong thái như một phụ nữ thương lưu ở thời đại Elizabeth trước khi chúng ta yêu cầu bà ta giúp đỡ. Hãy cho em thêm vài tuần nữa.”

“Chuyện này không thể đợi được, Diana,” anh cộc cằn đáp.

“Không phải em đang yêu cầu anh kiên nhẫn để em học thêu thùa hay làm mứt. Có những lý do đúng đắn cho yêu cầu này.” Tôi nhìn anh gay gắt. “Cứ gọi người phụ nữ khôn ngoan của anh tới đi. Nhưng đừng có ngạc nhiên khi chuyện này trở thành tời tệ nhé.”

“Hãy tin anh.” Matthew hạ môi về phía môi tôi. Ánh mắt anh như một màu sương khói, bản năng đeo đuổi con mồi và dồn ép nó phải khuất phục trời đất. Không chỉ là đức ông chồng ở thế kỷ mười sáu muốn thắng thế trước vợ mình, mà còn là một chàng ma cà rồng muốn nắm bắt một nàng phù thủy.

“Em không thấy có sự tranh cãi nào dù là nhỏ nhất ở đây,” tôi nói, xoay đầu tránh đi. Tuy nhiên, Matthew rõ ràng lại thấy là có. Tôi nhích ra xa anh vài centimet.

“Anh không tranh cãi,” Matthew khế nói, miệng kề sát tai tôi. “Là em. Và nếu em nghĩ anh sẽ chạm vào em trong lúc giận dữ, vợ a, thì em rất lầm đấy.” Sau khi ghim dính tôi vào cột giường bằng ánh mắt lạnh băng, anh quay đi giật lấy cái quần chèn mặc vào. “Anh sẽ xuống dưới nhà. Sẽ có ai đó còn thức để bầu bạn với anh.” Anh hiên ngang đi tới cửa. Tới đó, anh dừng bước.

“Và nếu em thật sự muốn cư xử như một phụ nữ thời Elizabeth thì hãy thôi chất vấn anh đi,” anh thô bạo nói rồi rời đi.

Ngày hôm sau, một ma cà rồng, hai yêu tinh cùng ba người đàn ông lẳng lẽ kiểm tra lại vẻ ngoài của tôi từ phía bên kia sàn phòng rộng lớn. Những hồi chuông điểm giờ của nhà thờ St. Mary ngân nga, tiếng vang nhạt dần nấn ná kéo dài một lúc lâu sau khi hồi chuông dứt. Mùi mộc qua, hương thảo và oải hương thoang thoảng trong không khí. Tôi an tọa trên một chiếc ghế gỗ không mấy thoải mái và bị giam trong một bộ váy xếp nếp, chân váy lót dài nhiều tầng, những ống tay áo, váy ngoài và một chiếc áo lót thắt dây thật chặt. Cuộc đời định hướng theo đuổi sự nghiệp ở thế kỷ hai mươi một của tôi mờ xa dần theo từng hơi thở ngắn ngủi. Tôi nhìn đăm đăm ra khoảng trời u ám, mưa lạnh tấp vào khung cửa kính trên các ô cửa sổ bằng chì.

“Elle est ici,” Pierre thông báo, ánh mắt anh ta thoáng lướt qua phía tôi. “Nữ phù thủy đã ở đây để gặp madame.”

“Cuối cùng đã đến,” Matthew nói. Những đường may giản dị trên chiếc áo chên khiến hai bờ vai anh trông rộng hơn, trong khi những họa tiết đầu và lá sồi màu đen may viền quanh chiếc cổ áo trắng càng làm tôn lên sắc trắng nhợt nhạt của làn da. Anh nghiêng mái đầu đen để ngắm nghía xem liệu tôi đã hội tụ đủ tư cách một bà vợ đáng kính trọng dưới thời Elizabeth hay chưa.

“Thế nào?” Anh hỏi. “Sẽ ổn chứ?”

George hạ thấp trông kính mắt. “Ổn. Chiếc váy dài màu nâu đỏ nhạt này hợp với cô ấy hơn cái lần trước và nó tôn lên màu tóc của cô ấy.”

“Bà Roydon trông cũng vào vai rồi đấy, George, đúng thế thật. Nhưng chúng ta không thể giải thích được lối nói chuyện khác thường của cô ấy chỉ đơn giản bằng cách nói cô ấy đến từ v-vu-vùng quê,” Henry thêm bằng giọng nam trầm không ngữ điệu. Anh ta bước tới để kéo lại các nếp váy thêu kim tuyến của tôi cho ngay ngắn. “Và chiều cao của cô ấy nữa. Không che giấu nổi. Cô ấy thậm chí còn cao hơn cả nữ hoàng.”

“Mọi người có chắc chúng ta không thể biến cô ấy thành người Pháp, người xứ Walt hay Hà Lan không?” Tom dùng mấy ngón tay bị dính mực đưa một quả cam có mùi đinh hương lên mũi người. “Có lẽ rồi cuộc bà Roydon cũng có thể sống sót ở London. Yêu tinh dĩ nhiên không thể không nhận ra cô ấy, nhưng những người đàn ông bình thường có thể không liếc nhìn cô ấy đến lần thứ hai đâu.”

Walter khịt mũi nín cười rồi gỡ rối cho tôi. “Bà Roydon có dáng người đẹp cũng như chiều cao khác thường. Những người đàn ông bình thường từ độ tuổi mười ba đến sáu mươi sẽ có đủ lý do khiến họ muốn tìm hiểu về cô ấy. Không, Tom, cô ấy tốt hơn nên ở đây, với bà góa Beaton.”

“Có lẽ tôi có thể gặp bà góa Beaton sau, ở trong làng, và một mình?” Tôi đưa ra gợi ý, hy vọng có ai đó trong bọn họ có thể tỉnh táo và thuyết phục Matthew để tôi làm theo cách của mình.

“Không!” Tiếng kêu kinh hoàng của sáu giọng đàn ông vút lên.

Françoise xuất hiện mang hai mảnh vải lanh và ren đã được hồ bột, vòng ngực căng phồng của cô ta giống như một chú gà trống giận dữ đang đối mặt với một con gà chọi thích gây gổ. Ngay khi tôi định mở miệng anh đã chen vào ngay, thông báo với cô ấy rằng: “Diana sẽ không vào triều. Cái cổ áo xếp đó không cần thiết,” Matthew nói kèm theo một cử chỉ nôn nóng. “Hơn nữa, tóc của cô ấy mới là vấn đề rắc rối.”

“Ngài không biết cái gì là cần thiết cả,” Françoise vặn lại. Mặc dù cô ta là một ma cà rồng còn tôi là phù thủy, nhưng chúng tôi đều phải công nhận trước sự ngốc nghếch của đàn ông. “Madame de Clermont thích cái nào hơn ạ?” Cô ta giơ ra một cái tổ xếp nếp có chất vải mỏng nhẹ như sa và thứ gì đó hình lưỡi liềm tương tự những bông tuyết gắn với nhau bằng các đường khâu vô hình.

Các bông tuyết trông dễ chịu hơn nên tôi chỉ vào chúng.

Trong khi Françoise gắn thêm cái cổ áo vào mép chiếc áo lót bó sát của tôi, Matthew chạm vào mái tóc với nỗ lực cố gắng làm cho nó thành nếp như ý. Françoise đập lên tay anh. “Đừng chạm vào.”

“Ta sẽ chạm vào vợ mình khi ta muốn. Và hãy thôi gọi Diana là ‘Madame de Clermont’,” Matthew quát, trong khi di chuyển tay xuống hai bờ vai tôi. “Ta cứ tưởng mẹ ta đến.” Anh kéo mép cổ áo tách xa ra, nói lỏng sợi dây nhung đen mà Françoise đã buộc lại.

“Madame là phụ nữ đã có chồng. Ngực bà ấy nên được che lại. Đã có đủ những lời bàn ra tán vào về nữ chủ nhân mới rồi,” Françoise phản đối.

“Bàn tán ư? Lời bàn tán thế nào?” Tôi nhăn nhó hỏi.

“Bà không có mặt ở nhà thờ vào ngày hôm qua, nên có chuyện cho rằng bà đang có mang, hoặc bị căn bệnh đầu mùa hành hạ đau đớn. Vị linh mục dị giáo thì tin rằng bà là người theo Thiên Chúa giáo. Những người khác nói bà là người Tây Ban Nha.”

“Người Tây Ban Nha ư?”

“Oui, madame. Ai đó đã nghe thấy tiếng bà trong tàu ngựa chiều qua.”

“Nhưng tôi đang tập nói tiếng Pháp mà!” Tôi khá có tài bắt chước nên nghĩ bắt chước theo cách nhấn trọng âm của Ysabeau có thể củng cố thêm tính thuyết phục cho câu chuyện tiểu sử công phu của mình.

“Con trai của người giữ ngựa lại không nhận ra điều đó.” Ngữ điệu của Françoise ngụ ý rằng sự nhầm lẫn của thằng bé đã được chứng thực. Cô ta ngấm nghĩa tôi vẽ hài lòng. “Phải, bà trông rõ ra dáng một phụ nữ đáng kính.”

“Fallaces sunt rerum species,” Kit thở dài nói, khiến Matthew quắc mắt nhìn giận dữ. “‘Về ngoài có thể dối lừa.’ Màn trình diễn của cô ta sẽ chẳng thuyết phục được ai đâu.”

“Ngày hôm nay còn quá sớm đối với Seneca đấy.” Walter tặng Marlowe ánh nhìn cảnh cáo.

“Chẳng bao giờ là quá sớm đối với chủ nghĩa khắc kỷ cả,” Kit gay gắt đáp lại. “Anh nên cảm ơn tôi rằng đó không phải Homer đấy. Tất cả những gì chúng ta được nghe gần đây là những đoạn linh tinh vớ vẩn của tác phẩm Iliad. Hãy để tiếng Hy Lạp cho những người hiểu nó, George ạ – ai đó như Matt ấy.”

“Bản dịch của tôi về tác phẩm của Homer vẫn còn chưa hoàn thành!” George xù lông bật lại.

Câu trả lời của anh chàng khơi lên cơn lũ những trích dẫn tiếng Latin từ Walter. Một trong số đó khiến Matthew phải nín cười, và anh nói điều gì đó mà tôi nghi ngờ là tiếng Hy Lạp. Nữ phù thủy đang đợi ở dưới nhà đã hoàn toàn bị quên lãng, cánh đàn ông cuồng nhiệt say sưa với trò giải trí yêu thích của họ: chiếm thế thượng phong bằng lý lẽ. Tôi chìm cả người vào chiếc ghế bành của mình.

“Khi ở trong bầu không khí hài hước tốt đẹp thế này, họ quả là một kỳ quan,” Henry thì thầm. “Đây là những người hóm hỉnh sâu cay nhất vương quốc này, thưa bà Roydon.”

Raleigh và Marlowe bây giờ đang quát vào mặt nhau về những phẩm chất xứng đáng – hoặc việc thiếu phẩm chất ấy – trong các chính sách đối với thuộc địa và khai phá của Nữ hoàng.

“Người ta tặng cả năm vàng cho một người phiêu lưu mạo hiểm như anh thì cũng chẳng khác gì mang nó ném xuống sông Thames, Walter ạ,” Kit cười như nắc nẻ.

“Người phiêu lưu mạo hiểm! Anh bạn chẳng thể bước một bước ra khỏi cửa giữa ban ngày ban mặt vì sợ bọn chủ nợ.” Giọng Raleigh rung lên. “Anh là thằng ngốc thế đấy, Kit ạ.”

Matthew vẫn cứ theo dõi cuộc đấu võ mồm với vẻ thích thú càng lúc càng tăng.

“Giờ anh đang gặp rắc rối với ai thế?” Anh hỏi Marlowe, với tay lấy ly rượu vang của mình. “Và giá của nó là bao nhiêu mới có thể lôi anh ra khỏi đó hả?”

“Tay thợ may của tôi.” Kit phẩy tay về phía bộ đồ đắt tiền trên người. “Nhà in cho cuốn Tamburlaine.” Anh ta ngập ngừng, ưu tiên nêu ra những con số vượt trội. “Hopkins, cái tên con hoang tự phong là lãnh chúa chỗ tôi ấy. Nhưng tôi có cái này rồi.” Kit giờ ra bức tượng nhỏ xíu hình nữ thần Diana đã thắng được của Matthew khi họ chơi cờ vua tối Chủ nhật. Lo lắng khi đã

để bức tượng rời khỏi tầm mắt mình, nên tôi ngọ nguậy nhích tới phía trước vài phân.

“Anh bạn không thể chấy túi đến nỗi đem cầm cái thứ rẻ tiền đó lấy vài xu chứ.” Matthew nháy mắt với tôi, đồng thời bằng một cử động nhỏ của bàn tay anh đã khiến tôi lại chìm sâu trở lại chỗ ngồi. “Tôi sẽ quan tâm đến việc đó.”

Marlowe đứng khựng lại cùng nụ cười ngoác đến tận mang tai, rút túi bức tượng nữ thần bằng bạc. “Anh luôn đáng tin cậy, Matt ạ. Tôi sẽ trả lại cho anh, dĩ nhiên là thế.”

“Tất nhiên,” Matthew, Walter và George lầm bầm vẻ nghi ngờ.

“Dù vậy, hãy giữ lại đủ tiền để mua cho mình một bộ râu nhé.” Kit vuốt ve hàm râu của bản thân với bộ dạng tự mãn. “Anh trông thật kinh khủng.”

“Mua một bộ râu ư?” Tôi chẳng hiểu gì cả. Marlowe hẩn lại dùng cách nói lóng, mặc dù Matthew đã yêu cầu anh ta thôi nói kiểu đó trước mặt tôi.

“Có một thợ cạo ở Oxford vốn là pháp sư. Tóc của chồng bà mọc chậm, đều là nhờ ông ta, ông ta đã cạo sạch nó.” Khi tôi vẫn còn nhìn ngơ ngẩn, Kit đã tiếp tục cùng vẻ kiên nhẫn thái quá. “Matt cần một bộ râu mới có thể trở về bộ dạng bình thường được. Hiển nhiên, cô không đủ năng lực để cho anh ấy thứ đó, nên chúng ta sẽ nhờ ai khác làm thay vậy.”

Ánh mắt tôi lạc tới cái bình rỗng trên chiếc bàn làm bằng gỗ du. Françoise lấp đầy nó bằng những thứ được cắt từ vườn hoa – những nhánh non của cây nhựa ruồi, những cành sơn trà quả màu nâu gần giống quả cây tầm xuân, và vài bông hồng trắng – mang đến sắc hương cho cả căn phòng. Vài giờ trước, tôi đã luồn mấy ngón tay qua đám cành lá đó để kéo những bông hồng và sơn trà ra phía mặt trước của lọ hoa, vừa băn khoăn nghĩ về khu vườn. Tôi hài lòng với thành quả khoảng chừng mười lăm giây, cho tới khi những bông hoa cùng quả kia khô quắt lại hiện ra ngay trước mắt tôi. Sự khô héo ấy lan rộng ra các phía từ mấy đầu ngón tay, hai bàn tay tôi râm ran, nhoi nhói cùng cảm giác thông tin từ các loài thực vật ấy chảy tràn vào: cảm giác ánh nắng mặt trời, cơn mưa đang tạnh, sức mạnh trong những bộ rễ đến từ việc chống chịu trước sức kéo của gió, hương vị của đất.

Matthew đã đúng. Hiện nay, chúng tôi đang ở năm 1590, phép thuật của tôi đang thay đổi. Những đợt tuôn trào bất chợt của lửa phù thủy, nước phù thủy và gió phù thủy mà tôi đã trải qua từ sau khi gặp Matthew nay biến mất. Thay vào đó, tôi đang thấy được những sợi thời gian tỏa sáng và tinh hoa phát tiết đầy sắc màu bao quanh các sinh vật sống. Một con hươu trắng chăm chú nhìn tôi từ bóng râm dưới tán sồi mỗi khi tôi đi dạo trong vườn. Vậy mà bây giờ tôi đang làm mọi vật khô héo.

“Bà góa Beaton đang đợi đấy,” Walter nhắc chúng tôi, rồi dẫn theo Tom đi về phía cửa.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bà ấy đọc được ý nghĩ của tôi?” Tôi lo lắng trong khi đi xuống cầu thang rộng bằng gỗ sồi trắng.

“Tôi lo lắng hơn về điều cô có thể nói ra miệng cơ. Đừng làm gì để khuấy động sự ghen tỵ hay thù hận của bà ta,” Walter khuyên, đi theo phía sau nhóm Bè lũ Bóng đêm. “Nếu tất cả những điều khác đều thất bại hay giả dối. Matthew và tôi lúc nào cũng làm thế.”

“Một phù thủy không thể nói dối phù thủy khác.”

“Chuyện này sẽ không kết thúc tốt đẹp đâu,” Kit lầm bầm vẻ u ám. “Tôi đánh cược đấy.”

“Đủ rồi.” Matthew xoay ngoắt lại tóm lấy cổ áo Kit. Cặp chó tai cụp của Anh đánh hơi rồi gầm gừ bên mắt cá chân Kit. Chúng ủng hộ Matthew – và chẳng con nào thích Kit cả.

“Tất cả những gì tôi nói...” Kit bắt đầu, vặn vẹo người cố gắng thoát ra. Matthew, không cho

anh ta cơ hội nào, liền nâng anh ta lên ấn vào sát tường.

“Điều anh nói chẳng có gì thú vị cả, và điều anh ám chỉ thì đủ rõ ràng rồi.” Năm tay Matthew siết chặt thêm.

“Để cậu ta xuống.” Walter đặt một bàn tay lên vai Marlowe còn tay kia lên vai Matthew. Chàng ma cà rồng phớt lờ Raleigh và nâng anh bạn mình cao lên thêm vài phân nữa. Trong bộ cánh màu đỏ-đen, Kit trông giống một con chim kích động không hiểu sao lại bị mắc bẫy trong những nếp gỗ ốp tường. Matthew giữ anh ta ở đó một lúc nữa để tỏ thái độ rõ ràng rồi mới thả anh chàng rơi xuống.

“Đi nào, Diana. Mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả thôi.” Matthew vẫn nói vẻ chắc chắn, nhưng điềm báo đang thúc nhói vào mấy ngón tay cái của tôi lại cảnh báo rằng Kit có thể đúng.

“Ôi trời,” Walter lẩm bẩm không tin khi chúng tôi tiến vào sảnh. “Đó có phải bà góa Beaton không?”

Ở cuối phòng, đang đứng trong bóng tối, là một phù thủy chuẩn khuôn mẫu: bé tẹo, lưng còng và nhiều tuổi. Khi chúng tôi tới gần hơn, những chi tiết về bộ váy đen sệt soạt, mái tóc bạc trắng lòa xòa hay làn da nhăn nheo của bà ta bắt đầu rõ nét hơn. Một con mắt của bà ta trắng dã do đục thủy tinh thể, con mắt kia màu nâu đỏ vẫn tia máu. Tròng mắt bị đục thủy tinh kia xoay tròn trong hốc, như thể khả năng nhìn của nó sẽ được cải thiện nếu ở một khung cảnh khác. Ngay khi nghĩ chuyện không thể tệ hơn nữa, thì tôi thấy cái mụn cơm trên sống mũi của bà ta.

Bà góa Beaton thoáng liếc về phía tôi rồi nhún gối chào vẻ miễn cưỡng. Cảm giác râm ran vừa đủ nhận thấy trên da thịt nói cho tôi biết bà ta quả thật là một phù thủy. Không hề báo trước, con mắt thứ ba vụt mở để tìm kiếm thêm thông tin. Tuy nhiên, không giống hầu hết các sinh vật khác người khác, bà góa Beaton không tỏa ra ánh sáng. Bà ta hoàn toàn xám xịt. Thật nhụt chí khi thấy một phù thủy gắng sức khó nhọc để trở nên vô hình. Có phải tôi cũng xanh xao, vàng vọt như thế trước khi chạm vào Ashmole 782 không? Con mắt thứ ba rũ xuống rồi đóng lại.

“Cảm ơn vì đã đến gặp chúng ta, bà góa Beaton.” Giọng Matthew ngụ ý rằng bà ta nên vui vẻ, anh đã cho phép bà ấy vào nhà mình.

“Ông chủ Roydon.” Tiếng bà phù thủy lạo xạo nghe như tiếng lá rơi bị cuốn đi trên lớp sỏi ngoài kia. Bà ta hướng con mắt còn tốt sang phía tôi.

“Giúp bà góa Beaton tới chỗ ngồi đi, George.”

Chapman tiến tới theo lệnh của Matthew, trong khi những người còn lại vẫn duy trì một khoảng cách thận trọng. Bà phù thủy khẽ rên lên khi tứ chi bị mắc chứng thấp khớp được an tọa trong chiếc ghế bành. Matthew lịch sự đợi cho đến khi bà ta ngồi xuống rồi mới tiếp tục.

“Chúng ta hãy đi thẳng vào cốt lõi vấn đề nhé. Người phụ nữ này” – anh ra dấu về phía tôi – “ở dưới sự bảo hộ của ta và gần đây đang gặp nhiều khó khăn.” Matthew không dả động gì tới cuộc hôn nhân của chúng tôi.

“Ngài được vây quanh bởi những người bạn có tầm ảnh hưởng cùng những người hầu trung thành, thưa ông chủ Roydon. Một người phụ nữ nghèo khổ có lẽ chẳng mấy hữu dụng đối với quý ông như ngài.” Bà góa Beaton cố che đậy ý chỉ trích trong lời nói bằng ngữ điệu tỏ vẻ nhã nhặn lịch sự nhưng thất bại, chòng tôi có khả năng nghe tuyệt hảo. Hai mắt anh nheo lại.

“Đừng làm trò màu mè với ta,” anh nói cộc lốc. “Bà không muốn ta là kẻ thù đâu, bà góa Beaton. Người phụ nữ này bộc lộ những dấu hiệu là một phù thủy và cần sự giúp đỡ của bà.”

“Một phù thủy ư?” Bà góa Beaton tỏ vẻ hoài nghi lịch sự. “Mẹ bà ấy là phù thủy ư? Hay bố bà ấy là pháp sư?”

“Cả hai đều đã chết khi cô ấy còn nhỏ. Chúng ta không chắc về các sức mạnh họ có,” Matthew thừa nhận, kể lại một nửa sự thật theo đúng phong cách của ma cà rồng. Anh ném túi tiền xu nhỏ vào lòng bà ta. “Ta sẽ lấy làm biết ơn nếu bà có thể kiểm tra cô ấy.”

“Tốt thôi.” Những ngón tay xương xẩu của bà góa Beaton vươn tới mặt tôi. Khi da thịt cả hai chạm vào nhau, một cơn sóng năng lượng không thể nhầm lẫn dâng lên tràn qua giữa chúng tôi. Bà lão nhảy dựng lên.

“Thế nào?” Matthew hỏi.

Hai bàn tay bà góa Beaton thả xuống lòng. Bà ta siết chặt lấy túi tiền và trong thoáng chốc như sắp ném trả cho anh. Nhưng rồi bà ta lấy lại được vẻ điềm tĩnh.

“Đúng như tôi nghi ngờ. Người phụ nữ này không phải phù thủy, thưa ông chủ Roydon.” Giọng bà ta đều đều, mặc dù có hơi cao hơn bình thường. Một sự khinh thường từ trong lòng dâng lên bờ môi tôi với vị đắng ngắt.

“Nếu bà nghĩ thế, thì bà không có nhiều quyền năng như mọi người ở Woodstock vẫn tưởng,” tôi phản ứng lại.

Bà góa Beaton gương mặt dấy vẻ căm phẫn. “Tôi là một người chữa bệnh đáng kính, với kiến thức hiểu biết về thảo dược để bảo vệ đàn ông và đàn bà khỏi đau ốm. Ông chủ Roydon biết rõ khả năng của tôi.”

“Đó là ngón nghề của phù thủy. Nhưng người của chúng ta cũng có các năng lực khác,” tôi thận trọng nói. Các ngón tay Matthew siết lấy tay tôi đến phát đau, thúc tôi im lặng.

“Tôi không biết năng lực nào như thế cả,” bà ta đáp nhanh. Bà lão này ngoan cố y như dì Sarah của tôi và cũng chia sẻ sự khinh thường dành cho các phù thủy giống tôi, những kẻ có thể gọi tới sức mạnh tự nhiên mà không cần nghiên cứu cẩn thận truyền thống pháp thuật của phù thủy. Dì Sarah biết cách sử dụng mọi loại thảo dược hay thực vật và có thể nhớ hàng trăm loại bùa chú một cách hoàn hảo, nhưng để được như thế cần phải nỗ lực nhiều hơn chỉ là một phù thủy. Bà góa Beaton biết điều đó, cho dù bà ta không thừa nhận nó.

“Chắc chắn có cách nào đó để xác định mức quyền năng của người phụ nữ này ngoài một tiếp xúc đơn giản. Ai đó có năng lực như bà chắc chắn phải biết được chúng là gì,” Matthew nói với giọng điệu nhạo báng cao độ lộ rõ sự thách thức. Bà góa Beaton tỏ vẻ hoang mang, ước lượng cái túi trong tay mình. Cuối cùng sức nặng của nó đã thuyết phục bà ta khơi dậy cuộc tranh cãi. Bà ta luồn khoắn thanh toán đó vào túi ẩn dưới lớp váy.

“Có những bài kiểm tra để xác định xem liệu ai đó có phải phù thủy không. Một số dựa trên việc học thuộc lòng một bài kinh cầu. Nếu một sinh vật vấp khi đọc, ngáp ngừng dù chỉ trong thoáng chốc, thì đó là dấu hiệu cho thấy quỷ dữ đang ở gần,” bà ta tuyên bố, chuyển sang giọng điệu kỳ bí.

“Quý dữ không quanh quẩn ở Woodstock, bà Beaton,” Tom nói. Giọng anh ta nghe như vị phụ huynh giúp con mình tin rằng không có con quái vật nào ở dưới gầm giường cả.

“Quý dữ ở khắp mọi nơi, thưa ngài. Những người tin vào điều ngược lại sẽ thành con mồi cho những mưu ma chước quỷ dẫn dụ của chúng.”

“Đấy là những câu chuyện bịa đặt của loài người làm ta sợ hãi, mê tín và dằn dặt,” Tom bác bỏ.

“Không phải lúc này, Tom,” Walter thì thầm.

“Cũng còn các dấu hiệu khác nữa mà,” George nói, háo hức hơn bao giờ hết khi được chia sẻ sự hiểu biết của mình. “Quý dữ đánh dấu một phù thủy như sở hữu riêng của nó bằng những vết sẹo và tật xấu.”

“Quả là thế, thưa ngài,” bà góa Beaton đáp, “và những người đàn ông khôn ngoan biết cách tìm ra chúng.”

Máu tôi như ồ ạt rút sạch khỏi đầu, để lại cơn choáng váng và xây xẩm mặt mày. Nếu ai có ý định làm thế thì sẽ thấy những dấu vết như vậy trên người tôi.

“Hắn phải có các phương pháp khác nữa,” Henry tỏ vẻ khó chịu.

“Có, thưa đức ngài.” Con mắt trắng đục của bà góa Beaton quét qua căn phòng. Bà ta nhìn thẳng vào chiếc bàn có các dụng cụ khoa học và một đồng sách. “Cùng tôi đến chỗ kia.”

Bà phù thủy trượt bàn tay vào cái lỗ trên váy, nơi vừa cất giấu những đồng tiền rồi rút ra một chiếc chuông mòn vẹt bằng đồng thau, đặt nó lên bàn. “Xin vui lòng mang đến một ngọn nến.”

Henry nhanh nhẹn làm theo, còn những người đàn ông khác vây quanh, vẻ tò mò.

“Vài người nói sức mạnh thực sự của phù thủy đến từ một sinh vật ở giữa ranh giới của sự sống và cái chết, ánh sáng và bóng tối. Ở những ngã tư đường trong thế giới này, bà ta có thể phá hủy công trình của tạo hóa hay tháo gỡ các nút thắt làm mờ trật tự của vạn vật.” Bà góa Beaton lấy ra một cuốn trong chồng sách rồi để thẳng hàng giữa cây nến trên giá đỡ nặng trĩch bằng bạc và chiếc chuông đồng. Giọng bà chùng xuống. “Khi hàng xóm phát hiện ra một phù thủy trong quá khứ, họ ném bà ta khỏi nhà thờ bằng một hồi chuông để ám chỉ rằng bà ta đã chết.” Bà góa Beaton giơ chiếc chuông lên và lắc nhẹ cổ tay. Khi thả tay ra, chiếc chuông vẫn ngân nga, lơ lửng trên bàn. Tom và Kit ghé sát mép bàn, George thở gấp, còn Henry làm dấu thánh. Bà góa Beaton tỏ vẻ hài lòng trước phản ứng của họ rồi quay sang hướng sự chú ý tới bản dịch tiếng Anh của một tác giả kinh điển người Hy Lạp, Euclid’s Elements of Geometrie, nó nằm trên bàn cùng vài dụng cụ toán học trong bộ sưu tầm đồ sộ của Matthew.

“Sau đó vị mục sư giơ lên một cuốn sách thiêng – một cuốn Kinh thánh – và đóng nó lại để thể hiện rằng nữ phù thủy kia đã bị Chúa trời chối bỏ.” Cuốn Elements of Geometrie đóng sập lại. George và Tom nhảy dựng lên. Các thành viên của Bê lũ Bóng đêm lại là những người đàn ông dễ bị ảnh hưởng tới mức đáng kinh ngạc, mặc dù họ vốn tự cho rằng bản thân đã miễn nhiễm khỏi thói mê tín.

“Cuối cùng người mục sư tắt ngọn nến để biểu thị rằng nữ phù thủy nọ không có linh hồn.” Những ngón tay của bà ta vươn tới ngọn lửa, kẹp lấy cái bắc nến. Ánh sáng tắt ngấm, một chùm khói xám mỏng manh vươn lên trong không trung.

Cánh đàn ông đã bị thôi miên. Ngay cả Matthew trông cũng bất ổn. Âm thanh duy nhất trong căn phòng là tiếng lách tách của lò sưởi và tiếng chuông rung bé xíu liên hồi.

“Một phù thủy thật sự có thể thắp sáng lại ngọn nến, mở các trang sách này và làm cái chuông ngừng reo. Cô ta là tạo vật tuyệt vời trong mắt Chúa.” Bà góa Beaton ngừng lại làm không khí trở nên kịch tính, con mắt màu trắng đục đảo về phía tôi. “Cô có thể biểu diễn những việc này không, cô gái?”

Ở thời hiện đại, khi phù thủy đến mười ba tuổi, họ được trình diện trước hội đồng phù thủy địa phương trong một buổi lễ gọi cho người ta nghĩ đến những bài kiểm tra của bà góa Beaton một cách kỳ quái. Những chiếc chuông nơi bệ thờ của phù thủy reo vang chào đón các phù thủy trẻ đến với cộng đồng, dù chúng đều có hình dáng đặc trưng bằng bạc nặng nề, bóng loáng và được truyền từ đời này sang đời khác. Thay cho một cuốn Kinh thánh hay một quyển sách toán học, cuốn sách bùa chú của gia tộc các phù thủy trẻ được mang tới để tăng thêm sức nặng

lịch sử cho dịp lễ này. Thời điểm duy nhất dì Sarah cho phép cuốn bí kíp của gia tộc Bishop ra khỏi nhà là vào dịp sinh nhật thứ mười ba của tôi. Còn về phần cây nến, vị trí và mục đích của nó cũng tương tự. Đó là lý do các phù thủy trẻ luyện tập thấp và tắt nến ngay từ khi còn bé.

Lần ra mắt chính thức của tôi trước hội đồng phù thủy Madison là một thảm họa, trước sự chứng kiến của tất cả họ hàng. Hai thập kỷ sau, tôi vẫn còn có cơn ác mộng kỳ lạ về ngọn nến không chịu thấp sáng, cuốn sách từ chối mở ra và cái chuông rung lên cho mọi phù thủy khác nhưng lại không rung lên vì tôi. “Tôi không chắc,” tôi ngập ngừng thú nhận.

“Thử đi,” Matthew động viên, giọng anh đầy tự tin. “Em đã thấp sáng những ngọn nến mấy hôm trước mà.”

Đó là sự thật. Tôi thực sự đã có thể thấp sáng những quả bí ngô xếp thành hàng dọc theo đường xe chạy ở ngôi nhà của gia đình Bishop vào dịp Halloween. Tuy nhiên, lúc đó chẳng có khán giả nào quan sát những cố gắng đầu tiên vụng về của tôi. Hôm nay, ánh mắt Kit và Tom đang thôi thúc với vẻ mong đợi. Tôi có thể cảm thấy ánh mắt của bà góa Beaton quét qua mình, nhưng hơn cả tôi vẫn ý thức được sự điềm tĩnh, quen thuộc nơi Matthew. Máu trong huyết quản tôi lạnh cóng phản ứng lại cái nhìn ấy, như thể đang từ chối phát ra ngọn lửa được yêu cầu bằng pháp thuật phù thủy. Hỷ vọng điều tốt đẹp nhất, tôi tập trung vào cái bắc nến và lẩm bẩm đọc bùa chú.

Không có gì xảy ra.

“Thư giãn đi,” Matthew thì thầm. “Thế còn cuốn sách thì sao? Em có nên bắt đầu từ đó không?”

Gạt qua một thực tế là trật tự hợp lý của mọi vật đóng vai trò quan trọng trong pháp thuật phù thủy, tôi không biết bắt đầu từ đâu với cuốn Euclid’s Elements. Liệu tôi nên tập trung vào tầng không khí bị mắc kẹt trong các trang giấy hay triệu hồi một cơn gió để nâng cái bìa sách lên? Không thể suy nghĩ một cách rõ ràng cùng tiếng chuông kêu liên miên thế này được.

“Bà có thể làm ơn dừng cái chuông lại không?” Tôi bật hỏi khi cơn bồn chồn dâng lên.

Bà góa Beaton búng tay, cái chuông đồng liền rơi xuống bàn. Nó phát ra một tiếng keng cuối cùng, phần mép méo mó rung lên, rồi rơi vào im lặng.

“Như tôi đã nói với ngài, thưa ông chủ Roydon,” bà góa Beaton nói, khẩu khí đặc thẳng. “Cho dù phép thuật mà ngài nghĩ mình đã chứng kiến là gì, thì nó chẳng là gì hơn ngoài những ảo giác. Người phụ nữ này không có sức mạnh nào cả. Ngôi làng chẳng việc gì phải sợ hãi bà ấy.”

“Có lẽ cô ta đang cố gắng bẫy anh, Matthew,” Kit nói leo vào. “Tôi sẽ không bỏ qua cho cô ta đâu. Phụ nữ là những sinh vật hai mặt.”

Các phù thủy khác cũng đã đưa ra cùng một tuyên bố như bà góa Beaton, và cũng với vẻ thỏa mãn tương tự. Đột nhiên tôi cảm thấy sự mãnh liệt muốn chứng minh rằng bà ta đã sai và quét đi cái vẻ hiểu biết trên gương mặt Kit.

“Tôi không thể thấp sáng một cây nến. Và không ai có thể dạy tôi cách mở một cuốn sách hay dùng một chiếc chuông đang rung. Nhưng nếu tôi không có sức mạnh, vậy các vị giải thích chuyện này thế nào?” Một tô trái cây được đặt gần đó có nhiều trái mọng qua mới hái từ vườn, tỏa ra màu hoàng kim trong ánh sáng ấm áp. Tôi chọn lấy một trái và để nó thăng bằng trên lòng bàn tay mở rộng, để mọi người đều có thể nhìn rõ.

Da trong lòng bàn tay râm ran nhói nhói khi tôi tập trung vào quả mọng qua nằm gọn ở đó. Da thịt nơi này tựa hồ nhuộm ra xuyên qua lớp vỏ cứng của trái mọng qua như thể quả này được làm ra từ kính. Hai mắt tôi mờ màng khép lại, trong khi con mắt phù thủy mở ra và bắt đầu tìm kiếm thông tin. Nhận thức trườn từ chính giữa trán, xuống cánh tay, rồi xuyên qua đầu ngón

tay. Nó lan rộng như bộ rễ của một cái cây, những sợi rễ của nó luồn vào trái mộc qua.

Từng bước một tôi nắm được bí mật ở trái mộc qua này. Một chú sâu nằm trong lõi của nó, đang nhai nhóp nhép theo đường đi xuyên qua phần thịt quả mềm. Sự tập trung của tôi bị giữ lại bởi sức mạnh kẹt ở đó, cảm giác ấm áp râm ran đi qua đầu lưỡi mang hương vị của mặt trời. Làn da nơi hàng mi thăm dấy lên cảm giác thỏa mãn khi uống thứ ánh sáng mặt trời vô hình kia. Quá nhiều sức mạnh, tôi thăm nghĩ. Sự sống. Cái chết. Khán giả của tôi mờ nhạt dần và trở nên vô nghĩa. Thứ duy nhất quan trọng lúc này là khả năng vô hạn dành cho sự hiểu biết đang nằm trên tay tôi.

Mặt trời đáp lại lời mời lãng lẽ nào đó liền rời khỏi trái mộc qua, chu du tới những ngón tay. Theo bản năng tôi cố kháng cự ánh mặt trời đang tràn đến và giữ nó ở đúng nơi nó phải ở – bên trong quả chín này – nhưng trái mộc qua đã chuyển sang màu nâu, nhăn nheo và xẹp lại.

Bà góa Beaton thở hắt ra, phá vỡ sự tập trung của tôi. Bị giật mình, tôi đánh rơi trái mộc qua đã méo mó xuống sàn nhà, đập vào sàn gỗ bóng loáng. Khi tôi ngược mắt lên, Henry lại đang làm dấu thánh, cơn sốc hiện rõ trong ánh mắt thất thần và động tác chậm chạp máy móc của anh ta. Còn Tom và Walter thì chăm chú nhìn vào mấy ngón tay tôi, nơi những sợi nắng mặt trời nhỏ xíu đang cố gắng một cách vô ích để hàn gắn kết nối đã bị phá vỡ với trái mộc qua. Matthew bao bọc lấy hai bàn tay đang phát ra tiếng xì xèo của tôi trong đôi tay anh, che khuất đi những dấu hiệu cho thấy một sức mạnh vô kỷ luật của tôi. Hai tay tôi vẫn còn đang phát sáng lấp lánh, tôi cố gắng rút ra để không làm cháy tay anh. Anh lắc đầu, hai bàn tay vững vàng giữ chặt, đón lấy ánh mắt tôi như thể nói anh đủ mạnh để hấp thu bất cứ phép thuật nào có thể tác động đến anh. Sau một thoáng chần chừ, hai bàn tay tôi thả lỏng trong tay anh.

“Kết thúc rồi. Không có gì thêm nữa,” anh nói dứt khoát.

“Em có thể ném ánh mặt trời, Matthew.” Giọng tôi cao vút vẻ hoang mang. “Em có thể trông thấy thời gian, đang đợi ở các góc phòng.”

“Người phụ nữ kia đã bỏ bùa một wearh. Đây là công việc của ác quỷ,” bà góa Beaton rít lên. Bà ta thận trọng giật lùi ra xa, các ngón tay chìa ra cố né tránh sự nguy hiểm.

“Không có ma quỷ nào ở Woodstock cả,” Tom dứt khoát nhắc lại.

“Các người có những cuốn sách đầy con dấu kỳ lạ và những bùa phép ma thuật,” bà góa Beaton nói, ra hiệu về phía cuốn Euclid’s Elements. Tôi nghĩ, quả là rất hay khi bà ta không nghe lỏm được Kit đang đọc lớn tác phẩm Doctor Faustus.

“Đó là toán học, không phải phép thuật,” Tom phản đối.

“Cứ gọi nó như các người muốn, nhưng ta đã thấy sự thật. Các người cũng giống như bọn họ, gọi ta tới đây để lôi kéo vào những kế hoạch đen tối.”

“Giống như ai kia?” Matthew lạnh lùng hỏi.

“Các học giả đến từ trường đại học. Bọn họ đánh xe đưa hai phù thủy từ Duns Tew đến cùng với những câu hỏi. Họ muốn kiến thức nhưng lại kết tội những phụ nữ có kiến thức đó như bọn ta. Tuy một hội đồng phù thủy đang bắt đầu hình thành ở Faringdon, nhưng các phù thủy đã phân tán khi họ thu hút sự chú ý của những kẻ như các người.” Có một hội đồng phù thủy đồng nghĩa sự an toàn, được bảo vệ, có cộng đồng. Không có hội đồng, một phù thủy rất dễ bị tấn công trước sự ghen ghét đố kỵ và sợ hãi của những người xung quanh.

“Không ai cố ép buộc bà ở Woodstock cả.” Tôi chỉ định xoa dịu, nhưng một bước tiến tới lại làm bà ta thoái lui xa hơn nữa.

“Có quỷ dữ trong ngôi nhà này. Mọi người trong làng đều biết điều đó. Ngày hôm qua, ông Danforth đã thuyết giáo hội đồng về mối nguy hiểm của việc để mặc cho ác quỷ cầm rế.”

“Tôi đơn độc, là một phù thủy giống bà, không có gia đình giúp đỡ,” tôi nói, cố gắng lôi kéo sự cảm thông của bà ta. “Hãy rủ lòng thương tôi trước khi có bất cứ ai khác phát hiện ra tôi là ai.”

“Người không giống ta, và ta không muốn gặp rắc rối. Sẽ không ai thương hại ta khi dân làng dồn ta vào bước đường cùng. Ta không có wearh bảo vệ cho mình, cũng không có các đức ngài và những quý ông trong triều đứng ra bảo vệ cho danh dự của ta.”

“Matthew – ông chủ Roydon – sẽ không để bất cứ điều gì tổn hại đến bà.” Tôi giơ tay lên cam đoan.

Bà ta hoài nghi. “Wearh không thể tin tưởng được. Dân làng sẽ làm gì nếu họ khám phá ra Matthew Roydon thực sự là ai?”

“Vấn đề này là chuyện giữa hai chúng ta thôi, bà Beaton,” tôi cảnh cáo.

“Cô từ đâu tới, cô gái? Cô tin rằng một phù thủy sẽ che chở cho một phù thủy khác ư? Đây là một thế giới nguy hiểm. Không ai trong chúng ta được an toàn.” Bà lão nhìn Matthew với vẻ căm thù. “Hàng ngàn phù thủy đang chết, mà bọn hèn nhát của Đại Hội Đồng chẳng làm gì. Tại sao thế, hả wearh?”

“Thế là đủ rồi,” Matthew lạnh lùng nói. “Françoise, làm ơn chỉ cho bà Beaton lối ra.”

“Ta sẽ rời khỏi đây, một cách thoải mái.” Bà lão rướn thẳng người hết mức mà bộ xương gầy gò cho phép. “Nhưng hãy ghi nhớ lời ta, Matthew Roydon. Mọi sinh vật trong vòng một ngày đường quanh đây nghi ngờ ngài là con quái vật bẩn thỉu uống máu người. Khi bọn họ phát hiện ngài đang che chở cho một phù thủy có quyền năng đến tối, thì Chúa sẽ không ban phước cho những kẻ chống lại Người đâu.”

“Vĩnh biệt, bà Beaton.” Matthew quay lưng về phía bà phù thủy, nhưng bà ta quyết tâm nói lời cuối cùng.

“Hãy cẩn thận, người chị em,” bà góa Beaton nói vọng lại khi rời đi. “Cô quá chói sáng đối với thời đại này.”

Mọi con mắt trong phòng đổ dồn vào tôi. Tôi nhấp nhồm, không thoải mái vì bị chú ý.

“Hãy giải thích cho mình đi.” Walter xẵng giọng.

“Diana không nợ anh lời giải thích nào cả,” Matthew bắn trả.

Walter giơ một bàn tay lên ra hiệu im lặng tạm đình chiến.

“Chuyện gì đã xảy ra?” Matthew hỏi với giọng có vẻ cân nhắc hơn. Rõ ràng tôi nợ anh một lời giải thích.

“Chính xác như điều em đã dự đoán: Chúng ta đã làm bà góa Beaton sợ hãi. Bây giờ, bà ta sẽ làm mọi điều có thể để giữ khoảng cách với em.”

“Bà ta đáng lẽ nên biết nghe lời. Anh đã đối xử quá tốt với bà ta rồi,” Matthew lầm bầm.

“Tại sao anh không nói cho bà ta biết em là gì đối với anh?” Tôi lặng lẽ hỏi.

“Có lẽ cùng một lý do em không nói cho anh biết em có thể làm gì với một trái cây hái trong vườn,” anh đáp trả, và nắm lấy khuỷu tay tôi. Matthew quay sang những người bạn của mình.

“Tôi cần nói chuyện với vợ tôi. Một mình.” Anh hướng tôi đi ra ngoài.

“Vậy giờ em lại là vợ anh cơ đấy!” Tôi thốt lên, vặn khuỷu tay thoát khỏi anh.

“Em lúc nào cũng là vợ anh. Nhưng không phải người nào cũng cần biết chi tiết về đời sống riêng tư của chúng ta. Giờ thì, chuyện gì đã xảy ra ở đó hả?” Anh hỏi, đứng giữa vườn cạnh một cái cây được cắt tỉa hình khối gọn gàng.

“Lúc trước anh đã đúng: Phép thuật của em đang thay đổi.” Tôi quay nhìn đi nơi khác. “Điều tương tự đã xảy ra lúc sớm nay với những bông hoa trong phòng ngủ. Khi em sắp xếp lại chúng, em nếm được vị đất và không khí, những thứ nuôi lớn chúng. Những bông hoa đó héo úa khi em chạm vào. Em đã cố gắng bắt ánh mặt trời quay lại với trái mộc qua, nhưng nó không tuân theo lệnh em.”

“Thái độ của bà góa Beaton đáng lẽ phải làm giải phóng ra gió phù thủy bởi em cảm thấy bị đe dọa, hoặc lửa phù thủy vì em cảm thấy mình đang bị nguy hiểm. Có lẽ chuyến du hành thời gian đã gây tổn hại đến phép thuật của em,” Matthew nhún mày gợi ý.

Tôi cắn môi. “Đáng lẽ em không nên mất bình tĩnh và cho bà ấy thấy em có thể làm gì.”

“Bà ta biết em đầy quyền năng. Mùi vị sợ hãi của bà ta đầy ắp căn phòng.” Ánh mắt anh nặng trĩu. “Có lẽ còn quá sớm để em xuất hiện trước mặt người lạ.”

Nhưng giờ thì đã quá muộn rồi.

Các thành viên của Bè lũ Bóng đêm xuất hiện cạnh mấy ô cửa sổ, những khuôn mặt xanh tái ép sát vào cửa kính như những ngôi sao trong một chòm sao không tên.

“Không khí ẩm ướt sẽ làm hỏng váy áo của cô ấy mất, Matthew, mà đó là bộ duy nhất trông chỉnh tề vừa vặn với cô ấy,” George mắng, ló đầu ra khỏi cánh cửa sổ. Khuôn mặt yêu tinh của Tom cũng hiện ra bên vai George.

“Tôi đã tự mình thưởng thức rồi!” Kit gào lên, mở tung một cánh cửa sổ khác mạnh đến nỗi các tấm kính kêu lanh canh. “Mụ già xấu xí ấy là một mụ phù thủy chính hiệu. Tôi sẽ cho bà góa Beaton vào một trong những vở kịch của tôi. Các vị có bao giờ tưởng tượng nổi mụ có thể làm chuyện đó với một cái chuông cũ kỹ không?”

“Lịch sử trong quá khứ của anh đối với các phù thủy sẽ không bị lãng quên đâu, Matthew,” Walter nói, đôi chân anh ta đang nghiêng lao xạo trên nền sỏi khi anh ta cùng Henry nhập hội với chúng tôi ngoài vườn. “Bà ta sẽ nói ra. Phụ nữ như bà góa Beaton luôn làm thế.”

“Nếu bà ta nói ra điều chống lại anh, Matt, liệu có lý do để lo lắng không?” Henry nhẹ nhàng hỏi.

“Chúng tôi là những sinh vật khác người, Hal, trong thế giới của con người. Luôn luôn có lý do để lo lắng,” Matthew đáp một cách dứt khoát.

5.

Bè lũ Bóng đêm có thể tranh luận triết lý, nhưng tất cả đều nhất trí rằng sẽ vẫn phải tìm một phù thủy. Matthew phái George và Kit đi dò hỏi ở Oxford, cũng như để hỏi thăm về cuốn cổ thư giả kim thuật bí ẩn của chúng tôi.

Sau bữa tối vào thứ Năm, chúng tôi ngồi quây quần quanh lò sưởi trong đại sảnh. Henry cùng Tom đọc sách và tranh luận về chiêm tinh học hoặc toán học. Walter và Kit chơi xúc xắc ở bàn dài, trao đổi những ý tưởng về các tác phẩm văn chương mới nhất của họ. Tôi đang đọc to một cuốn sách của Walter là *The Faerie Queene* để luyện trọng âm và chẳng thích nó hơn những tác phẩm lãng mạn thời Elizabeth.

“Mở đầu quá đột ngột, Kit à. Anh sẽ làm khán giả sợ chết khiếp, họ sẽ rời khỏi rạp trước khi màn hai bắt đầu mất,” Walter phản đối. “Nó cần nhiều phiêu lưu hơn.” Họ mổ xẻ Doctor Faustus hàng giờ đồng hồ rồi. Cảm ơn bà góa Beaton, vở kịch đã có một màn mở đầu mới.

“Anh không phải Faustus của tôi, Walt, vì tất cả cái vẻ giả vờ trí thức của anh,” Kit rít lên. “Hãy xem sự can thiệp của anh đã làm gì câu chuyện của Edmund. *The Faerie Queene* là một câu chuyện hoàn hảo thú vị về đức vua Arthur. Giờ nó là một mớ hỗn độn thảm họa của Malory và Virgil, nó cứ thế cứ thế, và rồi Gloriana – làm ơn đi. Nữ hoàng gần già và quái gở bằng bà góa Beaton rồi. Tôi sẽ thật sự kinh ngạc nếu Edmund hoàn thành được nó, với những gì anh bảo hắn ta làm. Nếu anh muốn lưu danh muôn thuở trên sân khấu, thì hãy nói chuyện với Will. Hắn luôn cạn kiệt ý tưởng đấy.”

“Anh đồng ý chứ, Matthew?” George thúc giục. Anh chàng đang gọi lại cho chúng tôi công việc tìm kiếm cuốn cổ thư mà một ngày nào đó sẽ được biết đến với cái tên Ashmole 782.

“Tôi xin lỗi, George. Anh nói gì à?” Có một thoáng tội lỗi hiện lên trong đôi mắt xám thất thần của Matthew. Tôi biết các dấu hiệu khi bị phân tâm kiểu ấy. Tôi đã từng bị như vậy trong một cuộc họp của khoa. Các ý nghĩ của anh có lẽ đang bị phân tán bởi những lời trò chuyện trong phòng, dòng hồi tưởng vẫn tiếp tục bị cuốn theo bà góa Beaton, nội dung của những túi thư vẫn tiếp tục được chuyển đến.

“Không người bán sách nào từng nghe nói đến một tác phẩm về thuật giả kim quý hiếm đang lưu hành trong thành phố. Tôi đã hỏi một người bạn ở nhà thờ Christ, anh ta cũng chẳng biết gì. Tôi sẽ tiếp tục dò hỏi nhé?”

Matthew mở miệng định đáp lại, nhưng tiếng đổ vỡ vang lên ngoài hành lang khi cánh cửa trước nặng nề mở tung ra. Anh đứng phắt dậy. Walter và Henry nhảy dựng lên, loạng quạng sờ vào những con dao găm, thứ họ luôn đeo bên người.

“Matthew?” Một giọng nói xa lạ rất có âm sắc vang lên oang oang khiến lông tay tôi dựng đứng lên theo bản năng. Nghe trong trẻo như tiếng nhạc, chẳng giống tiếng nói của một con người. “Anh có đây không?”

“Dĩ nhiên, nó đang ở đây,” ai đó đáp lại, giọng hân du dương có âm điệu thổ ngữ Welsh. “Hãy dùng cái mũi của mình đi. Còn ai khác có cái mũi như một gã bán tạp hóa vào ngày gia vị tươi sống được chuyển đến từ bến tàu nữa chứ?”

Tích tắc sau hai dáng người vạm vỡ trong những chiếc áo choàng không tay thô ráp màu nâu xuất hiện ở đầu kia căn phòng, nơi Kit và George vẫn ngồi với con xúc xắc và những cuốn sách. Trong thời đại của tôi, các đội bóng chuyên nghiệp sẽ tuyển ngay những người mới tới này. Họ có cánh tay to quá khổ với đường gân nổi gồ lên, cổ tay to bè, hai chân đầy cơ bắp, bờ vai rắn chắc. Khi hai người đàn ông đó tới gần, ánh sáng từ các ngọn nến làm đôi mắt họ sáng long lanh và nhảy nhót trên đường mép thứ vũ khí sắc lẹm đã được mài giũa kỹ càng của họ. Một kẻ

là gã khổng lồ tóc vàng cao hơn Matthew chừng hai phân; kẻ kia là một gã tóc đỏ thấp hơn anh khoảng mười lăm phân, có một bên mắt trái bị lác thấy rõ. Cả hai không quá ba mươi. Kẻ tóc vàng thư thái, nhẹ nhõm, dù hần đang thở gấp. Còn tên tóc đỏ đang giận dữ và chẳng thèm quan tâm ai biết chuyện đó.

“Chú của ta đây rồi. Chú mang đến cho chúng ta một cuộc chiến, rồi biến mất mà không nói một lời,” ma cà rồng tóc vàng ôn tồn nói, vừa rút thanh kiếm sắc bén dài quá khổ ra khỏi vỏ.

Walter và Henry cũng rút vũ khí. Họ đã nhận ra những người đàn ông này.

“Gallowglass. Tại sao cháu lại ở đây?” Matthew hỏi chiến binh tóc vàng với giọng điệu bối rối dè chừng.

“Dĩ nhiên là bọn cháu đang tìm chú. Hancock và tôi đã ở cùng chú hôm thứ Bảy mà.” Đôi mắt xanh lạnh lẽo của Gallowglass nheo lại khi không nhận được câu trả lời. Hần trông giống một tên cướp biển đang trên đà chém giết. “Ở Chester.”

“Chester?” Nét mặt Matthew chuyển sang vẻ kinh hoàng. “Chester!”

“Phải. Chester,” Hancock đầu đỏ nhắc lại. Hần gầm lên và lột phăng đôi găng tay da dài ướt sũng nước từ hai cánh tay, ném chúng xuống sàn nhà cạnh lò sưởi. “Khi anh không đến hội họp với chúng tôi như kế hoạch vào ngày Chủ Nhật, bọn tôi đã tìm hiểu. Tên chủ quán trọ nói rằng anh đã bỏ đi, ngạc nhiên thật, thậm chí còn không thêm giả tiền.”

“Hần nói chú đang ngồi bên cạnh lò sưởi uống rượu vang một phút trước, phút sau đã biến mất,” Gallowglass kể. “Đứa hầu gái – cái đứa nhỏ xíu có mái tóc đen mà không thể rời mắt khỏi chú ấy – đã gây nên một vụ khuấy đảo. Á chẳng chẳng chú đã bị những hồn ma mang đi.”

Tôi nhắm mắt khi chợt hiểu ra. Chàng Matthew Roydon, người đang ở Chester thế kỷ mười sáu đã biến mất vì anh ta bị thay thế bởi chàng Matthew đến từ Oxfordshire hiện đại. Khi nào chúng tôi đi khỏi, Matthew thế kỷ mười sáu, đoán chừng, mới xuất hiện trở lại. Thời gian sẽ không cho phép cả hai Matthew có mặt cùng một nơi, trong cùng một thời điểm. Chúng tôi đã làm thay đổi lịch sử ngoài dự định.

“Đó là đêm Halloween, nên câu chuyện của cô ả rõ ràng cũng có lý,” Hancock thừa nhận, chuyển sự chú ý sang chiếc áo choàng của mình. Hần rũ nước ra khỏi các nếp gấp và quăng nó lên chiếc ghế bên cạnh, thả vào không khí mùa đông mùi hương của cỏ xuân.

“Những người này là ai, Matthew?” Tôi đến gần hơn để nhìn họ rõ hơn. Anh quay sang đặt tay lên tay tôi, giữ tôi ở yên chỗ của mình.

“Họ là bạn,” Matthew nói, những nỗ lực của anh khiến tôi băn khoăn liệu có phải anh đang nói thật không.

“Á, à. Cô ta không phải ma.” Hancock ngó qua vai Matthew, da thịt tôi liền đông cứng lại.

Dĩ nhiên Hancock và Gallowglass là ma cà rồng. Còn có sinh vật nào khác có thể to lớn và có cái nhìn đẫm máu như thế chứ?

“Cô ta cũng không phải đến từ Chester,” Gallowglass đăm chiêu nói. “Cô ta lúc nào cũng sáng le lói như thế à?”

Lời nói này có thể lạ lùng, nhưng ý nghĩa của nó thì thực rõ ràng. Tôi lại đang phát sáng. Chuyện đó thỉnh thoảng xảy đến khi tôi tức giận, hoặc đang tập trung vào một vấn đề. Lại một biểu hiện quen thuộc khác của sức mạnh phù thủy, và ma cà rồng có thể phát hiện thấy ánh sáng xanh nhợt đó bằng cặp mắt tinh tường siêu nhiên của họ. Cảm thấy lộ liễu, tôi bước lùi lại nấp sau bóng Matthew.

“Thế chẳng giúp ích được gì đâu, tiểu thư. Tai chúng tôi cũng tình tường như cặp mắt vậy. Dòng máu phù thủy của cô đang lú lo như một chú chim ấy.” Cặp lông mày rậm rì màu đỏ của Hancock nhướng lên khi hắn ta chua chát nhìn bạn đồng hành. “Rắc rối luôn đi cùng với phụ nữ.”

“Rắc rối không gốc đâu. Nếu chọn, tôi thà đồng hành cùng với một phụ nữ còn hơn là cậu.” Chiến binh tóc vàng hướng đến Matthew. “Thật là một ngày dài, móng của Hancock đang ê ẩm, và hắn đang đói. Nếu chú không nói thật nhanh với hắn lý do một phù thủy xuất hiện trong nhà chú, thì cháu không dám chắc là cô ta sẽ được tiếp tục an toàn đâu.”

“Chuyện này chắc chắn liên quan đến Berwick,” Hancock tuyên bố. “Bọn phù thủy chết bầm. Luôn luôn gây ra rắc rối.”

“Berwick?” Nhịp tim của tôi thót lên. Tôi nhận ra cái tên này. Một trong những phiên xét xử phù thủy tai tiếng nhất ở nước Anh, Isles cũng bị liên quan. Tôi tìm kiếm trong bộ nhớ của mình ngày tháng diễn ra sự kiện ấy. Chắc chắn nó phải xảy ra trước hoặc sau năm 1590, nếu không Matthew sẽ không chọn thời điểm này để họ xuyên thời gian đến. Nhưng những lời tiếp theo của Hancock đã xua tất cả ý nghĩ về niên đại cùng lịch sử ra khỏi đầu tôi.

“Chuyện đó, hay một công vụ mới nào khác của Đại Hội Đồng mà Matthew sẽ muốn chúng ta dàn xếp cho.”

“Đại Hội Đồng ư?” Mắt Marlowe nheo lại, anh ta nhìn Matthew vẻ đánh giá. “Chuyện này là thật? Chẳng lẽ anh chính là một trong những thành viên bí ẩn?”

“Dĩ nhiên rồi, đó là sự thật! Anh tưởng Matthew giữ cho anh khỏi cái thông long bằng cách nào hả, nhóc Marlowe?” Hancock nhìn quanh khắp phòng. “Không có thứ gì để uống ngoài rượu vang à? Tôi ghét cái trò màu mè kiểu Pháp của anh, de Clermont ạ. Món rượu này bị sao thế?”

“Không phải bây giờ, Davy,” Gallowglass căn nhắc với bạn, dù ánh mắt hắn thì gắn chặt vào Matthew.

Hai mắt tôi cũng dán chặt vào anh, trong khi cảm giác kinh khủng về câu chuyện đang sáng tỏ bao trùm lấy tôi.

“Hãy nói với em rằng không phải đi,” tôi thì thầm. “Hãy nói anh không giấu em chuyện này.”

“Anh không thể nói với em điều đó được,” Matthew nói thẳng. “Anh đã hứa với em có những điều bí mật nhưng không dối trá, nhớ không?”

Tôi thấy như phát ốm. Ở năm 1590, Matthew là một thành viên của Đại Hội Đồng, mà Đại Hội Đồng lại là kẻ thù của chúng tôi.

“Còn Berwick thì sao? Anh đã nói với em không có nguy hiểm nào liên quan đến vụ săn lùng phù thủy.”

“Không có gì tại Berwick ảnh hưởng đến chúng ta ở đây cả,” Matthew cam đoan với tôi.

“Chuyện gì xảy ra ở Berwick?” Walter hỏi, vẻ khó chịu.

“Trước khi chúng ta rời Chester, tin tức đã lọt ra khỏi Scotland. Một nhóm đông các phù thủy tụ tập trong một ngôi làng ở phía đông Edinburgh vào đêm Halloween,” Hancock nói. “Người ta lại nhắc đến cơn bão mà lũ phù thủy Đan Mạch gọi đến vào mùa hè vừa rồi, cả chuyện cột nước biển tiên đoán sự xuất hiện của một sinh vật có những quyền năng đáng sợ.”

“Các nhà cầm quyền đã khoanh vùng hàng tá kẻ nghèo hèn khổ,” Gallowglass tiếp tục, đôi mắt xanh lam băng giá của hắn vẫn không rời Matthew. “Mụ đàn bà khôn ranh ở thị trấn Keith,

bà góa Sampson, đang đợi nhà vua thẩm vấn trong hầm ngục điện Holyrood. Ai biết được có bao nhiêu kẻ sẽ cùng nhập hội với mộ trước khi vụ việc này kết thúc?"

"Câu muốn nói là nhà vua tra tấn," Hancock lầm bầm. "Chúng kể rằng mộ ta bị phong ấn trong một sợi dây phù thủy để mộ tuyệt đối không thể quyến rũ Bệ hạ, và bị xích vào tường mà không cho ăn uống." Tôi ngồi thụp xuống.

"Vậy đây có phải là kẻ bị kết tội không?" Gallowglass hỏi Matthew. "Và tôi cũng thích giao kèo đôi bên đều có lợi của cô nàng phù thủy này, nếu tôi có thể: giữ bí mật, nhưng không dối trá."

Một sự im lặng kéo dài trước khi Matthew trả lời. "Diana là vợ tôi, Gallowglass."

"Anh bỏ rơi chúng tôi ở Chester vì một ả đàn bà à?" Hancock kinh hãi. "Nhưng chúng ta có việc phải làm đây!"

"Câu thật có tài nắm bắt sai ý chính đấy, Davy." Ánh nhìn của Gallowglass chuyển sang tôi. "Vợ của chú?" Hẳn thận trọng hỏi. "Vậy đây chỉ là một sự sắp xếp về mặt pháp luật để thỏa mãn tính hiếu kỳ của loài người, và hợp thức hóa sự hiện diện của cô ả ở đây trong khi Đại Hội Đồng quyết định tương lai của cô ả hả?"

"Không chỉ là vợ của tôi," Matthew thú nhận. "Cô ấy còn là người kết đôi cùng tôi nữa." Một ma cà rồng kết đôi suốt đời khi bị buộc phải làm thế bởi sự kết hợp mang tính bản năng của tình cảm yêu thương, sự cuốn hút hòa hợp, sự thèm khát nhục cảm và hấp dẫn nhau. Mỗi dây liên kết đó chỉ có thể bị phá vỡ bởi cái chết. Ma cà rồng có thể kết hôn vô số lần, nhưng chỉ kết đôi duy nhất một lần.

Gallowglass chửi rủa, nhưng âm thanh đó hầu như bị nhấn chìm bởi sự khoái trá của gã bạn.

"Vậy mà Đức giáo hoàng tuyên bố thời đại của những phép màu đã qua," Hancock gào lên. "Matthew de Clermont cuối cùng đã kết đôi. Nhưng không phải với loài người an phận, tầm thường hay một nàng wearh được giáo dục thích hợp, kẻ biết rõ vị trí của mình sẽ phải làm gì. Không phải dành cho Matthew của chúng ta. Giờ khi cuối cùng anh chàng cũng quyết ổn định với một phụ nữ, thì đó phải là một phù thủy. Chúng ta có nhiều điều phải lo lắng hơn những người tốt bụng ở Woodstock này đây."

"Có gì không ổn với Woodstock à?" Tôi nhìn Matthew kèm theo một cái nhú mày.

"Không có gì," Matthew đáp thoảng như gió. Nhưng gã ma cà rồng cao lớn tóc vàng lại làm tôi chú ý.

"Một mộ già phải gió nào đó đã ngất xỉu ở phiên chợ. Mộ ta đang đổ lỗi cho cô." Gallowglass sầm soi tôi từ đầu tới chân như thể đang cố hình dung làm sao một kẻ quá thiếu hấp dẫn như thể này lại gây ra nhiều rắc rối đến vậy.

"Bà góa Beaton," tôi nín thở nói.

Sự xuất hiện của Françoise cùng Charles đã ngăn cuộc nói chuyện đi xa hơn. Françoise có bánh gừng thơm phức và rượu vang nêm gia vị dành cho những kẻ máu nóng. Kit (người chẳng bao giờ thấy miễn cưỡng khi thử các thứ chứa trong hầm rượu của Matthew) và George (đang tìm kiếm chút ít thanh bình sau những tiết lộ trong buổi tối này) liền ra giúp họ. Cả hai đều có dáng vẻ của các khán giả đang chờ đợi màn biểu diễn kế tiếp.

Charles, người có nhiệm vụ phục vụ ma cà rồng, mang đến một cái bình tinh xảo với tay cầm bằng bạc và ba chiếc cốc vại bằng thủy tinh thành cao. Thứ chất lỏng ở bên trong sẫm và đục màu hơn bất cứ loại rượu nào. Hancock chặn Charles lại rồi hướng về phía mọi người trong nhà.

“Tôi cần thức uống gì đó nặng hơn thứ Matthew vẫn dùng,” hắn nói, tóm lấy một chiếc cốc vại trong khi Charles thở hổn hển ngay trước mặt. Hancock đánh hơi thứ đựng trong chiếc bình và cũng lấy một cốc. “Tôi đã không có máu tươi ba ngày nay rồi. Anh có khẩu vị kỳ quái với phụ nữ, de Clermont ạ, nhưng không ai có thể chê trách lòng hiếu khách của anh cả.”

Matthew ra hiệu Charles hướng về phía Gallowglass, kẻ cũng đang uống một cách thêm khát. Khi Gallowglass uống đến lớp cặn cuối cùng, hắn đưa tay quệt ngang miệng.

“Sao hả?” Hắn hỏi. “Cháu biết chú nói thì giỏi lắm, nhưng phải có một lời giải thích nào đó cho việc tại sao chú để bản thân vướng vào chuyện này.”

“Chuyện này nên thảo luận riêng,” Walter nói, đưa mắt nhìn George cùng hai yêu tinh kia.

“Tại sao thế, Raleigh?” Giọng Hancock nhuộm màu gầy hấn. “De Clermont có rất nhiều điều cần trả lời. Cả cô phù thủy của anh ta cũng thế. Và những câu trả lời đó tốt nhất là từ miệng cô ta. Chúng tôi đã đi ngang qua một linh mục trên đường. Hắn đi cùng hai quý ông, bọn có mấy cái vòng eo thịnh vượng ấy. Căn cứ theo những gì tôi nghe được thì bạn kết đôi của de Clermont sẽ có ba ngày...”

“Ít nhất là năm,” Gallowglass chỉnh lại.

“Có lẽ là năm,” Hancock nói, hất đầu về phía gã bạn đồng hành, “trước khi cô ta bị đưa đi xét xử, hai ngày để nghĩ ra xem phải nói gì với các vị quan tòa, và không đến nửa giờ để quyết định một lời nói dối thuyết phục dành cho vị cha xứ kia. Tốt nhất là cậu nên kể ngay cho chúng tôi sự thật.”

Mọi sự chú ý đều đổ dồn vào Matthew, anh vẫn đứng im lặng.

“Đồng hồ sẽ điểm mười lăm phút nhanh thôi,” Hancock nhắc anh sau một khoảng thời gian trôi qua.

Tôi chủ động nói. “Matthew bảo vệ tôi khỏi những người của mình.”

“Diana,” Matthew gầm lên.

“Matthew đã can thiệp vào chuyện nội bộ của phù thủy ư?” Mắt Gallowglass mở lớn.

Tôi gật đầu. “Khi nguy hiểm đã qua, chúng tôi đã kết đôi.”

“Và tất cả chuyện này xảy ra từ chiều đến lúc sẩm tối ngày thứ Bảy à?” Gallowglass lắc lắc đầu. “Cô sẽ phải làm tốt hơn thế, bà cô ạ.”

“Bà cô ư?” Tôi quay sang Matthew trong cơn choáng váng. Đầu tiên là Berwick, rồi đến Đại Hội Đồng, và giờ là chuyện này. “Cá...i gã điên khùng này là cháu trai anh à? Để em đoán nhé. Cậu ta là con trai của Baldwin!” Gallowglass cơ bắp gần bằng người anh trai có mái tóc màu đồng của Matthew – và cũng cố chấp y như vậy. Những anh em nhà de Clermont khác mà tôi biết là: Godfrey, Lousia, và Hugh (người này chỉ được nhắc đến ngắn gọn và bí hiểm). Gallowglass có thể là con của bất cứ ai trong số họ – hoặc của ai đó khác trong cây gia phả loằng ngoằng của Matthew.

“Baldwin ư?” Gallowglass giả vờ rùng mình một cách cường điệu. “Thậm chí trước khi tôi trở thành một wearh, tôi đã biết không được để con quái vật đó đến gần cổ của mình. Hugh de Clermont là cha tôi. Để cung cấp thông tin cho cô, dân tộc của tôi là người Úlfhéðnar, không phải là gã điên khùng. Và tôi chỉ có một phần người Norse – phần tao nhã, thanh lịch, nếu cô cần biết. Phần còn lại là gốc Scot, có liên hệ với người Ireland.”

“Bọn dân Scot là lũ bẩn tính,” Hancock bổ sung.

Gallowglass thừa nhận lời nhận xét của gã bạn đồng hành bằng một cú giật nhẹ nơi vành tai. Chiếc nhẫn vàng lấp lánh dưới ánh sáng, trên đó có khắc đường nét của chiếc quan tài. Một người đàn ông đang giẫm lên đó, còn có một khẩu hiệu ở quanh viền nữa.

“Các người là hiệp sĩ.” Tôi tìm kiếm một chiếc nhẫn tương xứng trên ngón tay Hancock. Nó ở đó, ở vị trí kỳ quái trên ngón cái của hắn ta. Cuối cùng đây là bằng chứng rõ ràng cho thấy Matthew cũng có dính líu vào công vụ của hiệp sĩ dòng Thánh Lazarus.

“À à,” Gallowglass lè nhè nói, đột ngột nghe giống như khi hắn thừa nhận mình là một người Scot, “luôn có tranh cãi về chuyện đó. Chúng tôi không phải kiểu hiệp sĩ mặc áo giáp sáng loáng, đúng không Davy?”

“Đúng thế. Nhưng những người nhà de Clermont có ví tiền dày lắm. Tiền như thế rất khó mà từ chối được,” Hancock nhận xét, “đặc biệt khi họ hứa hẹn cho cô một cuộc sống dài lâu để hưởng thụ nó.”

“Họ cũng là những chiến binh dữ dằn nữa.” Gallowglass lại vuốt sống mũi. Nó bị san phẳng, có vẻ đã bị đập gãy và không bao giờ lành lặn hoàn toàn được.

“Ồ, phải. Những tên con hoang đó đã giết tôi trước khi cứu tôi. Chúng còn chữa con mắt bị hỏng của tôi nữa,” Hancock vui vẻ nói, tay chỉ vào mí mắt bị lệch.

“Vây cậu trung thành với người nhà de Clermont.” Sự nhẹ nhõm bất chợt quét qua. Tôi thích có Gallowglass và Hancock là những đồng minh hơn là kẻ thù, căn cứ vào tai họa đang nảy mầm này.

“Không phải luôn luôn,” Gallowglass u ám đáp.

“Không phải với Baldwin. Hắn là tên chó chết quỷ quyết. Và khi Matthew cư xử như một thằng ngốc, chúng tôi không chú ý đến cậu ta nữa.” Hancock khịt mũi, chỉ vào cái bánh gừng, đang bị lãng quên nằm trên bàn. “Có ai ăn cái đó không, nếu không chúng tôi có thể ném nó vào lò sưởi? Mùi của Matthew quện với mùi đồ ăn Charles nấu khiến tôi phát ốm.”

“Vì những vị khách đang đến, chúng ta nên dành thời gian để quyết định một phương thức hành động hơn là nói chuyện lịch sử gia đình,” Walter nôn nóng lên tiếng.

“Chúa ơi, không có thời gian để nghĩ ra một kế hoạch đâu,” Hancock hồ hởi nói. “Thay vào đó, Matthew và các quý ngài nên cầu nguyện đi thôi. Bọn họ là người của Chúa. Có lẽ Người đang lắng nghe đấy.”

“Có lẽ cô phù thủy này có thể bay khỏi đây,” Gallowglass lầm bầm. Gã giơ cả hai tay lên trong tư thế im lặng đầu hàng khi bị Matthew trừng mắt nhìn.

“Ồ, nhưng cô ta không thể.” Tất cả các cặp mắt đều quay sang Marlowe. “Cô ta thậm chí không thể làm cho Matthew một bộ râu.”

“Chú đi lại với một phù thủy, chống lại tất cả sự lên án nghiêm khắc của Đại Hội Đồng, mà cô ta lại vô giá trị à?” Không thể biết Gallowglass đang tỏ ra căm phẫn hay nghi ngờ nhiều hơn. “Một người vợ có thể gọi báo hoặc khiến cho kẻ thù của chú chịu một trận đau đớn khủng khiếp trên da thịt chắc chắn là lợi thế rồi, cháu chúc mừng chú. Nhưng còn một phù thủy thậm chí không thể phục vụ chồng cô ta sửa bộ râu thì có gì tốt?”

“Chỉ có Matthew mới cưới một phù thủy từ cái nơi Chúa mới biết được mà lại không có phép phù thủy,” Hancock căn nhắc với Walter.

“Tất cả các người im ngay!” Matthew không thể kìm nén hơn được nữa. “Ta không thể suy nghĩ những câu chuyện vớ vẩn vô nghĩa thế này. Diana chẳng có lỗi gì trong việc bà góa Beaton là

một mu già ngu ngốc thích xen ngang vào chuyện của người khác, hay việc cô ấy không thể thi triển pháp thuật khi bị ra lệnh. Vợ tôi đã bị yểm bùa thôi miên. Và kết thúc chuyện này ở đây. Nếu còn ai trong căn phòng này chất vấn tôi hay phê phán Diana, thì tôi sẽ móc tim người đó ra cho hắn ăn trong khi nó vẫn còn đập đập.”

“Đây chính là chúa tể và ông chủ của chúng ta,” Hancock nói với tư thế kính chào nhạo báng. “Trong một phút tôi đã e sợ anh là kẻ bị bỏ bùa mê. Dù thế, gượng đã. Nếu cô ta đã bị yểm bùa thôi miên, thì có chuyện gì không ổn với cô ta sao? Cô ta có nguy hiểm không? Bị điên ư? Hay cả hai?”

Phát bực vì lũ cháu trai, những vị cha xứ bị kích động, và rắc rối phát sinh ở Woodstock, tôi lùi lại phía sau để ngồi xuống ghế. Vì không quen với váy áo gò bó, tôi mất thăng bằng và suýt ngã.

Một bàn tay mạnh mẽ vụt đưa ra, tóm lấy khuỷu tay tôi, rồi đỡ tôi ngồi xuống ghế với vẻ lịch thiệp đáng kính ngạc.

“Ổn cả rồi, cô ạ.” Gallowglass thốt ra một tiếng cảm thông nhẹ nhàng. “Cháu không chắc đầu óc cô có hỏng hóc gì, nhưng Matthew sẽ chăm sóc cho cô. Chú ấy có một trái tim ấm áp với các linh hồn lầm lạc, Chúa ban phước cho chú ấy.”

“Tôi thấy chóng mặt, chứ không bị loạn trí,” tôi vặn lại.

Ánh mắt Gallowglass tóe lửa trong khi hắn đưa miệng kề sát tai tôi. “Những lời lẽ của cô đủ lộn xộn để mọi người nghĩ cô bị loạn trí, và tôi không chắc vị linh mục sẽ nghĩ theo cách nào. Hơn nữa cô cũng không đến từ Chester hay bất cứ nơi nào tôi từng đi qua – mà tôi đã đi rất nhiều đấy, bà cô ạ. Cô nên lưu tâm đến hành vi cử chỉ của mình nếu không muốn bị nhốt trong hầm mộ nhà thờ.”

Những ngón tay dài tóm chặt bờ vai Gallowglass kéo hắn ra. “Nếu cậu đã hoàn thành việc dọa nạt vợ tôi – một bài tập vô ích, tôi cam đoan với cậu đấy – cậu có thể nói với tôi về những người đàn ông mà cậu đã nhìn thấy,” Matthew lãnh đạm nói. “Bọn họ có được trang bị vũ khí không?”

“Không.” Sau một lúc nhìn tôi với vẻ thích thú, Gallowglass quay sang ông chú của mình.

“Và ai đi cùng với ngài bộ trưởng?”

“Làm thế quái nào bọn cháu biết được, Matthew? Cả ba đều là sinh vật máu nóng và không đáng để ý đến lần thứ hai. Một tên béo, tóc hoa râm, tên kia tầm vóc trung bình và phần năn không dứt về thời tiết,” Gallowglass sốt sắng.

“Bidwell,” Matthew và Walter cùng thốt lên.

“Có lẽ Iffley đi cùng ông ta,” Walter nhận định. “Hai người bọn họ lúc nào cũng ca thán về tình trạng đường xá, tiếng ồn trong nhà trọ, chất lượng bia.”

“Bọn họ là ai?” Tôi lên tiếng thắc mắc.

“Một người đàn ông tưởng mình là người làm găng tay tốt nhất nước Anh. Somers làm việc cho hắn ta,” Walter đáp.

“Ông chủ Iffley đúng là đã làm găng tay thủ công cho nữ hoàng,” George công nhận.

“Hắn ta làm cho nữ hoàng duy nhất một đôi găng dài để đi săn từ hai thập kỷ trước. Điều đó cũng đủ khiến Iffley trở thành người đàn ông quan trọng nhất trong vòng ba mươi dặm quanh đây, hắn luôn tha thiết thêm muốn vinh dự đó.” Matthew cười khẩy vẻ khinh bỉ.

“Không kẻ nào trong bọn chúng thông minh cả. Một lũ ngu xuẩn. Nếu đó là điều tốt nhất dân làng này có thể làm, thì chúng ta có thể quay lại với việc đọc sách của mình rồi.”

“Thế sao?” Giọng Walter gay gắt. “Chúng ta ngồi đây và để chúng tìm đến sao?”

“Phải. Nhưng Diana không được rời khỏi tầm mắt của tôi – hay của cậu, Gallowglass,” Matthew cảnh cáo.

“Chú không cần phải nhắc nhở cháu về bốn phận gia đình, ông chú ạ. Cháu cam đoan người vợ nóng nảy của chú sẽ làm việc đó trên chiếc giường của chú đêm nay.”

“Nóng nảy, tôi ư? Chồng tôi là thành viên của Đại Hội Đồng. Một nhóm đàn ông có vũ trang đang cưỡi ngựa đến đây để buộc tội tôi làm hại một bà già cô độc. Tôi đang ở nơi xa lạ và vẫn bị lạc đường khi trở về phòng ngủ của mình. Tôi còn chưa có giày để đi và đang sống trong ký túc xá toàn các thanh niên với cái miệng nói không ngừng!” Tôi nổi đóa. “Nhưng cậu không cần bận tâm đến chuyện của tôi. Tôi tự lo cho mình được!”

“Tự lo cho mình ư?” Gallowglass vừa lắc đầu vừa cười nhạo. “Không, cô không thể. Và khi nào trận chiến này kết thúc, chúng ta sẽ cần xem xét lại cái kiểu nhấn trọng âm đó. Tôi không hiểu được đến một nửa những gì cô nói.”

“Cô ta hẳn phải là người Ireland,” Hancock lên tiếng, trừng mắt nhìn tôi. “Điều đó sẽ giải thích cho cái trò mê hoặc và cách nói năng lộn xộn này. Hầu hết bọn chúng đều bị điên.”

“Cô ta không phải người Ireland,” Gallowglass nói. “Dù bọn chúng có điên hay không, tôi vẫn hiểu bọn chúng nói gì.”

“Thôi ngay!” Matthew gầm lên.

“Những người đàn ông trong làng đang đứng ở cổng,” Pierre thông báo khi tất cả vẫn chìm trong im lặng.

“Hãy ra đón họ đi,” Matthew ra lệnh. Anh quay sang tôi. “Hãy để anh nói chuyện. Đừng trả lời các câu hỏi của họ trừ phi anh bảo. Giờ thì,” anh nói nhanh, “chúng ta không thể để bất cứ điều gì... bất thường xảy ra như khi bà góa Beaton ở đây. Em vẫn còn chóng mặt à? Em có cần nằm nghỉ không?”

“Tò mò. Em tò mò,” tôi nói, hai bàn tay siết chặt. “Đừng lo lắng về phép thuật hay sức khỏe của em. Hãy nghĩ xem anh phải mất bao lâu để trả lời các câu hỏi của em sau khi ông bộ trưởng đi khỏi. Và nếu anh cố duỗi ra bằng cách viện cớ rằng ‘đó không phải câu chuyện của anh, nên anh không thể kể’, thì em sẽ san phẳng anh đấy.”

“Vậy là em hoàn toàn khỏe rồi.” Khóe miệng Matthew cong lên. Anh đặt một nụ hôn lên trán tôi. “Anh yêu em, ma lionne.”

“Chú có thể để dành những lời yêu đương sướt mướt sau được không và cho bà cô của cháu cơ hội để chấn tĩnh đi,” Gallowglass gợi ý.

“Tại sao mọi người thích chỉ bảo tôi phải làm gì với vợ mình thế nhỉ?” Matthew đáp trả. Những vết rạn nứt trong cái vẻ điềm tĩnh của anh đang bắt đầu xuất hiện.

“Cháu thật sự không thể không nói,” Gallowglass bình thản nói. “Cô ấy khiến cháu nhớ đến bà nội. Chúng ta cũng đã khuyên ông Philippe về cách tốt nhất để kiềm chế bà. Nhưng ông chẳng nghe.”

Cánh đàn ông tự sắp xếp chỗ của mình quanh phòng. Vẻ bề ngoài ngẫu nhiên trong vị trí của bọn họ tạo thành một cái phễu người – rộng hơn ở lối vào phòng, rồi hẹp dần về phía cạnh lò

sưởi nơi Matthew và tôi ngồi. Trong khi George và Kit sẽ là những người đầu tiên chào đón người đại diện cho Chúa cùng bạn đồng hành của ông ta, thì Walter giấu vội con xúc xắc và cuốn Doctor Faustus trong một bản in cuốn Herodotus's Histories được yêu thích. Mặc dù không phải một cuốn Kinh thánh, nhưng Raleigh cam đoan với chúng tôi nó sẽ có vẻ trang trọng cần thiết trong tình huống này. Kit vẫn còn đang phản đối sự bất công trong việc thay đổi này thì tiếng bước chân và những giọng nói vang lên.

Pierre dẫn ba người đàn ông vào phòng. Một người trông cực kỳ giống chàng trai trẻ mảnh khảnh đã đo giày cho tôi nên có thể biết ngay đây chính là Joseph Bidwell. Ông ta giật mình trước tiếng cửa đóng rầm sau lưng nên ngoái lại nhìn một cách không thoải mái. Khi đôi mắt lơ dờ của ông ta hướng tới phía trước và thấy một nhóm rất đông người đang đợi mình, ông ta lại nháy dưng lên lần nữa. Walter, nhân vật chiếm vị trí chiến lược ở ngay giữa căn phòng cùng Hancock và Henry, phớt lờ tay thợ làm giày đang lo lắng và ném một cái nhìn khinh bỉ về phía gã đàn ông trong bộ đồ theo đạo vấy bùn.

"Điều gì mang các vị đến đây trong đêm tối thế này, ông Danforth?" Raleigh lên tiếng hỏi.

"Ngài Walter," Danforth đáp lời, cúi chào và nhắc chiếc mũ ra khỏi đầu rồi vắn vò nó giữa những ngón tay. Ông ta nhận ra ngài Bá tước Northumberland.

"Thưa đức ngài! Tôi không biết ngài vẫn còn ở trong vùng."

"Ông có chuyện gì cần sao?" Matthew vui vẻ hỏi. Anh vẫn ngồi, hai chân duỗi dài về thư thái.

"A, ông chủ Roydon." Danforth lại cúi chào, lần này hướng về phía chúng tôi. Ông ta nhìn tôi về tò mò rồi sợ hãi thu lại ánh mắt để hướng nó về với chiếc mũ trên tay. "Chúng tôi không thấy ngài ở nhà thờ hay vào thị trấn. Bidwell nghĩ ngài có thể bị khó ở."

Bidwell nhấp nhồm đổi chân. Đôi ủng da của ông ta kêu lép nhép, hai lá phổi cũng gia nhập vào dàn hợp xướng với những tiếng thở khò khè và tiếng ho khan. Chiếc cổ áo xếp nếp rủ xuống siết chặt khí quản, và rung lên mỗi khi ông ta cố gắng hít hơi vào. Chất vải lạnh xếp li đó hiển nhiên là chất liệu may mặc tồi hơn cả, một vùng màu nâu nhòn mỡ gần cầm cho thấy ông ta vừa ăn nước xốt thịt vào bữa tối.

"Phải, ta bị ốm ở Chester, nhưng đã qua khỏi, nhờ ơn Chúa và sự chăm sóc tận tình của vợ ta." Matthew với sang nắm lấy tay tôi cùng dáng vẻ sùng ái của đức ông chồng. "Bác sĩ nghĩ xén tóc ta sẽ loại bỏ được cơn sốt, nhưng Diana kiên quyết rằng tắm nước mát sẽ giúp ta khá lên."

"Vợ ư?" Danforth yếu ớt hỏi. "Bà góa Beaton không nói với tôi..."

"Ta không chia sẻ chuyện riêng tư của mình với những phụ nữ dốt nát," Matthew lạnh lùng tiếp lời.

Bidwell hắt hơi. Đầu tiên Matthew soi xét ông ta với vẻ quan tâm, sau đó với ánh mắt thấu hiểu cần trọng. Tôi đang biết thêm được rất nhiều điều về chồng mình trong buổi tối hôm nay, bao gồm thực tế anh ấy có thể là một diễn viên giỏi đáng kinh ngạc.

"Ồ. Nhưng dĩ nhiên các vị đến đây để yêu cầu Diana chữa khỏi bệnh cho Bidwell." Matthew thốt lên vẻ tiếc nuối. "Đang có quá nhiều lời ngồi lê đôi mách của những kẻ ăn không ngồi rồi. Có phải tin tức về khả năng của vợ ta mới đây đã lan rộng không?"

Trong thời kỳ này, kiến thức về y học hoàn toàn gói gọn trong sự hiểu biết của một phù thủy. Lẽ nào Matthew đang cố làm cho tôi gặp rắc rối ư?

Bidwell muốn đáp lời, nhưng tất cả những gì ông ta có thể làm được là một tiếng lí nhí kèm lắc đầu.

“Nếu ông không đến đây vì chuyện chữa bệnh, vậy chắc hẳn ông đến để giao giày của Diana.” Matthew nhìn tôi trù mến, rồi hướng sang vị cha xứ. “Không nghi ngờ gì nữa như ông đã nghe nói đấy, hành lý của vợ ta đã bị mất trong chuyến đi, ông Danforth.” Sự chú ý của Matthew lại chuyển về phía người thợ đóng giày, và một thoáng chỉ trích len lỏi vào giọng anh. “Ta biết ông là người bận rộn, Bidwell, nhưng ta hy vọng ít nhất ông đã làm xong đôi giày mẫu. Diana quyết tâm đến nhà thờ trong tuần này, mà con đường mòn tới phòng lễ thường xuyên lầy lội. Ai đó thật sự nên để mắt đến nó.”

Lồng ngực Iffley căng cứng phần nộ từ khi Matthew bắt đầu nói. Cuối cùng hẳn không thể đứng yên được nữa.

“Bidwell đã mang giày ngài đặt đến, nhưng chúng tôi không có mặt ở đây để phục vụ vợ ngài hay mấy chuyện vặt vãnh về giày dép và các vũng lầy!” Iffley kéo áo choàng vòng qua hông ra về quý phái đường bệ, nhưng chất len ngấm nước chỉ càng khiến cho bộ dạng ông ta giống một con chuột lột, với cái mũi nhọn, đôi mắt tròn sáng. “Hãy nói cho bà ta biết đi, ông Danforth.”

Vị giám mục Danforth đáng kính trông như thể thà bị quay chín trong hỏa ngục còn hơn phải đứng đây, tại nhà của Matthew Roydon, đối mặt với vợ ông ta.

“Nhanh lên. Nói với bà ta đi,” Iffley hối thúc.

“Đã có những bằng chứng được đưa ra...” Danfort mới nói được đến đây thì Walter, Henry và Hancock sắp lại.

“Nếu ngài ở đây để nói về các bằng chứng, thưa ngài, ngài có thể nói trực tiếp với tôi hoặc đức ngài đây,” Walter lạnh lùng nói.

“Hoặc với tôi,” George nói to. “Tôi hiểu rất nhiều về luật.”

“À... Ờ... Vâng... thế thì...” Vị mục sư lí nhí nhỏ dần rồi im lặng.

“Bà góa Beaton đã đổ bệnh. Cả cậu Bidwell trẻ cũng thế,” Iffley nói, quyết tâm dẫn tới bất chấp lo lắng thảm bại của Danforth.

“Không nghi ngờ gì nữa, đó cũng là cơn sốt rét đã hành hạ ta và giờ là người cha của chàng trai ấy,” chồng tôi nhẹ nhàng nói. Các ngón tay anh siết chặt lấy tay tôi. Phía sau, Gallowglass khẽ chửi thề. “Chính xác thì vì lẽ gì mà các người kết tội vợ ta, Iffley?”

“Bà góa Beaton đã từ chối tham dự vào công việc ma quỷ nào đó. Bà Roydon đã nguyên rửa làm bà ta nhức khớp và đau đầu.”

“Con trai tôi đã mất đi thánh giá,” Bidwell ca thán, giọng ông ta đầy đau khổ và lạnh lùng. “Hai tai nó ù đặc như có tiếng chuông rung. Bà góa Beaton nói nó đã bị trù ếm.”

“Không,” tôi thì thầm. Máu đột nhiên rút khỏi đầu khiến tôi giật mình ngã xuống. Hai bàn tay của Gallowglass đặt lên vai tôi ngay lập tức, giữ cho tôi ngồi thẳng được.

Từ “trù ếm” khiến tôi nhìn đăm đăm vào một vực thẳm quen thuộc. Nỗi sợ hãi lớn nhất luôn là lúc con người phát hiện được tôi là hậu duệ của Bridget Bishop. Rồi bắt đầu có những ánh mắt tò mò và cả nghi ngờ. Sự đáp trả duy nhất có khả năng đã biến mất. Tôi cố rút các ngón tay ra khỏi cái nắm siết của Matthew, nhưng anh vẫn kiên định như một hòn đá, không lay chuyển nổi, còn Gallowglass vẫn giữ hai vai tôi.

“Bà góa Beaton từ lâu vẫn chịu đựng căn bệnh thấp khớp, còn con trai của Bidwell bị chứng bạch hầu theo chu kỳ. Những bệnh đó thường dẫn tới đau đớn và bị điếc. Chuyện đau ốm này xảy ra trước khi vợ tôi tới Woodstock.” Matthew phẩy bàn tay còn lại bác bỏ vẻ lười nhác. “Bà lão ghen tỵ với tài khéo léo của Diana, còn chàng Joseph trẻ thì bị mất hồn vì sắc đẹp của cô ấy

và ghen tỵ với đời sống hôn nhân của tôi. Đây không phải chứng cứ, mà là những trò tưởng tượng vô công rồi nghề.”

“Là một người con của Chúa, ông chủ Roydon, tôi có trách nhiệm coi chúng là nghiêm trọng. Tôi vẫn đang đọc đây.” Ông Danforth cho tay vào cái áo choàng đen trên người lôi ra một thếp giấy rách nát. Tệp giấy không đến mười hai tờ được khâu với nhau sơ sài bằng sợi dây thô bản. Thời gian và việc sử dụng nhiều đã làm mềm các thớ giấy, sờn mép và khiến các trang ngả màu xám. Tôi ở xa quá không nhìn rõ được tiêu đề của nó. Dù vậy, cả ba ma cà rồng và George đều thấy, mặt họ trắng bệch.

“Đó là một phần của *Malleus Maleficarum*. Ta không biết rằng tiếng Latin của ông đủ giỏi để đọc được một tác phẩm khó đến thế, ông Danforth,” Matthew nói. Đó là bản chỉ thị sẵn lòng phù thủy có tầm ảnh hưởng nhất từng được soạn ra, và cái tiêu đề giáng một đòn kinh hoàng vào trái tim một phù thủy.

Vị cha xứ tỏ vẻ bị sỉ nhục. “Tôi đã vào đại học, ông chủ Roydon ạ.”

“Tôi thật nhẹ nhõm khi nghe điều đó. Cuốn sách ấy không nên nằm trong tay của những kẻ mê tín hay điên loạn.”

“Ngài biết nó ư?” Danforth hỏi.

“Tôi cũng đã vào đại học mà,” Matthew hòa nhã đáp.

“Vậy thì ngài hiểu lý do tôi phải thẩm vấn người phụ nữ này.” Danforth cố tiến sâu vào trong phòng. Tiếng gầm gừ trầm thấp của Hancock khiến ông ta đứng khựng lại.

“Vợ tôi không gặp khó khăn nào với vấn đề thính giác cả. Ông không cần tới gần hơn đâu.”

“Tôi đã bảo ông là bà Roydon có những sức mạnh siêu nhiên mà!” Iffley nói vẻ đắc thắng.

Danforth siết chặt cuốn sách của mình. “Ai đã dạy bà những thứ này, bà Roydon?” ông ta kêu to, tiếng vọng vang khắp sảnh. “Bà đã học pháp thuật phù thủy từ ai?”

Đây chính là cách sự điên rồ này bắt đầu: với những câu hỏi được thiết kế hòng đặt bẫy người bị buộc tội lên án các sinh vật khác người khác. Đã có thời, các phù thủy bị bủa giăng trong mạng lưới những lời dối trá và hủy diệt. Hàng ngàn người đồng đạo của tôi đã bị tra tấn và giết hại nhờ những xảo thuật này. Sự phủ nhận đã lăm bắm dâng lên trong cổ họng tôi.

“Đừng.” Một từ cảnh cáo duy nhất của Matthew được thốt ra bằng tiếng thì thầm lạnh băng.

“Những chuyện lạ lùng đang xảy ra ở Woodstock. Một con hươu đực trắng băng qua đường đi của bà góa Beaton,” Danforth tiếp tục. “Nó dừng lại trên đường lớn và nhìn chằm chằm cho tới khi da thịt bà ấy lạnh toát. Đêm qua, có một con sói xám bên ngoài nhà bà ta. Ánh mắt nó sáng rực trong đêm tối, sáng hơn cả những ngọn đèn treo bên ngoài để giúp những người lữ hành tìm nơi tránh bão. Con nào trong những sinh vật ấy quen thuộc với bà? Ai đã ban tặng bà những thứ đó?” Lần này Matthew không cần bảo tôi phải im lặng. Nhưng câu hỏi của mục sư đang theo đúng một khuôn mẫu nổi tiếng mà tôi đã được nghiên cứu khi còn là nghiên cứu sinh.

“Ả phù thủy này phải trả lời câu hỏi của ông, ông Danforth ạ,” Iffley khẳng khẳng, giật giật ống tay áo của bạn đồng hành. “Sự xác lác như thế đến từ một sinh vật của bóng đêm là không thể chấp nhận được trong cộng đồng ngoan đạo.”

“Vợ của ta không nói chuyện với ai mà không được ta cho phép,” Matthew nói. “Và xin lỗi, ông gọi ai là ả phù thủy vậy, Iffley.” Những người dân làng này càng thách thức, Matthew càng cứng rắn kiểm chế bản thân hơn.

Ánh mắt vị đại diện của Chúa di chuyển từ tôi sang Matthew rồi lại quay về tôi. Tôi nén một tiếng rên.

“Thỏa thuận của bà ta với quý dữ khiến bà ta không thể nói ra sự thật,” Bidwell lên tiếng.

“Yên nào, ông chủ Bidwell,” Danforth khiển trách. “Con muốn nói gì nào, con của ta? Ai đã giới thiệu con với quý dữ? Có phải một người phụ nữ khác không?”

“Hay một người đàn ông?” Iffley thì thào. “Bà Roydon không phải đứa trẻ bóng tối duy nhất được tìm thấy ở đây. Có nhiều cuốn sách và dụng cụ lạ lùng, những vụ tụ tập nửa đêm để gọi hồn.”

Harriot thở dài và cúi quyển sách của anh ta cho Danforth. “Toán học, thưa ngài, không phải pháp thuật. Bà góa Beaton đã thấy một quyển hình học.”

“Đây không phải chỗ cho ông khuếch trương thế lực của ác quỷ,” Iffley lấp bắp nói.

“Nếu là con ác quỷ các người đang tìm kiếm, hãy tìm nó ở chỗ bà góa Beaton ấy.” Mặc dù đã cố hết sức nhưng Matthew đang nhanh chóng mất bình tĩnh.

“Vậy ngài buộc bà ta vào tội hành thuật phù thủy ư?” Danforth lạnh lùng hỏi.

“Không, Matthew. Không phải cách đó,” tôi thì thầm, khẽ kéo tay anh.

Matthew quay lại phía tôi. Gương mặt anh trông không giống một con người nữa, đôi đồng tử trong suốt nở lớn. Tôi lắc đầu, anh hít vào một hơi thật sâu, cố gắng làm dịu cơn giận dữ trước sự xâm phạm trong ngôi nhà của anh lần bản năng dữ dội phải bảo vệ tôi.

“Đừng để đôi tai ngài phải nghe những lời của hắn, ông Danforth. Roydon có thể cũng là công cụ của ác quỷ đấy,” Iffley cảnh báo.

Matthew đối diện với đoàn đại biểu. “Nếu các người có lý do để buộc vợ ta chịu trách nhiệm với những lời xúc phạm như vậy, thì hãy tìm một quan tòa mà làm việc đó. Còn không thì cút khỏi đây. Và trước khi ông trở lại, Danforth, hãy cân nhắc xem liệu nghiêng về phía Iffley và Bidwell có phải là một hành động khôn ngoan không?”

Viên cha xứ nuốt nghẹn.

“Các người nghe ngài ấy nói chứ,” Hancock quát. “Cút xéo!”

“Công lý sẽ được thực thi, ông chủ Roydon – công lý của Chúa,” Danforth tuyên bố khi lùi ra khỏi phòng.

“Chỉ khi nào tôi không giải quyết được vấn đề này trước, Danforth ạ,” Walter hứa.

Pierre và Charles hiện ra từ trong bóng tối, mở toang hai cánh cửa xua đám sinh vật máu nóng mắt mở thao láo ra khỏi phòng. Ngoài trời, gió bão thổi mạnh. Sự dữ dội của cơn bão đang chờ sẵn sẽ chỉ càng khẳng định cho nghi ngờ của bọn họ về sức mạnh siêu nhiên của tôi.

Cút, cút, cút! Một giọng nói kiên quyết cứ vang lên trong đầu tôi. Cơn hoảng loạn ào ạt đưa adrenaline lan tràn khắp hệ tuần hoàn của tôi. Một lần nữa, tôi lại làm mình trở thành mồi săn. Gallowglass và Hancock quay ngoắt sang tôi, bị quyến rũ bởi mùi hương sợ hãi toát ra từ các lỗ chân lông.

“Các cậu ở nguyên chỗ đó,” Matthew cảnh cáo hai ma cà rồng. Anh chặn trước tôi. “Bản năng của Diana đang mách bảo cô ấy bỏ chạy. Cô ấy sẽ ổn trong chốc lát nữa.”

“Chuyện này sẽ không bao giờ kết thúc. Chúng ta đến đây để tìm sự giúp đỡ, nhưng ngay cả ở nơi này em cũng bị săn lùng.” Tôi cắn môi nói.

“Không có gì phải sợ cả. Danforth và Iffley phải cân nhắc kỹ càng trước khi gây nên bất cứ rắc rối nào,” Matthew khẳng định chắc chắn, đưa tay nắm lấy hai bàn tay siết chặt của tôi. “Không kẻ nào muốn là kẻ thù của anh – những sinh vật khác người khác và cả con người đều không muốn.”

“Em hiểu lý do các sinh vật khác người e sợ anh. Anh là thành viên của Đại Hội Đồng và có sức mạnh hủy diệt họ. Không trách bà góa Beaton đến đây ngay khi anh ra lệnh. Nhưng điều đó không giải thích cho phản ứng của những người này với anh. Danforth và Iffley hẳn đã nghi ngờ anh là một... wearh.” Tôi kiềm được lại trước khi từ “ma cà rồng” bật ra khỏi miệng.

“Ồ, chú ấy chẳng bị nguy hiểm nào đe dọa từ phía bọn họ đâu,” Hancock lên tiếng bác bỏ. “Mấy gã đó chẳng là gì cả. Thật không may, bọn chúng có thể đưa chuyện khiến cho lũ người kia chú ý.”

“Đừng nghe hắn nói,” Matthew bảo tôi.

“Những người nào cơ?” Tôi thì thào hỏi.

Gallowglass thở gấp. “Vì các đấng thiêng liêng, Matthew. Cháu đã từng thấy chú làm những chuyện kinh khủng, nhưng làm sao chuyện này mà chú cũng có thể giữ kín với vợ mình chứ?”

Matthew nhìn đăm đăm vào ngọn lửa trong lò sưởi. Khi ánh mắt anh cuối cùng cũng gặp mắt tôi, chúng tràn đầy vẻ hối tiếc.

“Matthew?” Tôi thúc giục. Cái nút thắt đã bắt đầu hình thành trong lòng tôi kể từ khi túi thư buộc chặt đầu tiên đến nơi.

“Bọn họ không nghĩ anh là ma cà rồng. Họ biết anh là gián điệp.”

6.

“Gián điệp ư?” tôi điếng người nhắc lại.

“Chúng tôi thích được gọi là những người đưa tin hơn,” Kit cay độc nói.

“Câm miệng đi, Marlowe,” Hancock gầm lên, “không thì ta sẽ chặn miệng ngươi lại đấy.”

“Khoan dung cho chúng tôi nào, Hancock. Không ai bắt anh phải nghiêm túc khi anh cợt nhả ỉ xèo như thế cả.” Cầm Marlowe vênh lên. “Và nếu anh không cho tôi giữ lễ độ, thì mọi vị vua và binh lính xứ Welsh sẽ mau chóng có đoạn kết trên sân khấu đấy. Tôi sẽ khiến cho các người trở thành những kẻ phản bội và lũ người hầu có trí khôn ngẩn ngẩn hết.”

“Ma cà rồng là cái gì?” George hỏi, một tay với lấy cuốn sổ ghi chép, còn tay kia cầm miếng bánh gừng. Như thường lệ, chẳng ai để ý nhiều đến anh ta.

“Vây anh đại loại kiểu như James Bond thời Elizabeth à? Nhưng...” Tôi nhìn Marlowe, kinh hãi. Anh ta sẽ bị giết bằng một con dao của hiệp sĩ tại Deptford trước khi bước sang tuổi ba mươi, và tên tội phạm có liên quan tới cuộc sống của anh ta được cho là một gián điệp.

“Người thợ làm mũ ở London gần St.Dustan, người trông như cái vành mũ gọn gàng ấy ư? James Bond đó ư?” George cười khúc khích. “Thế quái nào mà cô lại nghĩ Matthew là một thợ làm mũ được hả, bà Roydon?”

“Không, George, không phải James Bond đó.” Matthew vẫn khom người phía trước và quan sát các phản ứng của tôi. “Em tốt hơn không nên biết về chuyện này.” “Chết tiệt.” Tôi còn không biết được liệu câu này có phải là một câu chữi thề ở thời Elizabeth hay không. “Em xứng đáng được biết sự thật.”

“Có lẽ, thưa bà Roydon, nếu cô thật sự yêu anh ấy thì thật vô nghĩa khi cứ khẳng khẳng đòi hỏi điều đó,” Marlowe nói. “Matthew có thể không bao giờ phân biệt được điều gì là sự thật và điều gì không phải đâu. Đây là lý do anh ta vô giá đối với nữ hoàng.”

“Chúng mình ở đây để tìm cho em một người thầy,” Matthew kiên quyết, ánh mắt anh khóa chặt lấy mắt tôi. “Việc anh đồng thời là một thành viên của Đại Hội Đồng và là đặc vụ của nữ hoàng sẽ giữ cho em khỏi bị hãm hại. Không chuyện gì xảy ra trong vương quốc này mà anh không biết cả.”

“Anh thoải mái khi biết hết mọi việc, còn em thì cứ nghĩ rằng đang có chuyện gì đó không ổn xảy ra trong ngôi nhà này. Có quá nhiều thư từ. Còn anh và Walter thì đang tranh cãi với nhau.”

“Em nhìn thấy cái anh muốn em thấy. Không có gì hơn cả.” Bất chấp sự độc đoán của Matthew đã phát triển theo cấp số nhân kể từ khi chúng tôi đến Chòi Gác Cổ, quai hàm tôi vẫn muốn rớt ra trước giọng điệu của anh.

“Sao anh dám,” tôi chậm rãi thốt lên. Matthew biết cả cuộc đời tôi đã bị vây quanh bởi những bí mật. Tôi cũng đã phải trả một cái giá quá cao cho nó. Tôi hiểu chứ.

“Ngồi xuống,” anh nghiêng răng quát. “Làm ơn.” Anh tóm lấy tay tôi.

Người bạn thân của Matthew, Hamish Osborne, đã từng cảnh cáo tôi rằng anh sẽ không còn là người đàn ông mà tôi biết khi ở nơi này. Làm sao anh có thể như vậy, tại một thế giới xa lạ như thế này? Phụ nữ được mong đợi phải chấp nhận vô điều kiện những gì người đàn ông bảo họ làm. Ở giữa đám bạn bè của mình, Matthew thật dễ dàng trở lại lối hành xử cùng khuôn mẫu suy nghĩ cũ.

“Chỉ khi nào anh trả lời. Em muốn biết tên người anh phải báo cáo và làm thế nào anh để mình dính líu vào công việc này.” Tôi liếc mắt qua cậu cháu trai cùng gã bạn của nó, lo rằng đây là những bí mật quốc gia.

“Bọn họ đều biết về Kit và anh,” Matthew nói, nhìn theo ánh mắt tôi. Anh vật lộn tìm kiếm lời lẽ để giải thích. “Tất cả bắt đầu với Francis Walsingham.”

“Anh rời nước Anh vào thời Henry trị vì. Anh đã dành một khoảng thời gian ở Constantinople, chu du đến đảo Cyprus, lang thang qua Tây Ban Nha, chiến đấu ở Lepanto – thậm chí còn kinh doanh in ấn ở Antwerp,” Matthew giải thích. “Đó là lối mòn thường thấy đối với một wearh. Bọn anh tìm kiếm một thảm kịch, một cơ hội để len lỏi vào cuộc đời của người nào đó. Nhưng chẳng có gì phù hợp với anh, vì vậy anh quay về nhà. Nước Pháp đang ở bên bờ một cuộc nội chiến tôn giáo. Khi em đã sống đủ lâu, em sẽ nhận thấy những dấu hiệu đó. Một ông hiệu trưởng người Pháp theo đạo Tin Lành đã vui mừng nhận tiền và tới Geneva, nơi ông ta có thể nuôi dưỡng các con gái mình an toàn. Anh giả danh người anh họ đã chết từ lâu của ông ta, chuyển vào sống trong ngôi nhà của ông ta ở Paris và bắt đầu lại với vai Matthew de la Forêt.”

“Matthew của nhà Foret ư?” Lông mày tôi nhướn lên mĩa mai.

“Đó là tên của ông hiệu trưởng ấy,” anh nhả nhó đáp. “Paris đang lâm nguy, và Walsingham, với tư cách đại sứ của nước Anh, một thời nam châm cuốn hút mọi cuộc nổi loạn trong đất nước này. Cuối mùa hè năm 1572, tất cả cơn thịnh nộ bị kìm nén ở Pháp bùng lên sôi sục. Anh giúp Walsingham sống sót, cùng với những người Anh theo đạo Tin Lành mà ông ta đang che chở.”

“Cuộc thảm sát vào ngày Thánh Bartholomew.” Tôi rùng mình, nghĩ đến hôn lễ đẫm máu giữa một nàng công chúa Pháp theo đạo Thiên Chúa và người chồng theo đạo Tin Lành của nàng.

“Sau đó anh trở thành đặc vụ của nữ hoàng, khi bà ta cử Walsingham trở lại Paris. Ông ta được sắp xếp làm người mai mối cuộc hôn nhân của bệ hạ với một trong những hoàng tử Valois.” Matthew cười khẩy. “Rõ ràng nữ hoàng không hề có hứng thú thực sự với đám mai mối này. Trong suốt chuyến viếng thăm ấy, anh đã biết được mạng lưới tình báo của Walsingham.”

Chồng tôi bắt gặp ánh mắt tôi trong một thoáng ngẩn ngui, rồi quay nhìn đi hướng khác. Anh vẫn còn đang giấu giếm điều gì đó. Tôi xem xét lại câu chuyện, phát hiện ra những dấu vết sai sót trong bản tường thuật đó và lần theo chúng để có được một kết luận duy nhất quá rõ ràng: Matthew là người Pháp, theo đạo Thiên Chúa và anh không thể nào được sắp đặt vào mạng lưới chính trị với Elizabeth Tudor năm 1572 – hay năm 1590. Nếu anh đang phục vụ cho ngại vàng Anh quốc, thì phải vì một mục đích lớn lao nào đó. Nhưng Đại Hội Đồng đã thề đứng bên ngoài lề các vấn đề chính trị của loài người.

Philippe de Clermont và các hiệp sĩ dòng Thánh Lazarus của ông ta thì không.

“Anh đang làm việc cho cha. Anh không phải chỉ là một ma cà rồng mà còn là một tín đồ Công giáo trên đất nước theo đạo Tin Lành.” Thực sự Matthew đang làm việc cho các Hiệp sĩ dòng Thánh Lazarus, chứ không phải Elizabeth, làm tăng mức độ nguy hiểm lên theo cấp số nhân. Không chỉ có các phù thủy bị săn lùng và xử tử hình trên đất nước Anh thời đại Elizabeth – mà còn cả những kẻ phản bội, các sinh vật có sức mạnh khác thường và những người có đức tin khác nữa. “Đại Hội Đồng chẳng giúp gì được nếu anh dính líu đến các vấn đề chính trị của loài người. Tại sao gia đình anh có thể yêu cầu anh làm một việc nguy hiểm như vậy?”

Hancock nhả nhó cười. “Đó là lý do tại sao luôn có một người de Clermont trong Đại Hội Đồng – để chắc chắn những lý tưởng cao thượng không chặn ngang đường công việc tốt đẹp đó.”

“Đây không phải lần đầu tiên anh làm việc cho Philippe, cũng sẽ không phải là lần cuối cùng.

Em rất giỏi trong việc vạch trần các bí mật. Còn anh thì giỏi trong việc giữ kín chúng,” Matthew nói một cách đơn giản.

Nhà khoa học. Ma cà rồng. Chiến binh. Gián điệp. Lại một mảnh khác nữa của Matthew được ghép vào, và cùng với nó tôi hiểu rõ hơn cái thói quen thâm căn cố đế của anh là không bao giờ chia sẻ điều gì – dù lớn hay nhỏ – trừ phi anh buộc phải làm thế.

“Em không quan tâm anh có bao nhiêu kinh nghiệm! Sự an toàn của anh phụ thuộc vào Walsingham – và anh đang lừa gạt ông ta.” Những lời anh nói chỉ càng làm tôi thêm giận dữ hơn.

“Walsingham chết rồi. Anh báo cáo với William Cecil bây giờ đây.”

“Người đàn ông thận trọng nhất còn sống,” Gallowglass lặng lẽ nói. “Dĩ nhiên là ngoại trừ Philippe.”

“Còn Kit? Anh ta làm việc cho Cecil hay cho anh?”

“Đừng nói cho cô ta biết điều gì cả, Matthew,” Kit lên tiếng. “Cô phù thủy này không thể tin tưởng được.”

“Tại sao, người thật xảo quyệt, con quỷ nhỏ,” Hancock khế nói. “Chính người là kẻ đang khuấy đảo đám dân làng này.”

Hai má Kit đỏ bừng vì lời buộc tội kếp kia.

“Chúa ơi, Kit. Anh đã làm gì thế?” Matthew kinh ngạc hỏi.

“Không gì cả,” Marlowe sừng xỉa đáp.

“Người lại đang kể chuyện cổ tích rồi.” Hancock lúc lắc ngón tay về khiển trách. “Ta đã từng cảnh cáo người rằng chúng ta sẽ không ủng hộ điều đó, ông chủ Marlowe.”

“Woodstock đang ồn ào như ong vỡ tổ với những tin tức về vợ của Matthew,” Kit phản đối. “Những lời đồn thổi đó chắc chắn sẽ mang Đại Hội Đồng xuống chỗ chúng ta. Làm sao tôi biết được Đại Hội Đồng đã ở đây?”

“Chắc hẳn anh sẽ để tôi giết hẳn ngay bây giờ, de Clermont. Tôi đã muốn làm thế từ lâu lắm rồi,” Hancock vừa nói vừa bẻ khớp ngón tay kêu răng rắc.

“Không. Anh không thể giết anh ta.” Matthew đưa tay lên vuốt gương mặt mệt mỏi. “Sẽ có quá nhiều nghi vấn, và lúc này tôi không có kiên nhẫn để bịa ra những câu trả lời thuyết phục. Đó chỉ là lời nguyền lê đôi mách của cả làng thôi. Tôi sẽ xử lý nó.”

“Chuyện tán gẫu này đã trở nên tồi tệ rồi,” Gallowglass lặng lẽ báo cáo. “Không chỉ là Berwick. Chú biết người ta xôn xao lo lắng về các phù thủy đến mức nào ở Chester mà. Khi bọn cháu đi lên phía bắc vào Scotland, tình hình còn tồi tệ hơn.”

“Nếu chuyện này lan xuống phía nam vào nước Anh thì cô ta sẽ là án tử hình của chúng ta,” Marlowe cảm đoán, chỉ về phía tôi.

“Rắc rối này sẽ giới hạn ở Scotland thôi,” Matthew trả miếng. “Và không có thêm chuyến viếng thăm nào vào làng nữa đâu Kit.”

“Cô ta xuất hiện vào đêm Halloween, ngay lúc sự xuất hiện của một phù thủy sợ sệt rụt rè được tiên đoán trước. Anh không thấy sao? Người vợ mới của anh đã khơi lên những cơn phong ba bão táp chống lại vua James, và giờ cô ta chuyển hướng chú ý tới nước Anh. Cecil chắc chắn đã

được báo cho biết. Cô ta gây nguy hiểm cho nữ hoàng.”

“Im đi, Kit,” Henry cảnh cáo, kéo cánh tay anh ta.

“Anh không thể làm tôi im lặng được. Nói cho nữ hoàng biết là bốn phần của tôi. Anh đã từng đồng ý với tôi, Henry. Nhưng kể từ khi ả phù thủy này đến, mọi chuyện đã hoàn toàn thay đổi! Ắt đã mê hoặc mọi người trong cái nhà này rồi.” Ánh mắt Kit long sòng sọc. “Anh mê mẩn coi cô ta như em gái. George thì có nửa phần là yêu. Tom tán dương sự hóm hỉnh của cô ta, còn Walter sẽ tốc váy cô ta lên và ấn lưng cô ta vào một bức tường nếu anh ấy không sợ Matthew. Hãy tổng cô ta quay về nơi vốn thuộc về cô ta. Chúng ta trước đây đã thật vui vẻ.”

“Matthew không vui vẻ.” Tom đã lùi về tận cuối phòng vì năng lượng từ cơn giận dữ của Marlowe.

“Cô nói cô yêu anh ấy.” Kit quay sang tôi, gương mặt đầy vẻ cầu khẩn. “Cô có thật sự biết rõ anh ấy là gì không? Cô đã trông thấy anh ấy ăn, cảm thấy cơn đói khát trong anh ấy khi có một sinh vật máu nóng ở gần chưa? Cô có thể hoàn toàn chấp nhận Matthew – cả phần đen tối trong tâm hồn bên cạnh phần sáng rõ kia – như tôi không? Cô có phép thuật của mình để làm niềm an ủi, nhưng tôi không thể sống trọn vẹn nếu không có anh ấy. Tất cả thi từ đều bay biến khỏi đầu tôi khi anh ấy đi, và chỉ mình Matthew có thể thấy được chút ít ỏi điều tốt đẹp có trong con người tôi. Hãy để lại anh ấy cho tôi. Làm ơn.”

“Tôi không thể,” tôi đáp lại đơn giản.

Kit quệt ống tay áo ngang miệng như thể cử chỉ ấy có thể rũ bỏ tất cả dấu vết về tôi. “Khi phần còn lại của Đại Hội Đồng phát hiện tình cảm của cô dành cho anh ấy...”

“Nếu tình cảm của tôi dành cho anh ấy bị cấm đoán, thì tình cảm của anh cũng thế,” tôi ngắt lời. Marlowe khựng lại. “Nhưng không ai trong chúng ta lựa chọn được người mình yêu.”

“Iffley và bạn bè của lão sẽ không phải những người cuối cùng buộc tôi cô dùng thuật phù thủy,” Kit nói với âm điệu đắc thắng chua cay. “Cứ nhớ lấy lời tôi, bà Roydon. Yêu tình thường thấy được tương lai một cách rõ ràng cũng như phù thủy vậy.”

Bàn tay Matthew di chuyển tới eo tôi. Sự tiếp xúc mát lạnh quen thuộc từ ngón tay anh lướt từ sườn bên này sang mạn sườn bên kia của tôi, bám theo đường vòng cung đã đánh dấu tôi thuộc về một ma cà rồng. Đối với Matthew nó là sự gợi nhớ mạnh mẽ nhất về lần thất bại trước kia anh không thể bảo vệ tôi an toàn. Kit thốt ra một tiếng nuốt khan kinh hãi đau khổ trước cử chỉ thân mật đó.

“Nếu cậu có thể tiên tri rõ ràng như vậy, thì đáng lẽ cậu nên thấy trước sự phản bội của mình sẽ có ý nghĩa thế nào đối với tôi,” Matthew nói, dần lộ rõ ý. “Hãy biến khỏi tầm mắt tôi, Kit, nếu không có Chúa cứu giúp, cậu sẽ chẳng còn lại gì để có thể an táng đâu.”

“Anh sẽ chọn cô ấy thay vì tôi ư?” Kit lặng người thốt lên.

“Trong từng nhịp đập trái tim mình. Đi ra ngay!” Matthew nhắc lại.

Kit bước ngang qua phòng một cách thận trọng, nhưng ngay khi tới hành lang anh ta rảo bước nhanh hơn. Tiếng chân vọng lại trên cầu thang gỗ, càng lúc càng nhanh, khi anh ta lên phòng của mình.

“Chúng ta phải canh chừng hẳn.” Cặp mắt sắc sảo của Gallowglass chuyển từ nơi Kit rời đi quay lại phía Hancock. “Giờ hẳn không thể tin cậy được.”

“Chẳng bao giờ tin được Marlowe cả,” Hancock căn nhắc.

Pierre len qua cánh cửa mở trông có vẻ khổ sở, cầm trong tay một lá thư khác.

“Không phải lúc này, Pierre,” Matthew rên lên, rồi ngồi xuống, với lấy ly rượu của mình. Hai bờ vai lún vào lưng ghế. “Đơn giản là ngày hôm nay không còn chỗ cho bất kỳ biến cố nào nữa – dù là nữ hoàng, vương quốc hay những tín đồ Thiên Chúa giáo. Cho dù là cái gì thì cũng để đến sáng mai đi.”

“Nhưng... thưa đức ngài,” Pierre lắp bắp, giơ ra lá thư. Matthew liếc qua nét chữ dứt khoát trên mặt trước lá thư.

“Lạy Chúa và các Thánh thần.” Ngón tay anh với lên chạm vào tờ giấy, rồi đông cứng lại. Yết hầu Matthew lên xuống khi cố gắng đấu tranh để kiểm soát mình. Thứ gì đó màu đỏ tươi xuất hiện từ khóe mắt anh, rồi trượt xuống gò má và nhỏ lên những nếp gấp cổ áo. Một giọt huyết lệ của ma cà rồng.

“Chuyện gì thế, Matthew?” Tôi nhìn qua vai anh, băn khoăn không biết điều gì đã gây nên một nỗi đau khổ chừng ấy.

“À. Ngày hôm nay vẫn chưa hết mà,” Hancock nói một cách khó khăn trong khi bước lùi lại. “Có một vấn đề nhỏ cần ngài lưu ý. Cha ngài nghĩ ngài đã chết.”

Vào thời đại của tôi, cha Matthew, Phillipe đã chết – một cách khủng khiếp, đầy bi thảm và không thể nào thay đổi được. Nhưng đây là năm 1590, điều đó có nghĩa là ông ấy còn sống. Ngay từ khi chúng tôi đến đây, tôi đã lo lắng về một dịp đối mặt với Ysabeau hay cô trợ lý phòng thí nghiệm của Matthew, Miriam, và những ảnh hưởng mà một cuộc gặp gỡ như thế có thể gây ra cho thời điểm trong tương lai. Không chỉ một lần tôi suy nghĩ xem việc nhìn thấy Phillipe sẽ tác động tới Matthew như thế nào.

Quá khứ, hiện tại và tương lai xung đột. Nếu nhìn vào các góc phòng, tôi chắc chắn sẽ thấy thời gian đang cuồn cuộn va chạm vào nhau. Nhưng mắt tôi vẫn gắn chặt vào Matthew và giọt huyết lệ trên lớp vải lạnh trắng như tuyết nơi cổ anh.

Gallowglass cục cằn kể cả câu chuyện. “Cùng với tin tức từ Scotland và việc chú đột ngột biến mất, chúng cháu sợ chú đã lên phía bắc vì nữ hoàng, bị cuốn vào sự điên loạn ở đó. Bọn cháu tìm kiếm suốt hai ngày. Khi không thể thấy dấu vết của chú – chết tiệt thật, Matthew, bọn cháu không có lựa chọn nào khác phải báo cho Phillipe biết chú đã biến mất. Hoặc không cũng phải báo động với Đại Hội Đồng.”

“Còn nữa, thưa đức ngài.” Pierre lật ngược lá thư. Dấu niêm phong trên đó giống những lá thư khác mà tôi liên tưởng ngay đến các hiệp sĩ dòng Thánh Lazarus – ngoại trừ dấu xi được dùng ở đây là một hình xoáy sắc sỡ màu đỏ đen cùng một đồng xu cổ bằng bạc được ấn lên mặt trên dấu xi, các mép đã cũ mòn và mỏng quệt, thay thế cho dấu xi thường thấy của dòng tu. Đồng xu đó được in dấu một chữ thập và một hình trăng lưỡi liềm, hai biểu tượng gia tộc de Clermont.

“Cháu đã bảo ông thế nào?” Matthew sững sờ cứng người bởi mặt trắng nhợt nhạt màu bạc trôi nổi trên biển đỏ-đen kia.

“Lời nói của bọn tôi giờ là kết quả nho nhỏ này đây, thứ này đã đến rồi. Anh phải ở Pháp nội trong tuần tới. Nếu không, Philippe sẽ khởi hành đến Anh.” Hancock càu nhàu.

“Cha ta không thể đến đây, Hancock. Không thể nào.”

“Dĩ nhiên là không thể rồi. Nữ hoàng sẽ có được đầu của ông sau tất cả những gì ông đã làm để khuấy đảo chính trị nước Anh. Anh phải đến chỗ ông. Nếu anh đi ngày đi đêm thì sẽ có rất nhiều thời gian đấy,” Hancock đảm bảo với anh.

“Ta không thể.” Ánh mắt đông cứng của Matthew gắn chặt vào bức thư chưa mở.

“Philippe sẽ cho ngựa đợi sẵn. Chú sẽ quay lại nhanh thôi,” Gallowglass thì thầm, đặt bàn tay lên vai ông chú. Matthew ngược nhìn lên, ánh mắt đột nhiên trở nên hoang dại.

“Không phải vì quãng đường xa xôi. Mà là...” Matthew đột ngột ngưng bật.

“Ông ấy là chồng của mẹ anh. Chắc chắn anh có thể tin tưởng Phillipe – trừ phi anh vẫn nói dối ông.” Hai mắt Hancock nheo lại.

“Kit đúng đấy. Không ai có thể tin tưởng ta.” Matthew bật đứng lên. “Cuộc đời ta là một chuỗi những lời dối trá.”

“Đây không phải lúc cho mớ triết lý vô nghĩa của chú, Matthew. Ngay lúc này Phillipe định ninh đã mất một người con trai nữa!” Gallowglass kêu lên. “Để cô gái ở lại với bọn cháu, hãy lên ngựa và làm điều cha chú ra lệnh. Nếu không, cháu sẽ hạ đo ván chú và Hancock sẽ mang chú tới đó.”

“Cháu hẳn phải rất chắc chắn về bản thân, Gallowglass, để có thể ra lệnh cho ta,” Matthew nói, một tia nguy hiểm ẩn trong ngữ điệu của anh. Anh chống hai bàn tay lên bệ lò sưởi và nhìn đăm đăm vào ngọn lửa.

“Cháu chắc chắn về ông nội. Ysabeau biến chú thành một wearh, nhưng chính dòng máu của Philippe mới chảy trong huyết quản của cha cháu.” Những lời của Gallowglass làm tổn thương Matthew. Đầu anh giật phắt lên khi cú đòn đó giáng xuống, cảm xúc nguyên thủy đang lấn át sự bình thản không nao núng của anh.

“George, Tom lên gác và để mắt đến Kit,” Walter lầm bầm, chỉ tay hai người bạn đi ra cửa. Raleigh nghiêng đầu về phía Pierre và người hầu của Matthew tham gia ngay vào nỗ lực đưa bọn họ ra khỏi phòng. Những tiếng gọi yêu cầu thêm rượu vang cùng đồ ăn văng lại qua tiền sảnh. Khi bọn họ đã có Françoise chăm sóc, Pierre quay lại, đóng sập cửa một cách kiên quyết, đặt thân mình chặn trước nó. Chỉ còn Walter, Henry, Hancock và tôi ở đó chứng kiến cuộc trò chuyện – cùng với một Pierre lặng lẽ – Gallowglass tiếp tục cố gắng lay chuyển Matthew.

“Chú phải đi Sept-Tours. Ông sẽ không dừng lại cho tới khi đòi được thi thể của chú để an táng hoặc chú phải đang đứng trước mặt ông, còn sống. Philippe không tin Elizabeth – hay Đại Hội Đồng.” Lần này Gallowglass hướng lời thuyết phục có phần xoa dịu hơn, nhưng bầu không khí giết chóc từ Matthew vẫn còn đó.

Gallowglass tức tối. “Hãy lừa dối những người khác – và bản thân mình, nếu chú phải làm thế. Hãy dành cả đêm để bàn bạc những lựa chọn thay thế nếu chú muốn. Nhưng cô nói đúng đấy: nó toàn là thứ cặn bã.” Giọng Gallowglass trầm xuống. “Diana của chú có mùi gì đó sai trái. Và chú có mùi già hơn chú vào tuần trước. Cháu biết bí mật hai người đang che giấu. Ông cũng sẽ biết.”

Gallowglass đã suy luận ra tôi là người du hành thời gian. Một cái nhìn về phía Hancock cho biết anh ta cũng thế.

“Đủ rồi!” Walter quát lên.

Gallowglass cùng Hancock im lặng ngay tức thì. Lý do là ánh sáng lấp lánh trên ngón tay út của Walter: một dấu ấn mang hình dáng Lazarus và chiếc quan tài của ông ta.

“Vậy anh cũng là một hiệp sĩ,” tôi thốt lên, bàng hoàng.

“Phải,” Walter đáp một cách cộc lốc.

“Và anh ở cấp bậc cao hơn Hancock. Thế còn Gallowglass?” Có quá nhiều lớp chồng chéo của lòng trung thành và bốn phần thần tử trong căn phòng này. Tôi tuyệt vọng không thể sắp xếp nổi bọn họ vào cấu trúc nào cho thích hợp.

“Tôi ở cấp cao hơn mọi người trong căn phòng này, phu nhân ạ, ngoại trừ chồng cô,” Raleigh lưu ý. “Và điều đó bao gồm cả cô nữa.”

“Anh không có quyền gì với tôi cả,” tôi bật lại. “Chính xác vai trò của anh trong công vụ của gia tộc de Clermont là gì, Walter?”

Qua phía trên đầu tôi, đôi mắt xanh lơ giận dữ của Raleigh gặp ánh mắt Matthew. “Cô ấy luôn thế này à?”

“Thường xuyên,” Matthew lãnh đạm trả lời. “Cần ít lâu để quen được với nó, nhưng tôi khá thích thế. Anh có thể cũng vậy, miễn là có thời gian.”

“Tôi đã có một người đàn bà luôn đòi hỏi trong đời mình rồi. Tôi không cần một người khác nữa,” Walter khịt mũi. “Nếu cô phải biết, tôi chỉ huy dòng tu trên nước Anh, bà Roydon ạ. Matthew không thể làm vậy, vì vị trí của cậu ấy trong Đại Hội Đồng. Nói cách khác, các thành viên khác của gia tộc đều đã bận. Hoặc họ từ chối.” Walter chớp mắt nhìn về phía Gallowglass.

“Vậy anh là một trong tám thống lãnh tỉnh của dòng tu và chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Phillipe,” tôi trầm ngâm nói. “Tôi ngạc nhiên anh không phải hiệp sĩ thứ chín.” Hiệp sĩ thứ chín là một nhân vật bí ẩn trong dòng tu, danh tính của người này được giữ bí mật với tất cả ngoại trừ nhân vật có cấp bậc tối cao.

Raleigh chửi thề ghê gớm đến mức Pierre phải thở hắt ra. “Cậu giữ bí mật với vợ việc mình là gián điệp và thành viên của Đại Hội Đồng, nhưng lại kể cho cô ấy nghe hầu hết công vụ tối mật của dòng tu ư?”

“Cô ấy hỏi mà,” Matthew đơn giản đáp. “Nhưng tôi nghĩ nói chuyện về các hiệp sĩ dòng thánh Lazarus đêm nay thế là đủ rồi.”

“Vợ cậu sẽ không thỏa mãn khi bỏ dở thế đâu. Cô ấy sẽ thắc mắc mãi về chuyện này như chú chó săn quẩn quanh với khúc xương vậy.” Raleigh khoanh tay trước ngực và quắc mắt.

“Được thôi. Nếu cô phải biết, Henry chính là hiệp sĩ thứ chín đấy. Sự miễn cưỡng khi phải theo đạo Tin lành khiến anh ta dễ bị lung lay trước những luận điệu mưu phản nơi đây, trên đất Anh này, và ở cả châu Âu, anh ta là một mục tiêu dễ dàng đối với mọi kẻ bất mãn muốn thấy nữ hoàng mất đi ngai vàng của người. Philippe đã đề nghị vị trí đó để che chở cho anh ta khỏi những kẻ sẽ lạm dụng bản tính cả tin của anh chàng.”

“Henry ư? Một kẻ nổi loạn?” Tôi kinh ngạc nhìn chàng khổng lồ dẹt dẹt.

“Tôi không nổi loạn,” Henry nói. “Nhưng sự bảo vệ của Philippe de Clermont đã cứu cuộc đời tôi hơn một lần.”

“Bá tước xứ Northumberland là một người đàn ông quyền lực, Diana,” Matthew lặng lẽ nói, “điều đó khiến anh ấy trở thành còn tốt có giá trị của một tay chơi bất cần.”

Gallowglass ho hắng. “Chúng ta có thể bỏ qua cuộc nói chuyện về dòng tu và trở lại với các vấn đề cấp thiết hơn không? Đại Hội Đồng sẽ cho gọi Matthew để làm dịu tình hình ở Berwick. Nữ hoàng lại muốn chú khuấy đảo nó lên hơn nữa, bởi chừng nào người Scot còn bận tâm tới các phù thủy, thì họ không thể lên kế hoạch gây ra bất cứ mối nguy hại nào ở nước Anh. Người vợ mới của Matthew đang phải đối mặt với những cáo buộc về tội hành nghề phù thủy ở nhà. Và ông đã triệu hồi chú về Pháp.”

“Chúa ơi,” Matthew thốt lên, ấn vào sống mũi. “Thật là một mớ lộn xộn rồi rắm.”

“Bạn định gỡ rồi nó thế nào?” Walter hỏi. “Bạn nói Philippe không thể đến đây, Gallowglass, nhưng tôi sợ rằng Matthew cũng không nên đến đó.”

“Không có ai từng nói rằng có ba thống lĩnh – và một bà vợ – sẽ là chuyện dễ dàng,” Hancock chưa chát tuyên bố.

“Vậy sẽ là cái quái quỷ gì, Matthew?” Gallowglass hỏi.

“Nếu Philippe không nhận được đồng xu gắn vào dấu xi của lá thư từ chính tay tôi, thì ông sẽ đến tìm tôi nhanh thôi,” Matthew đáp một cách trống rỗng. “Đó là bài kiểm tra về lòng trung thành. Cha tôi thích những bài kiểm tra.”

“Cha anh không nghi ngờ anh. Chuyện hiểu lầm này sẽ được sắp xếp ổn thỏa khi hai người gặp nhau,” Henry nói. Khi Matthew không đáp lời, Henry tiếp tục lấp đầy khoảng im lặng đó. “Anh thường bảo tôi rằng phải có kế hoạch, nếu không sẽ bị lôi kéo vào mưu đồ của những gã đàn ông khác. Hãy nói cho chúng tôi biết phải làm gì, và chúng ta sẽ cùng xem xét nó.”

Không đáp lại, Matthew nghe qua các ý kiến, loại bỏ hết cái này đến cái khác. Với bất cứ người đàn ông nào khác sẽ phải mất nhiều ngày để sàng lọc các tình huống khả năng xử lý, những biện pháp đối phó. Còn đối với Matthew, việc đó chỉ tốn vài phút. Chẳng có mấy dấu hiệu đấu tranh nội tâm trên nét mặt anh, nhưng cơ vai gồng lên và bàn tay lơ đãng không ngừng vuốt tóc lại nói khác.

“Tôi sẽ đi,” cuối cùng anh lên tiếng. “Diana ở đây với Gallowglass và Hancock. Walter phải bịa ra cho nữ hoàng một cái cớ nào đó. Còn tôi sẽ lo chỗ Đại Hội Đồng.”

“Diana không thể lưu lại Woodstock,” Gallowglass thẳng thắn bảo anh. “Không phải bây giờ khi Kit làm việc trong làng, lan truyền những lời dối trá và đặt ra những nghi vấn về cô ấy. Không có sự hiện diện của chú, nữ hoàng hay Đại Hội Đồng sẽ không có bất cứ động cơ nào để bảo vệ cô ấy khỏi tòa án.”

“Chúng ta có thể đến London cùng nhau, Matthew,” tôi nài nỉ. “Đó là một thành phố lớn. Ở đó có rất nhiều phù thủy và người ta sẽ không để ý đến em – họ không sợ sức mạnh của em – và những người đưa tin sẽ gửi lời tới Pháp là anh an toàn. Anh không cần phải đi.” Anh không cần phải gặp lại cha mình.

“London!” Hancock chế nhạo. “Cô sẽ không trụ nổi ở đó tới ngày thứ ba đâu, madame. Gallowglass và tôi sẽ đưa cô tới Wales. Chúng ta sẽ tới Abergavenny.”

“Không.” Ánh mắt tôi bị thu hút bởi vết đỏ thẫm trên cổ Matthew. “Nếu Matthew tới Pháp thì tôi sẽ đi cùng anh ấy.”

“Tuyệt đối không được. Anh sẽ không kéo em vào một cuộc chiến tranh đâu.”

“Cuộc chiến đó đã lắng xuống với mùa đông đang đến,” Walter nói. “Đưa Diana đến Sept-Tours có lẽ là điều tốt nhất. Rất ít kẻ đủ dũng cảm dám gây rối với cậu, Matthew. Không kẻ nào dám qua mặt cha cậu.”

“Anh chỉ có một lựa chọn thôi,” tôi nói một cách mạnh mẽ. Bạn bè hay gia đình Matthew sẽ không dùng tôi để ép buộc anh tới Pháp.

“Phải. Và anh chọn em.” Anh đưa ngón tay cái lướt qua bờ môi tôi. Trái tim tôi trùng xuống. Anh sắp tới Sept-Tours.

“Đừng làm chuyện này,” tôi nài xin. Tôi không thể nói nhiều thêm thực tế rằng ở thời đại tôi

sống, Philippe đã chết, và đó sẽ là sự tra tấn đối với Matthew nếu anh một lần nữa nhìn thấy cha mình còn sống.

“Philippe đã nói với anh rằng việc kết đôi là định mệnh. Một khi anh đã tìm thấy em, thì chẳng còn gì để làm nữa ngoài chấp nhận quyết định của số phận. Nhưng đó không phải là cách mọi chuyện diễn ra. Trong mỗi khoảnh khắc còn lại của cuộc đời mình, anh sẽ luôn chọn em – chứ không phải cha anh, không phải những lạc thú của bản thân anh, thậm chí trước cả gia tộc de Clermont.” Đôi môi Matthew áp lên môi tôi, khiến những lời phản đối của tôi nín lặng. Sức thuyết phục trong nụ hôn đó thật không thể nhầm lẫn.

“Vây là đã quyết định,” Gallowglass khẽ nói.

Mắt Matthew giữ chặt ánh mắt tôi. Anh gật đầu. “Đúng. Diana và tôi sẽ về nhà. Cùng nhau.”

“Có việc phải làm đây, cần sắp xếp mọi việc ngay,” Walter nói. “Cứ để nó cho chúng tôi. Vợ cậu trông có vẻ kiệt sức rồi, và chuyến đi sẽ mệt nhọc lắm đấy. Cả hai người nên nghỉ ngơi đi.”

Khi cánh đàn ông đã rời khỏi phòng khách, chúng tôi vẫn không nhúc nhích.

“Thời gian chúng ta ở năm 1590 hóa ra không yên ả như anh hy vọng,” Matthew thừa nhận. “Anh đã cho rằng nó không quá phức tạp.”

“Làm sao có thể không khó khăn được khi Đại Hội Đồng, những cuộc săn lùng ở Berwick, cơ quan tình báo thời Elizabeth, và hiệp sĩ dòng Thánh Lazarus, tất cả đều ganh đua đòi hỏi sự chú ý của anh?”

“Là thành viên của Đại Hội Đồng và đặc vụ của nữ hoàng đáng lẽ phải giúp được việc – thay vì trở thành chướng ngại.” Matthew dăm dăm nhìn ra ngoài cửa sổ. “Anh đã nghĩ chúng mình sẽ đến Chòi Gác Cổ, tận dụng sự phục vụ của bà góa Beaton, tìm cuốn cổ thư ở Oxford và rời đi trong vòng vài tuần lễ.”

Tôi cắn môi để không thốt ra những kẻ hờ trong chiến lược mà Walter, Henry, và Gallowglass đã nói đi nói lại tối nay, nhưng nét mặt tôi lại để lộ.

“Anh đã quá thiển cận,” Matthew thở dài. “Vấn đề không chỉ là tạo uy tín cho em, hoặc phải tránh những cam bẫy hiển nhiên như các cuộc truy lùng phù thủy và chiến tranh. Anh cũng bị bất ngờ. Toàn bộ những việc anh đã làm cho Elizabeth và Đại Hội Đồng – hay những biện pháp đối phó nhân danh cha anh – khá rõ ràng, nhưng mọi chi tiết đều đã phai mờ. Anh biết ngày tháng, nhưng không rõ vào thứ mấy. Điều đó có nghĩa anh không chắc người đưa tin nào sẽ đến và khi nào chuyển giao thư tiếp theo được thực hiện. Anh có thể thề rằng đã chia tay Gallowglass và Hancock trước lễ Halloween.”

“Nhiều khi chúng ta không để ý đến những tiểu tiết có thể khiến sự việc trở nên nghiêm trọng,” tôi thì thầm rồi đưa tay cọ đi vết đen do giọt huyết lệ để lại. Gần khóe mắt anh có những đốm nhỏ và một vết mỏng chảy dọc xuống má. “Đáng lẽ em nên nhận ra cha anh có thể liên lạc với con trai mình.”

“Chỉ là vấn đề thời gian trước khi bức thư của ông đến. Bất cứ lúc nào Pierre mang thư tới là anh cảm giác như đông cứng lại. Tuy vậy, người đưa thư đã đến rồi đi vào hôm nay. Lá thư viết tay từ cha khiến anh ngạc nhiên, đó là tất cả,” Matthew giải thích. “Anh đã quên mất nó từng mạnh mẽ nhường nào. Khi mọi người đưa ông trở về từ chỗ quân phát xít năm 1944, thân thể ông đã bị nát bấy đến mức máu ma cà rồng cũng không khôi phục được. Philippe không có khả năng cầm nổi cây bút, dù rất muốn viết, và tất cả những gì ông có thể cố xoay sở là những dòng nguệch ngoạc khó đọc.” Tôi biết vụ bắt giữ và giam cầm Philippe trong chiến tranh Thế giới thứ II, nhưng có rất ít thông tin về những gì ông phải chịu đựng khi ở trong tay quân phát xít, những kẻ muốn xác định xem một ma cà rồng có thể chịu đau đến mức nào.

“Có lẽ nữ thần muốn hai ta quay lại năm 1590 vì điều gì khác ngoài em ra. Việc nhìn thấy Philippe lần nữa có thể mở lại những vết thương xưa cũ trong anh – và chữa lành chúng.”

“Sau khi làm chúng tôi tệ hơn.” Đầu Matthew gục xuống.

“Nhưng cuối cùng có thể mọi việc sẽ tốt hơn.” Tôi dịu dàng vuốt mái tóc ra sau cái ót cứng rắn, bướng bỉnh của anh. “Anh vẫn chưa mở lá thư từ cha.”

“Anh biết nó nói gì.”

“Dù thế nào anh cũng nên mở nó ra.”

Cuối cùng Matthew luồn ngón tay vào bên dưới mép rồi phá vỡ dấu xi. Đồng xu bật khỏi và anh tóm lấy nó trong lòng bàn tay mình. Tờ giấy dày được mở ra, tỏa một mùi hương nhàn nhạt của hoa nguyệt quế cùng hương thảo.

“Đây là tiếng Hy Lạp?” Tôi hỏi, nhìn qua vai chồng mình vào một dòng chữ duy nhất và một biểu hiện xoắn lại của ký tự phi bên dưới.

“Đúng vậy.” Matthew lướt theo các con chữ, ngập ngừng thực hiện sự liên kết đầu tiên với cha. “Ông ra lệnh cho anh về nhà. Ngay lập tức.”

“Anh có dám đối diện với ông một lần nữa không?”

“Không. Có.” Matthew vò nhàu tờ giấy trong nắm tay. “Anh không biết.”

Tôi đón tờ giấy từ anh, vuốt phẳng nó ra như cũ. Đồng xu lấp lánh trong lòng bàn tay Matthew. Mảnh bạc nhỏ xíu này lại là nguyên nhân của quá nhiều rắc rối.

“Anh sẽ không đối mặt với ông ấy một mình.” Việc đứng bên cạnh khi Matthew gặp người cha đã qua đời không có gì nhiều nhận, nhưng đó là tất cả mọi thứ tôi có thể làm để xoa dịu nỗi đau buồn trong anh.

“Mỗi người trong chúng ta đều cô độc trước Philippe. Đôi khi cha có thể nhìn thấu tâm can của người khác,” Matthew thì thầm. “Điều ấy khiến anh lo lắng về việc đưa em tới đó. Với Ysabeau, anh có thể đoán trước bà sẽ phản ứng ra sao: lạnh lùng, tức giận, rồi bằng lòng. Nhưng đối với Philippe thì không thể biết được. Chẳng ai hiểu được cách đầu óc Philippe hoạt động, ông có được thông tin gì, những cam bẫy nào ông đặt ra. Nếu anh là người thích giữ bí mật thì cha lại là người khó nhìn thấu. Thậm chí cả Đại Hội Đồng cũng không biết ông định làm gì, và Chúa biết bọn họ đã bỏ ra quá đủ thời gian để cố gắng khám phá điều đó.”

“Rồi sẽ tốt đẹp cả thôi,” tôi đảm bảo với Matthew. Philippe sẽ phải chấp nhận tôi vào gia đình. Giống như mẹ hay anh trai Matthew, ông ấy sẽ không có lựa chọn nào khác.

“Đừng nghĩ em có thể chiếm ưu thế trước ông,” Matthew cảnh cáo. “Em có thể giống mẹ anh, như Gallowglass đã nói, nhưng ngay cả bà cũng bị tóm gọn trong cái mạng của ông hết lần này tới lần khác.”

“Và hiện tại có phải anh vẫn là thành viên của Đại Hội Đồng không? Có phải vì thế mà anh biết Knox hay Domenico cũng là thành viên không?” Phù thủy Peter Knox vẫn sẵn lòng đeo bám tôi kể từ khi tôi gọi ra được Ashmole 782 ở Bodleian. Còn về phần Domenico Michele, hẳn là ma cà rồng có những mối hận thù xưa cũ với người nhà de Clermont. Hẳn đã có mặt tại La Pierre khi một thành viên khác của Đại Hội Đồng tra tấn tôi.

“Không,” Matthew đáp cộc lốc rồi quay đi.

“Vậy điều Hancock nói về một người nhà de Clermont luôn hiện diện trong Đại Hội Đồng

không phải là sự thật sao?” Tôi nín thở. Nói phải đi, tôi cảm lạnh cầu khẩn, cho dù là một lời nói dối.

“Đó vẫn là sự thật,” anh bình thản đáp, xô vỡ hy vọng trong tôi.

“Vậy là ai...?” Tôi bỏ lửng câu hỏi. “Ysabeau? Baldwin? Chắc chắn không phải Marcus!” Tôi không thể tin mẹ, anh trai hay con trai Matthew có thể dính líu đến mà không ai lỡ lời.

“Có những sinh vật khác người trong cây phả hệ của gia đình anh mà em không biết, Diana. Trong bất cứ trường hợp nào, anh không được tự do tiết lộ danh tính thành viên đang ngồi tại bàn của Đại Hội Đồng.”

“Có luật lệ nào ràng buộc những người còn ẩn mình phục vụ cho gia đình không?” Tôi băn khoăn. “Anh can thiệp vào chính trị – em đã thấy những sổ sách kế toán chứng minh điều đó. Có phải anh đang hy vọng khi chúng ta quay về hiện tại, thành viên gia đình bí ẩn này sẽ bằng cách nào đó che chắn cho ta trước cơn thịnh nộ của Đại Hội Đồng không?”

“Anh không biết,” Matthew nói ngắn gọn. “Anh không chắc bất cứ điều gì.”

Kế hoạch cho chuyến đi của chúng tôi nhanh chóng hình thành. Walter tranh cãi với Gallowglass về lộ trình tốt nhất, trong khi Matthew sắp xếp các công vụ của mình.

Hancock được phái đến London cùng Henry, mang theo một bưu kiện thư tín bọc trong da. Với tư cách nhà quý tộc của vương quốc, ngài bá tước được triệu tập để dự các nghi lễ tổ chức thường niên của nữ hoàng diễn ra ngày mười bảy tháng Mười một. Bên cạnh đó, George cùng Tom đóng gói hành lý tới Oxford kèm theo món tiền đáng kể và một Marlowe bị thất sủng. Hancock đã cảnh cáo bọn họ về những hậu quả tàn khốc sẽ xảy ra nếu chàng yêu tinh gây thêm bất cứ rắc rối nào.

Tuy Matthew đi xa, nhưng Hancock sẽ ở lại để giám sát và không do dự giải quyết triệt để nếu có lý do xác đáng. Matthew còn chỉ thị chính xác cho George những thách thức xoay quanh cuốn cổ thư thuật giả kim mà anh ta có thể hỏi các học giả Oxford.

Công việc của tôi đơn giản hơn nhiều. Tôi chỉ có vài thứ đồ cá nhân cần đóng hành lý: những chiếc hóa tai của Ysabeau, đôi giày mới với mấy món quần áo. Françoise đã dành toàn tâm toàn ý để may thêm cho tôi một bộ váy màu quế dành cho chuyến đi. Cổ áo thành cao bằng lông thú được thiết kế để tránh khỏi gió mưa. Những miếng da lông cáo mềm như lụa mà Françoise khâu một đường trong chiếc áo choàng của tôi cũng vì mục đích này, cả những dải lông được lồng vào đường viền thêu vân trên đôi găng tay mới cũng vậy.

Việc cuối cùng tôi làm ở Chòi Góc Cổ là mang cuốn sổ Matthew đã cho tới thư viện. Sẽ dễ dàng đánh mất một món đồ như thế trên đường tới Sept-Tours, thêm nữa, tôi muốn cuốn nhật ký của mình được an toàn tránh khỏi những con mắt soi mói hết mức có thể. Tôi khom người bên bậu cửa sổ hái mấy nhánh hương thảo lẫn oải hương non, rồi tới bên bàn của Matthew để chọn một cây bút lông ngỗng và lọ mực, viết nhật ký lần cuối cùng.

Ngày 5 tháng Mười một, 1590, trời mưa lạnh

Tin tức từ nhà. Chúng tôi đang chuẩn bị cho một chuyến đi dài.

Sau khi thổi nhẹ các chữ viết cho khô mực, tôi luồn nhánh hương thảo cùng oải hương vào kẽ hở giữa các trang giấy. Dì Sarah dùng hương thảo dành cho các câu thần chú ghi nhớ và oải hương để biểu lộ lưu ý cần trọng về bùa yêu – một sự kết hợp vừa vặn cho tình huống hiện tại của chúng tôi.

“Hãy cầu cho bọn con gặp may mắn, dì Sarah,” tôi thì thầm khi thả cuốn sổ nhỏ vào tận cuối

giá sách, với hy vọng nó vẫn còn ở đó khi tôi quay trở lại.

Rima Jaén ghét tháng Mười Một. Những giờ trời sáng bị rút ngắn lại, mỗi ngày trôi qua lại nhượng bộ với bóng tối hơn một chút. Đây cũng là thời điểm kinh khủng ở Seville, cả thành phố đang vào dịp mùa lễ hội và mưa giăng khắp nơi. Thói quen lái xe ẩu tả của cư dân nơi đây mỗi giờ càng trở nên tệ hơn.

Rima bị dính kẹt tại bàn làm việc hàng tuần nay. Sếp của cô quyết định dọn sạch kho hàng chỗ gác xép. Mùa đông vừa rồi, cơn mưa đã làm nứt vỡ mái ngói trên nóc ngôi nhà vốn đổ nát này và dự báo thời tiết cho các tháng tới thậm chí còn tệ hơn. Không có tiền khắc phục vấn đề nên nhân viên bảo dưỡng phải chuyển những thùng các tông mốc meo xuống gác nhằm đảm bảo không thứ gì có giá trị bị phá hủy trong những trận bão sắp tới. Mọi thứ khác được kín đáo mang bỏ đi để các nhà quyền tạng tiềm năng chẳng thể khám phá chuyện gì đang xảy ra.

Đây là công việc kinh doanh bán thu, lừa đảo, nhưng dù sao vẫn phải làm cho xong, Rima ngẫm nghĩ. Thư viện là một kho lưu trữ chuyên dụng cỡ nhỏ từ những nguồn quý hiếm. Thứ tinh túy trong bộ sưu tập này đến từ một gia tộc xuất chúng người Andalusian, các thành viên của gia tộc có thể truy nguồn gốc ngược trở về thời tái chinh phục, khi người Thiên Chúa giáo giành lại bán đảo từ chiến binh Hồi giáo, những kẻ đã chiếm giữ nó hồi thế kỷ thứ tám. Đây cũng là lý do vài học giả muốn mò mẫm xem những loạt sách hay đồ vật kỳ quái mà người nhà Gonçalves đã thu thập trong suốt những năm qua. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều xuống phố ở khu Archivo General de India để tranh cãi về Columbus. Anh bạn Sevillanos của cô muốn chuôi thư viện nơi đây có tác phẩm kinh dị mới nhất, thay vì mấy cuốn sổ tay hướng dẫn Jesuit từ những năm 1700 đang bong ra từng mảnh hay tạp chí thời trang phụ nữ từ hồi 1800.

Rima cầm lên một cuốn sách nhỏ nằm trên góc bàn làm việc và dùng đèn cặp kính màu sáng luôn được cài trên đỉnh đầu khiến mái tóc đen bị hắt ngược ra sau. Cô đã để ý thấy cuốn sách này từ một tuần trước, lúc công nhân bảo dưỡng đánh rơi cái thùng gỗ trước mặt cô và cần nhân tổ vẽ khó chịu. Kể từ đó, Rima cho nó vào bộ sưu tập với tên gọi Cổ Thư Gonçalves 4890 cùng phần miêu tả “sách tiếng Anh bình thường, khuyết danh, cuối thế kỷ mười sáu.” Như hầu hết các cuốn sách bình thường khác, phần lớn bên trong là giấy trắng. Rima đã gửi một bản mẫu tiếng Tây Ban Nha do một người thừa kế nhà Gonçalves sở hữu tới đại học Seville năm 1628. Nó được đóng khung gọn gàng, kẻ dòng, đánh số trang thật đẹp bằng cách trang trí cầu kỳ xoắn ốc hình mực nhiều màu. Nhưng không có một từ nào cả. Thậm chí ở thời quá khứ, người ta chưa bao giờ sống đúng theo khát vọng của bản thân.

Những cuốn sách bình thường như thế này được đặt ở nơi dành cho các trang Kinh thánh, thơ ca, đề từ ngẫu hứng, và châm ngôn của tác gia kinh điển. Đặc trưng là những dòng chữ nguệch ngoạc, danh sách mua sắm cũng như lời bài hát tục tĩu và phần kế toán chi tiêu cho những sự kiện kỳ lạ, quan trọng. Cuốn sách này cũng chẳng khác gì, Rima nghĩ vậy. Buồn thay, ai đó đã xé đi trang đầu tiên mà có lẽ từng được đề tên chủ nhân. Không có trang sách đó thì hầu như chẳng thể xác định được danh tính người sở hữu, hoặc bất kỳ ai khác vốn chỉ được nhắc đến ở phần mở đầu. Các sử gia ít quan tâm hơn tới những bằng chứng vô danh dạng này, vì việc ẩn danh có phần làm cho người đứng sau nó ít quan trọng.

Những trang còn lại bao gồm bảng phân loại tất cả các đồng tiền xu của Anh được dùng vào thế kỷ mười sáu và quan hệ giá trị giữa chúng. Trang phía sau viết nguệch ngoạc một danh sách về trang phục: áo khoác, hai đôi giày, chiếc váy dài đính lông trang trí, sáu áo lót, bốn váy lót dài kèm một đôi găng tay. Có vài ngày ghi nhật ký vô nghĩa cùng một phương thuốc chữa chứng đau đầu – món súp nóng cho người ốm, làm từ sữa và rượu. Rima mỉm cười tự hỏi liệu nó có hiệu quả với chứng đau nửa đầu của mình không.

Đáng lẽ cô phải trả cuốn sổ nhỏ cho phòng giữ đồ ở tầng ba nơi lưu trữ cổ thư, nhưng có điều gì đó khiến Rima muốn giữ nó bên mình. Rõ ràng một phụ nữ đã viết cuốn sổ này. Chữ viết tay

tròn trịa run run không chắc chắn trông thật dễ thương, từ ngữ nghèo nàn lên xuống và trên các trang giấy những chấm mực rải rác tùy tiện khắp nơi. Không người đàn ông có học nào ở thế kỷ mười sáu viết như thế cả, trừ phi ông ta bị ốm hoặc có tuổi. Tác giả của cuốn sách không phải cả hai dạng đó. Một cảm giác rung động tò mò được gọi lên trước những dòng nhật ký kỳ lạ viết bằng nét chữ có vẻ ngập ngừng này.

Cô đã cho Javier López xem cuốn sách, một người quyến rũ nhưng chẳng am hiểu gì, anh ta được những người cuối cùng nhà Gonçalves thuê để biến ngôi nhà của gia đình với những dấu ấn cá nhân thành một thư viện và viện bảo tàng. Văn phòng mở rộng dưới tầng trệt của ông ta được ốp ván tường bằng gỗ gu loại tốt và có những chiếc máy sưởi duy nhất còn hoạt động trong tòa nhà. Trong suốt buổi nói chuyện riêng ngắn ngủi giữa hai người, Javier đã bác bỏ gợi ý của Rima rằng cuốn sách này đáng được nghiên cứu kỹ càng hơn. Ông ta cũng cấm chụp ảnh nó vì cô có thể chia sẻ những hình ảnh với các đồng nghiệp trong vương quốc Anh. Về phần niềm tin của cô rằng người chủ cuốn sách là một phụ nữ, ông giám đốc đã lăm bắm gì đó về người theo thuyết nam nữ bình quyền rồi phẩy tay đuổi cô khỏi văn phòng.

Và bởi vậy cuốn sách vẫn còn nằm trên bàn của Rima. Tại Seville, một cuốn sách như thế này sẽ luôn vô ích và chẳng có vai trò gì. Không ai đến Tây Bản Nha để tìm kiếm những cuốn sách tiếng Anh bình thường cả. Họ sẽ đến thư viện Anh, hoặc thư viện Folger Shakespeare ở Mỹ.

Có một người đàn ông lạ mặt thỉnh thoảng tới xem qua các bộ sưu tập. Ông ta là người Pháp, và cái nhìn chăm chăm đánh giá từ người này khiến Rima thấy khó chịu. Herbert Cantal – hay có lẽ là Gerbert Cantal. Cô không thể nhớ rõ. Ông ta có để lại tấm danh thiếp vào lần ghé thăm cuối cùng và khuyến khích cô liên lạc nếu xuất hiện bất cứ thứ gì thú vị. Khi Rima hỏi chính xác thứ gì có thể đủ tiêu chuẩn đó, người đàn ông này đáp mình thấy hứng thú với mọi thứ. Đó không phải là câu trả lời hữu ích nhất.

Giờ đây, thứ gì đó thú vị đã xuất hiện. Thật không may, cô không thể tìm thấy tấm danh thiếp của người đàn ông nọ, dù đã dọn sạch cả bàn để tìm ra nó. Rima sẽ phải đợi tới khi ông ta trở lại để chia sẻ cuốn sách nhỏ. Biết đâu người này sẽ quan tâm tới nó hơn ông chủ của cô.

Rima lướt qua các trang sách. Một nhành oải hương nhỏ xíu cùng vài chiếc lá hương thảo đang bong ra nằm giữa hai trang giấy. Cô đã không trông thấy thứ đó lúc trước, liền cẩn thận lật chúng lên qua khe sách. Trong thoáng chốc, một dải hương thoang thoảng giữa mẩu lá ép đã phai màu vượt lên thành sợi kết nối giữa cô với một người sống cách hàng trăm năm trước. Rima bâng khuâng mỉm cười nghĩ đến người phụ nữ mình sẽ không bao giờ biết được.

“Más basura.” Daniel ở bộ phận bảo dưỡng tòa nhà đã trở lại, bộ đồ bảo hộ áo liền quần màu xám cũ mềm bám đầy bụi bẩn từ chuyến vận chuyển thùng các tông trên gác xép. Lão ta đẩy thêm vài hộp đựng dụng cụ dưới sàn nhà. Bất chấp thời tiết mát mẻ, mồ hôi lão cứ túa ra trên trán, lão đưa ống tay áo quệt đi, để lại một vệt bẩn đen xì. “Café?”

Đây là lần thứ ba trong tuần lão mời cô đi chơi. Rima biết Daniel thấy cô hấp dẫn. Tổ tiên người Berber của mẹ cô vốn đã hấp dẫn đàn ông – thật không ngạc nhiên vì dòng tộc đó ban tặng Rima những đường cong mềm mại, làn da ấm áp cùng đôi mắt hạnh đào. Daniel vẫn lăm nhảm bình phẩm tục tĩu, xoa lưng cô khi cô đi vào phòng thư hay liếc nhìn ngực Rima hàng mấy năm trời. Việc lão thấp hơn chục phân và gấp đôi tuổi cô dường như chẳng hề làm lão nhụt chí.

“Estoy muy ocupada,” Rima đáp.

Tiếng càn nhằn của Daniel thấm đẫm vẻ hoài nghi. Lão liếc ra sau nhìn mấy cái hộp lúc bỏ đi. Hộp phía trên cùng chứa một chiếc bao tay lông của phụ nữ và một con chim hồng tước tiêu bản được gắn vào mảnh cây tuyết tùng. Daniel lắc đầu, kinh ngạc thấy cô thích dành thời gian cùng những con vật đã chết hơn ở cạnh lão.

“Gracias,” Rima lăm bắm khi tên nhân viên rời đi. Cô đóng cuốn sách thật nhẹ nhàng rồi đặt nó

về chỗ cũ trên bàn làm việc của mình.

Trong khi chuyển các món đồ bên trong chiếc hộp tới cạnh bàn, ánh mắt Rima lang thang lạc trở về cuốn sách nhỏ dưới lớp bìa bọc da giản dị. Trong bốn trăm năm tới, liệu có phải bằng chứng duy nhất cho sự tồn tại của cô sẽ là một trang từ tờ lịch, một danh sách mua sắm và một mảnh giấy ghi công thức của bà cô về món alfajores, tất cả được đặt trong tệp tài liệu dán nhãn: “Vô danh, không quan trọng” và bị cất tại một kho lưu trữ chẳng ai ghé thăm?

Những ý nghĩ u ám đó có hơi hướng thật bất hạnh. Rima rùng mình, chạm vào lá bùa hộ mệnh hình bàn tay con gái nhà Proher, Fatima. Nó được đeo quanh cổ bằng một sợi dây da và đã được truyền lại cho những người phụ nữ trong gia đình cô lâu đến mức chẳng ai có thể nhớ nổi.

“Khamisa fi ainek,” cô thì thầm, hy vọng những lời này sẽ xua đi linh hồn ma quỷ nào mà mình đã vô tình gọi ra.

Phần II. Sept - Tours và ngôi làng của thánh Lucien

8.

“Chỗ mọi khi hả?” Gallowglass lặng lẽ hỏi khi anh chàng đặt mấy mái chèo xuống và giương cánh buồm đơn lên. Mặc dù còn hơn bốn giờ đồng hồ nữa mặt trời mới mọc, nhưng trong màn đêm đã có thể thấy bóng dáng một con tàu khác. Tôi phân biệt được đường nét tối sẫm của cánh buồm, chiếc đèn lồng đang đung đưa trên cây cột tại đuôi con thuyền lớn bên cạnh.

“Walter đã nói chúng ta sẽ đến Saint-Malo,” tôi lên tiếng, đầu xoay đi trong nỗi khiếp đảm. Raleigh đã đồng hành cùng chúng tôi từ Chòi Góc Cổ tới Portsmouth và điều khiển con thuyền đưa tất cả tới Guernsey. Anh ta bị bỏ lại trên cầu cảng gần ngôi làng của Cảng Thánh Pierre vì không thể đi xa hơn nữa – không thể khi chiếc đầu của anh ta được treo giá trên đất Âu châu Thiên Chúa giáo.

“Tôi nhớ rõ nơi Raleigh bảo tôi đến, thưa cô, nhưng anh ta là một tên cướp biển. Và là người Anh. Thêm nữa, anh ta không ở đây. Tôi đang hỏi chú Matthew đấy.”

“*Immensi tremor oceani*,” Matthew thì thầm trong lúc trầm ngâm ngắm nhìn sóng biển nhấp nhô. Chăm chú trông ra làn nước đen ngòm, vẻ mặt anh tựa như một bức tượng chạm khắc nơi mũi tàu. Và lời đáp cho câu hỏi của cậu cháu trai thật kỳ quặc – sự run rẩy của đại dương mênh mông. Tôi tự hỏi liệu có phải mình đã hiểu sai câu nói bằng tiếng Latin đó không.

“Thủy triều sắp lên rồi, và đi ngựa đến Fougeres gần hơn đến Saint-Malo.” Gallowglass tiếp tục như hiểu Matthew vừa nói gì. “Trong thời tiết này, dù ở trên biển hay trên đất liền thì cô ấy cũng chẳng bị lạnh hơn đâu, mà còn phải cưỡi ngựa một quãng đường dài nữa.”

“Và cháu sẽ bỏ rơi chúng ta.” Đây không phải là một câu hỏi mà là một lời tuyên bố. Mí mắt Matthew hạ xuống. Anh gật đầu. “Tốt thôi.”

Gallowglass kéo buồm, con thuyền đổi hướng từ chính nam hơi chệch về phía đông. Matthew ngồi xuống khoang thuyền, dựa lưng vào những tấm ván trụ cong cong của thân thuyền, rồi kéo tôi vào vòng tay để áo khoác của anh bao bọc quanh tôi.

Không thể có một giấc ngủ ngon lành, nhưng tôi vẫn thiếp đi trên lồng ngực Matthew. Chuyển đi làm người ta kiệt sức, với những con ngựa phóng hết tốc lực và những con thuyền chuyên dụng cho quân đội. Sự lạnh giá cùng lớp sương mù mỏng tạo nên một tấm màn tuyết mong manh trên chất vải len của nước Anh. Gallowglass và Pierre giữ nhịp điệu trò chuyện đều đều bằng thứ phương ngữ nào đó của Pháp, tuy nhiên, Matthew vẫn im lặng. Anh đáp lại câu hỏi từ họ nhưng giữ các ý nghĩ của riêng mình ẩn giấu phía sau chiếc mặt nạ trầm tĩnh kỳ quái.

Trời chuyển sang sương tuyết vào lúc bình minh. Bộ râu của Gallowglass đổi thành màu trắng, biến anh ta thành bản mô phỏng Ông Già Noel. Cùng lúc đó, Pierre điều chỉnh buồm theo lệnh của cậu chủ, một khung cảnh xám trắng dần hé lộ ra đường bờ biển nước Pháp. Chưa đầy ba mươi phút sau, thủy triều bắt đầu chạy đua hướng về đất liền. Con thuyền bị nâng trên những đợt sóng và qua làn sương mù, một tháp chuông xuyên lên các đám mây. Nó gần đến mức kinh ngạc, trong khi thời tiết khiến tòa kiến trúc trông mơ hồ không rõ. Tôi thở hắt ra.

“Giữ chắc vào,” Gallowglass nhắc khi Pierre thả cánh buồm.

Con thuyền lao vút xuyên qua màn sương. Tiếng kêu của lũ mòng biển và tiếng vỗ nước vào vách đá cho tôi biết mình đang tiến gần bờ, nhưng thuyền vẫn không chậm lại. Gallowglass nhấn một mái chèo vào con lũ thủy triều, làm chúng tôi lao nghiêng đi thật nhanh. Có ai đó la

lên, để cảnh báo hoặc chào đón.

“Il est le chevalier de Clermont!” Pierre khum hai bàn tay quanh miệng gọi đáp lại. Lời nói của anh ta được đáp lại bằng sự im lặng trước khi có tiếng chân chạy nhốn nháo văng qua bầu không khí lạnh giá.

“Gallowglass!” Tất cả đang hướng thẳng vào một bức tường. Tôi quờ quạng tìm mái chèo để chống đỡ trước tai nạn hiển nhiên này. Ngay khi các ngón tay tôi tóm được nó thì Matthew đã kéo giật ra khỏi nắm tay tôi.

“Câu ta vẫn thường tấp vào vị trí đó hàng thế kỷ rồi và người của cậu ta đã quá quen với việc đó,” Matthew điềm tĩnh nói, hai tay anh giữ cái mái chèo nhẹ bằng. Không có lẽ nào, vòm thuyền lại liệng nhanh sang trái, thân thuyền áp sát các tấm lát bằng đá granit được đẽo thô. Phía trên cao, bốn người đàn ông xuất hiện cùng với dây móc, giăng mắc con thuyền giữ nó đứng yên. Mực nước tiếp tục dâng với tốc độ đáng báo động, mang con thuyền lên cao cho tới khi ngang bằng một ngôi nhà nhỏ bằng đá. Một cây cầu thang leo lên mất hút khỏi tầm nhìn, Pierre nhảy lên mặt đất, thấp giọng trao đổi nhanh và ra dấu về phía con thuyền. Hai người lính được trang bị vũ khí bước nhanh về phía chúng tôi, rồi tăng tốc đi về hướng cầu thang.

“Chúng ta đã đến Mont Saint-Michel, madame.” Pierre chìa tay ra. Tôi nắm lấy bàn tay ấy và bước ra khỏi thuyền. “Ở đây bà sẽ nghỉ ngơi trong khi milord nói chuyện với cha trưởng tu viện.”

Kiến thức hiểu biết của tôi về hòn đảo này giới hạn trong những câu chuyện cùng mấy người bạn khi ra khơi vào mỗi mùa hè đi vòng quanh Hòn đảo của Wight: lúc thủy triều thấp nó được bao quanh bởi bờ cát lún, còn khi thủy triều lên cao thì bị những dòng chảy nguy hiểm vây bọc khiến tàu thuyền đâm vào vách đá. Tôi ngoái nhìn con thuyền nhỏ xíu mà rùng mình. Thật là một phép màu khi mọi người vẫn còn sống.

Trong khi tôi cố gắng chỉnh đốn lại dáng vẻ của mình, thì Matthew chăm chú nhìn cậu cháu trai của anh, vẫn còn đứng bất động trong thuyền. “Sẽ an toàn hơn cho Diana nếu cháu đi cùng.”

“Khi các bạn của chú không gây rắc rối cho cô ấy thì vợ chú dường như có khả năng tự chăm sóc mình rồi.” Gallowglass ngược lên mỉm cười nhìn tôi.

“Philippe sẽ truy hỏi về cháu đấy.”

“Hãy nói với ông...” Gallowglass ngừng lại, nhìn đăm đăm về phía xa. Đôi mắt xanh lam của chàng ma cà rồng chìm sâu trong nỗi mong nhớ. “Hãy nói với ông cháu vẫn chưa thể quên được.”

“Vì Chúa, cháu phải cố gắng tha thứ,” Matthew lặng lẽ nói.

“Cháu sẽ không bao giờ tha thứ,” Gallowglass lạnh lùng đáp, “và Philippe sẽ không bao giờ yêu cầu cháu điều đó. Cha cháu đã chết trong tay người Pháp mà không một sinh vật khác người nào đứng lên chống lại đức vua. Cho tới khi cháu làm lành được với quá khứ, cháu sẽ không đặt chân lên đất Pháp.”

“Hugh đã đi rồi, Chúa phù hộ cho linh hồn anh ấy được yên nghỉ. Cha cháu sẽ vẫn sống giữa chúng ta. Đừng lãng phí thời gian của cháu với anh ấy.” Matthew bước ra khỏi con thuyền. Không một lời từ biệt, anh quay sang nắm lấy khuỷu tay tôi, hướng tới chỗ đám cây cối lộn xộn cành lá cần cỗi. Cảm thấy sức nặng lạnh lẽo từ cái nhìn chăm chăm của Gallowglass, tôi quay lại và ánh mắt khóa chặt vào anh chàng Celt. Bàn tay chàng ta giờ lên ra hiệu từ biệt.

Matthew vẫn im lặng trong khi cả hai tới cầu thang. Tôi không thể thấy được những bậc thang này dẫn đến đâu và nhanh chóng không đếm nổi số bậc của chúng. Thay vào đó, tôi tập trung

giữ cho bước chân mình đặt đều đều lên những mặt thang cũ mòn, trơn bóng. Các mảnh băng đá rơi lả tả xuống từ viền váy và gió rít lên qua chiếc mũ trùm đầu to đùng của tôi. Một cánh cửa chắc chắn, được trang trí bằng những thanh sắt uốn nặng nề đã rỉ sét, rỗ lỗ chỗ do bụi nước biển mặn mòi ra trước mặt.

Chúng tôi bước vào một căn phòng có cả rừng cột để chống đỡ mái vòm. Các lò sưởi lớn rải rác bên những bức tường, lan tỏa không khí ấm áp an lành. Tôi thở ra một hơi nhẹ nhõm và rũ chiếc áo khoác ngăn tay của mình cho các mảnh băng đá và nước văng ra. Một tiếng ho khẽ hướng sự chú ý của tôi về phía người đàn ông đang đứng trước ngọn lửa cháy sáng rực. Anh ta mặc chiếc áo choàng đỏ của hồng y giáo chủ mà có vẻ như mới hai mươi mấy tuổi – quá trẻ đối với người có thứ bậc cao như thế trong hàng ngũ chức sắc của nhà thờ Thiên Chúa.

“A, Chevalier de Clermont. Hay thời điểm này chúng ta phải gọi bằng cái tên nào khác? Anh vẫn ở bên ngoài nước Pháp. Có lẽ anh đã đảm nhận chức danh cùng với vị trí của Walsingham, giờ thì hẳn đã đi xuống địa ngục nơi thuộc về hẳn rồi.” Tiếng Anh của vị hồng y giáo chủ này hoàn hảo không chê vào đâu được mặc dù trọng âm hơi nặng. “Theo chỉ thị từ seignew, chúng tôi đã và đang theo dõi anh ba ngày nay. Không thấy nhắc tới một người phụ nữ.”

Matthew thả cánh tay tôi ra để có thể bước lên phía trước. Anh quỳ gối bằng động tác khom gối nhẹ nhàng và hôn lên chiếc nhẫn trên bàn tay chìa ra của người đàn ông. “Éminence. Tôi nghĩ ngài đang ở Rome, lựa chọn giáo hoàng mới cho chúng ta. Hãy hình dung xem tôi vui mừng thế nào khi thấy ngài ở đây.” Matthew nghe chẳng có vẻ vui mừng. Tôi băn khoăn tự hỏi mình có thể sa vào rắc rối nào khi tới Mont Saint-Michel mà không phải Saint-Malo như Walter đã định trước.

“Thời điểm hiện tại, nước Pháp cần ta hơn là hội nghị các giáo chủ áo đỏ. Những vụ giết hại đức vua và hoàng hậu thời gian gần đây làm Chúa không hài lòng.” Mắt vị hồng y ánh lên tia cảnh cáo. “Elizabeth sẽ nhanh chóng phát hiện ra, khi bà gặp ngài.”

“Tôi không có mặt ở đây vì công vụ của nước Anh, thừa đức hồng y Joyeuse. Đây là vợ tôi, Diana.” Matthew cầm đồng xu bạc mỏng của cha anh giữa ngón trỏ và ngón giữa đưa ra. “Tôi đang về nhà.”

“Ta cũng đã được báo vậy. Cha anh đã gửi thứ này để đảm bảo chuyến thông hành của anh được an toàn.” Joyeuse ném một vật lấp lánh về phía Matthew, anh bắt gọn lấy nó. “Philippe de Clermont quên mất bản thân mình và cư xử như thể ông ấy là vua nước Pháp vậy.”

“Cha tôi không cần luật lệ, vì ông ấy chính là thanh gươm sắc bén lập nên và phế truất những ông vua.” Matthew khẽ khàng đáp. Anh trượt chiếc nhẫn vàng nặng nề qua khớp ngón tay giữa đeo găng. Trên đó khảm một viên đá màu đỏ. Tôi chắc chắn hoa văn khắc trên chiếc nhẫn trông giống như vết bớt trên lưng tôi. “Các ông chủ của ngài biết rằng nếu không phải là cha tôi, thì Thiên Chúa giáo đã biến mất trên đất Pháp. Khi đó ngài cũng sẽ không có mặt ở đây.”

“Có lẽ sẽ tốt hơn cho tất cả nếu seignew là vua, mà ngai vàng Tin Lành hiện tại đã có chủ rồi. Nhưng đó là chủ đề chúng ta nên bàn luận riêng,” hồng y giáo chủ Joyeuse nói một cách mệt mỏi. Ông ta ra hiệu cho người hầu đang đứng trong bóng tối cạnh cửa. “Đưa vợ của chevalier về phòng bà ấy. Bà phải rời khỏi đây, madame. Chồng bà đã ở giữa những người dị giáo quá lâu. Một khoảng thời gian quỳ gối trên nền đá lạnh lẽo sẽ nhắc cho ông ấy nhớ mình thật sự là ai.”

Gương mặt tôi chắc hẳn đã biểu lộ vẻ hoang mang khi phải ở một mình tại nơi như thế này.

“Pierre sẽ ở bên cạnh em,” Matthew đảm bảo trước khi cúi xuống áp môi anh lên môi tôi. “Chúng mình sẽ cười ngửa lên đường khi thủy triều xuống.”

Và đó là lần cuối cùng tôi thấy Matthew Clairmont, nhà khoa học. Người đàn ông sai bước

hướng ra cửa không còn là giảng viên của Oxford nữa mà là một ông hoàng thời kỳ Phục Hưng. Nó hiện hữu trong phong thái của anh, trên đôi vai anh, trong khí chất tinh túy của sức mạnh dẻo dai, và trong ánh mắt lạnh lùng của anh. Hamish đã đúng khi cảnh cáo tôi rằng Matthew sẽ không còn là người đàn ông mà tôi đã biết khi ở đây. Dưới vẻ bề ngoài dịu dàng của Matthew, một sự thay đổi sâu sắc đang diễn ra.

Từ trên cao vẳng xuống những tiếng chuông ngân nga báo giờ.

Nhà khoa học. Ma cà rồng. Chiến binh. Gián điệp. Những tiếng chuông ngừng lại trước khi hồi cuối cùng rung lên buồn thảm.

Hoàng tử.

Tôi tự hỏi cuộc hành trình sẽ còn tiết lộ thêm điều gì về người đàn ông phức tạp mà tôi đã cưới làm chồng.

“Chúng ta đừng để Chúa phải chờ đợi, đức hồng y Joyeuse,” Matthew lạnh lùng nói. Joyeuse đi theo sau, như thể Mont Saint-Michel thuộc về gia tộc de Clermont chứ không phải là nhà thờ.

Bên cạnh tôi, Pierre buông ra một tiếng thở phào nhẹ nhàng. “Milord est lui-même,” anh ta thì thầm cùng vẻ nhẹ nhõm.

Đức ngài vẫn là đức ngài. Nhưng anh vẫn là của tôi ư?

Matthew có thể là một hoàng tử, nhưng không phải nghi ngờ ai là vua nữa.

Với mỗi nhịp vó ngựa sỏi đi trên con đường đóng băng, quyền lực hay sức ảnh hưởng của cha Matthew càng lúc càng lớn. Khi chúng tôi càng tới gần Philippe de Clermont, thì người con trai của ông càng trở nên xa cách và độc đoán hơn – sự kết hợp khiến tôi phải cẩn rằng chịu đựng và dẫn đến vài cuộc tranh cãi nảy lửa. Matthew thường xin lỗi vì hành vi áp đặt mỗi khi anh đã qua cơn nóng giận, và bởi biết rõ áp lực anh phải chịu khi tới gần cuộc đoàn tụ với cha mình, tôi lại tha thứ.

Sau khi đương đầu với những cùn cát lộ ra quanh Mont Saint-Michel lúc thủy triều xuống thấp và di chuyển sâu vào đất liền, các đồng minh của nhà de Clermont chào đón chúng tôi tới thành phố của Fougeres, sắp xếp chỗ nghỉ ngơi trong một tòa tháp tiện nghi được chọn sẵn nằm trên thành lũy nhìn ra quang cảnh đồng quê nước Pháp. Hai đêm sau, những người hầu cầm đuốc đón chúng tôi trên con đường bên ngoài thành Baugé. Gia huy quen thuộc trên bộ chế phục của họ: biểu tượng tượng trưng cho quyền lực của Philippe là một cây thánh giá và mặt trăng lưỡi liềm. Trước đây tôi đã trông thấy nó khi mò mẫm vào ngăn kéo bàn làm việc của Matthew tại Sept-Tours.

“Đây là nơi nào?” Tôi hỏi sau khi người hầu dẫn tới một lầu đài bị bỏ hoang. Nó ấm áp đến ngạc nhiên đối với một ngôi nhà bị để không như vậy, và cả mùi thức ăn được nấu nướng thơm phức thoảng qua những dãy hành lang vang vọng nơi đây.

“Nhà của một người bạn cũ.” Matthew cựa đôi giày khỏi hai bàn chân lạnh cứng của tôi. Mấy ngón tay cái của anh ấn vào hai lòng bàn chân buốt giá, khiến máu bắt đầu trở lại phần cơ thể đó. Tôi rên lên một tiếng sáng khoái. Pierre đặt cốc rượu cay nóng vào tay tôi. “Đây là căn chòi sẵn ưa thích của René. Khi ông ta sống ở đây, nó đầy sức sống, với những nghệ sĩ và học giả chập kín các căn phòng. Bây giờ cha anh quản lý nó. Do chiến tranh liên miên nên không có dịp để ý đến tòa lầu đài này.”

Khi còn ở Chòi Gác Cổ, Matthew cùng Walter đã giảng giải cho tôi về những cuộc chiến đang diễn ra giữa người Pháp theo Tin lành và người Pháp theo Thiên Chúa giáo xem kẻ nào sẽ điều

khiến ngai vàng – cũng như đất nước. Từ cửa sổ ở Fougères, tôi trông thấy các chòm khói đánh dấu doanh trại quân đội gần nhất của người Tin lành ở phía xa xa và cả những ngôi nhà hay nhà thờ bị tàn phá rải rác trên đường tới đây. Tôi đã bị sốc bởi phạm vi tàn phá của nó.

Vì cuộc xung đột này, nên câu chuyện xuất thân được xây dựng cẩn thận của tôi phải thay đổi. Ở nước Anh, tôi có thể là một phụ nữ Tin lành gốc Pháp bỏ trốn khỏi mảnh đất chôn nhau cắt rốn để cứu lấy cuộc đời mình và để trung thành với đức tin của mình. Còn ở đây nhất thiết tôi phải là một tín đồ Thiên chúa giáo người Anh đang chịu đau khổ từ rất lâu. Bằng cách nào đó, Matthew có thể nhớ được mọi lời nói dối và một nửa sự thật cần thiết để duy trì các nhân dạng của chúng tôi, chưa nói tới các chi tiết lịch sử của mỗi nơi chúng tôi đi qua.

“Giờ chúng mình đang ở tỉnh Anjou.” Giọng nói trầm ấm của Matthew khiến tôi chú ý trở lại. “Những người em gặp sẽ nghi ngờ em là gián điệp của người Tin lành vì em nói tiếng Anh, cho dù chúng ta có kể cho họ nghe câu chuyện thế nào đi nữa. Vùng này ở nước Pháp từ chối công nhận quyền của nhà vua đối với ngai vàng và sẽ thích một người thống trị theo Thiên Chúa giáo hơn.”

“Như Philippe,” tôi lẩm bẩm. Không chỉ hồng y giáo chủ Joyeuse đang được lợi từ ảnh hưởng của Philippe. Các linh mục Thiên Chúa giáo với bên má hõm sâu cùng những đôi mắt ám ảnh cũng dừng lại để nói chuyện với chúng tôi trên suốt đường đi, chia sẻ tin tức và gửi lời cảm ơn tới cha Matthew vì sự trợ giúp của ông ấy. Không ai là tay trắng cả.

“Ông không quan tâm tới sự tinh tế huyền ảo của đức tin Thiên Chúa giáo. Tại các vùng khác trên đất nước này, cha anh ủng hộ những người Tin Lành.”

“Đó là quan điểm thống nhất các giáo phái cơ đốc rõ rệt còn gì.”

“Tất cả những gì Philippe quan tâm là cứu nước Pháp khỏi chính nó. Trong giai đoạn quá khứ này, August là vị vua mới của chúng ta, Henri của xứ Navarre, đã cố gắng ép buộc Paris chấp nhận vị trí chính trị và tôn giáo của ông ta. Người Paris thà chết đói còn hơn cúi đầu trước một vị vua theo đạo Tin Lành.” Matthew cào những ngón tay qua mái tóc, dấu hiệu mệt mỏi lo lắng. “Hàng nghìn người chết và giờ cha anh không tin tưởng con người có thể dàn xếp đồng lộn xộn này.”

Philippe cũng không có ý định cho con trai ông xử lý các công việc của mình. Pierre đánh thức chúng tôi dậy trước bình minh để thông báo rằng ngựa mới đã được thắng yên cương và sẵn sàng. Anh ta đã nhận lời nhắn rằng chúng tôi cần có mặt ở một thị trấn cách đây hơn một trăm dặm – trong hai ngày tới.

“Điều đó là không thể. Chúng ta không thể đi nhanh trên một quãng đường xa đến thế!” Tôi có thể chất khỏe mạnh, nhưng không có bài thể dục vận động hiện đại nào tương đương với việc cưỡi ngựa hơn năm mươi dặm một ngày băng qua vùng đồng không mông quạnh vào tháng Mười Một như thế này.

“Chúng ta có rất ít lựa chọn,” Matthew nói một cách dứt khoát. “Nếu chúng ta trì hoãn, ông sẽ càng gửi nhiều người đến để hối thúc suốt dọc đường thôi. Tốt hơn hết là làm như điều được yêu cầu.” Đến chiều muộn ngày hôm ấy, khi tôi sắp phát khóc vì mệt mỏi thì Matthew nâng tôi lên yên ngựa của anh mà không nói gì, cứ thế phi đi tới lúc con ngựa kiệt sức. Tôi quá mệt mỏi để phản đối.

Chúng tôi tới chỗ những bức tường đá và nhà gỗ của Saint-Benoit theo đúng lịch trình, y như Philippe ra lệnh. Và cứ như thế, chúng tôi tiến tới Sept-Tours đủ gần để cả Pierre lẫn Matthew bớt lo lắng hơn, nên tôi cưỡi ngựa một bên. Bất chấp sự tôn trọng triệt để từ chúng tôi đối với lịch trình ông đặt ra, Philippe tiếp tục tăng thêm lương người tùy tùng hộ tống, như thể ông lo sợ chúng tôi có thể đổi ý và quay trở lại Anh. Một số bám sát gót trên đường đi. Số khác mở đường, lo liệu lương thực, ngựa và chỗ nghỉ trong các quán trọ ồn ào, những ngôi nhà riêng,

hay các tu viện kiên cố. Khi leo lên dãy đồi đá do những ngọn núi lửa đã tắt của vùng Auvergne để lại, chúng tôi phát hiện ra bóng dáng các kỵ sĩ dọc theo chuỗi đỉnh đồi bị cấm. Sau khi trông thấy chúng tôi, họ xoay người bỏ đi mang theo tin báo về cuộc hành trình tới Sept-Tours.

Hai ngày sau, khi bóng chiều nhập nhoạng buông xuống, Matthew, Pierre và tôi dừng lại trên một đỉnh núi xơ xác, tòa lâu đài của gia tộc de Clermont vừa vẫn hiện ra trong tầm mắt qua màn gió tuyết xoáy lộn. Những đường thẳng tắp của tòa nhà chính giúp nó mang vẻ quen thuộc, nếu không có lẽ tôi chẳng thể nhận ra nơi này. Các bức tường lượn tròn vẫn còn nguyên vẹn, cũng như cả sáu tòa tháp tròn, mỗi tòa đội một cái mái hình nón bằng đồng mà qua nhiều năm tuổi đã chuyển thành màu xanh lá mềm mại. Khói tỏa ra từ ống khói che mờ những lỗ châu mai của các tòa tháp, đường nét lờ mờ chớm nơi đó gợi cho ta nghĩ đến một người khổng lồ điên cuồng cùng những vết xén bõm xòm tồ điểm trên mỗi bức tường. Khu vườn phủ đầy tuyết, có hàng rào vây quanh cùng các luống cây hình chữ nhật xa xa.

Trong thời hiện đại, pháo đài bị cấm. Nhưng lúc này, với chiến tranh tôn giáo cũng như nội chiến diễn ra khắp nơi, năng lực phòng thủ của nó càng được thấy rõ rệt hơn. Một tòa nhà trên cổng gác lừng lững đứng canh đêm giữa Sept-Tours và ngôi làng. Bên trong, người ta hối hả ngược xuôi, nhiều người được trang bị vũ khí. Chăm chú nhìn xuyên qua màn mưa tuyết lúc sắp tối, tôi trông thấy các kiến trúc bằng gỗ rải rác khắp khu vực sân khép kín bên trong. Ánh sáng từ các ô cửa sổ nhỏ tạo thành những hình lập phương ấm áp đối lập với màu đá xám xịt vững chắc cũng như nền đất phủ đầy tuyết.

Con ngựa cái tôi cưỡi nhả ra một hơi thở ấm áp và ẩm ướt. Cô nàng là con ngựa tốt nhất tôi từng cưỡi kể từ khi bắt đầu cuộc hành trình. Con ngựa của Matthew khá lớn, đen như mực, có tầm vóc trung bình và hay đớp bất cứ ai đến gần ngoại trừ sinh vật khác người trên lưng nó. Chúng từ tàu ngựa nhà de Clermont, nên biết rõ đường về mà không cần bất cứ sự chỉ dẫn nào, và đều háo hức vui mừng được tiến gần tới những xô yến mạch cùng cái chuồng ấm áp của mình.

“Dieu. Đây là nơi cuối cùng trên trái đất mà anh hình dung sẽ đặt chân đến.” Matthew chớp mắt, chậm chậm như thể chờ đợi lâu đài biến mất ngay trước mắt.

Tôi vói sang, đặt bàn tay mình lên mu bàn tay anh. “Thậm chí bây giờ anh vẫn có thể lựa chọn. Chúng ta có thể quay lại.” Pierre nhìn tôi với vẻ tiếc nuối, còn Matthew tặng tôi một nụ cười buồn bã.

“Em không biết cha anh.” Ánh mắt anh đắm đắm hướng về phía lâu đài.

Dãy đuốc cháy sáng rực suốt dọc đường đi tới khi chúng tôi đã bước vào Sept-Tours. Những cánh cửa bằng gỗ và sắt nặng nề được mở ra sẵn, cùng một đội bốn người đàn ông đứng lẳng lẳng bên cạnh lúc chúng tôi bước qua. Các cánh cửa đóng sầm lại phía sau lưng, rồi hai người đàn ông kéo một thanh gỗ chắn dài trên bức tường để đóng chặt lối ra vào. Sau nhiều ngày rờn rã cưỡi ngựa băng qua nước Pháp, tôi được dạy rằng đó là sự thận trọng khôn ngoan. Bên ngoài đầy rẫy những kẻ lạ mặt, bọn lính cướp bóc có thể ập đến bất cứ lúc nào, hay một địa ngục chết chóc và bạo lực để làm hài lòng một vị lãnh chúa mới.

Đội quân được trang bị vũ trang dàn hàng ngang – cả người lẫn ma cà rồng – đang đợi sẵn ở bên trong. Nửa tá người trong số đó chịu trách nhiệm về lũ ngựa. Pierre giao một gói thư nhỏ, trong khi những người kia thấp giọng hỏi han anh ta và ngằm liếc nhìn tôi. Không ai đến gần hay đề nghị giúp đỡ cả. Tôi ngồi trên ngựa của mình, run rẩy vì mệt mỏi và lạnh cóng, tìm kiếm Philippe trong đám đông. Chắc chắn ông ấy sẽ ra lệnh cho ai đó giúp tôi xuống.

Matthew để ý thấy tình thế khó khăn của tôi bèn quăng người xuống ngựa với sự duyên dáng đáng ghen tỵ. Bằng vài bước sải dài, anh đã ở bên cạnh, nhẹ nhàng tháo bàn chân đang mất cảm giác của tôi ra khỏi bàn đạp, hơi xoay nó để khôi phục lại khả năng cử động. Tôi cảm ơn anh vì không muốn màn ra mắt đầu tiên của mình ở Sept-Tours lại dính dáng đến một cú ngã

bổ nhào trên mặt tuyết đã bị giày xéo bẩn thỉu ở khoảng sân trong lâu đài.

“Người đàn ông nào trong số này là cha anh vậy?” Tôi thì thầm khi anh lượn qua phía dưới cổ ngựa để sang phía bên kia.

“Không ai cả. Ông ấy ở trong nhà, dường như chẳng buồn bận tâm gặp chúng ta sau khi đã khăng khăng bắt chúng ta cưỡi ngựa như thể chó đũa ngục đang truy đuổi đằng sau. Em cũng nên vào trong thôi.” Matthew bắt đầu đưa ra loạt mệnh lệnh bằng thứ tiếng Pháp cộc lốc, giải tán lũ người hầu đang trở mắt nhìn một cách ngớ ngẩn, khiến bọn họ tản ra các hướng cho tới khi chỉ còn duy nhất một ma cà rồng đứng lại dưới chân những bậc thềm xoáy ốc bằng gỗ dẫn lên cửa lâu đài. Tôi lại trải qua cảm giác gai gai người khi quá khứ và hiện tại va đụng nhau, do nhớ đến lần đầu tiên leo lên các bậc thềm bằng đá để tới gặp Ysabeau.

“Alain.” Gương mặt Matthew giãn ra nhẹ nhõm.

“Chào mừng về nhà.” Ma cà rồng này nói tiếng Anh. Khi ông ta tiến tới gần cùng dáng đi hơi cà nhắc, tôi dần chú ý hơn tới các chi tiết của vẻ bề ngoài: mái tóc muối tiêu, nhiều nếp nhăn quanh đôi mắt hiền hậu và vóc người rắn rỏi.

“Cảm ơn, Alain. Đây là vợ tôi, Diana.”

“Bà de Clermont.” Alain cúi đầu chào, vẫn giữ một khoảng cách tôn kính cẩn trọng.

“Thật vinh hạnh được gặp ông, Alain.” Tuy chưa từng gặp mặt, nhưng tôi đã gắn tên ông ấy với lòng trung thành và sự ủng hộ kiên định. Đó chính là Alain mà Matthew đã gọi giữa đêm khuya ở thế kỷ hai mươi mốt khi anh muốn đảm bảo sẽ có sẵn thức ăn đợi tôi tại Sept-Tours.

“Cha ngài đang đợi,” Alain nói, bước sang một bên để chúng tôi đi qua.

“Nhờ họ đưa thức ăn tới phòng tôi – thứ gì đó đơn giản thôi. Diana rất mệt và đói.” Matthew đưa gang tay của anh cho Alain. “Tôi sẽ gặp cha trong giây lát nữa.”

“Hiện giờ ngài ấy đang mong cả hai vị.” Vẻ mặt thận trọng thể hiện tính trung lập biểu lộ trên gương mặt Alain. “Cẩn thận với cầu thang, thưa bà. Các bậc thang bị đóng băng rồi.”

“Vậy ư?” Matthew ngược nhìn lên chòi canh hình vuông, miệng mím chặt.

Với bàn tay Matthew nắm chắc trên khuỷu tay mình, tôi không gặp rắc rối nào khi hướng lên cầu thang. Nhưng hai chân tôi đang run lấy bầy đến nỗi vấp phải rìa phiến đá lát gỗ ghề ở lối vào. Cú trượt chân đó đủ khiến cho tâm trạng Matthew bùng bùng nổi giận.

“Philippe thật là vô lý,” Matthew căn nhắc, tóm lấy eo tôi. “Cô ấy đã đi suốt nhiều ngày qua.”

“Ngài ấy đã dứt khoát ra lệnh như vậy, thưa ngài.” Vẻ trang trọng cứng nhắc của Alain là một lời cảnh báo.

“Ổn cả mà, Matthew.” Tôi đẩy cái mũ trùm ra khỏi mặt để quan sát đại sảnh phía xa. Chẳng thấy bóng dáng bộ sưu tập trưng bày áo giáp và giáo mác mà tôi đã thấy ở thế kỷ hai mươi mốt. Thay vào đó là một tấm bình phong trạm khắc bằng gỗ, giúp làm chệch hướng làn không khí ẩm thấp khi cửa mở. Các đồ trang trí thời trung cổ, chiếc bàn tròn, cái bát sứ mỏng manh được thay thế bởi nhiều tấm thảm thêu nhẹ nhàng lay động trên những bức tường đá bởi làn không khí ấm áp từ lò sưởi hòa vào luồng gió lạnh hơn từ bên ngoài lọt vào. Hai chiếc bàn dài có loạt dãy ghế băng thấp kê sát bên sườn choán đầy khoảng không gian còn lại, và những người đàn ông đàn bà đi tới đi lui như con thoi giữa chúng bày ra đủ loại cốc đĩa để chuẩn bị bữa tối. Có chỗ cho hàng tá sinh vật khác người tụ họp ở đó. Ban công của người hát rong ở phía trên cao lúc này đông nghẹt những nhạc công đang chuẩn bị nhạc cụ sẵn sàng.

“Thật kinh ngạc,” tôi thốt lên qua đôi môi cứng đờ.

Những ngón tay lạnh cóng nắm lấy cầm tôi và xoay nó qua. “Nhìn em xanh xao quá,” Matthew nói.

“Tôi sẽ mang một chiếc lò than đến để sưởi ấm bàn chân bà ấy, cả rượu vang nóng nữa,” Alain hứa. “Và chúng ta sẽ đốt lửa to lên.”

Một sinh vật máu nóng xuất hiện, đón lấy cái áo choàng ướt từ tôi. Matthew quay phắt về hướng mà tôi vốn biết nó như phòng ăn sáng. Tôi lắng tai nhưng chẳng nghe thấy gì.

Alain lắc đầu vẻ lấy làm tiếc. “Ông ấy đang trong tâm trạng không tốt lắm.”

“Rõ ràng là thế.” Matthew nhìn xuống. “Philippe đang gầm lên vì chúng ta. Em có chắc không, Diana? Nếu em không muốn gặp ông tối nay, anh sẽ đương đầu với cơn thịnh nộ đó.”

Nhưng Matthew sẽ không đơn độc trong lần đầu tiên gặp mặt cha sau khoảng thời gian hơn sáu thập kỷ. Anh đã đứng bên cạnh khi tôi đối mặt với những bóng ma của mình thì tôi cũng sẽ làm thế vì anh. Rồi tôi sẽ lên giường đi ngủ và nằm lì ở đó cho tới dịp Giáng Sinh.

“Mình đi nào,” tôi đáp một cách kiên quyết, nhắc cao mấy lớp váy.

Sept-Tours quá cổ xưa nên chẳng thể có những thiết kế hiện đại như hành lang, nên chúng tôi phải lượn qua một khung cửa vòm ở bên phải lò sưởi và vào trong góc căn phòng mà ngày nào đó sẽ là phòng khách rộng rãi của Ysabeau. Hiện giờ, nó chưa bị nhét đầy các đồ gỗ nội thất đẹp đẽ mà được trang trí bằng những đồ vật mộc mạc như mọi nơi khác tôi đã thấy trên cuộc hành trình. Đồ nội thất bằng gỗ sồi nặng nề chống trộm cắp và có thể chịu được những va chạm nhẹ từ vài trận chiến thì thoảng xảy ra, điều đó được minh chứng bằng vết xước sâu cắt theo đường chéo ngang bề mặt một chiếc tủ búp phê.

Từ đó, Alain dẫn cả hai vào căn phòng nơi Ysabeau và tôi một ngày nào đó sẽ dùng bữa sáng giữa những bức tường màu nâu đỏ ấm áp, trên chiếc bàn bày đồ sứ cùng dao đĩa nặng trịch bằng bạc. Nó khác xa hình ảnh ở hiện tại, chỉ có duy nhất một cái bàn và ghế. Trên mặt bàn phủ đầy các giấy tờ và nhiều đồ dùng bàn giấy khác. Không có thời gian để nhìn ngó thêm, chúng tôi leo lên chiếc cầu thang đá mòn vẹt dẫn tới phần xa lạ khác của lâu đài.

Cầu thang đột ngột dừng lại trên một chiếu nghỉ rộng rãi. Gian phòng dài mở ra về phía bên trái, cất giữ một bộ gồm những đồng hồ, các loại vũ khí, tranh chân dung và đồ nội thất được sắp xếp phân loại kỳ lạ. Một chiếc vương miện bằng vàng méo mó đặt chênh vênh tùy tiện trên cái đầu bằng cẩm thạch của một vị thần cổ xưa nào đó. Một viên ruby màu máu chim câu hình dáng lồi lõm có kích cỡ tương đương quả trứng tỏa ánh sáng lấp lánh, quái dị về phía tôi từ chính giữa chiếc vương miện.

“Lối này,” Alain nói, dẫn chúng tôi vào căn phòng tiếp theo. Ở đây có một cầu thang khác dẫn lên trên. Vài chiếc ghế bằng khá bất tiện đặt ở bên ngoài cánh cửa đóng kín. Alain lặng lẽ, nhẫn nại chờ đợi câu trả lời cho sự có mặt của chúng tôi. Lúc sau, một từ duy nhất bằng tiếng Latin vọng ra qua lớp gỗ dày:

“Introite.”

Matthew ngậy người trước âm thanh đó. Alain ném ánh nhìn lo lắng về phía anh và đẩy cánh cửa ra. Nó lặng lẽ mở tung trên những chiếc bản lề chắc chắn đã được tra dầu cẩn thận.

Một người đàn ông ngồi đối diện, lưng quay về phía chúng tôi, có mái tóc sáng bóng. Dù đang ngồi nhưng rõ ràng ông khá cao lớn với bờ vai rộng của vận động viên điền kinh. Một cây bút mực lạo xạo trên giấy, tạo nên nhịp điệu đều đặn gấp ba lần hòa cùng tiếng nổ lộp bộp liên hồi

của gỗ cháy trong lò sưởi và những cơn gió mạnh gào thét ngoài trời.

Tiếng nói trầm vang chen vào điệu nhạc tại nơi này: “Sedete.”

Giờ đến lượt tôi nhảy dựng lên. Không có cánh cửa để nén bớt âm thanh, giọng nói của Philippe tạo ra tiếng dội vang cho tới khi hai tai tôi ong ong. Người đàn ông này đã quen với việc người khác vâng lệnh, ngay lập tức và không hề thắc mắc. Đôi chân tôi di chuyển hướng tới hai chiếc ghế tựa đang đợi sẵn để ngồi xuống như ông ra lệnh. Tôi tiến tới bước thứ ba mới nhận ra Matthew vẫn đứng ở ngưỡng cửa, liền quay trở lại bên cạnh chồng mình và nắm lấy tay anh. Matthew dăm dăm nhìn xuống, hoang mang, lắc đầu để cố thoát ra khỏi những hồi ức của bản thân.

Chốc lát sau, cả hai đã băng ngang qua căn phòng. Tôi an tọa trên chiếc ghế tựa cùng món rượu vang được hứa hẹn và một cái lồng ủ bằng kim loại để làm chỗ dựa cho đôi chân. Alain gật đầu rút lui, liếc mắt qua đầy cảm thông. Rồi chúng tôi chờ đợi. Thật khó khăn cho tôi còn với Matthew là không thể chịu đựng nổi. Sự căng thẳng gia tăng tới mức anh gần như run lên bần bật bởi xúc cảm bị đè nén.

Đến khi cha anh nhận thấy sự hiện diện của cả hai, thì nỗi lo lắng cùng tâm trạng căng thẳng của tôi có nguy cơ lộ hết ra ngoài. Tôi đang nhìn chăm chăm xuống hai bàn tay mình và tự hỏi liệu chúng có đủ mạnh để kìm hãm ông khi hai điểm băng lạnh lẽo đang nở bung dữ dội trên mái đầu cúi thấp của tôi. Nâng cằm lên và tôi nhận ra bản thân đang nhìn đờ đẫn vào đôi mắt màu hung của một vị thần Hy Lạp.

Khi lần đầu tiên trông thấy Matthew, phản ứng bản năng trong tôi là bỏ chạy. Nhưng Matthew – to lớn và đang chán chường như tối tháng Chín ở thư viện Bodleian – cũng không có dáng vẻ thoát trần bằng một nửa như thế. Điều đó không phải do Philippe de Clermont là quái vật. Mà ngược lại. Ông, đơn giản, là sinh vật hấp dẫn nhất tôi từng thấy – siêu nhiên, siêu phàm, xuất quỷ nhập thần, và cũng rất con người.

Không ai có thể nhìn Philippe de Clermont mà lại nghĩ ông là người trần mắt thịt. Các nét đặc trưng của ma cà rồng ở ông quá hoàn mỹ và cân đối đến kỳ lạ. Cặp lông mày thẳng, đen nhánh nằm phía trên đôi mắt màu xanh nhạt, dễ thay đổi thành sắc nâu hoàng kim điểm những đốm sáng màu xanh lá. Việc dãi nắng phơi gió điểm lên mái tóc nâu của ông những sợi màu vàng, bạc, đồng lóng lánh. Khuôn miệng Philippe thật mềm mại và gợi cảm, dù cơn tức giận tối nay đã khiến đôi môi đó có vẻ cứng rắn và mím chặt lại.

Cố ép hai cánh môi khép lại để giữ cho quai hàm không rớt ra, tôi đón lấy ánh nhìn chăm chăm đánh giá từ ông. Khi tôi làm thế, ánh mắt ông chậm chậm, thận trọng di chuyển sang Matthew.

“Con tự giải thích đi.” Những lời này được thốt ra lặng lẽ, nhưng chúng không che giấu được cơn thịnh nộ của Philippe. Tuy nhiên, có hơn một ma cà rồng giận dữ trong căn phòng này. Bây giờ cơn sốc vì nhìn thấy Philippe đã qua đi, Matthew cố gắng lấy lại chủ động.

“Cha ra lệnh cho con đến Sept-Tours. Giờ con ở đây, còn sống và khỏe mạnh, bất chấp những báo cáo điên cuồng của cháu trai cha.” Matthew ném đồng xu bạc lên chiếc bàn làm việc bằng gỗ sồi của cha anh. Nó đáp xuống bằng mép rìa và xoay tít quanh một cái trục vô hình trước khi đổ thẳng ra.

“Chắc chắn sẽ tốt hơn cho vợ con nếu ở yên tại nhà vào thời gian này trong năm.” Giống như Alain, tiếng Anh của Philippe thành thạo như người bản xứ.

“Diana là bạn đời kết đôi của con. Con khó có thể để cô ấy lại nước Anh với Henry và Walter đơn giản vì trời có thể đổ tuyết.”

“Thôi đi, Matthew,” Philippe quát lên. Âm thanh giống như tiếng sư tử gầm. Gia đình de

Clermont là một bầy dã thú ghê gớm. Sự hiện diện của Matthew luôn gợi tôi nghĩ đến sói. Với Ysabeau lại là loài chim ưng. Gallowglass khiến tôi liên tưởng tới một con gấu. Philippe gần giống vậy nhưng là một con dã thú săn mồi chết chóc khác.

“Gallowglass và Walter nói với ta rằng cô phù thủy này cần sự bảo hộ của ta.” Con sư tử với tôi một bức thư. Ông búng vào mép lá thư trên bàn và chăm chăm nhìn Matthew. “Ta đã nghĩ việc che chở cho những sinh vật khác người yếu hơn giờ là công việc của con vì con đang đảm nhiệm cái ghế của gia tộc này tại Đại Hội Đồng.”

“Diana không yếu đuối, và cô ấy cần nhiều sự che chở bảo vệ hơn khả năng của Đại Hội Đồng, dù thực tế cô ấy đã kết hôn với con. Cha sẽ ban cho chúng con điều đó chứ?” Sự thách thức ở ngay trong giọng điệu, cũng như trong thái độ của Matthew.

“Trước hết ta cần nghe cô ấy giải thích,” Philippe nói. Ông nhìn tôi và nhướn cặp lông mày lên.

“Chúng con tình cờ gặp nhau. Con biết cô ấy là phù thủy, nhưng gắn kết giữa chúng con là không thể chối bỏ,” Matthew nói. “Người của cô ấy đã quay lưng lại với cô ấy...” Một bàn tay có thể bị nhằm với một búp hồng giờ lên ra dấu lệnh im lặng. Philippe chuyển sự chú ý sang cậu con trai.

“Matthaios.” Giọng nói lè nhè lười biếng của Philippe có hiệu lực như ngọn roi từ từ quất xuống, làm cậu con trai ông im bật tức thì. “Có phải con cần ta che chở không?”

“Dĩ nhiên là không ạ,” Matthew cảm phần đáp lời.

“Thế thì hãy im lặng và để cô phù thủy này nói.”

Để nhanh chóng thoát khỏi sự bất an trước sự hiện diện của cha Matthew, tôi cân nhắc cách tường thuật thật tỉ mỉ chuyến phiêu lưu gần đây. Tuy vậy, việc kể lại từng chi tiết sẽ mất quá nhiều thời gian mà khả năng Matthew sẽ bùng nổ trong lúc đó lại quá nhiều. Tôi hít một hơi thật sâu rồi bắt đầu.

“Tên con là Diana Bishop và cha mẹ con đều là những phù thủy có sức mạnh. Các phù thủy khác đã giết họ khi họ ở xa nhà, lúc đó con vẫn còn nhỏ. Trước khi chết, họ đã yểm bùa thôi miên lên con. Mẹ con là một người thấy trước được tương lai, bà biết rõ điều gì sẽ xảy đến.”

Hai mắt Philippe nheo lại vẻ nghi ngờ. Tôi hiểu sự thận trọng của ông. Tôi vẫn thấy thật khó mà hiểu được tại sao hai người thương yêu tôi rất mực lại phá vỡ quy tắc đạo đức trong giới phù thủy và đặt con gái duy nhất của họ vào gông xiềng trói buộc bằng pháp thuật.

“Khi lớn lên, con là nỗi hổ thẹn của gia đình – một phù thủy không thể thắp được nến hay thực hiện hoàn chỉnh một câu thần chú. Con quay lưng với gia tộc và vào đại học.” Với sự tiết lộ này, Matthew bắt đầu nhấp nhóm khó chịu trong ghế ngồi. “Con nghiên cứu lịch sử thuật giả kim.”

“Diana nghiên cứu nghệ thuật của thuật giả kim,” Matthew sửa lại, liếc nhìn tôi cảnh cáo. Nhưng kiểu sự thật nửa vờ ầy sẽ không thỏa mãn cha anh.

“Con là người du hành vượt thời gian.” Lời này treo lơ lửng trong không trung giữa ba chúng tôi. “Người chỗ bác gọi nó là fileuse de temps.”

“Ồ, ta biết rõ cô là gì,” Philippe vẫn đáp bằng cái giọng lười biếng. Một ánh nhìn kinh ngạc thoáng lướt qua trên mặt Matthew. “Ta đã sống trong khoảng thời gian rất dài, madame, và đã biết rất nhiều sinh vật khác người. Cô không phải đến từ thời đại này, cũng không phải từ quá khứ, vậy nên cô phải đến từ tương lai. Và Matthaios du hành trở về cùng cô, vì nó không phải cùng một người đàn ông như tám tháng trước. Matthew mà ta biết sẽ không bao giờ thèm nhìn một phù thủy đến lần thứ hai.” Ông hít một hơi thật sâu. “Cháu trai ta đã cảnh báo ta rằng cả

hai đứa có mùi rất kỳ quái.”

“Philippe, hãy để con giải thích...” Nhưng số phận Matthew đã được định sẵn là không thể nói hết câu nào trong cả buổi tối hôm nay.

“Dù tình hình có vẻ rất rắc rối, ta mừng khi một khía cạnh tích cực trong tương lai là có thể được cao râu.” Philippe lười nhác gãi bộ râu và ria mép được cắt tỉa gọn gàng của mình. “Rốt cuộc, những bộ râu là dấu hiệu của chảy rận, chứ chẳng có vẻ thông thái gì cả.”

“Con được nghe rằng Matthew trông giống kẻ tàn phế.” Tôi nén một tiếng thở dài mệt mỏi. “Nhưng con không biết câu thần chú để gắn lại râu.”

Philippe phẩy tay gạt phắt lời tôi đi. “Một bộ râu có thể dễ dàng sắp xếp thôi. Cô đang kể với tôi về hứng thú đối với thuật giả kim.”

“Vâng. Con đã tìm thấy một quyển sách – một cuốn sách mà rất nhiều sinh vật khác cũng tìm kiếm. Con gặp Matthew khi anh ấy đến để lấy nó từ chỗ con, nhưng anh ấy không thể thực hiện được vì nó đã rời khỏi tay con. Sau đó, mọi sinh vật khác người trong vòng hàng dặm đều đổ về bám theo con. Con buộc phải ngừng làm việc!”

Một âm thanh có lẽ là tiếng cười bị nén lại làm cơ trên quai hàm Philippe giật giật. Tôi phát hiện ra với loài sư tử thật khó mà nói được liệu chúng đang khoái chí hay chuẩn bị vỗ mồi.

“Chúng con nghĩ nó là cuốn sách về nguồn gốc các loài,” Matthew nói thêm. Biểu cảm của anh đầy vẻ tự hào, dù việc tôi gọi ra được cuốn cổ thư ấy hoàn toàn chỉ là tình cờ. “Nó đã tìm đến Diana. Tới lúc những sinh vật khác người kia cũng nhận ra thứ cô ấy tìm được là gì thì con đã yêu cô ấy mất rồi.”

“Vây là chuyện này tiếp diễn trong một thời gian.” Philippe đưa mấy ngón tay đỡ trước cằm, khuỷu tay đặt lên mép bàn. Ông đang ngồi trên chiếc ghế đẩu bốn chân giản dị, mặc dù có một chiếc ghế lộng lẫy chường mắt y như một cái ngai vàng trống không ngay bên cạnh.

“Không,” tôi đáp sau khi tính toán đôi chút, “chỉ mới nửa tháng thôi. Mặc dù Matthew không thừa nhận tình cảm của anh ấy trong khoảng thời gian dài cho tới khi chúng con ở Sept-Tours. Nhưng tại đây cũng không an toàn. Một tối con rời khỏi giường Matthew và ra ngoài. Một phù thủy đã bắt con khỏi khu vườn.”

Ánh mắt Philippe phóng từ tôi sang Matthew. “Có một phù thủy bên trong những bức tường của Sept-Tours sao?”

“Vâng,” Matthew đáp ngắn gọn.

“Dưới những bức tường ạ,” tôi nhẹ nhàng chỉnh lại, thêm lần nữa lôi kéo sự chú ý của cha anh. “Con không tin có bất kỳ phù thủy nào từng đặt chân lên đất này, nếu đó là điều quan trọng. À, trừ con, dĩ nhiên là thế.”

“Tất nhiên,” Philippe công nhận với cái gật đầu thật khế. “Tiếp đi.”

“Bà ta mang con tới La Pierre. Domenico ở đó. Cả Gerbert nữa.” Biểu cảm trên gương mặt Philippe cho biết cả lâu đài lẫn hai ma cà rồng mà tôi đã gặp đều xa lạ với ông.

“Thật đáng nguyên rủa, lằng nhằng quá, đi vào chuyện chính đi,” Philippe làu bàu.

“Chính Đại Hội Đồng đã ra lệnh bắt cóc và một phù thủy tên Satu đã cố ép con thể hiện phép thuật của mình. Khi thất bại, Satu ném con vào hầm ngầm.”

Bàn tay Matthew lơ đãng vuốt ve lưng tôi như vẫn luôn làm thế mỗi khi chuyện đêm đó được

nhắc đến. Philippe quan sát cử chỉ đó nhưng không nói gì.

“Sau khi trốn thoát, con không thể ở lại Sept-Tours và đặt Ysabeau vào nguy hiểm. Tất cả pháp thuật này tỏa ra từ con, bác thấy đấy, những sức mạnh mà con không thể điều khiển được. Matthew cùng con đến ở nhà các dì con.” Tôi ngừng lời, tìm cách giải thích địa điểm của nó. “Bác biết các truyền thuyết mà người của Gallowglass đã kể về những vùng đất ở phía tây bên kia bờ đại dương chứ?” Philippe gật đầu. “Đó là nơi các dì con sống. Đại khái là thế.”

“Và những bà dì này đều là phù thủy hả?”

“Vâng. Sau đó, một manjasang đã tới để giết Matthew – một trong số tay sai của Gerbert – cô ta suýt nữa đã thành công. Chẳng còn nơi nào chúng con có thể tránh xa khỏi tầm với của Đại Hội Đồng, ngoại trừ quá khứ.” Tôi ngừng lại, bị sốc trước cái nhìn độc địa mà Philippe tặng cho Matthew. “Nhưng chúng con cũng không tìm được nơi ẩn náu tại đây. Người vùng Woodstock biết con là phù thủy và các cuộc truy đuổi ở Scotland có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai tại Oxfordshire. Nên chúng con lại tiếp tục chạy trốn.” Tôi nhắm xét lại sơ lược toàn bộ câu chuyện nhằm chắc chắn không bỏ sót bất cứ điều gì quan trọng. “Đó là câu chuyện của con.”

“Cô có tài thuật lại thông tin phức tạp khá nhanh gọn và cô đong đầy, madame. Nếu cô có lòng tốt chia sẻ phương pháp với Matthew, đó cũng là một cách phục vụ cho gia đình này. Chúng ta dành thời gian cho giấy và bút lông nhiều hơn mức cần thiết.” Philippe nghiền cứu mấy đầu ngón tay của mình mất một lúc rồi đứng dậy bằng tốc độ của ma cà rồng khiến cử động đơn giản cũng trở thành sự bùng nổ thật sự. Phút trước ông còn đang ngồi yên một chỗ, ngay sau đó các cơ bắp trên người ông đã giãn ra khiến cho cả sáu feet chiều dài cơ thể bất thành linh hiện ra to lớn phía trên bàn. Ngài ma cà rồng dồn sự chú ý vào cậu con trai.

“Con đang chơi trò nguy hiểm đấy, Matthew, một trò chơi được thì ít mà mất thì nhiều. Gallowglass đã gửi lời nhắn sau khi con rời đi. Người cưỡi ngựa mang nó tới theo lộ trình khác và đến trước. Trong lúc con đến đây, đức vua Scotland đã bắt hơn một trăm phù thủy và cầm tù bọn họ ở Edinburgh. Đại Hội Đồng không may nghi ngờ rằng con đang trên đường tới đó để thuyết phục Vua James từ bỏ vấn đề này.”

“Tất cả những điều đó càng thêm lý do để Diana nhận sự bảo vệ của cha,” Matthew sít sao nói.

“Tại sao ta nên làm thế?” Sắc mặt lạnh lùng của Philippe như thách thức.

“Bởi vì con yêu cô ấy. Và bởi vì cha nói với con rằng Dòng tu Thánh Lazarus là để bảo vệ cho những ai không thể tự bảo vệ bản thân họ.”

“Ta bảo vệ các manjasang khác, không phải phù thủy!”

“Có thể cha nên mở rộng tầm nhìn bao quát hơn,” Matthew bướng bỉnh đáp. “Manjasang thông thường đều có thể tự chăm sóc bản thân họ.”

“Con biết rõ ta không thể che chở người phụ nữ này, Matthew. Cả châu Âu đang sục sôi với các vấn đề về đức tin và loài máu nóng đang tìm kiếm lối thoát cho những rắc rối hiện tại. Lẽ hiển nhiên, họ quay sang các sinh vật khác người xung quanh. Nhưng con đã cố ý mang người phụ nữ này – người phụ nữ mà con tuyên bố là vợ của con và là một phù thủy – dẫn mình vào cơn điên loạn. Không.” Philippe lắc đầu kịch liệt. “Con có thể nghĩ mình trâng tráo, nhưng ta sẽ không đặt gia đình này vào nguy cơ chọc giận Đại Hội Đồng và phớt lờ các điều khoản của bản hiệp ước đầu.”

“Philippe, cha phải...”

“Đừng dùng từ đó với ta.” Một ngón tay xĩa thẳng về phía Matthew. “Hãy sắp đặt mọi chuyện ổn thỏa và quay trở về thời điểm con đến. Hãy yêu cầu sự giúp đỡ từ ta ở nơi đó – hoặc tốt hơn,

hãy nhờ các bà dì của cô phù thủy này. Đừng mang rắc rối của con trở lại quá khứ nơi chúng không thuộc về.”

Nhưng làm gì có Philippe để Matthew dựa vào trong thế kỷ hai mươi mốt. Ông đã ra đi – đã chết và được chôn sâu dưới lòng đất.

“Con chưa bao giờ cầu xin cha bất cứ điều gì, Philippe. Cho tới lúc này.” Không khí trong căn phòng hạ xuống vài độ nguy hiểm.

“Con đáng lẽ nên lường trước được phản ứng của ta, Mathaios, nhưng như thường lệ con chẳng nghĩ ngợi gì. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu mẹ con ở đây? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu thời tiết xấu không cản trở Trier? Con biết bà ấy khinh miệt phù thủy mà.” Philippe nhìn chòng chọc vào con trai. “Sẽ cần tới một đội quân nhỏ để giữ cho bà ấy không xé xác người phụ nữ này và ta không có một tên lính rảnh rỗi nào vào lúc này cả.”

Ban đầu Ysabeau muốn tôi ra khỏi cuộc đời con trai bà. Baldwin chẳng hề cố gắng che giấu sự khinh bỉ của anh ta. Người bạn của Matthew, Hamish thì nổi điên lên, còn Kit thì công khai căm ghét tôi. Giờ đến lượt Philippe. Tôi đứng dậy và đợi cha Matthew nhìn sang mình. Khi ông làm thế, tôi đón gặp ánh mắt đó một cách thẳng thắn, trực diện. Ông chớp chớp về ngạc nhiên.

“Matthew không thể tiên đoán trước được chuyện này, thưa ngài de Clermont. Anh ấy tin tưởng ngài sẽ ủng hộ, mặc dù trong trường hợp này lòng tin đã bị đặt nhầm chỗ.” Tôi hít vào một hơi. “Tôi rất biết ơn nếu ngài cho phép ở lại Sept-Tours đêm nay. Matthew đã không ngủ suốt nhiều tuần lễ rồi và có thể anh ấy sẽ ngủ được tại một nơi quen thuộc. Ngày mai tôi sẽ quay về Anh – mà không có Matthew, nếu cần thiết.”

Một lọn tóc quăn mới xòa xuống thái dương bên trái. Tôi gạt nó đi, và phát hiện cổ tay mình đang nằm trong nắm tay của Philippe de Clermont. Ngay khoảnh khắc tôi nhận thức được vị trí mới của mình, thì Matthew đã ở cạnh cha anh, hai lòng bàn tay đặt trên vai ông.

“Từ đâu cô có thứ đó?” Philippe nhìn xoáy vào chiếc nhẫn trên ngón thứ ba bàn tay trái của tôi. Chiếc nhẫn của Ysabeau. Đôi mắt Philippe trở nên hoang dã, sục sạo tìm kiếm trong mắt tôi. Các ngón tay ông siết chặt cổ tay tôi cho tới khi khớp xương như bắt đầu rời ra. “Bà ấy sẽ không bao giờ tặng chiếc nhẫn của ta cho người khác, không bao giờ khi cả hai chúng ta còn sống.”

“Bà còn sống, Philippe.” Lời lẽ Matthew thốt ra thật nhanh và thô lỗ, ám chỉ truyền đạt một thông tin hơn là đưa ra lời đảm bảo để làm yên lòng.

“Nhưng nếu Ysabeau còn sống, vậy là...” Philippe trượt dần vào im lặng. Trong một khoảnh khắc ông trông như chết lảng trước khi nét mặt dần vỡ lẽ ra. “Vây rồi cuộc ta cũng không phải là bất tử. Và con không thể tìm kiếm ta dần xấp khi những rắc rối này bắt đầu.”

“Không.” Matthew ép buộc âm tiết này thốt qua bờ môi.

“Nhưng con bỏ mặc mẹ mình đối mặt với kẻ thù ư?” Biểu cảm của Philippe đầy thù nghịch.

“Marthe ở cùng bà. Baldwin và Alain sẽ đảm bảo không có gì gây hại cho bà.” Bây giờ lời lẽ Matthew tuôn ra êm ái hơn, nhưng cha anh vẫn giữ các ngón tay tôi. Chúng đang trở nên tê cứng.

“Và Ysabeau đã trao chiếc nhẫn của ta cho một phù thủy ư? Thật phi thường làm sao! Dù nó trông cũng thật tuyệt trên tay cô ta,” Philippe nói với vẻ lơ đãng, xoay bàn tay tôi hướng ra phía ánh lửa.

“Maman cũng nghĩ nó sẽ thích hợp,” Matthew dịu dàng đáp.

“Khi nào...” Philippe thông thả hít sâu một hơi rồi lắc đầu. “Không. Đừng nói với ta. Không sinh vật nào nên biết về cái chết của chính mình.”

Mẹ cũng đã tiên tri thấy kết cục khủng khiếp của bà và cha tôi. Lạnh lẽo, kiệt sức và bị ám ảnh bởi chính những ký ức đó, tôi rùng mình run rẩy. Cha Matthew dường như nhận thấy, liền nhìn chăm chăm xuống bàn tay của cả hai, nhưng con trai ông thì không.

“Thả cô ấy ra đi, Philippe,” Matthew ra lệnh.

Philippe nhìn thẳng vào mắt tôi và thở dài vẻ thất vọng. Bất chấp chiếc nhẫn kia, tôi vẫn không phải là Ysabeau yêu dấu của ông. Ông rút tay về, còn tôi bước lùi lại, duy trì một khoảng cách xa khỏi tầm với từ Philippe.

“Giờ cha đã nghe câu chuyện rồi, cha sẽ cho Diana sự che chở của mình chứ?” Matthew dò xét trên gương mặt cha anh.

“Đó là điều cô muốn sao, madame?”

Tôi gật đầu, các ngón tay cuốn quanh thành tay vịn được chạm khắc của chiếc ghế bên cạnh.

“Vậy thì được, các hiệp sĩ dòng Thánh Lazarus sẽ đảm bảo cho sự sống của cô ấy.”

“Cảm ơn cha.” Hai tay Matthew siết chặt lên bờ vai Philippe, rồi anh quay đầu về phía tôi. “Diana đã mệt rồi. Chúng con sẽ gặp cha vào buổi sáng.”

“Chắc chắn là không.” Giọng Philippe vỡ ra từ phía bên kia căn phòng. “Cô phù thủy của con ở dưới mái nhà của ta, nhận được sự chăm sóc của ta. Cô ấy sẽ không được chia sẻ chung chiếc giường với con.”

Matthew đưa tay nắm lấy tay tôi. “Diana đang ở xa nhà, Philippe. Cô ấy không quen thuộc với lâu đài này.”

“Cô ấy sẽ không ở cùng phòng với con, Matthew.”

“Tại sao không?” Tôi hỏi, cau có nhìn Matthew và cha anh.

“Bởi hai đứa chưa kết đôi, bất chấp những lời nói dối đẹp đẽ mà Matthew đã nói với cô. Và tạ ơn thánh thần vì điều đó. Có lẽ rồi cuộc chúng ta cũng có thể ngăn chặn được tai họa này.”

“Chưa kết đôi ư?” Tôi điếng người hỏi lại.

“Việc trao nhau những lời ước hẹn cũng như chấp nhận mối liên hệ của manjasang không tạo nên được một thỏa thuận bất khả xâm phạm, madame.”

“Anh ấy là chồng của con trên mọi phương diện,” tôi đáp, sắc ửng đỏ tràn trên hai má. Sau khi nói với Matthew tôi yêu anh, anh đã cam đoan rằng cả hai giờ đã là một cặp bạn đời.

“Hai đứa cũng chưa kết hôn đúng nghĩa – ít nhất là chưa, theo cách thức có thể đứng vững trước sự soi xét kỹ lưỡng,” Philippe tiếp tục, “và sẽ còn rất nhiều điều nếu hai đứa tiếp tục trò giả vờ này. Matthew luôn dành nhiều thời gian ở Paris để nghiên ngẫm mớ lý thuyết suông của nó hơn là nghiên cứu luật pháp. Trong trường hợp này, con trai của ta à, bản năng lẽ ra phải cho con biết điều cần thiết đó là gì nếu trí thông minh không làm được.”

“Chúng con đã cùng nhau đọc lời thề nguyện trước khi lên đường. Matthew trao cho con chiếc nhẫn của Ysabeau.” Chúng tôi đã trải qua một nghi thức như thế trong vài phút cuối cùng ở Madison. Tâm trí tôi chạy đua điểm qua một loạt sự kiện nhằm tìm ra kẻ hở về pháp lý kia.

“Cái tạo thành một cặp bạn đời manjasang, đồng thời cũng là điều sẽ làm im bất mọi sự chống đối về một hôn lễ khi linh mục, luật sư, kẻ thù và địch thủ đến, gọi là: Việc hoàn thành đêm tân hôn về mặt thể xác.” Hai cánh mũi Philippe phập phồng. “Mà các con chưa kết hợp theo cách này. Mùi của hai đứa không chỉ kỳ lạ mà còn hoàn toàn riêng biệt – như hai sinh vật hoàn toàn tách biệt thay vì hợp nhất. Bất cứ manjasang nào cũng sẽ biết hai đứa không phải là bạn đời trọn vẹn. Gerbert và Domenico chắc chắn nhận ra điều đó ngay khi Diana ở trước mặt chúng. Không nghi ngờ gì, Baldwin cũng vậy.”

“Chúng con đã kết hôn và kết đôi. Không cần có bất cứ bằng chứng nào khác ngoài lời đảm bảo từ phía con. Về phần sau này, chuyện đó không phải việc của cha, Philippe,” Matthew nói, kiên quyết đặt người chắn giữa tôi và cha anh.

“Ồ, Matthaïos, chúng ta đã qua cái thời đó từ lâu rồi.” Philippe cất tiếng vẻ mệt mỏi. “Diana là một phụ nữ mồ côi chưa chồng, và ta thấy chẳng có người anh em nào trong căn phòng này đứng ra đại diện cho cô ấy cả. Cô ấy hoàn toàn thuộc quyền của ta.”

“Chúng con đã kết hôn trước mắt Chúa.”

“Nhưng con lại chờ đợi để chiếm lấy cô ấy. Con đang đợi điều gì vậy, Matthew? Một tín hiệu ư? Cô ấy muốn con. Ta có thể nói điều đó bằng vào cách cô ấy nhìn con. Với hầu hết đàn ông, điều đó là đủ rồi.” Ánh mắt Philippe ghim chặt vào con trai rồi đến tôi. Nhắc đến sự miễn cưỡng kỳ lạ của Matthew trên phương diện này, nỗi lo lắng và hoài nghi lại lan tràn khắp người tôi như chất độc.

“Chúng con mới biết nhau chưa lâu. Cho dù vậy, con biết mình sẽ ở cùng cô ấy – và chỉ cô ấy mà thôi – cho đến hết cuộc đời. Cô ấy là bạn đời của con. Cha biết chiếc nhẫn này nói lên điều gì mà, Philippe: ‘a ma vie de coer entier.’”

“Trao cho một người phụ nữ cả cuộc đời con cũng chả có nghĩa lý gì nếu không trao cho cô ấy cả trái tim con. Con nên chú ý nhiều hơn tới kết cục của biểu hiện tình yêu đó, chứ không chỉ là sự khởi đầu.”

“Cô ấy đã giữ trái tim con,” Matthew nói.

“Không phải tất cả. Nếu đúng là thế thì mọi thành viên trong Đại Hội Đồng đều đã chết hết rồi, bản thỏa ước đó đã bị phá vỡ mãi mãi và con sẽ ở nơi thuộc về mình chứ không phải trong căn phòng này,” Philippe thẳng thừng nói. “Ta không biết cái gì cấu thành một cuộc hôn nhân trong tương lai của hai đứa, nhưng tại thời đại này đó là điều đáng để người ta chết vì nó.”

“Để máu vấy lên cái tên Diana không phải là câu trả lời cho những khó khăn hiện thời.” Bất chấp hàng thế kỷ trải qua cùng cha mình, Matthew vẫn bướng bỉnh từ chối thừa nhận điều mà tôi đã biết rõ: vô phương giành phần thắng trong cuộc tranh cãi với Philippe de Clermont.

“Máu của một phù thủy thì không được tính ư?” Cả hai người đàn ông cùng kinh ngạc quay sang tôi.

“Anh đã giết một phù thủy, Matthew. Và em thà giết một ma cà rồng – một manjasang – còn hơn là mất anh. Vì chúng ta đã chia sẻ những bí mật vào đêm hôm nay, cha anh có lẽ cũng nên biết sự thật.” Gillian Chamberlain và Juliette Durand là hai tổn thất trong tình trạng thù địch leo thang mà nguyên nhân là do mối quan hệ giữa chúng tôi.

“Và con nghĩ vẫn còn thời gian để ve vãn tán tỉnh sao? Đối với một người đàn ông tự cho mình là hiểu biết, Matthew, sự ngớ ngẩn của con thật lý thú đấy,” Philippe lên tiếng chán chường. Matthew đón nhận sự sỉ nhục từ cha mình mà không hề nao núng, rồi anh hạ con át chủ bài.

“Ysabeau đã chấp nhận Diana như con gái rồi,” anh nói.

Nhưng Philippe không bị lay chuyển dễ dàng đến thế.

“Cả Chúa lẫn mẹ con đều chưa bao giờ thành công trong việc khiến con đối diện với những hậu quả của mình. Có vẻ như điều đó cũng chưa hề thay đổi.”

Philippe chống tay lên bàn làm việc và gọi Alain. “Vì hai đứa không phải một cặp bạn đời, không có sự tổn hại vĩnh viễn nào xảy ra cả. Vấn đề có thể được dàn xếp theo đúng luật lệ trước khi bất kỳ ai khám phá ra và gia đình này bị hủy hoại. Ta sẽ cử người tới Lyon tìm một phù thủy giúp Diana hiểu rõ hơn sức mạnh của cô ấy. Con có thể dò hỏi về cuốn sách kia trong khi ta làm việc này, Matthew. Sau đó cả hai đứa sẽ về nhà, nơi hai đứa quên đi sự thiếu thận trọng và tiếp tục sống một cuộc đời tách biệt.”

“Diana và con sẽ về phòng con. Cùng nhau. Hoặc không hãy giúp con...”

“Trước khi con hoàn thành lời đe dọa đó, hãy hoàn toàn chắc chắn rằng mình đã có đủ khả năng thực hiện nó,” Philippe bình thản đáp. “Cô gái này sẽ ngủ riêng và ở gần chỗ ta.”

Một luồng không khí ứa vào phòng mang theo mùi sáp và hồ tiêu nghiền báo cho tôi biết cánh cửa ra vào đã được mở. Đôi mắt lạnh lẽo của Alain nhìn quanh, thu vào cơn giận dữ của Matthew và vẻ không khoan nhượng trên mặt Philippe.

“Con đã khôn ngoan ra rồi đấy, Matthaïos,” Philippe nói với con trai. “Ta không biết con đã làm gì bản thân mình, nhưng nó đã khiến con mềm mỏng hơn đấy. Đi nào. Hãy thừa nhận thực tế này, hôn nàng phù thủy của con và nói lời chúc ngủ ngon. Alain, đưa người phụ nữ tới phòng của Louisa. Con bé đang ở Vienna hay Venice thì phải. Ta không thể theo kịp con bé đó và những cuộc lang thang liên tu bất tận của nó.”

“Còn về phần con,” Philippe tiếp tục, ném ánh mắt màu hổ phách về phía cậu con trai, “con sẽ đi xuống lầu, đợi ở sảnh tới khi ta viết thư xong cho Gallowglass và Raleigh. Cũng đã một thời gian rồi con chưa về nhà và bạn bè muốn biết liệu Elizabeth Tudor có phải là một quái vật hai đầu, ba bầu ngực như thiên hạ vẫn đồn đại không.”

Không sẵn lòng từ bỏ hoàn toàn chủ quyền của mình, Matthew đặt ngón tay dưới cằm tôi, nhìn sâu vào mắt tôi và hôn tôi nồng thắm hơn cả mức cha anh mong đợi.

“Đó là tất cả, Diana,” Philippe lên tiếng, lạnh lùng thô bạo, khi Matthew dứt nụ hôn.

“Đi nào, madame,” Alain nói, ra hiệu về phía cửa.

Nằm thao thức cô đơn trên giường của một người phụ nữ khác, tôi lắng nghe tiếng gió nức nở bên ngoài và lật lại chuỗi sự kiện đã xảy ra. Trải qua quá nhiều gian trá cũng như nỗi đau cùng cảm giác bị phản bội, tôi biết Matthew yêu mình. Nhưng anh phải biết rằng người khác sẽ không thừa nhận những lời thề nguyện của riêng hai người.

Khi nhiều giờ đã trôi qua, tôi từ bỏ hoàn toàn hy vọng có một giấc ngủ và đi tới bên cửa sổ ngóng đợi bình minh, cố nghĩ xem các kế hoạch của cả hai đã bị chia tách nhanh chóng tới mức nào trong một khoảng thời gian ngắn rồi tự hỏi phần nào của Philippe de Clermont – và các bí mật của Matthew sẽ góp phần hủy hoại chúng.

Khi cánh cửa phòng mở toang ra sáng ngày hôm sau, Matthew đã đứng tựa vào bức tường đá đối diện. Từ dáng vẻ bên ngoài mà đoán thì anh cũng chẳng ngủ được. Anh đứng bật dậy và hai cô hầu trẻ tuổi sau tôi cười khúc khích. Họ không quen trông thấy Matthew theo cách này, với dáng vẻ lôi thôi lệch thếch đầu bù tóc rối. Một cái cau mày làm tối sầm gương mặt anh.

“Buổi sáng tốt lành.” Tôi bước tới, vạt váy màu quả việt quất đung đưa theo nhịp bước chân. Giống như chiếc giường, người hầu và mọi thứ tôi chạm vào đều vốn thuộc về Lousia de Clermont. Mùi hương hoa hồng quyen xạ hương của cô ấy nồng nặc ngệt thở cả đêm, nó tỏa ra từ những tấm màn thêu trướng rủ vây quanh giường. Tôi hít vào một hơi thật sâu làn không khí mát lành, rồi tìm thấy thoáng mùi đinh hương và quế rất riêng ở Matthew. Chút mỗi mẹt còn sót lại bay biến khỏi người tôi ngay khi phát hiện những mùi hương ấy, sự thân thuộc của chúng đem lại cảm giác thoải mái, tôi kéo cái áo choàng không tay bằng len đen mà mấy cô hầu gái đã choàng qua vai. Nó nhắc tôi nhớ đến bộ cánh mang dáng vẻ học thức của mình nhưng có thêm một lớp lột ươm ươm.

Nét mặt Matthew phần chần lén khi anh tiến tới rồi hôn tôi với vẻ cuồng nhiệt dâng hiến đáng ngưỡng mộ. Các cô hầu gái tiếp tục khúc khích cười và chú ý đến chúng tôi đứng như anh muốn. Một luồng gió mạnh lướt đến quanh hai mắt cá chân báo hiệu rằng một nhân chứng khác đã đến thì đôi môi chúng tôi mới rời nhau.

“Con đã quá già để thơ thẩn trong căn phòng chờ rồi, Matthaios,” cha anh bình phẩm, mái đầu hung đỏ lộ ra từ phòng bên cạnh. “Thế kỷ mười hai không tốt cho con và chúng ta đã cho phép con đọc quá nhiều thơ rồi. Hãy chỉnh đốn lại bản thân trước khi cánh đàn ông trông thấy, làm ơn, sau đó đưa Diana xuống nhà. Cô ấy có mùi như một tổ ong mật giữa hè ấy, sẽ mất chút thời gian để cả nhà này quen thuộc với mùi hương mới. Chúng ta không muốn có bất cứ cuộc đổ máu không may nào xảy ra cả.”

“Sẽ ít có cơ hội xảy ra chuyện đó hơn nếu cha ngừng can thiệp. Việc chia cách này thật vô lý,” Matthew đáp, siết lấy khuỷu tay tôi. “Chúng con là vợ chồng.”

“Không đâu, tạ ơn Chúa. Xuống nhà đi và ta sẽ tham gia cùng các con nhanh thôi.” Ông lắc đầu về phía muộn rồi rút lui.

Matthew mím chặt môi khi chúng tôi đối mặt nhìn nhau qua những chiếc bàn dài trong đại sảnh lạnh lẽo. Có rất ít người trong phòng vào giờ này và những kẻ còn nấn ná ở đó cũng rời đi thật nhanh sau khi thấy rõ nét mặt cấm đoán của anh. Bánh mỳ nóng hổi vừa ra lò cùng rượu đậm đà được bày ra trước lúc tôi vào bàn. Không phải là trà, nhưng nó cũng có tác dụng. Matthew đợi cho tới khi tôi đã nhấp xong một hớp rượu đầu tiên để bắt đầu cất lời.

“Anh đã thấy cha rồi. Chúng mình sẽ rời đi ngay lập tức.”

Tôi siết các ngón tay chặt hơn quanh chiếc cốc mà không đáp lại. Vài miếng vỏ cam nổi lênh bênh trong cốc rượu, đầy áp thứ chất lỏng ươm ươm. Những miếng cam kia khiến nó có vẻ hơi giống một thứ thức uống cho bữa sáng.

Matthew nhìn quanh phòng, mặt anh đầy đau khổ. “Về đây thật là việc thiếu khôn ngoan.”

“Vậy thay vào đó chúng ta có thể đi đâu được chứ? Tuyết đang rơi. Trở lại Woodstock dân làng sẵn sàng xé xác em trước cả khi có một phán quyết về tội hành thuật phù thủy. Ở Sept-Tours chúng ta có lẽ phải ngủ riêng và chịu đựng cha anh, nhưng ông có thể tìm được một phù thủy sẵn sàng giúp em.” Cho đến bây giờ các quyết định nóng vội của Matthew đều không đem lại kết quả khả quan nào.

“Philippe là người mà việc gì cũng phải xen vào. Còn về phần tìm kiếm một phù thủy, ông cũng chẳng ưa gì người của em hơn maman đâu.” Matthew ngấm nghĩa mặt bàn gỗ trầy xước và cạy một mẫu sáp nến nhỏ xuống vết nứt trên bàn. “Nhà của anh tại Milan có thể ở được. Chúng ta có thể đón Giáng Sinh ở đó. Phù thủy người Ý khá có tiếng tăm về pháp thuật và nổi tiếng bởi khả năng tiên tri phi thường của họ.”

“Chắc chắn không phải là Milan.” Philippe xuất hiện trước mặt chúng tôi với khí thế như một cơn bão và lướt vào ngồi cạnh tôi trên chiếc ghế băng. Matthew đã thận trọng tiết chế bớt tốc độ cùng sức mạnh của mình để uốn theo cho phù hợp thần kinh vận động của loài máu nóng. Cả Miriam, Marcus, Marthe và thậm chí Ysabeau cũng vậy. Còn cha anh thì rõ ràng không hề coi trọng chuyện đó.

“Con đã thể hiện lòng hiếu thảo của bốn phận rồi, Philippe,” Matthew sảng giọng. “Không còn lý do nào để lưu lại thêm và chúng con sẽ ổn khi đến Milan. Diana biết tiếng Tuscan.”

Nếu ý anh nói là tiếng Ý thì tôi có khả năng gọi món mỳ sợi trong nhà hàng và yêu cầu sách trong thư viện. Tôi không tin rằng chỉ như thế là đủ.

“Thật hữu ích đối với cô ấy. Nhưng đáng tiếc các con không tới Florence, sẽ mất một thời gian dài con mới được chào đón trở lại thành phố ấy, sau lần phiêu lưu phóng túng cuối cùng tại đó,” Philippe ôn tồn đáp. “Parlez-vous français, madame?”

“Oui,” tôi thận trọng trả lời, dĩ nhiên cuộc trò chuyện đang dùng phương thức đa ngôn ngữ thế này để chuyển hướng xấu đi.

“Hừm.” Philippe cau mày. “Dicunt mihi vos es philologus.”

“Cô ấy là một học giả,” Matthew gắt gỏng chen ngang. “Nếu bố muốn được nhắc lại về các bằng cấp chứng chỉ thì con sẽ vui lòng cung cấp, một cách riêng tư sau bữa sáng.”

“Loquerisne latine?” Philippe hỏi tiếp, như thể con trai ông chưa hề nói gì. “Milás elliniká?”

“Mea lingua latina est mala,” tôi đáp lại, đặt cốc xuống. Ánh mắt Philippe bắn ra một tia hoang mang trước câu trả lời giống như một học sinh sợ hãi của tôi, biểu cảm của ông khiến tôi rơi thẳng vào nỗi sợ Latin 101. Đặt văn bản về thuật giả kim bằng tiếng Latin trước mặt, tôi có thể đọc nó nhưng chưa từng được chuẩn bị cho một buổi đàm đạo.

Tôi lấy dũng khí để kiên trì, hy vọng bản thân đã suy luận chính xác câu hỏi thứ hai từ ông nhằm tìm ra lỗi hổng về tiếng Hy Lạp của tôi. “Tamen mea lingua graeca est peior.”

“Thế thì chúng ta sẽ không trò chuyện bằng cả ngôn ngữ này,” Philippe lẩm bẩm bằng giọng điệu rầu rĩ. Ông quay sang Matthew trong dáng vẻ phẫn nộ. “Den tha ekpaidéf-soun gynaíkes sto méllon?”

“Phụ nữ ở thời đại của Diana nhận được sự giáo dục nhiều hơn mức mà cha nghĩ, cha ạ,” Matthew trả lời. “Không chỉ là tiếng Hy Lạp.”

“Bọn họ không cần đến Aristotle trong tương lai sao? Hẳn là một thế giới kỳ quái. Ta thấy mừng vì mình không phải đối mặt với nó trong tương lai.”

Philippe ngửi bình rượu về nghi ngờ rồi quyết định chống lại cảm dỗ đó. “Diana sẽ phải nói thành thạo tiếng Pháp và tiếng La tinh hơn. Rất ít người hầu của chúng ta biết nói tiếng Anh, còn ở dưới nhà thì không kẻ nào biết cả.” Ông quăng một chùm chìa khóa nặng trĩu trượt trên bàn. Các ngón tay tôi tự động mở ra đón lấy.

“Tuyệt đối không được,” Matthew thốt lên và với tới giật lấy chùm chìa khóa từ tay tôi. “Diana sẽ không ở đây đủ lâu để phải bận tâm việc tề gia nội trợ.”

“Cô ấy là người phụ nữ có vị trí cao nhất tại Sept-Tours nên đó là nhiệm vụ. Ta nghĩ cô nên bắt đầu với việc bếp núc,” Philippe nói, chỉ vào chiếc chìa khóa lớn nhất. “Đó là chìa mở kho thực phẩm. Những cái khác mở cửa nhà làm bánh, nhà nấu bia, tất cả các phòng ngủ ngoại trừ phòng ta và mấy hầm rượu.”

“Chìa nào mở cửa thư viện ạ?” Tôi hỏi, tay mân mê bề mặt bằng sắt đã mòn của chùm chìa khóa cùng vẻ hứng thú.

“Chúng ta không khóa sách trong nhà này,” Philippe nói, “chỉ có thực phẩm, bia và rượu thôi. Đọc nhiều Herodotus hay Aquinas hiếm khi dẫn tới hành vi xấu.”

“Mọi việc đều có sự khởi đầu,” tôi thì thào đáp. “Tên người nấu ăn là gì ạ?”

“Đầu bếp.”

“Không, là tên thánh cơ,” tôi bối rối hỏi.

Philippe nhún vai. “Ông ta chịu trách nhiệm việc đó, nên ông ta là Đầu Bếp. Ta không bao giờ gọi bằng bất cứ cái tên nào khác. Còn con, Matthaios?” Cha và con trai trao đổi một ánh mắt khiến tôi lo lắng cho tương lai chiếc bàn chân niềng ngăn cách giữa bọn họ.

“Con nghĩ bác vẫn còn trách nhiệm với việc này. Nếu con gọi người nấu ăn là ‘Đầu Bếp’ thì con phải gọi bác là gì đây?” Giọng nói sắc lạnh của tôi tạm thời làm Matthew xao lãng, anh như chuẩn bị ném cái bàn sang bên và siết các ngón tay dài quanh cổ cha mình.

“Mọi người ở đây gọi là ‘ngài’ hoặc ‘cha’. Cô thấy thích cách nào hơn?” Câu hỏi của Phillippe êm ái tựa như lụa nhưng đầy nguy hiểm.

“Hãy gọi ông là Philippe,” Matthew quát ầm lên. “Ông đã được gọi qua bằng nhiều danh xưng khác, nhưng những cái phù hợp với ông nhất thì sẽ làm bỏng lưỡi em mất.”

Philippe cười hết cỡ với cậu con trai. “Ta thấy con đã không đánh mất tính hiếu chiến mỗi khi mất lý trí. Hãy để việc nhà lại cho người phụ nữ này và cùng ta đi cưỡi ngựa một vòng nào. Trông con thật èo uột, cần phải vận động đúng cách.” Ông xoa xoa hai bàn tay vào nhau đáng vẻ chờ đợi.

“Con sẽ không để Diana lại một mình,” Matthew phản bác. Anh chàng đang bồn chồn nghịch một lọ muối to tương bằng bạc, nó hẳn là tổ tiên của lọ muối nhỏ bé đặt bên cạnh cái bếp lò của tôi tại New Haven.

“Tại sao không?” Philippe vặn lại. “Alain sẽ đóng vai bảo mẫu.”

Matthew mở miệng định trả lời.

“Cha ạ?” Tôi ngọt ngào lên tiếng, cắt ngang cuộc trao đổi. “Con có thể nói chuyện riêng với chồng trước khi anh ấy gặp cha ở tàu ngựa được không ạ?”

Philippe nheo mắt. Ông đứng dậy, chậm rãi cúi đầu về phía tôi chào. Đây là lần đầu tiên ma cà rồng này cử động bằng tốc độ bình thường. “Dĩ nhiên, madame. Ta sẽ cử Alain đến giúp cô. Hãy tận hưởng sự riêng tư của mình đi – trong khi còn có nó.”

Matthew chờ đợi, mắt anh không rời tôi, tới khi cha anh ra khỏi phòng.

“Em làm sao thế, Diana?” Anh lặng lẽ hỏi khi tôi nhóm dậy và chậm chậm đi vòng qua bàn.

“Tại sao Ysabeau lại ở Trier?” tôi hỏi.

“Chuyện đó thì có vấn đề gì chứ?” Anh đánh trống lảng.

Tôi chửi thề y như một thủy thủ, khiến cho nét ngây ngô trên khuôn mặt anh biến mất. Đêm qua nằm một mình trong căn phòng nồng nặc mùi hương hoa hồng của Louisa, tôi có rất nhiều thời gian để suy ngẫm kỹ càng và để ghép từng mảnh sự kiện suốt những tuần qua lại, liên hệ chúng với những gì tôi đã biết về thời kỳ này.

“Có vấn đề đấy, bởi chẳng còn gì để làm tại Trier vào năm 1590 ngoại trừ việc săn lùng phù thủy!” Một người hầu hối hả đi xuyên qua phòng hướng về phía cửa trước. Vẫn còn hai người đàn ông đang ngồi bên lò sưởi, vì thế tôi hạ thấp giọng. “Đây không phải lúc thích hợp để bàn luận về vai trò hiện nay của cha anh trong hệ thống chính trị hiện thời, tại sao một hồng y giáo chủ Thiên Chúa giáo lại cho phép anh ra lệnh với ông ta ở vùng Mont Saint-Michel như thể nó là hòn đảo riêng của anh vậy, hay cái chết bi thảm của cha Gallowglass. Nhưng anh sẽ kể cho em nghe. Và chúng ta dứt khoát phải yêu cầu được có thời gian riêng tư sắp tới để anh giải thích rõ thêm về các khía cạnh mang tính kỹ thuật trong việc kết đôi của ma cà rồng.”

Tôi quay người bước đi. Anh chàng đợi tới lúc tôi đã đi đủ xa và nghĩ rằng có thể thoát rồi mới gọn gàng tóm lấy khuỷu tay và xoay tôi quay lại. Đây là vận động mang tính bản năng của động vật săn mồi. “Không, Diana. Chúng mình sẽ nói chuyện về cuộc hôn nhân này trước khi bất cứ ai trong hai ta rời khỏi căn phòng.”

Matthew hướng về phía những người hầu cuối cùng đang tùm tùm thưởng thức bữa ăn sáng. Một cú hất đầu của anh đã khiến họ chạy chối chết.

“Hôn nhân ư?” Tôi hỏi. Có thứ gì đó nguy hiểm lóe lên trong mắt anh.

“Em có yêu anh không, Diana?” Câu hỏi ôn tồn của Matthew khiến tôi ngạc nhiên.

“Có chứ,” tôi trả lời ngay lập tức. “Nhưng nếu chỉ là yêu anh thôi thì mọi chuyện đã thật đơn giản và chúng ta vẫn đang ở Madison.”

“Nó thật sự đơn giản.” Matthew đứng thẳng người. “Nếu em yêu anh, thì những lời cha nói chẳng có sức mạnh chia rẽ lời hẹn ước của chúng ta, không hơn gì việc Đại Hội Đồng bắt chúng ta tuân thủ theo bản thỏa ước kia.”

“Nếu anh thật sự yêu em, anh đã trao cho em bản thân anh. Cả thể xác lẫn linh hồn.”

“Chuyện đó không đơn giản như thế đâu,” Matthew rầu rĩ nói. “Ngay từ đầu anh đã cảnh báo em rằng một mối quan hệ với ma cà rồng sẽ rất phức tạp.”

“Philippe dường như không nghĩ thế.”

“Thế thì lên giường ông ấy đi. Còn nếu anh là điều em muốn, em sẽ phải đợi.” Matthew đã bình tĩnh, nhưng đó là sự yên ả của một dòng sông băng: cứng rắn và trơn tuột trên bề mặt nhưng sự điên cuồng và dữ dội ẩn ngay bên dưới. Anh vẫn dùng ngôn từ như một thứ vũ khí kể từ khi chúng tôi rời khỏi Chòi Gác Cổ. Anh đã xin lỗi khi lần đầu tiên tỏ ra thô lỗ, nhưng lần này thì không. Giờ anh đang ở cạnh cha mình, tấm lá chắn văn minh lịch sự của Matthew trở nên quá mỏng manh khi so với lòng hối tiếc – một cảm giác hiện hữu cũng rất con người.

“Philippe không phải tuýp của em,” tôi lạnh lùng đáp trả. “Tuy nhiên, anh có thể rộng lượng giải thích lý do em nên đợi không?”

“Bởi sẽ chẳng bao giờ có chuyện ma cà rồng li dị cả. Chỉ có kết đôi hoặc cái chết mà thôi. Một số ma cà rồng – bao gồm cả mẹ anh và Philippe – cũng chỉ tách riêng một thời gian nếu có” – anh ngừng lại giây lát rồi nói tiếp – “bất hòa. Họ đến với những người tình khác. Cùng thời gian và sự xa cách, họ dần loại bỏ đi những khác biệt rồi trở về bên nhau. Nhưng với anh sẽ không

có chuyện đó đâu.”

“Tốt. Đó cũng không phải lựa chọn của em đối với một cuộc hôn nhân. Nhưng em vẫn chưa thấy được lý do vì sao anh không sẵn lòng hoàn thiện mối quan hệ của chúng ta.” Anh đã thông tỏ “đường đi lối về” thân thể tôi và cả những phản ứng của nó bằng sự quan tâm cẩn thận từ một người tình. Hoàn toàn không phải tại tôi hay ý tưởng liên quan đến chuyện chăn gối khiến anh do dự.

“Vẫn còn quá sớm để kìm hãm sự tự do của em. Một khi anh đã hòa hợp bản thân trong em, sẽ không bao giờ còn có người tình hay sự chia cách nào nữa. Em cần phải chắc chắn liệu việc cưới một ma cà rồng có thật sự là điều em mong muốn không.”

“Anh đã chọn em, hết lần này tới lần khác, nhưng khi em cũng mong muốn tương tự thì anh lại cho rằng em không hiểu rõ trong lòng mình muốn gì là sao?”

“Anh đã có vô số cơ hội để hiểu rõ mong muốn của bản thân. Sự yêu quý mà em dành cho anh có thể chẳng hơn một phương cách nhằm giảm bớt nỗi lo sợ về những điều không biết rõ hay thỏa mãn khao khát nắm bắt thế giới các sinh vật khác người mà em đã chối bỏ từ lâu.”

“Sự yêu quý ư? Em yêu anh. Dù có thêm hai ngày hay hai năm cũng chẳng khác gì. Quyết định của em sẽ mãi mãi như thế.”

“Khác nhau ở chỗ anh sẽ không làm điều mà cha mẹ em đã làm!” Matthew bùng nổ, lấn át tôi. “Kết đôi với ma cà rồng cũng bị kìm hãm không kém gì việc bị phù thủy bỏ bùa mê đầu. Em đang sống tự do tự tại lần đầu tiên trong đời, nhưng lại sẵn sàng đánh đổi lấy một cái gông cùm khác. Hơn nữa gông cùm của anh không quấy rối như các câu chuyện cổ tích đâu, không bùa mê nào có thể tháo bỏ một khi đã bắt đầu.”

“Em là người yêu, chứ không phải tù nhân của anh.”

“Còn anh là một ma cà rồng, chứ không phải loài máu nóng. Bản năng kết đôi là nguyên thủy ban sơ nhất và rất khó kiểm soát. Toàn bộ sự tồn tại của anh sẽ dồn cả vào em. Không ai đáng phải chịu kiểu bị chú ý tàn nhẫn như thế cả, ít nhất là người phụ nữ anh yêu.”

“Vậy thì hoặc em phải sống mà không có anh, hoặc sẽ bị anh khóa trong một tòa tháp.” Tôi lắc đầu. “Đây là buổi trò chuyện đáng sợ, không có lý ấy đâu. Anh sợ mất em và việc ở bên Philippe càng khiến cho nỗi sợ đó tồi tệ hơn. Đẩy em ra xa sẽ không làm dịu đi nỗi đau nhưng nói chuyện về nó thì có thể đấy.”

“Giờ anh đang ở cùng cha mình, các vết thương trong lòng đều mở miệng và rỉ máu, anh không mau chóng lành lại như em hy vọng phải không?” Giọng nói Matthew lại trở nên tàn nhẫn. Tôi chau mày. Sự hối hận lại bùng lên trên khuôn mặt anh trước khi nó trở nên chai lì một lần nữa.

“Anh thà ở bất cứ nơi nào còn hơn phải ở đây. Em biết điều đó, Matthew. Nhưng Hancock đã đúng: em sẽ không thể ở lâu tại một nơi như London hay Paris, ở đó chúng mình có khả năng tìm được một phù thủy sẵn lòng trợ giúp. Tuy vậy, những phụ nữ kia sẽ nhận ra điểm khác biệt của em ngay lập tức, và họ không rộng lượng như Walter hay Henry. Em sẽ bị đưa tới chỗ nhà cầm quyền – hoặc Đại Hội Đồng – chỉ là vấn đề trong vài ngày thôi.”

Cái nhìn chăm chú sắc nhọn từ Matthew làm tăng thêm sức nặng cho lời cảnh báo của anh về việc tôi sẽ cảm thấy ra sao nếu là đối tượng nhận được thái độ hoàn toàn chú tâm từ một ma cà rồng. “Một phù thủy khác sẽ không bận tâm đâu,” anh bướng bỉnh nói, buông hai cánh tay tôi ra và quay người đi. “Còn anh có thể đối phó với Đại Hội Đồng.”

Khoảng cách chia tách Matthew và tôi đã kéo dài tới mức chúng tôi có lẽ đã ở hai mặt đối lập của thế giới này. Tôi thấy mình cô độc, người bạn đồng hành cũ giờ không còn cảm giác giống

một người bạn nữa.

“Chúng ta không thể như thế này mãi, Matthew. Không gia đình, không tài sản, và em hoàn toàn lệ thuộc vào anh,” tôi tiếp tục. Về quá khứ, các sử gia đã đứng ở một vài điểm, trong đó bao gồm sự yếu đuối gắn liền với việc là một phụ nữ, không có bè bạn và tiền bạc. “Chúng ta cần phải ở lại Sept-Tours cho tới lúc em có thể bước vào một căn phòng mà không thu hút mọi ánh mắt tò mò. Em phải có khả năng tự xoay sở. Hãy bắt đầu với những việc này đã.” Tôi giờ chùn chìa khóa lâu dài lên.

“Em muốn chơi trò nhà cửa?” Anh hỏi về ngờ vực.

“Em không phải đang chơi trò nhà cửa. Em đang chơi trò quản gia.” Matthew nhếch môi lên trước những lời tôi nói, nhưng nó không phải một nụ cười thật sự. “Đi đi. Hãy dành thời gian ở bên cạnh cha anh. Em sẽ bận bịu đến mức không thể nhớ anh đâu.”

Matthew bỏ ra tàu ngựa mà không hôn tôi cũng không nói một lời tạm biệt. Thiếu vắng những cử chỉ cam đoan thường lệ đó làm tôi cảm thấy bất an lạ lùng. Sau khi mùi của anh tản dần đi, tôi khe khẽ gọi Alain, không nghi ngờ gì, ông đến thật nhanh chóng, được Pierre tháp tùng. Họ hẳn đã nghe thấy từng lời chúng tôi trao đổi.

“Nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ không giúp che giấu ý nghĩ bản thân đâu, Pierre. Đó cũng là một trong những dấu hiệu nhận biết ít ỏi về chủ nhân của anh đấy, mỗi khi anh ấy làm thế, tôi biết anh ấy đang che giấu điều gì đó.”

“Dấu hiệu nhận biết ư?” Pierre nhìn tôi, vẻ bối rối. Trò chơi bài poke thời này vẫn chưa được phát minh.

“Dấu hiệu bên ngoài của một mối lo lắng trong tâm trí. Matthew nhìn đi hướng khác khi anh ấy bồn chồn lo lắng hoặc không muốn nói cho tôi biết điều gì đó. Và anh ấy còn vuốt tóc khi không biết phải làm gì. Những điều này chính là dấu hiệu nhận biết.”

“Đúng như vậy, madame.” Pierre nhìn tôi vẻ kính sợ. “Milord có biết bà dùng sức mạnh phù thủy làm năng lực tiên đoán để nhìn vào tâm hồn ngài ấy không? Madame de Clermont biết các thói quen này, cả những người anh em của milord và cha ngài ấy cũng biết. Nhưng bà mới chỉ quen ngài trong một thời gian ngắn mà lại biết được quá nhiều.”

Alain hắng giọng.

Pierre trông có vẻ khiếp sợ. “Tôi đã quên mất bản thân mình, thưa madame. Xin hãy tha thứ cho tôi.”

“Tính tò mò cũng là một phước lành. Và tôi đã dùng khả năng quan sát chứ không phải năng lực tiên đoán với chồng mình.” Chẳng có lý do nào mà không gieo những hạt mầm của Cách Mạng Khoa Học ngay lúc này. “Tôi nghĩ chúng ta sẽ thảo luận thoải mái hơn các vấn đề này trong thư viện.” Nói ra điều mình muốn là một cách đúng đắn.

Căn phòng nơi những thành viên nhà Clermont cất giữ hầu hết các cuốn sách của họ tái hiện nhiều đặc điểm thân quen nhất, tương tự lợi thế sân nhà đối với tôi ở Sept-Tours thế kỷ mười sáu này. Ngay khi được bao bọc trong mùi hương của giấy, da thuộc và đá, phần nào cảm giác đơn độc trong tôi đã biến mất. Đây là thế giới mà tôi biết.

“Chúng ta có một lượng lớn công việc phải làm đấy,” tôi khẽ nói, quay lại đối diện các gia nhân thân cận. “Đầu tiên, tôi sẽ yêu cầu cả hai người hứa một vài điều.”

“Một lời tuyên thệ ư, madame?” Alain nhìn tôi nghi ngại.

Tôi gật đầu. “Nếu tôi yêu cầu thứ gì đó mà cần phải có sự hỗ trợ từ đức ngài hoặc quan trọng

hơn, cần cha anh ấy, thì làm ơn nói cho tôi biết và chúng ta sẽ thay đổi phương thức giải quyết ngay lập tức. Họ không nên bận lòng lo lắng về những mối quan tâm nhỏ nhỏ này.”

Hai người đàn ông trông khá cảnh giác nhưng vẫn bị cuốn hút.

“Ồc,” Alain gật đầu đồng ý.

Dù khởi đầu tốt lành như vậy, nhưng cuộc họp nhóm đầu tiên vẫn đung phải đá tảng. Pierre từ chối ngồi khi có mặt tôi, còn Alain thì chỉ ngồi ghế nếu tôi làm thế. Nhưng án binh bất động mãi cũng không phải một lựa chọn, vì cơn thủy triều lo lắng về những trách nhiệm tại Sept-Tours vẫn đang dâng lên, nên ba chúng tôi hoàn thành việc lướt qua hết cả thư viện. Trong khi đi một vòng, tôi chỉ ra những cuốn sách được mang tới phòng Louisa, đọc thành tiếng lưu loát tron tru các nhu yếu phẩm cần thiết và ra lệnh rằng quần áo du lịch của mình phải được giao cho thợ may có khả năng cung cấp đầy một tủ phục trang cơ bản. Tôi sẽ mặc đồ của Louisa de Clermont thêm hai ngày nữa. Sau đó, tôi phải đe dọa dùng đến tủ đồ của Pierre để tìm quần ống chèn cùng bít tất dài. Cái viễn cảnh khiếm nhã thiếu đoạn chính như thế rõ ràng đã giáng một nỗi kinh sợ hãi hùng vào trái tim bọn họ.

Chúng tôi dành giờ thứ hai và thứ ba để thảo luận về các công việc trong nội bộ lâu đài. Tuy chưa có kinh nghiệm quản gia phức tạp rắc rối như thế này nhưng tôi biết cần phải hỏi những câu nào. Alain liệt kê kèm theo mô tả công việc của nhiều nhân viên chủ chốt, giới thiệu ngắn gọn về các nhân vật đứng đầu trong làng, bao gồm cả những người đang ở trong ngôi nhà vào thời điểm này, suy đoán về việc có thể mong đợi ai đến thăm trong vài tuần lễ tới.

Sau đó tất cả rút lui vào khu bếp, nơi lần đầu tiên tôi đối mặt với Đầu Bếp. Ông ta là con người, gầy nhom như một cây sậy và chẳng cao hơn Pierre mấy. Giống chàng thủy thủ Popeye, ông ta có hai cánh tay cơ bắp cuộn cuộn với kích cỡ của một tảng dăm bông. Tôi thấy đáng vẻ đó khi ông ta nâng một tảng bột nhào khổng lồ lên trên bề mặt phủ đầy bột và bắt đầu làm mịn nó. Giống tôi, Đầu Bếp chỉ có thể suy nghĩ lúc di chuyển hoạt động.

Trong khu nhà dưới hầm của người hầu, lời bàn tán về vị khách máu nóng ngủ trong một căn phòng gần phòng người đứng đầu gia tộc đã lan truyền đi. Cũng bởi vậy, họ suy đoán về mối quan hệ của tôi với milord và về việc tôi là loại sinh vật khác người nào, dựa vào mùi hương cùng thói quen ăn uống. Tôi bắt được mấy từ *sorcière* hay *masca*— tiếng Pháp và tiếng Occitan có nghĩa là phù thủy – khi chúng tôi bước vào khung cảnh địa ngục ồn ào hoạt động với hơi nóng hầm hập. Đầu Bếp đã tập hợp đội ngũ người làm lại, một số lượng đông đảo rất có tổ chức và là người Byzantine. Việc này mang đến cho họ cơ hội trực tiếp xem xét nghiên cứu tôi. Một số là ma cà rồng, số khác là con người. Một yêu tinh. Tôi cảm nhận được dấu hiệu thuộc về trực giác đảm bảo người phụ nữ trẻ tên gọi Catrine, cùng ánh mắt mở lớn hiếu kỳ liếc qua như thúc thẳng vào hai má tôi, đang được đối xử tử tế và được chăm sóc tới khi sức mạnh đi kèm sự yếu đuối trong cô ta bộc lộ rõ rệt hơn nữa.

Tôi đã quyết tâm chỉ nói tiếng Anh khi cần thiết, thậm chí chỉ với Matthew, cha anh, Alain và Pierre. Hậu quả là cuộc trao đổi giữa tôi với Đầu Bếp cùng các phụ tá của ông ta đầy rẫy những hiểu lầm. May mắn thay, Alain và Pierre đã nhẹ nhàng tháo gỡ các nút thắt khi tiếng Pháp của tôi và thứ tiếng Occitan trọng âm nặng trịch của họ lẫn lộn với nhau. Tôi từng có thời là kẻ giỏi ra dáng đoạn trang, tao nhã, giờ đã đến lúc hồi sinh lại những tài năng này. Tôi cho thêm vài cuốn từ điển vào danh sách mua sắm lần tới khi ai đó đến Lyon.

Đầu Bếp nhiệt tình sôi nổi hơn sau khi tôi ca ngợi kỹ thuật làm bánh của ông, tán dương sự trật tự trong bếp và đề nghị được thông báo ngay lập tức nếu ông cần bất cứ gì để hoàn thành công việc nấu nướng màu nhiệm của mình. Tuy nhiên, mối quan hệ tốt đẹp giữa chúng tôi được đảm bảo vào lúc tôi hỏi đến món ăn cũng như đồ uống ưa thích của Matthew. Đầu Bếp bắt đầu trở nên sinh động hẳn, ông ta vẩy vẩy hai bàn tay ngăn ngừa trong không trung, hùng biện về tình trạng xương cốt của milord, và đổ lỗi hoàn toàn cho người Anh cùng nghệ thuật bếp núc kém cỏi của họ.

“Chẳng phải tôi đã gửi Charles đến để trông coi các nhu cầu của ngài ấy ư?” Đầu Bếp hỏi bằng thứ tiếng Occitan nhanh như gió, tay nâng tảng bột nhào lên và đập xuống. Pierre thì thảo dịch nhanh nhất có thể. “Tôi đã mất người phụ tá tốt nhất của mình, chẳng còn gì cho người Anh cả! Milord có một cái dạ dày rất kén ăn và ngài ấy phải bị giục mới ăn không thì sẽ gầy gò ốm yếu thôi.”

Tôi thay mặt người Anh xin lỗi rồi hỏi xem chúng tôi có thể làm gì để đảm bảo Matthew khỏe mạnh lên, mặc dù ý nghĩ chồng mình thêm cường tráng thật đáng báo động. “Anh ấy thích món cá làm hơi tái, phải không, cả thịt thú rừng cũng thế?”

“Milord cần máu. Và ngài ấy sẽ không dùng món đó trừ phi nó được sửa soạn như thế.”

Đầu Bếp dẫn tôi vào phòng chứa, nơi các con thú đã chết treo lơ lửng phía trên những máng bạc nhằm hứng máu chảy xuống từ phần cổ bị cắt tiết.

“Chỉ có bạc, thủy tinh hoặc đồ sứ là được dùng để gom máu cho milord, nếu không ngài ấy sẽ không dùng,” Đầu Bếp nhấn mạnh bằng một ngón tay trở thẳng lên.

“Tại sao?” Tôi hỏi.

“Các loại bình chén khác làm máu bị hư nên mùi vị sẽ hôi. Cái này là tinh khiết. Ngửi mà xem,” Đầu Bếp hướng dẫn rồi đưa tôi một chiếc cốc. Bụng tôi sôi lên trước mùi kim loại tanh tanh, tôi vội che miệng và mũi lại. Alain di chuyển cốc máu đi, nhưng tôi ngăn ông ta lại bằng một cái lừ mắt.

“Làm ơn cứ tiếp tục, Đầu Bếp.”

Đầu Bếp tặng tôi một ánh mắt tán dương rồi bắt đầu miêu tả các món cao lương mỹ vị khác tạo nên thực đơn hàng ngày của Matthew. Ông ta kể về tình yêu của Matthew dành cho nước luộc thịt bò pha với rượu mạnh hay gia vị và món ngỗng. Matthew sẽ ăn máu gà gô, miễn là nó chỉ có một lượng nhỏ và không vào thời điểm quá sớm trong ngày. Quý bà de Clermont không quá cầu kỳ kiểu cách, Đầu Bếp nói kèm theo cái lắc đầu sâu não, nhưng bà lại không truyền cho con trai khẩu vị ngon miệng thật ấn tượng ấy.

“Không,” tôi nói nhanh, nghĩ đến chuyến đi săn với Ysabeau.

Đầu Bếp nhúng ngón tay vào chiếc cốc bạc rồi giơ lên cao, ngắm nhìn sắc đỏ lung linh trong ánh sáng trước khi đưa vào miệng để vị máu tươi cuộn trên đầu lưỡi. “Máu hươu là món khoái khẩu của ngài ấy, dĩ nhiên là thế. Nó không nhiều chất như máu người, nhưng có vị tương tự.”

“Tôi có thể thử không?” Tôi ngập ngừng hỏi, vươn ngón tay út của mình về phía chiếc cốc.

Cảm giác nhộn nhạo quay lại trong dạ dày. Có lẽ vị máu hươu sẽ khác.

“Milord sẽ không thích thế đâu, bà de Clermont,” Alain nói, vẻ lo lắng thấy rõ.

“Nhưng anh ấy không ở đây,” tôi đáp, liền nhúng đầu ngón tay út vào cốc. Máu thật đặc và tôi đưa nó lên mũi ngửi giống Đầu Bếp đã làm. Matthew cảm nhận mùi gì? Anh ấy thấy được hương vị gì?

Khi ngón tay đưa qua môi, các giác quan của tôi bị ngập lụt trong trận lũ thông tin: gió trên đỉnh núi dốc đứng, cảm giác thoải mái của chiếc giường bằng lá trong một cái hốc giữa hai thân cây, tận hưởng niềm vui chạy nhảy tự do. Cùng với tất cả điều đó là một nhịp đập đều đặn vang rền như sấm. Một nhịp đập, một trái tim.

Trải nghiệm về cuộc sống của chú hươu này mờ nhạt đi quá nhanh. Tôi đưa ngón tay ra cùng niềm khao khát điên cuồng muốn biết nhiều hơn nữa, nhưng bàn tay Alain đã ngăn tôi lại. Con

đôi thông tin găm nhấm, giày vò tôi, sự dữ dội của nó giảm bớt đi khi vệt máu cuối cùng tan trong miệng.

“Có lẽ madame nên trở lại thư viện ngay bây giờ,” Alain gợi ý, trao cho Đầu Bếp ánh mắt cảnh cáo.

Trên đường ra khỏi khu nấu nướng, tôi bảo Đầu Bếp phải làm những gì khi Matthew và Philippe trở về từ chuyến cưỡi ngựa. Tất cả đang xuyên qua hành lang đá dài thì tôi đột ngột dừng khựng lại trước một cánh cửa thấp để mở. Pierre né kíp, suýt nữa đâm vào tôi.

“Đây là phòng của ai?” Tôi hỏi, cổ họng se thắt lại trước mùi hương các loại thảo mộc treo lơ lửng xuống từ xà nhà.

“Nó là của người đàn bà bên cạnh bà de Clermont,” Alain giải thích.

“Marthe,” tôi thở hắt ra, bước qua bậc cửa. Những chiếc ấm bằng đất nung đứng thành hàng ngăn nắp trên giá và sàn phòng được quét tước sạch sẽ. Có thứ gì như thuốc bạc hà thì phải? – thoảng trong không khí, gợi nhớ đến mùi hương mà đôi khi vẫn vương vất trong những bộ quần áo của người quản gia. Khi tôi quay lại, ba người bọn họ đang đứng cả đám trên lối cửa.

“Cánh đàn ông không được phép vào đây, madame,” Pierre thú nhận, ngoái nhìn qua vai như sợ rằng Marthe có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. “Chỉ có Marthe và tiểu thư Louisa lui tới phòng chưng cất. Thậm chí cả bà de Clermont cũng không quấy rầy nơi này.”

Ysabeau không chấp nhận những phương thuốc thảo dược của Marthe – điều này thì tôi biết. Marthe không phải phù thủy, nhưng các loại thuốc độc bà làm chỉ kém toàn bộ cổ học của dì Sarah một chút thôi. Mắt tôi quét khắp căn phòng. Trong bếp có nhiều việc để làm hơn là nấu nướng, và ở thế kỷ mười sáu có nhiều thứ để học hơn là công việc quản gia và kiểm soát phép thuật của chính tôi.

“Tôi muốn dùng phòng chưng cất này trong khi ở Sept-Tours.”

Alain nhìn tôi lạnh nhạt. “Sử dụng nó ư?”

Tôi gật đầu. “Cho công việc về thuật giả kim. Làm ơn mang hai thùng rượu vang vào đây cho tôi – càng lâu năm càng tốt, nhưng vẫn chưa thành giấm nhé. Tôi sẽ ở đây một mình trong chốc lát để sắp xếp kiểm kê các thứ trong này.”

Pierre và Alain nhấp nhóm lo lắng trước tình huống phát sinh ngoài mong đợi. Sau khi cân đo ý chí kiên quyết của tôi cùng vẻ thiếu chắc chắn từ những người đồng sự, Đầu Bếp nắm quyền chủ động, đẩy cánh đàn ông về phía nhà bếp.

Khi tiếng làu bàu từ Pierre nhỏ dần, tôi tập trung vào mọi thứ xung quanh. Chiếc bàn gỗ trước mặt bị sứt sẹo do hàng trăm nhát dao đã bổ xuống để cắt lá khỏi thân cây. Tôi lướt ngón tay dọc theo một đường khía và đưa lên mũi.

Mùi hương thảo. Dành cho sự hồi tưởng.

“Nhớ không?” Đó là giọng nói của Peter Knox, pháp sư thời hiện đại, kẻ đã chế nhạo tôi bằng những ký ức về cái chết của chính cha mẹ tôi và muốn chiếm Ashmole 782 cho bản thân. Quá khứ cùng hiện tại tại một lần nữa va chạm nhau, tôi liếc thấy ở góc phòng cạnh lò sưởi. Những sợi màu xanh lam và mã não đúng như tôi mong đợi. Tuy vậy còn một thứ gì khác, một sinh vật khác người nào từ một khoảng thời gian khác. Những ngón tay có mùi hương thảo của tôi đưa tới nhấm liên kết với nó, nhưng đã quá muộn. Dù là ai chăng nữa cũng đã biến mất, góc phòng trở lại bình thường, đầy bụi bặm.

Nhớ.

Giờ là giọng nói của Marthe vang vọng trong trí nhớ, bà đang gọi tên các loại thảo mộc và hướng dẫn tôi lấy mỗi thứ một chút để làm thành một loại trà uống. Nó sẽ ngăn chặn việc thụ thai, mặc dù tôi không hề biết khi lần đầu nếm thức uống nóng đó. Các thành phần cho món trà chắc chắn có ở đây, trong phòng chung cất của Marthe.

Chiếc hộp gỗ giản dị nằm trên giá cao nhất, an toàn tránh xa khỏi tầm với. Kiễng mũi chân, tôi đưa tay lên hướng niềm mong mỏi của mình về phía chiếc hộp giống như đã từng làm để gọi một cuốn sách trên giá sách trong thư viện Bodleian. Chiếc hộp ngoan ngoãn trượt về trước tới khi ngón tay tôi có thể chạm vào các góc hộp gỗ. Tôi đỡ lấy nó, nhẹ nhàng đặt xuống bàn.

Nắp hộp hé mở để lộ ra mười hai ngăn bằng nhau, mỗi ngăn chứa đầy một loại nguyên liệu. Mùi tây. Gừng. Cúc tây. Hương thảo. Ngải đắng. Hạt cà rốt. Ngải cứu. Bạc hà hăng. Bạch chỉ. Củ uly hương. Cúc ngải. Rễ bách xù. Marthe đã được trang bị thật tốt để giúp các phụ nữ trong làng hạn chế việc sinh đẻ. Tôi chạm vào từng loại nguyên liệu và thấy hài lòng vì mình nhớ được tên cùng mùi hương của chúng. Tuy nhiên, cảm giác thỏa mãn nhanh chóng biến thành nỗi xấu hổ. Tôi chẳng biết gì khác – không biết tuần trăng chính xác để gom chúng lại hay những tác dụng phép thuật khác của chúng. Dĩ Sarah chắc sẽ biết. Bất cứ người phụ nữ nào ở thế kỷ mười sáu cũng đều biết.

Tôi cố thoát khỏi nỗi niềm tiếc nuối đó. Vì bây giờ tôi biết những thảo mộc này có công dụng như thế nào nếu tôi nhúng chúng vào nước nóng hoặc rượu vang. Tôi kẹp chiếc hộp dưới cánh tay rồi đến nhà bếp. Alain đã ở đó.

“Bà xong việc ở đây chưa, madame?”

“Xong rồi, Alain. Mercés, Đầu Bếp,” tôi nói.

Trở lại thư viện, tôi cẩn thận đặt chiếc hộp vào góc bàn của mình rồi lôi một tờ giấy trắng ra. Sau khi an vị, tôi lấy ra một chiếc lông ngỗng từ giá cắm bút.

“Đầu Bếp nói rằng thứ Bảy tới sẽ là tháng Mười Hai. Tôi không đề cập chuyện đó trong bếp, nhưng ai có thể giải thích giúp làm thế nào mà tôi nhầm lẫn nửa cuối tháng Mười Một được nhỉ?” Tôi chấm bút vào lọ mực đen, nhìn Alain vẻ chờ đợi.

“Người Anh từ chối niên lịch mới của giáo hoàng,” ông chậm rãi nói, như thể đang trò chuyện với một đứa trẻ con. “Bởi vậy chỉ mới là ngày mười bảy tháng Mười Một ở bên đó, nhưng là ngày hai mươi bảy tháng Mười Một tại nước Pháp này.”

Tôi du hành ngược thời gian hơn bốn thế kỷ mà chẳng mất dù chỉ một giờ đồng hồ, thế mà chuyến đi từ nước Anh của nữ hoàng Elizabeth đến nước Pháp đang bị chiến tranh giày xéo lại tiêu tốn của tôi gần ba tuần lễ thay vì mười ngày. Tôi buông một tiếng thở dài và viết ngày tháng chính xác lên đầu trang giấy. Chiếc bút chững lại.

“Điều đó có nghĩa là Mùa Vọng sẽ bắt đầu vào ngày Chủ Nhật.”

“Oui. Dân làng – dĩ nhân là cả milord – sẽ ăn chay cho tới đêm trước lễ Giáng Sinh. Toàn gia sẽ ăn điểm tâm chay cùng seigneur vào ngày mười bảy tháng Mười Hai.” Ma cà rồng ăn chay thế nào nhỉ? Kiến thức của tôi về các dịp lễ tôn giáo đạo Tin Lành chẳng giúp được là mấy.

“Chuyện gì diễn ra vào ngày mười bảy thế?” Tôi hỏi, cũng đánh dấu cả ngày hôm ấy.

“Đó là lễ hội thần Saturnalia từ thời La Mã cổ, madame,” Pierre đáp, “lễ hội để dâng lên vị thần mùa màng. Sieur Philippe vẫn coi trọng các cách thức cũ này.”

“Cổ xưa” thì sẽ chính xác hơn. Lễ hội Saturnalia đã không còn được tiến hành từ cuối thời Đế Chế La Mã. Tôi day day sống mũi, cảm thấy quá mức choáng ngợp. “Chúng ta hãy bắt đầu nào,

Alain. Chính xác thì chuyện gì sẽ diễn ra trong nhà vào dịp cuối tuần tới hả?”

Sau ba mươi phút bàn bạc và hơn ba tờ giấy viết kín, tôi được ngồi một mình giữa những cuốn sách và giấy tờ ngổn ngang, kèm theo cơn đau đầu đang dội thành thác. Một lúc sau, tôi nghe thấy tiếng ồn ào ngoài đại sảnh, tiếp đến là giọng cười trầm thấp. Giọng nói thân quen, không hiểu sao lại giàu âm điệu và ấm áp hơn tôi từng biết, cất tiếng chào to.

Matthew.

Trước khi tôi kịp để mở giấy tờ sang một bên, anh đã ở đó rồi.

“Cuối cùng em đã nhận ra anh đi mất rồi phải không?” Gương mặt Matthew đã hồng hào lên đôi chút. Các ngón tay anh kéo giãn một sợi tóc xoăn khi kéo cổ tôi và gấn một nụ hôn lên môi tôi. Không có máu trên lưỡi anh, chỉ có hương vị của gió và bầu không khí ngoài trời. Matthew đã cưới ngựa, nhưng không đi ăn. “Anh xin lỗi vì mọi việc xảy ra lúc sớm, mon coeur,” anh thì thầm vào tai tôi. “Tha lỗi cho anh vì đã cư xử quá tệ nhé.” Chuyển cưới ngựa đã vực dậy tinh thần Matthew, còn thái độ của anh với cha mình thì lần đầu tiên tỏ ra tự nhiên mà không bị gò ép.

“Diana,” Philippe nói, bước ra từ phía sau cậu con trai. Ông vớ lấy quyển sách gần nhất rồi mang nó đến bên bếp lửa, giở lướt qua các trang. “Cô đang đọc *The History of the Franks* – không phải lần đầu tiên, ta tin thế. Cuốn sách sẽ thú vị hơn, tất nhiên, nếu mẹ của Gregory tiên tri thấy trước việc nó được viết ra. Tiếng Latin của Armentaria là ấn tượng nhất đấy. Lúc nào nhận các lá thư từ bà ấy cũng thật thú vị.”

Tôi chưa bao giờ đọc về Gregory trong cuốn sách nổi tiếng của Tours phần viết lịch sử nước Pháp, nhưng chẳng có lý do gì mà Philippe lại biết được điều đó.

“Khi cậu ta và Matthew nhập học ở Tours, Gregory nổi tiếng của cô mới là một cậu bé mười hai tuổi. Matthew còn già hơn ông thầy giáo rất nhiều, chẳng bao giờ thèm để tâm đến những học sinh khác, cũng không bao giờ cho phép các thằng nhóc đề đầu cưới cổ nó khi đến giờ giải lao.” Philippe quét qua các trang. “Phần về tên khổng lồ ở đâu nhỉ? Đó là phần ta yêu thích.”

Alain bước vào, bưng một cái khay cùng hai chiếc cốc bạc. Ông ta đặt chúng lên bàn bên cạnh lò sưởi.

“Merci, Alain.” Tôi ra hiệu về phía cái khay. “Cả hai chắc đã đói rồi. Đầu Bếp đã mang bữa ăn cho hai người. Tại sao anh không kể cho em nghe về buổi sáng của mình nhỉ?”

“Anh không cần...” Matthew bắt đầu nói. Cả cha anh và tôi cùng thốt lên những âm thanh bực bội. Philippe kiềm chế tôi bằng một cử chỉ nghiêng đầu nhẹ nhàng.

“Có, anh có đói,” tôi nói. “Đó là máu gà gô, anh hẳn có thể ăn vào giờ này. Em hy vọng anh sẽ đi sẵn vào ngày mai, mặc dù, cũng là thứ Bảy. Nếu anh định ăn kiêng trong bốn tuần tới, thì phải ăn trong khi còn có thể.” Tôi cảm ơn Alain, ông gật đầu cúi chào, phóng ánh mắt giấu giếm về phía chủ nhân của mình, rồi vội vã rời đi. “Của cha là máu hươu, Philippe. Nó mới được rút ra sáng nay thôi.”

“Em biết gì về máu gà gô và việc ăn chay?” Các ngón tay Matthew dịu dàng kéo giãn lọn tóc quăn của tôi. Tôi ngược nhìn vào đôi mắt màu xám xanh lá của chồng mình.

“Nhiều hơn em biết vào ngày hôm qua.” Tôi trả tự do cho mái tóc trước khi đưa anh chiếc cốc.

“Ta sẽ dùng bữa của mình ở nơi khác,” Philippe xen vào, “và để cho hai đứa tranh cãi.”

“Không có tranh cãi nào cả. Matthew phải giữ sức khỏe. Hai người đã đi cưới ngựa ở đâu thế ạ?” Tôi nhắc cốc máu hươu lên và đưa nó ra cho Philippe.

Sự chú ý của Philippe di chuyển từ chiếc cốc bạc tới khuôn mặt con trai và quay trở lại phía tôi. Ông tặng tôi một nụ cười sáng bừng và ánh mắt vẻ tán thưởng. Đón lấy chiếc cốc, ông giờ cao lên trong tư thế chào mừng.

“Cảm ơn, Diana,” Philippe đáp, giọng đầy vẻ thiện chí.

Nhưng đôi mắt quái đản kia không để sót bất cứ điều gì, luôn dõi theo tôi khi Matthew kể lại buổi sáng của bọn họ. Trực giác mạnh mẽ báo cho tôi biết khi nào sự chú ý phía Philippe di chuyển sang con trai ông. Tôi không thể kháng cự lại việc liếc nhìn để xem liệu có thể thấy ông đang suy nghĩ gì. Ánh mắt chúng tôi luôn chạm nhau. Đó là lời cảnh cáo không thể nhầm lẫn.

Philippe de Clermont đang định làm điều gì đó.

“Em thấy trong bếp thế nào?” Matthew hỏi, chuyển hướng trò chuyện về phía tôi.

“Thú vị lắm,” tôi đáp, bắt gặp ánh mắt sắc lẹm đầy thách thức của Philippe. “Cực kỳ thú vị.”

10.

Philippe là người rất hấp dẫn, nhưng ông ấy cũng đang nổi điên và khó nắm bắt – y như Matthew đã báo trước.

Sáng hôm sau, Matthew và tôi đang ở trong đại sảnh thì vị cha chồng dường như hiện ra từ không khí. Chẳng còn gì phải thắc mắc khi con người nghĩ ma cà rồng có thể biến đổi hình dạng thành dơi. Tôi nhắc lên một xiên bánh mỳ nướng từ phần trứng luộc lòng đào vàng óng của mình.

“Chào buổi sáng, Philippe.”

“Diana.” Philippe gật đầu. “Đi nào, Matthew. Con phải ăn thôi. Vì con sẽ không làm thế trước mặt vợ mình, nên chúng ta sẽ đi sẵn.”

Matthew ngần ngại, liếc nhìn tôi rồi quay đi ngay. “Có lẽ nên để ngày mai.”

Philippe khẽ cắn nhả gì đó rồi lắc lắc đầu. “Con phải đáp ứng những nhu cầu của chính mình đã, Matthaïos. Một manjasang chết đói và kiệt sức không phải là một người bạn đồng hành du lịch lý tưởng cho bất cứ ai, ít nhất là đối với một phù thủy máu nóng.”

Hai người đàn ông bước vào sảnh, giậm mạnh chân rũ tuyết khỏi ủng của họ. Không khí mùa đông lạnh buốt cuộn cuộn luồn quanh bức bình phong bằng gỗ và xuyên qua các bức chạm khắc tựa như ren. Matthew ném về phía cửa ra vào ánh mắt mong ngóng. Những con hươu đang chạy đuổi ngang qua khung cảnh đóng băng sẽ không chỉ cung cấp thức ăn cho cơ thể anh – nó còn khiến đầu óc anh minh mẫn. Và nếu ngày hôm qua có xuất hiện bất cứ dấu hiệu nào thì anh cũng trong tâm trạng tốt hơn khi quay trở lại.

“Đừng lo lắng cho em. Em có rất nhiều việc để làm,” tôi nói, cầm lấy bàn tay anh siết chặt để anh yên lòng.

Sau bữa sáng, Đầu Bếp thảo luận cùng tôi về thực đơn cho buổi tiệc trước Mùa Chay ngày thứ Bảy. Khi việc này đã xong, tôi bàn bạc chuyện vá áo với những thợ may trong làng. Cứ theo lối hồng tiếng Pháp của bản thân, tôi e mình đã đặt cả một rạp xiếc mất rồi. Đến cuối buổi sáng, tôi đã hết hy vọng có được chút không khí trong lành nên thuyết phục Alain đưa mình đi xem một vòng các xưởng trong sân lâu đài. Trong lâu đài chẳng thiếu thứ gì, từ nền đất đến nước uống, đều có thể tìm thấy ở đây. Tôi cố gắng ghi nhớ từng chi tiết xem thợ rèn nấu chảy kim loại như thế nào, hiểu được rằng kiến thức này có thể sẽ hữu ích khi tôi trở về cuộc sống thực trong vai trò một sử gia.

Ngoại trừ những khoảng thời gian dành cho tòa lâu đài, một ngày của tôi cho tới bây giờ là điển hình cuộc sống của một phụ nữ quý tộc thời đại này. Tự cảm thấy bản thân đã thích nghi hơn, tôi dành vài tiếng đồng hồ thoải mái đọc sách và luyện viết chữ. Khi nghe nói các nhạc sĩ đang dàn dựng cho buổi yến tiệc cuối cùng trước tháng ăn chay, tôi bèn yêu cầu họ dạy một bài khiêu vũ. Sau đó, tôi tự thết đãi bản thân một chuyến phiêu lưu trong phòng trưng cất và nhanh chóng tìm thấy niềm vui bằng một chiếc nôi chưng cất đôi hoành tráng, một bộ chưng cất bằng đồng và một thùng nhỏ rượu vang lâu năm. Hai chàng trai trẻ đã mượn từ phòng bếp cặp ống bể bằng da để giữ cho than hồng trong lò sưởi cháy bùng lên mỗi khi Thomas và Étienne cời lửa.

Việc sống trong quá khứ cho tôi một cơ hội hoàn hảo thực hành những gì mình mới biết về mặt lý thuyết. Sau khi đảo qua những dụng cụ của Marthe, tôi quyết định làm ra rượu cồn, chất cơ bản được dùng trong các quy trình luyện thuật giả kim. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc tôi đã ngồi oán thán nguyên rủa.

“Cái thứ này sẽ không bao giờ ngưng tu đúng cách mất,” tôi cúi kính nói, nhìn làn hơi nước thoát ra từ vạc chưng cất. Các cậu bé phụ bếp, dù không biết tiếng Anh, cũng tạo ra tiếng ồn ào cảm thông trong khi tôi tham khảo một bộ sách lờ ra từ thư viện của nhà de Clermont. Trên các giá ở đó có đủ loại sách thú vị. Một trong số chúng hẳn phải giải thích cách sửa những khe rò rỉ này.

“Madame?” Alain khẽ gọi từ ngoài cửa.

“Gì vậy?” Tôi quay lại, dùng hai tay vuốt phẳng cả mớ những nếp gấp trên chiếc váy lót vải lanh.

Alain bao quát cả căn phòng mà kinh hãi. Chiếc áo choàng không tay sẫm màu được vắt lên lưng chiếc ghế bành gần đó, mấy ống tay áo bằng nhung nặng nề nằm xếp nếp trên thành một cái ấm đồng, còn vạt trên của áo dài thì lủng lẳng treo rủ xuống từ trần nhà nhờ cái móc treo ấm thật tiện dụng. Mặc dù theo chuẩn mực tại thế kỷ mười sáu thì tôi đang không mặc gì cả, nhưng thực ra tôi vẫn mặc một chiếc coóc-sê cùng chiếc áo lót bằng vải lanh cao cổ dài tay và một chiếc váy trùm dài lưng thụng – nhiều vải vóc hơn rất nhiều so với những gì tôi thường mặc để lên giảng đường. Dù cảm thấy trần trụi, tôi vẫn vênh cảm thách thức Alain dám nói dù chỉ một từ. Ông ta tức thời quay nhìn đi chỗ khác.

“Đầu Bếp không biết làm gì cho bữa tối ngày hôm nay,” Alain lên tiếng.

Tôi cau mày. Đầu Bếp lúc nào cũng biết phải làm gì chứ.

“Mọi người đều đói và khát, nhưng họ không thể ngồi xuống nếu không có bà. Chỉ cần một thành viên của gia đình ở Sept-Tours, thì người đó phải chủ trì bữa tối. Đó là truyền thống ạ.”

Catrine xuất hiện với chiếc khăn lông và một cái tô lớn. Tôi nhúng các ngón tay vào làn nước ấm, thơm mùi oải hương.

“Mọi người đợi bao lâu rồi?” Tôi lấy chiếc khăn từ cánh tay Catrine. Cả đại sảnh đầy ắp các sinh vật máu nóng đói ngấu, lẫn một số lượng tương đương ma cà rồng chết đói không thể là chuyện khôn ngoan được. Sự tự tin mới tìm thấy trong khả năng điều hành gia tộc de Clermont đã bốc hơi mất hút.

“Hơn một giờ đồng hồ ạ. Họ sẽ còn tiếp tục đợi cho tới khi có lời nhắn từ dưới làng rằng Roger sẽ đóng cửa vào ban đêm. Anh ta điều hành quán rượu. Trời thì lạnh, và còn lâu mới đến bữa sáng. Sieur Philippe khiến tôi tin rằng...” Tiếng ông ta tắt dần chuyển thành sự im lặng hồi lỗi.

“Vite,” tôi nói, chỉ về phía đồng váy áo bị vứt lăn lóc. “Cô phải mặc đồ cho tôi, Catrine.”

“Bien sûr.” Catrine đặt cái tô lớn xuống rồi hướng về phía vạt áo trên bị treo lơ lửng. Vết mực bẩn lớn trên đó đã đặt dấu chấm hết cho hy vọng muốn tỏ ra đứng đắn chỉnh tề của tôi.

Lúc bước vào sảnh, các dây ghế dài kèn kẹt cọ vào sàn đá khi hơn ba tá sinh vật cùng đứng lên. Có tiếng chỉ trích đầu đó. Khi đã ngồi vào chỗ, họ đánh chén bữa ăn bị trì hoãn cùng vẻ hưởng thụ khoái trá, trong lúc tôi nhặt từng phần của cái chân gà và gạt đi hết mọi thứ khác.

Sau khoảng thời gian dài tưởng như vô tận, Matthew và cha anh quay lại. “Diana!” Matthew vòng qua tấm bình phong gỗ, bối rối khi thấy tôi đang ngồi ở ghế chủ tọa trong bàn ăn gia đình. “Anh tưởng em đang trên lầu, hoặc trong thư viện cơ.”

“Em nghĩ mình ngồi đây thì lịch sự hơn, khi cân nhắc đến rất nhiều việc Đầu Bếp đã làm để chuẩn bị cho bữa ăn này.” Ánh mắt tôi di chuyển đến chỗ Philippe.

“Buổi đi săn của cha thế nào, Philippe?”

“Tương đối. Nhưng máu động vật nhiều chất quá.” Ông gật đầu ra hiệu cho Alain và ánh mắt lạnh lẽo thúc vào cái cổ áo cao của tôi.

“Đủ rồi.” Mặc dù tiếng nói trầm thấp, nhưng ý cảnh cáo trong tông giọng Matthew không thể nhầm lẫn. Những cái đầu quay về phía anh. “Em đáng lẽ nên chỉ thị cho họ bắt đầu ăn mà không cần có chúng ta. Để anh đưa em lên lầu, Diana.” Những mái đầu lại xoay về phía tôi, chờ đợi câu trả lời.

“Em chưa ăn xong,” tôi đáp, ra hiệu về phía cái đĩa của mình, “những người khác cũng thế. Ngồi cạnh em và dùng chút rượu đi.” Matthew có thể là một chàng hoàng tử thời Phục Hưng từ trong ra ngoài, nhưng tôi sẽ không làm cái đuôi để anh bảo gì nghe nấy đâu. Matthew ngồi xuống bên cạnh trong khi tôi cố ép mình nuốt mấy miếng thịt gà.

Khi không khí căng thẳng đã quá mức chịu đựng, tôi nhắc người lên. Một lần nữa, những chiếc ghế băng cà xuống sàn đá lúc tất cả cùng đứng dậy.

“Ăn xong nhanh thế?” Philippe hỏi vẻ ngạc nhiên. “Vậy thì chúc ngủ ngon, Diana. Matthew, con sẽ quay trở lại đây ngay nhé. Bất chợt ta rất muốn chơi cò vua.”

Matthew phớt lờ cha anh và đưa cánh tay ra cho tôi. Chúng tôi không nói lời nào khi đi ngang qua đại sảnh rồi leo lên khu phòng gia đình. Đến cửa phòng tôi, cuối cùng Matthew cũng lấy lại vẻ kiểm soát thường lệ và trò chuyện với tôi.

“Philippe đang đối xử với em như một quản gia đáng tuyên dương. Thật quá quái!”

“Cha anh đang đối xử với em như một người phụ nữ ở thời đại này. Em sẽ xoay sở được, Matthew à.” Tôi ngừng lại, gom hết can đảm. “Lần cuối cùng anh ăn một sinh vật đi bằng hai chân là khi nào?” Tôi đã ép anh phải dùng máu của tôi trước khi cả hai rời Madison, ngoài ra có một vài sinh vật máu nóng vô danh ở Canada. Vài tuần trước đây, Matthew giết Gillian Chamberlain ở Oxford. Có thể anh cũng đã uống máu cô ta. Nếu không phải vậy thì tôi tin chẳng có một giọt máu nào khác ngoài máu động vật đi qua đầu lưỡi anh trong vài tháng qua.

“Sao em lại hỏi thế?” Giọng Matthew sắc lạnh.

“Philippe nói anh không được khỏe như mọi khi.” Tay tôi siết chặt tay anh. “Nếu anh cần phải ăn và không muốn uống máu từ một người xa lạ, thì em muốn được anh lấy máu.”

Trước khi Matthew kịp đáp lời, một tiếng cười bị nén lại vọng lên từ cầu thang. “Cẩn thận đấy, Diana. Majasang chúng ta có những đôi tai rất thính. Mời chào máu của cô trong ngôi nhà này và hai người sẽ chẳng thể giữ cho bầy sói tránh xa được đâu.” Philippe đang đứng tựa lên khung cửa vòm khắc vào đá với hai tay khoanh trước ngực.

Matthew quay phắt lại, giận dữ. “Đi đi, Philippe.”

“Cô phù thủy này thật khinh suất. Trách nhiệm của ta là phải trông chừng cả mạch máu của cô ấy. Nếu không thì cô nàng có thể hủy hoại chúng ta mất.”

“Cô ấy là của con,” Matthew lạnh lùng đáp.

“Chưa phải,” Philippe nói, bước xuống các bậc thang lắc đầu về tiếc nuối. “Có thể là không bao giờ.”

Sau lần đối đầu đó, Matthew thậm chí càng cảnh giác và tỏ ra xa cách hơn. Ngày kế tiếp, anh giận dữ cha mình, nhưng thà rằng sự thất vọng được bộc lộ trước chính ngọn nguồn gây ra nó còn hơn, Matthew nổi quạu với mọi người khác: tôi, Alain, Pierre, Đầu Bếp cũng như bất cứ sinh vật nào bất hạnh đi ngang qua trước mặt anh. Toàn gia nhân trên dưới ở vào tình trạng bất an cao độ bởi bữa tiệc kia, và sau khi chịu đựng lối hành xử khó chịu này vài giờ đồng hồ,

Philippe cho con trai mình một lựa chọn. Anh có thể đi ngủ cùng khiêu hài hước tệ hại đó hoặc là ăn. Matthew lựa chọn phương án thứ ba rồi bỏ đi tra cứu văn khố của gia tộc de Clermont để tìm manh mối cuốn Ashmole 782 hiện tại đang ở nơi nào. Về phần mình, tôi quay trở lại khu nhà bếp.

Philippe tìm được tôi trong phòng Marthe, khi đang lom khom cúi xuống cái vạc gặp sự cố, hai ống tay áo xắn cao và căn phòng đầy hơi nước.

“Matthew đã uống máu cô à?” Ông hỏi thẳng thừng, ánh mắt di chuyển lên hai cẳng tay tôi.

Tôi nâng cánh tay trái lên để đáp lại. Chất vải lạnh mềm nhẹ ôm quanh vai để lộ những vết hồng hồng của vết sẹo lõm chớm ở mặt trong khuỷu tay. Tôi đã cắt vào thịt để Matthew có thể uống máu dễ dàng hơn.

“Còn chỗ nào nữa?” Philippe hướng sự chú ý lên người tôi.

Tôi dùng tay kia vạch chỗ cổ mình. Vết thương ở đó sâu hơn, nhưng nó được một ma cà rồng tạo ra nên gọn ghẽ hơn nhiều.

“Cô là đồ ngốc à, sao lại cho phép một majasang đang mù mịt đầu óc uống máu không chỉ ở cánh tay mà còn cả ở cổ nữa,” Philippe nói, vẻ kinh ngạc. “Hiệp định nghiêm cấm manjasang uống máu của phù thủy hay ma cà rồng. Matthew biết điều này.”

“Anh ấy sắp chết và máu của con là nguồn duy nhất có sẵn!” Tôi giận dữ đáp. “Nếu điều này khiến cha cảm thấy tốt hơn thì con đã phải ép buộc anh ấy đấy.”

“Không nghi ngờ gì, con trai ta đã phải tự thuyết phục bản thân rằng chừng nào nó chỉ chiếm lấy máu chứ không phải thân thể cô, thì nó vẫn có thể để cô ra đi.” Philippe lắc đầu. “Nó sai rồi. Ta đã quan sát kỹ. Cô sẽ không bao giờ tự do thoát khỏi Matthew, cho dù nó có đưa cô lên giường hay không.”

“Matthew biết rằng con sẽ không bao giờ rời bỏ anh ấy.”

“Dĩ nhiên cô sẽ làm thế. Một ngày nào đó cuộc sống của cô trên trái đất này tới hồi kết rồi bước vào cuộc hành trình cuối cùng đến địa ngục. Thà rằng đau khổ nhưng Matthew sẽ muốn theo cô đi tìm cái chết.” Những lời nói từ Philippe kéo lên một hồi chuông sự thật.

Mẹ Matthew đã chia sẻ với tôi câu chuyện tạo ra anh: anh ngã xuống từ dàn giáo trong khi đang giúp đặt những tảng đá cho ngôi nhà thờ của làng. Ngay từ lần đầu tiên được nghe kể, tôi đã băn khoăn liệu có phải nỗi tuyệt vọng khi mất vợ – Blanca, cùng con trai – Lucas, đã khiến anh tự tử.

“Thật quá tệ, Matthew lại là người theo đạo Tin Lành. Chúa Trời của nó không bao giờ biết thỏa mãn.”

“Vậy sao?” Tôi hỏi, bối rối khó hiểu bởi việc thay đổi chủ đề đột ngột.

“Khi cô hay ta làm sai, nghĩa là chúng ta đã nợ Chúa Trời và quay trở lại sống cùng niềm hy vọng sẽ làm điều tốt hơn trong tương lai. Con trai của Ysabeau thì thú tội rồi chuộc tội hết lần này tới lần khác – cho cả cuộc đời, nó làm thế cho ai, vì cái gì mà nó phải làm như vậy. Matthew không bao giờ thôi nhìn lại phía sau.”

“Bởi Matthew là một người đàn ông có đức tin lớn lao, Philippe.” Trong cuộc đời, anh có một trung tâm tâm linh tô thêm sắc màu cho thế giới quan hướng tới khoa học và cái chết.

“Matthew ư?” Philippe thốt lên vẻ hoài nghi. “Nó có ít đức tin hơn bất cứ ai mà ta từng biết. Tất cả chỉ là niềm tin, điều này khá khác biệt và phụ thuộc vào cái đầu hơn trái tim. Matthew luôn

có một cái đầu lý trí, quyết định và hành xử như Chúa Trời. Đó là cách nó chấp nhận con người mà nó đã trở thành sau khi Ysabeau tạo ra và là một thành viên trong gia đình này. Với manjasang chuyện đó lại khác, các con trai ta lựa chọn nhiều hướng đi khác nhau – chiến tranh, yêu đương, kết đôi bạn đời, chinh phục, giành lấy sự giàu có. Còn Matthew luôn là lý tưởng.”

“Luôn là vậy,” tôi khẽ nói.

“Nhưng lý tưởng hiếm khi đủ mạnh mẽ để làm nền tảng cho lòng can đảm. Ngoại trừ hy vọng cho tương lai.” Về mặt ông chuyển sang đắm chiêu, trầm tư. “Cô không biết rõ về chồng mình.”

“Cả cha cũng không đâu. Chúng con là phù thủy và ma cà rồng, những kẻ dám yêu nhau dù cho bị ngăn cấm. Hiệp định không cho phép chúng con kéo dài thời gian tìm hiểu công khai hay những chuyến tản bộ dưới ánh trăng.” Giọng tôi kích động khi tiếp tục. “Con không thể nắm tay anh ấy hay chạm vào khuôn mặt đó bên ngoài bốn bức tường này mà không lo sợ người khác sẽ phát hiện rồi anh ấy sẽ bị trừng phạt.”

“Matthew thường đến nhà thờ trong làng khoảng giữa trưa, khi cô nghĩ nó đang tìm kiếm cuốn sách kia. Đó là nơi nó tới ngày hôm nay.” Lời nhắc nhở từ Philippe thật là bởi chẳng liên quan tới cuộc trò chuyện giữa chúng tôi. “Một ngày nào đó cô có thể đi theo. Và biết đâu cô sẽ biết về nó rõ hơn.”

Tôi tới nhà thờ lúc mười một giờ sáng thứ Hai, hy vọng thấy nó vắng vẻ không người. Nhưng Matthew đang ở đó, đúng như Philippe đã nói.

Anh không thể nào không nghe thấy tiếng cánh cửa nặng nề đóng lại phía sau hay tiếng bước chân tôi vang lên khi băng qua sàn phòng, nhưng anh không quay lại. Thay vào đó, anh vẫn giữ nguyên tư thế quỳ gối ở bên phải bệ thờ. Bất chấp cái lạnh, Matthew đang mặc một chiếc áo sơ mi vải lạnh mỏng manh, quần ống túm, tất dài và đi giày. Tôi cảm thấy lạnh cứng người khi vừa trông thấy anh và kéo chiếc áo choàng không tay bao quanh người mình chặt hơn.

“Cha nói rằng em sẽ tìm thấy anh ở đây,” tôi lên tiếng, giọng vang vọng khắp nhà thờ.

Đây là lần đầu tiên tôi đến nhà thờ này, tôi tò mò nhìn quanh. Giống nhiều công trình xây dựng tôn giáo khác trong khu vực lân cận của nước Pháp, ngôi nhà để thờ phụng Thánh Lucien năm 1590 trông thật cổ xưa. Những đường nét giản dị của nó hoàn toàn khác biệt so với chiều cao ngất ngưởng hay các tạo tác bằng đá cầu kỳ diêm dúa trong một nhà thờ Gothic. Nhiều bức bích họa màu sắc tươi sáng bao quanh khung cửa tò vò rộng chia cách khu vực cầu nguyện khỏi gian giữa của giáo đường và trang trí cho những dải đá trên đỉnh dẫy cuốn, bên dưới hàng cửa sổ trên cao dọc các bức tường. Đỉnh mái phía trên được cắt ngang bởi một chùm tia sáng bằng gỗ chắc chắn, minh chứng cho tay nghề khéo léo của người thợ mộc và thợ nề.

Khi lần đầu đến thăm Chòi Gác Cổ, ngôi nhà của Matthew đã gọi cho tôi nghĩ đến anh. Cá tính con người anh cũng hiện rõ ở nơi đây, trong mọi chi tiết hình học được chạm khắc vào chùm ánh sáng cũng như trong những khung cửa vòm được tạo khoảng không hoàn hảo bắc qua chiều rộng giữa các cột trụ.

“Anh đã xây dựng nơi này.”

“Một phần của nó thôi.” Ánh mắt Matthew hướng lên nhìn khu cầu nguyện được xây hình vòng cung cùng những hình ảnh Chúa trên ngai vàng của Người, một bàn tay nâng lên, sẵn sàng ban phát công lý. “Phần lớn gian giữa giáo đường. Khu cầu nguyện đã được hoàn thành trong khi anh đang... ở xa.”

Gương mặt điềm tĩnh của một vị thánh trang nghiêm nhìn chăm chăm vào tôi qua bờ vai phải Matthew. Ngài cầm một khối hình vuông của thợ mộc cùng một cành hoa loa kèn trắng muốt cuống dài. Đó là Joseph, người đàn ông đã không hề vắn hỏi mà lấy một cô gái đồng trinh đang

mang thai về làm vợ.

“Chúng ta phải nói chuyện, Matthew.” Tôi nhìn quanh ngôi nhà thờ thêm lần nữa. “Có lẽ chúng ta nên chuyển cuộc nói chuyện này về lâu đài. Không còn chỗ nào để ngồi cả.” Tôi chưa bao giờ nghĩ những chiếc ghế dài trong nhà thờ như một lời mời gọi cho tới khi bước vào một ngôi nhà thờ không có chúng.

“Các nhà thờ không phải được xây dựng để thư giãn hay hưởng thụ,” Matthew nói.

“Không phải. Nhưng khiến cho các tín đồ chịu khổ cũng không phải là mục đích duy nhất.” Tôi tìm kiếm trên các bức tường. Nếu đức tin và hy vọng được bên siết lại kháng khí như Philippe gợi ý, vậy thì phải có điều gì đó ở nơi này làm tâm trạng của Matthew khá lên.

Tôi tìm thấy Noah cùng con thuyền lớn của ông. Tránh được một thảm họa toàn cầu và sự diệt vong trong đường tơ kẽ tóc cũng không hẳn là điều tốt lành. Một vị thánh anh dũng tiêu diệt rồng, nhưng lại quá mức khơi gợi người ta nghĩ đến cuộc đi săn. Lối cửa ra của nhà thờ được trang hoàng bằng bức tranh “Sự Phán Quyết Cuối Cùng”. Hàng thiên thần nơi cao nhất thổi kèn trumpet bằng vàng trong khi đỉnh mũi cánh của họ quét xuống tận sàn nhà, nhưng hình ảnh ở dưới cùng là về địa ngục – tại vị trí này, khó rời khỏi nơi đây mà không chạm mắt tới cảnh bị đọa đầy dưới địa ngục – thật kinh hoàng. Sự hồi sinh của Lazarus sẽ là nguồn an ủi nho nhỏ với một ma cà rồng. Đức Mẹ Đồng Trinh Maria cũng chẳng giúp được gì. Bà đứng ngang hàng với Joseph ở lối vào khu cầu nguyện, trong một thế giới bình yên tĩnh tại là sự nhắc nhở khác về tất cả những gì Matthew đã mất.

“Ít nhất còn có không gian riêng tư. Philippe hiếm khi đặt chân đến đây,” Matthew mệt mỏi nói.

“Vậy chúng ta sẽ ở lại.” Tôi tiến vài bước về phía anh, rồi trút ra tất cả. “Có chuyện gì không ổn hả Matthew? Ban đầu em nghĩ đó là cú sốc vì anh đang đắm chìm vào cuộc sống trước đây của mình, rồi viễn cảnh được gặp lại cha trong khi phải giữ bí mật về cái chết của ông.” Matthew vẫn cứ quỳ gối, đầu cúi thấp, đưa lưng về phía tôi. “Nhưng giờ cha anh đã biết về tương lai ông ấy. Vậy chắc chắn phải có một lý do khác cho tất cả những chuyện này.”

Bầu không khí trong nhà thờ ngột ngạt, như thể lời tôi nói đã rút đi tất cả oxy tại nơi này. Không có tiếng động nào ngoại trừ tiếng chim gù trong tháp chuông.

“Hôm nay là sinh nhật Lucas,” cuối cùng Matthew thốt lên.

Lời anh nói như một đòn giáng thẳng vào tôi. Tôi khuyu gối phía sau anh, chân váy màu violet quất dồn đống xung quanh. Philippe đã đúng. Tôi không biết rõ về Matthew như tôi tưởng.

Bàn tay anh nâng lên rồi chỉ về một điểm trên sàn nhà giữa anh và Joseph. “Thằng bé được chôn tại đó, cùng mẹ của nó.”

Không một dòng khắc trên phiến đá đánh dấu nơi yên nghỉ bên dưới. Thay vào đó là những vết lõm trơn bóng, dấu vết được tạo nên bởi biết bao bàn chân đều đặn đi qua. Các ngón tay Matthew vờ ra, chạm vào các rãnh mòn ấy, lặng im, rồi thu lại.

“Một phần trong anh đã chết khi Lucas ra đi. Với Blanca cũng thế. Thân xác cô ấy ra đi sau đó vài ngày, nhưng ánh mắt thì trống rỗng bởi linh hồn đã bỏ đi rồi. Philippe đã chọn tên cho thằng bé. Tiếng Hy Lạp là ‘tỏa sáng.’ Vào cái đêm nó được sinh ra, Lucas rất trắng và xanh xao. Khi bà mẹ đỡ nó lên trong bóng đêm, làn da nó bắt ánh sáng từ lò sưởi giống như mặt trăng đón bắt ánh mặt trời ấy. Kỳ lạ làm sao sau bao nhiêu năm mà ký ức của anh về đêm đó vẫn thật rõ ràng.” Matthew ngừng những lời kể miên man rồi đưa tay quệt mắt. Các ngón tay nhuộm màu đỏ.

“Anh gặp Blanca khi nào?”

“Anh ném bóng tuyết vào cô ấy suốt mùa đông đầu tiên khi Blanca đến làng. Anh làm bất cứ điều gì để thu hút sự chú ý. Cô ấy mỏng manh và lạnh đậm, nhiều đứa bọn anh đều muốn bầu bạn với cô ấy. Khi mùa xuân đến, Blanca đồng ý cùng anh đi bộ từ chợ về nhà. Cô ấy thích những quả mọng. Mỗi mùa hè, hàng rào bên ngoài nhà thờ lại đầy các trái mọng ấy.” Anh nhìn chăm chăm vết đỏ trên tay mình. “Và mỗi khi Philippe trông thấy những vết cắn từ nước quả trên ngón tay anh, ông lại cười và tiên đoán về một đám cưới sắp đến vào mùa thu.”

“Em thấy là ông đã đúng.”

“Bọn anh cưới vào tháng Mười, sau mùa gặt. Blanca đã có thai hơn hai tháng.” Matthew có thể chờ đợi để trải qua đêm tân hôn của chúng tôi nhưng đã không thể kháng cự lại sức quyến rũ của Blanca. Như vậy là nhiều hơn cả những gì tôi muốn biết về mối quan hệ của họ.

“Lần đầu tiên của bọn anh là vào tháng Tám nóng nực,” anh tiếp tục. “Blanca luôn lo lắng với việc làm hài lòng người khác. Khi nhìn lại, anh đã bắn khoản liệu có phải cô ấy từng bị lạm dụng khi còn nhỏ không. Không, bị ngược đãi – bọn anh đều bị ngược đãi, và theo những cách mà chẳng có bậc cha mẹ nào thời hiện đại tưởng tượng nổi – nhưng đôi khi còn hơn thế. Điều đó đã làm suy sụp tinh thần cô ấy. Vợ anh học được cách nhượng bộ đối với những gì kẻ lớn tuổi hơn, mạnh hơn và giàu có hơn mong muốn. Anh là hiện thân của tất cả điều đó, anh muốn cô ấy nói vâng vào đêm mùa hè ấy, nên Blanca đã làm vậy.”

“Ysabeau kể với em hai người yêu nhau sâu sắc, Matthew. Anh không ép buộc cô ấy làm bất cứ điều gì mà cô ấy không nguyện ý.” Tôi muốn cho anh hết thấy sự an ủi mà mình có thể, bất chấp nỗi đau day dứt mà những hồi ức trong anh gây ra.

“Blanca không nguyện ý. Mãi cho tới khi có Lucas. Thậm chí lúc đó, cô ấy chỉ thể hiện mỗi khi thằng bé gặp nguy hiểm hay khi anh tức giận với nó. Cả cuộc đời mình, cô ấy muốn một ai đó yếu đuối và nhỏ bé hơn để che chở bảo vệ. Thay vì thế, Blanca lại có một chuỗi những gì cô ấy coi là thất bại. Lucas không phải đứa con đầu tiên của bọn anh và cứ mỗi lần sảy thai cô ấy lại càng trở nên dịu dàng hơn, ngọt ngào hơn, dễ bảo hơn. Càng ít có khả năng nói không hơn.”

Ngoại trừ những nét chính, câu chuyện này không phải là những gì Ysabeau đã kể về cuộc đời trước đây của con trai mình. Bà kể ra một câu chuyện tình yêu sâu sắc và nỗi đau được cùng sẻ chia. Phiên bản từ Matthew lại là một câu chuyện về nỗi mất mát cũng như đau buồn không hề được dịu bớt.

Tôi hắng giọng cắt lời. “Và sau đó có Lucas.”

“Đúng vậy. Sau nhiều năm lấp đầy cô ấy bằng sự chết chóc, anh đã cho cô ấy Lucas.” Anh chìm trong im lặng.

“Anh chẳng thể làm được gì cả, Matthew. Đó là thể kỷ thứ sáu và dịch bệnh lan tràn. Anh không thể cứu ai trong hai người bọn họ.”

“Anh có thể ngăn mình thôi muốn cô ấy. Rồi sau đó sẽ chẳng có ai để mà mất cả!” Matthew thốt lên. “Blanca sẽ không nói không, nhưng ánh mắt cô ấy luôn chứa thứ gì đó miễn cưỡng khi cả hai làm tình. Lần nào anh cũng hứa hẹn rằng đứa trẻ sẽ sống sót. Anh sẽ cho đi bất cứ thứ gì...”

Thật đau đớn khi biết Matthew vẫn còn quá nặng lòng với người vợ và con trai đã chết. Linh hồn bọn họ ám ảnh nơi này và anh cũng thế. Nhưng ít nhất bây giờ tôi đã có được lời giải thích cho lý do tại sao anh né tránh tôi: cảm giác hằn sâu đầy tội lỗi cùng đau khổ là điều anh vẫn mang trong suốt bao thế kỷ qua. Có lẽ đã đến lúc tôi giúp nới lỏng vòng kim giữ của Blanca đối với Matthew rồi. Tôi đứng dậy rồi tiến tới. Anh co người lại khi những ngón tay tôi đặt lên vai.

“Còn nữa.”

Tôi đông cứng.

“Anh cũng đã cố dâng tặng cuộc sống của mình. Nhưng Chúa Trời không muốn nó.” Đầu Matthew nhấc lên. Anh nhìn ngây dại vào phiến đá mòn vẹt thành rãnh trước mặt rồi lại ngược lên nhìn mái trần phía trên.

“Ôi, Matthew.”

“Anh đã luôn nghĩ đến việc đoàn tụ với Lucas và Blanca trong nhiều tuần lễ, nhưng anh lo sợ họ sẽ ở trên thiên đường còn Chúa đầy anh xuống địa ngục bởi những tội lỗi của mình.” Matthew thất thần nói tiếp. “Anh đã hỏi xin lời khuyên một người phụ nữ trong làng. Bà ấy nghĩ anh đang bị ám – rằng Blanca và Lucas bị trói buộc với nơi này là do anh. Ở trên dàn giáo, anh nhìn xuống và nghĩ linh hồn cả hai có lẽ bị giam cầm bên dưới phiến đá này. Nếu anh ngã lên đó, Chúa sẽ không còn lựa chọn nào khác là thả họ đi. Là thế hoặc để anh được đoàn tụ – cho dù họ ở nơi nào.”

Đây là tư duy logic thiếu sót của một người đàn ông đang chìm trong tuyệt vọng, không phải nhà khoa học sáng suốt minh mẫn mà tôi biết.

“Anh đã quá mệt mỏi,” Matthew chán chường nói. “Nhưng Chúa sẽ không cho phép anh ngủ yên. Không thể sau những gì anh đã làm. Vì tội lỗi của mình, Người tặng anh cho một sinh vật, người đã biến đổi anh thành kẻ không thể sống, hay chết, thậm chí không thể tìm kiếm sự yên bình trong những giấc mơ. Tất cả mọi việc anh có thể làm là hoài niệm.”

Matthew lại bị kiệt sức và lạnh. Cảm giác làn da anh còn lạnh hơn cả bầu không khí giá buốt vây quanh chúng tôi. Dì Sarah sẽ biết một câu thần chú để làm anh dễ chịu hơn, nhưng những gì tôi có thể làm chỉ là kéo sát thân thể bền bỉ đó vào người và cho anh mượn chút hơi ấm của mình.

“Philippe đã xem thường anh kể từ đó. Ông nghĩ anh yếu đuối – quá yếu đuối để lấy một người giống em.” Đây rồi, cuối cùng đây là điểm trọng yếu khiến Matthew cảm thấy không xứng đáng.

“Không,” tôi kêu lên, “cha anh yêu thương anh.” Philippe đã thể hiện nhiều cảm xúc đối với con trai mình trong thời gian ngắn ngủi chúng tôi ở Sept-Tours nhưng chưa bao giờ có chút mảy may khinh thường.

“Những người đàn ông dũng cảm không tìm cách tự sát, ngoại trừ trên chiến trường. Ông đã nói vậy với Ysabeau khi anh mới được tạo ra. Philippe đã nói anh thiếu sự can đảm để là một manjasang. Ngay khi có thể, ông gửi anh đi chiến đấu. ‘Nếu mày quyết tâm kết thúc cuộc đời mày,’ ông đã nói thế, ‘thì ít nhất có thể vì một mục đích vĩ đại hơn là việc tự thương hại bản thân.’ Anh không bao giờ quên những lời ông nói.”

Hy vọng, đức tin, lòng dũng cảm: ba yếu tố trong tín điều đơn giản của Philippe. Matthew cảm thấy anh chẳng có gì ngoài sự nghi ngờ, niềm tin và việc tỏ ra can đảm. Nhưng tôi biết không phải thế.

“Anh vẫn tự hành hạ bản thân bằng chuỗi ký ức này lâu đến mức không còn thấy được sự thật nữa.” Tôi đi vòng lên để đối diện với anh rồi quỳ thụp xuống. “Anh có biết em thấy gì khi nhìn anh không? Em thấy một người rất giống cha anh.”

“Tất cả bọn anh đều muốn thấy Philippe trong những gì mình yêu quý. Nhưng anh chẳng có gì giống ông cả. Chính cha của Gallowglass, Hugh, nếu ông ấy còn sống thì mới giống...” Matthew quay mặt đi, bàn tay run run đặt trên đầu gối. Còn điều gì đó hơn thế nữa, một bóng ma mà anh ấy chưa tiết lộ.

“Em đã trao cho anh một bí mật, Matthew: tên của người nhà de Clermont là thành viên của Đại Hội Đồng trong hiện tại. Anh không thể giữ hai bí mật được.”

“Em muốn anh chia sẻ tội lỗi đen tối nhất của mình ư?” Một khoảng thời gian tưởng như vô tận trôi qua trước khi Matthew bằng lòng tiết lộ. “Anh đã lấy đi cuộc sống của ông. Ông đã cầu xin Ysabeau làm điều đó, nhưng bà không thể.” Matthew quay mặt đi.

“Hugh ư?” Tôi thì thảo, trái tim như vỡ ra vì anh và vì Gallowglass.

“Philippe.”

Rào chắn cuối cùng giữa chúng tôi sụp đổ.

“Bọn Phát Xít khiến ông phát điên vì đau đớn và kiệt quệ. Nếu Hugh còn sống, anh ấy có thể thuyết phục được Philippe rằng vẫn còn hy vọng cho một cuộc sống khác trong những gì còn sót lại. Nhưng Philippe nói ông quá mệt mỏi không muốn chiến đấu nữa. Ông muốn được ngủ, và anh... anh biết cảm giác muốn nhắm mắt và lãng quên là như thế nào. Chúa cứu giúp anh, anh đã làm như ông yêu cầu.”

Toàn thân Matthew đang run rẩy. Tôi lại ôm anh trong vòng tay mình, chẳng quan tâm đến sự kháng cự, chỉ biết rằng anh cần thứ gì đó – một ai đó – níu giữ trong khi những cơn sóng ký ức đổ ập lên.

“Sau khi Ysabeau từ chối lời cầu xin đó, bọn anh tìm thấy Philippe đang cố gắng rạch cổ tay mình. Ông còn không thể nắm chặt con dao để làm việc đó. Ông tự cắt vào mình, làm đi làm lại, máu ở khắp mọi nơi, nhưng vết thương vẫn nhanh chóng lành lại.” Matthew đang nói rất nhanh, cuối cùng lời lẽ ào ạt trút hết ra. “Philippe càng đổ nhiều máu, thì càng trở nên điên cuồng hơn. Ông không thể chịu nổi cảnh tượng toàn máu sau khi ở doanh trại quân sự. Ysabeau lấy con dao từ chỗ ông và nói bà sẽ giúp ông kết thúc cuộc sống. Nhưng Maman sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân.”

“Thế nên anh đã cắt,” tôi nói, đón lấy ánh mắt anh. Tôi chưa bao giờ phủ nhận khi biết việc anh từng làm để sinh tồn với tư cách ma cà rồng. Tôi cũng không thể quay lưng trước những tội lỗi của người chồng, người cha và người con trai này.

Matthew lắc đầu. “Không. Anh đã uống từng giọt máu của ông, nên Philippe sẽ không phải chứng kiến khi sức sống của mình bị rút đi.”

“Nhưng thế thì anh đã thấy...” Tôi không thể ngăn được nỗi kinh hoàng lộ ra trong giọng nói. Khi một ma cà rồng uống máu của sinh vật khác, những ký ức từ sinh vật đó theo dòng chất lỏng ấy dưới dạng những ý nghĩ lơ mơ lướt nhanh qua. Matthew đã giải thoát cho cha mình khỏi sự thống khổ, ngay sau lần đầu tiên chia sẻ mọi điều mà Philippe từng phải chịu đựng.

“Hầu hết ký ức của các sinh vật đến theo một dòng chảy êm ái, tương tự một dải ruy băng tháo ra trong bóng tối. Với Philippe nó giống như đang nuốt nhiều mảnh thủy tinh vỡ. Thậm chí khi anh tiến tới những sự kiện đã trải qua gần nhất, tinh thần ông rạn nứt tột tể đến nỗi anh gần như không thể tiếp tục được.” Cơn run rẩy của Matthew càng dữ dội hơn. “Nó như kéo dài vĩnh viễn. Philippe đã gục ngã, mất mát và sợ hãi, nhưng trái tim ông vẫn thật dữ dội. Những ý nghĩ cuối cùng của ông là về Ysabeau. Chúng là hồi ức duy nhất còn nguyên vẹn, vẫn thuộc về ông.”

“Ổn cả rồi,” tôi thì thầm nhắc đi nhắc lại, ôm thật chặt cho tới khi tay chân anh bắt đầu ngừng run rẩy.

“Em đã hỏi anh là ai ở Chòi Góc Cổ. Anh là một kẻ giết người, Diana. Anh đã giết hàng nghìn người,” Matthew đều đều nói, giọng nghẹn ngào. “Nhưng chưa bao giờ anh phải nhìn lại mặt bất cứ ai trong bọn họ. Ysabeau không thể nhìn anh mà không nhớ đến cái chết của Philippe. Giờ anh cũng phải đối diện với em.”

Tôi ôm lấy đầu Matthew giữa hai bàn tay và kéo anh lại để cả hai có thể nhìn vào mắt nhau.

Gương mặt hoàn hảo của Matthew thường che giấu đi những tàn phá của thời gian và trải nghiệm sống. Nhưng tất cả bằng chứng đó giờ đây đều hiện rõ, và nó chỉ càng khiến anh thêm đẹp đẽ hơn đối với tôi. Cuối cùng, tôi đã hiểu người đàn ông tôi yêu: sự cố chấp khi bắt tôi đối mặt với con người và những gì là chính tôi, sự bất đắc dĩ khi phải giết Juliette cho dù để cứu cuộc sống của chính mình, ý thức tội lỗi lo sợ rằng một khi tôi thực sự biết rõ về anh, tôi có thể không bao giờ yêu anh.

“Em yêu tất cả con người anh, Matthew: chiến binh và nhà khoa học, kẻ giết người và kẻ cứu người, bóng tối và ánh sáng.”

“Làm sao em có thể?” Anh thì thầm, không tin nổi.

“Philippe có thể không tiếp tục sống như thế. Cha anh sẽ liên tục tìm cách tự sát và từ những gì anh nói, ông đã phải chịu đủ đau đớn rồi.” Tôi không thể tưởng tượng nó đau đớn nhiều đến mức nào, nhưng Matthew yêu dấu của tôi đã chứng kiến tất cả. “Điều anh làm là một hành động nhân từ.”

“Anh từng muốn biến mất lúc chuyện đó kết thúc, rời khỏi Sept-Tours và không bao giờ trở lại,” anh thú nhận. “Nhưng Philippe đã bắt anh hứa sẽ gìn giữ gia tộc và dòng tu cùng nhau. Anh cũng đã thề sẽ chăm sóc Ysabeau. Vậy nên anh ở lại nơi này, ngồi vào chiếc ghế của ông, giật những sợi dây chính trị ông muốn, kết thúc cuộc chiến mà ông đã dùng cả mạng sống để chiến thắng.”

“Philippe sẽ không đặt hạnh phúc cũng như lợi ích của Ysabeau vào tay người mà ông coi thường. Hoặc để một kẻ hèn nhát trông coi Dòng tu các hiệp sĩ Thánh Lazarus.”

“Baldwin buộc tội anh nói dối về những ước nguyện của Philippe. Anh ấy nghĩ dòng tu sẽ được truyền cho anh ấy. Không ai có thể hiểu nổi lý do cha lại quyết định giao Dòng Tu Các Hiệp Sĩ Thánh Lazarus cho anh. Có lẽ đó là hành động điên rồ cuối cùng của ông.”

“Đó là sự tin cậy,” tôi khẽ nói, lần xuống và lồng các ngón tay mình với tay anh. “Philippe tin tưởng anh. Em cũng vậy. Đôi bàn tay đã xây dựng ngôi nhà thờ này. Chúng đủ mạnh mẽ để ôm lấy con trai anh và cha của anh trong những giây phút cuối cùng trên cõi đời này. Và chúng vẫn còn nhiều việc để làm.”

Tít trên cao vọng xuống tiếng vỗ cánh. Một con bồ câu trắng muốt bay xuyên qua cửa sổ mái vòm vào bên trong và bị mất phương hướng bay vòng vòng quanh chùm tia sáng được trạm khắc nổi trên mái. Nó vật lộn, tìm tự do cho bản thân, rồi sà xuống bên trong nhà thờ. Con bồ câu trắng đậu xuống phiến đá đánh dấu nơi yên nghỉ cuối cùng của Blanca và Lucas, rồi loay hoay xoay quanh trong một điệu vũ quay tròn thanh nhã cho tới khi đối diện với Matthew và tôi. Rồi nó nghiêng nghiêng mái đầu, ngắm nghía chúng tôi bằng con mắt màu xanh lam.

Matthew bật dậy, đột ngột xông đến, con bồ câu bị giạt mình bay về phía bên kia phòng cầu nguyện. Nó đập cánh, chậm rãi tiến đến trước bức chân dung của Đức Mẹ Đồng Trinh. Khi tôi tin rằng nó sẽ đâm sầm vào tường thì con chim xoay ngoắt đảo chiều và bay trở ra theo đường đã vào.

Một cọng lông trắng từ cánh chú chim câu liệng rơi và xoáy tròn trên không, đậu xuống sàn đá lát trước mặt chúng tôi. Matthew cúi người nhặt nó, nét mặt anh bối rối khi giờ lên trước mặt.

“Anh chưa bao giờ thấy một chú chim bồ câu trắng trong nhà thờ cả.” Matthew nhìn nửa mái vòm của khu cầu nguyện nơi cũng con chim ấy bay lượn vòng vòng phía trên đầu Chúa.

“Nó là dấu hiệu của sự hồi sinh và hy vọng. Các phù thủy tin vào điềm báo này.” Tôi khép hai bàn tay anh bao quanh chiếc lông rồi hôn nhẹ lên trán anh và quay người rời đi. Có lẽ giờ đây khi đã chia sẻ những ký ức của mình, anh có thể tìm thấy sự bình yên.

“Diana?” Matthew gọi, vẫn đứng im cạnh ngôi mộ gia đình. “Cảm ơn em đã nghe lời thú tội của anh.”

Tôi gật đầu. “Em sẽ gặp anh ở nhà nhé. Đừng quên chiếc lông đó.”

Anh nhìn theo khi tôi đi qua những cảnh trừng phạt và chuộc tội trên cổng chính giữa thế giới của Chúa và thế giới của người trần. Pierre đang đợi bên ngoài, anh ta đưa tôi quay về Sept-Tours mà không nói một lời nào. Philippe nghe tiếng chúng tôi về và đang đợi trong sảnh.

“Cô tìm thấy nó trong nhà thờ chứ?” Ông lặng lẽ hỏi. Hình ảnh Philippe – còn quá khỏe mạnh tráng kiện – khiến tim tôi trùng xuống. Làm sao Matthew có thể chịu đựng nổi?

“Đúng thế. Đáng lẽ cha nên nói cho con biết hôm nay là sinh nhật của Lucas.” Tôi đưa áo choàng cho Catrine.

“Chúng ta đều đã học cách lường trước tâm trạng u ám này khi Matthew nhớ tới con trai nó. Cô cũng sẽ như vậy thôi.”

“Không chỉ chuyện Lucas đâu.” Sợ rằng mình nói quá nhiều, tôi vội cắn môi.

“Matthew cũng kể cho cô về cái chết của nó.” Philippe đưa các ngón tay lùa qua tóc, một cử chỉ theo thói quen, là phiên bản thô nháp hơn của con trai ông. “Ta hiểu nỗi đau khổ ấy, nhưng không phải kiểu chịu tội này. Khi nào nó mới để quá khứ lại sau lưng đây?”

“Có những việc không bao giờ quên được,” tôi nói, nhìn thẳng vào mắt Philippe một cách kiên quyết. “Cho dù cha nghĩ mình hiểu điều gì đi nữa, nếu yêu anh ấy, hãy để con trai cha chiến đấu với những con quỷ của bản thân.”

“Không. Nó là con trai ta. Ta sẽ không từ bỏ nó.” Miệng Philippe mím chặt.

Ông quay người và sải bước hiên ngang bỏ đi. “Và ta đã nhận được lời nhắn từ Lyon, madame,” ông nói với qua vai. “Một phù thủy chẳng bao lâu nữa sẽ tới đây để giúp cô, như Matthew mong muốn.”

[34](#). Tiếng Pháp: Mau lên.

[35](#). Tiếng Pháp: Vâng ạ.

11.

“Hãy gặp ta trong kho cỏ trên đường con từ làng trở về.” Philippe lại tiếp tục thói quen khó chịu là xuất hiện hay biến mất trong nháy mắt và giờ đang đứng trước mặt chúng tôi trong thư viện.

Tôi ngược lên từ cuốn sách đang đọc rồi nhú mày. “Có cái gì ở trong kho cỏ?”

“Cỏ khô.” Những tiết lộ của Matthew ở nhà thờ chỉ khiến anh càng thêm bồn chồn và thất thường hơn. “Con đang viết thư cho giáo hoàng mới của chúng ta, cha ạ. Alain nói với con hôm nay buổi họp kín của các hồng y giáo chủ sẽ tuyên bố Niccolò tội nghiệp đã được bầu chọn bất chấp sự cầu xin miễn khỏi các gánh nặng chi tiêu của văn phòng. Những mong ước của một người đàn ông có là gì so với việc chống lại nguyện vọng của Philip về nước Tây Ban Nha và Philippe de Clermont?”

Philippe rà tay tới chiếc thắt lưng. Một tiếng vỗ tay lớn nổ ra từ phía Matthew. Anh nắm một con dao găm giữa hai lòng bàn tay, đầu lưỡi dao đang nằm hướng lên xương ức.

“Đức Giáo hoàng có thể đợi.” Philippe xem xét vị trí món vũ khí của mình. “Đáng lẽ ta nên nhắm vào Diana. Con sẽ đi chuyển nhanh hơn.”

“Cha phải tha lỗi cho con vì làm hỏng trò thể thao này.” Matthew lạnh lùng giận dữ. “Lâu rồi không có con dao nào ném vào con. Con sợ rằng mình đã không luyện tập nhiều.”

“Nếu con không có mặt ở kho trước khi đồng hồ điểm hai tiếng, ta sẽ đi tìm. Và ta sẽ mang theo nhiều hơn là con dao găm này đây.” Ông rút nó khỏi tay Matthew và hạ lệnh cho Alain, đang đứng ngay đằng sau. “Không ai được đi đến kho dưới đó cho tới khi được phép,” Philippe vừa nói vừa tra món vũ khí trở vào trong bao da.

“Tôi đã hiểu rõ, sieur.” Nó gần giống một lời quở trách khi mà Alain chưa bao giờ thốt ra lời.

“Con thấy mệt mỏi phải sống cùng quá nhiều testosterone rồi. Cho dù Ysabeau nghĩ gì về phù thủy đi nữa, con ước mẹ ở đây. Và trước khi cha hỏi testosterone là gì, nó chính là cha đấy,” tôi nói, chìa ngón tay về phía Philippe. “Và con trai của cha cũng không khá hơn là mấy.”

“Sự bầu bạn của đàn bà, hử?” Philippe mân mê hàm râu của mình và nhìn Matthew, công khai tính toán xem ông có thể dồn đẩy con trai mình đi xa tới đâu. “Tại sao ta lại không nghĩ về chuyện ấy từ trước nhỉ? Trong khi chờ đợi nhân vật phù thủy của Diana từ Lyon đến, chúng ta nên gửi cô ấy tới chỗ Margot để được chỉ dẫn cách hành xử như một phu nhân danh giá nước Pháp.”

“Những gì Louis và Margot làm ở Usson còn tồi tệ hơn bất cứ chuyện gì bọn họ đã làm ở Paris. Người phụ nữ đó không phải là hình mẫu đứng đắn cho bất cứ ai, ít nhất là cho vợ của con,” Matthew đáp trả kèm theo một ánh mắt làm người đối diện bối rối. “Trừ phi bọn họ thận trọng hơn, không người ta sẽ sớm phát hiện ra cuộc ám sát cực kỳ đắt giá và cần trọng của Louis là một trò giả mạo.”

“Là chồng của một phù thủy thì con đã quá vội vàng phán xét những đam mê của người khác rồi đấy, Matthaios. Louis là anh trai con.”

Thánh thần phù hộ, lại một ông anh khác.

“Đam mê ư?” Lòng mày Matthew rướn lên. “Có phải đó là thứ mà cha gọi việc đưa đàn ông và đàn bà lên giường không?”

“Có vô vàn cách để yêu. Chuyện Margot hay Louis làm không phải việc con quan tâm. Máu của Ysabeau chảy trong huyết quản Louis và nó sẽ luôn luôn có được sự tin tưởng từ ta – cũng như với con, bất chấp những lỗi lầm nghiêm trọng của con.” Philippe biến mất trong chớp nhoáng.

“Có bao nhiêu người nhà de Clermont thế? Và tại sao tất cả bọn anh đều là đàn ông?” Tôi cất tiếng hỏi khi sự im lặng một lần nữa bao trùm.

“Bởi vì các con gái của Philippe quá mức đáng sợ, bọn anh đã tổ chức một cuộc họp gia đình và cầu xin ông đừng tạo ra bọn họ nữa. Stasia có thể xé bức tranh từ trên tường một cách đơn giản chỉ bằng việc nhìn vào chúng, còn Verin thì làm cho cô ta trông thật hiền lành nhu mì. Về phần Freyja... Philippe đặt tên cô ấy theo tên vị nữ thần chiến tranh của Norse là có lý do.”

“Họ tuyệt đấy chứ.” Tôi lướt nhẹ một nụ hôn lên má anh. “Anh có thể kể về bọn họ sau. Em sẽ vào bếp, cố gắng ngăn chặn cái vạc bị rò rỉ mà Marthe gọi là máy chung cất.”

“Anh có thể xem qua nó cho em. Anh khá giỏi với mấy thiết bị phòng thí nghiệm,” Matthew đề nghị và háo hức làm bất cứ điều gì giúp anh tránh xa Philippe hay cái kho thóc bí ẩn kia. Tôi hiểu, nhưng chẳng có cách nào lẩn tránh cha anh được. Philippe đơn giản sẽ lại xâm phạm vào phòng chung cất của tôi và làm phiền anh ở đó.

“Không cần đâu,” tôi nói với qua vai khi rời đi. “Mọi thứ đều được kiểm soát rồi.”

Mọi thứ hóa ra không hề được kiểm soát. Mấy cậu bé phụ bếp đã để lửa tắt, nhưng phải mãi sau khi ngọn lửa cháy quá cao và tạo ra một lớp nhö nôi dày đen sì dưới đáy thiết bị chung cất. Tôi ghi chú lên các lề sách của một trong những cuốn sách thuật giả kim thuộc về nhà de Clermont miêu tả các sai sót hay cách sửa chữa, trong khi Thomas, cậu bé cẩn thận hơn trong số hai phụ tá trẻ nhóm lửa. Tôi không phải người đầu tiên sử dụng các lề sách rộng và sạch trơn này, vài dòng chữ nguệch ngoạc trước đó đã khá hữu ích. Đến lúc thích hợp, các dòng chữ của tôi có thể cũng sẽ có ích như vậy.

Étienne, phụ tá hay sai sót còn lại, chạy vô phòng, thì thầm vào tai cộng sự của mình nhưng chỉ nhận được một thứ gì đó sáng bóng.

“Milord mời ra lại,” cậu bé thì thầm.

“Cháu đang đánh cược gì thế, Thomas?” Tôi hỏi. Cả hai nhìn tôi ngẩn ngơ và nhún vai. Có điều gì đó trong cái vẻ ngây thơ chăm chú của chúng khiến tôi lo lắng cho quyền lợi của Matthew. “Kho chứa cỏ khô ở đâu?” Tôi nói, tay cởi tạp dề.

Với vẻ lưỡng lự miễn cưỡng hết mức, Thomas cùng Étienne dẫn tôi xuyên qua cổng trước lâu đài để hướng về một kiến trúc gỗ và đá với mái nhà dốc đứng. Một con dốc thoải thoải dẫn ngược lên tới những cánh cửa ra vào rộng bản, có vạch sọc, nhưng hai cậu bé thay vào đó chỉ một cái thang được đẩy dựa tường ở phía xa. Các thanh ngang của chiếc thang biến mất trong bóng tối thom ngát.

Thomas lên đầu tiên, lặng lẽ ra hiệu bằng hai tay và cầu xin tôi giữ im lặng với nét mặt méo mó xứng làm diễn viên trong một bộ phim câm. Étienne giữ thang khi tôi leo lên và ông thợ rèn của làng kéo tôi vào cái gác xép bụi bặm.

Sự xuất hiện của tôi được một nửa số thành viên Sept-Tours chào đón cùng vẻ thích thú, nhưng không mấy ngạc nhiên. Tôi đã thấy kỳ quái khi chỉ có một lính gác làm nhiệm vụ phía cổng trước. Số còn lại đều ở đây, cùng với Catrine, chị gái của cô – Jehanne, hầu hết đội ngũ trong bếp, thợ rèn và những người giữ ngựa.

Một tiếng vun vút khe khẽ sắc lẹm, không giống bất cứ thứ gì tôi từng nghe thấy trước đây, khiến tôi chú ý. Tiếng lanh lảnh sắc bén kèm tiếng rin rít của kim loại cọ vào nhau càng dễ

nhân thấy hơn. Matthew và cha anh đã xuất ra những đòn đánh tủa, giờ tiến tới trận đấu bằng vũ khí. Tôi bịt miệng ngăn tiếng thở gấp khi mũi kiếm của Philippe xuyên qua vai Matthew. Những vết chém đâm đĩa máu khắp áo sơ mi, quần tùm cũng như tất dài của cả hai. Bọn họ rõ ràng đã đánh được một lúc rồi, và đây là một trận đấu kiếm không hề kiêng nể.

Alain và Pierre đứng im lặng dựa vào hai bên tường đối diện. Nền đất quanh họ trông giống một cái gổi cắm kim, tua tủa đủ các loại vũ khí bị ném đi găm xuống đất. Cả hai người hầu nhà de Clermont đều căng thẳng để ý mọi chuyện đang diễn ra xung quanh, bao gồm cả việc tôi đến. Họ hướng mắt về phía gác xép rồi thoáng liếc nhìn nhau lo lắng. Matthew không chú ý tới. Lưng anh quay về phía tôi, mùi hương thơm nồng kia trong kho cỏ đã che lấp sự hiện diện của tôi. Philippe đang hướng mặt về phía tôi, dường như cũng không nhận thấy hoặc chẳng quan tâm.

Lưỡi kiếm của Matthew đi thẳng tắp xuyên qua cánh tay Philippe. Khi Philippe nhắm mắt, con trai ông tặng kèm một nụ cười chế giễu. “Không quan tâm đến đau đớn thì sẽ tốt cho cha đấy,” Matthew lẩm bẩm nói.

“Ta đáng lẽ không bao giờ nên dạy con tiếng Hy Lạp – và cả tiếng Anh nữa. Kiến thức của con về chúng khiến ta liên tục gặp rắc rối,” Philippe đáp, không hề nao núng. Ông kéo cánh tay thoát khỏi lưỡi kiếm.

Những thanh kiếm tấn công, va vào nhau chan chát, rồi vung lên. Matthew có lợi thế chiều cao, cánh tay cũng như chân anh dài hơn làm tăng tầm vói và chiều dài của các đường kiếm. Anh đang đánh bằng một lưỡi kiếm thon dài, khi dùng hai tay, khi chỉ cần một tay. Đốc kiếm liên tục đổi qua lại trong tay nên anh có thể đối phó với mọi bước di chuyển của cha mình. Nhưng Philippe khỏe hơn và xuất ra những cú đâm thọc làm đối phương mệt mỏi bằng một thanh kiếm ngắn hơn mà ông dễ dàng nắm và sử dụng bằng một tay. Philippe cảm thêm một tấm khiên tròn, ông dùng nó để làm lệch hướng những đòn đánh từ Matthew. Matthew chắc cũng đã cầm một vật để phòng vệ tương tự thì giờ nó mất rồi. Mặc dù hai người đàn ông đều có thể lực tốt tương đương, nhưng phong cách đánh lại hoàn toàn khác nhau. Philippe khoái chí tiếp tục bài tường thuật trong khi ra đòn. Còn Matthew thì vẫn duy trì sự im lặng và tập trung, không hề lộ ra đến một cái nhíu mày cho thấy anh đang nghe những gì cha mình nói.

“Ta vẫn đang nghĩ về Diana. Chẳng có nơi nào trên trái đất lẫn đại dương lại sản sinh ra một loài vật hoang dại và ghê gớm như đàn bà,” Philippe nói về ảo não.

Matthew bất ngờ tấn công ông, lưỡi kiếm vun vút lao tới cùng một tốc độ kinh ngạc theo đường vòng cung rộng hướng thẳng tới cổ cha anh. Tôi chớp mắt, trong khoảnh khắc đó Philippe đã xoay người né ngay sát dưới lưỡi kiếm. Ông xuất hiện lại ở phía bên tay kia của Matthew, cắt lạng vào bắp chân con trai mình.

“Kỹ thuật của con sáng nay thật hoang dã. Có gì không ổn hả?” Philippe tra hỏi. Câu hỏi trực tiếp này khiến con trai ông chú ý.

“Chúa ơi, cha không thể nào. Đúng. Có gì đó không ổn,” Matthew nói giữa hai hàm răng nghiến chặt. Anh lại vung kiếm đánh tới, thanh kiếm xượt qua tấm khiên mà Philippe giờ lên rất nhanh. “Cha đừng làm con rối trí.”

“Bọn họ là những kẻ mà thánh thần muốn hủy diệt, bọn họ phát điên đầu tiên.” Những lời Philippe nói làm Matthew dao động. Philippe tận dụng thời cơ cú bước lỡ đó đập vào lưng anh bằng mặt phẳng của thanh gươm.

Matthew chửi thề. “Có phải cha đã vứt bỏ hết tất cả nguyên tắc tốt đẹp nhất rồi không?” Anh hỏi, và nhìn thấy tôi.

Chuyện xảy ra tiếp sau đó chỉ trong một nhịp tim đập. Matthew bắt đầu khom mình vươn tới

chiến đấu, sự tập trung dồn cả vào gác xếp kho cỏ nơi tôi đứng. Lưỡi gươm của Philippe đâm tới, xoay tròn và tước vũ khí ra khỏi tay anh. Với cả hai thanh gươm trong tay, Philippe ném một thanh gươm lên tường và nâng thanh còn lại hướng vào tĩnh mạch cổ Matthew.

“Ta đã dạy dỗ con tốt hơn cơ, Matthaïos. Con không suy nghĩ. Con không chớp mắt. Con không hít thở. Khi con đang cố gắng để sống sót, tất cả mọi điều con làm là phản ứng.” Philippe cao giọng gọi. “Xuống đây, Diana.”

Bác thợ rèn đẩy về hồi lỗi giúp tôi xuống một chiếc thang khác. Giờ này ở đây vì điều đó, hãy đảm bảo cho biểu hiện của anh ấy. Tôi bước xuống sàn bằng sau Philippe.

“Cô ta là lý do con thua ư?” Ông hỏi, ấn lưỡi gươm vào da thịt con trai mình cho tới khi một vết máu đen xuất hiện.

“Con không biết ý cha là gì. Hãy để con đi.” Một xúc cảm kỳ lạ xâm chiếm Matthew. Đôi mắt anh trở nên đen thẫm như mực, chớp lấy ngực cha. Tôi tiến một bước về phía anh.

Một vật sáng loáng vụt lên hướng vào tôi cùng tiếng huýt gió, nó đang lướt đến phần giữa cánh tay trái và thân trên. Philippe đã ném một món vũ khí về phía tôi mà không thèm liếc nhìn lại để kiểm tra mục tiêu của mình, nhưng nó thậm chí chưa khứa vào da thịt. Lưỡi dao găm ống tay áo vào chiếc thang, khi tôi vận người để giải thoát cánh tay mình, lớp vải bị rách toạc tới khuỷu tay, để lộ vết sẹo nam nhỏ.

“Đó là điều ta muốn nói. Có phải con đã rời mắt khỏi đối thủ của mình không? Có phải đó là cách khiến con gần như đã chết và Diana cũng đi cùng con không?” Tôi chưa bao giờ thấy Philippe giận dữ đến thế.

Sự tập trung của Matthew lại thoáng lướt sang tôi. Không lâu hơn một giây, nhưng đủ dài để Philippe tìm thấy một con dao găm khác được gài trong ủng. Ông đâm nó vào bắp đùi Matthew.

“Hãy chú ý vào người đàn ông đang kẻ dao lên cổ họng con đây này. Nếu không làm thế, cô ta sẽ chết.” Rồi Philippe nói với tôi mà không quay lại. “Còn cô, Diana, hãy tránh xa khuất mắt Matthew khi nó đang chiến đấu.”

Matthew ngược lên nhìn cha anh, đôi mắt đen ánh lên sự liều lĩnh tuyệt vọng khi đồng tử giãn nở. Tôi đã nhìn thấy phản ứng này trước đây, dấu hiệu cho thấy anh đang mất kiểm soát. “Thả con ra. Con cần ở bên cô ấy. Làm ơn.”

“Con cần phải thôi ngoái đầu nhìn lại và chấp nhận chính con người mình – một chiến binh manjasang với những trọng trách trước gia đình. Khi đeo chiếc nhẫn của mẹ con vào ngón tay Diana, liệu con đã dành thời gian suy ngẫm xem nó hứa hẹn điều gì chưa?” Philippe cao giọng hỏi.

“Toàn bộ cuộc đời con, và phần còn lại của nó. Một lời cảnh cáo để ghi nhớ quá khứ.” Matthew cố gắng đá cha anh, nhưng Philippe đã lường trước, xoáy con dao ấn sâu vào chân con trai. Matthew rít lên vì đau đớn.

“Những điều tăm tối sẽ luôn ám ảnh con, không bao giờ là ánh sáng cả.” Philippe nguyên rủa.

Ông thả rơi thanh gươm rồi đá nó ra khỏi tầm với của Matthew, các ngón tay ông đang siết chặt cổ họng anh. “Cô có thấy mắt nó không, Diana?”

“Có,” tôi thì thào.

“Hãy tiến một bước nữa về phía tôi.”

Khi tôi làm theo, Matthew bắt đầu quấy đạp, dù cha anh đang dùng sức bóp nghẹt cổ họng anh. Tôi khóc thét lên và trận đòn càng trở nên tồi tệ hơn.

“Matthew đang trong cơn cuồng máu. Manjasang chúng ta cận kề với bản năng tự nhiên hơn các sinh vật khác – những con dã thú thuần chủng, bất kể chúng ta nói được bao nhiêu ngôn ngữ hay quần áo chúng ta mặc đẹp cỡ thế nào. Đây chính là con sói trong thằng bé, nó đang cố gắng thoát ra khỏi chính bản thân mình nên nó bắt kham.”

“Một cơn cuồng máu ư?” Tôi thều thào thốt ra từng lời.

“Không phải tất cả loài chúng ta đều có thiên hướng đó. Nhược điểm này ở trong máu Ysabeau, truyền từ kẻ tạo ra bà ấy và sang cả những đứa con. Ysabeau và Louis đều có thừa, nhưng Matthew hay Louisa thì không. Và con trai Matthew, Benjamin cũng là một tai họa.”

Dù tôi chẳng biết gì về người con này, nhưng Matthew đã kể với tôi những câu chuyện dựng tóc gáy quanh Louisa. Cũng chính xu hướng sinh sản theo dòng máu đang ở trong người Matthew – mà anh có thể di truyền nó tới bất cứ đứa con nào chúng tôi có thể có. Ngay khi tôi nghĩ mình đã biết tất cả bí mật khiến Matthew tránh xa khỏi chiếc giường của tôi thì đây lại một bí mật khác: nỗi sợ hãi chứng bệnh di truyền này.

“Điều gì kích thích nó vậy?” Tôi ép từng lời thốt ra từ cái cuống họng đang thắt lại.

“Nhiều thứ và tồi tệ hơn khi thằng bé mệt mỏi hay đói. Matthew không làm chủ được bản thân khi cơn cuồng bạo ập tới, nó có thể khiến Matthew hành động ngược với bản tính thật sự trong mình.”

Eleanor. Có phải đó chính là cách mà một trong những tình yêu lớn của Matthew ra đi, bị mắc kẹt giữa một Matthew điên loạn và Baldwin ở Jerusalem? Những lời cảnh cáo lặp đi lặp lại của anh về tính chiếm hữu và sự nguy hiểm mà nó dẫn đến, dường như không còn vu vơ, vớ vẩn nữa. Giống như những cơn hoảng loạn của tôi, đây là một phản ứng tâm lý mà Matthew biết đâu không bao giờ có thể hoàn toàn kiểm soát được.

“Đây có phải là lý do cha ra lệnh cho anh ấy xuống đây hôm nay không? Để buộc anh ấy bộc lộ những điểm yếu dễ tổn thương cho cả thế giới biết?” Tôi giận dữ chất vấn Philippe. “Sao cha có thể? Cha là cha của anh ấy mà!”

“Chúng ta là một giống nòi bội bạc. Ta có thể quay sang chống lại nó một ngày nào đấy.” Philippe nhún vai. “Và ta cũng có thể chuyển mục tiêu sang cô, phù thủy ạ.”

Đúng lúc đó, Matthew đảo ngược vị trí và ấn Philippe lùi về phía bức tường phía xa. Trước khi anh chiếm được ưu thế, Philippe đã tóm lấy cổ anh. Hai người đàn ông cùng đứng, chạm mũi vào nhau.

“Matthew,” Philippe lạnh lùng gọi.

Con trai ông vẫn tiếp tục đẩy, tính người của anh đã biến mất. Khao khát duy nhất của Matthew là đánh kẻ địch của mình hoặc giết chết kẻ đó nếu cần phải làm. Có vài thời điểm trong mối quan hệ ngăn ngui giữa chúng tôi khi những truyền thuyết đáng sợ của con người về ma cà rồng là đúng, và đây là một trong số đó. Nhưng tôi muốn Matthew của tôi quay lại. Tôi tiến một bước về phía anh, dẫu chỉ càng khiến cho cơn bạo phát tồi tệ hơn.

“Đừng đến gần, Diana.”

“Ngài không muốn làm chuyện này đâu, milord,” Pierre vừa nói vừa tiến tới bên cạnh chủ mình. Anh ta vươn cánh tay ra. Tôi nghe thấy một tiếng răng rắc, trông thấy cánh tay ấy buông thõng dọc thân người do chỗ gãy ở vai và khuỷu tay, nhìn thấy máu đang trào ra khỏi vết

thương ở cổ. Pierre nhả mặt, đưa tay lên ấn vào vết cắn dã man ấy.

“Matthew!” Tôi hét lên.

Đó là hành động sai lầm. Âm thanh đau khổ của tôi khiến anh càng hoang dại hơn. Lúc này, Pierre chẳng là gì ngoài một chướng ngại vật đối với anh ấy. Matthew quăng anh ta ngang qua phòng, đập vào tường nhà kho, tất cả diễn ra trong khi bàn tay còn lại của anh vẫn nắm chặt lấy cổ họng cha mình.

“Im lặng, Diana. Matthew đang vượt qua lý trí. Matthaïos!” Philippe quát lên tên anh. Matthew ngừng cố gắng đẩy cha anh tránh xa khỏi tôi, mặc dù nắm tay siết chặt đó chưa bao giờ rời lỏng.

“Ta biết con đã làm gì.” Philippe chờ đợi trong khi những lời ông nói xuyên thủng nhận thức của Matthew. “Con có nghe ta nói không, Matthew? Ta biết tương lai của mình. Con sẽ đẩy lùi được cơn cuồng bạo này nếu con có thể.”

Philippe đã suy đoán được rằng con trai sẽ giết ông, nhưng không biết làm cách nào hay lý do tại sao. Sự lý giải duy nhất ông có sẵn là căn bệnh của Matthew.

“Cha không biết đâu,” Matthew lầm bầm đáp. “Cha không thể biết được.”

“Con đang hành xử như vẫn thường làm mỗi khi hối hận vì một vụ giết chóc: kết tội, lén lút, quẩn trí,” Philippe nói. “Te absolve, Matthaïos.”

“Con sẽ mang Diana đi,” Matthew nói cùng sự minh mẫn đột ngột. “Hãy để hai chúng con đi, Philippe.”

“Không. Chúng ta phải cùng nhau đối mặt với nó, cả ba chúng ta,” Philippe nói, gương mặt ông đầy vẻ trắc ẩn. Tôi đã sai. Philippe không phải đang cố gắng đánh bại Matthew, mà chỉ là mặc cảm tội lỗi của anh ấy mà thôi. Philippe rốt cuộc không bỏ rơi con trai ông.

“Không!” Matthew gào lên, cố vặn người thoát ra. Nhưng Philippe khỏe hơn.

“Ta tha thứ cho con,” cha anh lặp đi lặp lại, choàng hai cánh tay vòng quanh con trai trong một cái ôm mãnh liệt. “Ta tha thứ cho con.”

Matthew lại rùng mình lần nữa, toàn thân run rẩy, cho đến khi mềm rũ ra như thể linh hồn ác quỷ nào đó đã bỏ chạy mất. “Je suis désolé,” anh thì thào, những lời này líu nhú vang lên đầy cảm xúc. “Vô cùng xin lỗi.”

“Và ta đã tha thứ cho con rồi. Giờ con phải để nó lại phía sau.” Philippe thả con trai ra và nhìn tôi. “Đến với nó đi, Diana, nhưng cẩn thận nhé. Anh chàng vẫn chưa phải là chính mình đâu.”

Tôi phớt lờ Philippe và lao đến bên Matthew. Anh đón lấy tôi vào vòng tay rồi hít thở mùi hương của tôi như thể nó có sức mạnh để xoa dịu bớt. Pierre cũng di chuyển tới, cánh tay đã lành lại. Anh ta đưa Matthew một tấm khăn vì hai tay anh loang loáng đầy máu. Cái nhìn dữ tợn từ Matthew khiến anh ta lùi lại, miếng vải trắng tinh rũ rượi như một lá cờ đầu hàng. Philippe rút lui vài bước, ánh mắt Matthew phóng nhìn theo chuyển động đột ngột ấy.

“Đó là cha anh và Pierre mà,” tôi nói, đỡ lấy gương mặt Matthew trong hai tay mình. Từng chút một, màu đen trong mắt anh rút đi dần khi hai tròng mắt tròn màu xanh sẫm hiện ra đầu tiên, rồi màu xám bạc, sau đó là màu ngọc bích nhạt đặc biệt viền quanh đồng tử.

“Chúa ơi.” Matthew thốt lên kinh hãi. Anh với lấy hai tay tôi và kéo chúng ra khỏi mặt mình. “Anh đã không mất kiểm soát như thế từ lâu lắm rồi mà.”

“Con đang yếu, Matthew, và cơn cuồng máu này vượt quá tầm kiểm soát của con. Nếu Đại Hội Đồng thử thách con quyền được ở bên Diana mà con lại phản ứng như thế này, con sẽ thua. Chúng ta không thể để bất cứ nghi vấn nào về việc cô ấy là một người nhà de Clermont.” Philippe lướt ngón tay cái của ông qua hàm dưới. Máu, màu đỏ sẫm, trào ra từ vết thương. “Đến đây, con gái.”

“Philippe!” Matthew kéo tôi ra sau, kinh ngạc không nói nên lời. “Cha không bao giờ...”

“Không bao giờ là một khoảng thời gian rất dài. Đừng có ra vẻ biết nhiều về ta hơn điều con thực sự biết, Matthaios.” Philippe buồn bã quan sát tôi. “Không có gì phải sợ cả, Diana.” Tôi nhìn Matthew, muốn chắc rằng chuyện này sẽ không gây ra cơn cuồng nộ bùng phát khác.

“Đến với ông đi.” Matthew thả tôi ra khi các sinh vật khác trên tầng xếp tập trung quan sát.

“Manjasang tạo nên các gia đình thông qua cái chết và máu,” Philippe bắt đầu khi tôi đứng trước mặt ông. Nhưng lời nói đó gửi đi cảm giác sợ hãi bản năng rung động xuyên qua xương cốt tôi. Ông dùng ngón cái vạch một đường cong bắt đầu từ giữa trán, sát chân tóc, miết tới gần thái dương và dừng lại ở lông mày. “Với dấu ấn này con đã chết, một cái bóng giữa sự sống không gia tộc hay họ hàng.” Ngón cái của cha Philippe quay trở lại điểm bắt đầu, và ông lại tạo một hình y như thế ở phía còn lại, kết thúc ở chính giữa mi tâm tôi. Con mắt thứ ba của phù thủy trên trán râm ran nhói nhói cùng cảm giác mát lạnh của máu ma cà rồng. “Với dấu ấn này, con được tái sinh, là con gái được thề nguyện bằng máu của ta và là một thành viên gia đình ta mãi mãi.”

Kho cỏ khô cũng có các góc nhà. Những lời của Philippe khiến chúng sáng bừng lên bởi các sợi màu lông lánh – không chỉ là xanh lam và hổ phách mà còn cả xanh lá và vàng kim nữa. Tiếng ồn ào do những sợi chỉ ấy tạo ra dâng lên thành một bài hát than khóc phản đối khe khẽ. Rốt cuộc, một gia đình khác đang chờ đợi tôi ở một thời khác. Nhưng những tiếng rì rầm chấp nhận trong kho cỏ nhanh chóng nhấn chìm âm thanh kia. Philippe ngược nhìn lên tầng xếp như thể mới lần đầu tiên phát hiện thấy các khán giả của mình.

“Về phần các người – madame có những kẻ thù. Ai trong các người sẵn sàng đứng lên bảo vệ cô ấy khi milord không thể?” Những lời đó kèm theo vài lời tiếng Anh dịch câu hỏi này cho những người kia.

“Mais il est debout,” Thomas phản đối, chỉ vào Matthew. Philippe lập tức giải quyết thực tế Matthew đang đứng thẳng bằng cách đánh mạnh một cú vào đầu gối chân bị thương của con trai mình, khiến anh ngã ụch ra sau.

“Ai đứng lên bảo vệ madame?” Philippe nhắc lại, một chân đi ủng cẩn thận đặt lên cổ Matthew.

“Je vais.” Catrine, cô hầu gái kiêm phụ tá có tài xuất quỷ nhập thần của tôi, là người nói đầu tiên.

“Et moi,” Jehanne nói to, cô ta mặc dù lớn hơn, nhưng luôn đi theo đến bất cứ nơi nào em gái dẫn dắt.

Một khi các cô gái đã tuyên bố lòng trung thành của họ, Thomas và Étienne cũng gấn sổ phận với tôi, ông thợ rèn và Đầu Bếp, người xuất hiện ở góc xếp mang theo một giỏ hạt khô, cũng làm theo. Sau khi Đầu Bếp trừng mắt nhìn đám gia nhân dưới quyền, bọn họ cũng miễn cưỡng bằng lòng.

“Kẻ thù của madame sẽ đến mà không cảnh báo trước, vậy nên các người phải sẵn sàng. Catrine và Jehanne sẽ đánh lạc hướng chúng. Thomas sẽ nói dối.” Có tiếng cười khúc khích từ đám người lớn. “Étienne, người phải chạy đi tìm sự giúp đỡ, milord là thích hợp hơn cả. Về phần mình, con biết phải làm gì rồi đấy.” Philippe nhìn Matthew vẻ dữ tợn.

“Còn việc của con?” Tôi hỏi.

“Hãy suy nghĩ, như con đã làm hôm nay. Suy nghĩ và sống sót.” Philippe vỗ tay. “Giải trí đủ rồi. Trở lại làm việc đi.”

Vừa rì rầm trò chuyện vui vẻ, mọi người trên gác xếp kho cỏ tản đi trở về với nhiệm vụ mỗi người. Nghiêng đầu ra hiệu, Philippe tổng Alain và Pierre theo sau bọn họ, rồi cầm áo sơ mi đi ra. Bất ngờ, ông quay lại, thả chiếc áo dưới chân tôi. Nằm lệt thốt trong đó là một nắm tuyết.

“Hãy chăm sóc vết thương trên chân cậu ta, một vết nữa ở phía trên thận ấy, chỗ đó sâu hơn ta dự tính,” Philippe dặn dò, rồi cũng đi luôn.

Matthew chống đỡ trên hai đầu gối run rẩy. Tôi vòng tay qua thắt lưng để đỡ anh nhẹ nhàng ngồi xuống đất. Matthew cố gắng thoát ra và kéo tôi vào vòng tay.

“Không, anh là đồ đàn ông ương bướng,” tôi nói. “Em không cần an ủi. Hãy để em chăm sóc cho anh một lần.”

Tôi kiểm tra các vết thương, bắt đầu với những nơi mà Philippe đã dặn. Cùng sự giúp đỡ của Matthew, tôi làm sạch chỗ tất dài rách ở trên bắp đùi anh. Lưỡi dao găm đã tiến sâu vào, nhưng vết rách dài và sâu đang khép lại nhờ đặc tính chữa lành của dòng máu ma cà rồng. Dù sao tôi cũng đắp một nắm tuyết quanh chỗ đó – Matthew cam đoan rằng nó sẽ có ích, dù da thịt kiệt sức mệt mỏi của anh rõ ràng đã ấm hơn. Vết thương trên thận cũng được cứu chữa, nhưng vết thâm tím xung quanh khiến tôi nhăn nhó vì xót thương.

“Em nghĩ anh sẽ sống thôi,” tôi nói, đặt gói băng tuyết cuối cùng vào chỗ phía trên hông bên trái của Matthew và vuốt tóc anh khỏi trán. Một giọt máu sắp khô gần mắt dính bết vài sợi tóc đen. Thật nhẹ nhàng, tôi gỡ chúng ra.

“Cảm ơn em, mon coeur. Vì đang chăm sóc cho anh, em có phiền không nếu anh xin một ân huệ là lau máu của Philippe trên trán em?” Matthew trông thật ngượng ngùng, bẽn lễn. “Em biết đấy, tại mùi của nó. Anh không thích mùi đó ở trên người em.”

Anh lo lắng cơn cuồng máu quay trở lại. Tôi cọ tay lên da mình, các ngón tay trở nên nhức nhối râm ran bởi màu đen và đỏ. “Em hẳn là trông giống một thầy tu tà giáo lắm.”

“Đúng thế, hơn cả bình thường.” Matthew hứng ít tuyết từ trên bắp đùi vào viền áo sơ mi để lau đi bằng chứng còn lại của việc tôi được nhận nuôi.

“Kể cho em nghe về Benjamin đi,” tôi nói trong khi anh lau mặt mình.

“Anh tạo ra Benjamin là ma cà rồng ở Jerusalem. Anh cho thằng bé máu của mình vì nghĩ để cứu sống nó. Nhưng khi làm vậy, anh đã lấy đi lý do sống. Lấy đi linh hồn nó.”

“Và cậu ta có thiên hướng hay giận dữ của anh ư?”

“Thiên hướng! Em khiến nó nghe giống như một nhu cầu cấp bách về máu ấy.” Matthew lắc đầu trong điệu bộ kinh ngạc. “Đi nào. Em sẽ đông cứng mất nếu còn ở đây lâu.”

Chúng tôi chậm chậm tìm đường về lâu đài, tay siết chặt tay. Vậy là cũng có một lần chúng tôi không quan tâm đến việc có ai nhìn thấy hay nghĩ gì. Tuyết đang rơi, ảm đạm và ẩm ướt, khung cảnh mùa đông u ám một lần nữa hiện ra thật êm ả. Tôi ngược nhìn Matthew trong ánh sáng nhấp nháy và lại thấy cha anh trong những đường nét mạnh mẽ trên gương mặt hay cái cách bờ vai anh vươn ra vương vức hiên ngang.

Ngày kế tiếp là lễ hội Thánh Nicholas, mặt trời chiếu ánh sáng lên lớp tuyết rơi sớm trong tuần lễ này. Lâu đài vui tươi lên rất nhiều với thời tiết đẹp hơn, cho dù vẫn là Mùa Vọng, một khoảng

thời gian âm ỉm của sám hối và cầu nguyện. Vừa ngâm nga khe khẽ, tôi vừa hướng đến thư viện để lấy chỗ sách giả kim thuật được cất giấu an toàn của mình. Mặc dù đã mang một vài cuốn vào phòng chung cất mỗi ngày nhưng tôi đã cẩn thận trả lại chúng. Hai người đàn ông đang nói chuyện bên trong căn phòng đầy sách. Sự bình tĩnh của Philippe, gần như là ngữ điệu lười biếng mà tôi nhận ra được. Người kia tôi không quen. Tôi đẩy cánh cửa mở ra.

“Cô ấy đây rồi,” Philippe nói khi tôi bước vào. Người đàn ông bên cạnh quay người lại và da thịt tôi râm ran nhói nhói.

“Ta e là tiếng Pháp của cô ấy không tốt lắm và tiếng Latin thì còn tệ hơn,” Philippe nói với vẻ áy náy. “Ông có nói được tiếng Anh không?”

“Cũng đủ,” phù thủy kia trả lời. Ánh mắt ông ta quét khắp người tôi, làm da tôi nổi gai ốc. “Cô gái này có vẻ khỏe mạnh, nhưng cô ta không nên ở đây, giữa những người của ngài, sieur.”

“Bỏ được cô ấy thì ta đã mừng, ông Champier ạ, nhưng cô ấy chẳng có nơi nào để đi và cần sự giúp đỡ từ một phù thủy đồng đạo. Đó là lý do vì sao ta gửi thư cho ông. Lại đây, Phu nhân Roydon,” Philippe nói, ra hiệu cho tôi tiến tới.

Càng tới gần, tôi càng thấy khó chịu hơn. Không khí có cảm giác ngột ngạt, râm ran như có kiến bò cùng một dòng điện chạy qua. Tôi trông đợi một tiếng sấm rền bởi bầu không khí quá đậm đặc. Peter Knox đã xâm chiếm tâm trí, còn Satu bắt tôi phải chịu một nỗi đau đớn lớn ở La Pierre, nhưng phù thủy này thì khác và thậm chí có phần nguy hiểm hơn. Tôi rảo bước nhanh qua vị pháp sư và nhìn Philippe trong sự câm lặng cầu xin lời giải đáp.

“Đây là André Champier,” Philippe nói. “Ông ấy là thợ in, đến từ Lyon. Có lẽ con đã nghe nói về người họ hàng của ông ấy, người thầy thuốc đáng kính, giờ hơi ới đã rời xa thế giới này mà không bao giờ có thể chia sẻ sự thông thái của mình về triết học hay y học nữa.”

“Không ạ,” tôi thì thầm đáp. Tôi quan sát Philippe, hy vọng có được manh mối xem ông mong đợi tôi phải làm gì. “Con chưa từng nghe qua.”

Champier nghiêng đầu hưởng ứng lời tán dương từ Philippe. “Tôi chưa bao giờ biết người họ hàng của mình, sieur ạ, vì ông ấy đã chết trước khi tôi ra đời. Nhưng thật vinh hạnh được nghe ngài đánh giá cao về ông ấy.” Vì người thợ in nhìn ít nhất cũng già hơn Philippe tới hai mươi tuổi, nên ông ta hẳn phải biết rằng những người nhà de Clermont là ma cà rồng.

“Ông ấy là một sinh viên xuất sắc về phép thuật, cũng như ông.” Lời bình phẩm của Philippe thản nhiên như không, điều này khiến câu nói không có vẻ khúm núm quý lụy. Với tôi ông giải thích: “Đây là vị phù thủy ta nhắn mời đến ngay sau khi con tới, vì nghĩ ông ấy có thể giúp giải quyết bí ẩn quyền năng pháp thuật của con. Ông ấy nói đã cảm nhận được sức mạnh từ con ngay khi vẫn còn cách Sept-Tours một khoảng cách xa.”

“Có vẻ như bản năng tự nhiên đã đánh lừa tôi rồi,” Champier lẩm bẩm. “Lúc này, khi ở ngay bên cạnh, tôi thấy có vẻ cô ấy không có nhiều sức mạnh. Có lẽ cô ấy không phải là phù thủy người Anh mà mọi người bàn tán ở Limoges.”

“Limoges ư? Thật khác thường khi tin tức về con bé có thể chu du quá xa và quá nhanh như thế. Nhưng tạ ơn trời, bà Roydon là người phụ nữ Anh lang thang duy nhất mà chúng tôi phải đón nhận, thưa ông Champier.” Hai lúm đồng tiền của Philippe thoáng hiện ra khi ông tự rút cho mình một ly rượu. “Những người Pháp sống lang thang quấy rầy vào thời điểm này trong năm cũng đã đủ tồi tệ rồi, không nói đến người nước ngoài tràn lan khắp nơi nữa.”

“Những cuộc chiến đã kéo biết bao người ra khỏi tổ ấm của họ.” Một bên mắt Champier màu xanh, còn bên kia màu nâu. Đó là dấu hiệu của người có khả năng tiên tri mạnh mẽ. Vị pháp sư này có một nguồn sinh lực dẻo dai hấp thụ sức mạnh làm rung động bầu không khí xung quanh

ông ta. Theo bản năng tôi lùi một bước tránh ra xa. “Có phải đó là điều đã xảy ra với bà không, madame?”

“Ai có thể kể hết những điều khủng khiếp mà cô ấy đã chứng kiến và lệ thuộc cơ chứ?” Philippe nhún vai nói. “Vị phu quân đã chết mười ngày trước khi chúng tôi tìm thấy cô ấy trong một nông trang hẻo lánh. Bà Roydon có thể đã là nạn nhân của mọi loài dã thú.” Nhân vật cao niên nhà de Clermont cũng có tài năng bịa đặt câu chuyện cuộc đời ngang ngựa con trai ông hay Christopher Marlowe.

“Tôi sẽ tìm hiểu được những gì đã xảy ra. Đưa tay cho tôi.” Thấy tôi chần chừ, Champier trở nên nôn nóng mất kiên nhẫn. Chỉ một cú búng ngón tay, cánh tay trái của tôi đã phóng về phía ông ấy. Hoảng sợ, lạnh lẽo và cay đắng, cơn lũ cảm xúc ấy ào qua hệ thống thần kinh trong tôi khi ông ta tóm lấy bàn tay đó. Ông ta vuốt lòng bàn tay tôi, thận trọng lướt từng ngón tay tra cứu thông tin. Dạ dày tôi giật thót lên.

“Da thịt cô ấy có cho ông biết được những bí mật không?” Giọng Philippe chỉ có sự tò mò hòa nhã, nhưng một thứ thịt trên cổ ông đang giật giật.

“Làn da của một phù thủy có thể đọc như một cuốn sách.” Champier cau mày và đưa các ngón tay lên mũi mình. Ông ta hít ngửi. Mặt cau có. “Cô ta đã ở quá lâu với manjasang. Kẻ nào vẫn thường uống máu của cô ấy?”

“Đó là điều cấm kỵ,” Philippe đáp êm ái như lụa. “Không ai trong toàn bộ người nhà tôi làm đổ một giọt máu của cô gái này cả, dù vì chơi đùa hay ăn để sống.”

“Manjasang có thể đọc được thông tin trong máu sinh vật một cách dễ dàng như tôi có thể đọc trên da thịt cô ta.” Champier giật cánh tay tôi, đẩy ống tay áo lên cao và xé sợi dây buộc đẹp để giữ cho tay áo tôi nằm ngay ngắn gọn gàng trên cổ tay. “Ông thấy chưa? Kẻ nào đó đã thưởng thức cô ta. Tôi không phải là người duy nhất mong muốn được biết nhiều hơn về cô phù thủy người Anh này.”

Philippe cúi gần hơn để xem xét khuỷu tay bị phơi bày, hơi thở của ông phả lên da tôi lạnh lạnh. Mạch đập bên trong nện thành thạch dòn đập như trống rền. Philippe sau đó thì sao? Tại sao cha Matthew không dừng chuyện này lại?

“Vết thương quá cũ nên không phải cô ấy nhận được tại đây. Như tôi đã nói, cô ấy mới chỉ ở Saint-Lucien có một tuần lễ.”

Hãy suy nghĩ. Hãy sống sót. Tôi lập đi lập lại lời dạy bảo từ Philippe ngày hôm qua.

“Ai đã lấy máu của cô?” Champier căn vặn.

“Đó là một vết thương do dao,” tôi ngập ngừng đáp. “Tôi đã tự cứa vào mình.” Đó không phải lời nói dối, nhưng cũng không phải toàn bộ sự thật. Tôi cầu nguyện nữ thần sẽ cho nó qua trót lọt. Nhưng lời cầu nguyện đã không được đáp lại.

“Bà Roydon đang che giấu tôi điều gì đó – và cả với ngài nữa, tôi tin chắc vậy. Tôi phải báo cáo điều này với Đại Hội Đồng. Đây là bốn phạm của tôi, sieur.” Champier nhìn Philippe vẻ mong đợi.

“Dĩ nhiên rồi,” Philippe thì thào đáp lại. “Tôi không dám ngăn cản bốn phạm của ông đâu. Tôi có thể giúp gì không?”

“Tôi sẽ lấy làm biết ơn nếu ngài giữ chặt cô ta. Chúng ta phải tìm hiểu sâu hơn để biết sự thật,” Champier nói. “Hầu như các sinh vật đều thấy việc tìm hiểu điều tra này thật đau đớn và cho dù không có chuyện gì phải giấu giếm nhưng theo bản năng họ vẫn kháng cự lại sự đụng chạm

từ một phù thủy.”

Philippe kéo tôi ra khỏi cái nắm siết của Champier và thô lỗ ấn xuống chiếc ghế bành. Ông siết chặt một bàn tay quanh cổ tôi, tay kia đặt trên đỉnh đầu tôi. “Như thế này hả?”

“Đó là một ý tưởng, sieur.” Champier đứng phía trước, nhíu mày nhìn vào trán tôi. “Nhưng đây là cái gì vậy?” Các ngón tay dây dầy mực vuốt nhẹ lên trán. Hai bàn tay ông ta có cảm giác giống những con dao mổ, tôi khóc thút thít và vận cứng người.

“Tại sao sự đụng chạm của ông lại khiến cô ấy đau đớn thế?” Philippe thắc mắc.

“Khi việc đọc đang tiến hành đều vậy. Hãy nghĩ tương tự nhờ một cái răng ấy,” Champier giải thích, nhấc các ngón tay lên để cho tôi một thoáng gia ỡn ngắn ngủi. “Tôi sẽ lấy ra tận gốc rễ các suy nghĩ cũng như bí mật của cô ta, còn hơn là để mặc chúng thối rữa cay độc. Nó đau đớn hơn nhưng không để sót thứ gì và sẽ cho ta một bức tranh rõ ràng về điều cô ta cố gắng che giấu. Đây chính là lợi ích lớn nhất của phép thuật, ngài thấy không, cùng sự giáo dục tầm đại học. Ma pháp và các nghệ thuật truyền thống mà đám đàn bà biết là sự thô thiển, thậm chí là mê tín. Còn phép thuật của tôi là chuẩn xác.”

“Chờ một chút, monsieur. Ông phải bỏ quá cho sự ngu dốt của tôi. Có phải ông đang nói cô phù thủy này sẽ không nhớ gì về những điều ông làm hay sự đau đớn do ông gây ra?”

“Không gì cả ngoại trừ một cảm giác vương vấn rằng điều gì đó từng có giờ đã mất đi.” Các ngón tay Champier lại tiếp tục vuốt trán tôi. Ông ta cau mày. “Nhưng điều này thật kỳ lạ. Tại sao một manjasang lại để máu của hân ở đây?”

Được nhận nuôi vào gia tộc của Philippe là ký ức mà tôi không định để Champier có được. Tôi cũng không muốn ông ta xem xét các hồi ức về việc dạy học ở Yale, dì Sarah và Em, hay Matthew. Cha mẹ tôi. Các ngón tay tôi bấu chặt vào tay vịn ghế trong khi một ma cà rồng giữ đầu còn một phù thủy chuẩn bị kiểm kê và đánh cắp đi các ý nghĩ thầm kín. Thế nhưng chẳng có tiếng thì thầm từ gió phù thủy hay tiếng lách tách của lửa phù thủy xuất hiện để cứu viện tôi. Sức mạnh đó đã biến mất hoàn toàn lặng lẽ.

“Chính ông là người đã đánh dấu lên phù thủy này,” Champier lãnh đạm nói, ánh mắt đầy vẻ buộc tội.

“Đúng thế.” Philippe không giải thích gì cả.

“Điều đó là vi phạm nguyên tắc nhất, sieur.” Các ngón tay ông ta tiếp tục thăm dò tâm trí tôi. Đôi mắt Champier mở lớn vẻ băn khoăn. “Nhưng điều này là không thể nào. Làm sao cô ta có thể là một...” Ông ta thở hắt ra rồi nhìn xuống ngực mình.

Một con dao găm cắm vào giữa hai xương sườn của Champier, lưỡi dao ngấp sâu trong lồng ngực. Các ngón tay tôi nắm chặt lấy chuôi dao. Khi ông ta loạng quạng muốn rút nó ra, tôi càng ấn sâu hơn. Hai đầu gối pháp sư bắt đầu khụy xuống.

“Để kệ đó đi, Diana,” Philippe ra lệnh, vói tới để gỡ tay tôi ra. “Ông ta sắp chết rồi, và sẽ ngã sụp. Con không thể giữ được trọng lượng của một người chết đâu.”

Nhưng tôi không thể thả con dao găm ra được. Người đàn ông này vẫn còn sống và chừng nào ông ta còn thở, Champier vẫn có thể lấy đi những thứ là của tôi.

Một gương mặt trắng nhợt cùng cặp mắt đen như mực hiện ra chớp nhoáng bên bờ vai Champier trước khi một bàn tay mạnh mẽ vận cái đầu ông ta về một bên, xương cùng gân cốt gãy đánh rắc một cái. Matthew vục vào cổ họng người đàn ông, uống hết sức mình.

“Con đã ở đâu hả, Matthew?” Philippe cần nhần. “Con phải di chuyển nhanh hơn chứ. Diana đã

đâm trước khi ông ta kịp nghĩ xong.”

Trong khi Matthew hút máu, Thomas cùng Étienne chạy xộc vào phòng, một Catrine sững sốt bị kéo tới. Bọn họ dừng lại, bàng hoàng. Alain và Pierre lảng vảng ngoài hành lang với ông thợ rèn, Đầu Bếp, thêm hai người lính thường đứng gác ở cổng trước.

“Vous avez bien fait,” Philippe trấn an bọn họ. “Giờ kết thúc rồi.”

“Con định suy nghĩ.” Các ngón tay tôi tê liệt, nhưng dường như vẫn chưa thể mở bàn tay để thả con dao găm ra.

“Và sống sót. Con đã làm điều đó một cách đáng ngưỡng mộ,” Philippe đáp.

“Ông ấy chết rồi ạ?” Tôi lắp bắp.

Matthew rời miệng khỏi cổ vị pháp sư.

“Tất nhiên rồi,” Philippe nói. “Chà, ta cho rằng kẻ theo chủ nghĩa Calvin ít ồn ào hơn cả nên không cần lo lắng. Chẳng biết ông ta có kể cho bạn bè nào biết rằng mình sẽ tới đây không nhỉ?”

“Không hề, theo như những gì con có thể xác định,” Matthew đáp. Từ từ mắt anh chuyển trở lại màu xám khi xem xét tôi. “Diana. Tình yêu của anh. Đưa cho anh con dao găm nào.”

Ở đâu đó xa xôi, có tiếng kim loại rơi lạnh canh trên sàn nhà, theo sau là tiếng rơi huých nhẹ nhàng hơn của cái xác André Champier. Đôi bàn tay mát lạnh khoan dung, quen thuộc khum lấy cầm tôi.

“Ông ta khám phá được điều gì đó ở Diana khiến ông ta kinh ngạc,” Philippe nói.

“Con đã thấy khá nhiều. Nhưng lưỡi dao đã tới tim ông ta trước khi con có thể khám phá được đó là điều gì.” Matthew nhẹ nhàng kéo tôi vào vòng tay anh. Tôi như người không xương, chẳng buồn phản kháng.

“Em không... không thể... nghĩ được gì, Matthew. Champier sắp lấy đi các ký ức của em... tróc chúng tận gốc rễ. Hồi ức là tất cả những gì em có về bố mẹ. Và chuyện gì sẽ xảy ra nếu em quên đi kiến thức lịch sử của mình? Làm sao em có thể trở về nhà và dạy học sau đó được?”

“Em đã làm một việc đúng đắn.” Matthew quàng cánh tay qua. Tay kia vòng ôm hai vai, ép một bên mặt tôi áp vào lồng ngực anh. “Em lấy con dao ở đâu ra thế?”

“Trong ủng của ta. Con bé hần đã trông thấy ta rút nó ra từ đó ngày hôm qua,” Philippe đáp lời thay tôi.

“Thấy không. Em đã suy nghĩ đấy, ma lionne.” Matthew áp môi lên tóc tôi. “Cái quái quỷ gì đã lôi kéo Champier đến Saint-Lucien vậy?”

“Ta đã làm đấy,” Philippe trả lời.

“Cha bán đứng bọn con cho Champier?” Matthew quay sang cha anh. “Ông ta là một trong những sinh vật đáng bị chỉ trích nhất nước Pháp đấy!”

“Ta cần phải chắc chắn về con bé, Matthaïos. Diana biết quá nhiều bí mật của chúng ta. Ta phải biết rằng con bé đáng tin cậy với những bí mật đó, thậm chí với cả người của nó.” Philippe không hề nao núng. “Ta không chơi trò mạo hiểm với gia đình mình.”

“Và cha sẽ ngăn Champier lại trước khi ông ta đánh cắp các ý nghĩ của cô ấy chứ?” Matthew căn

vẫn, ánh mắt đen tối hơn từng giây.

“Điều đó còn tùy.”

“Vào điều gì?” Matthew bùng nổ, đôi cánh tay anh siết chặt quanh tôi.

“Nếu Champier đến ba ngày trước, ta sẽ không can thiệp vào. Đó là vấn đề giữa các phù thủy và không đáng để chuốc rắc rối cho dòng tu.”

“Cha sẽ để bạn đời của con gánh chịu hết.” Ngữ điệu trong lời nói Matthew bộc lộ sự hoài nghi.

“Mới ngày hôm qua thôi, việc can thiệp nhân danh bạn đời mình chính là trách nhiệm của con. Nếu con thất bại không làm được, thì điều đó chứng minh rằng lời cam kết giữa con với nàng phù thủy này không phải là cái nó nên có.”

“Còn hôm nay?” Tôi hỏi.

Philippe quan sát tôi. “Hôm nay con là con gái ta. Thế nên ta sẽ không để cho sự tấn công của Champier đi xa hơn nữa. Nhưng ta không cần thiết phải làm bất kỳ điều gì cả, Diana. Con đã tự cứu lấy mình.”

“Đó là lý do cha nhận con làm con gái – bởi vì Champier sắp đến ư?” Tôi thì thầm hỏi.

“Không. Con và Matthew đã vượt qua một bài kiểm tra trong nhà thờ và một bài khác trong kho cỏ. Việc thẻ bằng máu chỉ đơn giản là bước đầu tiên trong việc biến con thành một người nhà de Clermont thôi. Và giờ đã đến lúc hoàn thành nó.” Philippe quay về phong thái ra mệnh lệnh chớp nhoáng. “Đi kiểm một linh mục, Alain, và bảo dân làng tập hợp về nhà thờ vào thứ Bảy. Milord sẽ làm lễ cưới, với sách thánh và linh mục cùng tất cả Saint-Lucien chứng kiến nghi lễ này. Sẽ không có một thiếu sót nào trong hôn lễ này.”

“Con vừa giết một người đàn ông! Đây không phải lúc để thảo luận về đám cưới của chúng con.”

“Chẳng nghĩa lý gì cả. Cưới giữa một trận tắm máu là truyền thống của nhà de Clermont,” Philippe mãnh mẽ đáp. “Chúng ta có vẻ chỉ là những sinh vật kết đôi mà lũ người khác thèm khát mà thôi. Đó là một vụ kinh doanh bẩn thỉu.”

“Con. Đã giết. Ông ta.” Để đảm bảo thông điệp của mình rõ ràng, tôi chỉ vào cái xác nằm trên sàn nhà.

“Alain, Pierre, làm ơn đem ông Champier đi. Ông ta đang làm madame phiền lòng. Những người còn lại có quá nhiều việc để làm hơn là ở đây ngơ ngẩn nhìn ngó đấy.” Philippe đợi cho tới khi chỉ còn ba chúng tôi mới tiếp tục nói.

“Chú ý nghe ta cho rõ này, Diana. Sẽ có nhiều cuộc đời mất đi vì tình yêu của con và con trai ta. Một số sẽ hy sinh bản thân họ. Số khác sẽ chết vì phải thế và chính con phải là người quyết định xem sẽ là con hay họ hay ai đó mà con yêu thương. Vậy nên con phải tự hỏi chính mình điều này: Ai ra đòn chí mạng thì có gì quan trọng? Nếu con không làm điều đó, thì Matthew sẽ làm. Con thà để nó mang cái chết của Champier trong lương tâm sao?”

“Dĩ nhiên không phải thế,” tôi vội nói.

“Thế thì Pierre ư? Hay Thomas?”

“Thomas? Nó chỉ là một thằng bé thôi!” Tôi phản đối.

“Thằng bé đó đã hứa sẽ đứng chắn giữa con và kẻ thù. Con không thấy thứ nó nắm chặt trong

hai bàn tay sao? Cái ống bễ ở phòng chung cất đấy. Thomas hướng đầu kim loại nhọn ra làm vũ khí. Nếu con không giết Champier thì thằng bé sẽ xiên nó qua ruột ông ta ngay khi có cơ hội đầu tiên.”

“Chúng ta không phải là thú vật mà là những sinh vật văn minh,” tôi phản đối. “Chúng ta đáng lẽ nên nói về chuyện này và dàn xếp để không đổ máu.”

“Ta đã từng ngồi ở bàn và nói chuyện ba giờ liền với một người đàn ông – một vị vua. Không nghi ngờ gì con cùng nhiều người khác sẽ coi ông ta là một sinh vật văn minh. Cuối buổi nói chuyện giữa chúng ta, ông ấy đã ra lệnh cho giết hàng nghìn người đàn ông, đàn bà và trẻ nhỏ. Những lời nói cũng có thể giết người như gươm đao đấy.”

“Cô ấy không quen với phong cách hành động của cha đâu, Philippe,” Matthew cảnh cáo. Philippe không bao giờ lên giọng, cũng không đánh mất thói quen điềm đạm. Matthew có thể giữ những dấu hiệu nhận biết riêng, nhưng cha anh vẫn phải phụ bạc những xúc cảm sâu sắc đó.

“Không bàn luận gì nữa cả. Đến thứ Bảy, con và Matthew sẽ kết hôn. Bởi vì con là con gái được nhận nuôi bằng lời thề máu của ta, nên con sẽ không chỉ kết hôn như một tín đồ Tin Lành thuần thành mà còn theo một phương thức sẽ làm tổ tiên, cả các vị thánh thần của ta phải kinh hãi. Đây là cơ hội cuối cùng để con nói không đấy, Diana. Nếu con phải cân nhắc lại và không còn muốn có Matthew và cuộc sống – cùng cái chết – đi kèm với cuộc hôn nhân này, thì ta sẽ để con an toàn trở lại nước Anh.”

Matthew hơi tránh xa tôi. Dù chỉ là vài centimet, nhưng cử chỉ đó ngụ ý rất nhiều điều. Thậm chí ngay lúc này, anh đang để tôi lựa chọn, dù đã có quyết định cho riêng mình từ lâu rồi. Vậy đây là lựa chọn của tôi.

“Anh sẽ lấy em chứ, Matthew?” Vì tôi đã là một kẻ giết người, cho nên đặt câu hỏi ấy dường như là điều đúng đắn.

Philippe bật ra một tiếng ho khùng khục vì nín cười.

“Có, Diana. Anh sẽ lấy em. Anh đã làm rồi, nhưng anh rất hạnh phúc được làm điều đó một lần nữa để em vui lòng.”

“Lần đầu tiên em đã thấy rất mãn nguyện rồi. Lần này là dành cho cha anh.” Chẳng thể nào nghĩ ngợi nhiều hơn đến chuyện cưới xin khi mà hai chân tôi đang run lấy bầy còn trên sàn nhà thì vẫn đầy máu.

“Vậy là tất cả chúng ta đã thống nhất. Hãy đưa Diana về phòng cô ấy. Tốt nhất là con bé nên ở nguyên đó cho tới khi ta chắc chắn rằng bạn bè Champier không ở gần đâu đây.” Philippe dừng lại nửa chừng trên đường đi ra cửa. “Con đã tìm được một người phụ nữ xứng đáng với mình đấy, cùng lòng can đảm và hy vọng có thừa, Matthaïos.”

“Con biết,” Matthew đáp, cầm lấy tay tôi.

“Cũng phải biết cả điều này nữa: Con cũng xứng đáng với cô ấy. Hãy thôi hối hận về cuộc đời mình đi. Và hãy bắt đầu sống cuộc sống của chính mình.”

12.

Lễ cưới Philippe lên kế hoạch cho chúng tôi kéo dài qua ba ngày liền. Từ thứ Sáu tới Chủ Nhật, gia nhân trong lâu đài, dân làng và mọi người cách xa hàng dặm đường quanh đó đều có dính líu đến cái mà ông khẳng khái là công việc nhỏ trong gia đình.

“Đã một thời gian dài rồi chúng ta không có đám cưới nào, và mùa đông là thời gian không mấy vui vẻ trong cả năm. Chúng ta nợ dân làng điều đó.” Đây là cách Philippe dẹp qua một bên những lời phản đối của chúng tôi. Cả Đầu Bếp cũng khó chịu khi Matthew gợi ý rằng thật không khả thi khi tổ chức những ba buổi tiệc từng được quyết định gấp rút vào phút chót thế này trong khi các kho thức ăn dự trữ đang cạn dần và những người Tin Lành thực hành tiết độ. Vậy là có một cuộc chiến rồi và giờ là Mùa Vọng, Đầu Bếp chế giễu. Không còn lý do nào để từ chối tiệc tùng cả.

Với toàn gia trong không khí hừng hực náo động này, chẳng ai quan tâm đến sự giúp đỡ từ chúng tôi cả, nên Matthew và tôi bị bỏ mặc với việc của mình.

“Lễ cưới này bao gồm những gì thế?” Tôi thắc mắc khi cả hai nằm trước lò sưởi trong thư viện. Tôi đang mặc món quà cưới Matthew tặng: một trong những chiếc áo sơ mi dài trùm tới tận đầu gối của anh kèm một đôi bít tất dài đã cũ, được Matthew khâu hai chân lại với nhau thành một thứ tựa tựa như quần legging – trừ cái dây thắt lưng và độ co giãn. Còn có một thứ tiền thân là cái thắt lưng da bản hẹp được gắn những mẩu đinh bấm cũ mà Matthew tìm thấy trong chuồng ngựa. Nó là món trang phục dễ chịu thoải mái nhất tôi được mặc kể từ dịp Halloween, còn Matthew, anh chàng gần đây không nhìn thấy chân tôi nhiều lắm, đã bị hút mất tâm thần rồi.

“Anh không biết, mon coeur. Anh chưa bao giờ tham dự vào một đám cưới nào của người Hy Lạp cổ trước đây.” Những ngón tay Matthew lần vào chỗ hõm nơi khoeo chân tôi.

“Chắc chắn vị linh mục kia sẽ không cho phép Philippe làm bất cứ điều gì có vẻ tà đạo một cách công khai như thế. Nghi lễ này thực tế sẽ phải theo Thiên Chúa giáo.”

“Gia đình này chưa bao giờ đặt từ ‘chắc chắn’ và ‘Philippe’ trong cùng một câu. Nó luôn kết thúc một cách tồi tệ.” Matthew đặt nụ hôn lên hông tôi.

“Ít nhất thì sự kiện tối nay chỉ là một bữa yến tiệc thôi. Em đáng lẽ có thể vượt qua được mà không quá phiền não.” Thở dài một hơi, tôi ngả đầu vào hai cánh tay. “Cha của chú rể luôn chú trọng đến bữa tối tổng duyệt. Em cho rằng điều Philippe đang làm cơ bản cũng giống thế.”

Matthew cười to. “Hầu như không khác gì cả – miễn là thực đơn còn có món cá trình nướng vỉ và một con công mạ vàng. Ngoài ra, Philippe đã tìm cách chỉ định bản thân ông không chỉ là cha của chú rể mà còn là cha của cô dâu nữa mà.”

“Em vẫn không hiểu vì sao chúng ta phải làm ồn ào nhặng xị lên như thế.” Dì Sarah và cô Em không hề có buổi lễ chính thức nào. Thay vào đó một thành viên cao niên trong hội đồng phù thủy ở Madison chủ trì buổi lễ đính hôn. Nhìn lại, nó khiến tôi nhớ đến những lời thề nguyện cả hai đã trao nhau trước khi bước vào chuyến du hành thời gian: giản dị, riêng tư, và nhanh chóng kết thúc.

“Các đám cưới không phải vì lợi ích của cô dâu chú rể. Hầu như các cặp vợ chồng đều sẽ mãn nguyện với việc tự làm như chúng ta, nói vài lời, rồi lên đường đi trăng mật. Đám cưới chỉ là nghi thức thông qua dành cho cộng đồng.” Matthew lăn ngửa ra, còn tôi chống người trên hai khuỷu tay.

“Nó chỉ là một nghi lễ rỗng tuếch.”

“Chẳng có gì cả.” Matthew nhìn mặt. “Nếu em không chịu nổi nó, em phải nói không.”

“Không. Cứ để Philippe tổ chức đám cưới của ông đi. Nó chỉ hơi... quá choáng ngợp.”

“Hắn là em ước dì Sarah và Emily ở đây để chia sẻ điều này cùng chúng ta.”

“Nếu ở đây, họ sẽ ngạc nhiên khi em không trốn đi với anh. Em nổi tiếng là người thui thủi một mình mà. Em đã từng nghĩ anh cũng là người cô độc cơ.”

“Anh ư?” Matthew cười lớn. “Ngoại trừ trên truyền hình hay trong các bộ phim, ma cà rồng hiếm khi cô đơn. Bọn anh thích bầu bạn hơn. Thậm chí phù thủy cũng được, vào lúc cần thiết.” Anh hôn tôi để chứng minh.

“Thế nếu hôn lễ này diễn ra ở New Haven, em sẽ mời những ai?” Sau một lúc anh hỏi.

“Dì Sarah và cô Em, dĩ nhiên rồi. Chris bạn em.” Tôi cắn môi. “Có thể cả trưởng khoa của em nữa.” Im lặng bao trùm.

“Thế thôi sao?” Anh trông có vẻ sững sốt.

“Em không có nhiều bạn bè.” Bồn chồn không yên, tôi đứng lên. “Em nghĩ lửa sắp tắt rồi.”

Matthew kéo tôi trở lại. “Lửa vẫn tốt mà. Và giờ em có rất nhiều bạn bè họ hàng rồi.”

Nhắc đến gia đình là một sự mở màn tôi vẫn đang chờ đợi. Mắt tôi lơ đãng nhìn tới cái tủ búp phê ở cuối giường. Chiếc hộp của Marthe được giấu trong đó, kẹp giữa những lớp vải lạnh sạch sẽ.

“Có chuyện chúng mình cần bàn bạc.” Đây là lúc anh ấy để mặc tôi mà không cắt ngang. Tôi kéo chiếc hộp ra.

“Đó là cái gì?” Matthew nhú mày hỏi.

“Thảo dược của Marthe – những thứ bà dùng trong món trà của mình. Em đã tìm thấy chúng trong phòng chung cất.”

“Anh thấy rồi. Và em vẫn uống nó à?” Câu hỏi từ anh khá lạnh nhạt.

“Tất nhiên không. Liệu chúng mình có con hay không, không thể nào là quyết định của một mình em được.” Khi tôi mở nắp hộp ra, mùi hương thảo dược khô tỏa vào không khí.”

“Cho dù Marcus và Miriam đã nói gì hồi ở New York, thì cũng không có bằng chứng nào về việc em và anh có thể sinh con. Thậm chí biện pháp tránh thai bằng thảo dược như thế này biết đâu lại gây tác dụng phụ,” Matthew đáp lạnh lùng lãnh đạm.

“Vậy một trong những xét nghiệm mang tính khoa học của anh đã tiết lộ rằng chúng ta có thể sinh con. Vậy anh còn muốn em uống trà này không?”

“Hỗn hợp của Marthe không hẳn đáng tin cậy.” Matthew nhìn đi nơi khác.

“Được rồi. Các giải pháp thay thế là gì?” Tôi hỏi.

“Tiết chế. Rút ra sớm. Và còn có bao cao su, mặc dù chúng cũng không an toàn lắm. Đặc biệt không phải là thứ sẵn có cho chúng ta trong thời đại này.” Matthew nói đúng. Bao cao su thế kỷ mười sáu được làm từ vải lanh, da thuộc, hoặc ruột động vật.

“Còn nếu một trong các phương pháp này đáng tin cậy thì sao?” Sự kiên nhẫn của tôi đang thật mong manh.

“Nếu... nếu... chúng ta có thể cùng nhau thụ thai một đứa trẻ, đó sẽ là phép màu, và vì thế không có hình thức tránh thai nào hiệu quả cả.”

“Thời gian của anh ở Paris đã không phải hoàn toàn uổng phí, dù cha anh nghĩ gì đi nữa. Đó là cuộc tranh cãi xúng tằm của một nhà thần học thời trung cổ.” Trước khi tôi kịp đóng chiếc hộp lại, hai bàn tay Matthew đã phủ lên tay tôi.

“Nếu chúng ta có thể thụ thai và nếu thứ trà này có hiệu quả, anh vẫn muốn em để lại chỗ thảo dược này ở phòng chung cất.”

“Cho dù anh có thể truyền cơn bệnh cuồng máu sang một đứa con khác ư?” Tôi buộc bản thân mình phải thẳng thắn với anh, bất chấp thực tế những lời lẽ này sẽ gây tổn thương.

“Đúng.” Matthew cân nhắc từng lời trước khi tiếp tục. “Khi anh nghiên cứu các mẫu bị tuyệt chủng và tận mắt nhìn bằng chứng trong phòng thí nghiệm cho thấy chúng ta đang chết dần, tương lai dường như thật vô vọng. Nhưng nếu anh phát hiện ra dù chỉ một nhiễm sắc thể duy nhất biến đổi, hay khám phá về một hậu duệ không ngờ tới lúc anh nghĩ tới một dòng dõi huyết thống đã tuyệt chủng rồi, cảm giác sự hủy diệt không thể tránh được dâng lên. Lúc này anh cũng đang cảm thấy y như thế.” Tôi thường xuyên gặp rắc rối khi Matthew đứng vào vị trí khách quan khoa học, nhưng lần này thì không. Anh đón lấy chiếc hộp từ tay tôi. “Còn em thì sao?”

Tôi đã luôn cố gắng tìm hiểu điều này từ nhiều tuần nay, ngay khi Miriam và Marcus xuất hiện ở nhà dì Sarah cùng với kết quả xét nghiệm DNA của tôi và lần đầu tiên gọi ra vấn đề con cái. Tôi đã chắc chắn về tương lai của mình cùng với Matthew nhưng không mấy chắc về cái tương lai có thể liên đới này.

“Em ước gì mình có thêm thời gian để quyết định.” Càng lúc nó càng trở thành điệp khúc thường xuyên của tôi. “Nếu chúng ta vẫn còn ở thế kỷ hai mốt, em sẽ dùng thuốc để tránh thai.” Tôi ngập ngừng. “Dù vậy, em cũng không dám chắc thuốc đó sẽ có tác dụng.”

Matthew vẫn chờ đợi câu trả lời từ tôi.

“Khi em đâm con dao găm của Philippe vào Champier, tất cả những gì em có thể nghĩ tới là ông ta sắp lấy đi ý nghĩ và kỷ niệm của mình, và em sẽ không còn là con người như trước đây khi quay lại cuộc sống hiện đại. Nhưng nếu chúng mình có quay về vào đúng giây phút đó đi nữa, thì cũng sẽ khác mọi người. Tất cả những nơi ta từng đến, những người đã gặp, những bí mật mình cùng chia sẻ – em không còn là Diana Bishop trước kia và anh cũng không phải là Matthew Clairmont đó nữa. Một đứa bé thậm chí sẽ thay đổi chúng ta nhiều hơn nữa.”

“Vậy là em muốn tránh thai,” anh thận trọng nói.

“Em không chắc.”

“Thế thì câu trả lời là có. Nếu em không chắc mình muốn làm cha mẹ, thì chúng ta phải dùng bất cứ biện pháp tránh thai nào có sẵn.” Giọng Matthew kiên quyết. Và cái cảm của anh cũng thật kiên nghị.

“Em rất muốn được làm mẹ. Nhiều đến mức chính mình phải ngạc nhiên, nếu anh cần biết.” Tôi ấn các ngón tay vào hai bên thái dương. “Em thích ý tưởng được cùng anh nuôi dạy một đứa con. Cảm giác thật nhanh chóng.”

“Nhanh thôi. Vậy chúng mình sẽ làm những gì cần thiết để giới hạn khả năng này cho tới khi... nếu... em sẵn sàng. Nhưng đừng đẩy hy vọng của em lên cao quá. Khoa học rất rõ ràng rồi, Diana. Ma cà rồng tái sản sinh thông qua việc hồi sinh, chứ không phải sinh nở. Quan hệ của chúng ta có thể khác nhưng chúng ta không quá đặc biệt để đảo lộn hàng nghìn năm sinh vật

học.”

“Bức tranh đám cưới giả kim thuật ở cuốn Ashmole 782 – nó nói về chúng ta. Em biết điều đó. Và Miriam đã đúng: bước kế tiếp trong quá trình chuyển hóa của thuật giả kim sau hôn lễ giữa vàng và bạc là sự thụ thai.”

“Thụ thai ư?” Philippe cất giọng lè nhè kéo dài từ ngoài cửa. Đôi mắt của ông kéo kệt kêu khi ông đẩy người qua khung cửa rồi tiến vào. “Không có ai từng nhắc đến khả năng đó cả.”

“Bởi vì điều đó là không thể. Con đã quan hệ với các phụ nữ máu nóng khác và họ chưa bao giờ mang thai cả. Hình ảnh hôn lễ hóa học có lẽ được ám chỉ như một thông điệp, như Diana nói, nhưng cơ hội để hình tượng tượng trưng này trở thành hiện thực là rất mong manh.” Matthew lắc đầu. “Từ trước đến giờ, không manjasang nào từng trở thành cha một đứa trẻ theo cách đó cả.”

“Không bao giờ là một khoảng thời gian dài, Matthew, như ta đã nói với con rồi đấy. Về phần không thể thì, ta bước đi trên trái đất này lâu hơn cả kỷ ức của loài người và nhìn thấy những điều mà các thế hệ sau này coi nhẹ như là truyện thần thoại. Đã từng có thời tồn tại các sinh vật khác người biết bơi như cá dưới biển và số khác thì sử dụng mũi tên bằng tia chớp thay vì giáo mác. Bọn họ giờ đều đã biến mất, bị thay thế bởi những thứ mới mẻ. ‘Sự thay đổi chính là điều đáng tin cậy duy nhất trên thế gian này.’”

“Heraclitus,” tôi lẩm bẩm.

“Người đàn ông thông thái nhất,” Philippe nói, hài lòng bởi tôi đã nhận ra câu trích dẫn.

“Các vị thần thích làm ta ngạc nhiên khi chúng ta trở nên tự mãn. Đó là một hình thức giải trí ưa thích của họ.” Ông sờ sãi bộ trang phục khác thường trên người tôi. “Tại sao con lại mặc áo sơ mi và tất dài của Matthew?”

“Anh ấy tặng con. Nó gần giống những thứ con mặc ở thời đại của mình và Matthew muốn con thấy thoải mái. Con nghĩ anh ấy đã tự khâu những cái chân vào với nhau.” Tôi xoay người để trình diễn cả bộ trang phục. “Ai ngờ được đàn ông nhà de Clermont lại có thể xe chỉ luồn kim cơ chứ, chưa nói tới việc khâu một đường thẳng tắp nữa?”

Philippe nhướn cặp lông mày. “Thế con nghĩ Ysabeau đã may vá trang phục bị rách nát mỗi khi chúng ta trở về nhà từ một cuộc chiến ư?”

Ý nghĩ Ysabeau đang lặng lẽ khâu vá trong khi chờ đợi những người đàn ông của bà trở về khiến tôi cười khúc khích. “Thật khó tưởng tượng.”

“Ta thấy là con biết bà ấy rõ đấy. Nếu con quyết tâm ăn mặc như một cậu con trai thì ít nhất hãy mặc cái quần tùm vào. Nếu linh mục mà thấy con, tim ông ta sẽ ngừng đập và nghi lễ ngày mai phải hoãn lại mất.”

“Nhưng con sẽ không ra ngoài mà,” tôi nhả nhó nói.

“Ta muốn mang con tới nơi thờ phụng các vị thần cổ xưa trước khi làm đám cưới. Không xa đâu,” Philippe nói khi Matthew hít vào một hơi định phản nản, “và ta muốn cả hai được riêng tư, Matthaïos.”

“Con sẽ gặp cha ở chuồng ngựa,” tôi đồng ý không hề chần chừ. Chút ít thời gian giữa bầu không khí trong lành sẽ cho tôi cơ hội thoải mái thanh tẩy đầu óc mình.

Ở ngoài trời, tôi hưởng thụ cảm giác nhói nhói của bầu không khí giá lạnh trên hai má cùng vẻ thanh bình hiu hắt ảm đạm vào mùa đông chốn đồng quê. Chẳng mấy chốc Philippe và tôi đã lên tới một đỉnh đồi bằng phẳng hơn hầu hết các ngọn đồi tròn quanh Sept-Tours. Mặt đất lớn

nhỏ những hòn đá thò ra thụt vào gây ấn tượng đối xứng kỳ quái. Mặc dù cổ xưa và mọc um tùm cây cối, nhưng những hòn đá này không phải tự nhiên. Chúng được con người tạo nên.

Philippe quăng người xuống ngựa, rồi ra hiệu cho tôi làm điều tương tự. Khi tôi đã đứng trên đất, ông nắm lấy khuỷu tay tôi và dẫn đi xuyên qua hai khối đá kỳ lạ để tiến vào một vùng đất phủ đầy tuyết êm ái. Dấu vết từ cuộc sống hoang dã đã làm hỏng diện mạo cổ xưa của nơi này – đường nét hình trái tim của móng guốc một chú hươu, dấu vuốt năm móng của loài gấu, những dấu chân có sự kết hợp giữa hình tam giác và hình oval thuộc về loài sói.

“Nơi này là gì vậy?” Tôi hỏi, giọng nói chìm vào tĩnh lặng.

“Một đền thờ dành cho Diana từng ở đây, từ trên cao nhìn ra phía cánh rừng và các thung lũng nơi bầy hươu nai thích chạy nhảy. Những người sùng kính nữ thần đã trồng nhiều cây bách linh thiêng để chúng mọc lên cùng với sỏi và tổng quán sỏi bản địa.” Philippe chỉ vào những cây cột mỏng mảnh màu xanh lá đứng canh gác quanh khu vực. “Ta đã muốn mang con tới đây vì khi còn nhỏ, rất rất xưa rồi, trước khi ta trở thành một manjasang, các cô dâu sẽ tới một ngôi đền như thế này trước lễ cưới của họ và làm lễ hiến tế cho nữ thần. Khi đó, chúng ta gọi bà là Artemis.”

“Một nghi lễ hiến tế ư?” Miệng tôi khô khốc. Đã có đủ máu đổ rồi mà.

“Cho dù chúng ta thay đổi thế nào chăng nữa, thì việc nhớ về quá khứ và kính sợ nó là rất quan trọng.” Philippe đưa cho tôi một con dao cùng một cái túi có thứ đựng bên trong chuyển động lạnh lạnh. “Cũng sẽ khôn ngoan nếu biết sắp đặt lại những sai lầm cũ thành điều đúng đắn. Các nữ thần không phải lúc nào cũng thấy hài lòng với hành động của bề dưới. Ta muốn chắc chắn rằng Artemis nhận được lễ vật của bà trước khi con trai ta cưới con vào ngày mai. Dao là để ghim chặt tóc con. Nó là biểu tượng thời kỳ con gái của con và là món quà theo phong tục. Tiền là biểu tượng cho giá trị xứng đáng của con.” Giọng Philippe hạ xuống thành một tiếng thì thầm bí ẩn. “Còn có nhiều hơn nữa cơ, nhưng ta cũng phải để dành một ít cho vị thần của Matthew.”

Philippe dẫn tôi tới một cái bệ thờ ở trung tâm tòa kiến trúc đồ sộ này. Một hàng các loại lễ vật đặt trên đó – một con búp bê bằng gỗ, một chiếc giày trẻ con, một cái bát thóc ướt sũng tuyết.

“Con ngạc nhiên là vẫn còn có người tới đây,” tôi nói.

“Trên khắp nước Pháp, những người phụ nữ vẫn nhún gối chào mặt trăng vào dịp trăng tròn. Các tập quán như vậy rất khó mất đi, đặc biệt chúng giúp con người vượt qua thời kỳ khó khăn.”

Philippe tiến tới cái bệ thờ dùng tam này. Ông không cúi đầu, hay quỳ gối, hay làm bất cứ một dấu hiệu quen thuộc nào khác thể hiện sự tôn kính đối với một vị thần, nhưng khi bắt đầu nói, giọng ông khê khàng đến nỗi tôi phải căng tai ra mới nghe được. Sự hòa trộn kỳ lạ giữa tiếng Hy Lạp và tiếng Anh giúp tôi hiểu nghĩa đôi chút. Tuy nhiên, mục đích long trọng của Philippe thì thật rõ ràng.

“Artemis Agroterê, nữ thợ săn lừng lẫy, Alcides Leontothymos cầu xin người đón nhận đứa trẻ Diana này trong vòng tay người. Artemis Lykeiê, nữ chủ nhân của bầy sói, xin hãy bảo vệ con bé bằng mọi giá. Artemis Patrôia, nữ thần của tổ tiên nguồn cội, xin hãy ban phước cho con bé bằng những đứa trẻ để dòng giống của con được tiếp nối.”

Dòng giống của Philippe. Giờ tôi đã là một phần trong nó, bằng hôn lễ này cũng như bằng lời thề máu.

“Artemis Phôsphoros, xin hãy mang ánh sáng thông thái của người đến cho con bé khi nó chìm

trong tấm tối. Artemis Upis, xin hãy dõi theo đứa trẻ trùng tên với người trong suốt cuộc hành trình của con bé trên thế giới này.” Philippe hoàn thành lời khẩn cầu và ra hiệu cho tôi tiến tới.

Sau khi cẩn thận đặt chiếc túi chứa những đồng xu xuống cạnh chiếc giày trẻ con, tôi đưa tay lên, kéo ra một lọn tóc sau gáy. Con dao thật sắc, nó dễ dàng cắt đi lọn tóc xoắn chỉ bằng một nhát duy nhất.

Chúng tôi đứng lặng lẽ trong ánh trời chiều chạng vang. Một luồng sức mạnh quét qua mặt đất ngay bên dưới chân tôi. Nữ thần đã ở đây. Trong một khắc, tôi có thể tưởng tượng ra ngôi đền như nó từng đứng sừng sững nơi này – mờ ảo, lấp lánh, nguyên vẹn. Tôi liếc trộm sang Philippe. Với tấm da lông gấu khoác trên vai, cả ông trông cũng giống sự gọi nhớ hoang dã về một thế giới đã mất. Và ông đang chờ đợi điều gì đó.

Một con hươu đực với bộ gạc cong vút bước ra từ rặng cây bách rồi đứng yên đó, hơi thở bốc khói từ hai lỗ mũi. Với những bước chân lặng lẽ, con hươu đực tiến về phía tôi. Đôi mắt lớn màu nâu của nó đầy vẻ thách thức, khi đến đủ gần tôi có thể trông thấy những đường mép sắc bén trên bộ gạc. Con hươu ngạo mạn nhìn thẳng vào Philippe và rống lên, lời chào của một con thú dành cho một con thú khác.

“Sas efharisto”, Philippe nghiêm trang nói, bàn tay ông đặt lên chỗ trái tim. Ông quay sang tôi. “Artemis đã chấp nhận món quà của con. Giờ chúng ta có thể đi rồi.”

Matthew vẫn đang nghe ngóng tiếng cả hai trở về và chờ sẵn trong sân lâu đài, gương mặt anh lo lắng khi thấy chúng tôi phóng ngựa tới.

“Con hãy chuẩn bị sẵn sàng cho bữa tiệc lớn,” Philippe dặn dò lúc tôi xuống ngựa. “Khách khứa của chúng ta chẳng mấy chốc sẽ tới.”

Tôi tặng cho Matthew thứ mà mình hy vọng là một nụ cười tự tin trước khi đi lên lầu. Bóng tối buông xuống, tiếng ồn ào huyền ảo của các hoạt động cho biết lâu đài đang đầy ắp người. Chẳng bao lâu Catrine và Jehanne đến giúp tôi sửa soạn váy áo. Chiếc váy dài họ sắp ra là món đồ đẹp dễ nhất mà tôi từng mặc. Chất vải màu xanh lá cây sẫm lúc này gọi nhớ tới cây bách cạnh đền thờ hơn là cây nhựa ruồi được dùng trang trí lâu đài nhân dịp Mùa Vọng. Những chiếc lá sồi bạc được thêu trên thân áo lấp lánh ánh nến như đôi sừng gạc của chú hươu đực kia bắt những tia sáng mặt trời của buổi hoàng hôn.

Ánh mắt các cô gái sáng rỡ lúc họ hoàn thành. Tôi chỉ có thể thoáng nhìn mái tóc mình (được vén lên thành những lọn bím tóc xoắn) và gương mặt nhợt nhạt trong tấm gương bạc bóng lộn của Louisa. Nhưng nét mặt của họ biểu đạt rằng sự biến đổi nơi tôi xứng đáng với đám cưới.

“Bien,” Jehanne khe khẽ nói.

Catrine mở cửa bằng một động tác bay bướm và những mũi thêu bằng chỉ bạc trên chiếc váy dài bùng sáng trong ánh đuốc từ hành lang. Tôi nín thở chờ đợi phản ứng của Matthew.

“Jesu ơi,” anh thốt lên, ngỡ ngàng. “Em đẹp quá, mon coeur.” Matthew cầm lấy hai bàn tay tôi và nâng lên để ngắm nhìn trọn vẹn. “Chúa lòng lành, có phải em đang mặc hai bộ tay áo không thế?”

“Em nghĩ là ba đấy chứ,” tôi cười vang. Tôi mặc một chiếc áo lót vải lanh với cổ tay áo giả bằng ren bó sát, hai tay áo bó chặt màu xanh lá cây tiếp màu với thân áo và chân váy, hai tay áo bông lên to tướng bằng lụa xanh lá cây rủ xuống từ vai tôi, được thu gọn lại ở khuỷu tay và cổ tay áo. Jehanne, người đã đến Paris năm ngoái để tháp tùng Louisa, cam đoan rằng thiết kế này là à la mode.

“Nhưng làm thế nào anh hôn em được với tất cả thứ này chắn đường?” Matthew di ngón tay

vòng quanh cổ tôi. Chiếc cổ áo xếp nếp chìa ra ngoài tới cả chục centimet, rung lên đáp lại.

“Nếu anh làm nát nó, Jehanne sẽ đột quy mất,” tôi thì thào khi anh cẩn thận ôm lấy khuôn mặt tôi trong đôi tay mình. Cô ấy đã dùng một dụng cụ giống như cái thanh uốn bằng sắt để bẻ cong cả mét vải lanh thành hình dạng tám cuộn xoắn diềm dứa. Công việc đó làm mất hàng giờ đồng hồ.

“Đừng sợ nhé. Anh là bác sĩ mà.” Matthew cúi xuống áp miệng anh lên miệng tôi. “Đấy, không bị cái cổ áo xếp làm phiền.”

Alain khẽ hắng giọng. “Họ đang đợi hai vị đấy ạ.”

“Matthew,” tôi nói, tóm lấy tay anh, “em cần phải nói với anh một chuyện.”

Anh ra hiệu cho Alain để chúng tôi lại riêng tư trong dãy hành lang.

“Chuyện gì thế?” Anh bứt rứt hỏi.

“Em đã sai Catrine tới phòng chưng cất để bỏ đi chỗ thảo dược của Marthe.” Đấy là một bước tiến lớn, không dừng lại ở điều mà tôi đã mang theo vào kho hoa bia để đưa cả hai tới đây.

“Em chắc chắn chứ?”

“Em chắc chắn,” tôi đáp, nhớ tới những lời của Philippe nơi đền thờ.

Chúng tôi tiến vào sảnh, tiếng thì thầm cùng nhiều cái liếc mắt nhìn dọc hai bên lối đi chào đón chúng tôi. Sự thay đổi trong dáng vẻ bề ngoài của tôi đã được người ta để ý thấy, những cái gật đầu như nói rằng cuối cùng tôi trông cũng giống một người xứng đôi sẽ kết hôn với milord của họ.

“Họ đây rồi,” Philippe lớn tiếng từ chiếc bàn thường lệ của gia đình. Có ai đó bắt đầu vỗ tay và nhanh chóng lan truyền rung chuyển cả sảnh đường. Nụ cười trên gương mặt Matthew ban đầu dè dặt nhưng khi tiếng ồn ào tăng thêm, nó rộng mở thành nụ cười toe toét hân hoan.

Chúng tôi ngồi vào vị trí danh dự hai bên Philippe, sau đó ông tuyên bố cho mang món đầu tiên và âm nhạc cũng bắt đầu nổi lên. Tôi được mời nếm mỗi thứ một phần nhỏ do Đầu Bếp chuẩn bị. Có đến hàng tá đĩa các món ăn: súp làm bằng đậu hời, cá chình nướng vỉ, bột đậu lăng nghiền thơm ngon, cá tuyết biển trong nước sốt tỏi, và cả một con cá bơi qua biển nước cam từng dương sền sệt, với những nhành hoa oải hương kèm hương thảo đóng vai các loài cây dưới nước. Philippe giải thích rằng thực đơn này là đề tài của những cuộc thương lượng nóng bỏng giữa Đầu Bếp và ngài linh mục của làng. Sau khi trao đổi với vài sứ giả, hai bên cuối cùng đã thống nhất rằng bữa tiệc tối nay sẽ tôn trọng triệt để chế độ ăn chay ngày thứ Sáu cấm thịt, sữa và pho mát, trong khi yến tiệc ngày mai sẽ là một khúc phóng túng–không–kiềm–giữ–ngăn–cấm.

Để thích hợp với chú rể, khẩu phần ăn của Matthew có phần nhân đạo hơn tôi – chẳng cần thiết như vậy, vì anh ấy có ăn gì đâu và uống rất ít. Cánh đàn ông ở mấy bàn kế bên trêu đùa anh nên để dành sức mạnh vào những thử thách sắp tới.

Đến lúc rượu vang thơm lừng bắt đầu chảy tràn và món quả hạch thơm ngon giòn tan làm bằng quả óc chó cùng mật ong được truyền đi dọc các bàn, thì những lời bình luận từ bọn họ đã hết sức thô tục và lời đáp trả của Matthew thì như có gai. Đáng mừng là hầu hết lời nhạo báng hay khuyên bảo của họ được thốt ra bằng những ngôn ngữ tôi hoàn toàn chẳng hiểu, nhưng dù thế Philippe thỉnh thoảng lại dùng tay bịt hai lỗ tai tôi.

Trái tim tôi nhẹ nhõm khi tiếng cười cùng tiếng nhạc dâng lên. Tối nay, Matthew trông không giống một chàng ma cà rồng–một–nghìn–năm–trăm–tuổi mà giống như mọi chú rể vào buổi

tối trước đám cưới của mình: bên lên, vui vẻ, hơi bồn chồn lo lắng. Đây là người đàn ông tôi yêu. Và trái tim tôi như ngừng nhịp trong thoáng chốc mỗi khi ánh mắt đắm đuối của anh chiếu lên mình.

Ca hát vang lên khi Đầu Bếp phục vụ lượt rượu cuối cùng, keo thì là và hạt bạch đậu khấu. Một người đàn ông ở cuối sảnh cất tiếng hát bằng chất giọng trầm sâu, những người xung quanh cũng bắt liên theo giai điệu ấy. Ngay sau đó mọi người cùng hòa nhịp, tiếng giậm chân và vỗ tay lớn đến nỗi không thể nghe thấy các nhạc công cố gắng một cách tuyệt vọng để bắt kịp theo họ.

Trong khi khách khứa bận nghĩ ra bài hát mới, Philippe đi nhiều vòng, chào hỏi từng người. Ông tung hứng những đứa bé lên không trung, hỏi han về bầy gia súc và lắng nghe chăm chú trong khi các cô lão kể lể về cơn đau nhức của họ.

“Nhìn ông mà xem,” Matthew ý vị thâm trường nói, cầm lấy tay tôi. “Làm sao Philippe có thể khiến mọi người cảm thấy họ là vị khách quan trọng nhất trong căn phòng này được nhỉ?”

“Anh nói cho em đi,” tôi cười đáp. Khi Matthew nhìn có vẻ lúng túng, tôi lắc lắc đầu. “Matthew, anh chính xác cũng y như thế. Tất cả những gì anh cần làm để điều khiển cả một căn phòng đầy người là hòa nhập vào đó.”

“Nếu em muốn một người anh hùng như Philippe, em sẽ thất vọng về anh đấy,” Matthew nói.

Tôi nâng khuôn mặt anh trong hai bàn tay mình. “Vì món quà cưới của anh, em ước gì mình có một câu thần chú có thể khiến anh nhìn nhận bản thân như mọi người khác vẫn nhìn.”

“Những gì phản chiếu trong mắt em, anh trông cũng hết vậy thôi. Có lẽ hơi bồn chồn lo lắng, theo như Guillaume vừa chia sẻ về ham muốn xác thịt của phụ nữ lớn tuổi,” Matthew đùa giỡn, cố gắng đánh lạc hướng tôi. Nhưng tôi không hề mắc lừa.

“Nếu anh không trông thấy một vị thủ lĩnh, vậy là anh không nhìn một cách cẩn thận rồi.” Mặt chúng tôi gần sát đến mức tôi có thể ngửi thấy gia vị trong hơi thở của anh. Không nghĩ ngợi gì, tôi kéo anh về phía mình. Philippe đã cố gắng nói với Matthew rằng anh xứng đáng được yêu. Có lẽ nụ hôn này sẽ càng thuyết phục hơn.

Ở phía xa, tôi nghe thấy tiếng hò reo và thêm nhiều tiếng vỗ tay nữa. Sau đó có cả tiếng giậm chân.

“Hãy để cho cô gái mong chờ điều gì đó vào ngày mai, Matthaïos, nếu không cô ấy có thể không gặp con ở nhà thờ đâu!” Philippe nói vọng sang, kéo theo một tràng cười ồ lên từ đám đông. Matthew và tôi tách ra trong vẻ ngượng ngùng hạnh phúc. Tôi đưa mắt tìm kiếm khắp sảnh và thấy cha Matthew ở bên cạnh lò sưởi, đang so dây đàn một nhạc cụ có bảy dây. Matthew bảo với tôi đó là đàn kithara. Một sự im lặng mong đợi bao trùm cả gian phòng.

“Khi ta còn nhỏ, thường có những câu chuyện kể cuối mỗi bữa tiệc như thế này, những câu chuyện về các vị anh hùng và những chiến binh vĩ đại.” Philippe gảy dây đàn, tạo nên chuỗi âm thanh êm ái. “Và cũng như tất cả cánh đàn ông, những vị anh hùng cũng rơi vào lưới tình.”

Tiếng đàn của ông tiếp tục tinh tang, ru người nghe cuốn vào nhịp điệu câu chuyện.

“Một người anh hùng với mái tóc đen và đôi mắt màu xanh lá tên là Peleus đã rời khỏi quê hương để tìm kiếm vận may cho mình. Đó là một nơi rất giống Saint-Lucien, ẩn mình trong những rừng núi, nhưng Peleus từ lâu đã mơ về biển cả và những chuyến phiêu lưu mà chàng ta có thể trải qua ở những vùng đất xa lạ. Chàng tập hợp đám bằng hữu của mình lại, và họ cùng chu du qua các đại dương của thế giới. Ngày nọ, họ đến một hòn đảo nổi tiếng bởi những người phụ nữ xinh đẹp có phép thuật quyền năng.” Matthew và tôi trao đổi những cái nhìn thật dài.

Giọng nói trầm ấm của Philippe ngân lên:

Hạnh phúc hơn cả đó là thời đại dành cho đấng mày râu

Để giờ đây thương yêu mong mỏi! Các ngài – những anh hùng,

Dòng dõi của thần thánh trong thời đại bạc, xin hãy ban ân cho con

Khi con gọi các ngài lúc này bằng bài ca màu nhiệm của con.

Cả căn phòng bị thôi miên bởi giọng hát trầm bổng thần tiên của Philippe.

“Ở nơi đó, Peleus lần đầu tiên trông thấy Thetis, con gái của Nereus, vị thần biển cả, người không bao giờ nói dối và nhìn thấy được tương lai. Từ cha mình, Thetis có được khả năng tiên tri và có thể vận mình biến hình từ những con nước đang di chuyển cho đến ngọn lửa sống động rồi đến không khí. Mặc dù Thetis rất xinh đẹp, nhưng không ai xin cưới nàng làm vợ cả, vì một lời sấm tiên tri rằng con trai nàng sẽ có sức mạnh hơn cả cha của nó.

Peleus đã yêu Thetis bất chấp lời tiên tri kia. Nhưng để cưới một người phụ nữ như thế, chàng phải có đủ dũng cảm để giữ chặt Thetis mỗi khi nàng biến đổi. Peleus mang Thetis rời hòn đảo và ôm chặt lấy nàng vào trái tim mình trong khi nàng biến đổi từ nước thành lửa, thành măng xà, rồi thành sư tử. Khi Thetis trở lại thành một người đàn bà, chàng đưa nàng về quê hương và hai người cưới nhau.”

“Thế còn đứa trẻ? Có phải con trai của Thetis đã tiêu diệt Peleus như diêm báo tiên tri không?” Một phụ nữ thì thầm hỏi khi Philippe chìm vào im lặng, các ngón tay ông vẫn lướt tạo nên những nốt nhạc từ cây đàn kithara.

“Con trai của Peleus và Thetis là một anh hùng vĩ đại, một chiến binh được ban phước cả khi sống lẫn khi chết, tên gọi Achilles.” Philippe mỉm cười với người phụ nữ nọ. “Nhưng đó là câu chuyện dành cho một buổi tối khác.”

Tôi mừng vì cha anh không tường thuật tỉ mỉ cả đám cưới đó và cuộc chiến thành Trojan nổ ra như thế nào. Và tôi thậm chí còn mừng hơn là ông không tiếp tục kể câu chuyện về thời trẻ của Achilles: những bùa chú khủng khiếp mà mẹ chàng đã dùng để cố gắng khiến cho chàng thành bất tử như bà hay cơn cuồng nộ không thể kiểm soát được – là nguyên nhân khiến chàng ta gặp rắc rối hơn nhiều so với cái gót chân không được bảo vệ nổi tiếng của mình.

“Chỉ là một câu chuyện thôi mà,” Matthew thì thầm nói, cảm nhận được sự không thoải mái của tôi.

Nhưng nó là những câu chuyện được các sinh vật kể đi kể lại, hết lần này tới lần khác mà không biết chúng có ý nghĩa gì, đó lại thường là điều quan trọng nhất, cũng như các nghi thức về danh dự, hôn nhân và gia đình đã ăn mòn thời gian mà người đời tổ chức một cách trang trọng thiêng liêng nhất cho dù họ thường có vẻ như thờ ơ với chúng.

“Ngày mai là một ngày quan trọng, ngày mà tất cả chúng ta đều mong ngóng.” Philippe đứng dậy, cây đàn kithara cầm trong tay. “Theo tục lệ cô dâu và chú rể phải tách riêng cho tới lễ cưới.”

Đây lại là một nghi thức khác: thời khắc trang trọng cuối cùng của sự chia tách được tiếp nối bằng một cuộc sống chung hưởng cùng nhau.

“Tuy nhiên, cô dâu có thể tặng cho chú rể một kỷ vật tình yêu để đảm bảo anh ta không quên cô dâu của mình trong suốt những giờ cô đơn qua đêm đó,” Philippe nói, hai mắt lấp lánh tình quái.

Matthew và tôi đứng dậy. Tôi vuốt xuôi váy mình, sự chú ý của tôi dồn cả lên chiếc áo chên ngoài của anh. Tôi nhận thấy đường may rất đẹp, nhỏ xíu và đều đặn. Những ngón tay dịu dàng nâng cảm tôi lên, tôi lạc hồn vào trò chơi giữa những đường cong mềm mại và các góc cạnh sắc nét tạo nên khuôn mặt Matthew. Tất cả cảm giác về buổi lễ đều biến mất khi chúng tôi đắm đuối nhìn nhau. Chúng tôi đứng giữa sảnh đường và khách khứa dự đám cưới, nụ hôn này là một câu thần chú mang cả hai vào một thế giới thân mật của riêng mình.

“Anh sẽ gặp em vào chiều mai,” Matthew thì thầm trên môi tôi khi chúng tôi tách ra.

“Em sẽ là người sau tấm mạng đó.” Hầu hết các cô dâu ở thế kỷ mười sáu không đeo mạng, nhưng chúng là một món trang phục cổ xưa, và Philippe nói không có cô con gái nào của ông đến nhà thờ mà thiếu nó cả.

“Anh sẽ nhận ra em ở bất cứ nơi đâu,” anh đáp, mỉm cười rạng rỡ với tôi, “dù có mạng hay không.”

Ánh mắt Matthew không hề dao động trong khi Alain hộ tống tôi rời khỏi phòng. Tôi cảm thấy sự đụng chạm của chúng, mát lạnh mà không chớp mắt, thật lâu sau khi tôi rời khỏi sảnh đường.

Ngày hôm sau, Catrine và Jehanne im ắng khẽ khàng đến nỗi tôi ngủ một mạch qua cả lúc họ làm những công việc vặt thường ngày vào buổi sáng. Mặt trời đã lên cao khi họ kéo màn trướng che quanh chiếc giường và thông báo đã đến giờ tôi dậy tắm rửa.

Một đoàn phụ nữ với bình đựng nước diễu hành vào phòng tôi, tán chuyện liên thanh như đại bác và đổ đầy một cái bồn tắm lớn bằng đồng mà tôi nghi ngờ vốn thường được dùng để làm rượu vang hoặc rượu táo. Nhưng nước đang chảy vào bồn thật nóng và cái chậu lớn bằng đồng vẫn còn giữ được vẻ ấm áp rực rỡ kia, nên tôi chẳng buồn thắc mắc nữa. Tôi ngây ngất chìm hẳn người xuống dưới mặt nước.

Những người phụ nữ để mặc cho tôi ngâm mình, và tôi nhận ra vài thứ đồ dùng cá nhân của mình – những cuốn sách, giấy ghi chép viết về thuật giả kim và vài cụm từ tiếng Occitan – đã biến mất. Cả chiếc tủ búp phê dài thấp đựng quần áo cũng thế. Khi tôi hỏi Catrine, cô ấy giải thích rằng mọi thứ đã được di chuyển đến dãy phòng ngủ của milord ở phía mặt bên kia lâu đài.

Tôi không còn là con gái của Philippe nữa, mà là vợ của Matthew rồi. Tài sản của tôi theo đó đã được di chuyển.

Catrine và Jehanne tận tình đưa tôi ra khỏi bồn tắm và lau khô người đúng lúc đồng hồ điểm một tiếng. Giám sát nỗ lực công việc của họ là Marie, cô thợ may giỏi nhất Saint-Lucien, đến để hoàn thành nốt các chi tiết cuối cùng trong công việc của mình. Những đóng góp cho việc hoàn thành chiếc váy cưới này – do người thợ may của làng, ông Beaufils làm ra – không được công nhận.

Công bằng mà nói về Marie, La Robe (tôi nghĩ ấn tượng chung của mình không chỉ ở tiếng Pháp, mà luôn là những chữ cái viết hoa) thật đẹp mắt. Làm sao cô ấy có thể hoàn thành nó trong khoảng thời gian ngắn như thế thì còn là điều bí mật, dù tôi ngờ là mọi phụ nữ trong vùng lân cận đều đã đóng góp ít nhất là một mũi khâu vào đó. Trước khi Philippe tuyên bố tôi sẽ kết hôn, kế hoạch này vốn chỉ là một chiếc váy đơn giản bằng lụa màu xám đen nặng nề. Tôi đã khăng khăng yêu cầu một cặp tay áo, không phải là hai, và một đường cổ cao để phòng tiết trời mùa đông. Không cần phải quá rắc rối với việc thuê thùa, tôi đã bảo Marie thế. Tôi cũng từ chối sự hỗ trợ của chiếc lồng váy phòng thái quá nhằm giúp xòe rộng chân váy ra mọi phía.

Marie đã vận dụng mọi quyền uy của mình trong việc hiểu lầm và sáng tạo nhằm thay đổi thiết kế ban đầu của tôi thật lâu trước khi Philippe nói cho cô ta biết chiếc váy sẽ được mặc ở đâu và

vào dịp nào. Sau đó thì không gì kiềm giữ được người phụ nữ này lại nữa.

“Marie, La Robe est belle,” tôi bảo cô ta, chỉ vào chất lụa thêu nặng nề. Cách điệu sùng dê kết hoa quả, biểu tượng quen thuộc của sự trù phú dồi dào và sinh sôi nảy nở, được thêu khắp nơi bằng chỉ vàng, đen hay màu hoa hồng. Nơ hoa hồng và những nhánh lá đi kèm các chiếc sừng đầy hoa, trong khi những dải thêu viền theo mép cả hai ống tay áo. Cùng nhiều dải thêu như thể trang trí viền thân trên áo trong nền uốn lượn của những hình cuộn, mặt trăng và các vì sao. Trên hai vai, một hàng viền hình vuông gọi là pickadil bị che khuất dưới đăng ten nổi tay với thân áo. Bất chấp loạt trang trí cầu kì tỉ mỉ này, những đường cong tao nhã trên thân váy vừa khít một cách hoàn hảo, còn mong ước của tôi về cái lồng váy phồng ít nhất đã được tôn trọng. Chân váy đầy đặn, nhưng do khối lượng vải chứ không vì bất cứ dụng cụ kim loại nào. Thứ duy nhất tôi mặc bên dưới váy lót dài là cái miếng đệm kiểu bánh rán vòng nằm trên hông tôi và đôi tất lụa dài.

“Nó có dáng vẻ mạnh mẽ. Rất đơn giản.” Marie cam đoan với tôi, kéo mạnh phần đáy của thân áo để giúp nó nằm thẳng thớm hơn.

Khi mái tóc tôi gần được làm xong thì có tiếng gõ cửa. Catrine lao tới mở cửa, xoay ngược chiếc giỏ đựng khăn tắm trên đường đi ra.

Đó là Philippe, trông rất tuyệt vời trong bộ cánh màu nâu sậm, cùng với Alain đứng phía sau ông. Cha của Matthew nhìn chòng chọc sững sờ.

“Diana?” Giọng Philippe nghe có vẻ không chắc chắn.

“Gì thế ạ? Có gì không ổn sao?” Tôi nhìn bao quát khắp chiếc váy dài của mình và lo lắng vỗ nhẹ lên mái tóc. “Chúng ta không có chiếc gương nào đủ lớn để con nhìn cả...”

“Con thật xinh đẹp, và ánh mắt của Matthew khi nó trông thấy con sẽ cho con biết điều này tốt hơn bất cứ chiếc gương nào,” Philippe nói chắc nịch.

“Còn cha thì có một chiếc lưỡi bằng bạc, Philippe de Clermont ạ,” tôi cười đáp. “Cha có việc gì cần con sao?”

“Ta đến để tặng quà cưới.” Philippe đưa tay ra và Alain đặt một túi nhung lớn vào lòng bàn tay ông. “Không có thời gian để làm thứ gì cả, ta e là thế. Đây là mấy món của gia đình.”

Ông đổ những thứ trong túi ra tay. Một luồng sáng và ánh lửa ào ra: vàng, kim cương, sapphire. Tôi thở hắt. Nhưng vẫn còn nhiều báu vật hơn giấu bên trong lớp nhung, bao gồm cả một sợi dây ngọc trai, vài hình trăng lưỡi liềm đính đá opal, và đầu một mũi tên bằng vàng hình dáng khác lạ, các đường mép của nó đã bị làm mềm đi theo thời gian.

“Chúng để làm gì ạ?” Tôi băn khoăn hỏi.

“Tất nhiên là để cho con đeo rồi,” Philippe nói, bụm miệng cười. “Sợi dây chuyền này là của ta, nhưng khi trông thấy chiếc váy dài của Marie, ta nghĩ kim cương màu vàng và đá sapphire trông sẽ không bị lạc lõng. Kiểu dáng cổ xưa, và một số người có thể nói nó quá nam tính đối với một cô dâu, nhưng sợi dây chuyền chuỗi này sẽ vừa vặn với con. Nguyên bản có một cây thánh giá treo ở chính giữa, nhưng ta nghĩ con có thể thích treo một mũi tên thay vào đó hơn.”

“Con không nhận ra những bông hoa này.” Những nụ hoa mới hé màu vàng mảnh mai gợi cho tôi nhớ đến loài lan Nam Phi, chúng được xen kẽ với những bông huệ tây bằng vàng viền ngoài bởi những viên sapphire.

“Planta genista. Người Anh gọi nó là hoa đậu chổi. Người nhà Angevins đã dùng nó làm biểu tượng trên gia huy của họ.”

Ông ám chỉ những người nhà Plantagenet: gia đình hoàng tộc quyền lực nhất trong lịch sử nước Anh. Những người nhà Plantagenet đã mở rộng tu viện Westminster, nhượng bộ các nam tước và ký Đại Hiến Chương, thành lập Nghị viện, và hỗ trợ thành lập các trường đại học Oxford hay Cambridge. Những người thống trị nhà Plantagenet đã chiến đấu trong Cuộc Thập Tự Chinh và trải qua Cuộc Chiến Trăm Năm với nước Pháp. Một trong số họ đã tặng sợi dây chuyền này cho Philippe như một dấu hiệu của ân huệ hoàng gia. Không gì khác có thể lý giải cho vẻ lộng lẫy này.

“Philippe, con không thể nào...” Những lời phản đối của tôi ngưng lại khi ông chuyển các trang sức khác cho Catrine và choàng sợi dây chuyền qua đầu tôi. Người phụ nữ ngẩng người nhìn đáp lại tôi từ tấm gương âm u không còn là một sử gia thời hiện đại nữa, chẳng khác gì Matthew từng là một nhà khoa học hiện đại cả. “Ôi,” tôi thốt lên trong kinh ngạc.

“Thật phi thường,” ông tán đồng. Mặt ông xui đi vẻ tiếc nuối. “Ta ước gì Ysabeau có thể ở đây để nhìn thấy con như thế này, và chứng kiến hạnh phúc của Matthew.”

“Một ngày nào đó, con sẽ kể cho mẹ mọi chuyện,” tôi khế hứa, đón lấy ánh nhìn mê mải của ông trong gương khi Catrine buộc chặt mũi tên vào phía trước sợi dây chuyền và đeo chuỗi ngọc trai qua mái tóc tôi. “Con cũng sẽ giữ cẩn thận số trang sức này tối nay, và đảm bảo chúng trở lại với cha vào sáng mai.”

“Những thứ này giờ thuộc về con, Diana, liên quan đến những việc con sẽ phải làm. Như thứ này này.” Philippe kéo một chiếc túi khác từ thắt lưng của ông rồi đưa nó cho tôi, một chiếc túi da bền chắc.

Nó thật nặng. Rất nặng.

“Phụ nữ trong gia đình này tự điều hành tài chính của họ. Ysabeau khẳng định điều đó. Tất cả tiền xu trong đây đều là tiền của Anh hoặc Pháp. Chúng không có giá trị bằng đồng ducat của Venice, nhưng sẽ bớt phiền phức hơn khi con tiêu chúng. Nếu con cần thêm nữa, chỉ phải hỏi Walter hoặc ai đó trong dòng tu.”

Khi tôi đến Pháp, tôi hoàn toàn phụ thuộc vào Matthew. Trong vòng chỉ hơn một tuần lễ, tôi đã học được cách tự chủ, trò chuyện, điều hành gia vụ và chưng cất rượu cần. Giờ tôi đã có tài sản riêng của mình, và Philippe de Clermont đã tuyên bố công khai tôi là con gái ông.

“Cảm ơn cha, vì tất cả những điều này,” tôi khế đáp. “Con đã không nghĩ cha muốn con là con dâu đâu.”

“Có lẽ ban đầu thì không. Nhưng những lão già cũng có thể đổi ý mà.” Philippe toét miệng cười tươi. “Và ta luôn luôn có được thứ ta muốn vào phút cuối cùng.”

Đám phụ nữ bọc tôi trong chiếc áo choàng không tay. Để kết thúc, Catrine và Jehanne còn thả một tấm lụa mỏng tang trùm qua đầu rồi ghim nó vào tóc tôi bằng những vàng trắng lưỡi liềm đá opal, chúng có nhiều chân gài bám chắc ở mặt sau.

Thomas và Étienne, giờ tự coi bản thân là các vệ sĩ riêng của tôi, dẫn đầu chạy trước xuyên qua lâu đài để loan báo chúng tôi đang đến bằng âm lượng phổi cao nhất. Tất cả nhanh chóng tạo thành một đoàn rước, di chuyển dưới ánh chiều tà hướng về phía nhà thờ. Ai đó hẳn đã có mặt tít trên tháp chuông nên ngay khi thấy chúng tôi, những chiếc chuông bắt đầu rung lên ngân nga.

Tôi loạng choạng khi đến nơi. Cả làng đã tụ tập bên ngoài cửa nhà thờ, cùng với vị linh mục. Tôi đưa mắt tìm kiếm Matthew và thấy anh đang đứng nơi bậc cao nhất trên bậc thềm ngắn. Qua lớp khăn voan trong suốt, tôi có thể cảm thấy được sự quan tâm của anh. Giống như mặt trời và mặt trăng, vào lúc này đây chúng tôi chẳng liên quan gì tới thời gian, khoảng cách, hay sự

khác biệt. Quan trọng là vị trí của cả hai tương xứng với nhau.

Tôi nâng váy tiến tới bên anh. Leo những bậc thang ngắn ngủi mà có cảm giác như vô tận. Có phải thời gian đều cư xử đáng ghét như thế này với tất cả các cô dâu không, tôi tự hỏi, hay là chỉ với các phù thủy thôi?

Vị linh mục cười rạng rỡ với tôi từ cánh cửa nhà thờ nhưng không hề tỏ vẻ gì cho phép chúng tôi vào bên trong. Ông ta cầm chặt một cuốn sách bằng hai bàn tay nhưng không mở nó ra. Tôi cau mày bối rối.

“Ổn cả chứ, mon coeur?” Matthew thì thầm hỏi.

“Chúng mình sẽ không vào bên trong à?”

“Các hôn lễ diễn ra ở bên ngoài cánh cửa nhà thờ để tránh những cuộc tranh chấp đẫm máu, sau đó nghi lễ sẽ lại diễn ra như bình thường. Chúng ta có thể tạ ơn Chúa là không có một trận bão tuyết.”

“Commencez!” Vị linh mục ra lệnh, gật đầu với Matthew.

Toàn bộ vai trò của tôi trong buổi lễ là thốt ra bảy từ. Matthew chịu trách nhiệm với mười lăm từ. Philippe đã thông tin cho vị linh mục biết rằng chúng tôi sau đó sẽ lặp lại lời thề bằng tiếng Anh, bởi vì quan trọng là cô dâu phải hiểu một cách đầy đủ những gì cô ấy đang hứa hẹn. Việc này khiến cho tổng cộng số từ cần thiết để chúng tôi trở thành vợ chồng lên tới năm mươi hai từ.

“Maintenant!” Vị linh mục đang run lấy bầy và muốn ăn bữa tối của ông ta rồi.

“Je, Matthew, donne mon corps à toi, Diana, en loyal marriage.” Matthew cầm lấy tay tôi. “Tôi, Matthew, xin dâng tặng thân thể này cho em, Diana, trong đời sống vợ chồng chung thủy.”

“Et je le reçois,” tôi đáp. “Em xin đón nhận.”

Chúng tôi đã đi được nửa đường rồi. Tôi hít vào một hơi thật sâu và tiếp tục.

“Je, Diana, donne mon corps à toi, Matthew.” Phần khó khăn đã qua, tôi nhanh chóng nói lời cuối cùng của mình. “Tôi, Diana, xin dâng tặng thân thể này cho anh, Matthew.”

“Et je le reçois, avec joie.” Matthew vén tấm khăn voan qua đầu tôi. “Và anh đón nhận nó, với niềm hân hoan hạnh phúc.”

“Những lời đó không đúng,” tôi gay gắt nói. Tôi đã ghi nhớ lời thề và không hề có cụm từ “avec joie” ở chỗ nào trong đó cả.

“Thế là đúng rồi,” Matthew khẳng khẳng, cúi gằm lại.

Chúng tôi đã kết hôn theo tục lệ của ma cà rồng khi kết đôi và một lần nữa theo luật lệ đời thường lúc Matthew đeo chiếc nhẫn của Ysabeau vào ngón tay tôi ở Madison. Bây giờ chúng tôi cưới lần thứ ba.

Những gì diễn ra sau đó đều mờ nhạt không rõ. Một hàng đuốc dài dọc theo đường đi bộ ngược lên đồi bao quanh bởi nhiều lời chúc tụng tốt lành. Bữa tiệc linh đình của Đầu Bếp đã được bày sẵn, mọi người bị cuốn vào bầu không khí hăng hái náo nhiệt. Matthew và tôi ngồi riêng ở bàn gia đình, trong khi Philippe đi loanh quanh để cung cấp rượu và đảm bảo lũ trẻ có được phần chia bằng nhau món thịt thỏ rừng xiên nướng kèm phô mai chiên. Thỉnh thoảng ông lại ném về phía chúng tôi một cái nhìn hãnh diện tự hào, như thể chúng tôi đã giết được những con rồng hung dữ vào chiều hôm đó.

“Ta không bao giờ nghĩ mình sẽ được thấy ngày này,” Philippe nói với Matthew khi ông đặt một lát bánh tart trứng sữa trước mặt chúng tôi.

Bữa tiệc dường như đang thoái trào khi đám đàn ông bắt đầu đẩy bàn ghế sang hai bên cánh của sảnh đường. Tiếng sáo và tiếng trống vang lên từ khu ban công dành cho ban nhạc hát rong phía trên cao.

“Theo truyền thống, điệu vũ đầu tiên thuộc về bố của cô dâu,” Philippe cúi đầu chào lịch sự. Ông dẫn tôi ra sàn khiêu vũ. Philippe là một bạn nhảy tuyệt vời, nhưng dù vậy tôi vẫn làm cho cả hai rối tung lên.

“Cho phép con chứ?” Matthew vỗ nhẹ lên vai cha mình.

“Xin vui lòng. Vợ con đang cố gắng giẫm nát chân ta đây.” Cái nháy mắt của Philippe lấy đi vẻ châm chọc trong lời nói, rồi ông rút lui, để tôi lại với anh chồng của mình.

Mọi người vẫn đang khiêu vũ, nhưng họ rút ra xa để cho chúng tôi ở chính giữa căn phòng. Tiếng nhạc chậm rãi khoan thai cất lên khi một nhạc công gảy đàn luyt, rồi chuỗi giai điệu ngọt ngào của sáo hòa theo. Khi chúng tôi tách ra rồi lại quay về cùng nhau, một lần, hai lần, và lần nữa, sự huyền ảo trong phòng mờ nhạt dần.

“Anh là bạn nhảy giỏi hơn Philippe nhiều, cho dù mẹ anh có nói gì đi nữa,” tôi bảo Matthew và nín thở mặc dù điệu nhảy đã vào nhịp.

“Đó là bởi vì em đang theo sự dẫn dắt của anh,” Matthew trêu chọc. “Em đã chiến đấu với Philippe trong từng bước nhảy còn gì.”

Khi điệu vũ đưa chúng tôi lại bên nhau lần nữa, anh nắm lấy hai khuỷu tay kéo tôi áp sát vào người, và hôn tôi. “Giờ chúng mình đã lấy nhau rồi đấy, em sẽ tiếp tục tha thứ cho những tội lỗi của anh chứ?” Anh hỏi, trở lại với các bước nhịp đều đặn.

“Cái đó còn tùy,” tôi dè chừng đáp. “Thế giờ anh đã phạm lỗi gì rồi hả?”

“Anh đã phải lòng cái cổ áo xếp nếp của em vô phương cứu vãn.”

Tôi bật cười lạnh lót và Matthew lại hôn tôi lần nữa, chóng vánh nhưng mãnh liệt. Người chơi trống lấy đó như một tín hiệu, nhịp điệu nhạc tăng thêm. Các cặp đôi khác xoay tròn rồi nhảy theo nhịp băng ngang qua sàn khiêu vũ. Matthew kịp kéo chúng tôi vào chốn an toàn gần lò sưởi trước khi bị giẫm bẹp. Chỉ một loáng sau, Philippe có mặt ở đó.

“Đưa vợ con lên giường và hoàn thành hôn lễ này đi,” Philippe lăm bắm.

“Nhưng khách khứa...” Matthew chống chế.

“Đưa vợ con lên giường đi, con trai của ta,” Philippe nhắc lại. “Trốn ngay bây giờ, trước khi những người khác quyết định cùng con lên lầu và đảm bảo con thực hiện đúng bốn phần của mình. Cứ để mọi chuyện cho ta.” Ông quay sang trình trọng hôn lên cả hai má tôi trước khi thì thầm điều gì đó bằng tiếng Hy Lạp và tổng chúng tôi lên tháp của Matthew.

Mặc dù tôi biết phần lâu đài này vào thời đại của mình, nhưng tôi chưa nhìn thấy nó trong dáng vẻ nguy nga tráng lệ ở thế kỷ mười sáu. Trật tự các gian phòng của Matthew đã thay đổi. Tôi mong đợi nhìn thấy sách trong căn phòng ở lầu một, nhưng thay vào đó lại là một chiếc giường lớn màn che trướng rủ. Catrine và Jehanne mang ra một chiếc hộp được trạm khắc cầu kỳ để đựng đồ trang sức mới của tôi, đổ đầy nước vào chậu, và lảng xảng xung quanh với những chiếc khăn vải mới tinh. Matthew ngồi trước lò sưởi và kéo đôi boots ra rồi nhắc một ly rượu khi anh đi qua phòng.

“Còn tóc của bà, madame?” Jehanne hỏi, đưa mắt nhìn chồng tôi thăm dò.

“Ta sẽ lo chuyện đó,” Matthew cộc cằn đáp, mắt vẫn nhìn lò sưởi.

“Đợi đã,” tôi nói, kéo những món trang sức hình mặt trăng ra khỏi tóc mình, đặt chúng vào lòng bàn tay đang ngửa lên của Jehanne. Cô ấy và Catrine giúp tháo khăn voan rồi rời đi, để tôi lại đứng cạnh chiếc giường, còn Matthew thì uể oải an trú ở đó gác chân lên một chiếc rương quần áo.

Khi cánh cửa đã đóng lại, Matthew đặt ly rượu xuống, tiến đến chỗ tôi, chụm mấy ngón tay luồn vào tóc tôi và kéo nhẹ để gỡ ra trong thoáng chốc thứ mà các cô gái đã phải kỳ công mất gần ba mươi phút mới làm xong. Anh ném sợi dây ngọc trai sang một bên. Tóc tôi xõa lên hai vai, hai cánh mũi Matthew phập phồng khi anh hít vào mùi hương đó. Không nói một lời, anh kéo người tôi dán sát vào và cúi xuống hôn.

Nhưng vẫn còn nhiều nghi vấn cần được hỏi và giải đáp trước đã. Tôi kéo người tách ra.

“Matthew, anh có chắc...?”

Những ngón tay mát lạnh luồn dưới cổ áo xếp nếp, tìm kiếm sợi dây buộc nối nó với áo lót.

Tách. Tách. Tách.

Mảnh vải lanh đã được gia cố chắc chắn rời khỏi cổ tôi rơi xuống sàn. Matthew tháo các khuy giữ cho cái cổ áo cao khép chặt. Anh cúi đầu hôn lên cổ tôi. Tôi siết chặt lấy áo chèn của anh.

“Matthew,” tôi lặp lại. “Chuyện này là về...”

Anh làm tôi im lặng bằng một nụ hôn khác trong khi nâng sợi dây chuyền nặng trĩu từ trên vai. Chúng tôi bị ngắt trong giây lát để Matthew có thể nhắc nó qua đầu tôi. Rồi tay anh thọc vào đường ren lỗ của cái cổ áo kiểu pickadils nơi hai ống tay gặp thân áo. Những ngón tay anh trượt quanh chỗ khe áo, tìm kiếm một điểm yếu trong tấm vỏ bọc phòng thủ.

“Có rồi đây,” anh lăm bắm, móc hai ngón tay trở vào mép áo và tặng một cú giật mạnh có chủ ý. Một tay áo, rồi đến chiếc còn lại, trượt xuống hai cánh tay tôi và nằm trên sàn nhà. Matthew có vẻ hoàn toàn chẳng quan tâm, nhưng đây là chiếc váy cưới của tôi và không dễ gì thay thế được.

“Váy của em,” tôi nói, vịn mình trong vòng tay anh.

“Diana.” Matthew hơi ngả đầu ra sau, đặt hai bàn tay lên eo tôi.

“Vâng?” Tôi nín thở đáp, cố gắng lấy mũi dép lê để khều cái ống tay áo và ấn nó vào chỗ ít có khả năng bị xéo nhàu hơn.

“Linh mục đã ban phước cho hôn lễ của chúng mình. Cả làng mong ước chúng mình tốt đẹp. Có đồ ăn và khiêu vũ nữa. Anh đã nghĩ hai ta có thể kéo gần khoảng cách đêm nay bằng việc làm tình. Nhưng dường như em lại quan tâm tới tủ quần áo của bản thân hơn thì phải.” Anh đã định vị được mấy dải dây buộc chân váy của tôi với phần dưới thân áo lót, dưới rốn khoảng tám phân. Nhẹ nhàng, Matthew lùa hai ngón cái vào giữa mép áo lót và phần xương mu của tôi.

“Em không muốn lần đầu tiên cùng nhau của chúng mình là để làm hài lòng cha anh.” Bất chấp lời phản đối từ chính mình, hông tôi vẫn uốn cong lên hướng về phía anh trong lời mời mọc câm lặng, khi anh tiếp tục để hai ngón cái di chuyển điên cuồng, như tiếng vỗ của đôi cánh thiên thần. Anh khẽ thốt ra một thanh âm thỏa mãn và tháo cái vòng đệm giấu ở đó.

Giật. Xoạt. Giật. Xoạt. Giật. Xoạt.

Các ngón tay nhanh nhẹn của Matthew kéo từng sợi dây chằng chéo, và rút chúng qua những cái lỗ được ẩn kín. Có tất cả mười hai lỗ, cơ thể tôi cong như cánh cung rồi lại duỗi thẳng theo tác động từ sự săn sóc của anh.

“Cuối cùng rồi,” anh nói với vẻ thỏa mãn. Rồi anh rên lên. “Chúa ơi. Vẫn còn nữa.”

“Ôi, anh chẳng đến gần đâu. Em bị trói chặt y như một con ngỗng Giáng Sinh ấy,” tôi nói khi anh nâng thân áo lót ra khỏi chân váy, để lộ ra chiếc coóc-xê bên dưới. “Hoặc, chính xác hơn là một con ngỗng Mùa Vọng.”

Nhưng Matthew không hề chú ý tới tôi tẹo nào. Thay vào đó, chồng tôi đang dồn hết sự tập trung vào nơi mà chiếc áo lót cao cổ gần như trong suốt của tôi mất hút vào tấm khung được gia cố nặng nề của chiếc coóc-xê. Anh ép môi lên cái gò cao vút đó. Cúi đầu chào cùng đáng về tôn thờ, anh hít vào một hơi gấp gáp.

Tôi cũng vậy. Nó khuấy đảo mất hồn một cách đáng kinh ngạc, sự cọ xát của đôi môi anh bằng cách nào đó càng được khuếch đại thêm ranh giới ngăn cách của thứ vải batit loại tốt này. Không biết làm gì để ngăn những nỗ lực tâm tâm niệm niệm của anh nhằm lột trần tôi ra, tôi đành đưa hai tay lên ôm đầu và đợi anh tiến hành bước tiếp theo.

Cuối cùng Matthew cầm lấy hai tay tôi vòng chúng ôm quanh cây cột trụ được chạm khắc cầu kỳ chống đỡ một góc màn trướng trên chiếc giường. “Giữ chắc nhé,” anh nói.

Giật. Xoạt. Giật. Xoạt. Trước khi làm xong, Matthew đã luồn hai bàn tay vào bên trong chiếc coóc-xê. Chúng nhào đến lần tìm bầu vú quanh lồng ngực. Tôi rên lên khe khẽ khi anh kẹp lớp áo lót vào giữa hai đầu nhũ hoa ấm áp căng cứng của tôi và những ngón tay mát rượi của anh. Anh kéo tôi ngã ra sau dựa sát vào cơ thể mình.

“Anh dường như giống một gã đàn ông chỉ thích làm hài lòng người khác ngoại trừ em nhỉ?” Anh thì thầm bên tai. Thấy tôi không trả lời, một bàn tay anh liền luồn xuống bụng để ép sát tôi vào gần hơn. Tay kia vẫn ở nguyên chỗ của nó, đang khum lấy một bên bầu ngực.

“Không.” Đầu tôi nghiêng ra sau ngả lên vai anh, để lộ cổ và vai.

“Thế thì không nói thêm gì nữa về bố anh nhé. Và anh sẽ mua cho em hai mươi chiếc váy dài y hệt thế vào ngày mai nếu em thôi lo lắng về những cái ống tay áo ngay bây giờ.” Matthew bận rộn vén cao áo lót của tôi lên thành một đồng xếp nếp. Tôi buông tay khỏi cọc giường, chộp lấy tay anh và đặt nó vào giữa hai chân mình.

“Không chuyện trò gì nữa,” tôi đồng ý, thở hổn hển khi các ngón tay anh chạm vào vùng da thịt nhạy cảm kia.

Matthew khiến tôi im lặng bằng một nụ hôn. Những cử động chậm rãi của đôi tay anh tạo ra một luồng điện dâng lên trong cơ thể tôi.

“Nhiều quần áo quá,” tôi hổn hển nói. Sự tán thành của anh không được phát biểu thành lời, nhưng hiển hiện rõ ràng trong vẻ nồn nóng khi anh trượt chiếc coóc-xê xuống hai cánh tay tôi. Các sợi dây buộc giờ đã đủ lỏng nên tôi có thể đẩy qua hông và bước ra khỏi nó. Tôi cởi chiếc quần ống túm của anh trong khi Matthew mở khuy áo chèn. Hai món đồ cũng nối với nhau ở hai bên hông anh giống y như những sợi dây buộc chằng chéo thân áo lót và chân váy của tôi.

Khi cả hai chẳng mặc gì hơn ngoài đôi tất dài, tôi trong chiếc áo lót, còn Matthew với áo sơ mi, chúng tôi ngừng lại, sự ngượng ngùng quay về.

“Em sẽ để anh yêu em chứ, Diana?” Matthew hỏi, quét đi nỗi bồn chồn trong tôi bằng câu hỏi đơn giản mà lịch thiệp đó.

“Em đồng ý,” tôi thì thầm. Anh quỳ gối xuống và cẩn thận tháo những sợi ruy băng giữ chiếc tất trên người tôi. Chúng có màu xanh lam, Catrine nói đây là màu thủy chung. Matthew cuộn lớp tất dài tuốt xuống, áp môi lên đầu gối và mắt cá chân của tôi đánh dấu chỗ chúng đi qua. Anh tự cởi đôi tất nhanh đến nỗi tôi chẳng có cơ hội nhận biết màu sắc nịt tất đó.

Matthew nhẹ nhàng nâng tôi lên khiến cho những ngón chân tôi chẳng thể chạm tới sàn nhà, và anh có thể đưa mình vào cái khe chữ V riêng tư giữa hai chân tôi.

“Chúng mình có lẽ không cần lên giường đâu,” tôi nói, ôm siết lấy bờ vai anh. Tôi muốn anh ở bên trong, thật nhanh.

Nhưng chúng tôi làm chuyện đó ở chốn êm ái, được che khuất trong bóng tối, giải thoát cho nhau khỏi mớ vải lanh trên đường đi. Khi đã tới nơi rồi, thân thể tôi đón chào anh tiến vào khe mắt trắng giữa hai bắp đùi mình trong khi hai cánh tay kéo anh xuống. Dù vậy tôi vẫn thở gấp gấp kinh ngạc lúc hai cơ thể hợp thành một – ấm áp và lạnh giá, ánh sáng và bóng tối, đàn ông và đàn bà, phù thủy và ma cà rồng, một sự kết hợp của những mặt đối lập.

Nét mặt Matthew đi từ vẻ tôn sùng tới băn khoăn khi anh bắt đầu chuyển động bên trong tôi, rồi trở nên có mục đích sau khi anh nghiêng người và tôi phản ứng lại bằng một tiếng nức nở sung sướng. Anh luồn một cánh tay xuống dưới thắt lưng và nâng tôi lên áp sát vào hông anh trong khi hai tay tôi siết chặt bờ vai anh.

Chúng tôi rơi vào nhịp điệu riêng có dành cho những tình nhân, làm cho nhau vui sướng bằng sự đụng chạm nhẹ nhàng của miệng và tay lúc chúng tôi dốc cạn cùng nhau, cho tới khi tất cả những gì còn lại để trao tặng là trái tim và linh hồn chúng tôi. Nhìn thật sâu vào mắt nhau, trao nhau lời thề ước cuối cùng với thể xác và tâm hồn, run rẩy như những kẻ mới được sinh ra.

“Hãy để anh được yêu em mãi mãi,” Matthew thì thầm trên vầng trán ẩm ướt của tôi, môi anh lướt một đường mát lạnh qua lông mày tôi khi cả hai nằm cuộn chặt lấy nhau.

“Em đồng ý,” tôi hứa một lần nữa, rúc người vào gần sát anh hơn.

13.

“Em thích được kết hôn,” tôi uể oải nói. Từ khi sống sót qua ngày hôm đó – sau bữa đại tiệc và được nhận những món quà – mà hầu hết chúng đều kêu ồm ộp hoặc quang quác – chúng tôi chẳng làm gì trong những ngày này ngoại trừ làm tình, nói chuyện, ngủ và đọc sách. Thi thoảng Đầu Bếp gửi một khay đồ ăn thức uống lên để duy trì sự sống cho cả hai. Còn lại thì tôi và Matthew được riêng tư. Ngay cả Philippe cũng không xen ngang vào khoảng thời gian chúng tôi bên nhau.

“Em có vẻ thích ứng tốt nhỉ,” Matthew nói, dụi chóp mũi lạnh lạnh vào sau tai tôi. Tôi đang nằm, mặt úp sấp và hai chân giang rộng, trong một căn phòng được dùng để cất trữ vũ khí thừa phía trên xưởng rèn. Matthew nằm bên trên, che chắn cho tôi khỏi làn khí lạnh lùa qua các khe hở ở cánh cửa gỗ. Mặc dù tôi không biết chắc cơ thể mình sẽ bị phơi bày ra bao nhiêu nếu có ai đó bước vào đây, nhưng phần cơ thể phía sau của Matthew và cặp chân trần thì chắc chắn sẽ lọt vào tầm nhìn. Anh cử động cọ xát lên tôi một cách khiêu khích.

“Anh không thể nào lại muốn nữa chứ.” Tôi cười hạnh phúc khi anh lặp lại cử động đó lần nữa. Tôi tự hỏi liệu năng lực tình dục này vốn là đặc trưng của ma cà rồng hay chỉ thuộc về Matthew thôi.

“Em đang phê phán sự sáng tạo của anh đấy hả?” Anh lật người tôi lại và đặt mình vào giữa hai đùi tôi. “Hơn nữa, thay vào đó anh đang nghĩ đến điều này cơ.” Anh cúi xuống hôn tôi và nhẹ nhàng trượt vào trong.

“Chúng mình ra đây để tiếp tục bài học bản của em mà,” một lát sau tôi nói. “Đây là những gì anh ám chỉ về mục tiêu thực hành đấy hả?”

Matthew cười vang. “Có hàng trăm cách nói uyển chuyển về chuyện làm tình ở vùng Auvergnat, nhưng anh không tin đó là một trong số chúng. Anh sẽ hỏi Đầu Bếp xem ông ấy có biết kiểu nói đó không.”

“Anh sẽ không làm thế.”

“Có phải em đang ra vẻ đức hạnh không đấy, Tiến sĩ Bishop?” Anh hỏi với vẻ ngạc nhiên giễu cợt, đưa tay nhặt lên một mẩu rơm từ mái tóc rối bù trên thắt lưng tôi. “Đừng lo. Không ai có bất cứ ảo tưởng nào về việc chúng ta đang dành thời gian của mình để làm gì đâu.”

“Em hiểu ý anh,” tôi đáp, kéo qua đầu gối chiếc bút tất dài vốn là của anh ấy. “Giờ thì anh đã quyến rũ em đến đây rồi, anh có thể cũng cố gắng như thế để tìm hiểu xem em đang làm sai cái gì.”

“Em là người chưa có kinh nghiệm và không thể mong đợi lần nào cũng bắn trúng tâm được,” anh nói, đứng dậy lục tìm tất của mình. Một chân tất thì vẫn còn ở trong chiếc quần túm, nằm ngay bên cạnh đó, còn chiếc kia thì không thấy đâu cả. Tôi với xuống dưới vai mình và đưa cho anh mớ bụi nhùi tròn như quả bóng là tình trạng lúc này của nó.

“Với việc được huấn luyện tốt, em có thể trở thành một tay lão luyện mà.” Giờ tôi đã thấy Matthew bắn cung rồi, anh được sinh ra làm một cung thủ với hai cánh tay dài và những ngón mạnh mẽ, đẹp đẽ. Tôi cầm lên cây cung cong cong, một hình trăng lưỡi liềm được đánh bóng làm từ sừng hươu và gỗ, dựa vào đồng cỏ khô gần đó. Sợi dây cung làm bằng da bện rung lên tự do.

“Thế thì em nên dành thời gian với Philippe chứ không phải anh. Ngón nghề bắn cung của ông đã đi vào truyền thuyết rồi.”

“Cha anh lại kể với em là mẹ Ysabeau bắn giỏi hơn.” Tôi đang dùng cây cung của Ysabeau, nhưng còn xa tôi mới bấm gót được kỹ thuật bắn cung của bà.

“Bởi vì maman là sinh vật duy nhất từng bắn được một mũi tên vào bên sườn ông.” Anh hất đầu ra hiệu về phía cây cung. “Để anh căng dây cho em nhé.”

Một vết hồng hào vắt ngang qua má tôi kể từ lần đầu tiên tôi cố gắn sợi dây cung vào khuyên của nó. Việc này đòi hỏi sức mạnh to lớn cùng sự khéo léo để uốn cong phần cánh cung trên và dưới thành một đường thẳng thích hợp. Matthew chống cánh cung dưới lên đùi anh, uốn cong cánh cung trên xuống bằng một tay, rồi dùng tay kia để buộc dây cung.

“Anh làm trông thật dễ dàng.” Nhìn cũng có vẻ ngon ơ như khi anh xoắn mở cái nút bần của một chai sâm-panh lúc còn ở Oxford thời hiện đại.

“Nếu em là ma cà rồng và có khoảng chừng một nghìn năm để luyện tập nó thì cũng sẽ làm được thế thôi.” Matthew đưa tôi cây cung với nụ cười tươi rói. “Nhớ nhé, phải giữ cho hai vai em nằm trên đường thẳng tắp, đừng nghĩ quá nhiều đến việc bắn, và thả ra thật nhẹ nhàng êm ái vào.”

Anh nói nghe cũng dễ dàng làm sao. Tôi quay ra đối diện với mục tiêu. Matthew đã dùng mấy con dao găm để ghim một cái mũ lưỡi trai mềm, một cái áo chèn, và một chiếc váy vào đồng cỏ khô. Ban đầu tôi nghĩ đích bắn là phải trúng một thứ gì đó: chiếc mũ, cái áo chèn hoặc chiếc váy. Matthew giải thích rằng đích ngắm là bắn trúng vào cái tôi nhắm đến. Anh biểu diễn minh họa bằng việc bắn từng mũi tên một vào đồng cỏ khô, khoanh tròn quanh nó theo chiều kim đồng hồ là năm mũi tên khác, rồi bắn mũi tên thứ sáu chệch đôi cán mũi tên ở chính giữa.

Tôi rút một mũi tên ra khỏi ống đựng, lắp vào cung, nhắm xuôi theo đường bằng cánh tay trái, rồi kéo dây. Tôi do dự. Cây cung chệch nghiêng đi.

“Bắn đi,” Matthew thúc.

Khi tôi nhả dây ra, mũi tên phóng vút về phía đồng cỏ và rơi xuống nền đất.

“Để em thử lại,” tôi nói, với ống đựng tên để cạnh chân.

“Anh đã từng thấy em bắn lửa phù thủy vào ma cà rồng và thổi bay một lỗ thẳng qua lồng ngực cô ta,” Matthew lặng lẽ nói.

“Em không muốn nói về Juliette.” Tôi cố lắp mũi tên vào vị trí, nhưng hai tay run lẩy bẩy. Tôi hạ cây cung xuống. “Cả Champier. Hay thực tế là các sức mạnh em có dường như đã hoàn toàn biến mất. Và cả việc làm thế nào em có thể khiến trái cây khô héo, trông thấy màu sắc và ánh sáng xung quanh mọi người nữa. Chúng mình không thể mặc kệ nó – trong một tuần thôi ư?” Thêm lần nữa, phép thuật của tôi (hoặc việc thiếu nó) lại là chủ đề trò chuyện thường xuyên.

“Thuật bắn cung có thể giúp em hỗ trợ cho việc điều khiển lửa phù thủy,” Matthew lưu ý. “Nói chuyện về Juliette có thể giúp ích mà.”

“Tại sao không thể là việc em thực hành vài bài luyện tập hả?” Tôi hỏi lại, mất kiên nhẫn.

“Bởi vì chúng ta cần hiểu lý do tại sao sức mạnh của em đang thay đổi,” Matthew điềm tĩnh nói. “Giương cung lên, kéo mũi tên về phía sau, và thả cho nó bay đi.”

“Ít nhất thì lần này em cũng bắn trúng đồng cỏ,” tôi trả lời sau khi mũi tên đáp vào phần góc trên bên phải của đồng cỏ.

“Quá tệ khi em đang nhắm bắn phần dưới thấp.”

“Anh đang nói tất cả chuyện này không có gì vui hết.”

Nét mặt Matthew chuyển thành nghiêm túc. “Không có gì thú thái vui vẻ khi liên quan đến chuyện sống còn. Lần này lắp tên giường cung nhưng hãy nhắm mắt lại trước khi em nhắm bắn.”

“Anh muốn em dùng bản năng của mình.” Tiếng cười rung lên khi tôi đặt mũi tên vào cung. Mục tiêu ngay trước mặt, nhưng thay vì tập trung lên đó, tôi nhắm mắt lại như Matthew gợi ý. Ngay khi vừa làm thế, sức nặng của không khí khiến tôi xao lãng. Nó ép lên hai cánh tay, hai bắp đùi tôi, trùm lên hai vai giống một chiếc áo choàng tay ngắn nặng nề. Không khí cũng giữ cho đầu mũi tên hướng lên. Tôi điều chỉnh tư thế của mình, hai vai mở rộng, đẩy không khí sang hai bên. Một cơn gió dịu nhẹ, một chuyển động vượt ve mơn trớn kéo vài lọn tóc tuột khỏi vành tai để hướng ứng.

Mi muốn gì? Tôi hỏi cơn gió thoảng qua một cách câu kính.

Lòng tin của người, nó thì thầm đáp lại.

Môi tôi hé mở kinh ngạc, tâm nhãn mở ra, đầu mũi tên đang cháy vàng rực với sức nóng cùng áp lực mà nó đã bị quai đập tại xương rên. Ngọn lửa bị giữ chặt ở đó muốn được bay tự do lần nữa, nhưng nó sẽ ở nguyên chỗ trừ phi tôi buông lỏng nỗi sợ hãi trong mình. Tôi từ từ thở ra một hơi thật khẽ, để dọn chỗ cho sự tin tưởng. Hơi thở của tôi lướt dọc theo cán mũi tên, và rồi tôi thả sợi dây cung. Mang theo hơi thở đó ở tí trên đỉnh, mũi tên bay vụt đi.

“Em bắn trúng rồi.” Mắt vẫn còn nhắm chặt, nhưng tôi không cần nhìn mà vẫn biết mũi tên của mình đến trúng đích.

“Em đã làm được. Vấn đề là làm thế nào vậy?” Matthew đón cây cung từ tay tôi trước khi nó có thể bị đánh rơi.

“Lửa bị giữ chặt trên mũi tên, sức nặng của không khí bao xung quanh cán và đầu mũi tên.” Tôi mở mắt ra.

“Em cảm nhận các yếu tố tự nhiên đó như em đã làm với nước bên dưới vườn ăn quả của Sarah ở Madison, cả ánh mặt trời trong trái mận qua ở Chòi Góc Cổ.” Giọng Matthew nghe có vẻ tự lự.

“Đôi khi có cảm giác dường như thế giới đầy ắp những tiềm năng vô hình nằm xa tầm tay em. Có lẽ nếu em giống như Thetis và có thể biến hóa hình dáng của mình khi muốn, em sẽ biết làm gì với tất cả những thứ này.” Tôi với lấy cây cung kèm một mũi tên khác. Chừng nào còn nhắm mắt, tôi còn bắn trúng mục tiêu. Tuy nhiên, ngay khi tôi lên nhìn trộm xung quanh, các phát bắn của tôi đi trượt ra xa hoặc rơi xuống khi chưa tới đích.

“Ngày hôm nay như thế là đủ rồi,” Matthew nói, tiếp tục nghịch cái nơ buộc gần xương đòn bên vai phải của tôi. “Đầu Bếp mong mưa vào cuối tuần này. Có lẽ chúng mình nên đi cưới ngựa khi còn có thể.” Đầu Bếp không chỉ là một tay nhào bánh cừ khô mà còn là một nhà khí tượng học tài ba nữa. Ông ta thường gửi lên bản dự báo thời tiết kèm theo khay đồ ăn sáng.

Chúng tôi cưới ngựa ra vùng đồng quê và phát hiện vài đốm lửa đang cháy trong những cánh đồng trên đường quay về nhà, Sept-Tours cũng sáng rực đèn đuốc. Tối nay là hội thần Saturnalia, mở đầu chính thức cho mùa nghỉ lễ ở lâu đài. Ngài Philippe Cơ Đốc giáo muốn không ai cảm thấy bị bỏ rơi và bởi vậy đã chia đôi thời gian cho các lễ hội truyền thống của La Mã cũng như Thiên Chúa giáo. Thậm chí có cả một phần lễ hội của Norse Yule lướt qua chớp nhoáng trong tổng thể hỗn hợp này, tôi cảm thấy chắc chắn điều này có liên quan đến anh chàng Gallowglass vắng mặt.

“Hai đứa không thể nào chán nhau sớm thế chứ!” Philippe oang oang nói từ khu ban công dành

cho gánh hát rong khi chúng tôi trở về. Ông đang đội một bộ gạc hươu lộng lẫy trên đầu, khiến ông trông giống sự kết hợp kỳ lạ giữa sư tử và hươu. “Chúng ta không mong sẽ trông thấy hai đứa trong khoảng chừng mười ngày nữa tháng. Nhưng giờ các con đã ở đây, hai đứa có thể khiến cho bản thân trở nên hữu ích đấy. Hãy lấy vài ngôi sao và mặt trăng rồi treo chúng lên bất cứ chỗ nào còn trống ấy.”

Đại sảnh đa phần được trang trí bằng cây cỏ, nhiều đến mức quang cảnh và mùi hương giống hết một khu rừng. Vài thùng rượu đặt tự do nên những người tham dự cuộc vui có thể uống bất cứ lúc nào có tinh thần. Những tiếng hoan hô chào đón sự trở lại của chúng tôi. Nhóm trang trí muốn Matthew trèo lên bệ lò sưởi và thêm chùm đèn vào một cành cây to. Anh chạy lướt lên tảng đá với vẻ lẹ làng, chứng tỏ đây không phải lần đầu tiên anh làm chuyện này.

Không thể nào kháng cự được tinh thần của ngày lễ, khi bữa tối dọn lên, hai chúng tôi tình nguyện phục vụ bữa ăn cho các vị khách trong một nghi lễ rối tinh rối mù, đám người hầu thành chủ nhân còn các chủ nhân lại thành người phục vụ. Chàng vệ sĩ Thomas của tôi kéo công rơm dài điều khiển bữa tiệc như Đức Ngài Cai Trị Vô Tổ Chức. Cậu ta được ngồi ở vị trí của Philippe trên một chõng đệm, đội chiếc vương miện ruby-và-vàng-vô-giá lấy từ trên gác trông như một cái dàn giáo. Bất cứ yêu cầu nông nổi nào Thomas đưa ra đều được Philippe chấp nhận trong vai diễn là viên sủng thần. Các đặc ân của ông tối nay bao gồm một bản khiêu vũ lãng mạn với Alain (cha Matthew chọn bước nhảy của phái nữ), khiến lũ chó phát cuồng lên bằng việc thối một khúc sáo, và làm bóng những con rồng leo lên bức tường khiến lũ trẻ khóc thét.

Philippe cũng không quên đám người lớn, ông sắp đặt những trò chơi tinh vi để lấp đầy thời gian của họ trong khi bản thân tiêu khiển vài trò nhỏ nhất. Ông tặng một túi hạt đậu đầy ắp cho người đánh cược và hứa hẹn tặng một bao tiền cho người may mắn nhất cuối buổi tối ngày hôm nay. Cô nàng Catrine dạn dĩ ra đòn sát thủ bằng cách trao đổi những nụ hôn để lấy hạt đậu, còn tôi sẽ đánh cược tất cả vật kỷ niệm mình có cho cô nàng để giành lấy giải thưởng cuối cùng.

Suốt buổi tối, tôi luôn thấy Matthew và Philippe đứng cạnh nhau, đang trao đổi gì đó hoặc bông đùa. Khi họ chụm đầu vào nhau, một tối một sáng, sự khác nhau trong diện mạo của hai người thật nổi bật. Nhưng theo nhiều cách khác, bọn họ khá giống nhau. Cứ mỗi ngày trôi qua, tinh thần mã thượng không gì dập tắt từ cha anh lại thấm dần vào những góc cạnh sắc nét của Matthew. Hamish đã đúng: Matthew không còn là con người cũ khi ở nơi đây. Anh thậm chí tốt đẹp hơn. Và bất chấp những lo sợ lúc ở Mont Saint-Michel, anh vẫn là của tôi.

Matthew cảm nhận được cái nhìn đăm đăm đó và ngược lên nhìn tôi vẻ giễu cợt. Tôi cười rồi gửi cho anh một nụ hôn gió ngang qua sảnh đường. Anh cúi đầu, ngượng ngùng vui sướng.

Khoảng năm phút trước lúc nửa đêm, Philippe kéo tuột thật nhanh lớp vải phủ của một vật bên cạnh lò sưởi.

“Chúa ơi. Philippe thề là ông có một cái đồng hồ đứng và đã cho chạy lại, nhưng anh không tin.” Matthew đến cùng tôi khi lũ trẻ con và cả người lớn ồ lên thích thú.

Chiếc đồng hồ này không giống bất cứ cái nào tôi từng thấy trước đây. Lớp vỏ được chạm khắc, nạm vàng bao quanh một thùng nước. Một ống dẫn bằng đồng kéo dài trôi lên từ cái thùng nhỏ giọt nước vào thân của mô hình một con thuyền đẹp lộng lẫy, nó được treo bằng sợi dây thừng cuốn quanh một chiếc xi-lanh. Khi con thuyền gia tăng thêm sức nặng từ trọng lượng của nước, chiếc xi-lanh xoay liên di chuyển một cây kim quanh chiếc đĩa quay số trên mặt đồng hồ để chỉ thời gian. Chiếc đồng hồ này phải cao gần bằng tôi ấy.

“Chuyện gì sẽ xảy ra vào lúc nửa đêm?” Tôi hỏi.

“Chắc hẳn có liên quan đến chỗ thuốc súng mà ông hỏi xin ngày hôm qua,” Matthew đáp một

cách dứt khoát.

Qua việc trưng bày chiếc đồng hồ vào một dịp lễ thích hợp, Philippe bắt đầu việc bày tỏ lòng tôn trọng với bạn bè trong quá khứ và hiện tại, cùng gia đình mới và cũ, đồng thời cũng thích hợp cho dịp lễ hội tôn vinh vị thần cổ xưa. Ông điểm tên mọi sinh vật trong cộng đồng đã mất năm qua, bao gồm con mèo con của Thomas (khi được Đức Ngài Cai Trị Vô Tổ Chức nhắc nhở), Prunelle, người đã chết bị thảm trong một tai nạn bất ngờ. Chiếc kim đồng hồ tiếp tục nhích tới con số mười hai.

Vào chính xác nửa đêm, con thuyền nổ bùng cùng một tiếng inh tai nhức óc. Chiếc đồng hồ rùng mình dừng khựng lại khi cái vỏ gỗ vỡ ra từng mảnh.

“Skata.” Philippe buồn bã nhìn cái đồng hồ bị phá hủy của mình.

“Cầu Chúa cho linh hồn ông ấy an nghỉ, ông Finé chắc sẽ không mấy vui vẻ trước những cải tiến này với thiết kế của cha đâu.” Matthew xua làn khói bốc lên trước mắt khi anh cúi xuống để nhìn gần hơn. “Mỗi năm Philippe lại thử nghiệm vài thứ mới mẻ: ống nước, chuông gió, một con cú máy huyết báo giờ. Ông vẫn chấp vá nó kể từ khi vua François thua ông trong một ván bài.”

“Người ta nghĩ rằng súng thần công đốt lửa ít sáng và nhả khói. Nó sẽ làm bọn trẻ vui ra trò,” Philippe phẫn nộ đáp. “Một thứ không thích hợp với thuốc súng của con đâu, Matthaïos.”

Matthew bật cười. “Rõ ràng là không phải, phán xét thiển cận.”

“C’est dommage,” Thomas lên tiếng kèm cái lắc đầu thông cảm. Cậu ta khom người cạnh Philippe, chiếc vương miện xiên xẹo trên đầu cùng vẻ mặt lo lắng rất chi người lớn.

“Pas de problem. Năm sau chúng ta sẽ làm tốt hơn,” Philippe phẫn chấn cam đoan với Thomas.

Ngay sau đó, chúng tôi để mặc những người dân Saint-Lucien chơi bài và ồn ào đánh chén. Lên lầu, tôi nấn ná bên cạnh lò sưởi cho tới lúc Matthew tắt nến rồi vào giường. Khi ở trên giường, tôi vén áo và ngồi lên người anh.

“Em đang làm gì thế?” Matthew ngạc nhiên nhận thấy bản thân nằm ngửa thẳng cẳng trên chiếc giường của mình, còn vợ anh thì đang ở trên cao nhìn xuống.

“Quyền thống trị không chỉ cho đàn ông thôi đâu,” tôi nói, lướt bộ móng tay cào nhẹ lên ngực anh. “Em đã đọc một bài báo về chủ đề này ở lớp cao học, nhan đề ‘Phụ nữ ở trên.’”

“Thông thường em vẫn là người chủ động mà, anh không thể hình dung em học hỏi được gì nhiều từ bài báo ấy, mon coeur.” Ánh mắt Matthew như hai đốm lửa đam mê âm ỉ cháy lúc tôi điều chỉnh trọng lượng cơ thể mình để kẹp chặt anh một cách chắc chắn giữa hai bắp đùi.

“Đồ nịnh hót.” Đầu ngón tay tôi chu du từ bờ hông rắn chắc gọn gàng của anh đi lên, lướt trên các múi cơ nhấp nhô ở vùng bụng và ngang qua cơ bắp ở hai vai. Tôi cúi người ghim chặt hai cánh tay anh xuống giường, tặng cho chồng một góc nhìn tuyệt hảo cả cơ thể mình qua viền cổ áo ngủ mở rộng. Anh rên lên thành tiếng.

“Chào mừng đến thế giới nằm đảo ngược.” Tôi thả anh ra đủ lâu để cởi bỏ chiếc áo ngủ, rồi nín lấy hai tay và hạ thấp người xuống để hai đầu ngực của mình cọ xát với làn da anh.

“Chúa ơi. Em sắp giết anh mất.”

“Anh không dám chết bây giờ đâu, chàng ma cà rồng,” tôi nói, dẫn dắt để anh đi vào trong tôi, rồi nhẹ đung đưa, kiên trì không hứa hẹn cho nhiều hơn nữa. Matthew phản ứng lại bằng một tiếng rên khàn khàn. “Anh thích thế,” tôi khẽ nói.

Anh thúc vào tôi một nhịp mạnh hơn, nhanh hơn. Nhưng tôi tiếp tục giữ giai điệu chậm rãi của mình và đứng yên, say sưa thích thú với cái cách cơ thể chúng tôi vừa khít vào nhau. Matthew là sự hiện diện mát lành đến tận xương tủy của tôi, là cội nguồn khoái hoạt của sự va chạm khiến cơ thể tôi nóng bừng. Tôi đang đắm đắm nhìn sâu vào mắt anh khi anh lên đỉnh, sự yếu đuối nguyên sơ ấy khiến tôi cũng tới ngay sau đó. Tôi đổ nhào gục trên người anh, và định ngo ngoáy trèo xuống thì hai cánh tay anh siết chặt lấy tôi.

“Ở yên đó đi em,” anh thì thầm.

Tôi nằm lại đó cho tới khi Matthew đánh thức dậy vài giờ sau. Anh chiếm hữu tôi thêm lần nữa trong lặng lẽ trước bình minh và ôm chặt lấy tôi như thể tôi phải trải qua một quá trình biến hình, từ lửa thành nước rồi thành không khí, và một lần nữa trở lại với những giấc mơ.

Thứ Sáu đánh dấu ngày ngắn nhất trong năm và việc tổ chức kỷ niệm lễ Yule. Ngôi làng vẫn đang hồi phục lại trạng thái thường ngày từ lễ hội Saturnalia để đón lễ Giáng Sinh phía trước, nhưng Philippe thì không hề nao núng.

“Đầu Bếp đã làm thịt lợn,” ông nói. “Làm sao ta có thể làm ông ấy thất vọng được?”

Tranh thủ khi thời tiết hửng lên, Matthew vào làng để giúp sửa lại một mái nhà bị sập do sức nặng của đợt tuyết rơi cuối cùng. Tôi để anh nơi đó, quai búa đóng thành xà ngang cho thợ mộc khác và vui sướng trước viễn cảnh một buổi sáng lao động chân tay giữa nhiệt độ đóng băng được.

Tôi nhốt mình trong thư viện cùng vài cuốn sách về giả kim thuật tốt hơn của gia đình và mấy tờ giấy trắng. Một tờ phủ kín những dòng nguệch ngoạc và những sơ đồ chẳng có ý nghĩa gì với ai ngoại trừ tôi. Với tất cả những gì đang diễn ra bên trong lâu đài, tôi đã từ bỏ nỗ lực làm rượu cồn. Thomas và Étienne muốn chạy chơi cùng lũ bạn của chúng và mớ tay vào phần bột làm chiếc bánh cuối cùng, nên không giúp tôi làm thí nghiệm khoa học nữa.

“Diana.” Philippe đang di chuyển với tốc độ rất nhanh và đã đi được nửa đường vào phòng rồi mới phát hiện thấy tôi. “Ta nghĩ con đang ở cùng Matthew.”

“Con không thể chịu nổi việc nhìn thấy anh ấy trên đó,” tôi thú nhận. Ông gật đầu vẻ thấu hiểu.

“Con đang làm gì thế?” Ông hỏi, nhìn qua vai tôi.

“Cố gắng khám phá xem Matthew và con phải làm gì với giả kim thuật.” Đầu óc tôi mụ mị vì lâu không dùng đến và vì thiếu ngủ.

Philippe thả một tay đầy các hình thù nhỏ bằng giấy lên bàn và kéo ghế ngồi. Ông chỉ vào một trong những bản phác thảo của tôi.

“Đây là dấu xi của Matthew.”

“Đúng nó ạ. Nó cũng là biểu tượng cho bạc và vàng, mặt trăng và mặt trời nữa.” Sảnh đường đã được trang hoàng bằng giấy trắng kim hình ảnh của những thiên thể này trong dịp lễ Saturnalia. “Con vẫn đang suy ngẫm về nó suốt từ tối thứ Hai. Con hiểu tại sao một phù thủy có thể được biểu tượng hóa bằng hình ảnh trăng lưỡi liềm và bạc – cả hai thứ đó đều có liên quan tới nữ thần. Nhưng tại sao không có bất cứ ai dùng hình ảnh mặt trời hay vàng để ám chỉ một ma cà rồng?” Nó đi ngược lại với mọi sự hiểu biết và truyền thuyết phổ biến.

“Bởi vì chúng ta bất biến. Cuộc đời của chúng ta không có thịnh suy, và giống như vàng, cơ thể chúng ta chống lại sự mục nát đến từ cái chết hay bệnh tật.”

“Đáng lẽ con nên nghĩ đến điều đó.” Tôi làm mấy ghi chú.

“Con đã có vài ý tưởng khác trong đầu rồi.” Philippe tủm tỉm cười. “Matthew rất hạnh phúc đấy.”

“Không phải chỉ vì con thôi đâu,” tôi nói, đón cái nhìn chăm chú của cha chồng. “Matthew hạnh phúc vì lại được ở bên cha đấy.”

Vẻ u ám thoáng lướt qua đáy mắt Philippe. “Ysabeau và ta thích lúc những đứa con trở về nhà. Chúng có cuộc sống riêng, nhưng điều đó cũng không làm cho việc chúng vắng mặt dễ chịu hơn chút nào.”

“Và hôm nay cha cũng đang nhớ Gallowglass,” tôi nói. Philippe dường như không mấy khuất phục.

“Ta nhớ.” Ông lướt giở những trang giấy bị gấp nếp bằng mấy ngón tay. “Là Hugh, đứa con lớn nhất của ta, người đã mang thằng bé vào gia đình này. Hugh luôn đưa ra các quyết định thông thái khi cần chia sẻ máu của mình, và Gallowglass cũng không ngoại lệ. Thằng bé là một chiến binh dữ dằn với ý thức danh dự từ cha nó. Thật an ủi khi ta biết rằng cháu trai mình đang ở Anh cùng với Matthew.”

“Matthew rất hiếm khi nhắc đến Hugh.”

“Nó thân thiết với Hugh hơn bất cứ người anh em trai nào khác. Khi Hugh chết với các Hiệp sĩ Dòng Đền cuối cùng trong tay nhà thờ và đức vua, nó đã làm lay chuyển lòng trung thành của Matthew. Đã mất một khoảng thời gian trước khi nó giải thoát được khỏi cơn cuồng máu và quay trở lại với chúng ta.”

“Còn Gallowglass?”

“Gallowglass vẫn chưa sẵn sàng để lại nỗi đau ở phía sau, và chừng nào nó chưa làm được điều đó, nó sẽ không đặt chân lên đất Pháp. Cháu trai ta buộc người đàn ông đã phản bội lòng tin của Hugh phải trả giá, cũng như Matthew, nhưng báo thù không bao giờ là phương thuốc tương xứng với sự mất mát cả. Một ngày nào đó, cháu trai ta sẽ trở về. Ta chắc chắn điều đó.” Trong một thoáng, Philippe trông già hẳn đi, không còn là người thống trị mạnh mẽ đầy sinh lực nữa mà là một người cha phải gánh nỗi đau bất hạnh làm kẻ đầu bạc tiền kẻ đầu xanh.

“Cảm ơn cha, Philippe.” Tôi ngập ngừng trước khi nắm chặt bàn tay ông. Philippe giữ yên nó trong thoáng chốc rồi đứng lên. Sau đó ông cầm lên một cuốn sách về thuật giả kim. Nó là một bản in của cuốn Aurora Consurgens có tranh minh họa đẹp tuyệt của Godfrey, chính là cuốn sách lúc đầu đã quyến rũ tôi đến Sept-Tours.

“Một chủ đề gọi tò mò như thế này, thuật giả kim,” Philippe lẩm bẩm, lật lướt qua các trang sách. Ông tìm thấy bức tranh Đức Vua Mặt Trời và Hoàng Hậu Mặt Trăng đang cưỡi ngựa đấu thương trên lưng một con sư tử và một con nhân sư, nụ cười của ông nở rộng hơn. “Phải, điều này sẽ được thực hiện.” Ông kẹp một trong những vật nhiều hình dạng bằng giấy của mình vào giữa các trang sách.

“Cha đang làm gì thế ạ?” Tôi bị nỗi tò mò đánh bại.

“Nó là trò mà Ysabeau và ta hay chơi. Khi một trong hai chúng ta đi vắng, chúng ta để lại những lời nhắn giấu trong các trang sách. Có quá nhiều việc xảy ra trong một ngày, không thể nào nhớ hết được mọi thứ khi chúng ta gặp lại nhau. Bằng cách này chúng ta có thể bất chợt nhớ được chút hồi ức giống như chuyện này khi chúng ta ít ngờ tới nhất, và chia sẻ chúng.”

Philippe đi tới chỗ giá, rút ra một cuốn sách dày bìa da đã cũ mòn. “Đây là một trong những câu chuyện ưa thích của chúng ta, The Song of Armouris. Ysabeau và ta có khiếu thưởng thức đơn giản cũng như các câu chuyện phiêu lưu. Chúng ta thường giấu các lời nhắn trong này.”

Ông nhồi một cuộn giấy xuống gáy sách giữa phần bìa và phần giấy da. Một miếng hình chữ nhật được gấp nếp rơi ra từ dưới đáy khi ông nhét cuộn giấy vào không gian chật hẹp ấy.

“Ysabeau đã chiếm dụng để dùng một con dao nhỏ nên tin nhắn của bà ấy khó tìm thấy hơn. Bà ấy đầy mảnh khỏe, cái đó đây. Ta hãy xem bà ấy nói gì nào.” Philippe mở mảnh giấy ra và lặng lẽ đọc nó. Ông ngược lên nhìn với một tia lấp lánh trong mắt và hai má đỏ hơn bình thường.

Tôi bật cười, nhồm dậy. “Con nghĩ có lẽ cha cần thêm sự riêng tư để soạn thảo lời hồi âm của mình.”

“Sieur.” Alain thập thò nơi lối cửa, mặt nghiêm trọng. “Người đưa tin đã tới ạ. Một từ Scotland. Một người khác đến từ nước Anh. Người thứ ba đến từ Lyon.”

Philippe thở dài rồi lăm bầm nguyên rửa. “Bọn họ đáng ra có thể đợi cho tới sau lễ hội Thiên Chúa mà.”

Miệng tôi đắng ngắt.

“Không thể nào là tin tốt được,” Philippe nói, thoáng bắt được biểu cảm của tôi. “Người đưa tin từ Lyon báo cáo gì?”

“Champier đã có sự đề phòng trước khi rời đi, ông ta đã kể cho những người khác rằng mình được gọi đến đây. Giờ ông ta vẫn chưa trở về nhà nên bạn bè của ông ta đang nghi vấn. Một nhóm phù thủy chuẩn bị rời thành phố để tìm kiếm Champier, và họ đi theo hướng này,” Alain giải thích.

“Bao giờ?” Tôi thì thào hỏi. Nó đến quá nhanh.

“Tuyệt sẽ làm họ chậm lại, và sẽ gặp khó khăn trong việc di chuyển vào dịp nghỉ lễ. Sau vài ngày nữa, có thể là một tuần.”

“Còn những người đưa tin khác?” Tôi hỏi Alain.

“Họ đang ở trong làng, đi tìm milord.”

“Để gọi anh ấy quay về Anh, không nghi ngờ gì nữa,” tôi nói.

“Nếu thế ngày Giáng Sinh sẽ là thời điểm tốt nhất để lên đường. Rất ít người đi đường và mặt trăng thì tối. Đây là điều kiện di chuyển lý tưởng đối với manjasang, nhưng không phải dành cho loài máu nóng,” Philippe nói một cách thản nhiên. “Ngựa và chỗ nghỉ chân sẽ sẵn sàng cho các con đến tận Calais. Một con thuyền đợi sẵn tại đó để đưa hai đứa đến Dover. Ta sẽ nhắn cho Gallowglass và Raleigh chuẩn bị cho chuyến trở về của các con.”

“Cha vẫn đang chờ đợi tin này,” tôi nói, run rẩy trước viễn cảnh phải rời đi. “Nhưng con chưa sẵn sàng. Người ta vẫn biết con khác biệt mà.”

“Con hòa đồng với mọi người tốt hơn mức bản thân nghĩ đấy. Chẳng hạn con đang trò chuyện với ta bằng một thứ tiếng Pháp tốt hơn hẳn và tiếng Latin suốt cả buổi sáng.” Miệng tôi há hốc ra không tin nổi. Philippe cười phá lên. “Là thật đấy. Ta đã đổi qua đổi lại ngôn ngữ đến hai lần, nhưng con không để ý.” Nét mặt ông trở nên nghiêm túc. “Ta sẽ đi xuống nói cho Matthew biết về kế hoạch của mình được chứ?”

“Không,” tôi nói, đặt bàn tay lên cánh tay ông. “Con sẽ làm điều đó.”

Matthew đang ngồi trên thanh xà nhà, một lá thư trên tay và mặt mày cau lại. Khi phát hiện thấy tôi, anh trượt xuống mái hiên dốc rồi đáp xuống mặt đất bằng tư thế duyên dáng của một con mèo. Niềm hạnh phúc hay tâm tình nhẹ nhõm đùa giỡn sáng nay giờ chẳng còn gì ngoài

một hồi ức. Matthew nhấc áo chèn của mình mặc trên cái giá cắm đuốc đã gỉ sét. Khi anh khoác nó lên vai, người thợ mộc biến mất và chàng hoàng tử trở lại.

“Agnes Sampson đã thú nhận năm mươi ba tội lên án thuật phù thủy.” Matthew chửi thề. “Các ủy viên tài phán của giáo hội Scotland đáng lẽ phải biết rằng chất chồng cả đồng trách nhiệm như thế sẽ khiến cho mọi sự việc đều có vẻ ít đáng tin hơn chút. Theo như báo cáo này, ác quỷ tuyên bố với Sampson rằng Vua James là kẻ thù lớn nhất. Elizabeth chắc hẳn thấy vui mừng vì bà ta không nằm ở vị trí đầu tiên trong danh sách.”

“Phù thủy không tin vào ác quỷ,” tôi bảo anh. Trong tất cả những điều kỳ dị mà loài người nói về phù thủy, đây là thứ khó hiểu nổi nhất.

“Hầu hết các sinh vật sẽ tin vào bất cứ điều gì hứa hẹn chấm dứt tình trạng khốn khổ hiện thời của bọn họ, nếu họ đã bị bỏ đói, tra tấn và kinh hãi suốt hàng tuần lễ.” Matthew đưa tay cào tóc. “Lời thú tội của Agnes Sampson không đáng tin, nó cung cấp bằng chứng rằng phù thủy đang can thiệp vào chính trị, trong khi Vua James đấu tranh để giành phần thắng.”

“Bằng cách ấy hiệp ước đang bị phá vỡ,” tôi nói, hiểu được lý do vì sao Agnes lại bị vua Scotland truy đuổi ghê gớm đến thế.

“Phải. Gallowglass muốn biết phải làm gì.”

“Anh đã làm gì khi ở đây... lúc trước ấy?”

“Anh để mặc cái chết của Agnes Sampson qua đi không gặp trở ngại gì, một sự trừng phạt công dân thích đáng đối với một tội ác nằm bên ngoài vòng bảo vệ của Đại Hội Đồng.” Mắt anh tìm gặp ánh mắt tôi. Phù thủy và sử gia đang tranh đấu với sự lựa chọn không thể đặt ra trước mắt.

“Vậy thì anh phải tiếp tục giữ im lặng rồi,” tôi nói, sử gia đang thắng thế trong trận đối đầu.

“Sự im lặng của anh đồng nghĩa với cái chết của bà ta.”

“Còn sự lên tiếng của anh sẽ làm thay đổi quá khứ, có lẽ kèm theo cả những hậu quả không thể tưởng tượng được cho hiện tại. Em cũng muốn phù thủy đó chết, Matthew. Nhưng nếu chúng ta bắt đầu làm thay đổi những điều này, đâu sẽ là điểm chúng ta dừng lại?” Tôi lắc đầu.

“Vậy thì anh sẽ theo dõi toàn bộ vụ việc khủng khiếp ở Scotland một lần nữa. Dù lần này nó có vẻ rất khác,” anh miễn cưỡng nói. “William Cecil ra lệnh anh trở về nhà để có thể tập hợp tin tình báo về tình huống của Scotland cho nữ hoàng. Anh phải tuân theo các mệnh lệnh từ ông ta, Diana. Anh không có sự lựa chọn.”

“Chúng ta phải trở về Anh ngay cả khi không có lệnh triệu hồi của Cecil. Bọn bè của Champier đã phát hiện ông ấy mất tích. Và chúng ta có thể rời đi ngay lập tức. Philippe đã sắp đặt tất cả cho một chuyến ra đi cấp tốc, để phòng trước.”

“Đó là cha anh mà,” Matthew gượng cười nói.

“Em rất tiếc chúng mình phải rời đi quá sớm,” tôi thì thào nói.

Matthew đưa tay kéo tôi gần lại. “Nếu không phải nhờ em thì những kỷ niệm cuối cùng của anh về cha mình sẽ là cái vỏ vỡ vụn của một người đàn ông. Chúng ta phải biết nếm đắng cay để thấy được vị ngọt ngào.”

Vài ngày sau đó, Matthew và cha anh trải qua một nghi thức tạm biệt mà hẳn đã rất quen thuộc, căn cứ theo tất cả những lời tạm biệt mà hai người họ trao đổi. Nhưng lần này là độc nhất vô nhị. Lần tới sẽ là một Matthew hoàn toàn khác trở về Sept-Tours, người không biết gì về tôi hay tương lai của Philippe.

“Những người dân Saint-Lucien từ lâu đã quen với việc bầu bạn cùng manjasang,” Philippe trấn an khi tôi lo lắng làm thế nào Thomas và Étienne có thể giữ kín toàn bộ bí mật đó. “Chúng ta đến rồi đi. Họ chẳng hỏi han gì và chúng ta không cần phải giải thích gì cả. Mọi chuyện luôn như thế.”

Dù vậy, Matthew vẫn đảm bảo chắc chắn các kế hoạch của mình được hiểu rõ ràng. Tôi nghe lỏm anh đang nói chuyện với Philippe ở kho cỏ khô sau một buổi luyện tập sáng.

“Việc cuối cùng con sẽ làm trước khi cả hai trở về thời đại của mình là gửi cho cha một lời nhắn. Hãy sẵn sàng để ra lệnh cho con tới Scotland nhằm thắt chặt mối liên minh của gia tộc với Vua James. Từ đó con sẽ đến Amsterdam. Người Hà Lan sẽ mở những tuyến đường giao thương với phương Đông.”

“Ta có thể xoay sở được, Matthew,” Philippe ôn tồn nói. “Cho tới khi đó ta mong chờ những cập nhật đều đặn từ Anh và tin tức về việc con cùng Diana sinh sống ra sao.”

“Gallowglass sẽ giúp cha luôn theo kịp các chuyến phiêu lưu của chúng con,” Matthew hứa.

“Chuyện đó không giống việc được nghe tin tức từ con,” Philippe đáp. “Thật khó lòng làm ngơ trước tương lai của con khi mà con đã trở nên thật vênh vang tự đắc, Matthew. Nhưng ta cũng sẽ giải quyết được bằng cách nào đó thôi.”

Thời gian như chơi khăm chúng tôi suốt những ngày cuối cùng ở lại Sept-Tours, ban đầu là dài lê thê, sau đó rút ngắn mau chóng mà không hề báo trước. Vào đêm Giáng Sinh, Matthew đi xuống nhà thờ tụ hội lớn cùng hầu hết gia nhân trong nhà. Tôi tiếp tục ở lại lâu dài và tìm thấy Philippe trong phòng làm việc của ông phía bên kia đại sảnh. Ông ấy, như vẫn luôn thế, đang viết các lá thư.

Tôi gõ cửa. Đó chỉ là một thủ tục, vì chắc hẳn ông đã dõi theo tôi khi tới đây kể từ lúc rời khỏi tòa tháp của Matthew, nhưng việc không mời mà vào có vẻ không phải là điều đúng đắn.

“Introite.” Cùng một kiểu mệnh lệnh ông đã ban ra khi tôi lần đầu đến, nhưng giờ nó nghe có vẻ gần gũi hơn rất nhiều vì rằng tôi đã biết ông rõ hơn.

“Con xin lỗi đã làm phiền cha, Philippe.”

“Vào đi, Diana,” ông nói, đưa tay chà hai mắt. “Catrine đã tìm thấy mấy chiếc hộp của ta rồi à?”

“Vâng, cả cái cốc và hộp bút nữa.” Philippe đã khẳng khái bắt tôi mang theo bộ đồ dùng du lịch đẹp đẽ của ông trong chuyến đi này. Mỗi món đồ đều được làm từ da cứng và có thể chống chọi với thời tiết khắc nghiệt như tuyết, mưa hay việc di chuyển xóc nảy. “Con muốn cảm ơn cha trước khi chúng con rời đi – và không chỉ về đám cưới đâu ạ. Cha đã chữa lành những tổn thương trong lòng Matthew.”

Philippe đẩy cái ghế đẩu ra sau và quan sát tôi thật kỹ. “Chính ta mới là người nên cảm ơn con, Diana. Gia đình này vẫn luôn cố gắng chữa lành tâm hồn Matthew trong hơn một nghìn năm qua. Nếu ta nhớ chính xác, con chỉ mất chưa đầy bốn mươi ngày để làm việc đó.”

“Matthew không giống thế này đâu ạ,” tôi lắc đầu, “không như vậy cho tới khi anh ấy ở đây, cùng với cha. Có một phần bóng tối trong anh ấy mà con không thể chạm tới được.”

“Một người đàn ông như Matthew không bao giờ hoàn toàn buông thả bản thân trong bóng tối. Nhưng có lẽ việc nương theo bóng tối ấy để yêu nó là cần thiết,” Philippe tiếp tục.

“Xin đừng chối bỏ ta bởi vì ta là bóng đêm và sự tăm tối,” tôi lẩm bẩm.

“Ta không nhận ra câu thơ này,” Philippe cau mày nói.

“Nó ở trong cuốn sách về thuật giả kim mà con đã chỉ cho cha xem lần trước ấy – the Aurora Consurgens. Câu thơ thoáng lướt qua gợi cho con nghĩ đến Matthew, nhưng con vẫn không hiểu lý do vì sao. Dù vậy, con sẽ biết được thôi.”

“Con rất thích chiếc nhẫn đó, đúng không?” Philippe nói, ngón tay nhẹ nhẹ gõ lên mặt bàn. “Đây cũng là những lời nhắn thông minh từ Ysabeau đấy.”

“Mẹ muốn cha biết bà chấp thuận cuộc hôn nhân này,” tôi đáp, ngón tay cái vươn ra với cảm giác nặng nề đầy an ủi.

“Không. Ysabeau muốn ta biết bà ấy chấp nhận con. Giống như chất vàng làm ra nó vậy, con là người trung thành kiên định. Con cất giấu trong mình rất nhiều bí mật, cũng giống như những dải nhẫn giấu kín những vần thơ trong nó. Nhưng chính viên đá mới là báu vật tốt nhất, cũng giống con: sáng ngời trên bề mặt, dữ dội nơi thẳm sâu, và không thể vỡ nát.”

“Ồ, con có thể quy ngã mà,” tôi rầu rĩ nói. “Cha có thể đập vỡ một viên kim cương chỉ bằng một chiếc búa bình thường.”

“Ta đã trông thấy những vết sẹo Matthew để lại trên người con. Ta ngờ là còn có những vết khác nữa, dù chúng không hiện hữu. Nếu khi đó con không quy ngã, thì bây giờ cũng sẽ không.”

Philippe đi vòng qua chiếc bàn. Ông dịu dàng hôn lên hai má tôi, và hai mắt tôi cay xè rơm rớm lệ.

“Con nên đi rồi. Chúng con sẽ lên đường vào sáng sớm ngày mai.” Tôi quay người rời đi, rồi bất chợt quay lại giang hai cánh tay ôm choàng lấy đôi vai lực lưỡng của Philippe. Làm sao một người đàn ông như thế này có thể gục ngã được chứ?

“Chuyện gì thế?” Philippe lầm bầm hỏi, hơi ngả người ra sau.

“Cả cha cũng sẽ không cô độc đâu, Philippe de Clermont,” tôi thì thầm vẻ kiên quyết. “Con sẽ tìm cách để đến bên cạnh cha trong bóng tối, con hứa. Và khi cha nghĩ cả thế giới này đã bỏ rơi mình, thì con sẽ ở đó, nắm chặt tay cha.”

“Sao có thể khác đi được chứ,” Philippe nhẹ nhàng nói, “khi mà con ở trong tim ta?”

Sáng hôm sau chỉ có vài sinh vật tập trung lại trong sân lâu đài để tiễn chúng tôi lên đường. Đầu Bếp đã nhét tất cả các loại đồ ăn vặt vào mấy chiếc túi bên yên ngựa của Pierre dành cho tôi, còn Alain thì nhét những lá thư gửi cho Gallowglass, Walter và các ghi chép công thức nấu ăn khác vào khoảng trống còn sót lại. Catrine đứng bên cạnh, mắt đỏ hoe vì khóc. Cô ấy muốn đi cùng chúng tôi, nhưng Philippe không đồng ý.

Và còn có Philippe, người kéo tôi trong một cái ôm thắm thiết trước khi thả tôi ra. Ông và Matthew khẽ nói chuyện một lúc. Matthew gật đầu.

“Ta tự hào về con lắm, Matthaïos,” Philippe nói, vỗ vai anh. Matthew nhẹ nhàng tiến về phía cha khi Philippe thả anh ra, miễn cưỡng ngắt đứt sự kết nối thân tình đó.

Khi Matthew quay sang tôi, gương mặt anh ánh lên vẻ kiên định. Anh giúp tôi lên yên ngựa trước khi tung mình lên lưng con ngựa của anh.

“Khairem, cha,” Matthew nói, ánh mắt long lanh.

“Khairere, Matthaïos kai Diana,” Philippe đáp lại.

Từ lúc ấy Matthew không hề ngoái lại nhìn cha mình lần cuối và giữ nguyên tấm lưng cứng rắn mạnh mẽ. Mắt anh nhìn thẳng con đường phía trước, ngênh diện đón tương lai chứ không

ngoảnh nhìn quá khứ.

Tôi ngoái lại một lần, khi một thoáng chuyển động lọt vào tầm mắt. Đó là Philippe, ông cưỡi ngựa dọc theo dải đồi bên cạnh, quyết không để mất dấu con trai cho tới khi không thể nữa.

“Tạm biệt, Philippe,” tôi thì thầm trong gió, hy vọng ông sẽ nghe thấy.

14.

“Ysabeau? Bà ổn chứ?”

“Tất nhiên rồi.” Ysabeau đang uốn cong lại bìa một cuốn sách cũ vô giá và lắc ngược lắc xuôi.

Emily Mather nhìn Ysabeau vẻ nghi ngại. Thư viện này ở trong một tình trạng cực kỳ hỗn độn. Phần còn lại của lâu đài thì gọn gàng ngăn nắp, nhưng căn phòng này trông như thể bị vùi rong quét qua. Sách rải la liệt khắp nơi. Ai đó đã lôi chúng ra khỏi giá và quăng lên mọi bề mặt trong phòng.

“Nó hẳn phải ở đây. Ông ấy chắc đã biết rằng bọn trẻ ở cùng nhau.” Ysabeau ném cuốn sách trên tay sang bên và vói tới một cuốn khác. Việc này làm tâm hồn người thủ thư của Emily đau nhói khi chứng kiến các cuốn sách bị đối xử tệ bạc thế này.

“Tôi không hiểu. Bà đang tìm gì thế?” Emily nhặt lên một cuốn và nhẹ nhàng đóng lại.

“Matthew và Diana đã đến năm 1590. Tôi khi đó không có mặt ở nhà, mà ở Trier. Philippe chắc hẳn đã biết về người vợ mới của Matthew. Ông ấy sẽ để lại lời nhắn cho tôi.” Mái tóc Ysabeau xõa tung bao quanh khuôn mặt bà, xòa xuống tận eo lưng. Bà nóng nảy đưa tay vén tóc và hất nó ra cho khỏi vướng. Sau khi kiểm tra gáy và các trang cuối cùng, bà rạch mở trang sau cùng bằng móng tay chỗ sắc bén của mình. Thấy không có gì được giấu ở đó, bà gầm gừ thất vọng và tức giận.

“Nhưng đây là sách chứ không phải những lá thư,” Emily thận trọng nói. Tuy không biết rõ về Ysabeau, nhưng Emily rất quen thuộc với các huyền thoại khủng khiếp hơn về bà mẹ của Matthew và những gì bà đã làm ở Trier cũng như nhiều nơi khác. Nữ chúa của gia tộc de Clermont không có bạn bè gì với phù thủy cả, và mặc dù Diana tin tưởng người phụ nữ này, Emily vẫn không dám chắc chắn.

“Tôi không tìm một lá thư nào cả. Chúng tôi giấu những lời nhắn nhỏ cho nhau giữa các trang sách. Tôi đã tìm kiếm qua mọi cuốn sách trong thư viện khi ông ấy chết, mong muốn có được từng mẩu nhỏ ký ức về ông ấy. Nhưng tôi chắc chắn đã bỏ sót thứ gì đó.”

“Có lẽ đó không phải nơi tìm thấy nó – chưa tìm thấy.” Một giọng nói khô khốc vọng vào từ bóng tối bên cánh cửa. Mái tóc đỏ của Sarah Bishop trông thật hoang dã và gương mặt trắng nhợt vì lo lắng cùng thiếu ngủ. “Marthe sẽ ngắt xiu mắt khi trông thấy cảnh này. Và thật may là Diana không có ở quanh đây. Con bé sẽ lên lớp cho bà một bài về việc bảo quản giữ gìn sách đến mức khiến bà thấy thật ngốc nghếch.” Tabitha, con mèo vẫn bám theo Sarah đi khắp nơi, vọt ra từ giữa hai chân bà.

Đến lượt Ysabeau bối rối. “Ý bà là gì, Sarah?”

“Thời gian chơi khăm chúng ta. Dù cho mọi sự có theo đúng kế hoạch, Diana đã đưa Matthew trở về đúng ngày đầu tiên của tháng Mười Một năm 1590 thì có thể vẫn còn quá sớm để tìm kiếm lời nhắn từ chồng bà. Và bà sẽ không tìm thấy lời nhắn trước đó đâu, bởi vì Philippe chưa gặp cháu gái tôi.” Sarah ngừng ngang. “Tôi nghĩ Tabitha đang ăn cuốn sách kia.”

Tabitha, hài lòng được ở trong một ngôi nhà có lượng cung cấp chuột dư dả cũng như rất nhiều góc tối để ẩn nấp, và gần đây cô nàng bắt đầu xâm chiếm trèo lên các đồ gỗ nội thất hay những tấm màn trướng. Cô nàng đang chễm chệ trên một cái giá trong thư viện và gặm góc một cuốn sách bìa bọc da lớn.

“Kakó gati!” Ysabeau gào lên, lao ào qua các giá sách. “Đó là một trong những cuốn sách yêu thích của Diana.”

Tabitha, kẻ không bao giờ lùi bước khi đối đầu với một sinh vật săn mồi khác ngoại trừ Miriam, đập mạnh vào cuốn sách làm nó rơi xuống sàn nhà. Cô ả nhảy xuống theo sau, lớn vồn bên trên chiến lợi phẩm như sư tử canh mồi.

“Là một trong những cuốn sách về giả kim thuật có hình minh họa,” Sarah nói, giải phóng cho cuốn sách khỏi con mèo của bà rồi lật giở qua các trang. Bà hít ngửi cái bìa. “À, chả trách Tabitha muốn nhai nó. Cuốn sách có mùi bạc hà và da, giống y như món đồ chơi yêu thích của nó.”

Một miếng giấy vuông vắn, được gấp nhiều lượt, rập rờn rơi xuống sàn nhà. Bỏ rơi cuốn sách, Tabitha ngoạm mẫu giấy giữa hai hàm răng sắc và nghênh ngang tiến về phía cửa.

Ysabeau đang đợi sẵn nó. Bà túm gáy Tabitha nhắc lên và cạy mảnh giấy từ miệng con mèo. Rồi bà hôn lên mũi nàng mèo đang sưng sờ sưng sốt. “Con mèo thông minh. Mày sẽ được ăn cá vào bữa tối nay nhé.”

“Đó là thứ bà đang tìm kiếm à?” Emily nhìn mảnh giấy vụn. Nó dường như không xứng với việc xới tung cả căn phòng lên như thế.

Câu trả lời của Ysabeau thật rõ ràng từ việc bà nâng niu nó. Ysabeau cẩn thận giở các nếp gấp để trải ra thành một tờ giấy dày, khoảng hơn mười centimet vuông, cả hai mặt đều được phủ kín bằng những ký tự li ti.

“Cái đó được viết bằng một loại mật mã,” Sarah nói. Bà đẩy cặp kính đọc gọng vắn ngựa lên sống mũi để nhìn rõ hơn.

“Không phải mật mã – là tiếng Hy Lạp.” Đôi tay Ysabeau run run khi bà vuốt phẳng tờ giấy ra.

“Nó nói gì thế?” Sarah hỏi.

“Sarah!” Emily mắng. “Đó là chuyện riêng mà.”

“Nó là từ Philippe. Ông ấy đã gặp chúng,” Ysabeau thở hắt, đôi mắt chạy đua lướt trên các dòng chữ. Bàn tay bà đưa lên miệng, sự nhẹ nhõm ganh đua cùng cảm giác không tin nổi.

Sarah đợi cho Ysabeau đọc xong. Mất khoảng hai phút, đó là chín mươi giây dài đằng đẳng mà bà sẽ không bao giờ trao cho ai khác cả.

“Thế nào?”

“Họ ở cùng ông ấy vào dịp lễ. ‘Vào buổi sáng ngày lễ thánh, tôi đã tạm biệt con trai em. Thăng bé cuối cùng đã hạnh phúc, được kết bạn đời với một người đàn bà đi theo dấu chân của nữ thần và xứng đáng với tình yêu của nó,’” Ysabeau đọc to lên.

“Bà có chắc ông ấy ám chỉ Matthew và Diana không?” Emily thấy cụm từ này trang trọng và mập mờ một cách kỳ quặc khi dùng trao đổi giữa vợ chồng.

“Đúng thế. Matthew luôn là đứa con làm chúng tôi lo lắng, dù các anh chị em nó còn vướng vào những tình thế khó khăn tồi tệ hơn nhiều. Mong ước của tôi là được thấy Matthew hạnh phúc.”

“Và phần ám chỉ ‘người đàn bà đi theo dấu chân của nữ thần’ khá rõ ràng,” Sarah tán đồng. “Ông ấy không thể ghi rõ tên con bé và nhận định Diana là phù thủy. Sẽ ra sao ra nếu có ai khác tìm thấy lời nhắn?”

“Còn nữa,” Ysabeau tiếp tục. “Sổ phen vẫn có sức mạnh khiến chúng ta kinh ngạc, vui sướng. Tôi sợ rằng sẽ có một khoảng thời gian khó khăn ở phía trước dành cho chúng ta. Tôi sẽ làm những gì có thể, trong khoảng thời gian còn lại của mình, để đảm bảo cho sự an toàn của bà và

cho các con cháu chúng ta, những đứa trẻ đã cho chúng ta niềm vui và cả những đứa trẻ còn chưa được sinh ra.”

Sarah chửi thề. “Chưa sinh ra, không phải chưa được tạo ra à?”

“Đúng vậy.” Ysabeau thì thầm. “Philippe thường lựa chọn từ ngữ một cách cẩn thận.”

“Vậy ông ấy đang cố gắng nói cho chúng ta biết điều gì đó về Diana và Matthew,” Sarah nói.

Ysabeau thả người lên sofa. “Một thời gian rất lâu, rất lâu trước đây, cũng có những lời đồn về các sinh vật khác thường – bất tử nhưng đầy quyền năng. Khoảng thời điểm hiệp ước lần đầu tiên được ký, có người tuyên bố rằng có phù thủy sinh ra một đứa trẻ khóc ra máu giống ma cà rồng. Mỗi khi đứa bé khóc như thế lại có những cơn gió dữ dội thổi từ biển vào.”

“Tôi chưa bao giờ nghe thấy chuyện đó cả,” Emily cau mày nói.

“Nó bị phủ nhận như một câu chuyện thần thoại được thêm dệt nên nhằm khiến các sinh vật sợ hãi. Rất ít người trong chúng ta giờ còn nhớ được, và thậm chí càng ít hơn nữa những người tin vào khả năng có câu chuyện ấy.” Ysabeau chạm vào tờ giấy trong lòng. “Nhưng Philippe biết đó là sự thật. Ông ấy giữ đứa trẻ ấy, bà thấy đấy, và biết nó dành cho điều gì.”

“Điều đó là cái gì chứ?” Sarah sửng sốt hỏi.

“Một manjasang được một phù thủy sinh ra. Đứa trẻ tội nghiệp đang chết đói. Gia đình của phù thủy kia lấy đứa bé từ chỗ mẹ nó và không cho thằng bé ăn máu, họ cho rằng nếu chỉ cho thằng bé uống sữa, sẽ ngăn được nó biến thành sinh vật như chúng tôi.”

“Chắc hẳn Matthew biết câu chuyện này,” Emily nói. “Bà chắc đã kể cho cậu ấy để cậu ấy tìm kiếm, nếu không phải vì lợi ích của Diana.”

Ysabeau lắc đầu. “Đấy không phải truyện của tôi để tôi được kể.”

“Các người và những bí mật của các người,” Sarah chua chát nói.

“Còn những bí mật của các vị thì sao, Sarah?” Ysabeau la lên. “Bà thật sự tin rằng phù thủy – những sinh vật như Satu và Peter Knox – không biết gì về đứa trẻ manjasang này hay mẹ của nó ư?”

“Dừng lại đi, cả hai người,” Emily đột ngột lên tiếng. “Nếu câu chuyện này có thật, và các sinh vật khác biết nó, thế thì Diana đang gặp nguy hiểm nghiêm trọng. Cả Sophie nữa.”

“Cha mẹ cô ấy đều là phù thủy, nhưng cô ấy lại là yêu tinh,” Sarah nói, lòng nghĩ đến cặp vợ chồng trẻ xuất hiện trên bậc thềm nhà bà ở New York vài ngày trước lễ Halloween. Không ai hiểu làm sao hai yêu tinh ấy lại vừa vận liên quan tới điều bí ẩn này.

“Chồng Sophie cũng vậy, nhưng con gái họ sẽ là phù thủy. Cô ấy và Nathaniel là bằng chứng nhân tiên cho thấy chúng ta không hiểu rõ làm thế nào mà phù thủy, yêu tinh và ma cà rồng sinh sản và truyền các khả năng của họ cho con cháu,” Emily lo lắng nói.

“Sophie và Nathaniel không phải là những sinh vật duy nhất cần tránh xa Đại Hội Đồng. Thật may là Matthew và Diana đang an toàn ở thời điểm 1590 chứ không ở đây.” Sarah dữ dằn thêm vào.

“Nhưng hai đứa ở trong quá khứ càng lâu thì khả năng chúng làm thay đổi hiện tại càng nhiều,” Emily nhận định. “Chẳng chóng thì chầy, Diana và Matthew sẽ lộ diện thôi.”

“Ý cô muốn nói gì, Emily?” Ysabeau hỏi.

“Thời gian phải điều chỉnh – và không theo cách quá đáng như mọi người nghĩ, với những cuộc chiến tranh bị ngăn chặn hay các cuộc bầu cử tổng thống thay đổi. Nó sẽ là những sự việc nhỏ bé thôi, giống như lời nhắn này, xuất hiện ở chỗ này chỗ kia.”

“Những điều dị thường,” Ysabeau lẩm bẩm. “Philippe luôn tìm kiếm những điều dị thường trên thế giới. Đây là lý do vì sao tôi vẫn đọc tất cả chỗ báo đó. Nó đã trở thành thói quen của chúng tôi đọc lướt qua chúng vào mỗi buổi sáng.” Mắt bà khép lại trước hồi ức thân thuộc ấy. “Chồng tôi yêu thích các mục thể thao, dĩ nhiên rồi, và cũng đọc cả các cột báo về giáo dục nữa. Philippe lo lắng về những gì bọn trẻ sẽ học trong tương lai. Ông ấy lập nhóm bằng hữu để nghiên cứu tiếng Hy Lạp, triết học, và còn tài trợ cho những trường đại học dành cho phụ nữ. Tôi luôn nghĩ việc đó thật kỳ lạ.”

“Ông ấy đang tìm Diana,” Emily nói với vẻ đoan chắc của người có năng lực linh cảm trời ban.

“Có lẽ thế. Có lần tôi đã hỏi ông ấy tại sao lại quá mức bận tâm tới các sự kiện đang diễn ra như thế và ông ấy hy vọng phát hiện được điều gì trong đồng báo chí. Philippe trả lời ông ấy sẽ biết đó là gì khi thấy nó,” Ysabeau kể. Bà mỉm cười buồn bã. “Ông ấy yêu những điều kỳ bí và nói nếu có thể, ông ấy muốn làm thám tử, giống như Sherlock Holmes vậy.”

“Chúng ta cần chắc chắn phát hiện ra bất cứ sự khác thường nào dù nhỏ bé trong thời gian trước khi Đại Hội Đồng biết được,” Sarah nói.

“Tôi sẽ bảo Marcus,” Ysabeau gật đầu tán thành.

“Bà đáng lẽ nên kể cho Matthew biết về đứa bé lai đó.” Sarah không thể kìm nén được vẻ trách cứ lộ ra trong giọng nói.

“Con trai tôi yêu Diana, nếu biết về đứa trẻ đó, Matthew thà rằng sẽ quay lưng với con bé chứ không bao giờ đặt con bé – và đứa trẻ – vào vòng nguy hiểm.”

“Những người nhà Bishop không dễ bị dọa thế đâu, Ysabeau. Nếu Diana muốn con trai bà, con bé sẽ tìm cách để có được cậu ấy.”

“Diana đã muốn có cậu ấy, và giờ họ đã có nhau,” Emily nhắc. “Nhưng chúng ta sẽ không chỉ chia sẻ tin này cho Marcus đâu. Sophie và Nathaniel cũng cần phải biết.”

Sarah cùng Emily rời khỏi thư viện. Họ đang ở trong căn phòng cũ của Louisa de Clermont, xuôi theo hành lang tới phòng Ysabeau. Sarah đã nghĩ không biết bao nhiêu lần một ngày khi thấy nó có mùi hơi giống Diana.

Ysabeau vẫn ở lại sau khi hai người rời đi, thu thập những cuốn sách để sắp lại lên giá. Khi căn phòng một lần nữa lại ngăn nắp trật tự, bà trở lại chỗ sofa và lật lên lời nhắn từ chồng. Nó còn có nhiều chuyện hơn điều bà tiết lộ với hai phù thủy. Bà đọc lại những dòng cuối cùng.

“Nhưng đã đủ những chuyện u ám rồi. Em cũng phải giữ mình an toàn để có thể tận hưởng tương lai cùng với chúng. Đã hai ngày rồi kể từ khi tôi thầm nhắc em nhớ rằng em là người nắm giữ trái tim thôi. Tôi ước rằng mình có thể làm vậy từng phút từng giây, để em không quên điều đó, hay quên tên của người đàn ông sẽ yêu thương em mãi mãi. Philipos.”

Vào những ngày cuối đời, có nhiều lúc Philippe không thể nhớ được tên mình, huống hồ là tên của bà.

“Cảm ơn Diana,” Ysabeau thì thầm nói trong bóng đêm, “vì đã mang ông ấy trở lại cho ta.”

Vài giờ sau, Sarah nghe thấy một âm thanh lạ lùng phía trên đầu – giống tiếng nhạc, nhưng còn hơn cả âm nhạc. Bà lao bổ ra khỏi phòng để rồi tìm thấy Marthe trong hành lang, bà lão bọc mình trong chiếc áo choàng tắm dây viền cũ với một con ếch được thêu trên miêng túi, nét

mặt biểu lộ một vẻ vừa sung sướng lại vừa đau đớn. Con người không bao giờ có thể tạo ra âm thanh đẹp đẽ nhưng sâu thẳm đó. Chắc hẳn đang có một thiên thần trên mái nhà.

“Ysabeau đang hát trở lại,” Marthe trả lời. “Bà ấy chỉ làm thế một lần duy nhất từ khi Philippe chết – là khi cháu gái bà gặp nguy hiểm và cần được kéo trở về thế giới này.”

“Bà ấy ổn chứ?” Quá nhiều đau đớn và mất mát trong mỗi nốt nhạc khiến tim Sarah thắt lại.

Marthe gật đầu. “Âm nhạc là điều tốt, một dấu hiệu cho thấy thời kỳ để tang của bà ấy có thể đang kết thúc. Chỉ khi đó Ysabeau mới bắt đầu sống lại.”

Hai người phụ nữ, ma cà rồng và phù thủy, cùng lắng nghe cho đến khi những nốt nhạc cuối cùng trong bài hát của Ysabeau lắng dần vào im lặng.

Phần III. London: Blackfriars

15.

“Trông như một chú nhím điên ấy,” tôi nhận xét. Đường chân trời London phủ kín những ngọn tháp nhọn tua tủa như vô số cây kim chìa thẳng lên trời, nổi lên giữa đồng lộn xộn các tòa nhà xung quanh chúng. “Đó là gì vậy?” tôi thở hắt ra, chỉ về phía một tòa kiến trúc bằng đá có nhiều ô cửa sổ cao vút.

“Nhà thờ Thánh Paul,” Matthew giải thích. “Sét đánh trúng tháp nhọn, mái gỗ bắt lửa cháy. Người Anh tin đó là cả phép màu khi toàn bộ nhà thờ không bị thiêu ra tro,” anh tiếp lời.

“Còn chẳng gì ngạc nhiên khi người Pháp tin rằng đó rõ ràng là bàn tay của Chúa đã tạo nên sự kiện ấy,” Gallowglass bình luận. Anh chàng gặp chúng tôi ở Dover, và đã trưng dụng một con thuyền tại Southwark, hiện giờ đang chèo thuyền đưa chúng tôi ngược dòng. “Bất kể lúc nào Chúa Trời thể hiện uy quyền thật sự của Người đi nữa, thì Người cũng chẳng bao giờ cấp tiền tu sửa cho nó cả.”

“Nữ hoàng cũng không.” Matthew toàn tâm để ý các cầu cảng dọc bờ, còn bàn tay phải đặt trên chuôi gươm.

Tôi chưa bao giờ tưởng tượng nổi nhà thờ Thánh Paul cũ to lớn đến thế và lại tự véo mình cái nữa. Tôi đã phải làm việc đó kể từ khi phát hiện thấy tòa tháp (cả nó nữa, trông thật to lớn khổng lồ khi không có những tòa nhà chọc trời vây quanh) và Cầu London (nơi có chức năng như một khu trung tâm thương mại.) Rất nhiều quang cảnh cũng như âm thanh gây ấn tượng cho tôi kể từ khi cả hai đến quá khứ, nhưng không gì khiến tôi sững sốt nghệt thờ như lần đầu tiên nhìn lướt qua toàn cảnh London.

“Chú có chắc là không muốn cập cảng thị trấn trước không?” Gallowglass vẫn luôn ngụ ý thăm dò về hành động lần này kể từ lúc chúng tôi trèo vào con thuyền.

“Chúng ta sẽ đến Blackfriars,” Matthew kiên quyết nói. “Mọi chuyện khác đều có thể đợi.”

Gallowglass tỏ vẻ hồ nghi, nhưng anh chàng vẫn tiếp tục chèo cho tới khi chúng tôi đến cực tây của thành phố cổ có tường bao quanh. Tại đó, thuyền cập bến ở một cầu cảng có những bậc thang bằng đá. Nhiều nấc thang dưới cùng bị nhấn chìm dưới dòng sông, và nhìn vào các bức tường thì thủy triều sẽ tiếp tục lên cho tới khi phần còn lại của các bậc thang đá này cũng nằm dưới mặt nước. Gallowglass ném sợi dây cho một người đàn ông vạm vỡ, người này cảm ơn cậu ta rồi rút vì đã trả lại tài sản của ông ta.

“Cậu hình như chỉ đi lại bằng thuyền của người khác nhỉ, Gallowglass. Có lẽ Matthew nên tặng cho cậu một chiếc thuyền riêng vào dịp Giáng Sinh,” tôi lạnh nhạt nói. Chuyển trở về nước Anh của chúng tôi – và theo lịch cũ – có nghĩa chúng tôi đang ăn mừng dịp nghỉ lễ lần thứ hai trong năm nay.

“Và tước đoạt đi một trong những lạc thú ít ỏi của cháu ư?” Hàm răng trắng bóng của anh chàng lấp ló sau bộ râu. Cậu cháu trai của Matthew cảm ơn người lái thuyền rồi ném cho ông ta một đồng tiền xu có kích cỡ và độ nặng đủ làm giảm hẳn vẻ lo lắng của người đàn ông khốn khổ, chuyển thành biểu hiện cảm kích choáng váng.

Chúng tôi đi từ chỗ lên bờ xuyên qua một hành lang mái vòm, ngang qua hẻm Water, một con đường giao thông huyết mạch ngoằn ngoèo, chật hẹp đông đúc nhà ở và cửa hàng. Mỗi sàn nhà càng lúc càng nâng cao lên, các ngôi nhà nhô lên cao hơn so với mặt đường, giống như một cái tủ búp phê có những ngăn kéo trên được kéo ra hết. Hậu quả là vải lanh, thảm trải sàn, và các thứ linh tinh khác được phơi giăng ra ngoài cửa sổ. Mọi người đều đang tranh thủ một ngày

thời tiết đẹp hiếm hoi để làm thoáng khí cho nơi ăn ở hay hong đồ may mặc.

Matthew vẫn nắm chặt tay tôi, còn Gallowglass thì đi bên phải tôi. Các hình ảnh cùng âm thanh đổ đến từ mọi phía.

“Chúng ta đến rồi,” Matthew nói. “Hươu Đực và Vương Miện.”

Tòa nhà có một nửa được xây bằng gỗ, giống hầu hết cả con phố. Một hành lang vòm bắc qua hai dãy cửa sổ. Người thợ đóng giày đang bận rộn làm việc ở đầu bên này mái vòm, trong khi người phụ nữ ở phía đối diện đang trông chừng mấy đứa trẻ, khách hàng, cùng một cuốn sổ ghi chép lớn. Bà ta gật đầu nhanh nhẹn chào Matthew.

“Vợ của Robert Hawley quản lý học viên cũng như khách hàng của ông ấy bằng bàn tay thép. Không có chuyện gì diễn ra tại Hươu Đực và Vương Miện mà Margaret không biết,” Matthew giải thích. Tôi thầm ghi nhớ sẽ kết bạn với người phụ nữ ấy ngay khi có cơ hội.

Lối đi vắng vẻ dẫn vào sân trong khu nhà – nơi xa hoa trong một thành phố đông đúc như London. Khoảng sân kiểu hãnh nhè về trang nhã hiếm có: một giếng cung cấp nước sạch cho bộ phận dân cư nơi đây gồm nhiều thành phần khác nhau. Vài người còn tận dụng phần sân phía nam lộ thiên bằng cách cạy những viên đá lát cũ lên để trồng một mảnh vườn, và bây giờ các luống đất gọn gàng trống không của nó đang kiên nhẫn đợi mùa xuân đến. Một nhóm phụ nữ giặt giũ làm việc bên ngoài khu kho cũ cạnh nhà vệ sinh chung.

Phía bên trái, một cầu thang xoắn dẫn lên khu phòng của chúng tôi ở tầng một, nơi Françoise đang đợi để chào đón trên phần chiếu nghỉ rộng rãi. Cô ấy đã mở tung cánh cửa kiên cố dẫn vào khu phòng. Trong phòng có một tủ bát đầy chật những khayên xâu. Một con ngỗng, trụi lông và gãy cổ, bị buộc vào quả đấm trên cửa tủ.

“Cuối cùng cũng đến.” Henry Percy xuất hiện, cười rạng rỡ. “Chúng tôi đã đợi mấy tiếng đồng hồ rồi đấy. Mẫu thân phu nhân tốt bụng của tôi gửi cho các vị con ngỗng này. Bà nghe báo nói rằng trong thành phố không có gia cầm và bắt đầu khẩn trương lo lắng các vị có thể bị đói.”

“Thật vui được gặp anh bạn, Hal,” Matthew bật cười vang vừa nói vừa lắc đầu trước con ngỗng nọ. “Mẹ anh có khỏe không?”

“Vẫn luôn là một người nhiều lời lắm chuyện vào dịp Giáng Sinh, cảm ơn anh bạn đã hỏi thăm. Hầu hết cả gia đình đều tìm cơ để ở lại nơi nào đó, nhưng tôi bị giữ lại đây để làm nữ hoàng vui lòng. Bệ hạ đã quát lên, vang vọng cả khán phòng rằng tôi không đáng tin cậy ngay cả khi ở xa tận P-P-Petworth.” Henry cà lăm nói, mặt mày ỉu xìu trước hồi tưởng kia.

“Anh vô cùng được chào mừng đón Giáng Sinh với chúng tôi, Henry,” tôi nói, vừa cởi áo choàng vừa bước vào trong, nơi mùi gia vị cùng mùi gỗ linh sam tươi mới ngập tràn không khí.

“Cô thật tốt bụng đã mời tôi, Diana, nhưng em gái Eleanor và em trai George của tôi đang ở trong thành phố và chúng không có can đảm đương đầu với bà.”

“Ít nhất hãy ở lại với chúng tôi tối nay,” Matthew khẩn nài, lái Henry sang bên phải ở nơi ấm áp và có ánh lửa lò sưởi bập bùng cháy, “và hãy kể cho chúng tôi nghe những chuyện đã diễn ra trong thời gian chúng tôi đi vắng.”

“Ở đây mọi chuyện đều yên ắng cả,” Henry vui vẻ báo cáo.

“Yên ắng ư?” Gallowglass giậm mạnh chân lên các bậc thang, nhìn vị bá tước một cách lãnh đạm.

“Marlowe ở lễ đội mũ của Hồng Y đã uống như cái hũ chìm, rao bán những bài thơ với một anh chàng công chứng viên kiệt xác đến từ Stratford, kẻ này bám đuôi hẩn với hy vọng trở thành

nhà soạn kịch. Và giờ có vẻ như Shakespeare rất hài lòng với việc học cách giả mạo chữ ký của chú, Matthew. Theo như ghi chép sổ sách của chủ quán trọ, chú đã hứa trả tiền phòng cho Kit cùng các chi phí ăn ở tuần trước.”

“Tôi chỉ để họ ở riêng có một tiếng đồng hồ,” Henry chống chế. “Kit biết Matthew và Diana sẽ đến vào chiều nay. Anh ta và Will đã hứa sẽ cư xử tử tế hết mức.”

“Vậy ra đó là lời giải thích,” Gallowglass lẩm bẩm mĩa mai.

“Đây là cái anh làm ư, Henry?” Tôi nhìn từ tiền sảnh vào trong khu phòng sinh hoạt chính. Ai đó đã cài những cành nhựa ruồi, thường xuân và linh sam quanh chỗ lò sưởi cùng các khung cửa sổ và bày thành đồng lên giữa chiếc bàn gỗ sồi. Lò sưởi được chất đầy các xúc củi với một ngọn lửa vui tươi xì xèo cháy và nổ tí tách.

“Françoise và tôi muốn Giáng Sinh đầu tiên của cô có không khí lễ hội,” Henry đáp, khuôn mặt ửng hồng.

Hương Đức và Vương Miện đại diện cho cuộc sống thành thị ở mức tốt nhất của thế kỷ mười sáu. Phòng khách có kích thước đẹp, cảm giác ấm cúng và dễ chịu. Bức tường phía tây là khung cửa sổ cùng rất nhiều ô kính nhìn ra Hẻm Water. Đó là vị trí hoàn hảo để ngắm nhìn mọi người, với chỗ ngồi được lót đệm êm ái xây liền vào bậu cửa sổ. Ván ốp chân tường làm các bức tường có vẻ ấm áp, mỗi tấm đều được chạm khắc hình những đóa hoa và dây leo xoắn vào nhau mềm mại.

Nội thất gỗ trong phòng đều là đồ thừa nhưng được chế tác tốt. Một chiếc ghế tủ và hai ghế bành lòng sâu đợi sẵn bên cạnh lò sưởi. Chiếc bàn bằng gỗ sồi ở chính giữa căn phòng đẹp một cách khác thường, bề ngang chưa đầy một mét nhưng lại khá dài, các chân bàn trang trí bằng nhiều khuôn mặt thanh tú của tượng phụ nữ và mặt thần Hermes. Một giá nến sáng rực treo lơ lửng phía trên chiếc bàn. Nó có thể được nâng lên và hạ xuống bằng cách sử dụng hệ thống dây thừng kéo gắn trên trần nhà. Những cái đầu sư tử đang gầm được trạm trổ phía mặt trước của một cái tủ chén quái dị chứa hàng loạt các cốc vai, bình đựng, tách hay ly chân dài – mặc dù rất ít đĩa, thật là thích hợp cho một gia đình ma cà rồng.

Trước khi an vị dùng bữa tối với món ngỗng quay, Matthew dẫn tôi đi xem phòng ngủ của hai đứa và phòng làm việc riêng của anh. Cả hai đều ở phía bên kia tiền sảnh, đối diện phòng khách. Cửa sổ đầu hồi nhìn ra sân trong quán trọ, khiến cả hai căn phòng mang cảm giác sáng sủa và thoáng đãng đến ngạc nhiên. Phòng ngủ chỉ có ba món đồ gỗ: chiếc giường bốn cọc với phần đầu giường được chạm khắc cầu kỳ kèm màn treo bằng gỗ nặng nề, một tủ áp tường cao được ốp gỗ các mặt, một tủ búp phê thấp đặt dưới cửa sổ. Nó bị khóa kỹ, và Matthew giải thích rằng trong đó đựng bộ áo giáp cùng vài món vũ khí của anh. Henry và Françoise cũng đã vào chỗ này. Dây thường xuân được cuốn trên các cột giường, rồi họ còn buộc những cành nhựa ruồi vào thành giường nữa chứ.

Trái ngược với phòng ngủ trông có vẻ hiếm khi dùng, phòng làm việc của Matthew rõ ràng được sử dụng rất tốt. Ở đây có các giỏ giấy, túi và cốc vai đầy những bút lông và lọ mực, có đủ xi để làm ra vài tá nến, nhiều cuộn dây bện và rất nhiều thư từ đang đợi sẵn khiến tôi trùng xuống khi nghĩ về nó.

Một cái ghế bành trông rất thoải mái với lưng tựa dốc nghiêng cùng hai tay ghế cong cong được đặt trước cái bàn có những tấm ván có thể kéo dài ra. Ngoại trừ phần chân bàn nặng nề chạm trổ hình chiếc cốc củ hành, mọi thứ đều đơn giản và thiết thực.

Thấy tôi tái mặt trước hàng đống công việc đang đợi anh, nhưng Matthew vẫn chẳng bận tâm. “Tất cả cái đó có thể đợi. Ngay cả công vụ gián điệp vào đêm Giáng Sinh cũng thế,” anh nói với tôi.

Suốt bữa tối, chúng tôi trò chuyện nhiều hơn về những thành tích chói lọi mới nhất của Walter và choáng váng trước tình trạng giao thông ở London, rồi hướng sang vài chủ đề nghiêm túc hơn như cuộc chèn sảy sưa gần nhất của Kit và chàng William Shakespeare dám nghĩ dám làm. Sau khi đám đĩa được dọn sạch, Matthew lôi ra một bàn trò chơi nhỏ. Anh lấy bộ bài từ ngăn kéo bên dưới rồi ân cần dạy tôi cách chơi bài, theo phong cách thời Elizabeth. Henry vừa mới thuyết phục Matthew và Gallowglass chơi trò vầy rờng – một trò ghê rợn liên quan đến việc đặt nho khô cháy sáng vào một đĩa rượu brandy và đánh cược xem ai có thể nuốt được nhiều nhất – thì đúng lúc tiếng thánh ca vọng lên từ dưới đường bên ngoài cửa sổ. Không phải tất cả bọn họ đều hát đúng nhịp, những người đó còn không biết lời bài hát đang chêm thêm các chi tiết khiếm nhã về đời sống riêng tư của Joseph và Mary.

“Đây, milord,” Pierre nói, dúm một túi tiền xu cho Matthew.

“Chúng ta có bánh không?” Matthew hỏi Françoise.

Cô ấy nhìn Matthew như thể anh đã mất trí vậy. “Dĩ nhiên chúng ta có bánh. Chúng ở trong chiếc tủ chèn đựng đồ ăn mới dưới tầng trệt, ở đó mùi của nó sẽ không làm phiền ai,” Françoise đáp, chỉ tay về phía cầu thang. “Năm trước ngài cho bọn họ rượu, nhưng tôi không tin bọn họ xin nó vào đêm nay.”

“Tôi sẽ đi cùng anh, Matt.” Henry tình nguyện. “Tôi thích một bài hát hay vào đêm Giáng Sinh.”

Sự xuất hiện của Matthew và Henry dưới lầu được đánh dấu bởi âm lượng tăng lên thấy rõ của đội hợp xướng. Khi dàn hát thánh ca kết thúc, Matthew cảm ơn bọn họ rồi phát thưởng tiền xu. Henry thì phân phát những cái bánh, hành động này dẫn theo hàng loạt cái cúi đầu kính cẩn kèm theo tiếng thì thầm “cảm ơn, thưa đức ngài” khi thông tin đây là Bá tước Northumberland được truyền ra. Rồi tất cả di chuyển sang ngôi nhà khác, theo sự sắp xếp thứ tự ưu tiên bí ẩn nào đó mà họ hy vọng được đảm bảo nghỉ ngơi dưỡng sức và trả công tốt nhất.

Chẳng mấy chốc tôi đã không thể kìm nén những cái ngáp dài nữa, và Henry cùng Gallowglass bắt đầu gọi người mang đến găng tay và áo choàng của họ. Cả hai cười tủm tỉm giống những bà mối đang hài lòng mãn ý trong khi hướng ra phía cửa. Matthew lên giường cùng tôi, anh ôm tôi vào lòng cho tới lúc tôi chìm vào giấc ngủ, những bài thánh ca vọng lại xa xa cùng nhiều chiếc chuông ngân nga điểm giờ vang lên khắp thành phố.

“Đó là nhà thờ Thánh Mary-le-Bow,” anh nói, lắng nghe những âm thanh trong thành phố. “Và Thánh Katherine Cree.”

“Đó có phải là nhà thờ Thánh Paul không?” Tôi hỏi khi một tiếng ngân nga lạnh lạnh kéo dài vang lên.

“Không. Tia sét đánh vào gác chuông đó cũng phá hủy cả những quả chuông rồi,” anh đáp. “Đó là nhà thờ Thánh Saviour. Chúng ta đã đi qua nó trên đường vào thị trấn đây.” Các nhà thờ còn lại ở London cùng đổ dồn theo tiếng chuông nhà thờ Southwark. Cuối cùng một hồi chuông rung không ngẫu hứng kết thúc bằng những tiếng lạnh lạnh chói tai và cũng là âm thanh cuối cùng tôi nghe được trước khi giấc ngủ trùm lên.

Giữa đêm, tôi bị đánh thức bởi tiếng trò chuyện văng ra từ phòng làm việc của Matthew. Tôi cảm nhận được chiếc giường, nhưng anh không còn nằm cùng tôi nữa. Sợi đai da giữ cho tấm đệm khỏi xô lệch kêu rít lên và kéo giãn ra khi tôi nhảy xuống sàn nhà lạnh ngắt. Tôi run rẩy cuộn một tấm khăn choàng trước khi rời khỏi phòng.

Phán đoán bằng các vùng sáp trên giá cắm nến thì hẳn Matthew đã làm việc nhiều giờ đồng hồ rồi. Pierre ở cùng anh, đang đứng cạnh cái giá được xây khuất bên lò sưởi. Anh ta trông như thể bị kéo ngược phía sau lê qua lớp bùn của sông Thames lúc thủy triều xuống vậy.

“Tôi đã đi qua khắp cả thành phố với Gallowglass và đám bạn người Iceland của cậu ấy,” Pierre lâu bầu. “Nếu đám người Scot biết bất cứ điều gì về ông thầy giáo ấy, chúng sẽ không để lộ ra đâu, milord.”

“Thầy giáo nào thế?” Tôi bước vào phòng. Chỉ khi đó tôi mới phát hiện ra một cánh cửa hẹp ẩn sau lớp ván gỗ ốp tường.

“Tôi xin lỗi, madame. Tôi không định làm bà thức giấc.” Vẻ mặt mất can đảm của Pierre lộ ra qua mớ rác rưởi, và mùi hôi thối đi kèm theo anh ta khiến mắt tôi chảy nước.

“Được rồi, Pierre. Đi đi. Ta sẽ tìm anh sau.” Matthew đợi trong khi tiếng giày lép nhép của người hầu nhỏ dần và biến mất. Ánh mắt Matthew trôi dạt tới khoảng bóng tối bên cạnh lò sưởi.

“Căn phòng nằm xa tít sau cánh cửa đó không chào đón anh rồi,” tôi lưu ý nhắc nhở, đi tới bên cạnh anh. “Giờ chuyện gì xảy ra thế?”

“Có thêm tin tức từ Scotland. Bồi thẩm đoàn kết án tử hình một pháp sư tên John Fian – thầy giáo đến từ Pretonpans. Trong khi anh đi vắng, Gallowglass đã cố khám phá sự thật là gì, nếu có bất cứ điều dối trá nào ẩn sau hàng loạt lời buộc tội dã man đó: phụng thờ Satan, chặt thây người chết trong nghĩa địa, biến chân chuột chũi thành những mẩu bạc nên hẳn không bao giờ thiếu tiền cả, đi ra biển bằng một con thuyền cùng quỹ dữ và Agnes Sampson để phá ngang những chính sách của đức vua.” Matthew quăng tờ giấy lên bàn trước mặt mình. “Những gì anh có thể nói thì Fian là một trong những thứ chúng ta gọi là tempestarii, ngoài ra chẳng có gì khác cả.”

“Một cơn gió phù thủy, hoặc có thể là nước phù thủy,” tôi nói, chuyển ngữ cụm từ lạ kia.

“Đúng thế,” Matthew gật đầu. “Fian làm tăng thêm số tiền lương giáo viên của mình bằng cách gây nên bão tố sấm chớp bằng bùa chú suốt đầu mùa băng tan khi mà mùa đông ở Scotland có vẻ sẽ chẳng bao giờ kết thúc. Dân làng ngưỡng mộ ông ta. Ngay cả học trò của Fian cũng chỉ có tán dương và ca ngợi ông ta. Fian có lẽ cũng sở hữu một chút khả năng tiên tri – ông ta đã tiên đoán được cái chết của mọi người, nhưng chuyện này cũng có thể do Kit bịa ra để thêm mắm thêm muối cho câu chuyện kể với đám khán giả người Anh mà thôi. Anh ta bị ám ảnh về một phù thủy có khả năng linh cảm, hẳn là em còn nhớ.”

“Phù thủy dễ bị thương tổn trước tâm tính thất thường của những người hàng xóm lắm, Matthew. Phút trước bọn em còn là bạn bè, phút sau đã phải chạy khỏi thị trấn – hoặc có khi còn tệ hơn nữa.”

“Những gì xảy ra với Fian hẳn là tồi tệ hơn rồi,” Matthew dứt khoát nói.

“Em có thể tưởng tượng được,” tôi rùng mình đáp lại. Nếu Fian bị tra tấn như Agnes Sampson thì chắc hẳn ông ấy sẽ chào đón cái chết để giải thoát. “Có gì trong căn phòng ấy thế?”

Matthew cân nhắc việc nói với tôi rằng đó là bí mật nhưng đã khôn ngoan kiềm chế lại. Anh đứng lên. “Sẽ tốt hơn nếu anh chỉ cho em thấy. Ở sát bên anh nhé. Trời còn chưa sáng, và chúng ta không thể mang nến vào phòng đó được vì sợ sẽ có người trông thấy từ bên ngoài. Anh không muốn em bị vấp ngã.” Tôi lặng lẽ gật đầu và cầm lấy tay anh.

Chúng tôi bước qua bậc cửa vào một căn phòng dài với những hàng cửa sổ chỉ vừa vạm lớn hơn mấy cái rãnh trên mũi tên nằm kẹp phía dưới mái hiên. Sau một lúc, mắt tôi đã thích nghi và nhiều hình thù xám xám bắt đầu hiện ra từ trong bóng tối tù mù. Một cặp ghế đan cũ kỹ làm từ liễu non dùng để ngồi trong vườn được đặt đối diện nhau, lưng ghế uốn cong về phía trước. Những băng ghế thấp mòn vẹt được sắp xếp thành hai hàng xuôi theo lối chính giữa phòng. Mỗi chiếc mang một loạt những món đồ kỳ lạ được phân loại: sách, giấy tờ, thư từ, mũ, và quần

áo. Từ bên phải có ánh kim loại le lói: những thanh kiếm, cán dưng phía trên, mũi chúc xuống. Một đồng dao găm nằm trên sàn phòng ở gần đó. Có cả tiếng sột soạt và tiếng chân chạy nháo nhác.

“Chuột đấy.” Tiếng Matthew thản nhiên, nhưng tôi không thể không kéo sát chiếc váy ngủ áp vào hai chân mình. “Pierre và anh làm mọi thứ có thể, nhưng chẳng thể nào loại bỏ chúng hoàn toàn. Chúng thấy chỗ giấy tờ này hấp dẫn không cưỡng nổi.” Anh hất hàm lên phía trên, và tôi lần đầu tiên để ý thấy những tràng hoa kỳ dị ở trên tường.

Tôi lê bước lại gần hơn và sẫm soi những vòng hoa đó. Mỗi vòng được treo bằng một sợi thừng bên mảnh được trát vữa gắn với một cái đinh đầu vuông. Sợi thừng này sau đó được xâu qua cái khuyên móc ở góc trái của hàng loạt các văn bản giấy tờ. Nút cuối sợi thừng được treo ngược lên cũng luôn qua cái đinh đó, tạo thành một vòng hoa bằng giấy.

“Một trong những cái tủ tài liệu đầu tiên trên thế giới. Em đã nói anh giữ quá nhiều bí mật,” anh khẽ lên tiếng, đưa tay ra đập vào một vòng hoa. “Em có thể bổ sung những thứ này vào mối quan tâm của mình.”

“Nhưng có đến hàng ngàn tài liệu.” Chắc chắn ngay cả một chàng ma cà rồng một-ngàn-năm-trăm-tuổi cũng không thể đọc hết quá nhiều như thế.

“Đúng vậy,” Matthew đồng tình. Anh quan sát trong khi tôi đưa mắt quét khắp căn phòng, ghi nhận những gì được canh giữ. “Bọn anh ghi nhớ nhiều điều mà các sinh vật khác muốn lãng quên, việc đó giúp cho Các hiệp sĩ dòng Thánh Lazarus có thể bảo vệ những thứ mình trân trọng. Một số bí mật là ngược về thời đại trị vì của tiên đế. Hầu hết các tài liệu cũ hơn đã được chuyển đến Sept-Tours để giữ an toàn.”

“Có quá nhiều dấu vết giấy tờ,” tôi lẩm bẩm, “và tất cả chúng sau cùng đều dẫn trở về anh hay những người nhà de Clermont.” Căn phòng nhòa dần cho tới khi tôi chỉ còn thấy các vòng hoa bằng giấy và cơn lốc xoáy lộn của ngôn từ trải ra thành nhiều sợi dây dài bện xoắn lại. Có điều gì đó tôi cần phải hiểu trong những dòng chữ chằng chéo này.

“Anh đang xem qua các giấy tờ này từ lúc em ngủ, tìm kiếm thông tin tham khảo về Fian. Anh đã nghĩ rằng có lẽ ông ta cũng được nhắc tới ở đây,” Matthew nói, dẫn tôi quay trở lại phòng làm việc. “Điều gì đó để giải thích tại sao hàng xóm láng giềng lại quay lưng với ông ta. Hẳn phải có một ví dụ mẫu cho chúng ta biết tại sao con người xử sự theo cách này.”

“Nếu anh tìm thấy nó thì các sử gia đồng nghiệp của em sẽ rất háo hức được biết đấy. Nhưng hiểu rõ trường hợp của Fian không đảm bảo rằng anh có thể ngăn cản điều tương tự xảy đến với em.” Thở cơ giằn giắt trên quai hàm Matthew cho tôi biết lời nói của mình đã đánh trúng đích. “Và em khá chắc chắn là anh không đào xới vào vấn đề này sâu sát hơn trước được đâu.”

“Anh không còn là gã đàn ông mắt nhắm mắt mở cho qua tất cả nỗi đau khổ này – và anh không muốn trở thành gã đàn ông đó một lần nữa.” Matthew kéo chiếc ghế của anh rồi nặng nề ngồi xuống. “Chắc chắn anh có thể làm được điều gì đấy.”

Tôi vòng hai cánh tay ôm anh vào lòng. Cho dù đang ngồi, anh vẫn cao đến mức đỉnh đầu thúc lên lồng ngực tôi. Anh rúc sâu thêm nữa, rồi im lặng, sau đó từ từ kéo người ra, mắt anh nhìn dán vào bụng tôi.

“Diana. Em đang...” Anh dừng lại.

“Có thai. Em đã nghĩ vậy,” tôi thản nhiên nói. “Chu kỳ của em không đều từ sau vụ Juliette, nên em đã không dám chắc. Em ốm trên đường từ Calais tới Dover, nhưng biến động và con cá em ăn trước khi chúng ta rời đi rõ ràng là không tươi.”

Anh tiếp tục nhìn chăm chăm vào bụng tôi, khiến tôi ngơ ngậy không thoải mái.

“Thầy giáo dạy sức khỏe ở trường trung học của em đã đúng: Con gái thật sự có thể có thai ngay lần đầu tiên quan hệ tình dục với một chàng trai.” Tôi đã tính toán và khá chắc chắn quá trình thụ thai xảy ra trong dịp cuối tuần lễ đám cưới của chúng tôi.

Anh vẫn im lìm không lên tiếng.

“Matthew, nói gì đi anh.”

“Có thể lắm.” Anh trông có vẻ sửng sốt, bàng hoàng.

“Mọi thứ về chúng mình đều có thể.” Tôi hạ một bàn tay run rẩy đặt lên bụng mình.

Matthew đan các ngón tay lồng vào tay tôi và cuối cùng cũng nhìn vào mắt tôi. Tôi ngạc nhiên trước những gì mình thấy trong đó: kinh ngạc, tự hào, và đôi chút hoang mang. Thế rồi anh mỉm cười. Đó là biểu hiện của một niềm vui sướng hoàn toàn.

“Nếu em không làm được một phụ huynh tốt thì sao?” Tôi hỏi vẻ không chắc chắn. “Anh đã từng làm cha – anh biết phải làm gì.”

“Em sẽ là một người mẹ tuyệt vời” là lời phản bác ngay tức thì từ anh. “Tất cả những gì một đứa trẻ cần là tình yêu thương, người lớn có trách nhiệm với chúng, một nơi êm ái để dựa vào.” Matthew đưa hai bàn tay đan chặt dịu dàng vuốt ve bụng tôi. “Chúng mình sẽ khắc phục bước đầu tiên cùng nhau. Bước cuối cùng sẽ phụ thuộc cả vào em đấy. Bây giờ em cảm thấy thế nào?”

“Hơi mệt mỏi và buồn nôn, về mặt thể chất. Về cảm xúc, em chẳng biết bắt đầu từ đâu.” Tôi hít vào một hơi run run. “Có phải thông thường nó mang cảm giác sợ hãi, dữ dội và dịu dàng cùng lúc không anh?”

“Đúng thế – cả rùng rợn, lo lắng, rồi sợ đến phát ốm nữa,” anh dịu dàng đáp.

“Em biết thật lố bịch, nhưng vẫn luôn lo rằng phép thuật của mình có thể làm tổn thương đứa bé, mặc dù mỗi năm có đến hàng nghìn phù thủy sinh con.” Nhưng họ đâu cưới một chàng ma cà rồng.

“Đây không phải là bào thai bình thường mà,” Matthew nói, như đọc được suy nghĩ của tôi. “Nhưng em không cần phải làm mình lo lắng.” Một thoáng u buồn lướt qua mắt anh. Tôi có thể thấy rõ anh vừa bổ sung thêm một nỗi lo lắng nữa vào danh sách của mình.

“Em không muốn kể với ai cả. Chưa phải bây giờ.” Tôi nghĩ đến căn phòng bên cạnh. “Cuộc đời anh có thể gói thêm một điều bí mật nữa – ít nhất là trong một lúc được không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Matthew đáp ngay tắp lự. “Trong vài tháng tới, bụng em chắc sẽ chưa lộ rõ đâu. Nhưng Françoise và Pierre sẽ mau chóng biết được từ mùi của em, nếu bọn họ còn chưa biết, rồi cả Hancock và Gallowglass nữa. Cũng may, ma cà rồng không hay hỏi những câu riêng tư.”

Tôi cười khế. “Đúng ra thì em mới là người giữ bí mật này chứ. Anh không thể nào tỏ vẻ bao bọc nhiều hơn được đâu, cho nên sẽ không ai đoán ra được chúng ta đang che giấu điều gì nếu chỉ nhìn qua thái độ cư xử của anh.”

“Đừng có chắc chắn quá thế,” anh nói, mỉm cười tươi rói. Matthew khum những ngón tay khép lại phía trên tay tôi. Đó là cử chỉ bao bọc che chở rất bản năng.

“Nếu anh cứ chạm vào em theo cách ấy, mọi người sẽ nhanh chóng đoán ra đấy nhé,” tôi thủng thẳng tán đồng, lướt các ngón tay dọc theo bờ vai anh. Anh rùng mình. “Anh lẽ ra không thể

rùng mình khi cảm thấy thứ gì ấm áp chứ.”

“Đó không phải nguyên nhân anh run rẩy đâu.” Matthew đứng lên, che khuất ánh sáng từ những ngọn nến.

Trái tim tôi đón bắt được ánh nhìn của anh. Anh tủm tỉm cười, nghe thấy nhịp đập thất thường khe khẽ đó, và kéo tôi về phía cái giường. Chúng tôi cởi bỏ áo quần rồi ném xuống sàn nhà, nơi chúng nằm lại trong hai ô trắng từ vầng sáng bàng bạc chiếu hắt xuống qua cửa sổ.

Mỗi cái âu yếm từ Matthew nhẹ tựa lông hồng theo dấu từng phút biến đổi trên thân thể tôi. Anh nắn nã trên mỗi centimét da thịt mềm mại, nhưng ánh nhìn mát lạnh của anh làm tăng thêm cảm giác nhức nhối ấy hơn là xoa dịu nó. Từng nụ hôn càng thất càng rối y như cảm xúc mà chúng tôi chia sẻ về đứa con này. Cùng lúc đó, những lời thăm thì của anh trong bóng tối lại khuyến khích tôi dồn sự chú ý chỉ vào mình anh thôi. Khi tôi không thể chờ đợi lâu hơn nữa, Matthew đi vào trong tôi, mỗi chuyển động đều không vội vã mà thật dịu dàng, giống như nụ hôn của anh.

Tôi uốn cong người để cố gắng nhận được nhiều hơn nữa, và Matthew đứng yên lại. Cùng với sống lưng tôi cong hình cánh cung, anh đã đang hoàng ở ngay lối vào tử cung. Và trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, nhưng là mãi mãi, cha, mẹ và con ở thật gần nhau hơn bất cứ ba sinh vật nào trên đời này có thể làm được.

“Cả con tim và cả cuộc đời anh,” anh thì thầm hứa, vẫn chuyển động trong tôi.

Tôi òa khóc và Matthew ôm siết tôi vào lòng cho tới khi cơn rung động ngừng lại. Rồi anh hôn suốt dọc cơ thể tôi, bắt đầu với con mắt thứ ba của phù thủy, rồi tiếp đó đến bờ môi, cổ họng, giữa hai bầu ngực, dưới ngực, rốn và cuối cùng là bụng tôi.

Anh đắm đuối nhìn xuống, lắc đầu và tặng kèm nụ cười rạng rỡ trẻ con. “Chúng mình đã tạo ra một em bé,” anh nói, rồi lặng người không lên tiếng.

“Chúng mình đã làm được,” tôi đồng ý cùng với một nụ cười đáp lại.

Matthew len đôi vai vào giữa hai bắp đùi tôi, đẩy cho chúng mở rộng ra. Một cánh tay bao quanh đầu gối tôi, tay còn lại ôm qua bờ hông bên kia để bàn tay anh có thể đặt lên mạch đập nơi đó, anh ngả đầu trên bụng tôi như thể nó là một cái gối và buông một tiếng thở dài thỏa mãn. Hoàn toàn yên tĩnh, anh lắng tai tìm kiếm tiếng óc ách nhẹ nhàng từ dòng máu giờ đây đang nuôi dưỡng đứa con của cả hai. Khi nghe tiếng, anh nghiêng đầu và ánh mắt chúng tôi gặp nhau. Anh cười tươi, rạng rỡ, đầy chân thực, rồi quay trở lại với niềm mong mỏi của mình.

Trong màn đêm dưới ánh nến của buổi sáng ngày lễ Giáng Sinh, tôi cảm nhận được sức mạnh lặng lẽ đến từ việc chia sẻ tình yêu với một sinh vật khác. Không còn là một vật thể đơn độc trôi nổi di chuyển xuyên qua không gian và thời gian nữa, giờ đây tôi đã là một phần của một hệ hành tinh. Tôi cần phải học cách giữ lực hút của chính mình trong khi đang bị lôi kéo như thế này bởi những cơ thể to lớn hơn và mạnh mẽ hơn tôi. Nếu không thì Matthew, những người nhà de Clermont, con chúng tôi – và Đại Hội Đồng – dĩ nhiên, có thể kéo tôi đi mất.

Khoảng thời gian tôi có với mẹ mình thật quá ngắn, nhưng trong bảy năm bà đã dạy cho tôi nhiều điều. Tôi còn nhớ tình yêu thương vô điều kiện của mẹ, vòng tay mẹ chở che bao bọc, và cách mẹ luôn có mặt ở đúng nơi tôi cần. Đúng như Matthew nói: Trẻ con cần tình yêu, một nguồn an ủi tin cậy, và một người lớn sẵn lòng chịu trách nhiệm với chúng.

Đã đến lúc dừng việc coi nơi tạm trú của chúng tôi ở đây như một buổi hội thảo đặt trước ở nước Anh của Shakespeare, mà thay vào đó nhận ra nó là cơ hội cuối cùng và tốt nhất của tôi để khám phá chính mình, để tôi có thể giúp con mình hiểu được chỗ của nó trong thế giới này.

Nhưng trước hết tôi cần phải tìm được một phù thủy đã.

16.

Chúng tôi trải qua dịp cuối tuần bình lặng, say sưa với bí mật của bản thân và đắm chìm trong những suy đoán mà tất cả các bậc làm cha làm mẹ đều có. Thành viên mới nhất của gia tộc de Clermont sẽ có mái tóc đen giống cha nó nhưng có cặp mắt xanh của tôi ư? Cậu nhóc sẽ thích khoa học hay lịch sử? Cậu nhóc sẽ khéo tay giống Matthew hay vụng về giống tôi? Về phần giới tính, chúng tôi có những ý kiến khác nhau. Tôi có lòng tin đó là một bé trai, còn Matthew cũng chắc chắn không kém rằng nó là bé gái.

Lúc một bã người và vui vẻ, cả hai tạm ngưng các ý nghĩ về tương lai để ngắm nhìn London thế kỷ mười sáu từ những căn phòng ấm áp của mình. Chúng tôi bắt đầu ở các cửa sổ nhìn ra Hẻm Water, nơi tôi ngắm nhìn các tòa tháp tu viện Westminster xa xa, và kết thúc ở hàng ghế bành được kéo dài tới trước cửa sổ phòng ngủ, nơi có thể trông thấy sông Thames. Thời tiết lạnh giá cùng thực tế rằng đây là ngày lễ của người theo Thiên Chúa giáo cũng không ngăn được những người chèo thuyền tiếp tục công việc giao hàng và chở khách qua sông. Tận cuối con phố chúng tôi sống, một nhóm người chèo thuyền thuê tùm tùm trên các bậc thềm dẫn xuống bờ sông, còn những con thuyền trống không của họ thì đang nhấp nhô bập bênh trên sóng nước.

Matthew chia sẻ nhiều kỷ niệm của anh về thành phố này suốt chiều hôm đó trong khi thủy triều lên rồi xuống. Anh kể cho tôi có thời điểm ở thế kỷ mười lăm lúc sông Thames đóng băng tới hơn ba tháng trời – lâu đến nỗi các cửa hàng tạm bợ được dựng lên ngay trên mặt băng để phục vụ cho giao thông đường bộ qua sông. Anh cũng hồi tưởng lại những năm chưa sản sinh thế hệ sau của mình ở Thavies Inn, nơi anh đã trải qua những năm tháng học luật lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng.

“Anh mừng rằng em đã trông thấy nó trước khi chúng mình rời khỏi,” anh nói, siết chặt tay tôi. Lần lượt từng cái một, người ta đang thắp sáng đèn, đem treo lên trước mũi thuyền và đặt bên cửa sổ của các ngôi nhà và những quán trọ. “Chúng mình sẽ cố gắng sắp xếp một chuyến thăm Sở giao dịch Hoàng gia.”

“Chúng ta sẽ trở về Woodstock ư?” Tôi bối rối hỏi.

“Có lẽ, trong một thời gian ngắn thôi. Sau đó mình sẽ quay về hiện tại.”

Tôi chăm chăm nhìn anh, quá sửng sốt không nói nên lời.

“Chúng mình không biết được điều gì sẽ xảy đến trong suốt thời kỳ thai nghén, và vì an toàn của em – cả của con nữa – mình cần kiểm tra theo dõi bé con. Cần làm vài xét nghiệm, và tốt nhất là cả siêu âm nữa. Thêm nữa, em cũng nên ở cùng dì Sarah và Emily.”

“Nhưng, Matthew,” tôi phản đối, “chúng ta chưa thể trở về nhà được. Em không biết làm cách nào.” Anh quay ngoắt lại.

“Em đã giải thích rõ ràng trước khi chúng mình đi đấy. Để du hành trở về một thời điểm, anh cần ba món đồ để đưa anh tới nơi muốn đến. Để du hành đi tới anh cần có phép thuật, nhưng em không thể làm phép được. Đó là lý do chúng ta đến đây.”

“Em không thể nào mang thai sinh nở ở đây được,” Matthew đứng bật dậy khỏi ghế.

“Phụ nữ thế kỷ mười sáu vẫn có con còn gì,” tôi ôn tồn nói. “Hơn nữa, em không thấy có gì khác nhau cả. Em đâu phải chỉ mang thai vài tuần lễ.”

“Em sẽ có đủ sức mạnh để mang cả con bé và anh trở về tương lai chứ? Không, chúng ta cần rời đi càng sớm càng tốt, và tốt hơn hết là trước khi con bé ra đời.” Matthew dùng sừng lại. “Sẽ ra sao nếu việc du hành thời gian gây tổn hại tới đứa bé theo cách nào đó? Phép thuật là một

chuyện, nhưng điều này...” Anh thành linh ngồi thụp xuống.

“Chẳng có gì thay đổi cả,” tôi xoa dịu. “Đứa bé không thể lớn hơn một hột thóc đâu. Bây giờ chúng ta đang ở London, không có gì khó khăn trong việc tìm được ai đó giúp em điều khiển phép thuật của mình – chưa nói đến người có thể hiểu về du hành thời gian hơn cả dì Sarah và cô Em.”

“Con bé lớn bằng một hạt đậu lăng rồi.” Matthew dừng lại. Anh nghĩ ngợi giây lát rồi đưa ra quyết định. “Tới sáu tuần tất cả quá trình phát triển then chốt của thai nhi sẽ diễn ra. Cái đó sẽ cho em nhiều thời gian.” Giọng điệu anh nói giống bác sĩ hơn là một ông bố. Tôi bắt đầu thấy thích những cơn giận dữ ở thời hiện đại của Matthew hơn là cái tính khách quan theo thói hiện đại của anh.

“Thế thì em chỉ còn vài tuần lễ, nếu em cần bảy tuần thì sao?” Nếu dì Sarah có ở trong phòng này, thì dì sẽ cảnh cáo anh rằng về biết điều của tôi không phải là một dấu hiệu tốt đâu.

“Bảy tuần cũng tốt,” Matthew nói, chìm đắm trong các ý nghĩ riêng mình.

“Ồ, thế à, tốt quá rồi. Em ghét cảm thấy bị dồn ép khi có liên quan đến thứ quan trọng như việc khám phá ra em là ai.” Tôi sải bước tiến về phía anh.

“Diana, cái đó không...”

Lúc này chúng tôi đang đứng, mũi chạm mũi. “Em không có cơ hội là một người mẹ tốt nếu không biết rõ hơn về sức mạnh có trong dòng máu mình.”

“Điều này không hay...”

“Anh dám nói chuyện này không tốt cho con không. Em không phải kiểu bình rỗng đâu nhé.” Lúc này tâm trạng của tôi đang sôi sục đây. “Ban đầu anh muốn máu của em cho các thí nghiệm khoa học của mình, giờ thì là đứa bé này.”

Matthew, anh chàng chết tiệt, đứng im lìm đó, tay khoanh trước ngực và cặp mắt xám cứng rắn.

“Thế nào hả?” Tôi hỏi.

“Thế nào cái gì? Rõ ràng quyền tham gia đối thoại của anh trong cuộc nói chuyện này không hề có. Em đang nói nốt các câu anh định nói. Em có lẽ cũng bắt đầu luôn ấy chứ.”

“Chuyện này chẳng liên quan gì tới hoóc-môn của em cả,” tôi nói. Tôi từ từ nhận thấy trạng thái đơn độc này có lẽ là bằng chứng cho điều ngược lại.

“Anh chẳng nhắc gì cả cho đến khi em đề cập tới nó.”

“Nghe không có vẻ giống thế.”

Lông mày anh nhướng lên.

“Em vẫn là cùng một người như em của ba ngày trước. Việc mang thai không phải là một trạng thái bệnh lý, và nó không loại trừ các lý do chúng ta ở đây. Chúng ta thậm chí còn chưa có một cơ hội thích đáng để tìm kiếm Ashmole 782.”

“Ashmole 782 ư?” Matthew thốt lên âm thanh nôn nóng. “Mọi chuyện đã thay đổi, và em không còn là cùng một người nữa rồi. Ta không thể giữ bí mật việc có thai này vô thời hạn đâu. Chỉ tính theo ngày thôi, rồi mọi ma cà rồng đều sẽ có thể ngửi thấy sự thay đổi trong cơ thể em. Kit sẽ phát hiện ra ngay sau đấy, và anh ta sẽ hỏi về người cha của nó – bởi không thể là anh, đúng

không? Một phù thủy mang thai sống cùng với một wearth sẽ làm dấy lên tình trạng thù địch của các sinh vật trong thành phố này, ngay cả những kẻ chẳng quan tâm mấy đến hiệp ước kia. Sẽ có kẻ phàn nàn với Đại Hội Đồng. Cha anh sẽ yêu cầu chúng ta trở lại Sept-Tours vì sự an toàn của em, và anh không thể chịu đựng được việc nói lời chia tay với ông một lần nữa.” Anh cao giọng nói không ngừng nghỉ.

“Em không nghĩ...”

“Không,” Matthew cắt ngang, “em không nghĩ. Em không thể nghĩ được. Chúa ơi, Diana. Trước đây, em và anh ở trong một cuộc hôn nhân bị cấm đoán. Điều đó đã là có một không hai rồi. Còn giờ em đang mang con của anh. Đó không chỉ là điều độc nhất duy nhất – các sinh vật khác còn tin là điều không thể. Ba tuần nữa thôi, Diana. Không thể nhiều hơn một khắc nào.” Anh kiên quyết không xiêu lòng.

“Cho đến lúc đó anh không thể nào tìm được một phù thủy sẵn lòng giúp đỡ đâu,” tôi kháng nghị. “Không thể được với những gì đang xảy ra ở Scotland bây giờ.”

“Có ai nói bất kỳ điều gì về chuyện nguyện ý sẵn lòng đâu?” Nụ cười của Matthew làm tôi ớn lạnh.

“Em sẽ sang phòng khách để đọc sách.” Tôi quay người hướng tới phòng ngủ, muốn tránh anh càng xa càng tốt. Anh đang đợi sẵn tôi ở lối cửa rồi, cánh tay chắn ngang lối tôi đi.

“Anh sẽ không để mất em đâu, Diana,” anh nói, giọng điệu kiên quyết nhưng lạnh lẽ. “Không phải để tìm kiếm một cuốn cổ thư giả kim thuật và cũng không phải vì một đứa trẻ chưa chào đời.”

“Còn em sẽ không đánh mất chính mình đâu,” tôi đáp trả. “Không phải để thỏa mãn nhu cầu điều khiển kiểm soát của anh. Cũng không phải trước khi em tìm ra mình là ai.”

Ngày thứ Hai, tôi lại đang ngồi trong phòng khách, lướt qua cuốn The Faerie Queene và đang thất thần chán nản thì cửa phòng mở ra. Có khách viếng thăm. Tôi đóng sập cuốn sách lại về hồ hởi.

“Tôi không nghĩ là mình còn được sưởi ấm một lần nữa,” Walter đứng trong khung cửa, người ướt lướt thướt. George và Henry đi cùng anh, cả hai trông cũng khốn khổ không kém.

“Chào Diana.” Henry hắt hơi, rồi chào tôi bằng một cái cúi đầu trịnh trọng trước khi hướng tới lò sưởi và vươn tay hơ trước lửa kèm theo tiếng rên thỏa mãn.

“Matthew đâu rồi?” Tôi hỏi, ra hiệu cho George vào chỗ ngồi.

“Với Kit. Bọn tôi bỏ họ lại chỗ bán sách.” Walter ra dấu về hướng nhà thờ Thánh Paul. “Tôi đói chết mất. Cái tên Kit học gạo ấy gọi bữa tôi không ăn nổi. Matt nói Françoise nên làm cho chúng tôi thứ gì đó để ăn.” Nụ cười toe toét ranh mãnh đã bóc mẽ lời nói dối của anh ta.

Các anh chàng đang dùng đến món thứ hai và lướt rượu thứ ba thì Matthew về nhà cùng với Kit, một ôm sách trên tay và đầy đủ các mặt tọc biếu không của một trong những thợ cạo pháp sư mà tôi đã nghe nói đến. Bộ ria mới được cắt tỉa gọn gàng của chồng tôi thật hợp với khuôn miệng rộng của anh, còn hàm râu thì rất thời thượng nhỏ gọn tạo hình khéo léo. Pierre theo sau, mang theo bao bố bằng vải lanh đầy những giấy hình vuông và hình chữ nhật.

“Tạ ơn Chúa,” Walter nói, gật gù tán thành bộ râu. “Giờ anh trông mới là anh.”

“Xin chào, em yêu,” Matthew nói, hôn lên má tôi. “Em có nhận ra anh không?”

“Cố – mặc dù trông anh giống một tên cướp biển,” tôi cười nói.

“Đúng thế thật, Diana. Anh ta và Walter giờ trông như anh em ấy,” Henry công nhận.

“Tại sao anh lại cứ khẳng khẳng gọi vợ Matthew bằng tên thân mật của cô ấy thế, hả Henry? Bà Roydon đã trở thành người được anh bảo trợ hay sao? Giờ cô ấy là em gái anh rồi ư? Giải thích khác duy nhất là anh đang có ý định quyến rũ đấy,” Marlowe cần nhằn, ngồi phịch xuống một cái ghế.

“Hãy thôi chọc vào tổ ong đi, Kit,” Walter mắng.

“Anh có quà Giáng Sinh muện đây,” Matthew nói, trượt chông đồ của mình về phía tôi.

“Sách.” Thật bối rối khi cảm thấy sự mới mẻ rõ ràng từ chúng – tiếng cọt kẹt của gáy sách chặt khít phản đối khi được mở ra lần đầu tiên, mùi giấy và hương mực. Tôi đã quen với việc trông thấy những cuốn sách như thế này trong tình trạng cũ mòn ở các phòng đọc của thư viện, chứ không phải đang nằm trên chiếc bàn nơi chúng tôi dùng bữa. Cuốn sách trên cùng có màu đen thể chỗ cho cuốn vẫn ở Oxford. Cuốn kế tiếp là một bản kinh cầu nguyện thật đẹp. Trang tựa đề được trang trí hoa mỹ và tô điểm bằng một hình ảnh tựa tựa như giáo trưởng Jesse của kinh thánh. Một cái cây ngả ra xuất hiện từ bụng ông ta. Trán tôi nhăn lại. Tại sao Matthew lại mua cho tôi một cuốn kinh nhỉ?

“Lật trang sách ấy đi,” anh giục, hai tay lặng lẽ áp lên thắt lưng tôi.

Ở mặt bên kia là bản tranh khắc gỗ hình nữ hoàng Elizabeth đang quỳ gối cầu nguyện. Những bộ xương, các hình thuộc về kinh thánh, và những hình tượng kinh điển trang trí cho mỗi trang sách. Cuốn sách là sự kết hợp giữa văn tự và hình ảnh, giống như những chuyên luận về thuật giả kim mà tôi nghiên cứu.

“Đó chính xác là kiểu sách mà một phu nhân đáng kính đã kết hôn sẽ sở hữu,” Matthew nói, toét miệng cười. Anh hạ thấp giọng đầy bí ẩn. “Cái đó sẽ thỏa mãn mong muốn của em nhằm giữ vững thể diện bên ngoài. Nhưng đừng lo. Cuốn tiếp theo không đáng kính tẹo nào đâu.”

Tôi để cuốn kinh sang bên và cầm lấy quyển sách dày mà Matthew gợi ý. Các trang sách của nó bị khâu vào nhau và lồng vào trong một tấm bọc bảo vệ bằng giấy da hảo hạng dày dặn. Chuyên luận này hứa hẹn lý giải về các triệu chứng và phương thức chữa trị mọi loại bệnh tật làm loài người đau đớn, khổ sở.

“Sách tôn giáo là những món quà phổ thông, và dễ bán. Sách về y học có một lượng độc giả nhỏ thôi và quá đắt đỏ không thể mua bán chứ chưa nói tới tiền hoa hồng,” Matthew giải thích khi tôi lán ngón tay trên lớp bìa mềm mại. Anh đưa cho tôi một cuốn sách khác. “Rất may, anh đã đặt được một bản sao in của cuốn sách này. Nó là cuốn sách hot của các nhà in và đã định trước là một cuốn bán chạy đấy.”

Món đồ đang nói tới đó được bọc bìa da đen giản dị, với vài dấu hiệu trang trí bằng bạc. Bên trong là bản in đầu tiên của Philip Sidney xứ Arcadia. Tôi cười to, nhớ lại mình đã ghét đọc nó đến mức nào hồi trên ghế đại học.

“Một phù thủy không thể sống bằng cầu nguyện và bốc thuốc không thôi.” Đôi mắt Matthew lấp lánh vẻ châm biếm. Bộ ria của anh chọc nhồn nhột khi anh hôn tôi.

“Gương mặt mới của anh sẽ cần một chút thời gian mới quen được,” tôi nói, bật cười và cọ cọ môi vào thứ cho cảm giác là lạ mới mẻ ấy.

Ngài Bá tước Northumberland đưa mắt nhìn tôi trong khi thưởng thức một miếng thịt ngựa bổ sung dinh dưỡng cần thiết. “Mấy cuốn sách này sẽ không giữ cho Diana bận rộn lâu đâu. Cô ấy

quen với những hoạt động đa dạng hơn cơ.”

“Đúng như anh nói. Nhưng cô ấy không thể nào lang thang trong thành phố và rao giảng về giả kim thuật được.” Miệng Matthew mím lại vẻ hài hước. Cứ sau mỗi giờ, trong âm và cách lựa chọn từ ngữ của anh lại càng khuôn đúc hợp thời. Anh dựa sát vào tôi, cúi người tới trước hít ngửi bình rượu và nhăn mặt. “Có gì để uống mà không bị bỏ cả liều dinh dưỡng và hạt tiêu thế này không? Mùi kinh quá.”

“Diana có lẽ sẽ thích kết bạn với Mary đấy,” Henry gợi ý, chẳng nghe câu thắc mắc từ Matthew.

Matthew nhìn chằm chằm Henry. “Mary ư?”

“Họ tuổi tác tương đương và tính khí cũng tương tự, tôi nghĩ thế, và cả hai đều là những người uyên bác về học thức.”

“Nữ bá tước không chỉ học tài biết rộng mà còn có thiên hướng làm mọi thứ bốc cháy,” Kit nhận xét, tự rót cho bản thân một cốc vai đầy rượu. Anh ta dí mũi vào cái cốc rồi hít vào một hơi thở sâu. Nó có mùi khá giống Matthew. “Hãy tránh xa những cái vạc chưng cất và lò luyện của bà ấy, bà Roydon ạ, trừ phi cô muốn có mái tóc cháy xém quần tít hợp thời trang.”

“Lò luyện ư?” Tôi thắc mắc người này có thể là ai.

“À, đúng thế. Nữ bá tước xứ Pembroke,” George nói, đôi mắt sáng rực lên trước triển vọng một nhà bảo trợ quyền thế.

“Tuyệt đối không.” Giữa Raleigh, Chapman, và Marlowe, tôi đã gặp đủ những huyền thoại văn chương để mang theo đến hết đời rồi. Bà nữ bá tước là người phụ nữ lỗi lạc nhất của đất nước này, và là chị gái của ngài Philip Sidney. “Tôi không sẵn sàng để gặp Mary Sidney đâu.”

“Mary Sidney cũng không sẵn sàng gặp cô đâu, bà Roydon, nhưng tôi ngờ là Henry đúng đấy. Cô sẽ mau chóng chán những người bạn của Matthew và cần tìm kiếm bạn bè của riêng mình. Không có họ cô sẽ thấy vô công rồi việc và u uất sầu muộn mất.” Walter gật đầu với Matthew. “Cậu nên mời Mary đến đây dùng bữa tối.”

“Blackfriars sẽ tắc nghẽn hoàn toàn nếu nữ bá tước Pembroke xuất hiện ở Hẻm Water. Sẽ tốt hơn nhiều nếu để bà Roydon tới lâu đài Baynard. Nó chỉ ở phía bên kia bức tường thôi mà,” Marlowe nói, hồ hởi vì loại bỏ được tôi.

“Diana sẽ phải đi bộ vào thành phố,” Matthew chỉ ra.

Marlowe khịt mũi khinh thường. “Đang là tuần lễ giữa Giáng Sinh và năm mới mà. Không có ai để ý nếu có hai phụ nữ đã kết hôn cùng chia sẻ một cốc rượu và ngồi tán chuyện đâu.”

“Tôi sẽ rất vui được đưa cô ấy đi,” Walter tình nguyện. “Có lẽ Mary cũng muốn biết về chuyến phiêu lưu mạo hiểm của tôi ở Tân Thế Giới.”

“Anh phải để lần khác đề nghị nữ bá tước đầu tư vào Virginia. Nếu Diana đi, tôi sẽ đi cùng cô ấy.” Ánh mắt Matthew sắc bén. “Tôi tự hỏi liệu Mary có biết phù thủy nào không?”

“Cô ta là đàn bà, đúng không? Dĩ nhiên cô ta biết các phù thủy rồi,” Marlowe nói.

“Thế thì tôi viết thư cho cô ấy nhé, Matt?” Henry hỏi.

“Cảm ơn, Hal.” Matthew rõ ràng không bị thuyết phục với khả năng thành công của kế hoạch này. Thế rồi anh thở dài. “Đã quá lâu rồi kể từ lần cuối tôi gặp cô ấy. Hãy nói với Mary chúng ta sẽ ghé thăm cô ấy vào ngày mai.”

Sự miễn cưỡng ban đầu của tôi với việc gặp gỡ Mary Sidney nhạt dần khi thời điểm hẹn gặp tới gần. Càng nhớ lại, càng phát hiện được nhiều điều về nữ bá tước Pembroke, tôi càng trở nên háo hức hơn.

Françoise thì lo lắng cao độ cho chuyến viếng thăm này, cô nàng nhặng xị lên với quần áo của tôi hàng giờ. Cô ta đặc biệt gắn vào một cái cổ xếp nếp phù phiếm vòng quanh cái đường cổ cao của chiếc áo khoác nhung màu đen mà Maria đã thiết kế cho tôi ở Pháp. Cô ta còn làm sạch và ép phẳng chiếc váy dài màu nâu đỏ nổi bật cùng những dải nhung đen của nó. Món đồ này kết hợp với chiếc áo khoác rất đẹp đến mức làm người ta choáng váng vì màu sắc. Khi tôi đã mặc đồ xong, Françoise tuyên bố tôi có thể thông qua, mặc dù quá mộc mạc giản dị và trông quá Đức so với quan điểm ăn mặc của cô ta.

Matthew tận hưởng khoảng thời gian vô tận để nhắm nháp rượu và hỏi bằng tiếng Latin về buổi sáng của tôi. Về mặt anh thật gian manh.

“Nếu anh đang cố làm em tức điên lên thì anh thành công rồi đấy!” Tôi đáp sau một câu hỏi đặc biệt bực mình.

“Refero mihi in latine, quaeso,” Matthew nói với giọng điệu giáo sư. Khi tôi ném khúc bánh mỳ về phía anh, anh cười ầm ĩ và hụt người tránh.

Henry Percy đến vừa đúng lúc bắt được cái bánh mỳ gọn gàng bằng một tay. Anh chàng trả nó lại bàn mà không bình luận gì, bình thản túm túm cười và hỏi xem chúng tôi đã sẵn sàng lên đường chưa.

Pierre hiện ra không một tiếng động từ trong bóng tối gần lối vào cửa hiệu giày và bắt đầu đi bộ ngược con đường với dáng vẻ rụt rè, khiêm tốn, bàn tay phải nắm chắc cán con dao găm. Khi Matthew rẽ đưa chúng tôi hướng vào thành phố, tôi ngược nhìn lên. Đó là nhà thờ Thánh Paul.

“Em không thể nào quen được với cái đó ở ngay gần bên như thế,” tôi lẩm bẩm.

Khi chúng tôi chậm chậm hướng tới nhà thờ lớn, các giác quan của tôi bắt đầu quen với sự hỗn loạn ồn ào này, và còn có thể tách riêng ra các âm thanh, mùi vị cũng như hình ảnh. Tiếng làm bánh mỳ. Lửa than đá. Khói gỗ. Mùi men. Rác rưởi đã được rửa trôi sạch sẽ nhờ vào cơn mưa ngày hôm qua. Mùi lông ẩm ướt. Tôi hít vào một hơi thật sâu, thậm chí ghi chú trong đầu là sẽ thôi nói với sinh viên của mình rằng nếu các em quay trở về đúng thời điểm, các em sẽ lập tức bị choáng váng bởi mùi hôi hám khó chịu. Thực tế đó không phải sự thật, ít nhất là vào thời điểm cuối tháng Mười Hai này.

Đàn ông và đàn bà rời mắt khỏi công việc đang làm và đi ra cửa sổ với vẻ tò mò không hề xấu hổ khi chúng tôi ngang qua, khẽ cúi đầu chào vẻ kính trọng khi nhận ra Matthew và Henry. Chúng tôi đi qua một xưởng in, qua một cửa hiệu khác lúc người thợ cạo đang cắt tóc cho một người đàn ông, và đi men vòng qua một phân xưởng bận rộn.

Khi những điều lạ lẫm đã qua, tôi có thể tập trung chú ý vào điều người ta đang nói, mẫu vải trên quần áo của họ, biểu hiện trên mỗi gương mặt. Matthew đã nói về hàng xóm của chúng tôi toàn là người nước ngoài, nhưng nó nghe giống tiếng Babel. Tôi quay đầu. “Bà ấy đang nói ngôn ngữ nào thế?” Tôi thì thầm liếc mắt nhìn một phụ nữ đẩy dĩa mặc chiếc áo khoác màu xanh lục lam đậm viền lông thú. Tôi để ý thấy nó được cắt khá giống áo của tôi.

“Một phương ngữ nào đó của người Đức,” Matthew nói, cúi thấp đầu xuống cạnh tôi để tôi có thể nghe tiếng anh át những âm thanh ồn ào trên đường.

Chúng tôi đi xuyên qua vòm cong của một ngôi nhà trên cổng cổ. Con hẻm mở rộng thành con đường, nó đã xoay sở để chống lại tất cả những thứ kỳ dị nhằm giữ lại hầu hết các mặt đường

lát của mình. Một tòa nhà nhiều tầng nằm ngổn ngang bên tay phải lối đi với nhiều hoạt động ồn ào ầm ĩ.

“Tu viện Dominic,” Matthew giải thích. “Khi vua Henry trục xuất các tu sĩ, nó trở nên hoang tàn sau đó thành khu nhà để ở. Giờ không thể nói được có bao nhiêu người nhồi nhét vào đó.” Anh liếc nhanh qua sân trong tòa nhà, nơi một bức tường bằng gỗ và đá kéo dài khoảng cách giữa khu nhà ở và mặt sau của ngôi nhà khác. Vì một cái có đáng tiếc nào đó nên mới có cánh cửa treo lủng lẳng trên một khớp bản lề duy nhất.

Matthew ngược nhìn nhà thờ Thánh Paul rồi nhìn xuống tôi. Gương mặt anh mềm mại đi. “Đến địa ngục còn thận trọng. Đi thôi.”

Anh hướng tôi xuyên qua khoảng trống giữa một phần của bức tường thành phố cũ và một ngôi nhà trông như thể sắp đổ nghiêng tầng thứ ba lên khách qua đường bên dưới. Nó có thể trở thành một con đường lớn nghèo nàn bởi vì mọi người đang di chuyển theo cùng một phương hướng: ngược lên, hướng bắc, đi ra ngoài. Chúng tôi được làn sóng người đưa đi vào một con đường khác, rộng hơn Hẻm Water. Tiếng ồn tăng thêm, cùng với sự đông đúc.

“Anh đã nói thành phố giống như hoang mạc vào dịp nghỉ lễ mà,” tôi bình luận.

“Đúng thế,” Matthew đáp. Sau vài bước, chúng tôi bị ném vào tình trạng rối loạn thậm chí còn lớn hơn. Tôi dừng lại trên đường đi.

Những ô cửa sổ của nhà thờ Thánh Paul đều sáng lên trong ánh chiều nhợt nhạt. Khoảng sân nhà thờ xung quanh nó đặc kín người – đàn ông, đàn bà, trẻ em, người học việc, người hầu, giáo sĩ, binh lính. Người hò hét, người trò chuyện, và có thể thấy giấy tờ ở khắp mọi nơi. Nó được treo lên các sợi dây bên ngoài các quầy sách, đóng đinh lên bất kỳ bề mặt cứng nào, hay xếp thành tập phe phẩy trước mặt những con người bàng quan. Một nhóm đàn ông trẻ tuổi ồn ào bàn luận quanh cây cột phủ đầy tờ bướm thông báo, lắng nghe ai đó đang chậm rãi rao các quảng cáo việc làm. Thỉnh thoảng lại có người tách ra khỏi đám, những bàn tay vồ vồ vào lưng anh ta khi anh ta kéo chiếc mũ xuống và lên đường tìm việc.

“Ôi, Matthew.” Đó là tất cả những gì tôi cố gắng lắm mới thốt ra được.

Người người tiếp tục di chuyển thành đàn quanh chúng tôi, cẩn thận tránh mũi kiếm dài mà những người hộ tống tôi đeo bên hông. Một làn gió nhẹ tạt vào chiếc mũ chùm đầu. Tôi cảm thấy nhói nhối râm ran, tiếp theo là sức ép nhẹ mơ hồ. Ở đâu đó trong khoảng sân nhà thờ bận rộn này, một phù thủy và một yêu tinh đã cảm nhận được sự có mặt của chúng tôi. Ba sinh vật khác người và một quý tộc du hành cùng nhau thật khó lòng làm ngơ cho được.

“Chúng ta đã thu hút sự chú ý của ai đó,” tôi nói. Matthew dường như không quá mức quan tâm khi anh quét mắt nhìn những khuôn mặt gần đó. “Ai đó giống em. Ai đó giống Kit. Không có ai giống anh cả.”

“Chưa hẳn,” anh thở hắt. “Em không được tự đến đây một mình nhé Diana – không bao giờ. Hãy ở yên trong khu Blackfriar cùng với Françoise. Nếu em đi đến bất cứ đâu xa hơn lối đi bộ đó,” – Matthew gật đầu ra hiệu về phía sau chúng tôi – “Pierre hoặc anh phải đi cùng em.” Khi anh đã hài lòng rằng tôi nhận thức rõ lời cảnh cáo này một cách nghiêm túc, anh kéo tôi đi. “Chúng ta đi gặp Mary nào.”

Chúng tôi rẽ lại về phía nam, hướng ra con sông, và cơn gió tấp chân vấy ép vào hai chân tôi. Mặc dù đang đi xuống đồi, nhưng mỗi bước chân đều thật vất vả. Một tiếng huýt sáo trầm trầm cất lên khi chúng tôi đi ngang qua một ngôi nhà thờ của London, và Pierre liền biến mất vào một cái ngõ. Anh ta hiện ra từ ngõ khác ngay khi tôi nhận thấy tòa nhà trông quen quen phía sau bức tường.

“Đó là nhà chúng ta!”

Matthew gật đầu và hướng sự chú ý của tôi xuôi xuống con phố. “Còn đó là lâu đài Baynard.”

Đó là tòa nhà lớn nhất tôi từng thấy ngoại trừ Tháp lớn, nhà thờ Thánh Paul, và quang cảnh xa xa của tu viện Westminster. Ba tòa tháp có lối châu mai hướng mặt ra sông, được nối với nhau bằng những bức tường cao gấp hai lần bất cứ ngôi nhà phụ cận nào.

“Lâu đài Baynard được xây dựng để tiếp cận từ con sông, Diana,” Henry nói bằng giọng điệu lấy làm tiếc khi chúng tôi đi xuôi xuống một con hẻm đầy gió khác. “Đây là lối vào phía sau, và không phải là cách mà các vị khách nên đến – nhưng nó là lối đi ầm ập hơn cả vào một ngày như thế này.”

Chúng tôi cúi đầu tiến vào một cánh cổng uy nghi đường bệ. Hai người đàn ông mặc đồng phục màu xanh tím than với những huy hiệu màu nâu sẫm, đen và vàng kim rảo bước tiến lên để xác nhận danh tính khách đến thăm. Một người nhận ra Henry vội tóm lấy tay áo người đi cùng trước khi anh ta kịp hỏi chúng tôi.

“Đức ngài Northumberland!”

“Chúng ta đến đây để gặp nữ bá tước.” Henry quăng cái áo khoác ngăn tay về phía người gác cửa. “Hãy xem liệu người có thể làm khô nó không. Và tìm cho ông chủ Roydon thứ đồ uống nóng nào đó, nếu có thể.” Vị bá tước bẻ khớp ngón tay bên trong đôi găng tay da và nhăn mặt.

“Tất nhiên rồi, thưa đức ngài,” người gác cổng nói, đưa mắt nhìn Pierre về hoài nghi.

Lâu đài này được sắp đặt xung quanh hai quảng trường khổng lồ sâu trùng, không gian ở giữa đầy những cây trụi lá và vết tích còn sót lại của nhiều loài hoa mùa hè. Chúng tôi leo lên một cầu thang rộng và gặp các gia nhân mặc chế phục, một người dẫn chúng tôi tới phòng sưởi nắng của nữ bá tước: căn phòng rất mời gọi với những ô cửa sổ lớn, quay mặt về hướng nam nhìn ra dòng sông. Chúng tôi đến một quang cảnh trải dài của dòng sông Thames nhìn thấy rõ từ khu Blackfriars.

Dù khung cảnh tương tự, nhưng không có gì nhằm lẫn được giữa không gian sáng sủa, cao ngất này với ngôi nhà của chúng tôi. Mặc dù khu phòng ở của chúng tôi rộng rãi và đầy đủ tiện nghi, nhưng lâu đài Baynard là nhà của quý tộc, và nó thể hiện rõ điều đó. Rộng lớn, những chiếc đệm ngồi được sắp đặt ở bên cạnh lò sưởi, dọc theo đó là hàng ghế tựa sâu đến mức một phụ nữ có thể cuộn người lại trong đó cùng tất cả mớ váy áo của mình nhét xung quanh. Thảm thêu làm các bức tường đó thêm sinh động bằng màu sắc tươi sáng và những phong cảnh từ trong thần thoại kinh điển. Cũng có dấu hiệu của một đầu óc học giả ở đây. Sách, một vài tượng cổ, những món đồ tự nhiên, tranh vẽ, bản đồ, và các đồ vật hiếm lạ phủ đầy trên các bàn.

“Ông chủ Roydon?” Một người đàn ông với bộ râu nhọn và mái tóc đen muối tiêu đứng đó. Ông ta cầm một cái bảng nhỏ trong tay và một cây cọ nhỏ xúi ở tay kia.

“Hilliard!” Matthew thốt lên vui vẻ. “Điều gì mang ông tới đây thế?”

“Một phen sự với lệnh bà Pembroke,” người đàn ông đáp, vẩy vẩy cái bảng màu của mình. “Tôi phải hoàn thành những chi tiết cho bức tiểu họa này. Lệnh bà muốn có nó làm quà tặng nhân dịp năm mới.” Đôi mắt màu nâu sáng của ông ta quan sát tôi.

“Tôi quên mất, ông chưa gặp vợ tôi, Diana, đây là họa sĩ Nicholas Hilliard.”

“Tôi rất vinh hạnh,” tôi nói, nhún gối chào. London có tới hơn một trăm ngàn người sinh sống. Tại sao Matthew lại biết mỗi con người mà một ngày nào đó các sử gia nhận thấy họ thật quan trọng nhỉ? “Tôi biết và thật ngưỡng mộ công việc của ông.”

“Cô ấy đã thấy bức chân dung của ngài Walter mà ông vẽ cho tôi năm ngoái,” Matthew trơn tru nói, khóa lấp lời chào hỏi quá mức dạt dào tình cảm từ tôi.

“Một trong những bức đẹp nhất của ông ấy, tôi cũng công nhận,” Henry lên tiếng, nhìn qua vai người họa sĩ. “Bức này có vẻ được định trước sẽ là đối thủ của nó đấy. Thật là giống Mary đến tuyệt vời, Hilliard. Ông đã bắt được thần thái ánh mắt dữ dội của bà ấy rồi đấy.” Hilliard tỏ vẻ vui mừng.

Một người hầu xuất hiện với rượu vang, Henry, Matthew và Hilliard hạ giọng nói chuyện trong khi tôi ngắm nghía một quả trứng đà điểu châu Phi đặt trên cái bệ vàng còn một cái vỏ ốc anh vũ thì ở trên cái bệ bằng bạc, cả hai được để trên một chiếc bàn mà dọc theo đó là vài món dụng cụ đo lường vô giá của toán học mà tôi không dám chạm vào.

“Matt!” Nữ bá tước Pembroke đứng trên lối vào hối hả chùi những ngón tay rây mực vào cái khăn tay mà người hầu gái dâng lên. Tôi tự hỏi tại sao không có ai thấy phiền, vì chiếc váy dài màu bồ câu xám của lệnh bà đã bị bôi bẩn và thậm chí cháy xém nhiều chỗ. Nữ bá tước lột bỏ chiếc áo giã dị khỏi người, để lộ ra một bộ váy áo nhung bóng như lụa lộng lẫy trong sắc màu mận chín giàu sang. Khi bà giao cho người hầu chiếc áo khoác thí nghiệm tương đối có dáng vẻ hiện đại, tôi nghĩ thấy luồng hơi thuốc súng rõ rệt. Nữ bá tước vuốt ngược lên một lọn tóc vàng xoắn tuột xuống bên tai phải. Bà cao lớn và yếu điệu thướt tha, với làn da màu kem cùng đôi mắt nâu sâu thẳm.

Bà dang hai tay ra chào đón. “Bạn thân yêu của tôi. Tôi đã không gặp anh bao năm rồi, phải từ hồi đám tang em trai Philip của tôi ấy nhỉ.”

“Mary,” Matthew nói, cúi đầu trên bàn tay bà. “Cô trông thật tuyệt.”

“London không bằng lòng với tôi, như anh biết đấy, nhưng đã thành truyền thống chúng ta đều về đây vào dịp lễ kỷ niệm thường niên của nữ hoàng, và tôi đã ở đây. Tôi đang làm việc với mấy cuốn thánh ca của Philip và vài đam mê khác mà cũng không để tâm đến nó nhiều lắm. Cũng có mấy nguồn an ủi, kiểu như gặp gỡ bạn bè cũ.” Giọng Mary nhẹ nhàng ung dung, nhưng vẫn truyền tải được sự thông minh sắc sảo của mình.

“Cô quả là mạnh mẽ,” Henry nói, bổ sung thêm vào lời chào của Matthew và nhìn nữ bá tước với vẻ hài lòng.

Đôi mắt nâu của Mary dán vào tôi. “Và ai đây thế này?”

“Niềm vui của tôi khi gặp cô làm tôi thất thố mất rồi. bà Pembroke, đây là vợ tôi, Diana. Chúng tôi mới cưới.”

“Chào lệnh bà.” Tôi nhún gối thật thấp chào nữ bá tước. Đôi giày của Mary được thêu những họa tiết trang trí bằng bạc và vàng huyền ảo làm người ta liên tưởng đến Eden, phủ kín là hình rắn, táo và côn trùng. Chúng hẳn phải đáng giá cả gia tài.

“Bà Roydon,” bà nói, đôi mắt chớp chớp vẻ thích thú. “Giờ thủ tục ban đầu xong rồi, chúng ta hãy cứ là Mary và Diana. Henry kể với tôi rằng cô là một sinh viên học giả kim thuật.”

“Một người đọc về thuật giả kim thôi, thưa lệnh bà,” tôi sửa lại, “chỉ thế thôi. Đức ngài Northumberland đã quá phóng đại rồi.”

Matthew cầm lấy tay tôi. “Và em đã quá khiêm tốn rồi. Cô ấy biết một lượng lớn kiến thức đấy, Mary. Vì Diana mới đến London, Hal nghĩ cô có thể giúp cô ấy làm quen với thành phố này.”

“Rất hân hạnh,” nữ bá tước Pembroke nói. “Đi nào, chúng ta sẽ ngồi bên cửa sổ. Ông Hilliard yêu cầu có ánh sáng mạnh để làm việc. Trong khi ông ấy hoàn thành bức chân dung của tôi, các

vị sẽ kể cho tôi tất cả tin tức mới. Những chuyện nhỏ nhất xảy ra trong vương quốc này Matthew cũng đều phát hiện và biết rõ, Diana ạ, mà tôi thì ở nhà tại Wiltshire nhiều tháng rồi.”

Khi chúng tôi đã an vị, người hầu của bà quay trở lại với một đĩa mút trái cây.

“Ồ ồ,” Henry thốt lên, vui sướng ngo nguậy ngón tay trên đĩa mút màu vàng, xanh lá và da cam. “Mút quả cô làm không giống ai cả.”

“Và tôi sẽ chia sẻ bí mật của mình với Diana,” Mary nói, trông thật vui vẻ. “Dĩ nhiên, khi cô ấy đã có công thức làm rồi, tôi có lẽ không bao giờ còn có được niềm vui bầu bạn từ Henry nữa.”

“Nào nào, Mary, cô đi quá xa rồi,” anh ta phản đối với một miệng đầy những miếng mút vỏ cam.

“Chồng của cô có đi cùng cô không, Mary, hay công vụ của nữ hoàng đã giữ ông ấy ở Wales rồi?” Matthew hỏi.

“Bá tước Pembroke đã rời Milford Haven vài ngày trước nhưng thà đi đến tòa án còn hơn phải đến đây. Tôi mang William và Philip đi cùng, nhưng chúng tôi sẽ không nấn ná lâu ở thành phố mà tiếp tục đến Ramsbury. Không khí ở đó thật khoan khoái tốt cho sức khỏe.” Một vẻ buồn bã thoáng lướt qua gương mặt bà.

Những lời Mary nói gợi cho tôi nhớ đến bức tượng của William Herbert ở sân trong thư viện Bodleian. Người đàn ông tôi vẫn lướt qua trên đường tới khu Công tước Humfrey mỗi ngày, và là một trong những nhà hảo tâm vĩ đại nhất, lại là con trai của người phụ nữ này. “Các con bà bao nhiêu tuổi rồi?” Tôi hỏi, hy vọng câu hỏi này không quá riêng tư.

Nét mặt nữ bá tước mềm lại. “William mười tuổi, còn Philip mới lên sáu. Con gái tôi, Anne, đã bảy tuổi nhưng nó ốm thảng trước, và chồng tôi cảm thấy con bé nên ở lại Wilton.”

“Không có gì nghiêm trọng chứ?” Matthew cau mày hỏi.

Lại thêm vẻ u ám lướt qua khuôn mặt nữ bá tước. “Bất cứ cơn đau ốm nào làm các con tôi khổ sở đều nghiêm trọng cả,” bà nói khẽ.

“Thứ lỗi cho tôi, Mary. Tôi nói mà chẳng suy nghĩ gì. Ý định của tôi chỉ là muốn hỏi xem tôi có thể hỗ trợ gì không.” Giọng nói của chồng tôi trầm sâu với vẻ hối tiếc. Cuộc nói chuyện đang chạm tới một chuyện cũ được chia sẻ mà tôi không biết.

“Anh đã giữ những gì tôi yêu thương khỏi bị tổn hại hơn một lần. Tôi không quên điều đó đâu, Matthew, cũng sẽ không quên gọi anh lần nữa nếu cần thiết. Nhưng Anne đang phải chịu đựng cơn sốt rét của trẻ nhỏ, chỉ thế thôi. Bác sĩ cam đoan với tôi con bé sẽ hồi phục.” Mary quay sang tôi. “Cô có con không, Diana?”

“Chưa có,” tôi lắc đầu trả lời. Ánh mắt màu xám bạc của Matthew thoáng lướt qua tôi trong thoáng chốc, rồi rời đi nơi khác. Tôi bất an kéo mạnh gấu áo khác.

“Diana trước đây chưa từng kết hôn,” Matthew nói.

“Chưa bao giờ ư?” Nữ bá tước Pembroke bị cuốn hút bởi mẩu thông tin này và mở miệng định hỏi tôi thêm. Nhưng Matthew đã cắt ngang.

“Cha mẹ cô ấy qua đời khi cô ấy còn nhỏ. Không có ai sắp đặt chuyện hôn nhân đó cả.”

Vẻ cảm thông của Mary tăng lên. “Thật đáng buồn, cuộc sống của một cô gái trẻ phụ thuộc vào những ý thích nhất thời của người bảo hộ.”

“Quả là thế.” Matthew nhướn lông mày nhìn tôi. Tôi có thể tưởng tượng ra anh đang nghĩ gì: Tôi độc lập một cách đáng thương, dì Sarah và cô Em là những sinh vật ít bất thường nhất trên đời.

Câu chuyện chuyển hướng sang chính trị và các sự kiện hiện thời. Tôi lắng nghe chăm chú một lúc, cố gắng dung hòa những ký ức mơ hồ của lớp học lịch sử từ rất lâu trước đây với những câu chuyện tán gẫu phức tạp mà ba người họ đang trao đổi. Có nói về chiến tranh, một cuộc xâm lược của người Tây Ban Nha có thể xảy ra, những người có cảm tình theo Thiên Chúa giáo, và tình trạng căng thẳng tôn giáo ở Pháp, nhưng những cái tên và địa danh thường rất xa lạ. Khi tôi thư giãn thả lỏng vào không khí ấm áp trong phòng sưởi nắng của Mary, và thấy dễ chịu bởi tiếng trò chuyện liên miên không ngớt, tâm trí tôi bắt đầu phiêu lãng.

“Tôi đã hoàn thành ở đây rồi, lệnh bà Pembroke. Người hầu Isaac của tôi sẽ giao bức tiểu họa vào cuối tuần,” Hilliard thông báo, thu dọn dụng cụ.

“Cảm ơn, ông Hilliard.” Nữ bá tước chìa tay ra, ánh sáng lấp lánh của trang sức tỏa ra từ những chiếc nhẫn bà đang đeo. Ông ta hôn tay bà, gật đầu chào Henry và Matthew, rồi rời đi.

“Thật là một người đàn ông tài ba,” Mary nói, tựa mình trên ghế. “Ông ấy được rất nhiều người ưa thích và tôi phải tốn cả gia tài mới mời được ông ấy phục vụ.” Hai bàn chân bà bá tước lấp lánh trong ánh lửa lò sưởi, những họa tiết trang trí bằng bạc trên đôi giày sang trọng đi trong nhà bắt sáng lóe lên màu đỏ, cam và vàng kim. Tôi vu vơ tự hỏi ai là người đã thiết kế mẫu thêu trang trí khó hiểu này. Nếu thân thiết hơn, tôi sẽ xin được sờ vào các mũi thêu ấy. Champier đã có thể đọc được từ da thịt tôi bằng những ngón tay của ông ta. Vậy một vật vô tri có thể cung cấp thông tin tương tự thế không?

Mặc dù các ngón tay tôi chẳng đến gần được đôi giày của nữ bá tước, nhưng tôi nhìn thấy khuôn mặt một người phụ nữ trẻ. Cô ta đang chăm chú nhìn vào tờ giấy có mẫu thiết kế cho đôi giày của Mary trên đó. Những lỗ nhỏ xíu dọc theo các đường vẽ lý giải sự bí ẩn của việc làm thế nào thể hiện được những họa tiết phức tạp đó trên chất liệu da. Tập trung vào bức vẽ, tâm nhãn của tôi lui vài bước về đúng thời điểm. Bây giờ tôi thấy Mary đang ngồi với một người đàn ông có quai hàm cứng rắn, bướng bỉnh, một bàn đầy mẫu côn trùng và thực vật trước mặt họ. Cả hai đang nói chuyện với dáng vẻ rất hào hứng sôi nổi về một con châu chấu, khi người đàn ông bắt đầu mô tả nó thật chi tiết, Mary cầm bút lên và vẽ phác họa hình dáng nó.

Vậy là Mary quan tâm tới thực vật và côn trùng, cũng như thuật giả kim nữa, tôi nghĩ, tìm kiếm hình ảnh con châu chấu trên đôi giày của bà. Nó ở đó, trên gót giày. Quá sống động. Và con ong ở trên mũi giày bên phải trông như thể nó sắp bay đi bất cứ lúc nào.

Một âm thanh vo ve mờ nhạt lọt vào tai tôi khi con ong màu đen bạc tách mình ra khỏi chiếc giày của nữ bá tước Pembroke và bay vào không trung.

“Ôi, không,” tôi thở gấp.

“Thật là một con ong lạ lùng,” Henry bình phẩm, đập mạnh vào khi nó bay ngang qua. Nhưng thay vào đó tôi đang nhìn con rắn trườn tuột ra khỏi chân Mary và lao đến. “Matthew!”

Anh phóng tới cầm đuôi con rắn nhấc lên. Nó vươn cái lưỡi chẻ đôi ra và phun phì phì phần nội tạng hành vi đối xử thô lỗ này. Lắc cổ tay một cái, Matthew quăng con rắn vào lửa, nơi nó kêu xèo xèo một lúc trước khi bắt lửa.

“Em không định...” Tiếng tôi trượt dài rồi tắt lịm.

“Tất cả ổn rồi, mon coeur.” Matthew chạm vào má tôi trước khi nhìn sang nữ bá tước, người đang nhìn chăm chăm xuống đôi giày đi trong nhà lúc này không tương xứng nữa. “Chúng tôi cần một phù thủy, Mary. Có một trường hợp khẩn cấp.”

“Tôi không biết phù thủy nào cả,” nữ bá tước Pembroke đáp lại rất nhanh.

Cặp lông mày Matthew nhướng lên.

“Tôi sẽ không giới thiệu ai cho vợ anh đâu. Anh biết tôi không thích nói về những vấn đề như thế mà, Matthew. Khi anh an toàn từ Paris trở về, Philip đã nói cho tôi biết anh là cái gì. Khi đó tôi còn nhỏ và hiểu nó như một bịa đặt, truyền thuyết mà thôi. Đó là cách tôi mong ước giữ gìn nó.”

“Nhưng cô vẫn thực hành thuật giả kim à?” Matthew nhàn nhạt nói. “Đó cũng là một câu chuyện bịa đặt ư?”

“Tôi thực hành thuật giả kim để hiểu biết về sự sáng tạo kỳ diệu của Chúa Trời!” Mary la lên. “Không hề có... thuật phù thủy... trong giả kim thuật!”

“Từ cô đang muốn nói là ‘ma quỷ’.” Đôi mắt chàng ma cà rồng tối sầm lại và khuôn miệng mím chặt. Nữ bá tước theo bản năng rút lui lại. “Cô chắc chắn về bản thân và vị Chúa Trời mà cô tuyên bố là biết rõ ý chí của Người chứ?”

Mary cảm nhận thấy rõ lời khiển trách nhưng không sẵn sàng từ bỏ cuộc chiến. “Chúa Trời của tôi và của anh không phải là một, Matthew.” Đôi mắt chồng tối nheo lại thành khe hẹp và Henry nắm lấy ống tất của mình về bên chồn lo lắng. Cảm nữ bá tước hất lên. “Philip cũng đã kể với tôi điều đó. Anh vẫn trung thành với giáo hoàng và số đông. Anh ấy đã thấy những sai lầm quá khứ trong đức tin của anh đối với người đàn ông kia, và tôi cũng đã làm giống thế với hy vọng rằng một ngày nào đó anh sẽ thấy được sự thật và đi theo nó.”

“Tại sao, khi cô trông thấy sự thật về những sinh vật như Diana và tôi mỗi ngày mà vẫn chối bỏ nó?” Giọng Matthew đầy mệt mỏi. Anh đứng dậy. “Chúng tôi sẽ không làm phiền cô nữa, Mary. Diana sẽ tìm thấy một phù thủy theo cách khác.”

“Tại sao chúng ta không thể tiếp tục như trước đây và không nói về chuyện này nữa?” Nữ bá tước nhìn tôi và cắn môi, vẻ không chắc chắn hiện lên trong mắt bà.

“Bởi vì tôi yêu vợ mình và muốn thấy cô ấy được an toàn.”

Mary quan sát anh một lúc, đánh giá sự chân thành của anh. Nó hẳn đã làm bà thỏa mãn. “Diana không cần sợ tôi, Matt. Nhưng không nên tin tưởng phó thác cho ai khác ở London biết về cô ấy. Những gì đang diễn ra ở Scotland khiến mọi người sợ hãi, và mau chóng đổ lỗi cho người khác vì sự bất hạnh của bọn họ.”

“Tôi rất lấy làm tiếc về đôi giày của bà,” tôi lúng túng nói. Chúng sẽ không bao giờ như cũ được nữa.

“Chúng ta sẽ không nhắc đến nó nữa,” Mary kiên quyết nói, đứng lên để nói lời tạm biệt.

Không ai trong chúng tôi nói gì khi rời khỏi lâu đài Baynard. Pierre thông dong ra khỏi cổng ngôi nhà phía sau chúng tôi, ấn chiếc mũ lưới trai lên đầu.

“Tôi nghĩ chuyện như thế đã là rất tốt rồi,” Henry lên tiếng, phá tan sự im lặng

Chúng tôi quay sang anh ta vẻ không tin.

“Có vài khó khăn, chắc chắn thế,” anh chàng vội vàng nói, “nhưng không có gì nhằm lẫn là Mary thích Diana hoặc lòng tận tâm của cô ấy vẫn tiếp tục dành cho anh, Matthew. Anh phải cho cô ấy cơ hội. Cô ấy không dâng hiến lòng tin một cách dễ dàng. Đó là lý do vì sao các vấn đề về đức tin làm phiền cô ấy đến vậy.” Anh kéo áo choàng quanh người. Gió vẫn không giảm bớt, và trời đang tối dần. “Trời ơi, tôi phải chia tay các bạn ở đây thôi. Mẹ tôi đang ở Aldersgate và mong

tôi đến dùng bữa tối.”

“Bà đã bình phục khỏi cơn khó ở rồi chứ?” Matthew hỏi. Nữ bá tước quả phụ đã phàn nàn về việc thờ đốc suốt dịp Giáng Sinh, và Matthew lo lắng đó có thể là do tim của bà.

“Mẹ tôi là một Neville. Vì thế cho nên bà sẽ sống lâu và gây rắc rối mỗi khi có cơ hội!” Henry hôn lên má tôi. “Đừng lo lắng về Mary, hay về à... vấn đề kia.” Anh ta nhướn lông mày đầy ẩn ý và rời đi.

Matthew và tôi nhìn theo anh ta đi trước khi rẽ hướng về Blackfriars.

“Chuyện gì thế?” Anh khẽ hỏi.

“Trước đây, cảm xúc của em khơi gợi phép thuật. Giờ thì một câu hỏi miễn cưỡng cũng đủ khiến em nhìn thấu mọi việc. Nhưng không biết làm thế nào em lại khiến cho con ong đó sống dậy.”

“Tạ ơn Chúa là em chỉ nghĩ đến đôi giày của Mary. Nếu em quan sát mấy tấm thảm thêu của cô ấy, thì chúng ta sẽ thấy mình đang ở giữa một cuộc chiến của các vị thần trên đỉnh Olympus mất,” anh thở dài nói.

Chúng tôi nhanh chóng đi ngang sân nhà thờ Thánh Paul và trở lại chốn yên tĩnh của khu Blackfriars. Mọi hoạt động náo nhiệt buổi sớm nay đã chậm lại thành một nhịp điệu nhàn nhã thông thả hơn. Thợ thủ công tùm tùm ba ở các ô cửa chia sẻ tin tức buôn bán, để lại cho đám thợ học việc làm nốt các nhiệm vụ trong ngày.

“Em có muốn mua mang về không?” Matthew chỉ vào một cửa hiệu bánh. “Nó không phải bánh pizza, trời ạ, nhưng Kit và Walter đã giành hết phần bánh thịt của Prior mất rồi.” Tôi gật đầu, miệng chảy nước miếng khi mùi hương từ trong bay ra.

Ông chủ Prior bị sốc khi Matthew bước vào và bối rối khi anh hỏi chi tiết về nguồn gốc và những thứ liên quan tới độ tươi sạch của thịt ở đây. Cuối cùng tôi chọn một miếng bánh rau húng đầy thịt vịt. Tôi sẽ không ăn thịt hươu nai, bất kể nó được giết như thế nào.

Matthew trả tiền đồ ăn cho Prior trong khi phụ tá của người thợ làm bánh này gói nó lại. Mỗi giây họ lại lén liếc trộm chúng tôi. Tôi lại được nhắc cho nhớ rằng một phù thủy và một ma cà rồng lồi kéo sự nghi ngờ của loài người như cây nến thu hút bướm đêm.

Bữa tối thật dễ chịu và ấm cúng, dù Matthew dường như khá lo lắng ám ảnh. Thoáng cái tôi đã ăn hết miếng bánh của mình, tiếng bước chân vang lên trên cầu thang gỗ. Đừng là Kit, tôi nghĩ và bắt chéo hai ngón tay ước nguyện, không phải tối nay.

Khi Françoise mở cánh cửa, hai người đàn ông trong bộ chế phục màu tím than quen thuộc đang đợi sẵn ở đó. Matthew cau mày rồi đứng dậy. “Nữ bá tước không khỏe sao? Hay một trong các cậu bé?”

“Tất cả đều khỏe, thưa ngài.” Một người đưa ra mảnh giấy được gấp lại cẩn thận, trên cùng là dấu xi đỏ mang vết in một đầu mũi tên. “Từ Nữ Bá tước Pembroke ạ,” anh ta giải thích kèm theo cái cúi đầu cung kính, “cho bà Roydon.”

Cảm giác thật xa lạ khi nhìn thấy địa chỉ chính thức trên bức thư: “Bà Diana Roydon, biển Hươu Đục và Vương Miện, khu Blackfriars.” Các ngón tay tôi lang thang trên dòng địa chỉ dễ dàng thu về hình ảnh gương mặt thông minh của Mary Sidney. Tôi mang bức thư tới bên lò sưởi, luồn ngón tay vào dưới dấu xi phá vỡ nó và ngồi xuống đọc. Tờ giấy dày kêu sột soạt khi tôi trải rộng ra. Một mảnh giấy nhỏ trượt ra rơi trên lòng tôi.

“Mary nói gì thế?” Matthew hỏi sau khi cho những người đưa tin lui đi. Anh đứng phía sau và

đặt hai tay lên vai tôi.

“Cô ấy muốn em đến lâu đài Baynard vào thứ Năm. Mary có một thí nghiệm về thuật giả kim mà cô ấy nghĩ có thể làm em quan tâm.” Tôi không thể giấu được sự hoài nghi trong giọng mình.

“Đó là Mary dành cho em. Cô ấy thận trọng nhưng trung thành,” Matthew nói, đặt một nụ hôn lên đầu tôi. “Và cô ấy luôn có sức mạnh hồi phục đáng kinh ngạc. Trên tờ giấy kia viết gì thế?”

Tôi nhặt nó lên và đọc lớn những dòng đầu tiên của bài thơ gửi kèm:

“Đúng thế, khi tất cả tôi đều quá lắm tưởng,

Tôi dường như là một con quái vật,

Nhưng hy vọng trong tôi vẫn mãnh liệt.”

“Chà chà,” Matthew cắt ngang bằng tiếng cười nén lại. “Vợ anh đã đến nơi rồi.” Tôi nhìn anh bối rối. “Dự án có giá trị nhất của Mary không phải là giả kim thuật mà là một bản dịch các bài Thánh ca cho tín đồ Tin Lành nước Anh. Em trai cô ấy Philip bắt đầu nó và chết trước khi kịp hoàn thành. Mary là người thứ hai, bài thơ này là của anh ta. Đôi khi cô ấy nghi ngờ nhiều chuyện, nhưng cô ấy sẽ không bao giờ thừa nhận nó. Đó là lời mở đầu của bài Thánh Ca Bảy Mươi Một. Mary gửi nó cho em để chỉ rõ thế giới mà em là một phần trong vòng luân hồi của cô ấy – một người bạn và người tâm tình tin cậy.” Giọng anh thấp xuống thành lời thì thầm ranh mãnh. “Thậm chí nếu em có phá hoại đôi giày của cô ấy.” Với tiếng cười thầm khe khẽ sau cùng, Matthew rút lui vào phòng làm việc của mình, cố thủ bên Pierre.

Tôi chiếm một chiếc bàn chân nặng nề trong phòng khách làm bàn làm việc. Giống mọi bề mặt để làm việc tôi từng chiếm cứ, nó giờ đây bừa bãi ngổn ngang cả rác và những món giá trị. Tôi lật tung xung quanh và tìm thấy những tờ giấy trắng cuối cùng của mình, chọn một cái bút lông mới, phủi sạch bụi.

Mất năm phút để tôi viết xong bức hồi âm ngắn cho nữ bá tước. Có hai chỗ nhòe mực trên đó, nhưng chữ viết tay nghiêng nghiêng thì khá đẹp, tôi còn nhớ đánh vần mấy từ đúng phát âm để trông chúng không quá hiện đại. Khi nghi ngờ tôi bèn cho gấp đôi phụ âm hoặc thêm một chữ e phía cuối từ. Tôi rắc cát lên tờ giấy và đợi cho tới khi nó thấm khô mực trước khi thổi sạch cát đi. Khi lá thư đã được gấp lại, tôi nhận ra mình không có xi hay con dấu riêng để đóng lên nó. Chuyện đó sẽ phải được chấn chỉnh.

Tôi để lời nhắn của mình sang bên cho Pierre và trở lại với mẩu giấy rơi ra khỏi lá thư kia. Marry đã gửi cho tôi cả ba khổ của Thánh Ca Bảy Mươi Một. Tôi lấy ra một cuốn sổ trắng mới mà Matthew đã mua cho và mở trang đầu tiên. Sau khi chấm bút lông vào lọ mực gần đó, tôi cẩn thận di chuyển ngòi bút trên trang giấy.

Nhờ bọn họ mà cuộc đời ta bị ghét bỏ

Với những kẻ theo dõi giờ đã rõ

Cuộc nói chuyện của họ, và xem kìa,

Chúa ơi, họ nói, vì lợi ích của người.

Giờ đây truy đuổi, người phải ra đi;

Sẽ không ai đến giải cứu người.

Khi mực đã khô, tôi đóng sổ lại và lùa nó nằm dưới cuốn Arcadia của Philip Sidney.

Nhận được món quà này từ Mary còn ý nghĩa hơn một lời đề nghị kết bạn đơn giản, vì thế tôi đã chắc chắn. Trong khi những dòng thơ tôi đọc to cho Matthew nghe đã chứng nhận sự phục vụ của anh đối với gia đình nữ bá tước và là lời tuyên bố rằng bà ấy sẽ không quay lưng với anh vào lúc này, thì những dòng cuối cùng lại mang một thông điệp dành cho tôi: Chúng ta đang bị theo dõi. Có ai đó nghi ngờ rằng tất cả mọi chuyện dường như không bình thường ở Hẻm Water, và kẻ thù của Matthew đang đánh cược rằng ngay cả đồng minh của anh cũng sẽ quay sang chống lại anh một khi họ phát hiện sự thật.

Matthew, một ma cà rồng đồng thời là bầy tôi của nữ hoàng và là một thành viên của Đại Hội Đồng, không thể dính líu với chuyện tìm kiếm phù thủy để làm gia sư cho tôi được. Mà có đứa bé bất ngờ thế này, thì việc nhanh chóng tìm một phù thủy lại mang ý nghĩa trọng đại mới.

Tôi lôi ra một tờ giấy và bắt đầu lên danh sách.

Xi gấn thư

Một con dấu riêng

London là thành phố lớn. Và tôi sẽ đi mua sắm đôi chút.

17.

“Tôi sẽ ra ngoài.”

Françoise đang bận rộn với việc may vá, ngược lên nhìn tôi. Ba mươi giây sau Pierre đang leo lên các bậc thang. Nếu Matthew có ở nhà, không nghi ngờ gì anh cũng sẽ xuất hiện, nhưng anh đã đi kiểm tra công việc kinh doanh bí ẩn nào đó trong thành phố. Tôi thức dậy thì thấy bộ đồ ướt đầm của anh vẫn đang hong cạnh lò sưởi. Anh bị gọi đi trong đêm và trở về, để rồi lại rời đi một lần nữa.

“Thật sao?” Hai mắt Françoise nheo lại. Cô ta đã nghi ngờ tôi có gì đó lạ lẫm kể từ lúc tôi mặc váy áo. Thay vì cần nhả về số áo váy lót cô ấy chòng qua đầu mình, hôm nay tôi lại còn mặc thêm một chiếc váy fannel xám ra bên ngoài. Sau khi tranh cãi về việc tôi nên mặc chiếc váy dài nào. Tôi thích những bộ quần áo thoải mái dễ chịu mang về từ Pháp hơn những bộ váy áo lộng lẫy của Louisa de Clermont. Chị gái Matthew, với mái tóc đen và làn da như men sứ, có thể diện chiếc váy nhung màu ngọc lam rực rỡ (“màu xanh đồng”, Françoise đã chỉnh lại cho tôi) hoặc chất vải bóng như lụa màu xanh xám ồm yếu (được gọi một cách thích hợp là “Người Tây Ban Nha đang chết”), nhưng với làn da cháy nắng có tàn nhang cùng những lọn tóc màu vàng hoe đỏ của tôi thì trông chúng thật phát khiếp, mà những bộ váy ấy cũng quá phô trương để mặc đi quanh thành phố.

“Có lẽ madame nên đợi ông chủ Roydon trở về,” Pierre gợi ý. Anh ta thấp thỏm không yên đổi hết chân này sang chân kia.

“Không, tôi không nghĩ vậy. Tôi đã lên một danh sách những thứ cần dùng, và tôi muốn tự đi mua sắm.” Tôi khum tay nâng cái túi da đựng tiền mà Philippe cho. “Mang một cái túi đi là được, hay tôi nên nhét tiền vào thân áo và moi ra khi cần thiết nhỉ?” Khía cạnh này trong các tác phẩm hư cấu lịch sử luôn cuốn hút tôi – phụ nữ nhét đồ của họ vào trong váy áo – và tôi đang mong ngóng khám phá xem liệu các món đồ đó có dễ dàng cởi ra ở nơi công cộng như các tiểu thuyết gia gợi ý không. Ở thế kỷ mười sáu này, chuyện tình dục chắc chẳng dễ gì diễn ra được như trong mấy chuyện lãng mạn. Cởi hết được đồng quần áo này trên người thì cũng còn lâu mới đến đích.

“Madame sẽ không mang theo tiền bạc gì cả!” Françoise chỉ sang Pierre, anh ta đã tháo sợi dây buộc chiếc túi ngang thắt lưng ra. Nó có vẻ như không đáy và là nơi cất giữ đáng kể lượng dụng cụ có đầu nhọn, bao gồm đinh ghim, kim, thứ gì đó trông giống như dụng cụ mở khóa, và một con dao găm. Khi chiếc túi da của tôi đã được thu vào trong đó, nó kêu xúng xoảng theo từng chuyển động nhỏ nhất của anh ta.

Ngoài Hẻm Water, tôi sai bước với đôi giày đi trong bùn (những cái nệm bằng gỗ được lồng vào giày giúp tránh giẫm trực tiếp xuống rác bẩn) cùng một quyết tâm thật lớn hướng về phía nhà thờ Thánh Paul. Đường viền lông thú trên áo khoác cuốn quanh chân tôi, lớp vải dày của nó cản bớt sương mù dai dẳng. Chúng tôi đang tận hưởng khoảng thời gian yên tĩnh tạm thời sau trận mưa như trút nước mới đây, nhưng thời tiết vẫn không có cách nào khô ráo cả.

Điểm dừng chân đầu tiên là ở tiệm bánh của ông chủ Prior để mua bánh sữa phủ quả lý chua và mứt quả. Tôi thường thấy đói vào chiều muộn và muốn ăn thứ gì đó ngọt ngọt. Điểm viếng thăm kế tiếp là gần con ngõ nối Blackfriars với phần còn lại của London, tại một cửa hàng in ấn bận rộn nổi bật với biển hiệu hình mỏ neo.

“Chào buổi sáng, bà Roydon,” ông chủ cất tiếng ngay khi tôi bước qua bậc cửa. Thực ra hàng xóm đều biết về tôi mà không cần giới thiệu. “Bà đến đây để lấy sách cho chồng mình phải không?”

Tôi tự tin gạt đầu dù chẳng biết ông ta đang nói về quyển sách nào, ông chủ lôi ra một quyển sách mỏng nằm trên giá cao. Giở lướt qua các trang thì thấy nó nói về quân sự và đạo đức học.

“Tôi tiếc là không kiếm được bản in cuốn y học cho bà,” ông ta nói trong khi bọc món đồ Matthew mua. “Khi nào bà có thể từ bỏ ý định tìm nó, tôi sẽ tự tay đóng một cuốn phù hợp với yêu cầu của bà.”

Vậy đây là nơi xuất xứ của những bản tóm lược về bệnh tật và phương pháp chữa bệnh mà tôi đọc. “Cảm ơn, ông...” Giọng tôi ngập ngừng trượt dài.

“Field,” ông ta nhắc.

“Ông chủ Field,” tôi lặp lại. Một phụ nữ trẻ ánh mắt sáng ngời cùng với đứa con cắp bên hông đi ra khỏi phòng làm việc phía sau cửa hiệu, một đứa bé mới chập chững tập đi bám dính lấy váy cô ta. Các ngón tay cô ta thô ráp và nhuộm đầy mực.

“Bà Roydon, đây là vợ tôi, Jacqueline.”

“A. Bà Roydon.” Trọng âm của người phụ nữ này hơi lơ lớ tiếng Pháp và khiến tôi nhớ đến Ysabeau. “Chồng bà đã kể với chúng tôi rằng bà là một độc giả tuyệt vời, và Margaret Hawley nói bà nghiên cứu giả kim thuật.”

Jacqueline và chồng cô ta biết khá nhiều về công việc của tôi đây. Chắc họ cũng biết cả cỡ giày và kiểu bánh thịt tôi thích ăn nữa. Thế cho nên, chuyện này thậm chí khiến tôi càng thấy kỳ quái hơn, vì rằng không ai ở Blackfriars có vẻ nhận ra tôi là phù thủy.

“Vâng, đúng thế,” tôi đáp, vuốt thẳng đường may trên đôi găng tay. “Các vị có bán giấy bản không, ông chủ Field?”

“Dĩ nhiên là có,” Field đáp kèm theo cái nhú mày bối rối. “Bà đã viết hết cuốn sổ với mấy chuyện vặt vãnh rồi sao?” A! Ông ta cũng là nguồn cung cho cuốn sổ ghi chép của tôi nữa đây.

“Tôi yêu cầu giấy để viết thư cơ,” tôi giải thích. “Xi gấn thư. Và một con dấu riêng. Tôi có thể mua chúng ở đây không?” Cửa hiệu sách ở Yale có tất cả các đồ văn phòng phẩm, bút mực, giấy dán màu sắc tươi sáng, cả những cục xi gấn kèm theo những con dấu bằng đồng rẻ tiền để in hình lên các bức thư. Field và vợ trao đổi ánh mắt với nhau.

“Tôi sẽ gửi thêm giấy đến vào chiều nay,” ông ta nói. “Nhưng bà sẽ muốn thợ kim hoàn làm con dấu riêng để gấn nó liền với một chiếc nhẫn. Tất cả những gì tôi có ở đây là những con chữ hồng từ xưởng in đang đợi để làm tan chảy và đem đúc lại.”

“Hoặc bà có thể gặp Nicholas Vallin,” Jacqueline gợi ý. “Ông ấy chuyên về kim loại, thừa bà Roydon, và cũng làm khóa tốt lắm.”

“Xuôi theo con hẻm này ư?” Tôi hỏi, chỉ qua vai mình.

“Ông ấy không phải thợ kim hoàn,” Field phản đối. “Chúng ta không muốn gây phiền phức cho ông Vallin.”

Jacqueline vẫn bình thản. “Có nhiều lợi ích khi sống ở Blackfriars này, Richard. Làm việc không cần theo quy định của phường hội là một trong số đó. Hơn nữa, Công ty Thợ kim hoàn sẽ chẳng rầy rà ai ở đây chỉ vì một thứ chẳng quan trọng như là nhẫn đàn bà. Nếu bà muốn có xi gấn, bà Roydon, bà cần phải đi tới chỗ nhà bào chế thuốc.”

Xà bông cũng có trong danh sách mua bán của tôi. Và các hiệu bào chế thuốc sử dụng các máy chưng cất. Mặc dù sự chú ý quan tâm của tôi đang chuyển từ giả kim thuật sang phép thuật, nhưng vẫn không cần bỏ qua cơ hội học hỏi thêm điều hữu ích.

“Hiệu bào chế thuốc gần nhất ở đâu?”

Pierre hăng giọng. “Có lẽ bà nên tham khảo bàn bạc với ông chủ Roydon đã.”

Matthew sẽ có tất cả các loại ý kiến, hầu hết trong đó sẽ là cử Françoise hay Pierre đi kiểm về thứ tôi yêu cầu. Người nhà Field đang chờ đợi câu trả lời với vẻ quan tâm hứng thú.

“Có lẽ,” tôi đáp, nhìn chằm chằm vào Pierre phần nộ. “Nhưng tôi cũng thích lời gợi ý của bà chủ Field.”

“John Hester rất được kính trọng,” Jacqueline nói thoáng vẻ ranh mãnh, kéo đứa nhỏ đang chập chững đi ra khỏi cái váy của mình. “Ông ấy đã cho một ít cốm thuốc phiện vào tai con trai tôi để chữa chứng đau tai cho nó.” John Hester, nếu đúng như trí nhớ của tôi, cũng quan tâm tới thuật giả kim. Có lẽ ông ta biết một phù thủy nào đó. Thậm chí may mắn hơn, ông ta có thể là một phù thủy, thích hợp với các dự định thực tế của tôi. Hôm nay tôi không chỉ đơn giản đi mua sắm không thôi đâu. Tôi đi ra ngoài để được nhìn thấy. Phù thủy là một đám hiếu kỳ. Nếu tôi đưa bản thân ra làm mồi nhử, sẽ có kẻ cắn câu.

“Người ta nói rằng ngay cả Nữ bá tước Pembroke cũng tìm kiếm lời khuyên từ ông ấy để chữa chứng đau nửa đầu của đức ngài trẻ tuổi,” chồng cô ta nói thêm. Vậy là tất tần tật hàng xóm láng giềng cũng đều biết tôi đã đến lâu đài Baynard. Mary đã đúng: Chúng tôi đang bị theo dõi. “Cửa hàng của ông chủ Hester gần bến thuyền Paul, biển hiệu là một cái vạc.”

“Cảm ơn, bà chủ Field.” Bến thuyền Paul chắc hẳn phải gần sân nhà thờ Thánh Paul, và tôi có thể đến đó buổi chiều. Tôi nhắm lại trong đầu bản đồ dạo chơi ngày hôm nay.

Sau khi chào từ biệt, Françoise và Pierre rẽ xuôi theo con hẻm hướng về nhà.

“Tôi sẽ đến nhà thờ,” tôi nói, hướng về phía ngược lại.

Không thể nào, Pierre đã đứng trước mặt tôi rồi. “Milord sẽ không vui đâu.”

“Milord không có ở đây. Matthew đã để lại những chỉ thị nghiêm khắc rằng tôi không được đi tới đó mà không có anh đi cùng. Anh ấy không bảo tôi là một tù nhân trong chính ngôi nhà của mình.” Tôi giúi cuốn sách và mấy cái bánh sữa cho Françoise. “Nếu Matthew trở về trước tôi, hãy nói anh ấy biết chúng tôi đang ở đâu và rằng tôi sẽ trở về nhanh thôi.”

Françoise đón lấy gói đồ, nhìn Pierre hồi lâu rồi bắt đầu đi xuôi Hẻm Water.

“Prenez garde, madame,[64](#)” Pierre lầm bầm khi tôi đi qua anh ta.

“Tôi luôn luôn thận trọng mà,” tôi diềm tĩnh đáp lời, bước thẳng vào một vũng nước đọng.

Hai chiếc xe ngựa đâm nhau làm tắc nghẽn cả con đường dẫn tới nhà thờ Thánh Paul. Các phương tiện di chuyển kèn còi lại gần thêm thùng xe và chẳng có gì giống với những chiếc xe ngựa va chạm trong mấy bộ phim về Jane Austen cả. Tôi đi vòng qua chúng cùng Pierre theo sát gót, di chuyển lách qua những con ngựa đang bực bội và những người chủ xe cũng bực bội không kém, mấy người này đứng giữa đường mà quát tháo cãi cọ ai là người có lỗi. Chỉ có người đánh xe là dường như chẳng quan tâm, họ còn đang khe khẽ tán chuyện với nhau từ chỗ ngồi cao phía trên cuộc cãi cọ.

“Chuyện này có thường xảy ra không?” Tôi hỏi Pierre, kéo mũ choàng ra sau để có thể trông thấy anh ta.

“Mấy loại xe cộ mới này thật là phiền toái,” anh ta cúi kính nói. “Đi bộ hoặc cưỡi ngựa vẫn tốt hơn nhiều. Nhưng đấy không phải vấn đề. Họ sẽ không bao giờ hiểu được đâu.”

Đó là điều bọn họ nói với Henry Ford, tôi thầm nghĩ.

“Bến thuyền Paul còn bao xa?”

“Milord không thích John Hester.”

“Đó không phải điều tôi hỏi, Pierre.”

“Madame muốn mua gì ở sân nhà thờ?” Kỹ thuật đánh trống lảng của của Pierre đã quá quen thuộc với tôi từ những năm đầu còn đi học. Nhưng tôi không định nói cho bất kỳ ai biết lý do thật sự khiến chúng tôi đang băng qua cả thành phố London thế này.

“Sách,” tôi đáp gọn lỏn.

Chúng tôi bước vào khu vực cấm xe cộ của nhà thờ Thánh Paul, nơi mỗi centimet không bị giấy che phủ đã bị những người bán đồ ăn và phục vụ chiếm dụng. Một người đàn ông trung niên tử tế ngồi trên ghế đầu, bên trong chỗ để đóng dấu, nơi này được xây lên dựa vào bức tường nhà thờ. Môi trường văn phòng làm việc kiểu này hoàn toàn bình thường với nơi đây. Đám người lộn xộn đang tùm tùm xung quanh quầy làm việc của ông ta. Nếu tôi may mắn, thì ở trong số đó sẽ có một phù thủy.

Tôi tìm đường đi xuyên qua đám đông ấy. Tất cả bọn họ dường như đều là con người. Thật thất vọng làm sao!

Người đàn ông ngẩng mặt lên từ một văn bản mà ông ta cẩn thận sao chép lại cho vị khách đang đứng đợi và giật mình. Một công chứng viên. Làm ơn, đừng để người này là William Shakespeare, tôi thầm cầu nguyện.

“Tôi có thể giúp gì được cho bà, bà Roydon?” Ông ta nói bằng trọng âm Pháp. Không phải Shakespeare. Nhưng làm sao ông ta biết tôi là ai?

“Ông có xi găng thư không? Và mực đỏ nữa?”

“Tôi không phải người bào chế, bà Roydon, mà là một thầy giáo nghèo.” Các vị khách bắt đầu xì xào về những vụ kiếm lời tai tiếng của người bán tạp hóa, mấy tên bào chế được và những kẻ tham những ăn chặn người khác.

“Bà Field nói với tôi rằng John Hester làm ra những loại xi găng tuyệt vời.” Những cái đầu đồng loạt quay về phía tôi.

“Dù vậy khá đắt đấy. Mực của ông ấy cũng thế, làm từ hoa diên vĩ đấy.” Lời đánh giá của người đàn ông được khẳng định bằng hàng loạt tiếng rì rầm tán thành từ đám đông.

“Các vị có thể chỉ hướng cửa hàng của ông ấy cho tôi được không?”

Pierre tóm lấy khuỷu tay tôi. “Không,” anh ta rít lên bên tai tôi. Khi hành động này chỉ càng thu hút sự chú ý về phía chúng tôi nhiều hơn, anh ta vội vàng buông ra.

Bàn tay người công chứng viên nâng lên, chỉ về phía đông. “Bà sẽ tìm thấy ông ấy ở bến thuyền Paul. Đi tới Đầu Bishop rồi rẽ về phía nam. Nhưng ông Cornu biết đường đấy.”

Tôi liếc mắt nhìn lại Pierre, người đang dán mắt chăm chăm nhìn vào một điểm nào đó phía trên đầu tôi. “Ông ta ư? Cảm ơn ông.”

“Đó là vợ của Matthew Roydon à?” Ai đó nói cùng với tiếng cười nén lại khi chúng tôi bước ra khỏi đám người. “Mon dieu. Thảo nào anh ta trông thật kiệt quệ.”

Tôi không vội đi về hướng hiệu bào chế dược. Thay vào đó, với đôi mắt gắn chặt vào ngôi nhà thờ, tôi bắt đầu chậm rãi quan sát kích thước khổng lồ của nó. Nó duyên dáng một cách đáng kinh ngạc, căn cứ theo kích thước thì những tia sét không may mắn đó đã phá hủy diện mạo của nó vĩnh viễn.

“Đây không phải con đường nhanh nhất để tới Đầu Bishop.” Pierre cách sau lưng tôi có một bước chân thay vì ba bước như bình thường và thế là đâm sầm ngay lúc tôi dừng bước để ngẩng đầu lên nhìn.

“Tháp nhọn kia cao bao nhiêu vậy?”

“Cao gần bằng tòa nhà này. Milord luôn bị hấp dẫn bởi cách bọn họ xây dựng nó cao được đến mức ấy.” Ngọn tháp nhọn chắc hẳn đã làm cho cả tòa nhà cao vút, cùng với đỉnh tháp lộng lẫy làm nổi bật những đường nét trang trí của trụ tường và các khung cửa sổ cao lớn theo phong cách Gothic.

Tôi cảm thấy rõ một luồng năng lượng trào lên gọi nhớ tới ngôi đền thờ nữ thần gần Sept-Tours. Nằm sâu bên dưới nhà thờ, có thứ gì đó đã cảm nhận được sự có mặt của tôi. Tôi đáp lại nó bằng một tiếng thì thầm, sự xao động nhẹ gọn lên dưới chân tôi, một tiếng thở dài xác nhận – và rồi nó biến mất. Nơi này có sức mạnh – loại hấp dẫn không thể cưỡng lại được đối với phù thủy.

Đẩy mũ trùm đầu ra sau, tôi chậm chậm bao quát những người mua mua bán bán trong sân nhà thờ Thánh Paul. Yêu tinh, phù thủy và ma cà rồng thoáng gây sự chú ý trên đường tôi đi, nhưng có quá nhiều hoạt động xung quanh khiến tôi không thể nổi bật. Tôi cần một vị trí kín đáo hơn.

Tôi tiếp tục đi qua mạn bắc nhà thờ và vòng sang phía đông. Tiếng ồn ào tăng lên. Ở đây, tất cả sự chú ý dồn cả vào một người đàn ông ở trên bục giảng kính ngoài trời, được nâng cao hẳn lên bên dưới cái mái che. Vì thiếu hệ thống âm thanh bằng điện nên người đàn ông này giữ cho các thánh giả của mình tập trung chú ý bằng việc hét lớn, làm những cử chỉ cường điệu, và gọi lên hình ảnh về lửa và lưu huỳnh.

Một phù thủy không thể đương đầu với nhiều điều quý quái và đáng nguyên rủa như thế. Trừ phi tôi thật sự làm ra thứ gì đó đáng ngờ một cách nguy hiểm, bất cứ phù thủy nào phát hiện ra tôi cũng sẽ nghĩ tôi chẳng là gì ngoài một sinh vật khác người đi ra ngoài mua sắm. Tôi nén tiếng thở dài thất vọng. Kế hoạch dường như không thể thất bại trong chính sự đơn giản mộc mạc của nó. Ở khu Blackfriars không có phù thủy. Nhưng ở đây, tại nhà thờ Thánh Paul, có rất nhiều. Và sự hiện diện của Pierre sẽ ngăn trở bất cứ sinh vật khác người tò mò nào có thể tiếp cận tôi.

“Ở yên đây và đừng di chuyển,” tôi ra lệnh, ném cho anh ta một cái nhìn nghiêm khắc. Cơ hội thu hút được ánh mắt của một phù thủy thân thiện có thể tăng lên nếu anh ta không đứng bên cái vẻ bất hợp tác tỏa ra từ ma cà rồng. Pierre dựa vào cây cột chống thẳng tắp của một quầy sách và dán chặt mắt vào tôi không bình luận gì. Tôi hăng hái tiến vào đám đông dưới chân cây thánh giá của Paul, nhìn từ trái sang phải như thể đang tìm kiếm người bạn lạc mất. Tôi đợi cái nhói nhói râm ran của phù thủy. Họ ở đây. Tôi có thể cảm thấy họ.

“Bà Roydon phải không?” Một giọng nói quen thuộc cất tiếng gọi. “Điều gì đưa cô đến đây vậy?”

Gương mặt hồng hào của George Chapman ló ra giữa bả vai của hai quý ông đáng vẻ khắc khổ đang lắng nghe người thuyết giáo đổ lỗi tất cả bệnh tật trên thế giới cho mưu đồ xấu xa của người Thiên Chúa giáo và những thương nhân phiêu lưu mạo hiểm.

Không tìm được phù thủy nào cả, nhưng thành viên của Bè lũ Bóng đêm thì như thường lệ, có ở

khắp mọi nơi.

“Tôi đang đi tìm mực. Và xi gấn thư.” Tôi càng nhắc lại câu này nhiều lần, nó nghe càng có vẻ ngớ ngẩn.

“Vậy thì cô cần một nhà pha chế. Đi nào, tôi sẽ đưa cô đến gặp người của tôi.” George chìa khuỷu tay ra. “Anh ta khá là biết điều, đồng thời cũng giỏi nữa.”

“Để lát nữa đi, ông Chapman,” Pierre lên tiếng, hiện ra như từ hư không.

“Bà Roydon nên hưởng chút khí trời khi có cơ hội. Đám người chở thuyền nói sẽ lại mưa nhanh thôi, mà bọn họ thì hiếm khi sai lầm. Hơn nữa, cửa hiệu của John Chandler chỉ ở ngay bên ngoài tường bao thôi, trên phố Chữ Thập Đỏ. Cũng chưa tới nửa dặm đường.”

Gặp George lúc này dường như chỉ là sự ngẫu nhiên. Chắc chắn chúng tôi sẽ đi ngang qua một phù thủy trên đường tản bộ.

“Matthew sẽ không phản đối chuyển đi đạo của tôi với ông Chapman đâu – chắc chắn không khi anh cũng đồng hành cùng tôi nữa,” tôi bảo Pierre, khoác vào cánh tay George. “Người bào chế của anh có ở đâu đó gần bến thuyền Paul không?”

“Gần đối diện,” George đáp. “Nhưng cô không muốn mua sắm ở bến thuyền Paul đâu. John Hester là nhà bào chế duy nhất ở đó, và giá cả của ông ta thì cao đến mức phi lý. Ông Chandler sẽ phục vụ cô tốt hơn với mức giá bằng một nửa.”

Tôi cho tên John Hester vào danh sách việc cần làm để dành một ngày khác rồi khoác cánh tay George. Chúng tôi tản bộ ra khỏi sân nhà thờ Thánh Paul đến phía bắc, băng qua những ngôi nhà và khu vườn rộng lớn.

“Đó là chỗ mẹ Henry ở,” George nói, ra dấu về phía khu nhà đặc biệt đường bệ uy nghi ở phía bên trái. “Anh ấy ghét nơi này và sống ở khu gần nhà Matt cho tới khi Mary thuyết phục anh ấy rằng nơi ăn chốn ở của anh ấy không xứng với phẩm cách của một bá tước. Bây giờ anh ấy đã chuyển vào sống trong ngôi nhà trên đường Strand. Mary rất hài lòng, nhưng Henry thấy nó thật u ám, và sự ẩm ướt không thích hợp với xương khớp của anh ấy.”

Bức tường thành phố còn cách xa ngôi nhà gia đình Percy. Được xây dựng bởi những người La Mã để phòng vệ Londinium khỏi kẻ xâm lược, chúng vẫn đánh dấu đường ranh giới chính thức. Khi chúng tôi đi xuyên qua Aldersgate và một cây cầu thấp, không gian mở ra những cánh đồng bát ngát và nhiều ngôi nhà tùm lại quanh các nhà thờ. Tôi đưa bàn tay đeo găng lên che mũi trước mùi của vùng thôn quê này.

“Con hào quanh thành phố đấy,” George nói với vẻ tiếc nuối, ra hiệu về phía con sông bùn đặc quánh ngay bên dưới chân chúng tôi. “Chao ôi, nó là lối đi duy nhất đấy. Chúng ta sẽ có bầu không khí tốt hơn nhanh thôi.” Tôi quét đôi mắt mòng nước và chân thành hy vọng như vậy.

George hướng tôi đi dọc theo con đường rộng rãi đủ chỗ cho xe ngựa, xe thùng chở đầy thức ăn, và thậm chí cả một đội gia súc có sừng đi qua. Trong khi tản bộ, anh ta trò chuyện về chuyển viếng thăm với nhà xuất bản của mình, William Ponsonby. Chapman bị sốc vì tôi không nhận ra cái tên này. Tôi biết rất ít về việc buôn bán sách thời đại Elizabeth nên vội kéo anh ta ra khỏi chủ đề này. George vui vẻ tán chuyện về nhiều nhà viết kịch mà Ponsonby đã làm cho mất mặt, bao gồm cả Kit. Ponsonby thích làm việc với thể loại văn học nghiêm túc, và bộ cứng các tác giả của ông ta quả thật có tiếng tăm lẫy lừng: Edmund Spenser, nữ bá tước Pembroke, Philip Sidney.

“Ponsonby cũng sẽ xuất bản tập thơ của Matt, nhưng anh ấy lại từ chối.” George lắc đầu khó hiểu.

“Thơ của anh ấy ư?” Tôi thở gấp bất ngờ trước tin này. Tôi biết Matthew ngưỡng mộ thơ ca, nhưng không biết anh ấy còn sáng tác nữa.

“Đúng thế. Matt khăng khăng những vần thơ của anh ấy chỉ vừa mắt bạn bè mà thôi. Chúng tôi đều thích khúc bi ca của anh ấy viết cho anh trai Mary, Philip Sidney. ‘Nhưng đôi mắt, vành tai và từng ý nghĩ/ Có chẳng giờ chỉ ngập tràn những điều tuyệt mỹ.’” George mỉm cười. “Đó là tác phẩm tuyệt diệu. Nhưng Matthew không muốn xuất bản và than phiền rằng nó chỉ dẫn đến ý kiến bất đồng và thiếu cân nhắc mà thôi.”

Bất chấp căn phòng thí nghiệm hiện đại của anh, Matthew vốn là một ông lão cổ hủ với sở thích về đồng hồ cổ và xe ô tô cổ điển. Tôi mím môi để không bật cười trước bằng chứng mới nhất về chủ nghĩa cổ điển của anh. “Những vần thơ của anh ấy viết về cái gì?”

“Phần lớn về tình yêu và tình bạn, mặc dù gần đây anh ấy và Walter vẫn trao đổi những vần thơ về... mấy chủ đề u ám hơn. Họ đạo này dường như suy nghĩ vượt quá cả tư duy đơn thuần.”

“Đen tối hơn ư?” Tôi cau mày.

“Anh ấy và Walter thường không chấp nhận những điều xảy ra xung quanh họ,” George hạ giọng nói, thoáng đưa mắt lướt qua gương mặt khách qua đường.

“Có vẻ hơi thiếu kiên nhẫn – đặc biệt là Walter – và thường buộc tội đối trá cho những người có địa vị quyền lực. Đây là một xu hướng nguy hiểm.”

“Buộc tội nói dối,” tôi lẩm bẩm nói. Có một bài thơ nổi tiếng nhan đề “Lời dối trá.” Đó là bài thơ giấu tên, nhưng được cho là của Walter Raleigh. “Hãy nói với quan tòa rằng nó rực sáng./ Và nó sáng như gỗ mục ư?”

“Vây là Matt đã chia sẻ những vần thơ của anh ấy với cô rồi.” George thở dài một lần nữa.

“Anh ấy tìm cách truyền đạt xúc tích chỉ trong vài câu chữ trọn vẹn cảm xúc và ý tứ. Đó là một tài năng mà tôi ghen tỵ.”

Mặc dù bài thơ này chẳng xa lạ gì, nhưng mối quan hệ giữa Matthew với nó thì không thế. Nhưng còn rất nhiều thời gian vào các buổi tối phía trước để tôi truy tìm năng lực văn chương của đức phu quân nhà mình. Tôi buông lời chủ đề này và lắng nghe trong khi George biểu đạt ý kiến của bản thân về việc liệu các nhà văn bây giờ có cần xuất bản quá nhiều để sinh kế, và sự cần thiết phải có những người biên tập bản in tử tế để hạn chế lỗi trong các quyển sách in.

“Đó là cửa hiệu của Chandler,” George nói, chỉ về chỗ mấy con đường giao nhau nơi một cây thánh giá xộc xệch nằm trên một cái bệ được nâng cao lên so với mặt đường. Một đám choai choai đang bận bịu đập vỡ viên sỏi cuội xù xì ra khỏi cái bệ. Chẳng cần là phù thủy cũng có thể tiên đoán được viên đá sẽ bắn xuyên qua cửa sổ của một cửa hiệu.

Càng đến gần nơi kinh doanh buôn bán của nhà bào chế dược này, tôi càng cảm thấy không khí lạnh lẽo hơn. Khi ở nhà thờ Thánh Paul, có một luồng sức mạnh khác, nhưng bầu không khí nghèo khổ ngột ngạt thì lơ lửng quanh những khu vực lân cận. Một tòa tháp cổ đồ nát ở mạn phía bắc con đường, và những ngôi nhà xung quanh nó trông như thể chỉ cần cơn gió mạnh là có thể cuốn chúng đi luôn. Hai thanh niên lê bước tới gần hơn, đưa mắt nhìn chúng tôi với vẻ thích thú, cho tới khi tiếng rít trầm trầm từ Pierre ngăn chúng bám theo.

Cửa hiệu của John Chandler hòa hợp một cách hoàn hảo với bầu không khí theo phong cách Gothic của khu vực lân cận. Nó tối tăm, có mùi hăng hăng và rối tinh rối mù. Một con cú tiêu bản treo lưng lửng từ trần nhà xuống, hàm răng của sinh vật bất hạnh nào đó bị đóng đinh trên sơ đồ một cơ thể tứ chi bị cứa đứt, gãy nát, và bị đâm xuyên qua bằng vũ khí. Cái dùi thợ mộc thì cắm vào con mắt bên trái của sinh vật đáng thương này.

Một người đàn ông cúi lom khom hiện ra từ phía sau bức rèm, chùi hai bàn tay lên ống tay áo của chiếc áo khoác đã bạc màu. Nó gần giống chiếc áo dài mặc đi học của các sinh viên ở Oxford hay Cambridge và cũng nhàu nát. Đôi mắt nâu sáng kiên định bắt gặp mắt tôi, làn da tôi râm ran cùng với sự nhận dạng rõ ràng. Chandler là phù thủy. Sau khi băng ngang qua gần như cả thành London, tôi cuối cùng cũng tìm thấy người của mình.

“Đường phố xung quanh chỗ ông đang ngày càng trở nên nguy hiểm sau mỗi tuần đấy, ông chủ Chandler.” George chỉ ra ngoài cửa về phía băng nhóm choai choai đang lớn vờn gần đó.

“Đám nhóc đó đúng là hoang dã,” Chandler nói. “Tôi có thể làm gì cho ông hôm nay, ông Chapman? Ông cần thêm thuốc bổ nữa à? Bệnh đau đầu của ông lại tái phát ư?”

George liệt kê chi tiết các triệu chứng cũng như cơn đau của anh ta. Chandler thỉnh thoảng thì thầm đầy cảm thông và kéo quyển sổ cái lại gần. Mấy người đàn ông mỉm cười với cuốn sổ cho tôi cơ hội quan sát xung quanh.

Hiệu bào chế thuốc thời Elizabeth rõ ràng là một cửa hàng tổng hợp thời kỳ này, một không gian nhỏ nhút đầy tới tận xà nhà các hàng hóa. Những chồng bảng minh họa sống động, như một bức hình người đàn ông bị thương được đóng đinh trên tường, vài lọ mứt trái cây. Các cuốn sách cũ đặt trên bàn, cùng mấy tựa đề có vẻ mới hơn. Một loạt bình lọ bằng sành cung cấp cho căn phòng mờ tối chút ánh sáng loang loáng, tất cả đều được dán nhãn với tên các loại gia vị và thảo dược. Những mẫu vật từ thế giới động vật được trưng bày không chỉ là tiêu bản con cú và cái xương quai hàm kia mà còn có loài vật gặm nhấm già nua bị treo ngược lên đằng đuôi. Tôi phát hiện thấy cả mực, bút lông, và các cuộn dây buộc nữa.

Cửa hiệu được sắp xếp theo từng nhóm chuyên đề lỏng lẻo. Mực ở gần bút lông cùng sách cũ, bên dưới con cú già thông thái. Những con chuột treo phía trên đám lọ sành dán nhãn “bả chuột”, bên cạnh là một quyển sách hứa hẹn không chỉ giúp bạn bắt cá mà còn “các dụng cụ và bẫy lặt vặt khác để bắt chồn hôi, chim ó, loài gặm nhấm, chuột, và tất cả các loài chim, thú gây hại khác.” Tôi vẫn đang băn khoăn tìm cách loại bỏ những vị khách không mời trên gác mái. Các kế hoạch chi tiết trong cuốn sách mỏng này vượt quá khả năng làm việc vặt của tôi, nhưng tôi đã tìm thấy người có thể thực hiện chúng. Nếu vài con chuột trong cửa hàng của Chandler là chỉ dẫn gợi ý, thì những chiếc bẫy này chắc chắn hiệu quả rồi.

“Xin thứ lỗi, thưa bà,” Chandler lầm bầm, với qua người tôi. Tò mò, tôi quan sát ông ta lấy con chuột tới bàn bào chế rồi cắt lát những cái tai của nó bằng một sự chính xác tinh tế.

“Chúng để làm gì vậy?” Tôi hỏi George.

“Bột tai chuột là món hiệu quả chống lại mụn cơm,” anh ta giải thích bằng vẻ nghiêm túc trong khi Chandler thành thạo sử dụng cái chày giã.

Nhẹ nhõm vì không phải chịu đựng chứng bệnh đặc biệt này, tôi lơ đãng đưa mắt nhìn lên phía trên con cú canh gác cho khu văn phòng phẩm. Tôi tìm thấy một lọ mực đỏ, đậm đặc.

Người bạn weath của bà sẽ không đánh giá cao việc mang cái lọ đỏ về nhà đâu, thưa bà. Nó được làm từ máu điều hâu và được dùng để viết bùa tình yêu đấy.

Vậy là Chandler có khả năng nói truyền âm bằng tâm thức. Tôi trả lọ mực lại chỗ cũ rồi cầm lên cuốn sách mỏng như tai chó. Hình ảnh trên trang đầu tiên miêu tả một con sói tấn công một con chim nhỏ và người đàn ông đang bị tra tấn khủng khiếp rồi bị hành hình. Nó gợi cho tôi nhớ đến những tờ báo khổ nhỏ ở quầy tính tiền trong các cửa hành bách hóa hiện đại. Khi lật qua trang đó, tôi giật mình đọc được về người có tên Stubbe Peter, kẻ này xuất hiện trong hình dáng chó sói và uống máu đàn ông, đàn bà, trẻ con cho tới chết. Không chỉ có phù thủy Scotland đang nằm trong tầm mắt công chúng. Vậy là cả ma cà rồng cũng thế.

Mắt tôi lướt nhanh qua trang sách. Tôi nhẹ nhõm phát hiện Stubbe sống ở vùng sâu vùng xa của nước Đức. Nỗi lo lắng trở lại khi tôi thấy người chú của một trong các nạn nhân điều hành xưởng ủ bia nằm giữa nhà chúng tôi và lâu đài Baynard. Tôi thở hắt ra trước các chi tiết khủng khiếp của các vụ giết chóc, cũng như độ dài danh sách những người sẽ đi đối phó với các sinh vật này. Ở đây Stubbe Peter được mô tả như một phù thủy, và hành vi lạ lùng của hắn bị quy cho là có hiệp ước với quỷ dữ mới khiến hắn có thể biến hình và thỏa mãn khẩu vị khát máu không bình thường như thế. Nhưng khả năng nhiều hơn cả là gã đàn ông này vốn là ma cà rồng. Tôi luôn cuốn sách mỏng ấy xuống bên dưới một cuốn sách khác của mình và tiến tới quầy tính tiền.

“Bà Roydon có nhu cầu mua vài món đồ,” George giải thích với nhà bào chế dược khi tôi lại gần.

Tâm trí Chandler thận trọng chuyển sang khoảng trắng khi tên tôi được nhắc tới.

“Vâng,” tôi từ tốn nói. “Mực đỏ, nếu ông có nó. Và xà bông thơm để tắm.”

“Được ạ.” Ông pháp sư tìm kiếm trong mấy cái bình vai nhỏ bằng thiếc. Khi tìm được đúng thứ cần, ông ta đặt nó lên quầy. “Và bà cần xi găng thư phù hợp với mực nữa phải không?”

“Bất cứ thứ gì ông có cũng được cả, ông Chandler.”

“Tôi thấy là ông có một cuốn sách của ông Hester,” George nói, cầm lên một cuốn sách ở gần đó. “Tôi đã nói với bà Roydon rằng mực của ông tốt ngang với nhà Hester và giá cả chỉ bằng một nửa.”

Nhà bào chế dược mỉm cười yếu ớt trước lời khen ngợi của George và đặt vài thỏi sáp màu hồng nhạt cùng hai bánh xà bông mùi thơm ngọt ngào lên bàn, bên cạnh lọ mực của tôi. Tôi thả cuốn hướng dẫn khổng lồ chế loài vật gây hại và cuốn sách mỏng về ma cà rồng Đức lên trên mặt bàn. Mắt Chandler ngược lên nhìn vào mắt tôi. Trong đó có sự cảnh giác.

“Đúng thế,” Chandler nói, “nhà in trên đường đi có để lại vài bản cho tôi, nó nói về một vấn đề y học.”

“Cái đó cũng sẽ khiến bà Roydon quan tâm đây,” George nói, ném phịch nó lên chồng sách của tôi. Tôi thắc mắc, không phải là lần đầu tiên, làm thế nào con người có thể quên đi những gì đang diễn ra quanh họ được.

“Nhưng tôi không chắc chuyên luận này thích hợp cho một phu nhân...” Chandler bỏ lửng câu nói, và nhìn vào chiếc nhẫn cưới của tôi đầy ngụ ý.

Câu trả lời nhanh nhẩu từ George chìm chết lờì đáp trả bằng im lặng của tôi. “Ồ, chồng bà đây sẽ không bận tâm đâu. Bà ấy là người nghiên cứu giả kim thuật.”

“Tôi sẽ lấy nó,” tôi quả quyết trả lời.

Trong khi Chandler gói những món hàng, George hỏi ông ta liệu có thể giới thiệu một người làm kính đeo mắt không.

“Nhà xuất bản của tôi, ông Ponsonby, lo ngại đôi mắt tôi sẽ không chịu nổi trước khi bản dịch Homer của tôi hoàn chỉnh,” anh giải thích vẻ tự đắc. “Tôi có một đơn thuốc từ người hầu của mẹ tôi, nhưng nó không hẳn là phương pháp điều trị.”

Nhà bào chế nhún vai. “Phương thuốc chữa của các bà vợ già đôi khi cũng giúp ích, nhưng của tôi thì đáng tin hơn. Tôi sẽ gửi qua thuốc đắp làm từ trứng trắng và nước hoa hồng. Ngâm ướt mấy miếng vải lanh trong đó và đắp lên mắt.”

Trong khi George và Chandler mặc cả giá cho thứ thuốc ấy rồi dàn xếp việc giao hàng đến nơi, Pierre thu thập các túi hàng và đứng bên cửa ra vào.

“Tạm biệt, bà Roydon,” Chandler cúi đầu chào.

“Cảm ơn ông vì sự trợ giúp, ông Chandler,” tôi đáp. Tôi mới đến thành phố và đang tìm một phù thủy giúp đỡ tôi.

“Rất hân hạnh được phục vụ bà,” ông ta êm ái nói, “mặc dù vẫn còn có các nhà bào chế được tuyệt vời khác ở Blackfriars.” London là chốn nguy hiểm. Hãy cẩn thận với người bà yêu cầu trợ giúp.

Trước khi tôi kịp hỏi nhà bào chế được làm thế nào ông ta biết nơi tôi sống, thì George đã dẫn tôi ra ngoài đường cùng với lời chào tạm biệt vui vẻ. Pierre ở quá gần phía sau đến mức tôi thỉnh thoảng có thể cảm thấy hơi thở lạnh lạnh từ anh ta.

Sự tiếp xúc bằng ánh mắt là không thể nào nhầm được trong hành trình chúng tôi trở lại thành phố. Một lệnh báo động đã được phát ra khi tôi còn ở trong cửa hiệu của Chandler, và tin tức về một phù thủy kỳ lạ đang ở gần đã lan tràn khắp khu vực lân cận. Cuối cùng tôi đã đạt được mục đích của mình cho buổi chiều hôm nay. Hai phù thủy bước ra trên thềm nhà họ, hai cánh tay khoác vào nhau, chăm chú dò xét tôi với thái độ thù địch nhúc nhối. Bọn họ trông giống nhau từ gương mặt đến thân hình tới mức tôi tự hỏi liệu đó có phải là một cặp song sinh.

“Wearth,” một người làm bầm nói, nhổ nước miếng về phía Pierre và xĩa các ngón thành dấu hiệu chống lại ác quỷ.

“Đi nào, thưa bà. Trời đã muộn rồi,” Pierre nói, các ngón tay siết lấy cẳng tay tôi.

Mong muốn của Pierre là mang tôi ra khỏi St.Giles nhanh nhất có thể, còn mong muốn của George là một cốc rượu, nên khiến cho chuyến trở về Blackfriars của chúng tôi nhanh hơn lúc đi ra. Khi chúng tôi đã an toàn trở về Hươu Đực và Vương Miện, vẫn chẳng có dấu hiệu nào của Matthew cả, Pierre lại biến mất để đi tìm anh. Ngay sau đó Françoise nhấn mạnh về giờ giấc đã muộn thế nào và tôi cần phải nghỉ ngơi. Chapman bắt được tín hiệu để nói lời từ biệt.

Françoise ngồi bên lò sưởi, mấy món đồ khâu vá đặt bên cạnh, và quan sát cửa ra vào. Tôi mang ra dùng thử lọ mực mới của mình bằng việc đánh dấu các mục trong danh sách mua sắm và thêm vào “bầy chuột”. Tôi quay sang bên cạnh cuốn sách của John Hester. Trang giấy trắng gấp lại một cách kín đáo che giấu nội dung đậm ô tục tĩu. Nó liệt kê các phương pháp chữa bệnh hoa liễu, hầu hết đều liên quan tới nồng độ độc hại của thủy ngân. Chả trách Chandler đã phản đối bán một bản in cuốn sách này cho phụ nữ đã có chồng. Tôi vừa mới bắt đầu đọc chương hấp dẫn thứ hai thì nghe thấy tiếng rì rầm nói chuyện vọng ra từ phòng làm việc của Matthew. Françoise miệng mím chặt, lắc đầu.

“Tối nay ngài ấy sẽ cần thêm nhiều rượu hơn số chúng ta có trong nhà,” cô ta nhận xét và hướng về phía cầu thang cùng chiếc bình không để cạnh cửa ra vào.

Tôi đi theo âm thanh giọng nói của chồng mình. Matthew vẫn ở trong phòng làm việc, đang cởi quần áo và ném chúng vào lửa.

“Hắn là một gã đàn ông ma quỷ, milord,” Pierre nói dứt khoát, nói lỏng thanh gươm của Matthew.

“‘Ma quỷ’ không thực thi cái công lý ma quỷ đó. Thanh gươm làm điều đó còn chưa được đúc ra đâu. Sau ngày hôm nay ta sẽ thề trước quan tòa bản thân hắn chính là ác quỷ.” Những ngón tay thon dài của Matthew nói lỏng dây buộc chiếc quần chèn. Chúng được thả rơi xuống sàn nhà, rồi anh cúi người nhặt lên. Chiếc quần bay qua không trung rơi vào lò sưởi, nhưng không đủ

nhanh để che giấu những vết máu lấm chấm. Một mùi ẩm mốc của đá ướt, tuổi tác và rác bẩn gợi lên trong tôi những hồi ức bất chợt về lần bị giam giữ ở La Pierre. Thức ăn đã dâng lên trong cổ họng tôi. Matthew xoay người lại bổ nhào đến.

“Diana.” Anh hít vào thấy nỗi đau khổ của tôi bằng một hơi thở thật sâu và xé toạc chiếc áo sơ mi qua đầu trước khi bước qua đôi boots bị vứt bỏ rồi đến bên cạnh tôi chẳng mặc gì ngoài chiếc quần đùi vải lanh. Ánh lửa bập bùng hắt trên vai anh, và một trong nhiều vết sẹo – nó dài và sâu, ngay phía trên chỗ hai bắp vai giao nhau – chập chờn ẩn hiện.

“Anh có bị thương không?” Tôi vật lộn thốt ra lời từ cuống họng thít lại của mình, mắt tôi dán chặt vào bộ quần áo đang cháy trong lò sưởi. Matthew nhìn theo ánh mắt tôi, khẽ cười thề.

“Đó không phải máu của anh đâu.” Chuyện Matthew có máu của kẻ khác trên người quả là rất không thoải mái. “Nữ hoàng ra lệnh cho anh hiện diện khi một tù nhân bị... thẩm vấn.” Chỗ hơi ngập ngừng đó nói với tôi rằng “tra tấn” chính là từ anh đang tránh nói đến. “Để anh tắm rửa đã, rồi sẽ đến dùng bữa tối cùng em.” Lời lẽ của Matthew ấm áp, nhưng anh trông có vẻ mệt mỏi và tức giận. Và anh còn thận trọng không chạm vào tôi nữa.

“Anh đã ở dưới hầm ngầm.” Cái mùi ấy không nhầm được.

“Anh ở chỗ Tháp.”

“Còn tù nhân của anh – hẳn chết rồi à?”

“Đúng.” Bàn tay anh vuốt qua mặt. “Anh đã hy vọng mình đến đủ sớm để ngăn chặn chuyện đó – lần này – nhưng anh đã tính toán nhầm thủy triều. Tất cả những gì anh có thể làm, một lần nữa, là kiên quyết để cho sự đau đớn của ông ta chấm dứt.”

Matthew đã trải qua cái chết của người đàn ông kia một lần trước đây. Hôm nay anh có thể ở yên trong nhà và không làm mình bận tâm với linh hồn mất mát trong tòa Tháp kia. Một sinh vật thấp kém hơn sẽ làm thế. Tôi vươn tay ra chạm vào anh, nhưng anh tránh đi.

“Nữ hoàng sẽ biết chuyện anh che giấu khi bà ta phát hiện ra người đàn ông kia chết trước khi tiết lộ bí mật của mình, nhưng anh không quan tâm nữa. Như hầu hết loài người, Elizabeth thấy việc ngoảnh mặt làm ngơ khi thích hợp sẽ dễ dàng hơn,” anh nói.

“Ông ta là ai?”

“Một phù thủy,” Matthew thẳng thắn nói. “Hàng xóm tố cáo ông ta vì có một người nộm tóc đỏ. Bọn họ sợ rằng đó là hình ảnh của nữ hoàng. Còn nữ hoàng thì lo sợ hành vi của các phù thủy Scotland. Agnes Sampson và John Fian, đang khuyến khích phù thủy Anh hành động chống lại bà. Không, Diana.” Matthew ra dấu cho tôi ở yên tại chỗ khi tôi bước tới định an ủi anh. “Đó là mức gần nhất em được tiếp cận với tòa Tháp và những gì xảy ra ở nơi đó. Hãy đến phòng khách đi. Anh sẽ đến với em nhanh thôi.”

Thật khó mà bỏ mặc anh, nhưng tôn trọng yêu cầu là tất cả những gì tôi có thể làm cho anh vào lúc này. Rượu, bánh mỳ, và pho mát đã đợi sẵn trên bàn cũng không làm ngon miệng, nhưng tôi lấy một mẫu bánh sữa đã mua buổi sáng và chậm rãi ăn cho tới khi chỉ còn vài mẫu vụn.

“Em không thấy ngon miệng,” Matthew lên vào phòng, lặng lẽ như một con mèo, anh tự rót rượu cho mình và uống một hơi dài rồi lại rót đầy cốc.

“Anh cũng vậy mà,” tôi nói. “Anh không ăn uống đều đặn.” Gallowglass và Hancock vẫn đến rủ anh tham gia cùng họ trong những chuyến đi săn đêm, nhưng Matthew luôn từ chối.

“Anh không muốn nói về chuyện đó. Thay vì thế kể cho anh nghe một ngày của em đi.” Hãy giúp anh quên đi. Những lời Matthew không nói ra thì thầm vang khắp căn phòng.

“Bọn em đi mua sắm. Em đã nhận cuốn sách anh đặt hàng từ chỗ Richard Field và gặp vợ ông ấy, Jacqueline.”

“À.” Nụ cười của Matthew rộng hơn, và một ít căng thẳng rời khỏi khóe miệng anh. “Bà Field mới. Cô ta sống lâu hơn người chồng đầu và giờ có được người chồng thứ hai sau một điều may mắn. Em có gặp Shakespeare không? Anh ta đang ở cùng nhà Field đấy.”

“Không.” Tôi bổ sung thêm các mẫu vụn cho cái đồng vụn bánh đang ngày càng nhiều lên ở trên bàn. “Em đi đến nhà thờ.” Matthew hơi nhoài người tới trước. “Pierre đi cùng em,” tôi vội nói, thả miếng bánh sữa lên bàn. “Và em tình cờ gặp George.”

“Không nghi ngờ gì anh chàng đang lảng vảng quanh khu Đầu Bishop đợi William Ponsonby để nói điều tốt đẹp cho mình.” Hai vai Matthew hạ xuống khi anh thầm cười khe khẽ.

“Em chưa bao giờ đến Đầu Bishop,” tôi thú nhận. “George đang ở chỗ cây thánh giá của Paul, nghe một bài thuyết giáo.”

“Đám đông tụ tập để nghe mấy kẻ thuyết giảng đó không thể lường trước được,” anh nói khe khẽ. “Pierre biết rõ hơn cả là không được để em nấn ná chỗ đó mà.” Như bằng phép thuật, người hầu của anh xuất hiện ngay lập tức.

“Bọn em không ở lâu. George đưa em tới chỗ nhà bào chế dược của anh ấy. Em mua vài cuốn sách nữa và ít đồ dùng. Xà bông. Xi gấn thun. Mực đỏ.” Tôi mím chặt môi vào nhau.

“Người bào chế dược của George sống ở Cripplegate.” Giọng Matthew trở nên lạnh lùng. Anh ngược mắt nhìn Pierre. “Khi dân chúng London than phiền về tình trạng tội phạm, quận trưởng cảnh sát đã tới đó và bắt từng người trông có vẻ lười biếng hay khác thường. Ông ta đã có một khoảng thời gian dễ chịu với nó.”

“Nếu ngài quận trưởng nhắm vào Cripplegate, thì tại sao lại có nhiều sinh vật khác người đến thế ở Barbican Cross còn rất ít thấy ở Blackfriars?” Câu hỏi khiến Matthew kinh ngạc.

“Khu Blackfriars từng một thời là mảnh đất thiêng của người theo Cơ đốc giáo. Yêu tinh, phù thủy và ma cà rồng có thói quen sống ở nơi nào một thời gian dài trước đó thì sẽ không di chuyển trở lại. Tuy nhiên khu Barbican Cross được đặt trên vùng đất nơi là nghĩa trang của người Do Thái hàng trăm năm trước. Sau khi người Do Thái bị đuổi ra khỏi nước Anh, chính quyền thành phố đã dùng khu nghĩa địa không được thừa nhận này cho tội phạm, những kẻ phản bội và người bị rút phép thông công. Con người coi nó bị ma ám và tránh chỗ đó.”

“Vậy nó là nỗi bất hạnh của người chết, em cảm thấy thế, chứ không phải là người đang sống.” Lời lẽ buột ra trước khi tôi kịp dừng lại. Hai mắt Matthew nheo lại.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi chẳng cải thiện được tâm trạng gay gắt của anh, và cảm giác không thoải mái phía tôi thì tăng lên từng phút một. “Jacqueline gợi ý về John Hester khi em hỏi thăm về người bào chế dược, nhưng George nói người của anh ấy cũng giỏi ngang thế mà không đắt bằng. Em đã không hỏi rõ về khu vực xung quanh chỗ đó.”

“Thực tế John Chandler không ấn thuốc phiện cho khách hàng của mình giống như Hester, đối với anh quan trọng hơn là giá cả hợp lý của ông ta. Nhưng anh không muốn em ở Cripplegate. Lần sau em cần đồ dùng viết lách thì hãy bảo Pierre hoặc Françoise kiếm về cho nhé. Nhưng tốt hơn cả là đến thăm hiệu hàng bào chế dược có ba cửa ngay trên Hẻm Water ở đối diện đây.”

“Bà Field không nói với madame là có một nhà bào chế dược ngay ở Blackfriars này. Mới vài tháng trước, ông de Laune và Jacqueline không đồng ý với nhau về phương pháp chữa trị tốt nhất cho bệnh bạch hầu của đứa con trai lớn nhà bà ấy,” Pierre rì rầm nói như một lời giải

thích.

“Ta không quan tâm liệu Jacqueline và de Laune có chĩa gươm vào nhau ngay giữa giáo đường Thánh Paul hay không. Diana sẽ không dạo chơi khắp cả thành phố như thế.”

“Không chỉ có Cripplegate là nguy hiểm,” tôi nói, đẩy quyển sách mỏng về ma cà rồng Đức ngang qua bàn. “Em mua một cuốn chuyên luận của Hester về bệnh hoa liễu từ chỗ Chandler, và một cuốn sách về việc đặt bẫy thú. Cái này cũng được bán nữa.”

“Em mua cái gì cơ?” Matthew sặc rượu, sự chú ý của anh dán vào cuốn sách sai trái.

“Quên chuyện về Hester đi. Cuốn sách mỏng này kể câu chuyện về một gã đàn ông thông đồng với quỷ biến đổi thành sói và uống máu. Một trong những người đàn ông có liên quan là hàng xóm của chúng ta, ông chủ xưởng ủ bia cạnh lâu đài Baynard ấy.” Tôi gõ gõ ngón tay lên quyển sách mỏng để nhấn mạnh.

Matthew kéo những trang giấy lỏng lẻo về phía mình. Hơi thở của anh ngừng lại khi đến phần quan trọng. Anh giao nó cho Pierre, anh chàng cũng nhanh chóng chú mục nghiên cứu nó.

“Stubbe là ma cà rồng, đúng không?”

“Phải. Anh không biết tin tức về cái chết của hắn lại truyền đi xa thế này. Kit thường hay kể cho anh nghe những chuyện ngổ lêu đôi mách ở vỉa hè và báo chí nên bọn anh có thể cập nhật bao quát nếu cần thiết. Không hiểu thế nào anh ta lại bỏ sót chuyện này.” Matthew bắn một cái nhìn dữ tợn vào Pierre. “Hãy đảm bảo chắc chắn có người được phân công giải quyết chuyện này, và đừng để Kit biết.” Pierre nghiêng đầu tỏ vẻ đã hiểu.

“Vây các truyền thuyết về người sói này chỉ là những nỗ lực đáng thương hơn của loài người nhằm chối bỏ nhận thức về ma cà rồng.” Tôi lắc đầu.

“Đừng bận tâm quá về chuyện đó, Diana. Bọn họ hiện giờ đang tập trung vào phù thủy. Rồi sẽ đến lượt yêu tinh trong một trăm năm tới chẳng hạn, hãy biết ơn cuộc cải cách ở các nhà thương điên. Sau đó, loài người sẽ xoay vòng đến ma cà rồng, và phù thủy sẽ chẳng còn là gì hơn ngoài một câu chuyện cổ tích xấu xa để dọa trẻ con.” Matthew trông có vẻ lo lắng, bất chấp lời nói ra.

“Hàng xóm bên cạnh chúng ta đang bận tâm về người sói, chứ không phải phù thủy. Và nếu anh có thể nhầm lẫn một chuyện, thì em muốn anh thôi lo lắng về em đi và hãy bắt đầu chăm sóc cho chính mình ấy. Hơn nữa, giờ cũng không còn lâu nữa đâu trước khi một phù thủy gõ cửa nhà chúng ta.” Tôi bám lấy sự thật hiển nhiên sẽ có chuyện nguy hiểm với Matthew nếu còn tiến xa hơn nữa để tìm kiếm một phù thủy. Đôi mắt chồng tôi thoáng nhìn cảnh cáo, nhưng miệng vẫn mím chặt cho tới khi cơn giận dữ được kiểm soát.

“Anh biết em đang rất mong muốn được độc lập, nhưng lần tới em quyết định tự tay xử lý vấn đề thì hãy hứa là em sẽ thảo luận nó với anh trước đã.” Câu trả lời của anh dịu dàng hơn tôi mong đợi.

“Chỉ khi anh hứa sẽ lắng nghe. Anh đang bị theo dõi đấy, Matthew. Em chắc chắn điều đó, và cả Mary Sidney cũng thế. Anh cứ chăm lo công vụ của nữ hoàng và rắc rối ở Scotland, hãy để em lo chuyện này.”

Khi anh mở miệng để định đàm phán thêm nữa, tôi lắc đầu.

“Nghe em đi. Một phù thủy sẽ đến đây. Em hứa đấy.”

18.

Matthew đang ngồi đợi tôi trong căn phòng sưởi nắng của Mary ở lâu đài Baynard vào chiều ngày hôm sau, mắt chăm chú ngắm nhìn sông Thames cùng với nét mặt vui thích. Anh xoay lại khi tôi tiến đến, nhướn miêng cười trước phiên bản chiếc áo khoác phòng thí nghiệm thời Elizabeth phủ bên ngoài thân và chân váy màu vàng nâu của tôi. Hai tay áo trắng nằm bên dưới thò ra từ hai vai tôi phồng lên một cách kỳ cục, nhưng chiếc cổ xếp nếp lại nhỏ và khiêm tốn, khiến nó trở thành một trong những bộ váy dễ chịu hơn cả của tôi.

“Mary không thể rời khỏi thí nghiệm của cô ấy. Cô ấy nói chúng mình nên đến đúng giờ ăn tối thứ Hai.” Tôi choàng hai cánh tay quanh cổ anh và hôn thật kêu. Anh nghiêng ra sau.

“Tại sao em lại có mùi giấm nhỉ?”

“Mary rửa bằng giấm. Nó làm sạch tay anh tốt hơn xà phòng đấy.”

“Em để ngôi nhà của anh bao phủ bằng mùi hương ngọt ngào của bánh mỳ và mật ong, còn nữ bá tước Pembroke lại đem em biến thành mùi như dưa chua thế này.” Mũi Matthew đi tới phần da nhạy cảm phía sau tai tôi. Anh thở dài một tiếng thỏa mãn. “Anh biết mình có thể tìm được một nơi nào đó cái mùi giấm chua này không vươn tới được mà.”

“Matthew,” tôi thì thầm gọi. Cô hầu gái của nữ bá tước, Joan, đang đứng ngay sau chúng tôi.

“Em đang cư xử như một thần dân đức hạnh thời Victoria hơn là một nhân vật lãng lơ thời Elizabeth đấy,” Matthew nói và cười phá lên. Anh đứng thẳng người sau một cái vuốt ve đơn trớn cuối cùng nơi cổ tôi. “Buổi chiều của em thế nào?”

“Anh đã thấy phòng thí nghiệm của Mary chưa?” Tôi thay chiếc áo khoác màu xám không ra hình dạng gì bằng chiếc áo choàng ngắn tay của mình trước khi cho Joan lui đi làm các nhiệm vụ khác của cô. “Cô ấy chiếm hẳn một tòa tháp của lâu đài và vẽ lên tường các bức hình của đá tạo vàng. Giống như đang làm việc trong một giấy da Ripley ý! Em đã nhìn thấy bản sao của Beinecke ở Yale, nhưng nó chỉ dài có nửa mét thôi. Những bức tranh trên tường của Mary còn lớn gấp đôi. Thật khó mà tập trung vào công việc được.”

“Thí nghiệm của em là gì thế?”

“Bọn em đã sản xuất xanh lục,” tôi tự hào đáp, nhắc đến một đoạn trong quá trình luyện giả kim trong đó kết hợp hai dung dịch axit và tạo ra sự biến đổi màu đáng kinh ngạc. “Bọn em gần như đã bắt được nó. Nhưng sau có gì đó sai sót và bình thí nghiệm nổ. Thật tuyệt diệu!”

“Anh mừng là em không làm việc trong phòng thí nghiệm của anh. Nói chung, các vụ nổ đều phải tránh khi làm việc với axit nitric. Hai người bọn em có thể làm gì đó ít bay hơi hơn vào lần tới, như chưng cất nước hoa hồng chẳng hạn.” Mắt Matthew nheo lại. “Em không làm việc với thủy ngân đấy chứ?”

“Đừng lo. Em sẽ không làm bất kỳ điều gì có hại cho bé con đâu,” tôi phòng vệ nói.

“Mỗi lần anh nói điều gì về tình trạng sức khỏe của em, là em lại làm ra vẻ sự quan tâm của anh là lo hão ở đâu ở đâu ấy.” Hai cánh lông mày của anh nhướn vào nhau thành điệu bộ cau có. Cảm ơn bộ râu và ria đen nhánh của anh – cái này tôi đang bắt đầu quen dần rồi – Matthew trông thậm chí càng có vẻ già trưởng hơn. Nhưng tôi không muốn tranh cãi với anh.

“Xin lỗi,” tôi nói nhanh trước khi chuyển chủ đề. “Tuần sau bọn em sẽ trộn lẫn một mẻ prima materia tươi. Cái đó bên trong có thủy ngân, nhưng em hứa là không chạm vào nó. Mary muốn xem xem liệu đến cuối tháng Một nó có thối rửa thành con cóc trong thuật giả kim không.”

“Cái đó nghe giống một mở đầu lễ hội cho năm mới,” Matthew nói, khép chặt chiếc áo khoác trên vai tôi.

“Anh đang nhìn gì thế?” Tôi ngó ra cửa sổ.

“Ai đó đang dựng một đồng lửa trại bên kia sông cho đêm giao thừa. Mỗi lần họ gửi đến một xe thùng củi tươi, người dân địa phương lại chôn chĩa những gì có ở đó. Cả đồng củi đang nhỏ dần đi từng giờ kia kìa. Giống như đang quan sát nàng Penelope dệt vải vậy.”

“Mary đã nói sẽ không có ai làm việc vào ngày mai. Ồ, và chắc chắn phải bảo Françoise mua thêm manchet – đó là bánh mỳ, đúng không? – Và tẩm dấm nó trong rượu và mật ong để nó mềm lại vào bữa sáng thứ Bảy.” Nó hoàn toàn là bánh mỳ nướng của Pháp thời Elizabeth ngoại trừ cái tên. “Em nghĩ Mary lo em có thể bị đối trong một ngôi nhà được điều hành bởi những ma cà rồng.”

“Bà Pembroke sẽ im lặng một cách lịch sự khi nó liên quan đến các sinh vật khác người và thói quen của họ,” Matthew nhận xét.

“Cô ấy tất nhiên không bao giờ nhắc lại chuyện đôi giày của cô ấy,” tôi trầm ngâm nói.

“Mary Sidney sống sót như mẹ cô ấy đã làm: bằng cách nhắm mắt làm ngơ trước mọi sự thật phiền phức. Những người phụ nữ trong gia đình Dudley đều phải làm vậy.”

“Dudley ư?” Tôi nhú mày. Đó là một gia đình có tiếng xấu hay gây rắc rối – chẳng có gì giống với Mary có phong thái hòa nhã cả.

“Mẹ của quý bà Pembroke là Mary Dudley, một người bạn của Bệ hạ và là chị của người nữ hoàng yêu mến, Robert.” Khóe miệng Matthew nhả lại. “Bà rất xuất chúng, giống như con gái bà. Mary Dudley đã đưa vào đầu bà đầy những ý tưởng để không còn chỗ nghĩ đến tội mưu phản của cha bà, hay sự lầm lạc của những người anh em trai. Khi bà ấy mắc căn bệnh đầu mùa từ đáng toàn năng tối cao của chúng ta, Mary Dudley không bao giờ thừa nhận rằng cả nữ hoàng và chồng bà thích sự bầu bạn của những người khác hơn là đối diện với hình dạng xấu xí của bà.”

Tôi dừng lại, choáng váng. “Chuyện gì đã xảy đến với bà?”

“Bà chết trong cô độc và cay đắng, như hầu hết những người phụ nữ nhà Dudley trước bà. Thành công vĩ đại nhất của bà là gả chồng cho cô con gái cùng tên mười lăm tuổi của mình với Bá tước Pembroke bốn mươi tuổi.”

“Mary Sidney kết hôn khi mới mười lăm tuổi ư?” Người phụ nữ thông minh, sắc sảo, đầy sức sống điều hành cả một cơ ngơi khổng lồ, nuôi nấng một đàn con khỏe khoắn, hiến dâng hết mình cho các thí nghiệm giả kim thuật của cô, tất cả để không phải là nỗ lực bề ngoài thôi. Giờ tôi đã hiểu như thế nào. Bà Pembroke trẻ hơn tôi vài tuổi, nhưng ở tuổi ba mươi cô ấy đã gánh vác những trách nhiệm này một nửa cuộc đời rồi.

“Đúng thế. Nhưng mẹ Mary đã cung cấp cho cô ấy tất cả phương tiện cần thiết để sống sót: kỹ thuật thép, một ý thức sâu sắc về bốn phận, sự giáo dục tốt nhất mà tiền bạc có thể mua được, một tình yêu với thơ ca, và niềm đam mê với giả kim thuật.”

Tôi chạm vào người mình, nghĩ đến sinh mệnh đang lớn dần bên trong tôi. Điều gì sẽ cần cho con để sống sót trong thế giới này?

Chúng tôi trò chuyện về hóa học trên đường về nhà. Matthew giải thích rằng pha lê mà Mary ủ như gà ấp trứng đã bị oxy hóa quặng sắt và rằng cô ấy sẽ chưng cất chúng chậm hơn trong bình thí nghiệm để làm axit sunfuric. Tôi luôn thấy hứng thú với chủ nghĩa tượng trưng trong thuật

giả kim hơn là các khía cạnh thực hành của nó, nhưng buổi chiều của tôi bên nữ bá tước Pembroke đã cho tôi thấy sự liên kết giữa hai mặt này có thể hấp dẫn, cuốn hút đến nhường nào.

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã an toàn bên trong ngôi nhà Hươu Đực và Vương Miện, tôi đang nhấm nháp một thứ thuốc sắc âm ấm chế từ bạc hà và tinh dầu chanh. Hóa ra người dân thời Elizabeth đã uống trà, nhưng họ uống tất cả các loại thảo mộc. Tôi đang trò chuyện sôi nổi về Mary thì nhận thấy nụ cười tủm tỉm của Matthew.

“Có gì buồn cười lắm à?”

“Anh chưa từng thấy em như thế này trước đây,” anh bình luận.

“Như thế nào cơ?”

“Vô cùng sinh động – đầy những câu hỏi và thông cáo về những gì em đang làm, cùng tất cả các kế hoạch em và Mary sẽ làm tuần tới.”

“Em luôn thích được là sinh viên,” tôi thú nhận. “Ban đầu thật khó, không phải câu hỏi nào cũng có đáp án. Qua nhiều năm em đã quên mất cảm giác vui đến nhường nào khi chẳng có gì ngoài những thắc mắc.”

“Và em cảm thấy tự do khi ở đây, theo cách mà em không có được khi ở Oxford. Những bí mật là một công việc cô độc.” Ánh mắt Matthew đầy cảm thông trong khi những ngón tay anh di chuyển dọc theo quai hàm tôi.

“Em chưa bao giờ cô độc.”

“Đúng em không cô độc. Anh nghĩ em vẫn là thế,” anh dịu dàng nói.

Trước khi tôi kịp đáp lại, Matthew đã kéo tôi ra khỏi chỗ ngồi và quay lưng chúng tôi về phía bức tường bên cạnh lò sưởi. Pierre, người chỉ một thoáng trước còn chẳng nhìn thấy đâu, đã xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Rồi một tiếng gõ cửa vang lên. Cơ bắp trên vai Matthew gồng lên, một con dao găm lóe lên trên đùi anh. Khi anh gật đầu, Pierre bước ra đầu cầu thang và mở tung cánh cửa.

“Chúng tôi có một lời nhắn từ Cha Hubbard.” Hai tên ma cà rồng đứng ở đó, cả hai đều mặc quần áo đắt giá quá mức đối với những người đưa tin. Không ai trong hai ma cà rồng này quá mười lăm cả. Tôi chưa bao giờ trông thấy một ma cà rồng thiếu niên và luôn tưởng tượng chắc hẳn phải có những luật cấm chống lại điều đó.

“Ông Roydon.” Tên ma cà rồng cao hơn vuốt đầu mũi và dò xét Matthew bằng đôi mắt màu chàm. Cặp mắt di chuyển từ Matthew sang tôi, và da tôi sớn lên vì lạnh. “Bà.” Bàn tay Matthew siết chặt con dao găm, còn Pierre thì di chuyển đứng chắn vuông góc giữa chúng tôi và cánh cửa.

“Cha Hubbard muốn gặp các vị,” tên ma cà rồng nhỏ hơn nói, tỏ vẻ coi thường món vũ khí trong tay Matthew. “Hãy đến khi đồng hồ điểm bảy giờ.”

“Hãy nói với Hubbard ta sẽ ở đó khi nào thích hợp,” Matthew nói giọng điệu thoắt vẻ căm ghét.

“Không chỉ ông,” thằng bé cao hơn nói.

“Ta không thấy Kit,” Matthew nói có chút mất kiên nhẫn. “Nếu ông ta gặp rắc rối, ông chủ của người sẽ biết phải tìm người ở đâu, Corner.” Đó có khả năng là tên của thằng bé. Đáng vẻ thiếu

niên của nó tất cả đều góc cạnh và sắc nhọn.

“Marlowe đã ở cùng với Cha Hubbard cả ngày.” Giọng điệu Corner đầy sự chán nản.

“Thế sao?” Matthew nói, ánh mắt sắc bén.

“Đúng thế. Cha Hubbard muốn phù thủy này,” bạn đồng hành của Corner nói.

“Ta biết rồi.” Giọng Matthew đều đều. Một cái bóng mờ của màu đen và bạc, con dao găm bóng loáng của anh đang rung lên, điểm đầu tiên, thanh dọc của khung cửa gần mắt Corner. Matthew sải bước về phía họ. Cả hai ma cà rồng đều không tình nguyện bước lùi lại. “Cảm ơn về lời nhắn, Leonard.” Anh thúc cánh cửa đóng lại bằng một bàn chân.

Pierre và Matthew trao đổi một cái nhìn dài, câm lặng trong khi bước chân của hai ma cà rồng thiếu niên huyền ảo đi xuống cầu thang.

“Hancock và Gallowglass,” Matthew ra lệnh. “Ngay lập tức.”

Pierre xoay người ra khỏi phòng, vừa vặn tránh Françoise trong đường tơ kẽ tóc. Cô ấy rút con dao găm từ khung cửa xuống.

“Chúng ta đã có khách viếng thăm,” Matthew giải thích trước khi cô kịp phàn nàn về tình trạng của đồ gỗ trong nhà.

“Chuyện này là thế nào, Matthew?” Tôi hỏi.

“Em và anh sẽ phải đến gặp một người bạn cũ.” Giọng anh vẫn đều đều như báo điềm gở.

Tôi đưa mắt nhìn con dao găm, giờ đang nằm trên bàn. “Người bạn cũ này là một ma cà rồng?”

“Rượu, Françoise.” Matthew tóm lấy mấy tờ giấy, làm đảo lộn trật tự đồng hồ đã được sắp xếp cẩn thận của tôi. Tôi bóp nghẹt một lời phản đối khi anh nhắc lên một cây bút lông của tôi và viết với tốc độ điên cuồng. Anh không nhìn tôi từ khi có tiếng gõ cửa.

“Có máu tươi từ chỗ hàng thịt. Có lẽ ngài nên...”

Matthew ngẩng lên, miệng anh mím chặt thành một đường mỏng. Françoise rót cho anh một ly lớn rượu vang mà không có lời phản đối nào khác. Khi cô ta làm xong, anh đưa cho hai lá thư.

“Mang cái này tới chỗ Bá tước Northumberland ở Nhà Russell. Lá kia cho Raleigh. Anh ta sẽ ở chỗ Sảnh Trắng.” Françoise đi ngay lập tức, còn Matthew sải bước đến cửa sổ, nhìn chăm chăm ngược lên con đường. Tóc anh rối tung trong cái cổ áo cao bằng vải lạnh, và tôi bỗng có một thôi thúc muốn vuốt nó lại ngay ngắn cho anh. Nhưng dáng vẻ hai bờ vai anh cảnh báo tôi rằng anh sẽ không chào đón một cử chỉ chiếm hữu như thế.

“Cha Hubbard ư?” Tôi nhắc anh. Nhưng tâm trí Matthew đang ở tận đâu đâu.

“Em sẽ làm mình bị giết chết đấy,” anh cộc cằn nói, lưng anh vẫn quay về phía tôi. “Ysabeau đã cảnh cáo anh rằng em không có bản năng tự bảo toàn. Phải bao nhiêu lần chuyện như thế này xảy ra nữa thì em mới phát triển được bản năng này hả?”

“Giờ em đã làm gì đâu?”

“Em đã muốn bị nhìn thấy, Diana,” anh nói một cách cay nghiệt. “Than ôi, em đã làm được.”

“Hãy thôi nhìn ra ngoài cửa sổ đi. Em mệt mỏi vì phải nói chuyện với cái ót của anh rồi.” Tôi khẽ nói, mặc dù rất muốn bóp cổ anh ấy. “Cha Hubbard là ai?”

“Andrew Hubbard là một ma cà rồng. Hắn thống trị London.”

“Ý anh là gì khi nói hắn thống trị London? Có phải tất cả ma cà rồng ở thành phố này đều vâng lệnh hắn không?” Trong thế kỷ hai mươi mốt, ma cà rồng ở London nổi tiếng bởi sự tuân thủ bốn phận mạnh mẽ với bày đàn, những thói quen về đêm của họ, và lòng trung thành – hoặc đó là điều tôi được nghe từ các phù thủy khác. Không khoa trương, cường điệu như ma cà rồng ở Paris, Venice, hay Istanbul, hay khát máu như những kẻ ở Moscow, New York, và Bắc Kinh, ma cà rồng London là một nhóm được tổ chức tốt.

“Không chỉ ma cà rồng thôi đâu. Phù thủy và yêu tinh nữa.” Matthew quay sang tôi, ánh mắt lạnh giá. “Andrew Hubbard vốn là mục sư, một kẻ có ít giáo dục nhưng lại có đủ một đám lý thuyết để gây rắc rối. Hắn trở thành ma cà rồng khi dịch bệnh đầu tiên đến London. Nó đã giết chết gần nửa thành phố này vào năm 1349. Hubbard sống sót trong làn sóng bệnh dịch đầu tiên, chăm sóc cho người bệnh và chôn cất người chết, nhưng cùng lúc đó hắn cũng quy ngã.”

“Và ai đó đã cứu ông ta bằng cách biến ông ta thành ma cà rồng?”

“Đúng thế, mặc dù anh chưa bao giờ tìm ra được đó là ai. Có rất nhiều giai thoại, nhưng hầu hết đều về sự hồi sinh thần thánh của hắn ta. Khi hắn chắc chắn mình sẽ chết, người ta nói hắn đã đào một mộ huyết cho chính mình trong sân nhà thờ và leo vào đó đợi Chúa. Nhiều giờ sau Hubbard đi lên và bước ra giữa những người đang sống.” Matthew ngừng lại. “Anh không tin hắn hoàn toàn có đầu óc lạnh mạnh từ khi đó.”

“Hubbard tập hợp lại những linh hồn lạc lối,” Matthew tiếp. “Ngày đó có nhiều không đếm xuể. Hắn đón nhận họ – trẻ mồ côi, góa phụ, những người đàn ông mất toàn bộ gia đình chỉ trong vòng một tuần lễ. Những ai bị ốm hắn biến họ thành ma cà rồng, đặt tên lại và đảm bảo bọn họ có nhà, thức ăn và công việc. Hubbard coi họ như con của hắn.”

“Thậm chí cả phù thủy và yêu tinh ư?”

“Phải,” Matthew đáp cộc lốc. “Hắn đưa họ qua một nghi thức nhận nuôi, nhưng không có gì giống với Philippe đã trình diễn cả. Hubbard nếm máu của bọn họ. Hắn tuyên bố nó tiết lộ nội hàm linh hồn bọn họ và cung cấp bằng chứng rằng Chúa Trời phó thác họ cho hắn chăm lo.”

“Nó cũng tiết lộ những bí mật của họ cho hắn,” tôi chậm rãi nói.

Matthew gật đầu. Chẳng trách anh muốn tôi tránh xa Cha Hubbard này. Nếu một ma cà rồng nếm máu của tôi, hắn sẽ biết về đứa bé – và ai là cha của nó.

“Philippe và Hubbard đã đạt được một thỏa thuận rằng người nhà de Clermont được miễn khỏi nghi thức và bốn phận gia đình của hắn. Anh có lẽ nên nói cho hắn biết em là vợ anh trước khi chúng ta bước vào thành phố.”

“Nhưng anh đã lựa chọn không nói,” tôi cẩn thận nói, hai tay siết chặt. Giờ tôi đã biết tại sao Gallowglass yêu cầu chúng tôi cập bến ở đâu đó chứ không phải dưới chân Hẻm Water. Philippe đã đúng. Có nhiều khi Matthew cư xử như một tên ngốc – hoặc như một gã đàn ông ngạo mạn còn sống.

“Hubbard tránh xa khỏi đường của anh, và anh cũng không cản đường hắn. Ngay khi hắn biết em là một người nhà de Clermont, hắn cũng sẽ để em yên.” Matthew phát hiện thấy gì đó ở dưới đường. “Tạ ơn Chúa.” Những bước chân nặng nề vang lên trên cầu thang, và một phút sau Gallowglass cùng Hancock đã đứng trong phòng khách của chúng tôi. “Hai người cũng mất thời gian quá đấy.”

“Xin chào chú, Matthew,” Gallowglass nói. “Vây cuối cùng Hubbard cũng đã yêu cầu một cuộc hội kiến. Và trước khi chú đưa ra đề xuất, đừng có nghĩ đến việc dắt mũi hắn bằng cách để cô ở

lại đây. Cho dù kế hoạch là gì, cô ấy cũng sẽ đi.”

Không giống tính cách vốn có, Matthew cào bàn tay vào mái tóc ngược từ sau đầu ra phía trước.

“Chết tiệt,” Hancock buột miệng, quan sát cả quá trình của những ngón tay Matthew. Làm cho tóc anh dựng ngược hết lên như mào gà là một dấu hiệu nhận biết rõ ràng khác của Matthew – nó có nghĩa là sự lảng tránh đầy sáng tạo và một nửa sự thật đã chấp nhận. “Kế sách duy nhất của anh là lảng tránh Hubbard. Anh không có kế hoạch nào khác. Chúng tôi không bao giờ biết chắc liệu anh là một gã dửng dảm hay là một thằng ngốc nữa, de Clermont, nhưng tôi nghĩ chuyện lần này có thể quyết định cho câu hỏi đó rồi – và không phải nhờ phước của anh đâu.”

“Tôi định đưa Diana đến chỗ Hubbard vào thứ Hai.”

“Sau khi cô ấy đã ở trong thành phố này mười ngày,” Gallowglass nhận xét.

“Không cần phải vội. Diana là người nhà de Clermont. Hơn nữa, chúng ta không ở trong thành phố,” Matthew nói nhanh. Trước ánh mắt bối rối của tôi, anh nói tiếp. “Blackfriars thật sự không phải là một phần của London.”

“Cháu sẽ không đi vào hang ổ của Hubbard mà tranh cãi về địa lý của thành phố này với hấn lần nữa đâu,” Gallowglass nói, quật đôi găng tay của anh ta vào bắp đùi. “Hấn đã không đồng ý khi chú đưa chuyện này ra tranh cãi để có thể đóng quân của dòng tu trong Tháp sau khi chúng ta đến giúp đỡ người Lancastrian vào năm 1485, và hấn cũng sẽ không chấp nhận nó vào thời điểm này đâu.”

“Chúng ta không thể để hấn chờ đợi được,” Hancock nói.

“Chúng ta còn rất nhiều thời gian.” Giọng điệu Matthew tùy tiện.

“Chú chẳng bao giờ hiểu các dòng thủy triều cả, Matthew. Cháu cam đoan chúng ta sẽ đi bằng đường sông, vì chú cũng nghĩ sông Thames không thật sự là một phần của thành phố này. Nếu vậy thì, chúng ta có lẽ đã quá muộn rồi. Chúng ta di chuyển đi.” Gallowglass dứ dứ chỉ ngón tay cái về phía cửa trước.

Pierre đang đợi chúng tôi ở đó, kéo mạnh tấm da màu đen trên hai tay. Anh ta đã đổi chiếc áo khoác ngắn tay màu nâu bình thường bằng một chiếc màu đen đã quá lỗi thời. Một hình bằng bạc phủ trên cánh tay phải: một con rắn cuộn tròn quanh một cây thánh giá với hình trăng lưỡi liềm nằm ở góc phần tư phía trên. Đây là dấu hiệu riêng của Philippe, điểm khác duy nhất với cái của Matthew là không có ngôi sao và hoa bách hợp.

Khi Gallowglass và Pierre cũng đã phục trang tương tự, Françoise choàng lên vai Matthew một chiếc áo khoác đồng bộ. Những nếp gấp nặng nề của nó quét trên sàn nhà, làm cho anh trông cao lớn hơn, thậm chí càng nổi bật sắc nét hơn. Khi cả bốn người bọn họ đứng cùng nhau, đó thật là một cảnh tượng dọa người, nguồn cảm hứng vô tận cho loài người khi mô tả về ma cà rồng khoác áo choàng đen sẫm.

Dưới đáy cùng của Hẻm Water, Gallowglass bao quát những con thuyền đậu sẵn. “Thuyền đó có thể chở tất cả chúng ta,” anh chàng nói, chỉ về phía một chiếc thuyền chèo dài và hút một tiếng sáo chói tai. Khi người đàn ông đứng cạnh con thuyền đó hỏi chúng tôi định đi đâu, anh chàng ma cà rồng đưa ra một bản chỉ dẫn phức tạp về lộ trình của chúng tôi, bến thuyền nào chúng tôi sẽ lên và ai sẽ là người chèo thuyền. Sau khi Gallowglass rống lên với ông ta, người đàn ông đáng thương co cụm lại gần cây đèn ở mái chèo và thỉnh thoảng lại lo lắng nhìn qua vai.

“Việc dọa mỗi người chèo thuyền chúng ta gặp sợ chết khiếp sẽ không cải thiện được quan hệ

với những người hàng xóm của chúng ta đâu,” tôi bình phẩm khi Matthew lên thuyền, nhìn về phía xưởng ủ bia bên cạnh. Hancock nhắc tôi lên mà chẳng cần lễ nghi gì rồi giao tôi vào tay chồng. Cánh tay Matthew siết chặt quanh người tôi khi con thuyền lao vút vào dòng sông. Thậm chí người lái thuyền cũng phải thở hắt ra trước tốc độ này.

“Không cần phải kéo sự chú ý về chúng ta đâu, Gallowglass,” Matthew lạnh lùng nói.

“Chú có muốn chèo thuyền trong khi cháu sẽ giữ ấm cho vợ chú không?” Khi Matthew không trả lời, Gallowglass lắc đầu. “Biết ngay mà.”

Ánh sáng vàng êm ái của những ngọn đèn từ Cầu London xuyên qua bóng đêm âm đạm phía trước chúng tôi, âm thanh va chạm của con nước khi di chuyển nhanh bắt đầu lớn hơn theo mỗi nhịp chèo của Gallowglass. Matthew đưa mắt nhìn ven bờ sông. “Cập vào cầu thang Thiên Nga Giã đi. Ta muốn trở về trên chiếc thuyền này và hướng ngược dòng trước khi thủy triều lên.”

“Khê thôi.” Hancock thì thầm lạnh giọng cắt ngang. “Chúng ta đang định chơi trò ú òa với Hubbard. Nhưng ta có thể sẽ phải đi xuôi Cheapside với trống dong cờ mở vì mấy tiếng ồn ào cậu đang tạo ra đấy.”

Gallowglass quay lại hướng mặt về đuôi thuyền và đẩy mái chèo thật mạnh hai lần bằng tay trái. Thêm vài lần chèo nữa thì chúng tôi cập bờ – không gì hơn ngoài một chỗ đặt chân ọp ẹp, gắn liền với những cây cột xếp thành hàng – nơi vài người đàn ông đã đợi sẵn. Người chèo thuyền vẫy họ xuống với vài lời cụt lủn hy vọng có thể ra khỏi con thuyền càng nhanh càng tốt.

Chúng tôi leo lên đường và đi xuyên qua những con hẻm ngoằn ngoèo trong im lặng, phóng đi giữa những ngôi nhà và băng qua những khu vườn nhỏ. Ma cà rồng di chuyển với dáng vẻ êm như ru của những chú mèo. Tôi di chuyển kém vững vàng hơn, vấp phải đá cuội và giẫm cả vào những vũng nước đọng. Cuối cùng tôi rẽ vào một con đường rộng. Tiếng cười vọng lại từ phía cuối đường, ánh sáng tràn ra con đường từ những ô cửa sổ. Tôi chà xát hai bàn tay vào nhau, cổ nứu kéo sự ấm áp. Có lẽ đó là đích đến của chúng tôi. Có lẽ chuyện này sẽ đơn giản thôi, chúng tôi có thể gặp Andrew Hubbard, cho ông ta thấy nhăn cười của tôi, rồi trở về nhà.

Matthew dẫn chúng tôi băng qua con phố đi vào một sân nhà thờ hoang vắng nơi có những tấm bia mộ nằm nổi nhau như thể người chết tìm kiếm sự thoải mái từ những người đồng cảnh. Pierre lấy ra một cái vòng kim loại cứng đầy chìa khóa, còn Gallowglass tra một chìa vào ổ khóa cánh cửa bên cạnh tháp chuông. Chúng tôi đi bộ xuyên qua gian giáo đường đổ nát và qua một cánh cửa gỗ bên trái bệ thờ. Cầu thang đá hẹp lao thẳng xuống bóng tối bên dưới. Với thị lực giới hạn của sinh vật máu nóng, tôi không có cách nào giữ vững sự chịu đựng của mình khi chúng tôi lượn tròn rẽ qua những lối đi hẹp và đi qua những nơi rộng hơn sực nức mùi rượu, nước nho ép, và mùi người thổi rửa. Trải nghiệm này dẫn thẳng đến những câu chuyện mà loài người kể để làm nhụt chí người ta không dám lấn ná trong những tầng hầm và khu nghĩa địa của nhà thờ.

Chúng tôi di chuyển sâu hơn vào một khu vực chằng chịt đường hầm và những căn phòng ngầm bí mật rồi bước vào một hầm mộ được thắp sáng lờ mờ. Những con mắt sâu hoắm nhìn chăm chăm ra từ những đồng xương sọ trong một cái hang nhỏ dựng hài cốt. Một sự rung động trong sàn đá và những tiếng chuông nghiền nghệt báo hiệu ở nơi nào đó phía trên chúng tôi đồng hồ đang điểm bảy tiếng. Matthew hối thúc chúng tôi đi dọc theo một đường hầm khác và chỉ vào một ánh sáng dịu nhẹ ở phía đằng xa.

Cuối cùng chúng tôi cũng bước vào một căn hầm được dùng để cất trữ rượu dơ xuống từ các con tàu trên sông Thames. Vài thùng dựng ở cạnh tường, mùi mùn cưa tươi hơn át đi mùi rượu cũ. Tôi xem xét kỹ lưỡng nguồn gốc mùi hương trước đó: những chiếc quan tài được xếp chồng gọn ghẽ, sắp đặt theo kích thước từ những cái dài có thể chứa được cả Gallowglass cho tới những chiếc nhỏ xíu dành cho đứa trẻ còn ẵm ngửa. Bóng tối di chuyển và chập chờn trong

những góc sâu, ở chính giữa căn phòng đang diễn ra một nghi thức của đám đông các sinh vật khác người.

“Máu của con thuộc về cha, Cha Hubbard.” Người đàn ông sợ hãi nói. “Con nguyện trao tặng nó, để cha có thể thấy được trái tim con và thu nhận con vào gia đình của cha.” Im lặng, rồi một tiếng kêu đau đớn. Sau đó không khí tràn ngập cảm giác căng thẳng chờ đợi.

“Ta chấp nhận món quà của con, James, và hứa bảo vệ con như con của ta,” một giọng nói thô lỗ đáp lời. “Đổi lại con sẽ tôn trọng ta như cha của con. Hãy chào các anh chị em của con đi.”

Đám đông xôn xao chào đón, da tôi rợn lên cảm giác lạnh lẽo băng giá.

“Các người đến muộn.” Âm thanh lao xao cắt ngang tiếng trò chuyện và làm tôi dựng tóc gáy. “Và đi với đầy đủ đoàn tùy tùng, ta thấy rồi.”

“Điều đó là không thể, vì chúng tôi không có hẹn trước.” Matthew nắm chặt khuỷu tay tôi trong khi hàng tá ánh nhìn thúc tới, râm ran nhói đau, và làm lạnh buốt da tôi.

Những bước chân nhẹ nhàng đến gần, một vòng tròn quay quanh. Một người đàn ông gầy gò, cao lớn trực diện xuất hiện trước mặt tôi. Tôi đón lấy cái nhìn chăm chăm của hắn mà không nao núng, biết rõ tốt hơn nên lộ ra vẻ sợ hãi đối với một ma cà rồng. Đôi mắt Hubbard sâu hoắm bên dưới xương lông mày nặng nề cùng với vân máu xanh lam, xanh lục, và nâu tỏa ra từ hai tròng mắt đen như đá phiến.

Đôi mắt ma cà rồng này là thứ duy nhất có màu sắc trên người hắn. Nếu không thì hắn thật nhợt nhạt quá mức phi tự nhiên, với mái tóc bạch kim cắt ngắn sát vào xương sọ, gần như không nhìn thấy lông mày và lông mi, một đường rạch rộng nằm ngang của đôi môi đặt trên một khuôn mặt nhẵn nhụi. Chiếc áo choàng dài màu đen của hắn trông giống như pha trộn giữa một chiếc áo chùng dài của học giả và một chiếc áo thầy tu của mục sư, càng làm nổi thân hình tái nhợt như xác chết của hắn. Không thể nhầm lẫn sức mạnh ẩn trong hai bờ vai rộng, hơi không của hắn, nhưng phần còn lại thì thực là một bộ xương.

Một chuyển động lơ mơ, những ngón tay mạnh mẽ cầm lấy cầm tôi và nghiêng mặt tôi về một bên. Cùng lúc đó, bàn tay Matthew bao lấy cổ tay ma cà rồng này.

Cái nhìn lạnh băng của Hubbard chạm vào cổ tôi, thu vào tầm mắt vết sẹo ở đó. Lần này tôi ước gì Françoise đã trang bị cho tôi bằng chiếc cổ áo xếp nếp lớn nhất mà cô ấy có thể tìm được. Hắn phả ra một hơi thở giận dữ lạnh lẽo mùi thần sa và gỗ thông trước khi cái miệng rộng ngoác sít chặt lại, viền môi chuyển từ màu đào nhợt nhạt sang thành trắng bệch.

“Chúng ta có rắc rối rồi, ông Roydon,” Hubbard nói.

“Chúng ta có vài rắc rối đấy, Cha Hubbard. Đầu tiên là cha đang đặt tay lên thứ thuộc về ta. Điều xảy ra tiếp sau đây sẽ khiến mọi sinh vật trong thành phố – yêu tinh, loài người, wearth và phù thủy – nghĩ đến ngày tàn là tùy thuộc vào chúng ta đấy.” Giọng nói của Matthew rung lên phẫn nộ.

Các sinh vật khác người hiện ra từ bóng tối xung quanh. Tôi trông thấy John Chandler, nhà bào chế dược ở Cripplegate, người đã đón ánh mắt tôi... Kit cũng ở đó, đang đứng cạnh một yêu tinh khác. Khi cánh tay bạn anh ta vòng qua khuỷu tay, Kit khẽ duỗi tránh đi.

“Xin chào, Kit,” Matthew nói, giọng anh đầy chết chóc. “Tôi đã nghĩ lúc này anh đã chạy biến và trốn tiệt đi rồi chứ.”

Hubbard giữ lấy cầm tôi thêm một lát nữa, kéo đầu tôi quay lại cho tới khi mặt tôi đối diện với hắn lần nữa. Con giận của tôi hướng vào Kit và phù thủy đã phản bội chúng tôi chắc hẳn đã bộc

lộ rõ, hẩn bèn lắc đầu cảnh cáo.

“Người sẽ không căm ghét người anh này tận tâm can,” hẩn lẩm bẩm rồi thả tôi ra. Ánh mắt Hubbard quét khắp phòng. “Hãy để mặc chúng ta.”

Hai bàn tay Matthew ôm lấy khuôn mặt tôi, những ngón tay anh mơn man vuốt ve làn da dưới cằm tôi để tẩy đi mùi của Hubbard. “Đi với Gallowglass đi. Anh sẽ gặp em nhanh thôi.”

“Cô ta ở lại đây,” Hubbard nói.

Các cơ bắp của Matthew gồng lên. Anh không quen với việc bị ra lệnh. Sau một hồi ngưng khá lâu, anh yêu cầu bạn bè và gia đình đợi bên ngoài. Hancock là người duy nhất không tuân theo ngay lập tức.

“Cha cậu nói một người đàn ông khôn ngoan từ dưới đáy giếng cũng có thể thấy được nhiều hơn một thằng ngốc đứng trên đỉnh núi. Chúng ta hãy hy vọng rằng ông đúng,” Hancock khẽ nói, “bởi vì đây là địa ngục trong cái hố mà cậu đã đặt chúng ta vào đêm nay.” Đưa mắt nhìn lần cuối, anh chàng theo Gallowglass và Pierre xuyên qua một lỗ hổng trên bức tường phía xa. Cánh cửa nặng nề đóng lại, và im lặng.

Ba chúng tôi đứng gần đến nỗi tôi có thể nghe thấy lần tổng xuất không khí khẽ khàng tiếp theo từ buồng phổi của Matthew. Còn về Hubbard, tôi tự hỏi liệu bệnh dịch kia có khiến hẩn phát điên rồi không. Làn da hẩn giống sáp hơn là màu men sứ như thể hẩn vẫn còn phải chịu đựng hậu quả của cơn bệnh rơi rớt lại.

“Ta có thể nhắc ông nhớ, ông de Clermont, ông có mặt ở đây là sự cho phép bất đắc dĩ của ta.” Hubbard ngồi vào cái ghế uy nghi cao quý duy nhất trong căn phòng. “Mặc dù ông đại diện cho Đại Hội Đồng, nhưng ta chấp nhận sự hiện diện của ông ở London bởi vì cha ông yêu cầu điều đó. Nhưng ông đã lăng nhục khách của chúng ta và cho phép vợ ông vào thành phố mà không giới thiệu cô ấy cho ta và con chiên của ta. Rồi còn vấn đề với những hiệp sĩ của ông nữa chứ.”

“Hầu hết các hiệp sĩ đồng hành cùng ta đã sống trong thành phố này còn lâu hơn cả ông, Andrew ạ. Khi ông khẳng khẳng bắt họ gia nhập vào đám ‘con chiên’ của ông hoặc phải rời khỏi địa phận thành phố, bọn họ đã rút ra bên ngoài những bức tường bao. Ông và cha ta đã thống nhất rằng người nhà de Clermonts sẽ không mang thêm các hiệp sĩ đến thành phố này. Ta đã làm như thế.”

“Và ông nghĩ rằng các con ta quan tâm đến những chi tiết đó sao? Ta đã trông thấy những chiếc nhẫn họ đeo và các biểu tượng trên áo khoác của họ.” Hubbard nhào người tới trước, ánh mắt hăm dọa. “Ta đã bị dắt mũi tin rằng ông đang trên đường tới Scotland. Tại sao ông vẫn còn ở đây?”

“Có lẽ ông không trả đủ cho việc lấy tin tức rồi,” Matthew gợi ý. “Dạo này Kit viêm màng túi nặng đấy.”

“Ta không mua tình yêu và lòng trung thành, cũng không phải dùng đến trò hăm dọa và tra tấn để có được thứ mình muốn. Christopher tự nguyện làm những gì ta yêu cầu, giống như tất cả những đứa con ngoan đạo yêu quý cha mình.”

“Kit có quá nhiều ông chủ để có thể chung thủy với bất cứ ai trong số đó.”

“Không phải cũng có thể nói điều đó với ông ư?” Sau khi thách thức Matthew, Hubbard quay sang tôi và tinh tế uống vào mùi hương của tôi. Hẩn khẽ thốt ra một âm thanh buồn rầu. “Nhưng chúng ta hãy nói về cuộc hôn nhân của ông. Vài đứa con ta tin rằng mối quan hệ giữa phù thủy và wearth là đáng ghê tởm. Nhưng Đại Hội Đồng và cái hiệp ước của nó không được chào đón trong thành phố của ta, cũng không hơn gì những hiệp sĩ đầy lòng căm thù của cha

ông. Cả hai đều cản trở ý nguyện của Chúa mong ước chúng ta sống như một gia đình. Vợ của ông cũng là một người xe sợi thời gian,” Hubbard nói. “Ta không chấp nhận những người xe sợi thời gian, vì họ xúi giục đàn ông và đàn bà bằng những ý tưởng không thuộc về nơi này.”

“Những ý tưởng như lựa chọn và tự do trong suy nghĩ ư?” Tôi chen ngang. “Điều ông lo sợ...”

“Kể tiếp,” Hubbard ngắt lời, vẫn tập trung vào Matthew như thể tôi hoàn toàn vô hình, “là vấn đề ông uống máu cô ta.” Ánh mắt hắn chuyển đến vết sẹo Matthew để lại trên cổ tôi. “Khi các phù thủy phát hiện ra chuyện này, họ sẽ yêu cầu giải thích. Nếu vợ ông bị phát hiện và kết tội là tình nguyện dâng hiến máu cho ma cà rồng, thì cô ta sẽ bị xa lánh và ném ra khỏi London. Nếu ông bị kết tội là uống máu mà không có sự ưng thuận của cô ta, thì ông sẽ bị đẩy vào chỗ chết.”

“Thật quá mức cho sự đa cảm gia đình,” tôi lẩm bẩm.

“Diana,” Matthew cảnh cáo.

Hubbard chống mấy ngón tay quan sát Matthew lần nữa. “Và cuối cùng, cô ta đang mang thai. Cha đứa trẻ sẽ đến tìm cô ta chứ?”

Câu nói đó khiến cho những lời đáp trả của tôi không thốt ra lời. Hubbard chưa khám phá ra bí mật lớn nhất của chúng tôi: rằng Matthew là cha của con tôi. Tôi đấu tranh đè nén cơn hoảng loạn. Suy nghĩ – và sống sót. Có lẽ lời khuyên của Philippe sẽ đưa chúng tôi thoát khỏi tình thế khó khăn này.

“Không,” Matthew đáp cụt lủn.

“Vây người cha đã chết – do những nguyên nhân tự nhiên hay do bàn tay của ông,” Hubbard nói, ném cho Matthew một cái nhìn dài dò xét. “Trong trường hợp đó đứa con của phù thủy này sẽ được mang tới cho các con chiên của ta khi nó được sinh ra. Mẹ của nó cũng sẽ trở thành một trong những đứa con của ta ngay bây giờ.”

“Không,” Matthew lặp lại, “cô ấy sẽ không như vậy.”

“Ông hình dung hai người sẽ sống sót bên ngoài London trong bao lâu khi những thành viên còn lại của Đại Hội Đồng nghe nói đến những hành vi chướng tai gai mắt này?” Hubbard lắc đầu. “Vợ của ông sẽ an toàn khi ở đây miễn cô ta là một thành viên trong gia đình ta và không còn chia sẻ máu với ông nữa.”

“Ông sẽ không để Diana trải qua nghi thức truy lạc đó. Hãy nói với ‘các con’ ông rằng cô ấy thuộc về ông nếu cần phải thế, nhưng ông sẽ không được ném máu của cô ấy hay của con cô ấy đâu.”

“Ta sẽ nói nói dối những linh hồn nằm trong sự chăm sóc của ta. Tại sao thế, con trai ta, những bí mật và chiến tranh là lời đáp trả duy nhất còn có khi Chúa đặt một thử thách trước mắt con ư? Chúng chỉ dẫn đến sự hủy diệt mà thôi.” Hubbard thốt ra đầy cảm xúc. “Chúa cứu rỗi linh hồn những ai tin vào điều gì đó lớn lao vĩ đại hơn bản thân họ.”

Trước khi Matthew kịp đáp trả, tôi đặt tay lên cánh tay anh giữ anh im lặng.

“Xin thứ lỗi, Cha Hubbard,” tôi nói. “Nếu tôi hiểu đúng, thì những người nhà de Clermont được miễn trừ khỏi sự cai quản của ông?”

“Đúng thế, bà Roydon. Nhưng bà không phải là một người nhà de Clermont. Bà chỉ cưới một người nhà họ thôi.”

“Sai rồi,” tôi vắn lại, vẫn giữ lấy tay áo chồng mình siết thật chặt. “Tôi là con gái được nhận bằng lời thề máu của Philippe de Clermont, đồng thời là vợ của Matthew. Tôi hai lần là người

de Clermont, và không chỉ tôi mà cả con của tôi sẽ không bao giờ gọi ông là cha.”

Andrew Hubbard trông thật sững sờ. Trong khi tôi thăm lặng cầu nguyện phước lành cho Philippe vì ông luôn đi trước chúng tôi ba bước mà sắp đặt, thì hai vai Matthew cuối cùng cũng thả lỏng. Dù ở xa tận nước Pháp, nhưng cha anh một lần nữa đã đảm bảo cho sự an toàn của họ.

“Hãy kiểm tra nếu ông muốn. Philippe đã đánh dấu lên trán tôi đây này,” tôi nói, chạm tay vào ấn đường giữa hai lông mày nơi con mắt thứ ba của phù thủy. Lúc này đây nó vẫn đang ngủ ngon lành, không lo phiền gì đến những ma cà rồng.

“Ta tin cô, bà Roydon,” cuối cùng Hubbard nói. “Sẽ không ai cả gan nói dối một điều như thế trong ngôi nhà của Chúa.”

“Vậy thì có lẽ ông có thể giúp tôi. Tôi ở London để tìm kiếm sự giúp đỡ với người nào đó giỏi về phép thuật và thuật phù thủy. Ông sẽ giới thiệu ai trong số các con của ông cho nhiệm vụ này?” Lời yêu cầu của tôi xóa sạch nụ cười tươi tắn của Matthew.

“Diana,” anh gầm lên.

“Cha tôi sẽ rất vui mừng nếu ông có thể hỗ trợ tôi,” tôi nói, điềm nhiên phớt lờ anh.

“Và sự vui mừng ấy sẽ đến dưới dạng nào?” Andrew Hubbard cũng là một ông hoàng thời kỳ Phục Hưng, và rất quan tâm đến việc kiếm về bất cứ thứ gì có thể từ lợi thế chiến lược của mình.

“Đầu tiên, cha tôi sẽ lấy làm vui mừng được nghe về những giờ yên tĩnh của chúng tôi tại nhà mình trong đêm giao thừa,” tôi nói, đón lấy ánh mắt hắn. “Mọi chuyện khác tôi kể với ông trong bức thư tiếp theo đây sẽ tùy thuộc vào vị phù thủy mà ông cử đến Hươu Đực và Vương Miện.”

Hubbard cân nhắc yêu cầu của tôi. “Tôi sẽ bàn bạc về nhu cầu của cô với các con tôi và quyết định ai có thể phục vụ cô tốt nhất.”

“Bất cứ người nào ông ta gửi đến đều là gián điệp cả,” Matthew cảnh cáo.

“Anh cũng là gián điệp mà,” tôi lưu ý. “Em mệt rồi. Em muốn về nhà.”

“Vụ việc của chúng ta đến đây là xong, Hubbard. Ta tin rằng Diana, cũng như tất cả người nhà de Clermont, ở London là với sự chấp thuận của ông.” Matthew xoay người để rời đi mà không đợi câu trả lời.

“Ngay cả người nhà de Clermont cũng phải cẩn thận trong thành phố này,” Hubbard nói với theo sau chúng tôi. “Hãy xem và nhớ lấy điều đó, bà Roydon.”

Matthew và Gallowglass thì thăm suốt quãng đường về nhà, nhưng tôi chỉ im lặng. Tôi từ chối sự giúp đỡ khi ra khỏi thuyền và bắt đầu leo lên Hẻm Water mà không đợi bọn họ. Dù vậy, Pierre vẫn đi trước tôi khi đến con đường đi vào Hươu Đực và Vương Miện, còn Matthew thì đã ở sát bên cạnh tôi. Vào nhà, Walter và Henry đang đợi. Họ đứng bật dậy.

“Tạ ơn Chúa,” Walter nói.

“Chúng tôi đến ngay khi nghe nói các vị cần. George ốm bệt trên giường, và cả Kit lẫn Tom đều không tìm thấy đâu,” Henry giải thích, ánh mắt nhìn phóng qua phóng lại giữa tôi và Matthew một cách lo lắng.

“Tôi xin lỗi đã gọi hai người. Báo động của tôi vội vàng quá,” Matthew nói, chiếc áo choàng quần quanh chân khi anh cởi nó ra khỏi vai.

“Nếu nó liên quan đến dòng tu...” Walter bắt đầu, mắt nhìn chiếc áo choàng.

“Không đâu,” Matthew đảm bảo với anh ta.

“Nó liên quan đến tôi,” tôi nói. “Và trước khi các anh sáng tạo ra một kế hoạch bất hạnh nào khác, hãy hiểu điều này: Các phù thủy là chuyện của tôi. Matthew đang bị theo dõi, và không chỉ bởi Andrew Hubbard thôi đâu.”

“Chú đã quen với chuyện đó rồi,” Gallowglass cộc cằn nói. “Chả để tâm đến những kẻ trở mắt nhìn ấy đâu, cô ạ.”

“Em cần tìm một thầy giáo của mình, Matthew,” tôi nói. Bàn tay tôi run run trượt xuống bụng mình. “Sẽ không có phù thủy nào chia sẻ những bí mật của cô ta chừng nào bất cứ ai trong các anh còn dính líu vào. Mọi người bước vào ngôi nhà này không là weath, triết gia, thì cũng là gián điệp. Điều này có nghĩa, trong mắt người của tôi, không có bất cứ ai trong các anh có thể gò ép chúng tôi vào dưới quyền uy cả. Berwick có vẻ xa xôi, nhưng cơn hoang mang lo lắng đang lan rộng.”

Ánh nhìn chăm chú của Matthew buốt giá, nhưng ít nhất anh đang lắng nghe.

“Nếu anh ra lệnh cho một phù thủy đến đây, sẽ có người đến. Matthew Roydon luôn có được theo cách riêng của mình. Nhưng thay vì giúp đỡ, em sẽ có được một màn trình diễn khác giống của bà góa Beaton. Đó không phải điều em muốn.”

“Cô cần sự giúp đỡ của Hubbard thì ít hơn chắc,” Hancock chua chát nói.

“Chúng ta không có nhiều thời gian,” tôi nhắc Matthew nhớ. Hubbard không biết rằng đứa bé là con của Matthew, Hancock và Gallowglass không nhận thấy những thay đổi trong mùi của tôi – ít nhất là vẫn chưa. Nhưng những việc xảy ra tối này đã cho thấy tình trạng bấp bênh của chúng tôi.

“Được rồi, Diana. Chúng ta sẽ để các phù thủy cho em. Nhưng không nói dối nhé,” Matthew nói, “và cũng không có bí mật gì cả. Một người có mặt trong căn phòng này lúc nào cũng phải biết được em đang ở đâu.”

“Matthew, cậu không thể...” Walter phản đối.

“Tôi tin tưởng phán quyết của vợ mình,” Matthew nói chắc nịch.

“Đó cũng là điều Philippe nói với bà nội”, Gallowglass lầu bầu trong miệng. “Ngay trước khi địa ngục vỡ òa.”

19.

“Nếu địa ngục trông giống thế này,” Matthew lầm bầm, nói một tuần sau cuộc đối đầu với Hubbard, “thì Gallowglass sẽ thất vọng lắm đấy.”

Sự thật thì chỉ có ít lửa và lưu huỳnh cùng cô phù thủy mười bốn tuổi đang đứng trước mặt chúng tôi thôi.

“Suyt,” tôi nói, một đứa trẻ nhạy cảm ở tuổi đó có thể rất tò mò. “Cha Hubbard có giải thích cho cháu tại sao cháu ở đây không, Annie?”

“Có thưa bà,” Annie khổ sở đáp. Thật khó mà nói được là phòng khách của cô gái này là kết quả từ những sắc màu tự nhiên của cô ấy hay đó là sự kết hợp giữa nỗi sợ hãi và sự thiếu dinh dưỡng. “Cháu sẽ phục vụ và tháp tùng bà đi trong thành phố khi bà có việc.”

“Không, đó không phải thỏa thuận của chúng tôi,” Matthew mất kiên nhẫn nói, đôi ủng của anh nặng nề giậm xuống sàn gỗ. Annie ngần ngại. “Cô có sức mạnh hay kiến thức nào để lý giải không, hay Hubbard đang đùa giỡn hả?”

“Cháu có rất ít kỹ năng,” Annie lắp bắp, đôi mắt xanh nhạt của cô bé tương phản với làn da trắng bệch. “Nhưng cháu cần một chỗ, và Cha Hubbard nói...”

“Ồ, ta có thể tưởng tượng được Cha Hubbard đã nói gì,” Matthew khịt mũi khinh khỉnh. Ánh nhìn tôi tặng cho anh chứa đủ ý cảnh cáo khiến anh chớp mắt rồi im lặng.

“Hãy cho cô bé một cơ hội giải thích,” tôi lạnh lùng bảo anh trước khi tặng cho cô gái một nụ cười khích lệ. “Tiếp đi, Annie.”

“Để phục vụ bà, Cha Hubbard bảo cháu sẽ đưa bà đến chỗ dì cháu khi dì ấy trở về London. Dì ấy hiện đang bên một người ở cũ và từ chối rời khỏi trong khi người phụ nữ đó vẫn cần dì.”

“Dì của cháu là một bà đỡ đồng thời là phù thủy à?” Tôi nhẹ nhàng hỏi.

“Vâng, thưa bà. Một bà đỡ tốt và một phù thủy quyền năng,” Annie nói một cách đầy tự hào, vươn thẳng sống lưng. Khi cô bé làm thế, chiếc váy quá ngắn để lộ mắt cá chân trần của cô bé trong thời tiết lạnh giá. Andrew Hubbard cho các con trai ông ta mặc diện và ấm áp, nhưng các con gái thì chẳng nhận được sự quan tâm như thế. Tôi làm dịu sự khó chịu của mình. Françoise sẽ phải tạm gác việc khâu vá của cô ấy lại rồi.

“Và làm sao cháu lại gia nhập vào gia đình của Cha Hubbard thế?”

“Me cháu không phải là một phụ nữ đức hạnh,” Annie lí nhí nói, vắn vẹo hai bàn tay trong chiếc áo khoác mỏng dính. “Cha Hubbard tìm thấy cháu trong hầm mộ của nhà thờ Thánh Anne gần Aldersgate, mẹ cháu chết bên cạnh cháu. Dì cháu lúc đó vừa mới kết hôn và đã nhanh chóng có những đứa con của dì. Cháu đã sáu tuổi. Chồng của dì không muốn cháu được nuôi dưỡng cùng các con trai của ông ấy vì sợ cháu sẽ làm họ hư hỏng bằng sự độc ác của cháu.”

Vậy Annie, giờ là một thiếu nữ, đã ở cùng Hubbard hơn một nửa cuộc đời rồi. Ý nghĩ ấy thật ớn lạnh, và cái ý tưởng một đứa trẻ sáu tuổi có thể làm hư hỏng một người nào đấy lại càng không hiểu nổi, nhưng câu chuyện này lý giải cả vẻ khốn khổ của cô bé lẫn cái tên kỳ dị của cô gái: Annie Hầm Mộ.

“Trong khi Françoise lấy cho cháu thứ gì đó để ăn, cô có thể chỉ cho cháu chỗ ngủ nhé.” Tôi đã lên tầng ba sáng hôm đó để kiểm tra chiếc giường nhỏ, chiếc ghế đầu ba chân, và cái tủ búp bê đã cũ mòn được đặt một bên để chứa đồ tùy thân cho cô phù thủy này. “Cô sẽ giúp cháu

mang đồ đạc.”

“Thưa bà?” Annie bối rối thốt lên.

“Cô bé không mang gì cả,” Françoise nói, ném một ánh mắt không đồng tình về phía thành viên mới nhất trong nhà.

“Không sao. Cô bé sẽ có đủ đồ dùng sớm thôi.” Tôi mỉm cười với Annie, cô bé trông có vẻ bất an.

Françoise và tôi dành mấy ngày cuối tuần để đảm bảo Annie sạch sẽ như một cây sáo, được ăn mặc và đi giày đàn hoàng, và để cô bé có đủ kiến thức toán học cơ bản nhằm thực hiện vài việc mua bán nho nhỏ cho tôi. Để kiểm tra, tôi cử cô bé tới hiệu pha chế được gần nhà để mua vài cây bút lông giá khoảng một xu và nửa bảng mua xi găng thư (Philippe đã đúng: Matthew dùng vật phẩm văn phòng với tốc độ kinh hoàng), và cô bé trở lại ngay lập tức với tiền thừa trả lại.

“Ông ta muốn một si-linh cơ!” Annie phàn nàn. “Cái thứ sáo ấy thậm chí làm nền cũng không tốt, đúng không?”

Pierre đột nhiên thấy thích cô gái này, và nhận lấy nghĩa vụ gọi ra một nụ cười ngọt ngào hiếm hoi từ Annie mỗi khi có thể. Anh ta dạy cô bé cách chơi dây và tình nguyện đi dạo cùng cô bé vào ngày Chủ Nhật khi Matthew ném ra những lời ám chỉ khá lộ liễu rằng anh muốn chúng tôi được ở riêng trong vài giờ.

“Anh ta sẽ không... lợi dụng cô bé chứ?” Tôi hỏi Matthew khi anh cởi khuy những món quần áo yêu thích của tôi: chiếc áo chèn không tay của con trai làm từ len đen loại tốt tôi mặc nó với chân váy và một chiếc áo khoác ngoài khi ở nhà.

“Pierre ư? Chúa nhân từ, không.” Matthew vẽ mặt buồn cười.

“Đó là một câu hỏi bình thường thôi mà.” Mary Sidney cũng chẳng lớn hơn là mấy khi cô ấy kết hôn với người đặt giá cao nhất.

“Và anh đã cho em một câu trả lời thành thật còn gì. Pierre không lên giường với những cô gái trẻ.” Hai tay anh vẫn để yên sau khi giải phóng cái khuy áo cuối cùng. “Đây thật là một sự ngạc nhiên thú vị. Em không mặc coóc-xê.”

“Nó không thoải mái, và em đang mang em bé mà.”

Anh nhắc chiếc áo chèn ra khỏi người tôi với một âm thanh tán thưởng.

“Và anh ta sẽ giữ không cho những gã đàn ông khác quấy rối cô bé chứ?”

“Liệu cuộc trò chuyện này có thể đợi một lát nữa được không?” Matthew nói, cơn bức bối của anh đang thể hiện rõ. “Vì trời lạnh, nên bọn họ sẽ không đi lâu đâu.”

“Anh rất nồn nóng khi ở trong phòng ngủ nhé,” tôi nhận xét, trượt hai bàn tay lùa vào bên trong cổ áo sơ mi của anh.

“Thật à?” Matthew nhướng cong đôi lông mày quý tộc vẻ nhạo báng không tin. “Và ở đây anh nghĩ vấn đề chính là sự kiểm chế đáng ngưỡng mộ của anh đấy chứ.”

Anh dành mấy tiếng đồng hồ sau đó để thể hiện cho tôi thấy sự kiên nhẫn của anh có thể kéo dài bất tận đến thế nào trong một ngôi nhà vắng vẻ vào một ngày Chủ Nhật. Đến khi mọi người trở về, cả hai chúng tôi đã vui sướng mà kiệt sức và trong tâm trạng tốt hơn rất nhiều.

Tuy nhiên, mọi thứ trở lại như bình thường vào ngày thứ Hai. Matthew bị làm phiền và bức dọc ngay khi những lá thư đầu tiên đến lúc bình minh, và anh đã gửi lời cáo lỗi tới nữ bá tước Pembroke khi rõ ràng các bốn phận của rất nhiều công việc không cho phép anh tháp tùng tới bữa trưa.

Mary lắng nghe mà không lấy làm ngạc nhiên khi tôi giải thích lý do sự vắng mặt của Matthew, rồi chớp mắt nhìn Annie giống như một con cú hòa nhã tò mò, sau đó gửi cô bé tới phòng bếp dưới sự chăm sóc của Joan. Chúng tôi chia sẻ một bữa trưa ngon miệng, suốt bữa ăn Mary cung cấp những báo cáo chi tiết về đời sống riêng tư của mọi người sống quanh khu Blackfriars. Tiếp đó, chúng tôi rút lui vào phòng thí nghiệm của cô ấy cùng với Joan và Annie làm phụ tá.

“Chồng của cô thế nào rồi, Diana?” Nữ bá tước hỏi, xắn tay áo lên, hai mắt không rời cuốn sách trước mặt.

“Sức khỏe tốt,” tôi đáp. Đây, tôi đã học được rồi, là cách nói tương đương với từ ‘Tốt’ trong thời đại Elizabeth.

“Đó là một tin tức đáng mừng.” Mary quay lại và khuấy thứ gì đó trông có vẻ độc hại và mùi thật tệ. “Tôi sợ là điều đó phụ thuộc rất nhiều đấy. Nữ hoàng trông cậy vào anh ấy nhiều hơn bất cứ người đàn ông nào trong vương quốc này ngoại trừ Đức ngài Burghley.”

“Tôi ước gì tính hài hước vui vẻ của anh ấy đang tin hơn một chút. Matthew dạo này đồng bóng lắm. Lúc thì chiếm hữu, lúc lại phớt lờ tôi như thể tôi là một thứ đồ đạc nào đó ấy.”

“Đàn ông vẫn đối xử với tài sản của họ theo cách ấy.” Cô ấy cầm lên cái bình nước.

“Tôi không phải tài sản của anh ấy,” tôi đáp thẳng thừng.

“Điều cô và tôi biết, điều luật pháp nói, và cách bản thân Matthew cảm thấy là ba phạm trù hoàn toàn tách biệt.”

“Họ đáng lẽ không nên như thế,” tôi nói nhanh, sẵn sàng tranh luận về quan điểm này. Mary làm tôi nín lặng bằng một nụ cười dịu dàng cam chịu.

“Cô và tôi đã có được một khoảng thời gian dễ dàng cùng với chồng của mình hơn những người phụ nữ khác, Diana ạ. Chúng ta có sách vở và thời gian rảnh rỗi nuông chiều cho những say mê của mình, tạ ơn Chúa. Hầu hết bọn họ không được thế.” Mary cho mọi thứ trong cốc vào lần khuấy cuối cùng và gạt những thứ bên trong vào một chiếc bình thủy tinh khác.

Tôi nghĩ đến Annie: một người mẹ đã chết cô độc trong hầm mộ của nhà thờ, một người di không thể nhận cô bé bởi vì định kiến của chồng bà, một cuộc sống hứa hẹn rất ít thoải mái hay hy vọng. “Cô có dạy cho những người hầu gái biết đọc không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Mary trả lời ngay lập tức. “Họ cũng học viết và cách tính toán nữa. Những kỹ năng như thế sẽ khiến họ có giá trị hơn đối với một người chồng tốt – một người thích kiếm tiền cũng như tiêu tiền.” Nữ bá tước gạt đầu ra hiệu với Joan, người giúp cô ấy di chuyển trái bong bóng thủy tinh mỏng manh chứa đầy các chất hóa học tới chỗ bếp lửa.

“Rồi Annie cũng sẽ học được thôi,” tôi nói, gạt đầu với cô bé. Cô bé ở chỗ khuất bóng, trông như hồn ma với gương mặt nhợt nhạt và mái tóc bạch kim. Sự giáo dục sẽ làm tăng lên tự tin của cô bé. Cô bé có một dáng điệu dịu dàng thấy rõ trong mỗi bước đi ngay cả khi mặc cả với ông de Laune giá của xi gấn thư.

“Tương lai cô bé sẽ có lý do để cảm ơn cô vì điều đó,” Mary nói. Gương mặt nghiêm túc. “Phụ nữ chúng ta tuyệt đối chẳng có được thứ gì, ngoại trừ những lời dối trá trong tai mình. Phẩm hạnh của chúng ta trước tiên phụ thuộc vào cha mình, rồi đến chồng mình. Chúng ta chu toàn

bổn phận với gia đình. Ngay cả khi chúng ta chia sẻ những ý nghĩ với người khác, đặt bút viết hay khâu một mũi kim, tất cả những điều chúng ta làm đều thuộc về một ai đó. Chừng nào cô bé biết ăn nói và suy nghĩ, Annie sẽ luôn sở hữu được điều gì đó là của riêng mình.”

“Giá như cô là đàn ông, Mary,” tôi lắc đầu nói. Nữ Bá tước Pembroke có thể rung lên hồi chuông thức tỉnh với hầu hết các sinh vật, bất kể giới tính của họ.

“Nếu là đàn ông, tôi sẽ như hiện trạng của mình bây giờ, hoặc vào châu Nữ Hoàng Bệ Hạ trong triều như Henry, hay theo dõi các sự vụ như Matthew. Thay vì tôi ở đây trong phòng thí nghiệm của mình với cô. Cân đo đong đếm và cân bằng tất cả, tôi tin cứ như chúng ta là tốt hơn hết thảy – dù đôi khi chúng ta được đặt lên bệ tôn sùng hay sa cơ ngồi trong góc bếp.” Đôi mắt tròn của Mary long lanh tinh quái.

Tôi cười. “Có lẽ cô đúng đấy.”

“Cô đã bao giờ vào triều chưa, cô sẽ không nghi ngờ gì kết quả này. Đến đây nào,” Mary nói, quay trở lại với thí nghiệm của mình. “Giờ chúng ta đợi trong khi *prima material* bị lộ ra dưới sức nóng. Nếu chúng ta làm tốt, đây là thứ sẽ sinh ra đá tạo vàng. Chúng ta có thể tiếp tục hy vọng rằng thí nghiệm sẽ thành công.”

Tôi thường đánh mất khái niệm thời gian khi xung quanh chất mấy cuốn cổ thư về thuật giả kim, nên mỗi khi khi Matthew và Henry đi vào phòng thí nghiệm, tôi mới giật mình. Mary và tôi đã bị cuốn sâu vào cuộc nói chuyện về những hình ảnh trong bộ sưu tập những văn bản giả kim thuật được biết đến với cái tên *the Pretiosa Margarita Novella* – the New Pearl of Great Price. Đã là chiều muộn rồi sao?

“Chưa thể nào đến giờ đi được. Chưa đâu,” tôi phản đối. “Mary có cuốn cổ thư này...”

“Matthew biết cuốn sách này, vì anh trai anh ấy đã tặng nó cho tôi. Giờ Matthew đã có một người vợ thông thái, chắc có lẽ anh ấy thấy tiếc là đã làm thế rồi,” Mary cười nói. “Có đồ ăn uống đợi sẵn trong phòng sưởi nắng đấy. Tôi đã hy vọng được gặp hai người hôm nay.” Đến đây, Henry tặng Mary một cái nháy mắt bí ẩn.

“Thật tử tế, Mary,” Matthew nói, hôn lên má tôi thay cho lời chào. “Thực ra hai người vẫn chưa đạt tới được giai đoạn lên men. Các vị vẫn có mùi axit sunfat và magie cacbonat.”

Tôi miễn cưỡng đặt quyển sách xuống và rửa tay trong khi Mary hoàn thành nốt những ghi chép cho ngày làm việc hôm nay. Khi chúng tôi đã an vị trong phòng sưởi nắng, Henry đã không thể kiềm chế sự phấn khích của mình.

“Giờ đến lúc rồi nhỉ, Mary?” Anh chàng hỏi nữ bá tước, nhấp nhồm không yên trên chiếc ghế của mình.

“Nhóc William cũng hào hứng với các món quà y như anh bây giờ đấy,” Mary cười đáp. “Henry và tôi có một món quà nhân dịp năm mới và mừng cuộc hôn nhân của các bạn.”

Nhưng chúng tôi chẳng có gì để đáp lễ cả. Tôi nhìn sang Matthew, không thoải mái với sự trao đổi một chiều thế này.

“Anh cầu cho em gặp may mắn, Diana, nếu em hy vọng dẫn trước Mary và Henry khi liên quan đến vấn đề quà cáp,” anh ảo não nói.

“Vớ vẩn,” Mary đáp. “Matthew đã cứu sống anh trai Philip của tôi và điền sản của Henry. Không có món quà nào có thể đền đáp được những món nợ như thế. Đừng có phá hủy niềm vui của chúng tôi bằng cái kiểu nói chuyện ấy. Tặng quà cho những cặp vợ chồng mới cưới là một truyền thống, và đây lại là năm mới nữa chứ. Anh đã tặng cho nữ hoàng cái gì, hả Matthew?”

“Sau khi người gửi cho Đức Vua James tội nghiệp một cái đồng hồ khác để nhắc nhở ông ta lắng lẽ chờ đợi một cơ hội tốt, tôi đã cân nhắc đến việc tặng nữ hoàng một chiếc đồng hồ pha lê. Tôi nghĩ nó có thể là thứ nhắc nhở hữu ích về sự sinh tử của người,” anh lạnh nhạt nói.

Henry nhìn anh kinh hãi. “Không. Không phải thật chứ.”

“Đó là một ý nghĩ nông nổi trong một thoáng vớ mớ thôi,” Matthew tái cam đoan với anh ta. “Tôi đã tặng người một cái cốc được phủ kín, dĩ nhiên, giống mọi người khác.”

“Đừng quên món quà của chúng ta, Henry,” Mary nói, giờ đã khá mất kiên nhẫn rồi.

Henry kéo ra một cái túi nhỏ bằng nhung và tặng nó cho tôi. Tôi lóng ngóng với mấy sợi dây và cuối cùng cũng lôi ra được một chiếc mề đay nặng trĩu bằng vàng có trọng lượng tương đương với một sợi xích. Mặt của nó là đồ chạm lộng bằng vàng nạm những viên ruby và kim cương, mặt trắng và ngôi sao của Matthew ở vị trí trung tâm. Tôi lật cái mặt lên, thở gấp trước bức vẽ tuyệt tác trên lớp men với những đóa hoa và những cành cây leo cuộn lại. Tôi cẩn thận mở cái móc ở dưới đáy, và một bức tiểu họa của Matthew đang nhìn lên tôi.

“Ông Hilliard đã vẽ phác họa sơ sơ khi anh ấy ở đây. Vào dịp nghỉ lễ này ông ấy bận rộn đến nỗi trợ lý Isaac của ông ấy phải giúp hoàn thành bức vẽ,” Mary giải thích.

Tôi nâng niu bức tiểu họa trong tay mình, nghiêng nó sang bên này rồi lại bên kia. Matthew được vẽ như khi anh ở nhà làm việc đêm khuya trong phòng làm việc xa phòng ngủ. Chiếc áo sơ mi mở cổ và được viền bằng tên, anh đón ánh nhìn say đắm của người xem bằng một cái nhướn lông mày bên phải trong dáng vẻ quen thuộc kết hợp giữa sự nghiêm túc và bộ dạng hài hước châm chọc. Mái tóc đen được chải ngược từ trán ra sau trong một kiểu lộn xộn đặc trưng, và những ngón tay thon dài của bàn tay trái thì nắm một cái mặt mề đay. Một hình ảnh gợi tình và bộc trực đến kinh ngạc với thời đại này.

“Cô thích chứ?” Henry hỏi.

“Tôi yêu nó,” tôi đáp, không thể ngừng nhìn chăm chăm vào kho báu mới của mình.

“Isaac khá hơn... dám đương đầu với sự sáng tạo hơn ông chủ của anh ta, nhưng khi tôi bảo với anh ta nó là một món quà cưới, thì anh ta thuyết phục tôi rằng một cái mặt mề đay như thế sẽ lưu giữ một bí mật đặc biệt của người vợ và có thể tiết lộ cho người đàn ông bí mật hơn là công khai.” Mary nhìn qua vai tôi. “Nó thật là một bức chân dung tuyệt đẹp, nhưng tôi ước gì ông Hilliard biết cách bắt được dáng vẻ cái cằm tốt hơn.”

“Nó hoàn hảo mà, tôi sẽ luôn luôn nâng niu nó như báu vật.”

“Cái này là cho anh,” Henry nói, đưa cho Matthew một cái túi tương tự. “Hilliard cảm thấy anh có thể trưng nó ra cho người khác thấy và đeo nó khi vào triều, vậy nên nó có phần à... thận trọng hơn.”

“Cái mặt mề đay Matthew đang cầm trong đó là bức tiểu họa của tôi à?” Tôi hỏi, chỉ vào viên đá màu sữa ngà đặc biệt đặt trong một cái khung bằng vàng đơn giản.

“Anh tin vậy,” Matthew nhẹ nhàng đáp. “Nó là một viên đá mặt trăng ư, Henry?”

“Một mẫu vật cổ xưa,” Henry tự hào nói. “Nó ở trong những đồ vật quý hiếm của tôi đấy, và tôi muốn anh có nó. Mọi người xem, hình ảnh chạm chìm của nữ thần Diana.”

Bức tiểu họa bên trong còn đáng trân trọng hơn, nhưng thật kinh ngạc ở sự gần gũi của nó. Tôi đang mặc một chiếc váy dài màu nâu đỏ viền nhung đen. Một cái cổ áo xếp nếp tinh tế đóng khung khuôn mặt tôi nhưng không phủ những viên ngọc trai sáng dưới cổ. Mái tóc tôi buông xõa tự do qua hai vai và lưng tôi với những lọn quăn màu đỏ vàng kim hoang dại.

“Nền xanh lam phía sau làm nổi bật đôi mắt của Diana. Và khuôn miệng cô ấy mới thật sống động.” Matthew cũng bị choáng ngợp trước món quà này.

“Tôi đã nhờ làm một cái khung,” Mary nói, ra hiệu cho Joan, “để bày khi chúng không được đeo trên người.” Nó là một chiếc hộp nông, với hai hình oval đặt thành hốc được bao quanh bằng nhung đen. Hai bức tiểu họa vừa khít hoàn hảo bên trong và làm tăng thêm nổi bật cho cặp tranh chân dung.

“Mary và Henry thật tâm lý khi tặng chúng mình một món quà như thế,” Matthew nói sau đó, khi chúng tôi đã về đến Hươu Đực và Vương Miện. Anh vòng hai cánh tay ôm lấy tôi từ phía sau và đặt hai bàn tay trên bụng tôi. “Anh thậm chí còn không có thời gian để một bức hình của em. Anh chưa bao giờ tưởng tượng được rằng chân dung đầu tiên của em mà anh sở hữu lại được Nicholas Hilliard vẽ.”

“Những bức chân dung tuyệt đẹp,” tôi nói, để tay mình phủ lên hai tay anh.

“Nhưng...?” Matthew kéo người ra và nghiêng đầu.

“Những bức tiểu họa do Nicholas Hilliard được săn tìm, Matthew ạ. Chúng sẽ không biến mất khi chúng ta biến mất. Và chúng quá tinh xảo, em không nỡ phá hủy sau khi chúng mình rời đi.” Thời gian giống như chiếc cổ áo xếp nếp của tôi: nó bắt đầu như một tấm vải dẹt mềm mại, thẳng thớm. Rồi nó bị xoắn lại, bị cắt rồi tạo thành mắt sau gập đôi cả chính nó. “Chúng ta vẫn liên kết với quá khứ theo những con đường sẽ để lại dấu vết mờ nhạt đâu đó ở hiện tại.”

“Có lẽ đó là điều chúng ta đã được định để thực hiện,” Matthew gợi ý. “Có thể tương lai phụ thuộc vào nó.”

“Em không hiểu làm cách nào.”

“Không phải bây giờ. Nhưng có thể chúng mình sẽ nhìn lại vào một ngày nào đó và phát hiện ra nó là những bức tiểu họa được làm ra hoàn toàn khác.” Anh tùm tùm cười.

“Vây hãy tưởng tượng cuốn Ashmole 782 đang tìm kiếm sẽ thế nào.” Tôi ngược lên nhìn anh. Nhìn những cuốn sách về thuật giả kim được trang trí rực rỡ của Mary lại khiến tôi nghĩ đến cuốn sách bí ẩn và sự tìm kiếm vô vọng của chúng tôi. “George đã không may mắn khi tìm kiếm ở Oxford, nhưng nó phải ở đâu đó trên nước Anh này. Ashmole đã kiếm được cuốn cổ thư từ người nào đó. Thay vì tìm kiếm cuốn sách, chúng ta nên tìm người đã bán nó cho ông ta.”

“Thời đại cổ thư lưu thông đều đặn. Ashmole 782 có thể ở bất cứ đâu.”

“Hoặc nó có thể ở ngay đây,” tôi khẳng định.

“Có lẽ em đúng,” Matthew đồng ý. Nhưng tôi nói rằng tâm trí anh đang đặt ở những mối bận tâm hiện thời hơn là cuốn sách hay lãng tránh của chúng tôi. “Anh đã cử George ra ngoài để hỏi thăm những người bán sách.”

Tuy nhiên, mọi ý nghĩ về Ashmole 782 bay biến mất vào sáng hôm sau khi một lời nhắn của dì Annie đến nơi, bà đỡ thành công nổi tiếng. Bà đã quay lại London.

“Phù thủy này sẽ không đến ngôi nhà của một weathr kiêm gián điệp khét tiếng,” Matthew thông báo sau khi anh đọc nội dung bức thư. “Chồng bà ấy phản đối kế hoạch này, vì sợ nó sẽ phá hủy danh tiếng của ông ta. Chúng ta sẽ đến nhà bà ấy ở gần nhà thờ Thánh James trên đồi Garlic.” Tôi không phản ứng, Matthew cau có và tiếp tục. “Nó ở phía bên kia thành phố, trong khoảng cách nhử nước miếng là tới từ chỗ hang ổ của Andrew Hubbard.”

“Anh là ma cà rồng,” tôi nhắc nhở anh. “Bà ấy là phù thủy. Chúng ta được cho là không thể hòa hợp. Chồng của phù thủy này đúng khi cẩn trọng.”

Dù thế nào, Matthew khẳng khái tháp tùng Annie và tôi băng qua thành phố. Khu vực quanh nhà thờ Thánh James phần thịnh hơn khu Blackfriars, với những con phố rộng rãi, được giữ gìn tốt, những ngôi nhà lớn, cửa hàng bận rộn, và một sân nhà thờ ngăn nắp, gọn gàng. Annie dẫn chúng tôi đi vào một con ngõ bên kia nhà thờ. Dù tối tăm, nhưng nó vẫn gọn gàng.

“Ở kia kìa, ông Roydon,” cô gái nói. Cô bé hướng sự chú ý của Matthew tới tấm biển có hình một cái cối xay gió trước khi phóng lên trước Pierre để báo cho người nhà chúng tôi đã tới.

“Anh không phải ở lại đâu,” tôi bảo Matthew. Lần viếng thăm này đã đủ căng thẳng mà không cần có anh quần quanh và gặm gào ở đó.

“Anh sẽ không đi đâu cả,” anh đáp không gì lay chuyển.

Chúng tôi gặp ở cửa một phụ nữ có khuôn mặt tròn trịa với cái mũi hếch, một cái cằm mềm mại, và đôi mắt cùng mái tóc nâu đậm. Gương mặt bà bình thản, mặc dù đôi mắt ánh lên tia bức bối. Bà ta đã chặn Pierre dừng lại. Chỉ có Annie được chấp nhận vào nhà và đứng một bên trên lối cửa trông mắt hết tinh thần trước tình thế bế tắc này.

Tôi cũng dừng lại, miệng há ra vì ngạc nhiên. Dì của Annie là hình ảnh giống y hệt Sophie Norman, yêu tinh trẻ tuổi mà chúng tôi đã vẫy tay chào tạm biệt ở ngôi nhà Bishop tại Madison.

“Dieu,” Matthew lẩm bẩm, nhìn xuống tôi trong dáng vẻ ngạc nhiên.

“Dì của cháu, Susanna Norman ạ,” Annie thì thầm. Phản ứng của chúng tôi làm cô bé bất an. “Dì nói...”

“Susanna Norman ư?” Tôi hỏi, không thể rời mắt khỏi khuôn mặt bà. Tên bà và diện mạo tương tự với Sophie không thể nào là ngẫu nhiên được.

“Như cháu gái tôi đã nói. Bà có vẻ không ở đúng trong môi trường của mình, bà Roydon,” bà Norman nói. “Và ông không được chào đón ở đây, wearth ạ.”

“Bà Norman,” Matthew cúi chào.

“Các người không nhận được thư của tôi sao? Chồng tôi không muốn liên quan gì với các người cả.” Hai đứa bé trai phóng ra khỏi cửa. “Jeffrey! John!”

“Đây là hấn ta ư?” Đứa lớn hơn hỏi. Cậu nhóc quan sát Matthew với vẻ hứng thú, rồi chuyển sự chú ý sang tôi. Đứa bé này có sức mạnh. Mặc dù cậu nhóc mới chớm bước vào tuổi thiếu niên, nhưng các năng lực của nó đã có thể được cảm nhận trong tiếng rạn lách tách của một sức mạnh phép thuật chưa bị rèn giũa vào khuôn phép.

“Hãy dùng tài năng Chúa đã ban cho con, Jeffrey, và đừng có hỏi những câu hỏi ngớ ngẩn.” Nữ phù thủy nhìn tôi đánh giá. “Cô chắc chắn đã khiến Cha Hubbard ngạc nhiên và bận tâm. Rất tốt, hãy vào trong đi.” Khi chúng tôi nhích người làm theo, Susanna giơ một bàn tay lên. “Không phải ông, wearth. Việc của tôi là với vợ ông. Quán Ngỗng Non Vàng có rượu tử tế đấy, nếu ông quyết ý muốn ở gần đây. Nhưng sẽ tốt hơn cho tất cả nếu ông để cho người của ông gặp lại bà Roydon ở nhà.”

“Cảm ơn lời khuyên của bà. Tôi chắc mình sẽ tìm được thứ gì đó thỏa mãn tại quán trọ. Pierre sẽ đợi trong sân. Anh ta không ngại trời lạnh đâu.” Matthew tặng bà ta một nụ cười hung ác như sói.

Susanna trông có vẻ cáu kỉnh và quay đi thật nhanh. “Đi nào, Jeffrey,” bà gọi với qua vai. Jeffery ra lệnh cho đứa em trai, liếc mắt nhìn Matthew thích thú, rồi đi theo sau. “Khi nào bà sẵn sàng, bà Roydon.”

“Em không thể tin được,” tôi thì thầm ngay khi nhà Norman khuất khỏi tầm nhìn. “Bà ấy hẳn phải là bà cố của Sophie nhiều đời trước.”

“Sophie chắc phải là hậu duệ đời sau của Jeffrey hoặc John.” Matthew dăm chiêu vuốt cằm. “Một trong những thằng bé là mắt nổi thất lạc trong chuỗi các tình huống của chúng ta dẫn đến Kit và quân cờ bằng bạc đưa đến nhà Norman và tới Nam Carolina.”

“Tương lai thật sự đang tự chăm lo cho chính nó,” tôi nói.

“Anh nghĩ nó sẽ là thế. Còn hiện giờ, Pierre sẽ ở ngay đây và anh ở gần thôi.” Những đường nét đẹp đẽ bao quanh đôi mắt anh như sâu thêm. Anh ấy chẳng muốn ở cách xa tôi đến mười lăm phân ấy chứ.

“Em không chắc chuyện này sẽ kéo dài bao lâu,” tôi nói, nắm chặt cánh tay anh.

“Không sao cả,” Matthew đảm bảo với tôi, cọ môi anh vào môi tôi. “Hãy ở lại đây lâu như em thấy cần.”

Vào tới nhà, Annie vội vàng đón lấy áo choàng của tôi và trở về bên lò sưởi, nơi cô bé đang lom khom làm gì đó trên ngọn lửa.

“Cẩn thận đó, Annie,” Susanna nói, tiếng nói nghe có vẻ bị làm phiền. Annie đang cẩn thận nâng một cái chảo nông từ trên chiếc kiềng kim loại đặt bên trên than lửa hồng. “Con gái của bà góa Hackett yêu cầu khô ráo để giúp cho giấc ngủ của nó, và nguyên liệu này rất đắt tiền đấy.”

“Con không thể nhìn ra bà ấy, mẹ à,” Jeffrey nhìn tôi nói. Đôi mắt tinh ranh của một đứa bé còn quá nhỏ như thế khiến người ta bối rối.

“Mẹ cũng không, Jeffery, mẹ không thấy. Nhưng có lẽ đó là lý do vì sao bà ấy ở đây. Hãy đưa em con vào phòng kia đi. Và im lặng nhé. Cha con đang ngủ, ông ấy cần được yên tĩnh.”

“Vâng, thưa mẹ.” Jeffrey vơ lấy hai anh lính bằng gỗ và một con thuyền từ trên bàn. “Lần này anh sẽ để em làm Walter Raleigh thế nên em có thể thắng trận,” cậu nhóc hứa hẹn với em trai.

Susanna và Annie nhìn tôi chằm chằm trong sự im lặng tiếp sau đó. Sức mạnh mờ nhạt của Annie đã quen thuộc. Nhưng tôi chưa chuẩn bị cho những dòng truy vấn đều đặn mà Susanna hướng tới tôi. Con mắt thứ ba của tôi mở ra. Cuối cùng cũng có người nào đó khuấy động sự hiểu kỳ của phù thủy trong tôi.

“Thật không thoải mái,” tôi nói, quay đầu đi để phá vỡ sự căng thẳng trong cái nhìn chăm chú của Susanna.

“Đúng thế,” bà ta bình tĩnh nói. “Tại sao bà yêu cầu sự giúp đỡ của tôi, thưa bà?”

“Tôi bị yểm bùa thôi miên. Không phải như cháu nghĩ đâu,” tôi nói khi Annie ngay lập tức bước tránh xa tôi. “Cả bố và mẹ tôi đều là phù thủy nhưng không ai trong hai người hiểu được bản chất sức mạnh của tôi. Họ không muốn tôi gặp nguy hiểm, nên họ đã trói buộc tôi. Tuy nhiên những sợi dây trói buộc ấy đã bị lỏng, và nhiều chuyện lạ lùng đang xảy ra.”

“Chẳng hạn như?” Susanna hỏi, chỉ Annie vào một chiếc ghế.

“Tôi gọi được nước phù thủy vài lần, mặc dù gần đây thì không. Đôi khi tôi có thể nhìn thấy những màu sắc bao quanh mọi người, nhưng không thường xuyên. Và tôi đã chạm vào một quả mộc qua, nó héo quắt đi. Tôi cẩn thận không dẫm đến những cơn bộc phát phép thuật ngoạn mục của mình. Cũng không nhắc tới những sợi màu xanh lục và hổ phách kỳ quái trong các góc phòng hoặc cách mà chữ viết tay bắt đầu thoát ra khỏi những cuốn sách của Matthew và mấy con bò sát phóng ra từ đôi giày của Mary Sidney.”

“Cha hay mẹ bà là phù thủy gọi nước ư?” Susanna hỏi, cố gắng hiểu câu chuyện của tôi.

“Tôi không biết,” tôi thành thật nói. “Họ chết khi tôi còn nhỏ.”

“Có lẽ bà thích hợp hơn cả với hội đồng phù thủy. Mặc dù nhiều phù thủy ước ao sở hữu những pháp thuật thô lậu liên quan đến nước và lửa, nhưng chúng không đến dễ dàng,” Susanna nói với một thoáng tiếc nuối. Dì Sarah của tôi nghĩ các phù thủy dựa vào phép thuật có các thành tố tự nhiên là những tay tài tử. Mặt khác, Susanna có xu hướng xem bùa chú như một thứ phạm pháp. Tôi thở ra một hơi dài trước những định kiến kỳ dị này. Không phải tất cả chúng ta đều là phù thủy sao?

“Dù tôi không được dạy nhiều bùa chú. Nhưng đôi khi tôi có thể thắp sáng một cây nến. Tôi đã có thể gọi đồ vật đến với mình.”

“Nhưng bà là một phụ nữ trưởng thành mà!” Susanna nói, hai bàn tay chống nạnh. “Ngay cả Annie cũng còn có nhiều kỹ năng hơn thế, mà con bé mới chỉ mười bốn tuổi. Bà có thể pha chế bùa yêu từ thực vật không?”

“Không.” Dì Sarah đã muốn tôi học cách làm thuốc độc, nhưng tôi đã từ chối.

“Bà là một người chữa bệnh à?”

“Không.” Tôi bắt đầu hiểu vẻ mặt hăm dọa của Annie.

Susanna thở dài. “Tôi không biết tại sao Andrew Hubbard lại yêu cầu sự hỗ trợ của tôi. Tôi có khá đủ các bệnh nhân rồi, thêm một ông chồng ốm yếu và hai đứa con trai đang lớn nữa chứ.” Bà lấy một cái tô mè từ trên giá và một quả trứng vỏ nâu từ vỉ bên cửa sổ. Bà đặt cả hai thứ lên bàn trước mặt tôi và kéo ghế ra. “Ngồi đi, và kẹp hai bàn tay bà dưới đùi.”

Mù mịt không hiểu, tôi vẫn làm theo như yêu cầu.

“Annie và tôi sẽ đi đến nhà bà góa Hackett. Trong khi chúng tôi đi, bà sẽ lấy lòng trứng vào trong cái tô mà không dùng đến tay. Nó đòi hỏi phải có hai câu thần chú: một thần chú chuyển động và một phép mở đơn giản. Con trai John của tôi mới tám tuổi, và nó có thể làm chuyện đó mà không cần nghĩ ngợi gì.”

“Nhưng...”

“Nếu quả trứng không ở trong cái tô khi tôi quay trở lại thì không ai có thể giúp bà được, bà Roydon ạ. Cha mẹ bà có lẽ đã đúng khi trời bà nếu sức mạnh của bà quá yếu đến mức không thể làm nứt một quả trứng.”

Annie tặng tôi một cái nhìn thương cảm khi vòng tay nâng cái chảo lên. Susanna đẩy nắp chảo. “Đi nào, Annie.”

Ngồi một mình trong phòng sinh hoạt chung của nhà Norman, tôi quan sát quả trứng và cái tô.

“Thật là ác mộng,” tôi thì thầm một mình, hy vọng mấy cậu bé ở xa không nghe thấy gì.

Tôi hít sâu một hơi và thu lại sức lực. Tôi biết nội dung của cả hai câu thần chú, và tôi muốn quả trứng di chuyển – muốn đến chết được. Phép thuật không gì hơn chính là khao khát được hiện thực hóa, tôi thầm nhủ với chính mình.

Tôi dồn niềm khao khát của mình lên quả trứng. Nó nhảy lò cò trên bàn, một lần, rồi im lìm. Tôi thầm lặp lại câu thần chú. Một lần. Một lần nữa.

Mấy phút sau kết quả duy nhất cho tất cả nỗ lực của tôi là một lớp mồ hôi lấm tấm trên trán.

Tất cả những gì tôi cần làm là nâng quả trứng lên và làm nó nứt ra. Vậy mà tôi đã thảm bại.

“Xin lỗi,” tôi thì thầm với cái bụng phẳng lì của mình. “Nếu không may, con sẽ chăm sóc cha con nhé.” Bụng tôi thót lên một cái. Khỉ thật, hồi hộp lo lắng và thay đổi hoóc-môn nhanh chóng làm ảnh hưởng tới tiêu hóa.

Có phải món gà non sáng nay bị ôi không? Tôi nghiêng đầu nhìn quả trứng. Một con gà mái tội nghiệp nào đó đã bị cướp mất gà con còn chưa nở để làm đồ ăn cho nhà Norman. Con buồn nôn của tôi dâng lên. Có lẽ tôi nên cân nhắc đến việc ăn kiêng, ít nhất là trong thời kỳ mang thai.

Nhưng có thể chẳng có chú gà con nào cả, tôi tự an ủi mình. Không phải mọi quả trứng đều được thụ tinh. Con mắt thứ ba của tôi sầm soi dưới bề mặt vỏ, xuyên qua tầng tầng lớp lớp lòng trắng trứng đang dày lên để tới lòng đỏ trứng. Lăn theo sự sống chạy vào những vệt đỏ ngang dọc trên bề mặt lòng đỏ trứng.

“Đã thụ tinh,” tôi thốt lên với một tiếng thở dài. Tôi cựa quậy hai bàn tay. Cô Em và dì Sarah đã nuôi gà một thời gian. Một con gà mái chỉ mất ba tuần để ấp trứng nở. Ba tuần lễ ấm áp và chăm sóc, và có một chú gà con. Có vẻ thật không công bằng khi tôi phải đợi tới hàng tháng trời thì bé con của chúng tôi mới nhìn thấy được ánh sáng ban ngày.

Chăm sóc và sự ấm áp. Những điều giản dị như thế, nhưng chúng lại đảm bảo cho sự sống. Matthew đã nói gì nhỉ? Tất cả những gì bọn trẻ cần là tình yêu thương, một người trưởng thành có trách nhiệm với chúng và một nơi êm ái để ngả lưng. Với những chú gà con sự thật cũng đúng là thế. Tôi hình dung cảm giác sẽ thế nào nếu được bao bọc trong bộ lông ấm áp của gà mẹ, được bao kín trong cái kén an toàn tránh khỏi va đụng bầm dập. Bé con của chúng tôi cũng sẽ cảm thấy như vậy chứ, lơ lửng tí sâu trong dạ con của tôi? Nếu không, thì có câu thần chú nào dành cho nó đây? Một câu thần chú được dệt lên từ trách nhiệm, nó sẽ bao bọc bé còn trong sự chăm sóc, sự ấm áp và tình yêu thương nhưng lại đủ dịu dàng để tặng cho bé cả sự an toàn lẫn tự do ư?

“Đó chính là khát vọng thật sự của mình,” tôi thì thầm nói.

Chiếp.

Tôi nhìn quanh. Nhiều gia đình có nuôi vài chú gà con bới mổ quanh lò sưởi.

Chiếp. Nó phát ra từ quả trứng trên bàn. Một tiếng gầy nứt, rồi một cái mở ló ra. Một cặp mắt đen láy ngơ ngác nhìn tôi từ cái đầu lơ thơ lông trơn mượt ẩm ướt.

Ai đó ở phía sau tôi thở hỗn hển. Tôi quay lại. Bàn tay Annie đưa lên bụng lấy miệng, cô bé đang nhìn chăm chập vào chú gà con trên bàn.

“Dì Susanna,” Annie thốt lên, thả bàn tay xuống. “Có phải cái đó...?” Cô bé tắt tiếng dần và không nói nên lời chỉ về phía tôi.

“Đúng thế. Đó là glaem xuất hiện từ câu thần chú mới của bà Roydon. Đi đi. Tìm Goody Alsop.” Susanna xoay cô cháu gái và dẫn cô bé về phía con đường vừa đi qua.

“Tôi đã không cho được trứng vào cái tô, bà Norman,” tôi lên tiếng xin lỗi. “Các câu thần chú không có hiệu quả.”

Chú gà con vẫn còn ươn ướt bày tỏ sự phản đối, một tràng những tiếng chiếp chiếp liên tục nối tiếp nhau.

“Không hiệu quả ư? Tôi bắt đầu nghĩ bà chẳng biết gì về việc làm một phủ thủy cả,” Susanna ngờ vực đáp.

Tôi bắt đầu nghĩ bà ấy đã đúng.

Phoebe nhận thấy sự tĩnh lặng ở khu văn phòng trên phố Bond của Sotheby vẫn bị quấy nhiễu vào tối thứ Ba như hôm nay. Mặc dù đã làm việc tại nhà đấu giá London hai tuần lễ, nhưng cô ta vẫn không quen được với tòa nhà này. Mỗi âm thanh – tiếng ro ro của mấy ngọn đèn trên đầu, tiếng nhân viên an ninh kéo các cánh cửa để kiểm tra chắc chắn chúng được khóa chưa, tiếng cười xa xa vọng lại từ tivi – đều làm cô giật nảy.

Là người thâm niên ít ỏi trong bộ phận, nên Phoebe phải chịu trận đợi Tiến sĩ Whimore đến sau cánh cửa khóa chặt. Sylvia, cấp trên giám sát của cô, đã cứng rắn yêu cầu phải có ai đó gặp người đàn ông này sau vài tiếng. Phoebe nghi ngờ yêu cầu này sai nguyên tắc nhưng là một người còn chân ướt chân ráo trong công việc này cô chẳng thể làm gì hơn ngoài một sự phản đối yếu ớt.

“Dĩ nhiên cô sẽ ở lại. Ông ấy sẽ có mặt ở đây lúc bảy giờ,” Sylvia nói một cách xoa dịu, ngón tay vân vê chuỗi ngọc trai trước khi nhặt lên mấy tấm vé xem ba lê trên bàn làm việc. “Hơn nữa, cô cũng chẳng đi đâu nữa đúng không?”

Sylvia đã đúng. Phoebe chẳng đi đâu nữa cả.

“Nhưng ông ta là ai?” Phoebe hỏi. Đó là một câu hỏi hoàn toàn hợp lý, nhưng Sylvia trông như bị lãng nhục vậy.

“Ông ta từ Oxford đến và là một khách hàng quan trọng của công ty. Đó là tất cả điều cô cần biết,” Sylvia đáp. “Sotheby hãnh diện về sự cẩn mật của mình, hay cô đã bỏ lỡ phần đó trong kỳ huấn luyện hả?”

Và vậy nên Phoebe vẫn ngồi ở bàn làm việc. Cô ngóng đợi thời khắc bảy giờ hẹn ước kia. Để cho qua thời gian, cô xem các file tài liệu tìm hiểu thêm về người đàn ông này. Cô không thích gặp một người mà không biết tí ti gì về tiểu sử của họ. Sylvia có lẽ nghĩ tất cả những gì cô cần là tên và một chút hiểu biết mơ hồ về phẩm chất của ông ta, nhưng Phoebe biết chuyện đó khác cơ. Mẹ cô đã dạy cô thứ lợi khí quý giá như thông tin cá nhân có thể tạo nên điều gì khi vận dụng với những vị khách trong các bữa tiệc cocktail và các bữa ăn tối trang trọng. Phoebe không thể tìm được ngài Whimores nào trong hồ sơ dữ liệu của Sotheby, tuy nhiên, mã số khách hàng của ông ta dẫn tới một tấm thẻ giản dị trong một ngăn tủ tài liệu được khóa kín đề: “Gia đình de Clermont – hỏi ngài chủ tịch.”

Vào lúc chín giờ kém năm, cô nghe thấy tiếng ai đó ngoài cửa. Giọng nói của một người đàn ông đang cộc cằn như dây nhạc tính một cách kỳ lạ.

“Đây là việc làm viển vông thứ ba bà cử cháu đi làm trong nhiều ngày nay rồi đấy, Ysabeau. Làm ơn cố nhớ rằng cháu cũng có việc để làm. Hãy cử Alain đi vào lần tới.” Một quãng ngừng ngắn. “Bà nghĩ cháu không bận ư? Cháu sẽ gọi lại cho bà sau khi thấy chúng.” Người đàn ông thốt ra một tiếng chửi thề bị kìm nén lại. “Vì Chúa, hãy bảo trực giác của bà nghĩ giải lao đi.”

Tiếng người đàn ông đó nghe thật lạ: nửa Mỹ nửa Anh, trọng âm không gãy góc mạch lạc của anh ta gọi cho người ta thấy đây không phải là thứ ngôn ngữ duy nhất anh ta biết. Cha của Phoebe làm trong bộ ngoại giao của nữ hoàng, và giọng ông mơ hồ như thế, như thể ông là người của tứ phương.

Tiếng chuông reo, lại một hồi âm thanh nhúc óc khác khiến cô ngần ngại, bất chấp thực tế là Phoebe đang mong đợi cuộc gặp này. Cô rời khỏi bàn làm việc sải bước qua phòng. Cô đang đi một đôi giày cao gót đen, nó đáng giá cả gia tài nhưng làm cho cô trông cao hơn, và Phoebe thầm nhủ với mình, uy quyền hơn nữa. Đó là một mảnh cô học được từ Sylvia trong lần phỏng vấn đầu tiên, khi cô đi một đôi đế bệt. Sau đó cô sẽ không bao giờ xuất hiện trong dáng vẻ

“nhỏ nhắn đáng yêu” một lần nữa.

Cô nhìn qua mắt thần thấy một cái trán mịn màng, một mái tóc vàng nhếch nhác, và một cặp mắt xanh lam sáng ngời. Chắc chắn đây không phải Tiến sĩ Whitmore.

Một tiếng gõ nhẹ đột ngột trên cửa làm cô giật mình. Cho dù người đàn ông này là ai đi nữa, anh ta cũng không hề lịch sự. Bực bội, Phoebe đập một nút trên máy liên lạc nội đàm. “Vâng?” Cô nóng nảy nói.

“Marcus Whitmore đến đây để gặp Ms.Thorpe.”

Phoebe nhìn qua mắt thần lần nữa. Không thể nào. Người trẻ thế này đảm bảo sẽ thu hút sự chú ý của Sylvia. “Tôi có thể xem nhận dạng nào đó không?” Cô quả quyết.

“Sylvia đâu rồi?” Đôi mắt xanh lam nheo lại.

“Đi xem ba lê. Vở Coppélia, tôi tin là thế.” Vé của Sylvia là hạng nhất trong rạp, sự khoa trương tuyên bố đẳng cấp thương gia. Người đàn ông ở bên kia cánh cửa đập đánh bet cái thẻ ID vào mắt thần. Phoebe giật lùi lại. “Ông có thể vui lòng lùi sau một bước không? Tôi không thể nhìn thấy gì ở khoảng cách đó.” Tầm thẻ dịch chuyển ra xa cánh cửa vài centimet.

“Được chưa, cô...?”

“Taylor.”

“Cô Taylor, tôi đang bận.” Tầm thẻ biến mất, thay vào đó là cặp đèn hiệu màu xanh lam. Phoebe lại rút lùi trong sự ngạc nhiên, nhưng khi đó cô đã nhận rõ tên trên tầm thẻ và tư cách pháp lý của anh ta đối với một dự án nghiên cứu ở Oxford.

Đó là Tiến sĩ Whitmore. Một nhà khoa học thì có chuyện làm ăn gì liên quan tới Sotheby chứ? Phoebe mở chốt cửa.

Ngay khi tiếng cách vang lên, Whitmore đã luồn tiến vào. Anh ta mặc như trong một câu lạc bộ ở Soho, quần jean đen, áo phong U2 màu xám phong cách cổ điển, một đôi giày thể thao cao cổ hiệu Converse lỗ bịch (cũng màu xám). Một sợi dây da vòng quanh cổ, một nắm đồ trang trí có lai lịch không rõ ràng và không mấy đáng giá treo lủng lẳng trên đó. Phoebe vượt phăng đường viền chiếc áo cánh màu trắng tinh sạch sẽ không chệ vào đầu được của mình và nhìn anh ta về gần dữ.

“Cảm ơn,” Whitmore nói, dừng gần cô hơn mức xã giao lịch sự bình thường. “Sylvia có để lại một gói hàng cho tôi.”

“Ngài sẽ ngồi xuống chứ, Tiến sĩ Whitmore.” Cô ra hiệu về phía cái ghế trước bàn làm việc của mình.

Đôi mắt xanh lam của Whitmore di chuyển từ cái ghế sang cô. “Tôi phải ngồi ư? Chuyện này sẽ không mất nhiều thời gian đâu. Tôi chỉ đến đây để chắc chắn rằng bà nội tôi không nhầm lẫn giữa ngựa vằn và ngựa thường thôi.”

“Gì cơ?” Phoebe nhích dần từng bước về phía bàn làm việc. Có một nút báo động dưới mặt bàn, bên cạnh ngăn kéo. Nếu người đàn ông này tiếp tục cư xử bậy bạ, cô sẽ dùng đến nó.

“Gói hàng.” Whitmore vẫn nhìn chăm chú vào cô. Có một tia thích thú ánh lên trong đó. Phoebe nhận ra tia nhìn đó và khoanh hai tay phía trước nhằm làm nó đổi hướng. Anh ta chỉ vài cái hộp được lót đệm trên bàn làm việc mà không nhìn nó. “Tôi đoán là cái đó.”

“Làm ơn ngồi xuống, Tiến sĩ Whitmore. Đã qua giờ đóng cửa lâu rồi, tôi đã mệt rồi, mà vẫn còn

có giấy tờ công việc cần điền đầy đủ thì tôi mới có thể để ông kiểm tra bất cứ thứ gì Sylvia đặt trong đó.” Phoebe vớ tay lên chà xát sau gáy. Đến treo cả cổ vì cứ ngược lên nhìn anh ta. Hai cánh mũi Whitmore phập phồng, đồng tử mắt giãn ra. Phoebe nhận thấy lông mi của anh ta đậm màu hơn mái tóc vàng, dài và dày hơn cả của cô. Bất cứ người phụ nữ nào cũng sẵn sàng giết người để có bộ lông mi như thế.

“Tôi thật sự nghĩ tốt hơn hết cô nên đưa tôi chiếc hộp và để tôi làm theo cách của mình, cô Taylor.” Giọng nói cộc cằn thốt lên, gằn lại thành một lời cảnh cáo, dù Phoebe không hiểu lý do vì sao. Anh ta sắp làm gì đây, đánh cắp chiếc hộp ư? Một lần nữa cô cân nhắc đến hệ thống báo động nhưng nghĩ kỹ hơn. Sylvia sẽ giận điên nếu cô xúc phạm một khách hàng bằng cách gọi nhân viên an ninh.

Thay vào đó Phoebe bước tới bàn, cầm lên một tờ giấy và cây bút, quay lại gửi nó cho vị khách. “Tốt thôi. Tôi lấy làm vui mừng đình chỉ lại vụ này nếu ngài thích, Tiến sĩ Whitmore, mặc dù nó là một thỏa thuận không mấy dễ chịu.”

“Đó là lời đề nghị tốt nhất tôi có được dạo gần đây đây.” Khóe miệng Whitmore giật giật. “Nếu chúng ta thông qua quy trình này theo như cách của Hoyle, tôi nghĩ cô nên gọi tôi là Marcus.”

“Hoyle ư?” Phoebe đỏ mặt vươn thẳng người lên hết mức. Whitmore không phải đang nghiêm túc. “Tôi không nghĩ ông ấy làm việc ở đây.”

“Tất nhiên tôi không hy vọng điều đó.” Anh ta nguệch ngoạc ký. “Edmond Hoyle đã chết từ năm 1769 rồi.”

“Tôi mới đến Sotheby. Anh hẳn sẽ thứ lỗi nếu tôi không hiểu ngụ ý của ông.” Phoebe khịt mũi. Một lần nữa cô lại ở quá xa nút báo động ẩn dưới mặt bàn để có thể dùng đến nó. Whitmore có lẽ không phải trộm, nhưng cô bắt đầu nghĩ hẳn ta bị điên.

“Bút của cô đây,” Marcus lịch sự nói, “và mẫu điền của cô đây. Được chưa?” Anh ta dựa gần hơn. “Tôi làm chính xác những gì cô yêu cầu. Tôi cư xử rất đúng đắn đây nhé. Cha tôi đã đảm bảo điều ấy.”

Phoebe đón lấy bút và tờ giấy từ anh ta. Khi làm thế, các ngón tay cô chà vào mu bàn tay Whitmore. Sự lạnh lẽo của nó khiến cô rùng mình. Một con dấu riêng bằng vàng nặng nề trên ngón tay út của anh ta, cô để ý thấy. Nó trông như từ thời Trung cổ, nhưng chẳng có ai lại đi dạo quanh London với một chiếc nhẫn quý hiếm giá trị như thế trên tay. Nó chắc chắn là đồ nhái – dù là một món đồ nhái tốt.

Cô kiểm tra mẫu điền khi quay lại bàn làm việc. Dường như tất cả đều đúng trình tự, và nếu người đàn ông này có là một tên tội phạm nào đó đi nữa – điều này sẽ không làm cô ngạc nhiên chút nào – thì ít nhất cô cũng sẽ không bị buộc tội phá vỡ các quy định. Phoebe nâng nắp chiếc hộp lên, chuẩn bị dâng nộp nó cho Tiến sĩ Whitmore quái dị kiểm tra. Cô hy vọng sau đó có thể về nhà.

“Ồ.” Giọng cô đầy vẻ kinh ngạc. Cô đã tưởng sẽ thấy một chiếc vòng cổ kim cương huyền thoại hay một bộ ngọc lục bảo chạm lõng cầu kỳ kiểu cách theo phong cách Victoria – thứ gì đó mà bà của cô sẽ thích.

Thay vào đấy chiếc hộp lại chứa hai bức tiểu họa hình oval, được đặt trong khuôn nhưng được tạo dáng bao khít hoàn hảo lấy đường mép của chúng và bảo vệ chúng khỏi bị hư hại. Một của người phụ nữ có mái tóc dài vàng kim ánh đỏ. Một chiếc cổ áo xếp nếp đóng khung lấy khuôn mặt trái xoan của cô ấy. Đôi mắt màu xanh nhạt của cô ta nhìn thẳng vào người xem với vẻ trấn an điềm tĩnh, và khuôn miệng cong lên trong một nụ cười dịu dàng. Nền phía sau là màu xanh lam chói lọi thường thấy với một tác phẩm của thợ vẽ Nicholas Hilliard thời Elizabeth.

Bức tiểu họa kia miêu tả một người đàn ông với mái tóc đen rối bời chải ngược từ trán ra sau. Một bộ râu lộn xộn và bộ ria mép khiến ông ta trông trẻ hơn cái tuổi mà đôi mắt đen lầy gợn nên, chiếc sơ mi vải lanh cũng mở cổ, làm lộ ra da thịt trắng mịn như sữa hơn cả chiếc áo. Những ngón tay thon dài cầm một món trang sức có vẻ là từ một sợi dây chuyền dày. Phía sau người đàn ông, những ngọn lửa vàng óng đang cháy đượm bện xoắn vào nhau, một biểu tượng của đam mê.

Một hơi thở nhẹ phả vào làm tai cô ngứa ngáy. “Chúa linh thiêng.” Whitmore trông như nhìn thấy ma.

“Chúng tuyệt đẹp, phải không? Đây hẳn là bộ tiểu họa vừa mới đến. Một cặp vợ chồng già ở Shropshire tìm thấy chúng được giấu sau chiếc tủ búp phê bằng bạc của họ khi họ đang tìm chỗ cất vài món đồ mới. Sylvia tính toán chúng sẽ kiếm được giá hời.”

“Ồ, không nghi ngờ gì điều đó cả.” Marcus ấn một nút trên máy điện thoại cầm tay.

“Oui?” Một giọng nói độc đoán bằng tiếng Pháp ở đầu dây bên kia. Phoebe nghĩ đây là vấn đề rắc rối với điện thoại cầm tay. Mọi người quát thét vào đó, và bạn không có thể nghe thấy những cuộc trò chuyện riêng tư.

“Bà đã đúng về những bức tiểu họa, Grand-mère.”

Một âm thanh tự mãn thoát ra từ chiếc điện thoại. “Liệu giờ ta đã có được sự chú ý hoàn toàn của cháu chưa, Marcus?”

“Không. Và tạ ơn Chúa về điều đó. Sự chú ý hoàn toàn của cháu không tốt cho bất cứ ai cả.” Whitmore đưa mắt nhìn Phoebe và mỉm cười. Người đàn ông này thật quyến rũ, Phoebe miễn cưỡng thừa nhận. “Nhưng cho cháu vài ngày trước khi bà lại bắt cháu làm một việc vặt khác. Chỉ là bà sẵn sàng trả bao nhiêu cho chúng, hay cháu không nên hỏi?”

“N’importe quell prix.”

Giá cả không thành vấn đề. Những lời này khiến các nhà đấu giá đều vui sướng. Phoebe nhìn chăm chăm xuống mấy bức tiểu họa. Chúng thật sự phi thường.

Whitmore và bà anh ta kết thúc cuộc trò chuyện, và các ngón tay của anh chàng ngay lập tức bay lướt trên chiếc máy điện thoại, gửi đi một tin nhắn khác.

“Hilliard tin rằng các bức tiểu họa chân dung của ông ấy ngắm nhìn đẹp nhất trong sự riêng tư,” Phoebe tự lự nói ra. “Ông ấy cảm thấy nghệ thuật hội họa đặt quá nhiều những bí mật phô bày ra ngoài. Anh có thể thấy lý do vì sao. Hai người này trông giống như họ nắm giữ tất cả mọi bí mật vậy.”

“Cô đứng ở điểm đó đấy,” Marcus lẩm bẩm. Gương mặt anh ta ở rất gần, tạo cho Phoebe có cơ hội quan sát đôi mắt anh ta kỹ hơn. Chúng xanh hơn là cô lần đầu nhận thấy, thậm chí xanh hơn cả màu khoáng chất azurite – màu xanh biêng biếc – làm đậm thêm sắc màu mà Hilliard đã dùng.

Chuông điện thoại reo. Khi Phoebe vội lấy máy điện thoại để trả lời, cô nghĩ bàn tay anh ta vừa lướt xuống, chỉ trong thoáng chốc thôi, tới eo của cô.

“Hãy đưa người đàn ông đó mấy bức tiểu họa của anh ta, Phoebe.” Là Sylvia.

“Tôi không hiểu,” cô đáp người đáp. “Tôi không có thẩm quyền...”

“Anh ta đã mua toàn bộ chúng. Nguyên tắc của chúng ta là lấy được giá cao nhất có thể cho các món hàng. Chúng ta đã làm thế. Nhà Taverner sẽ có khả năng trải qua nhiều mùa thu ở Monte

Carlo nếu họ muốn. Và cô có thể nói với Marcus rằng nếu tôi lỡ mất vở diễn danse de fete, thì tôi sẽ tận hưởng lô ghế của gia đình anh ta vào các buổi diễn của mùa kế tiếp nhé.” Sylvia ngắt máy.

Căn phòng im ắng. Ngón tay Marcus Whitmore dịu dàng đặt trên khung vàng bao quanh bức tiểu họa của người đàn ông. Nó trông như một cử chỉ nhung nhớ, một nỗ lực kết nối với ai đó đã qua đời từ lâu và ẩn danh.

“Tôi hầu như tin rằng, nếu tôi nói chuyện, ông ấy có thể nghe thấy tôi,” Marcus nói vẻ khao khát.

Có điều gì đó đã sụp đổ, Phoebe không thể xác định đó là gì, nhưng thứ đặt cốc ở đây còn hơn cả việc thu về được hai bức tiểu họa của thế kỷ mười sáu này.

“Bà của anh chắc phải có một tài khoản ngân hàng dồi dào lắm, Tiến sĩ Whitmore, để ra tay hào phóng trả cho hai bức chân dung không thể nhận diện từ thời đại Elizabeth này. Vì anh cũng là khách hàng của Sotheby, tôi cảm thấy mình nên nói cho anh biết rằng anh chắc chắn đã trả hớ cho món hàng này. Một bức chân dung của nữ hoàng Elizabeth đệ nhất từ thời kỳ này có thể lên tới sáu con số với những người mua hợp lý trong căn phòng, nhưng không phải những bức này.” Xác định nhân dạng của người mẫu quyết định giá cả như thế. “Chúng ta không bao giờ biết được họ là ai. Không thể biết được sau bao nhiêu thế kỷ mờ mịt. Tên tuổi là quan trọng.”

“Đó chính là điều bà tôi nói đấy.”

“Vậy thì bà ấy ý thức được rằng không có kết luận xác đáng thì giá trị của những bức tiểu họa này sẽ có thể không bao giờ tăng lên được.”

“Thật ra,” Marcus nói, “bà tôi không cần phải lấy lại phần đầu tư của mình. Và Ysabeau sẽ thích hơn nếu không ai khác biết họ là ai.”

Phoebe cau mày trước luận điệu kỳ quái này. Có phải bà anh ta nghĩ bà ấy đã biết rõ rồi không?

“Thật vui được thực hiện vụ mua bán với cô, Phoebe, cho dù chúng ta có đình chỉ lại. Lần này.” Marcus ngừng một lát, nở nụ cười quyến rũ của anh ta. “Cô không phiền tôi gọi cô là Phoebe chứ?”

Phoebe có thấy phiền. Cô bực bội xoa cổ, gạt mái tóc đen dài chấm vai sang một bên. Ánh mắt Marcus nấn ná trên đường cong bả vai cô. Khi cô không đáp lời, anh chàng đóng hộp lại, kẹp hai bức tiểu họa dưới cánh tay, và quay đi.

“Tôi muốn mời cô bữa tối,” anh ta ôn tồn nói, dường như chẳng ý thức được những dấu hiệu không thích thú gì rõ ràng của Phoebe. “Chúng ta có thể ăn mừng vận may của nhà Taverner, cũng như phần hoa hồng đáng kể mà cô sẽ được chia với Sylvia.”

Sylvia ư? Chia hoa hồng ư? Miệng Phoebe há hốc không tin. Cơ hội sắp cô làm một điều như thế còn ít hơn không. Nét mặt Marcus sầm lại.

“Đó là một điều kiện của thỏa thuận. Bà tôi sẽ không có nó theo bất cứ cách nào khác.” Giọng anh ta cộc cằn. “Ăn tối chứ?”

“Tôi không đi ra ngoài với đàn ông lạ sau khi trời tối.”

“Vậy thì tôi sẽ đề nghị cô ra ngoài ăn tối vào ngày mai, sau khi chúng ta đã ăn trưa. Một khi cô đã dành hai giờ đồng hồ làm quen với tôi, thì tôi sẽ không còn ‘xa lạ’ nữa.”

“Ồ, anh sẽ vẫn xa lạ,” Phoebe lẩm bẩm, “và tôi không đi ăn trưa. Tôi ăn tại bàn làm việc.” Cô

nhìn đi nơi khác trong sự bối rối. Có phải cô đã nói phần đầu hơi lớn tiếng không?

“Tôi sẽ đón cô đi ăn một bữa,” Marcus nói, nụ cười rộng mở hơn. Tim Phoebe chùng xuống. Cô đã nói hơi lớn tiếng mất rồi. “Và đừng lo, chúng ta sẽ không đi xa đâu.”

“Tại sao không?” Anh ta nghĩ cô sợ anh ta ư hay không thể theo kịp sai chân của anh ta? Chúa ơi, cô ghét việc mình thấp bé.

“Tôi chỉ muốn cô biết rằng cô có thể mang những đôi giày kia một lần nữa mà không sợ gãy cổ thôi,” Marcus ngay thơ đáp. Ánh mắt anh chàng chậm rãi di chuyển từ ngón chân cô lên tới đôi giày gót thấp da đen, nấn ná ở hai mắt cá chân của cô, rồi trườn lên đường cong nơi bắp chân cô. “Tôi thích chúng.”

Người đàn ông này nghĩ mình là ai chứ? Anh ta cư xử như một tay chơi thế kỷ mười tám. Phoebe bước những bước quyết đoán về phía cửa, hai gót giày của cô tạo nên những tiếng càn cạch lạnh lùng thỏa mãn. Cô ấn nút mở khóa và giữ cánh cửa mở ra. Marcus thốt lên một âm thanh tán thưởng trong khi sai bước về phía cô.

“Tôi không nên tiến tới quá mức. Bà tôi không tán thành điều đó cũng nhiều gần bằng không tán thành việc cắt đứt một thỏa thuận mua bán. Nhưng đây là một chuyện, Phoebe.” Whitmore cúi thấp cho tới khi môi anh ta chỉ cách tai cô vài phân và hạ giọng xuống thành một lời thì thầm. “Không thích những người đàn ông đưa cô ra ngoài ăn tối và có lẽ quay trở về căn hộ của cô để làm gì đó tiếp theo, sự đúng mực và thái độ hành xử đức hạnh của cô không làm tôi sợ đâu. Ngược lại là đằng khác. Và tôi không thể ngăn mình tưởng tượng cô sẽ thế nào khi sự kiểm soát lạnh lùng đó tan chảy hết.”

Phoebe thở hắt ra.

Marcus cầm lấy tay cô. Môi anh ta áp lên da thịt cô trong khi nhìn chăm chú vào mắt cô. “Ngày mai nhé. Và hãy đảm bảo cánh cửa khóa lại phía sau tôi. Cô đã gặp đủ rắc rối rồi.” Tiến sĩ Whitmore bước lùi ra khỏi căn phòng, tặng cô một nụ cười chói lóa khác, quay người, huýt sáo rồi đi khuất khỏi tầm mắt.

Bàn tay Phoebe run rẩy. Người đàn ông đó – người đàn ông lạ lùng không tuân theo nghi thức xã giao đúng mực và đôi mắt xanh đến kinh ngạc – đã hôn cô. Ngay tại chỗ làm của cô. Không được sự chấp thuận của cô.

Và cô đã không tát anh ta, điều mà những cô gái có giáo dục tử tế của các nhà ngoại giao được dạy phải làm.

Cô quả thực gặp rắc rối rồi.

“Liệu tôi có đúng không khi gọi bà, Goody Alsop?” Susanna vặn vẹo hai bàn tay trong chiếc tạp dề của mình và nhìn tôi một cách lo lắng. “Tôi gần đây được cử đến nhà bà ấy,” bà ta yếu ớt nói. “Nếu tôi đã...”

“Nhưng cô đã không đi, Susanna.” Goody Alsop quá già và gầy gò đến nỗi làn da bà ta như bám dính vào xương hai bàn tay và cổ tay. Giọng bà phù thủy chân thành đến kỳ lạ đối với những người quá yếu đuối dễ bị cám dỗ, tuy vậy, sự thông minh ánh lên trong mắt bà ta. Người đàn bà này có lẽ đã thọ tới tám mươi tuổi rồi, nhưng không ai dám bảo bà ấy ốm yếu nhu nhược cả.

Giờ Goody Alsop đã đến, căn phòng chính trong căn hộ của nhà Norman đầy ắp người. Sau một chút miễn cưỡng Susanna đã đồng ý cho Matthew và Pierre đứng ngay bên trong cánh cửa, miễn là họ không chạm vào bất cứ thứ gì. Jeffrey và John thì phân chia sự chú ý của mình vào mấy ma cà rồng và chú gà con, giờ nó đang an toàn nằm ổ trong cái mũ lưới chai của John cạnh lò sưởi. Bộ lông của nó đang bắt đầu trở nên xơ xộp trong không khí ẩm áp, và ớn phước, nó đã ngừng kêu chiếp chiếp. Tôi ngồi trên một cái ghế đẩu bên lò sưởi cạnh Goody Alsop, người đang chiếm dụng chiếc ghế bành duy nhất trong căn phòng.

“Để ta nhìn cô cái nào, Diana.” Khi Goody Alsop vươn tay hướng tới mặt tôi, y như bà góa Beaton và Champier đã làm, tôi bèn co rúm người lại. Bà phù thủy dừng lại cau mày. “Gì thế, con gái?”

“Một phù thủy ở Pháp đã cố đọc trên da tôi. Nó có cảm giác như những con dao nhỏ vậy,” tôi nhỏ giọng giải thích.

“Nó sẽ không hoàn toàn dễ chịu – kiểm tra gì thế? – nhưng nó đáng lẽ không đau đâu.” Các ngón tay bà khám phá từng đường nét của tôi. Hai bàn tay bà lão mát dịu và khô ráo, các mạch máu nổi rõ trên làn da đồi mồi và ngoằn ngoèo trên những khớp xương. Tôi thấy một cảm giác hơi tọc mạch thái quá, nhưng không có gì giống như đau đớn mà tôi đã trải nghiệm với hai bàn tay của Champier.

“A,” bà lão hít thở khi chạm vào làn da mịn màng trên trán tôi. Con mắt phù thủy của tôi, thứ đã sa vào trạng thái ì trệ đáng thất vọng vào khoảnh khắc Susanna và Annie tìm thấy tôi cùng với chú gà con, đã mở ra hoàn toàn. Goody Alsop là một phù thủy hiểu biết đáng nể.

Nhìn vào con mắt thứ ba của Goody Alsop, tôi bị ném lao vào một thế giới sắc màu. Cố gắng hết mức tôi có thể, những mạng sợi dệt tươi sáng từ chổi phân giải thành điều gì đó có thể nhận dạng được, mặc dù tôi một lần nữa cảm thấy viễn cảnh giày vò mà chúng có thể bị dùng đến theo cách nào đó. Sự tiếp xúc của Goody Alsop râm ran nhói nhói như thế bà thăm dò cơ thể và tâm trí tôi bằng thị giác thứ hai của bà, năng lượng ép ra xung quanh bà trong một sắc vàng cam nhuộm đỏ tía. Trong trải nghiệm hữu hạn của tôi, không có ai từng biểu lộ sự kết hợp màu sắc đặc biệt thế. Bà lão một chốc lại tặc lưỡi, thốt ra một hai âm thanh tán thành.

“Bà ta là một kẻ lạ lùng, đúng không ạ?” Jeffrey thì thầm, ngó qua vai Goody Alsop.

“Jeffrey!” Susanna thở gấp, xấu hổ trước hành vi của cậu con trai. “Bà Roydon, nếu con vui lòng nhớ.”

“Được rồi, bà Roydon là một kẻ lạ lùng,” Jeffrey nói, không hề tỏ ra hối lỗi. Cậu nhóc chống hai tay vào đầu gối và cúi gằm lại.

“Cháu thấy được gì, Jeffrey trẻ tuổi?” Goody Alsop hỏi.

“Bà ấy – bà Roydon – là tất cả sắc màu của cầu vồng. Con mắt phù thủy của bà ấy màu xanh

lam, mặc dù phần còn lại của bà ấy màu xanh lá cây, giống nữ thần. Và tại sao lại có một cái vành màu đỏ đen ở đó ă?” Jeffrey chỉ vào trán tôi.

“Đó là dấu ấn của wreath,” Goody Alsop nói, đưa ngón tay xoa lên nó. “Nó cho chúng ta biết bà ấy thuộc về gia đình ông Roydon. Bất cứ khi nào cháu nhìn thấy cái này, Jeffrey ạ – và nó khá là hiếm đấy – cháu phải để ý nó như một sự cảnh báo. Wearth đã tạo ra nó sẽ không hài lòng nếu cháu đụng chạm vào sinh vật máu nóng mà hắn đã tuyên bố quyền làm chủ.”

“Nó có đau không ạ?” Đứa nhỏ thắc mắc.

“Jeffrey!” Susanna lại gào lên. “Đừng hỏi linh tinh làm phiền Goody Alsop.”

“Chúng ta sẽ đối mặt với một tương lai đen tối nếu lũ trẻ thôi không đặt câu hỏi nữa đấy, Susanna,” Goody Alsop nhấn mạnh.

“Máu của wearth có thể chữa lành, nhưng nó không gây hại,” tôi nói với cậu bé trước khi Goody Alsop có thể trả lời. Không cần phải có một phù thủy trưởng thành khác dọa cho cậu bé sợ trước những gì nó không hiểu. Ánh mắt tôi chuyển tới Matthew, người có quyền tuyên bố về tôi còn sâu sắc hơn cả lời thề bằng máu của cha anh. Matthew sẵn lòng để cuộc kiểm tra của Goody Alsop tiếp tục – vào lúc này – nhưng mắt anh chưa bao giờ rời khỏi người phụ nữ đó. Tôi gom một nụ cười, và miệng anh mím chặt thêm đáp lại.

“Ồ.” Jeffrey thốt lên êm ái vui thích trước mẩu tin tức này. “Bà có thể tạo ra glaem một lần nữa không, bà Roydon?” Trước sự chán nản, các cậu bé nhớ nhung màn thi triển năng lượng phép thuật.

Goody Alsop đặt một ngón tay xương xẩu lên vết lõm trên môi Jeffrey, khiến cậu bé im lặng một cách hiệu quả. “Ta cần nói chuyện với Annie bây giờ. Sau khi xong, người của ông Roydon sẽ đưa cả ba đứa tới bờ sông. Khi cháu quay lại, cháu có thể hỏi ta bất cứ điều gì cháu thích.”

Matthew nghiêng đầu về phía cửa, và Pierre đón lấy trách nhiệm với hai chàng trai trẻ, sau khi đưa mắt nhìn đề phòng về hướng bà lão, anh ta mang chúng xuống lầu dưới. Giống Jeffrey, Pierre cần vượt qua nỗi sợ hãi với các sinh vật khác người khác.

“Cô bé đâu rồi?” Goody Alsop hỏi, ngoái đầu lại.

Annie len lén tiến tới. “Đây ạ, thưa Goody.”

“Hãy nói cho chúng ta sự thật, Annie,” Goody Alsop nói bằng giọng kiên quyết. “Cháu đã hứa gì với Andrew Hubbard?”

“Kh... không gì cả,” Annie lắp bắp, mắt chuyển hướng sang tôi.

“Đừng nói dối, Annie. Đó là tội lỗi,” Goody Alsop mắng. “Nói ra đi.”

“Cháu sẽ nhận tin nếu ông Roydon có kế hoạch rời London. Và Cha Hubbard cử một người đến khi bà và ông vẫn còn trên giường để hỏi cháu chuyện đang diễn ra trong nhà.” Lời lẽ của Annie ào ào tuôn ra. Sau khi nói xong, cô bé đưa hai tay bịt lấy miệng mình như thể không tin nổi đã tiết lộ nhiều đến thế.

“Chúng ta phải hành động theo từng chữ của thỏa thuận giữa Annie và Hubbard, nếu không phải tuân theo tinh thần của thỏa thuận đó.” Goody Alsop ngẫm nghĩ một lát. “Nếu bà Roydon rời thành phố này vì bất cứ lý do nào, Annie sẽ đưa tin cho tôi trước. Hãy đợi một tiếng trước khi cháu cho Hubbard biết, Annie. Và nếu cháu nói một từ về những gì diễn ra ở đây cho bất cứ ai, ta sẽ yểm bùa trói buộc lên lưỡi cháu, một phù thủy mười ba tuổi sẽ không thể hóa giải đâu.” Annie trông kinh hãi trước viễn cảnh ấy. “Đi nhập hội với mấy cậu nhóc đi, nhưng mở tất cả cửa ra vào và cửa sổ ra trước khi cháu rời khỏi nhé. Ta sẽ báo cho cháu khi đến giờ quay về.”

Nét mặt của Annie trong khi cô bé mở cửa chớp và cửa ra vào đầy vẻ hối lỗi và khiếp sợ, tôi gửi cho cô bé một cái gật đầu an ủi. Đứa bé tội nghiệp không đủ khả năng chống lại Hubbard và đã làm những gì phải làm để sống sót. Thêm một cái nhìn khiếp sợ hơn nữa về phía Matthew, người có thái độ lạnh lùng đối với cô bé một cách rất bản năng, cô gái rời đi.

Cuối cùng, ngôi nhà yên tĩnh, luồng không khí lùa vào xoay quanh mắt cá chân và bờ vai tôi, Matthew cất tiếng. Anh vẫn đứng dựa vào cánh cửa, bộ đồ màu đen hấp thụ ánh sáng ít ỏi trong căn phòng.

“Bà có thể giúp chúng tôi không, Goody Alsop?” Giọng nói lịch sự nhã nhặn của anh chẳng hề giống với thái độ hành xử bề trên đối với bà góa Beaton.

“Tôi tin là vậy, ông Roydon,” Goody Alsop đáp.

“Xin hãy thư giãn,” Susanna nói, ra hiệu Matthew hướng tới chiếc ghế đầu gần đó. Hỡi ơi, chẳng thể nào có chuyện một người đàn ông kích cỡ như Matthew có thể thoải mái được trên một chiếc ghế đầu ba chân nhỏ bé, nhưng anh vẫn dặng chân ngồi trên đó mà không phàn nàn gì. “Chồng tôi đang ngủ trong phòng kế bên. Ông ấy không được phép nghe nói về wearth, hay cuộc nói chuyện của chúng ta.”

Goody Alsop kéo tấm vải len xám và lạnh có dính ngọc trai che cổ bà rồi rút các ngón tay ra, kéo theo thứ gì đó mong manh không thấy rõ. Bà phù thủy xòe bàn tay ra và đập nhẹ lên cổ tay mình thả ra một cái bóng vào phòng. Bản sao chính xác của bà đi vào phòng ngủ của Susanna.

“Đó là cái gì thế?” Tôi hỏi, gần như không dám thở.

“Hồn ma của tôi. Cô ấy sẽ canh chừng ông Norman và đảm bảo chúng ta không bị quấy rầy.” Môi Goody Alsop mấp máy, và luồng khí thoáng dừng ngừng lại. “Giờ thì cửa ra vào và cửa sổ đều đã được niêm kín, chúng ta sẽ không bị nghe lỏm nữa. Cô có thể thư giãn tập trung vào mục đích rồi, Susanna.”

Đây là hai câu thần chú có thể chứng minh tính hữu dụng đối với một ngôi nhà của gián điệp. Tôi mở miệng định hỏi Goody Alsop xem bà làm cách nào, nhưng chưa kịp thốt ra một tiếng, bà đã giơ tay lên và cười khúc khích.

“Cô quá hiếu kỳ so với một phụ nữ trưởng thành đấy. Tôi sợ cô sẽ thử thách tính kiên nhẫn của Susanna còn hơn cả Jeffrey nữa đấy.” Bà lão ngồi ngả ra và quan sát tôi với nét mặt vui vẻ. “Ta đã đợi cô lâu lắm rồi, Diana.”

“Cháu ư?” Tôi nghi ngờ hỏi.

“Không phải hỏi. Đã nhiều năm rồi kể từ những điềm báo đầu tiên tiên đoán sự xuất hiện của cô, và với thời gian trôi qua, một vài người trong chúng ta đã từ bỏ hy vọng. Nhưng khi các chị em ta nói về điềm xấu ở phương bắc, ta đã mong đợi cô đến.” Goody Alsop đang nhắc đến Berwick và những hiện tượng lạ lùng ở Scotland. Tôi nhòai người tới trước, sẵn sàng hỏi bà nhiều hơn, nhưng Matthew khẽ lắc đầu. Anh vẫn không chắc chắn phù thủy này có thể tin tưởng. Goody Alsop nhìn yêu cầu lặng lẽ của chồng tôi và lại khúc khích cười.

“Vậy là tôi đã đúng,” Susanna nói, thở ra nhẹ nhõm.

“Đúng, con gái. Diana quả là một thợ dệt đấy.” Lời Goody Alsop nói vang dội khắp căn phòng, có uy lực như bất kỳ câu thần chú nào.

“Đó là cái gì cơ?” Tôi thì thầm hỏi.

“Chúng tôi không hiểu lắm về tình huống hiện tại, Goody Alsop.” Matthew cầm lấy tay tôi. “Có lẽ bà nên đối xử với cả hai chúng tôi giống như Jeffrey ấy và giải thích nó như bà sẽ làm với

một đứa trẻ.”

“Diana là người tạo ra những thần chú,” Goody Alsop nói. “Những người thợ dệt chúng tôi là sinh vật rất hiếm. Đó là lý do vì sao nữ thần gửi cô đến chỗ tôi.”

“Không, Goody Alsop. Bà nhầm rồi,” tôi lắc đầu phản đối. “Tôi dở khủng khiếp với các câu thần chú. Dĩ Sarah của tôi thì rất giỏi, nhưng ngay cả dì cũng không thể dạy tôi các ngón nghề của phù thủy.”

“Dĩ nhiên cô không thể dùng thần chú của các phù thủy khác. Cô phải sáng chế ra thần chú của riêng mình.” Lời tuyên bố của Goody Alsop đi ngược lại với mọi điều tôi được dạy. Tôi nhìn bà lão trong sự kinh ngạc.

“Phù thủy học thần chú. Chúng ta không phát minh ra chúng.” Thần chú được truyền từ đời này sang đời khác, trong các gia đình và trong các thành viên hội đồng phù thủy. Chúng tôi ganh tị cạnh giữ các tri thức đó, ghi chép lại các từ ngữ và quy trình trong những cuốn bí kíp gia đình kèm theo tên của những phù thủy nắm vững phép thuật tử của họ. Hơn nữa những phù thủy có kinh nghiệm huấn luyện các thành viên trẻ trong hội đồng phù thủy để tiếp bước họ, lưu tâm đến sắc thái của mỗi câu thần chú và kinh nghiệm quá khứ của mọi phù thủy dùng nó.

“Những thợ dệt làm điều đó,” Goody Alsop đáp.

“Tôi chưa bao giờ nghe nói tới một thợ dệt,” Matthew thận trọng nói.

“Rất ít người biết. Chúng tôi là một bí mật, ông Roydon ạ, một bí mật rất ít phù thủy khám phá được, chứ không phải chỉ mình wearth không biết. Tôi nghĩ ông đã quá quen thuộc với các bí mật và cách giữ kín chúng.” Đôi mắt bà lão ánh lên vẻ chăm chọc.

“Tôi đã sống rất nhiều năm, Goody Alsop ạ. Tôi thấy khó mà tin rằng phù thủy có thể giữ kín sự tồn tại của những thợ dệt trước các sinh vật khác người kia trong suốt chừng đó thời gian.” Anh cúi. “Đây có phải là một trò chơi khác của Hubbard không hả?”

“Tôi quá già để chơi đùa rồi, ông de Clermont. Ồ, phải, tôi biết ông thật sự là ai và ông chiếm giữ vị trí nào trong thế giới của chúng tôi,” Goody Alsop nói khi Matthew tỏ ra ngạc nhiên. “Có lẽ ông không thể giấu giếm sự thật trước các phù thủy như ông vẫn nghĩ.”

“Có lẽ không,” Matthew gầm gừ cảnh cáo. Tiếng gầm gừ của anh còn làm bà lão vui thích nhiều hơn.

“Cái mảnh đó có thể dọa bọn trẻ con như Jeffrey và John cũng như lừa phỉnh các yêu tinh như gã bạn Christopher của ông, nhưng chẳng làm tôi sợ đâu.” Giọng bà lão chuyển sang nghiêm túc. “Các thợ dệt ẩn trốn bởi vì có thời chúng tôi bị truy lùng và giết chết, giống như các hiệp sĩ của cha ông vậy. Không phải mọi người đều chấp nhận sức mạnh của chúng tôi. Như ông biết rõ đấy, sẽ dễ dàng sống sót hơn khi kẻ thù của ông nghĩ ông đã chết rồi.”

“Nhưng kẻ nào sẽ làm một việc như thế, và tại sao?” Tôi hy vọng rằng câu trả lời sẽ không dẫn chúng tôi trở lại mối thù truyền kiếp giữa ma cà rồng và phù thủy.

“Không phải wearth hay yêu tinh săn lùng chúng ta, mà chính là các phù thủy khác,” Goody Alsop bình tĩnh nói. “Bọn họ sợ chúng ta bởi chúng ta khác biệt. Nỗi sợ hãi làm nảy sinh sự coi thường, rồi căm ghét. Nó là một câu chuyện quen thuộc rồi. Cũng từng có lúc các phù thủy tiêu diệt toàn bộ những gia đình để khỏi có những đứa bé lớn lên thành thợ dệt. Số ít thợ dệt sống sót đã gửi con họ đi trốn. Tình yêu của cha mẹ đối với một đứa trẻ chính là sức mạnh, cả hai người sẽ nhanh chóng khám phá ra thôi.”

“Bà biết về đứa bé,” tôi thốt lên, hai tay di chuyển tới bảo vệ trước bụng mình.

“Đúng thế.” Goody Alsop trang trọng gật đầu. “Cô đang tạo ra một tấm dệt đầy quyền năng đấy, Diana. Cô sẽ không thể che giấu nó khỏi các phù thủy khác lâu quá đâu.”

“Một đứa trẻ ư?” Mắt Susanna tròn tròn lên. “Sự hoài thai giữa một phù thủy và wearth ư?”

“Không phải là bất cứ phù thủy nào. Chỉ có những thợ dệt mới có thể tạo nên một phép thuật như thế. Đó là lý do vì sao nữ thần chọn cô cho nhiệm vụ này, Susanna, cũng như lý do cô gọi tôi đến. Cô là một bà đỡ, và tất cả kỹ năng của cô sẽ là cần thiết trong những ngày sắp tới.”

“Tôi không có kinh nghiệm giúp ích cho bà Roydon,” Susanna phản đối.

“Cô vẫn đang trợ giúp những người phụ nữ trong việc sinh nở suốt bao năm đấy thôi,” Goody Alsop nhận xét.

“Phụ nữ máu nóng, Goody, với những đứa trẻ máu nóng!” Susanna phản nộ đáp. “Không phải những sinh vật giống...”

“Wearth có tay có chân, cũng giống chúng ta thôi,” Goody Alsop cắt lời. “Ta không thể tưởng tượng đứa bé này có gì khác lạ.”

“Chỉ bởi vì nó có mười ngón tay, mười ngón chân không có nghĩa nó có linh hồn,” Susanna nói, đưa mắt nhìn Matthew nghi hoặc.

“Ta ngạc nhiên vì cô đấy, Susanna. Linh hồn của ông Roydon đây cũng trong sạch như ta và cô thôi. Có phải cô lại nghe lời chồng mình và những chuyện tầm phào của ông ta về ác quỷ trong wearth và yêu tinh không hả?”

Miệng Susanna mím chặt lại. “Nếu đúng thì sao, Goody?”

“Thế thì cô là đồ ngốc. Phù thủy nhìn thấy được sự thật một cách hiển nhiên – cho dù chồng của họ có đầy vô lý đi nữa.”

“Vấn đề không dễ dàng như bà tin là vậy đâu,” Susanna can ngăn.

“Cũng không cần thiết phải quá khó khăn. Người thợ dệt được chờ đợi từ lâu đang ở giữa chúng ta đây, và chúng ta phải lên kế hoạch.”

“Cảm ơn bà, Goody Alsop,” Matthew nói. Anh đã nhẹ nhõm khi có ai đó cuối cùng cũng đồng tình với anh. “Bà nói đúng. Diana phải học những gì cô ấy cần biết thật nhanh. Cô ấy không thể sinh đứa bé ở đây.”

“Chuyện đó hoàn toàn không phải quyết định của ông, ông Roydon. Nếu đứa trẻ được định là sinh ra ở London, vậy thì đó sẽ là nơi nó ra đời.”

“Diana không thuộc về nơi này,” Matthew nói, vội vàng bổ sung thêm, “tại London.”

“Chúa ban phước cho chúng ta, điều đó đủ rõ ràng rồi. Nhưng với tư cách là người se sợi thời gian, nên việc di chuyển cô ta tới một nơi khác cũng chẳng giúp được gì. Diana sẽ chẳng ít bị nghi ngờ hơn khi ở Canterbury hay York.”

“Vậy là bà biết các bí mật khác của chúng tôi rồi,” Matthew tặng bà lão một cái nhìn trừng trừng lạnh lẽo. “Vì bà đã biết quá nhiều, nên bà cũng phải tiên đoán được rằng Diana sẽ không trở về thời đại của cô ấy một mình. Đứa bé và cả tôi sẽ đi cùng cô ấy. Bà sẽ dạy cô ấy những gì cô ấy cần để làm điều đó.” Matthew đang gánh lấy trách nhiệm, nó có nghĩa những chuyện này sắp khiến vòng quay thường nhật của họ tệ hơn.

“Giáo dục vợ của ông giờ là chuyện của tôi, ông Roydon – trừ phi ông nghĩ mình biết nhiều hơn

tôi về việc làm một thợ dệt có nghĩa như thế nào,” Goody Alsop ôn tồn nói.

“Anh ấy biết rằng đây là vấn đề giữa các phù thủy,” tôi nói với Goody Alsop, đặt bàn tay kiểm chế lên cánh tay anh. “Matthew sẽ không can thiệp.”

“Mọi chuyện về vợ tôi đều là việc của tôi, Goody Alsop,” Matthew nói. Anh quay sang tôi. “Và đây không phải vấn đề chỉ giữa các phù thủy thôi. Không thể, nếu các phù thủy ở đây có thể quay ra chống lại bạn đời và con của anh.”

“VẬY ĐÓ LÀ PHÙ THỦY CHỨ KHÔNG PHẢI WEARTH ĐÃ LÀM CÔ BỊ THƯƠNG,” Goody Alsop khế nói. “Ta cảm thấy vết thương và biết rằng một phù thủy là một phần trong đó nhưng đã hy vọng rằng bởi vì người phù thủy này đang chữa lành những tổn thương cho cô chứ không phải gây ra nó. Thế giới đã thành cái thứ gì khi mà một phù thủy lại làm một điều như vậy với một phù thủy khác?”

Matthew gán toàn bộ sự chú ý vào Goody Alsop. “Có thể phù thủy đó cũng nhận ra Diana là một thợ dệt.”

Vừa vặn tôi không nghĩ tới Satu có thể đã biết. Căn cứ vào những gì Goody Alsop kể với tôi về thái độ của các đồng đạo phù thủy với những thợ dệt, ý tưởng Peter Knox và các bạn bè chí cốt của hắn ở Đại Hội Đồng có thể nghi ngờ tôi che giấu một bí mật như thế cũng khiến máu trong người tôi chạy đua rồi. Matthew tìm kiếm tay tôi, anh dùng cả hai tay để nắm lấy nó.

“Có thể, nhưng ta không nói chắc chắn được,” Goody Alsop nói với chúng tôi đầy tiếc nuối. “Tuy nhiên, chúng ta phải làm những gì có thể trong thời gian nữ thần ban cho để chuẩn bị cho Diana với tương lai của cô ấy.”

“DỪNG LẠI,” tôi nói, đập tay lên bàn. Chiếc nhẫn của Ysabeau phát ra tiếng kêu thanh thúy khi chạm vào mặt gỗ cứng. “Các người đều nói chuyện như thể việc làm thợ dệt này có ý nghĩa lắm vậy. Nhưng tôi thậm chí không thể thắp một cây nến. Tài năng của tôi là phép thuật. Tôi có nước, lửa – thậm chí cả lửa – trong máu mình.”

“Nếu ta có thể thấy được linh hồn của chồng cô, Diana, thì cô sẽ không ngạc nhiên là ta cũng có thể nhìn thấy được sức mạnh của cô. Nhưng cô không phải là lửa phù thủy, hay nước phù thủy, hay bất cứ thứ gì cô tin tưởng. Cô không thể ra lệnh cho các yếu tố tự nhiên này. Nếu cô đủ ngốc nghếch cố thử nó, cô sẽ bị hủy diệt.”

“Nhưng tôi gần như chết đuối trong chính nước mắt của mình,” tôi bướng bỉnh nói. “Và để cứu Matthew tôi đã giết một wearth bằng mũi tên của lửa phù thủy. Dĩ tôi đã nhận ra mùi đó.”

“Một lửa phù thủy không cần đến các mũi tên. Lửa rời khỏi cô và đến mục tiêu của nó trong tức thời.” Goody Alsop lắc đầu. “Những thứ này đơn giản chính là việc dệt sợi, con của ta ạ, tạo nên hình dáng từ nỗi đau khổ và tình yêu. Nữ thần đã ban phước lành của người cho cô, cho mượn sức mạnh cô cần nhưng tuyệt đối không để cô ra lệnh cho bất cứ thứ gì trong số đó.”

“Cho mượn chúng.” Tôi ngẫm nghĩ về những sự kiện gây nản lòng trong những tháng qua và ánh sáng lờ mờ của phép thuật sẽ không bao giờ hành động như chúng được kỳ vọng. “VẬY ĐÓ LÀ LÝ DO VÌ SAO CÁC NĂNG LỰC NÀY ĐẾN RỒI ĐI. CHÚNG KHÔNG BAO GIỜ THỰC SỰ LÀ CỦA TÔI.”

“Không phù thủy nào có thể nắm giữ quá nhiều sức mạnh trong mình mà không làm đảo lộn sự cân bằng của các thế giới. Một thợ dệt lựa chọn cẩn thận từ phép thuật quanh mình và sử dụng nó để tạo hình dáng cho thứ gì đó mới mẻ.”

“Nhưng phải có tới hàng nghìn câu thần chú đang tồn tại – chưa kể tới bùa mê và thuốc độc nữa. Không gì tôi tạo nên có thể là khởi nguồn cả.” Tôi đưa tay vuốt ngang trán, và vị trí Philippe tạo ra lời thề máu dường như lạnh lạnh khi được chạm vào.

“Tất cả thần chú đều đến từ đâu đó, Diana: một khoảnh khắc cần thiết, một sự mong đợi, một thử thách có thể không bị bắt gặp theo bất kỳ cách nào khác. Và chúng cũng đến từ ai đó.”

“Phù thủy đầu tiên,” tôi thì thầm thốt lên. Một số sinh vật khác người tin rằng Ashmole 782 chính là cuốn bí kíp đầu tiên, một cuốn sách chứa những bùa mê và phép thuật khởi thủy được người của chúng tôi sáng tạo nên. Đây lại là một sự kết nối khác giữa tôi và cuốn cổ thư bí ẩn kia. Tôi nhìn Matthew.

“Thợ dệt đầu tiên,” Goody Alsop nhẹ nhàng sửa lại, “cũng như những người nối tiếp họ. Các thợ dệt không đơn thần là phù thủy, Diana. Susanna là một phù thủy vĩ đại, với kiến thức về phép thuật của trái đất và toàn bộ sự hiểu biết cùng truyền thuyết nhiều hơn bất cứ người chị em nào của cô ấy ở London. Dù với tất cả những gì cô ấy được ban tặng, cô ấy cũng không thể dệt nên một câu thần chú mới. Cô thì có thể.”

“Tôi thậm chí không hình dung nổi bắt đầu như thế nào,” tôi nói.

“Cô đã làm nở ra chú gà con đó thôi,” Goody Alsop nói, chỉ về phía trái bóng lông vàng ươm đang ngủ.

“Nhưng tôi đang cố thử đập vỡ trứng!” Tôi phản đối. Bây giờ khi tôi đã hiểu về thuật bắn cung, tôi ý thức được chuyện này là một rắc rối. Phép thuật của tôi, giống như những mũi tên, đã trượt mục tiêu của nó.

“Hiển nhiên là không. Nếu cô chỉ đơn giản là cố làm nứt vỏ trứng, thì chúng ta sẽ được thưởng thức những chiếc bánh trứng tuyệt vời của Susanna rồi. Có điều gì đó trong tâm thức cô.” Chú gà con bày tỏ sự đồng tình, phát ra một tiếng kêu đặc biệt lớn và một tiếng chiếp rõ ràng.

Bà ấy đã đúng. Tôi quả thật đã có những ý nghĩ khác trong đầu mình: con của chúng tôi, liệu chúng tôi có thể chăm sóc cậu nhóc thật tử tế không, làm thế nào chúng tôi có thể giữ cho nó được an toàn.

Goody Alsop gật đầu. “Ta cũng đã nghĩ vậy.”

“Tôi không nói một từ nào, không thực hiện một nghi thức nào, chẳng pha chế thứ gì.” Tôi đang bám chặt vào những gì dì Sarah đã dạy về thuật phù thủy. “Tất cả những gì tôi làm là đặt ra vài câu hỏi. Chúng thậm chí cũng chẳng phải những câu hỏi hay ho đặc biệt gì cả.”

“Phép thuật bắt đầu với khát vọng. Những lời nói đến muộn hơn nhiều, rất nhiều,” Goody Alsop giải thích. “Thậm chí sau đó thợ dệt không thể luôn luôn chuyển đổi một câu thần chú thành vài dòng chữ cho các phù thủy khác sử dụng. Một vài sản phẩm dệt kháng cự lại, cho dù chúng ta có cố gắng thử bao nhiêu. Chúng là chỉ dành cho chúng ta sử dụng thôi. Đó là lý do họ sợ chúng ta.”

““Tất cả bắt đầu từ sự thiếu vắng và nỗi thèm khát,”” Tôi lẩm bẩm đọc. Quá khứ và hiện tại lại va chạm nhau khi tôi nhắc lại dòng đầu tiên của khổ thơ trong trang giấy lấy từ Ashmole 782 mà người nào đó từng gửi đến cho cha mẹ tôi. Lần này, khi các góc phòng sáng lên và làm le lói những hạt bụi li ti trong bóng của màu xanh lam và vàng kim, tôi không quay nhìn nơi khác. Cả Goody Alsop cũng thế. Anh mắt Matthew và Susanna nhìn theo chúng tôi, nhưng không ai thấy được bất cứ gì khác thường.

“Chính xác. Thấy đó, cách mà thời gian cảm nhận sự vắng mặt của cô và muốn cô quay lại để dệt cho bản thân cô đi vào cuộc sống trước đây.” Bà lão cười tươi, vỗ hai bàn tay vào nhau như thể tôi đã làm cho bà một bức vẽ hình ảnh ngôi nhà bằng bút chì màu đặc biệt đẹp để và bà dự định trưng bày nó lên cánh cửa tủ lạnh. “Dĩ nhiên, thời gian chưa sẵn sàng cho cô bây giờ. Nếu nó đã sẵn sàng, màu xanh lam sẽ sáng rực rỡ hơn nhiều.”

“Bà khiến nó nghe như có thể kết hợp phép thuật và thuật phù thủy vậy, nhưng chúng là riêng biệt mà,” tôi nói, vẫn còn thấy lúng túng. “Thuật phù thủy sử dụng thần chú, còn phép thuật là một sức mạnh được thừa kế qua một thành tố tự nhiên, giống như không khí hay lửa.”

“Ai dạy cô thứ ngớ ngẩn vô nghĩa đó thế?” Goody Alsop khịt mũi khinh thường, và Susanna trông thất kinh. “Phép thuật và thuật phù thủy chính là hai con đường mòn giao nhau trong rừng. Một thợ dệt có thể đứng ở ngã tư đường một chân giẫm trên một con đường. Cô ta có thể chiếm lấy không gian ở giữa, nơi các sức mạnh là lớn nhất.”

Thời gian phản đối sự tiết lộ này bằng một tiếng khóc thật lớn.

“Một đứa trẻ ở giữa, một phù thủy ở bên,” tôi lẩm bẩm đọc trong nỗi băn khoăn. Bóng ma của Bridget Bishop đã cảnh báo tôi về những nguy hiểm liên quan với một vị trí dễ tổn thương. “Trước khi chúng tôi đến đây, bóng ma của một trong những vị tổ tiên của tôi – Bridget Bishop – đã nói cho tôi biết đó là số phận của tôi. Bà ấy chắc đã biết tôi là một thợ dệt.”

“Cả bố mẹ cô cũng vậy,” Goody Alsop nói. “Ta có thể nhìn thấy những sợi chỉ cuối cùng còn lại trong nút trói của họ. Cha cô cũng là một thợ dệt. Ông ấy biết cô sẽ đi theo con đường của ông ấy.”

“Cha cô ấy ư?” Matthew hỏi.

“Các thợ dệt hiếm khi là nam giới, Goody Alsop,” Susanna nhắc nhở.

“Cha Diana là một thợ dệt có tài năng vĩ đại nhưng không được rèn luyện. Thần chú của ông ấy rời rạc gắn với nhau chứ không phải là một tấm dệt hoàn thiện. Dù thế, nó được làm bằng tình yêu và đã phục vụ cho mục đích của nó một thời gian dài, nó khá giống sợi dây xích đã trói cô vào với wearth của cô, Diana.” Sợi dây xích là vũ khí bí mật của tôi, mang đến cảm giác an ủi rằng tôi đã được gắn chặt vào với Matthew trong những khoảng thời gian đen tối nhất của mình.

“Briget còn nói với tôi một điều khác nữa vào đêm đó: ‘Không có con đường nào đi về phía trước mà không có anh ta ở đó.’ Bà ấy hẳn cũng đã biết về Matthew,” tôi thú nhận.

“Em chưa bao giờ kể với anh về cuộc nói chuyện này, mon Coeur,” Matthew nói nghe có vẻ tò mò nhiều hơn là bức bối.

“Ngã tư đường, các lối mòn và những lời tiên đoán mơ hồ dường như không quan trọng. Với mọi điều xảy ra sau đó, tôi đã quên rồi.” Tôi nhìn Goody Alsop. “Hơn nữa, làm thế nào tôi có thể tạo ra thần chú mà không cần biết đến nó?”

“Các thợ dệt được bao quanh bởi sự bí ẩn,” Goody Alsop bảo tôi. “Chúng ta không có thời gian để kiểm tìm câu trả lời cho tất cả mọi câu hỏi của cô bây giờ mà phải tập trung thay vì dạy cô cách xử lý với phép thuật khi nó đi lướt qua cô.”

“Sức mạnh của tôi vẫn đang không ổn định,” tôi thừa nhận, nghĩ đến trái mộc qua héo rũ và đôi giày bị phá hủy của Mary. “Tôi chưa bao giờ biết làm thế nào tiếp theo cả.”

“Đó không phải chuyện gì khác thường đối với một thợ dệt lần đầu đến với sức mạnh của bản thân. Nhưng sự tỏa sáng của cô có thể nhìn thấy và cảm nhận được, ngay cả với loài người.” Goody Alsop ngả người vào trong chiếc ghế bành và ngắm nghía tôi. “Nếu các phù thủy thấy glaem của tôi giống như Annie đã thấy, họ có thể dùng kiến thức này với các mục đích của họ. Chúng ta sẽ không để cô hay đứa trẻ sa vào nanh vuốt của Hubbard. Ta tin tưởng ông có thể xử lý Đại Hội Đồng chứ?” Bà lão nói, nhìn sang Matthew. Goody Alsop diễn giải sự im lặng của Matthew như lời đồng ý.

“Vậy thì tốt rồi. Hãy đến gặp ta vào thứ Hai và thứ Năm, Diana. Bà Norman sẽ gặp cô vào thứ Ba. Ta sẽ cử Marjorie Cooper vào thứ Tư, Elizabeth Jackson và Catherine Streeter vào thứ Sáu. Diana sẽ cần sự giúp đỡ của họ để điều hòa lửa và nước trong máu của cô ấy, nếu không cô ấy sẽ chẳng bao giờ tạo ra được cái gì hơn là hơi nước.”

“Có lẽ sẽ không khôn ngoan khi cho tất cả các phù thủy đó chia sẻ bí mật đặc biệt này, Goody,” Matthew nói.

“Ông Roydon đúng đấy. Đã có quá nhiều lời xì xào về phù thủy này. John Chandler vẫn đang lan truyền tin tức về bà ấy để lấy lòng Cha Hubbard. Chắc chắn chúng ta có thể tự mình dạy cô ấy,” Susanna nói.

“Và cô trở thành lửa phù thủy từ khi nào hả?” Goody Alsop vặn lại. “Máu của đứa bé đầy lửa. Sức mạnh của ta do nước phù thủy thống trị, còn của cô là sức mạnh của đất. Chúng ta không đủ cho nhiệm vụ này.”

“Nhóm của chúng ta sẽ lôi kéo quá nhiều sự chú ý nếu hành động theo kế hoạch của bà. Chúng ta có mười ba phù thủy, nhưng bà dự định lôi kéo năm người vào việc này. Hãy để nhóm khác đảm nhận vấn đề của bà Roydon – một nhóm ở Moorgate, hoặc có thể là Aldgate.”

“Nhóm Aldgate đã phát triển quá lớn, Susanna. Nó không thể quản lý được sự vụ của chính mình, chứ chẳng có tâm trí mà đảm nhận việc giáo dục một thợ dệt. Hơn nữa, chỗ đó quá xa không tiện cho tôi di chuyển, và bầu không khí tồi tệ do thành phố đầy sương rạch đó làm cho chứng thấp khớp của tôi càng tệ hơn. Chúng ta sẽ đào tạo cô ấy trong giáo xứ này, như nữ thần đã định.”

“Tôi không thể...” Susanna bắt đầu.

“Ta là tiền bối của cô, Susanna. Nếu cô muốn phản đối thêm nữa, cô sẽ cần phải kiếm một phán quyết từ Rede.” Bầu không khí nặng nề một cách khó chịu.

“Tốt thôi, Goody. Tôi sẽ gửi yêu cầu của mình tới Queenhithe.” Susanna dường như bị giật mình vì tuyên bố của chính mình.

“Ai là Nữ hoàng Hithe vậy?” Tôi hạ thấp giọng hỏi Matthew.

“Queenhithe là một địa danh, không phải người,” anh thì thào. “Nhưng chuyện về cây sậy này là sao?”

“Em cũng không biết,” tôi thú nhận.

“Thôi thì thăm đi,” Goody Alsop nói, lắc đầu đáng vẻ bức bối. “Với bùa phép yểm trên cửa sổ và cửa ra vào, những tiếng rì rầm của mấy người khuấy động không khí làm đau tai ta đấy.”

Một lần nữa bầu không khí lại im ắng, Goody Alsop tiếp tục. “Susanna đang thử thách uy quyền của ta trong vấn đề này. Vì ta là lãnh đạo của nhóm Garlickhythe – và đồng thời là tiền bối bề trên theo phân khu trong thành phố của Vintry – bà Norman phải trình bày trường hợp của bà ấy cho một bề trên phân khu khác ở London. Họ sẽ quyết định phương thức hành động của chúng ta, khi họ làm thế lúc nào cũng có sự bất đồng ý kiến giữa các phù thủy. Có hai mươi sáu tiền bối bề trên, và chúng ta được biết đến với tư cách là hội đồng Rede.”

“Vậy đây chỉ là vấn đề chính kiến ư?” Tôi nói.

“Chính kiến và tính thận trọng. Không có cách nào để dàn xếp cuộc tranh cãi của chúng tôi, cha Hubbard sẽ nhúng ngón tay wearth của ông ta vào sự vụ của chúng tôi nhiều hơn,” Goody Alsop nói. “Tôi xin lỗi nếu có xúc phạm ông, ông Roydon.”

“Không có xúc phạm nào cả, Goody Alsop. Nhưng nếu bà đưa vấn đề này ra với các tiền bối bề trên của bà, Diana sẽ bị cả London biết đến.” Matthew đứng lên. “Tôi không thể đồng ý chuyện đó.”

“Mọi phù thủy trong thành phố đều đã nghe nói về vợ ông. Tin tức ở đây truyền đi rất nhanh, cũng phải cảm ơn người bạn Christopher Marlowe của ông đấy,” Goody Alsop nói, nghển cổ lên để đón ánh mắt anh. “Ngồi xuống đi, ông Roydon. Bộ xương già của ta không cong lên để tiếp chuyện nổi nữa đâu.” Trước sự kinh ngạc của tôi, Matthew ngồi xuống thật.

“Các phù thủy ở London vẫn không biết cô là thợ dệt đâu, Diana, và đó mới là điều quan trọng,” Goody Alsop nói tiếp. “Dĩ nhiên hội đồng Rede sẽ được cho biết. Khi những phù thủy khác nghe nói cô được gọi tới trước các tiền bối bề trên, họ sẽ mặc định cô đang bị trừng phạt vì mối quan hệ với ông Roydon, hoặc rằng cô đang bị trói buộc theo một kiểu cách nào đó để giữ cho ông ta không thể kiếm lợi thêm thông qua máu và sức mạnh của cô.”

“Cho dù họ có quyết định thế nào, bà vẫn sẽ là giáo viên của tôi chứ?” Tôi đã quen với sự chống đối khinh miệt của các phù thủy khác và biết tốt hơn hết là hy vọng các phù thủy ở London sẽ chấp nhận mối quan hệ của tôi với Matthew. Vấn đề liệu Marjorie Cooper, Elizabeth Jackson, và Catherine Streeter (cho dù họ là ai đi nữa) có tham gia vào chế độ giáo dục của Goody Alsop hay không cũng chẳng mấy quan trọng. Nhưng Goody Alsop thì khác. Đây là phù thủy mà tôi muốn có được tình bạn và sự giúp đỡ của bà.

“Ta là phù thủy cuối cùng ở London này và là một trong ba thợ dệt được biết đến trên thế giới. Thợ dệt người Scotland Agnes Sampson nằm trong một nhà tù ở Edinburgh. Không ai thấy hay nghe nói gì về thợ dệt người Ireland từ nhiều năm nay. Rede không có lựa chọn nào khác ngoài việc để ta hướng dẫn cô.” Goody Alsop cam đoan với tôi.

“Khi nào các phù thủy sẽ họp mặt?” Tôi hỏi.

“Ngay khi có thể sắp xếp,” Goody Alsop hứa.

“Chúng tôi sẽ sẵn sàng,” Matthew cam đoan với bà.

“Có một số việc vợ ông phải tự làm, ông Roydon. Mang thai đứa bé và gặp hội đồng Rede nằm trong số đó,” Goody Alsop đáp. “Niềm tin tưởng không phải là một việc dễ dàng đối với weareth, ta biết, nhưng ông phải cố gắng vì lợi ích của cô ấy.”

“Tôi tin tưởng vợ mình. Bà đã cảm nhận được điều các phù thủy đã làm với cô ấy rồi đấy, vậy nên bà sẽ chẳng ngạc nhiên khi tôi không tin tưởng chút nào vào đồng loại của bà lúc ở bên cô ấy,” Matthew nói.

“Ông phải cố gắng thôi,” Goody Alsop lặp lại. “Ông không thể xúc phạm hội đồng Rede. Nếu ông làm thế, Hubbard sẽ phải can thiệp. Hội đồng Rede sẽ không chịu nổi thêm sự sỉ nhục đó và sẽ khăng khăng đòi lời Đại Hội Đồng dìm lú vào. Cho dù sự bất đồng của chúng ta là gì đi nữa, không ai trong căn phòng này muốn Đại Hội Đồng hướng sự chú ý tập trung vào London, ông Roydon.”

Matthew cân nhắc giải pháp cả Goody Alsop. Cuối cùng anh gật đầu. “Tốt thôi, Goody.”

Tôi là một thợ dệt.

Rất nhanh thôi tôi sẽ làm mẹ.

Một đứa trẻ ở giữa, một phù thủy ở bên, giọng nói của bóng ma Bridget Bishop thì thầm.

Cái hít hơi thật mạnh của Matthew nói cho tôi biết rằng anh đã phát hiện thấy sự thay đổi trong mùi hương của tôi. “Diana đã mệt rồi và cần về nhà.”

“Cô ấy không mệt mà sợ hãi. Thời gian dành cho lo sợ đã qua rồi, Diana. Cô phải đối mặt với việc mình thật sự là ai,” Goody Alsop nói với dáng vẻ điềm tĩnh lấy làm tiếc.

Nhưng nỗi lo lắng của tôi cứ tiếp tục dâng lên thậm chí sau khi chúng tôi đã an toàn trở về Hươu Đực và Vương Miện. Khi đã ở nhà, Matthew cởi bỏ chiếc áo khoác may chần. Anh phủ nó bao quanh người tôi, cố đẩy lùi không khí lạnh giá. Lớp vải vẫn lưu lại mùi đinh hương và quế của anh, cùng với dấu vết ám khói từ bếp lửa của Susanna và không khí ẩm ướt của London.

“Em là một thợ dệt.” Có lẽ nếu tôi tiếp tục nói thế, thực tế này sẽ bắt đầu có ý nghĩa. “Nhưng em không biết điều đó có ý nghĩa gì, hay em là ai nữa.”

“Em là Diana Bishop – một sử gia, một phù thủy.” Anh nắm lấy hai vai tôi. “Cho dù em từng là gì khác trước đây hay có thể là sau này, thì đây vẫn là em. Và em là cuộc đời anh.”

“Vợ anh,” tôi sửa lời anh.

“Cuộc đời anh,” anh lặp lại. “Em không chỉ là trái tim mà còn là nhịp đập của trái tim anh. Trước đây anh chỉ là một cái bóng, giống như cái bóng của Goody Alsop ấy.” Trọng âm của anh nhấn mạnh hơn, giọng nói trầm khàn đầy xúc cảm.

“Rốt cuộc em đáng lẽ nên nhẹ nhõm vì đã biết sự thật,” tôi nói qua hai hàm răng run rẩy trong khi leo vào giường. Cái lạnh dường như đã ngấm vào tận xương tủy tôi. “Cả đời mình, em đã thắc mắc tại sao mình khác biệt thế. Giờ em đã biết, nhưng nó chẳng giúp gì được cả.”

“Một ngày nào đó nó sẽ có ích,” Matthew hứa hẹn, gia nhập hội cùng tôi dưới chiếc chăn phủ giường. Anh vòng hai cánh tay quanh người tôi. Chúng tôi len chân vào nhau giống như những rễ cây, quấn lấy nhau. Sâu thẳm trong tôi, sợi dây xích mà bằng cách nào đấy tôi đã rên ra được từ tình yêu và nỗi niềm mong nhớ dành cho một người, bắt đầu thay đổi. Nó dày dặn và không thể bẻ gãy, được lấp đầy nhựa sống chảy không ngừng từ phù thủy sang ma cà rồng và quay trở về phù thủy. Chẳng mấy chốc tôi không còn cảm thấy bất cứ khoảng cách, chỉ còn sự dồn tụ của hạnh phúc, trọn vẹn. Tôi hít vào một hơi thở sâu, rồi lại tiếp một hơi nữa. Khi tôi thử kéo người ra, nhưng Matthew không cho.

“Anh chưa sẵn sàng buông em ra đâu,” anh nói, kéo tôi vào gần sát hơn.

“Anh còn phải làm việc mà – cho Đại Hội Đồng, Philippe, Elizabeth. Em khỏe mà, Matthew,” tôi khẳng định, mặc dù muốn ở lại trong lòng anh càng lâu càng tốt.

“Ma cà rồng tính toán thời gian khác các sinh vật máu nóng,” anh nói, vẫn không nguyện ý thả tôi ra.

“Vậy một phút của ma cà rồng là bao lâu?” Tôi hỏi, dụi dụi vào cằm anh.

“Rất khó nói,” Matthew lầm bầm. “Độ dài thời gian đôi khi nằm giữa một phút thông thường và mãi mãi.”

[69](#). Cây sậy tiếng Anh là reed, Matthew nghe nhầm Rede thành cây sậy.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>